

Tháng Tư Nghiệt Ngã

Oliver Todd

Dương Hiếu Nghĩa dịch



Contents

Lời giới thiệu của người dịch	3
Lời giới thiệu của nhà xuất bản và tác giả Olivier Todd	5
Lời tựa	6
Một vài mốc thời gian trước năm 1975	10
Chương 1 Hà Nội – Sài Gòn : 1789 km	13
Chương 2 Phước Long: Trời cũng phải nhỏ lệ.....	22
Chương 3 Những bức thư của ông Nixon	38
Chương 4 Ngọn lửa đấu tranh của Hà Nội.....	49
Chương 5 Lưỡi rìu và gốc cây.....	62
Chương 6 Những người đang ngủ đứng !	73
Chương 7 Long Mạch	81
Chương 8 Chiến dịch 275.....	97
Chương 9 “Đầu teo đít to”	112
Chương 10 Con đường 7B	128
Chương 11 Mạc Tư Khoa và Bắc Kinh.....	146
Chương 12 Đà Nẵng thất thủ.....	169
Chương 13 Ba Sọc Đỏ.....	189
Chương 14 Màng chi một cây kim, một sợi chỉ ?	207
Chương 15 Tiếng cu kêu	220
Chương 16 Cài hoa trên vành tai.....	233
Chương 17 Lượm đá lấp biển.....	249
Chương 18 Giờ của Dương Văn Minh.....	280
Chương 19 Bán hạ giá 50 phần trăm.....	294
Chương 20 Cùng là anh em một nhà.....	307
Chương 21 Ngày 29/4: Hãy Tắt Hết Đèn.....	320
Chương 22 30 tháng tư : Hoa Sen Cuối Cùng.....	341
Chương 23 Đập đá vá trời	363

Lời giới thiệu của người dịch

Đối với người dân Miền Nam Việt Nam, ngày 30/4 là một ngày dài, bi thảm! Tuy quân dân Miền Nam đã chiến đấu rất anh dũng để bảo vệ đất nước đến giờ phút cuối cùng, nhưng hầu hết Quân Dân Cán Chính Miền Nam vẫn chưa hiểu được

Tại sao TA mất nước ?

Dĩ nhiên phải có những nguyên nhân xa, nguyên nhân gần với những hậu quả chánh trị và quân sự của nó, phải có những lý do chủ quan và khách quan dẫn tới ngày 30/4/75.

Cho dù may mắn chạy thoát được nhanh vuốt của bọn quỷ đồ trước hay sau ngày bộ đội Miền Bắc dùng chiến xa T.54 của Liên Xô ủi sập hai chữ “Độc Lập” của Miền Nam Việt Nam, hay không may mắn hơn phải bị cộng sản lừa đi lao động khổ sai hằng chục năm dài đau khổ từ biên giới Trung Quốc đến mũi Cà Mau, gần như hầu hết quân dân cán chính chúng ta sau giây phút bàng hoàng ngỡ ngàng chiều ngày 30/4 với sự có mặt của anh bộ đội Miền Bắc ngay tại Saigon, tất cả đều đã giải đoán sai hết về câu hỏi

Tại sao chúng TA mất nước ?

Có hơn “một ngàn lẻ một” câu trả lời: “Tại, Bị, Song le, Vì bởi, Lẽ ra “ ... v.v. và v.v.. nhưng tôi nghĩ là chúng ta mỗi người ở mỗi vị trí khác nhau, như người mù chỉ được người ta cho sờ có mỗi một bộ phận nào đó của con voi thôi thì làm sao người đó tả lại đúng hình dáng và kích thước của con voi được ?

Do đó lần lượt chúng tôi xin được giới thiệu với độc giả một vài tác phẩm mà hôm nay là quyển “Tháng Tư Nghiệt Ngã” (nguyên tác: “CRUEL AVRIL”) của tác giả người Pháp: Olivier Todd.

Tác phẩm này được xuất bản vào tháng 11 năm 1987 tại Pháp.

Tác giả là một phóng viên, một nhà báo có tên tuổi đã từng cộng tác với các tờ báo lớn ở Hoa Kỳ và Pháp, nên đã theo dõi được gần hết các biến cố chánh trị, quân sự cũng như xã hội tại hai miền Nam Bắc trong suốt cuộc chiến ở Việt Nam.

May mắn hơn ông còn có nhiều liên hệ mật thiết với các bạn đồng nghiệp Pháp, Mỹ, Liên Xô, Đông Âu, và ngay cả Việt Nam : Việt Nam Cộng Hòa, cộng sản Bắc Việt và MTGPMN. Nhờ đó tác giả có cái nhìn bao quát hơn, thấy rõ hơn chúng ta mọi nguyên nhân xa gần nhất là về chánh trị và hậu quả của từng sự việc, đặc biệt theo sát được diễn biến của tình hình quân sự ở Miền Nam trong suốt thời gian 4 tháng đầu năm 1975.

Đặc biệt hơn nữa là trước 75, tuy không thuộc hẳn thành phần chống chiến tranh như Jane Fonda hay Ngô công Đức, nhưng ông có tư tưởng tự do phóng khoáng nên ít hay nhiều bị ảnh hưởng của chiến dịch tuyên truyền quy mô, dai dẳng và có hiệu quả của tập đoàn cộng sản quốc tế hỗ trợ cho cộng sản Bắc Việt, nên ông đã có một cái nhìn thiện cảm về “nền hòa bình” mà cộng sản Việt Nam đã vẽ ra và đòi hỏi để lấy đó làm chiêu bài dối gạt dư luận quốc tế về mục tiêu của cuộc chiến xâm lăng của họ, một cái nhìn khác hơn cái nhìn thực tế của chúng ta là những người trong cuộc, đã và đang ra sức chống lại làn sóng xâm lăng của cộng sản quốc tế mà CSVN chỉ là một đạo quân tiền phong.

Giống như vợ chồng nữ tài tử Jane Fonda và các nhóm người “chống chiến tranh đòi hòa bình”, về sau này tác giả may mắn thấy được thế nào là “hòa bình” kiểu xã hội chủ nghĩa qua sự thật trần trụi được phơi bày rõ ràng trước cả thế giới, từ thái độ đến hành động của cộng sản đối

với người dân Miền Nam Việt Nam trong hơn một thập niên sau khi Sai Gon thất thủ năm 1975, ông chợt nhận ra sự thật phũ phàng, tuy có hơi muộn.

Từ đó ông có một lăng kính khác hẳn với quyển “Cruel Avril” mà chúng tôi tạm dịch là “Tháng Tư Nguyệt Ngã” xuất bản năm 1987, ông thấy rõ nguyên nhân sâu xa và thâm kín của cuộc chiến xãm lãng bạo tàn do cộng sản tạo dựng ra ở Việt Nam, thấy được hậu trường chánh trị của cả phe cộng sản từ Chánh Phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa ở Miền Bắc đến công cụ tay sai của họ là Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam và cái gọi là Chánh Phủ Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam. Nhờ đó ông cũng đã thấy được nỗ lực chống cộng sản và chánh nghĩa sáng ngời của quân dân cán chính Miền Nam nên quyển sách này rất có giá trị về mặt lịch sử, một lịch sử suốt chiều dài của hậu bán thế kỷ 20 mà cộng sản Bắc Việt đang cố ra sức bẻ cong, viết theo chiều hướng “yêu nước” và “anh hùng dân tộc” của họ, hầu che đậy kỹ và chạy tội với hậu thế hành động bán nước hại dân, làm tay sai cho đê tam quốc tế cộng sản

Chúng tôi xin chân thành giới thiệu tác phẩm này với các bạn “yêu nước mà không yêu xã hội chủ nghĩa” ở hải ngoại cũng như ở trong nước, nhất là đồng bào ở Miền Nam Việt Nam của chúng ta, để trả lời cho hàng ngàn thắc mắc có khi đến giờ này vẫn không hiểu ” Tại sao ta mất nước “

Văn của tác giả Olivier Todd là lối văn phóng sự của một nhà báo và đôi khi của một nhà bình luận chánh trị, nên có nhiều đoạn chúng tôi phải đọc đi đọc lại nhiều lần mới nắm được ý chính của tác giả. Dù vậy, chúng tôi cũng cố gắng với số vốn nghèo nàn về Pháp văn của mình trong công tác chuyên ngữ, vừa giúp độc giả thấy được và nắm được từng sự việc, sự kiện lịch sử để giải tỏa thắc mắc của mình, nếu có, vừa ghi lại những sự kiện chánh trị cũng như quân sự có liên quan đến lịch sử trước và trong ngày mất Miền Nam Việt Nam 30/4/1975, cốt không để cho cộng sản Việt Nam bóp méo được lịch sử theo ý đồ bất chính đến ma giáo của họ.

Chúng tôi xin chân thành đón nhận tất cả những ý kiến xây dựng và sửa chữa của quý độc giả xa gần để bản dịch ngày càng chính xác hơn, trước khi xuất bản.

Người dịch: Dương hiểu Nghĩa

Lời giới thiệu của nhà xuất bản và tác giả Olivier Todd

30 tháng 4 năm 1975: Một ngày lịch sử đen tối của thế kỷ 20, một ngày không bao giờ quên được đối với tất cả đồng bào Miền Nam Việt Nam.

Ngày đó “quân đội nhân dân” Miền Bắc của chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (bộ đội Bắc Việt) tiến vào Sai Gon.

Ngày đó coi như cuộc chiến 30 năm chấm dứt, một cuộc chiến dai dẳng mà cộng sản Việt Nam theo đuổi bằng mọi giá, dưới chiêu bài “đánh Pháp giành độc lập”, và “chống Mỹ cứu nước” nhằm đuổi họ ra khỏi bán đảo Đông Dương .. bất chấp sự chết chóc, đau thương thống khổ của người dân Việt, để cuối cùng dâng trọn đất nước Việt Nam cho Liên Xô, một pháo đài trung ương của vùng Đông Nam Châu Á ...

Ba tháng cuối cùng của tấn bi kịch lịch sử hiện đại này được tác giả Olivier Todd tường thuật đầy đủ một cách sống động và độc giả sẽ nhận diện được từng nhân vật bị lôi cuốn hằng ngày theo biến cố này, và từng sự việc có liên quan đến tình hình chính trị quốc gia và quốc tế.

Ông Olivier Todd, sanh năm 1929 tốt nghiệp đại học Sorbonne (Pháp) và Cambridge, Belligue (Anh) là cộng sự viên của đài BBC, của tuần báo Times, Newsweek (Mỹ), là một phóng viên của tờ Nouvel Observateur (Pháp), là tổng biên tập viên của tờ l'Express (Pháp) và là tác giả của nhiều tiểu thuyết có giá trị như : “L'année du crabe” (Năm con cua) hay “Les canards de Ca Mau” (Vịt Cà Mau) v.v.. Ông là một sử gia hiện đại, một trong rất ít nhà báo Tây Phương may mắn theo dõi sát được cuộc chiến từ Hà Nội, Saigon đến vùng bung biển của Việt Cộng. Rất quen thuộc Việt Nam và nhiều thủ đô của các quốc gia khác ông sẽ đưa độc giả đến các chiến trường sôi động như Phước Long, Kontum, Pleiku, Huế, Đà Nẵng, từ các vùng ngoại ô đến trung tâm Saigon, Washington, Moscou và Paris. .. đến gặp tất cả những nhân vật sống, đang hoạt động lúc bấy giờ, từ Nguyễn văn Thiệu đến Gerald Ford, Kissinger, Võ nguyên Giáp, Phạm văn Đồng, Dương văn Minh v.v... , từ các chiến binh đến những nạn nhân đau khổ của chiến cuộc... Và cuối cùng đến thăm trạng ngày 30/4/75...

Do đó “Tháng Tư Nghiệt Ngã” sẽ được xem như một bản tường thuật đầy đủ và chính xác nhất về những ngày khủng khiếp dẫn tới ngày 30/4/75, ngày báo hiệu cho một màn đêm dài vô tận và còn khủng khiếp hơn nữa cho dân tộc Việt Nam .

Nhà xuất bản Robert Laffont – Paris

Lời tựa

Quyển sách này mô tả những tấn thảm kịch của loài người, những toan tính ngoại giao, những chiến lược quân sự và những vận dụng chánh trị từ Hà Nội đến Hoa thành Đồn xuyên qua Mạc tư Khoa, Balê.. và nhiều thành phố khác, để cuối cùng dẫn đến sự thất thủ của Saigon ngày 30/4/1975, hai mươi một năm sau trận chiến Điện biên Phủ.

Quyển sách này tường thuật lại diễn tiến trong 4 tháng đầu của năm 1975 nghiệt ngã.

Thông thường theo ký ức tình cảm của mỗi dân tộc, dưới con mắt lạnh nhạt của sử gia, thì đôi khi chuyện một thành phố bị mất đi hay được chiếm lại trong cuộc chiến .. chỉ là một bóng mờ của một thời gian nào đó thôi. Nhưng khi mà một thành phố được gọi là thủ đô, được xem là trung tâm đầu não của hệ thống hành chánh, tài chánh, văn hóa và quân sự mà bị địch chiếm, thì sự chiếm đó có nghĩa là địch đã chiếm được chánh quyền !

Năm 146 trước công nguyên thành phố Corinthe bị mất về tay người La Mã thì tức là nền độc lập của dân tộc Hy Lạp (Grec) không còn nữa...

Nã phá Luân rút quân khỏi Mạc tư Khoa năm 1812 cũng được coi như nước Pháp thất trận.

Nhiều thủ đô đã bị chiếm đóng, như Ba Lê năm 1914 và 1940 mà còn có được những cuộc chiến đấu anh dũng như trận La Marne mới được coi như thành phố đó chỉ bị mất về tay quân thù. Tại Âu Châu, khi người lính của Staline kéo lá cờ đỏ lên Trụ sở Quốc Hội Đức ở Bá Linh, là Tây Âu coi như phải thần phục Đông Âu, cũng như ở Á Châu khi Nhật Bản chiếm đóng Singapore vậy.

Hơn 10 năm sau khi bị thất thủ, Saigon được xem là tiêu biểu của một thời kỳ lịch sử chủ yếu hàng đầu: được sự yểm trợ của Liên Xô, Trung Cộng và các nước cộng sản chư hầu khác, một nước chuyên chính nhỏ bé như Bắc Việt đã buộc một quốc gia dân chủ hùng mạnh như Hoa Kỳ phải tháo chạy, đánh dấu cuộc chiến thắng của một xã hội độc tài khép kín đối với một xã hội tự do cởi mở, một cuộc chiến thắng đối với hệ thống Tự Do Dân Chủ.... Chiến thắng vĩnh viễn ư ? Người ta còn nghi ngờ, nhưng một dẫn chứng lịch sử rất giản dị làm cho người ta phân vân : cho tới giờ này khi đã bám trụ được rồi thì người cộng sản chính thống hình như không bao giờ muốn nhả ra nữa.

Đã có nhiều sự lưỡng lự rụt rè và hành động rời rạc từ chánh sách đối ngoại của Hoa Kỳ trong cuộc chiến ở Việt Nam.

Không có một bình luận nào vô tư hết, mà cũng không thể hoàn toàn thu ngắn từng chữ trong diễn tiến của sự việc được,. Ngay như căn cứ trên tài liệu, nhân chứng, phúc trình, công điện, hay những bản tường trình của phóng viên, các bài phóng sự truyền thanh, phim ảnh, thư từ, báo chí..., một nhà báo đang góp nhặt sự việc trong ngày hay một sử gia đang gom góp từng sự kiện trong năm cũng không ai có thể bỏ qua tính cách chủ quan được khi phải chọn lọc và sắp xếp các sự kiện lại để viết sử cho Lịch Sử. Điều này hoàn toàn không có nghĩa là không “vô tư hay chủ quan”.

Cuộc vận động trên báo chí và phương thức viết sử chính yếu không khác nhau mấy. Người viết sử có không gian và có thời gian rộng rãi, còn người làm báo thì có thể dựa trên những câu hỏi của người trong cuộc, cùng thời với mình. Cả hai người đều phải làm việc với sự nhạy bén của mình, một sự nhạy bén mà họ cần phải có, phải biết và phải kiểm soát được.

Tôi không hiểu tại sao tôi lại muốn thấy và nhìn lại hàng loạt biến cố hỗn tạp của năm 75 này?

Tôi đã theo sát cuộc chiến này từ năm 1965 cho đến năm 1973. Như các bạn tôi, hơn mọi cuộc chiến khác, cuộc chiến này đánh mạnh vào tâm tư của tôi, với tất cả ý nghĩa của nó. Mặc dầu có đặc quyền ưu đãi của một nhà báo, tôi xin chiếu khán vào Hà Nội rất khó khăn, trái lại với Saigon thì rất dễ dàng và nhất là tôi và ông bạn Ron Moreau phóng viên của tờ Newsweek tại Saigon, năm 1973 chúng tôi đã vào được vùng đất của Chánh Phủ Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam ở Cà Mau.

Chúng tôi không thông báo trước, không được hướng dẫn viên đưa đi. Ron Moreau nói thạo tiếng Việt đến độ biết chơi chữ để làm vui các chiến binh Việt Cộng, phần tôi thì biết nói tiếng Miền Bắc: chúng tôi làm việc chung với nhau.

Quan điểm của tôi về cuộc chiến thay đổi tận gốc. Những sự bực bội của tôi từ những lần viếng thăm Miền Bắc năm trước đã bùng lên dữ dội như chất hóa học. Tôi rời khỏi Việt Nam, tin chắc là tôi đã bị gạt: với một vài dè dặt nào đó tôi đã bênh vực cho cái gọi là “phong trào giải phóng quốc gia” với mục tiêu giai đoạn gọi là chiến đấu chống đế quốc thực dân xâm lược. Sau đó tôi khám phá hơi trễ là Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam chỉ là cánh tay của chánh phủ cộng sản Miền Bắc được trang bị và nhồi nhét ý thức hệ xã hội chủ nghĩa. Có thể một phần nào đó tôi là một nạn nhân của cái mà Jean Francois Revel gọi là :sự căm dỗ của vấn đề” Để giải thích cho Edgare Morin, dù muốn dù không tôi đã tranh đấu để đến ở Saigon, một thể chế mà chúng tôi đã từng có lần lên án tại Prague (Tiệp Khắc) và Budapest (Hung gia Lợi). Xuyên qua cảm tình của chúng tôi đối với Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam trước kia và Hà Nội sau đó, chúng tôi đã gần như rơi vào cánh tả không cộng sản một cách đại dột và mù quáng. Sự nhận xét của chúng tôi về thể chế cộng sản mà trước tiên là Bắc Việt suýt chút nữa chúng tôi đã coi họ là thiên thần. Sự hoan nghênh của chúng tôi về các chế độ chống cộng, và trước hết là chế độ của chánh phủ Miền Nam Việt Nam xoay qua thành một điều quý quái. Chúng tôi không coi Hồ chí Minh là thiên thần mà cũng không coi Nguyễn văn Thiệu là Ác Quỷ. Chúng tôi chỉ mơ về một “chủ nghĩa xã hội có nhân tính” ở vùng Đông Nam Á.

Và còn không ít người đang mơ ước hảo huyền như vậy .

Với hai chữ Việt Nam, có nhiều hình ảnh và nhiều khuôn mặt hiện trở lại trong trí tôi, hết sức lộn xộn.

– Đây là một sĩ quan Hoa Kỳ trên núi Bà Đen, chỉ huy một đơn vị lính đánh thuê người Cam Bốt; đây là anh Nguyễn Minh, thông dịch viên của tôi ở Hà Nội, lần đầu tiên tôi đến thủ đô khốn khổ của Miền Bắc, anh Minh giúp Gerard Chaliand và tôi qua khỏi khó khăn trên Quốc lộ 1, lúc các oanh tạc chiến đấu cơ Mỹ đang có mặt trên không phận; kia là ông Thiệu tươi cười sáng lạng đang dùng máy Polaroid chụp ảnh cho tôi tại Dinh Độc Lập... -- Rồi đây là những nỗi kinh hoàng của cuộc chiến, những thương binh của Nam Việt Nam ở Đà Nẵng, của Bắc Việt Nam ở Phát Diệm... Giáo sĩ tiến bộ bên này, giáo sĩ tạp giáo bên kia... chỗ nào cũng toàn là trẻ mồ côi, thiếu tình thương, lắc lư liên tục từ trái qua phải mà triệu chứng thì các nhi khoa Bắc sĩ đều biết rõ cả rồi; nọ là binh sĩ hai Bên, bụng thì lo sợ mà mặt thì vẫn thản nhiên, nhìn chung là gan lì...; đây là những bữa cơm nóng hổi chia xẻ với binh sĩ Hoa Kỳ hoặc Nam Việt Nam, với cán binh Bắc Việt hay Việt Cộng .. người này mời thuốc đầu lọc Winston, người kia mời thuốc lá Điện Biên Phủ, và đây là Phạm văn Đồng, lãnh chúa “vĩ đại” mở miệng ra là gọi anh là “bạn thân” theo giọng điệu của chánh phủ Pháp... còn kia là những người dân quê và dân thành thị, tất cả đều mong chờ “hòa bình” nhưng không phải một nền “hòa bình” như lãnh đạo của họ thường quan niệm.

Ôi êm đẹp làm sao những buổi chiều, hay buổi sáng sớm êm ả ở Miền Bắc hay Miền Nam trong thời gian ngưng tiếng súng... Đây là chánh khách Tôn thất Thiện với những bài bình luận trầm tĩnh và những con cá nhiệt đới của ông..., Kia là nhà lý luận Nguyễn khắc Viện đang nhồi sọ các khách du lịch ở Hà Nội ...,Cả hai ông, người nào cũng thông thạo tiếng Pháp.....

Độc giả sẽ gặp lại trong quyển sách này một số nhân vật mà tôi không quên được vì họ vốn là “con người” . Tôi không hạ thấp người Miền Bắc dù nhiệm vụ và tầm vóc của họ chỉ là thuộc những con rối không hồn và cũng không có nhân cách. Nhưng phải công nhận là họ có một ý chí cao độ, nhưng tự tôn tự đại, một loại anh hùng tính đến khó tả được và không cần biết gì đến thế giới bên ngoài, nhất là dư luận..

Một mặt, nguyên tắc “chi huy tập thể” của cộng sản Hà Nội trong mọi hoạt động, như một con quái vật lạnh lùng từ đầu đến chân, theo công thức của Clausewitz chế ngự ba mặt trận ngoại giao, chánh trị và quân sự.

Mặt khác, ở Saigon, người ta nhận thấy sự hỗn tạp của một chế độ mất quân bình, mờ côi.. ở đó những nhân vật chủ chốt đôi khi cảm động vì vô ý thức, nên thường bị rơi vào vô số cạm bẫy của những mưu mô chánh trị hay xảo thuật hành văn trong các văn bản hành chánh của nền dân chủ Hoa Kỳ.

Người ta ngạc nhiên với những sự tiết lộ của một số phiên họp lúc nào cũng mật kín của hệ thống dân sự hay quân sự của Hà Nội. Những cuộc thảo luận, những quyết nghị, những bắt đồng... đều do tác giả cộng sản tiết lộ, nhất là từ các tướng lãnh Bắc Việt như Văn tiến Dũng và Trần văn Trà. Khi họ gỡ được ” cái lưỡi cây” ra khỏi miệng thì tha hồ mà họ ăn nói, đôi khi cũng rất thành thật và còn khôi hài nữa, ít nhất là trước quần chúng hay trong các tác phẩm được họ viết và xuất bản.

Những người cộng sản Việt Nam đang làm việc tại Hà Nội hoặc ở các tòa đại sứ, cũng giúp cho tôi tin tức. Tôi thường nói rõ các “nguồn tin” mà tôi có được. Một số “nguồn tin” muốn tôi dấu tên giùm họ, vì họ sợ gia đình của họ bị trả thù, trong số này có vài người Ba lan, người Mỹ và người Pháp và những người khác cũng vậy : thận trọng, khiêm nhường, thích dấu tên vì an toàn nghề nghiệp

Về tên tuổi, dù muốn tránh bị đụng chạm theo phong tục của người Á Đông, tôi cũng cố gắng để không quá cứng ngắt. Chúng tôi nói Thiệu, Minh Dương, Phạm văn Đồng, Hồ chí Minh. Theo người Việt Nam nếu viết trọn thì tên là chữ sau cùng: Thiệu, Minh, Đồng đều là tên. Khi người ta nói Thiệu thì cũng như người ta viết Charles để nói về tướng De Gaulle, hoặc Margaret là để chỉ cho bà Margaret Thatcher.

Một khó khăn nữa cho mắt và tai của người Á Đông: ở Việt Nam Họ và Tên không có nhiều. Ở chỗ này người ta gặp ông Nguyễn cao Kỳ, tư lệnh không quân Miền Nam Việt Nam, ở chỗ khác một anh Nguyễn Kỳ, tù nhân chánh trị ở Miền Bắc . Do đó tôi chỉ dùng tên cho độc giả dễ xem. Khi một nhân vật xuất hiện lần đầu tiên tôi dùng nguyên tên họ như : Cao văn Viên, Tổng Tham Mưu Trường Liên Quân, sau đó tôi chỉ dùng tên :Viên. Độc giả Việt Nam cũng hiểu là tôi không biết dùng 5 dấu trong tiếng Việt, nếu dùng thì chỉ làm trò cười thôi.

Một mong ước: xin độc giả của quyển sách này, dù đứng ở phía hữu hay phía tả, hay ở bất cứ phía nào khác, nếu được hỏi về thái độ, về quan điểm của ngày hôm qua hay của ngày hôm nay đối với Việt Nam, xin đừng có thái độ gần như muốn quên lãng. Trừ trường hợp khi một chiếc thuyền chở đầy người vượt biển tìm gặp được một hải cảng hay một chiếc tàu nào đó, chịu nhận cứu mang những người khách đáng khâm phục này. Ai có thể đánh giá trước một lương tâm

hoàn toàn tốt ? Khi đọc lại một vài bài trong các báo bảo thủ năm 1975 chính tác giả cũng phải sửng sờ. Người ta gặp những người chống Mỹ khắp nơi .

Đối với cuộc chiến ở Tây ban Nha, Malraux đã viết là cộng sản ủng hộ người cộng sản và phát xít ủng hộ tướng phát xít Franco, nhưng những thể chế dân chủ không giúp gì cho những người dân chủ hết. Những người dân chủ ở châu Âu quên những người dân chủ ở Việt Nam. Người ta không bao giờ thấy có phát xít ở Nam Việt Nam. Người phương Tây không có gì khác hơn trong đầu họ ngoài những hình ảnh của người Âu Châu . không có hình ảnh nào về chính phủ dân chủ nửa vờ của Saigon.

Sự kiện Saigon bị thất thủ không hẳn là một bài học mẫu nhưng vẫn là một tấm gương sáng cho mọi người !

Olivier Todd

Một vài mốc thời gian trước năm 1975

- 1930: Hồ chí Minh thành lập “Đông Dương Cộng Sản Đảng” tại Hong Kong
- 22/12/1944: Võ nguyên Giáp bắt đầu mở các cuộc hành quân chống Pháp
- 16/4/1945 Hồ chí Minh thành lập “ủy ban cứu quốc”. Bảo đại thoái vị. Chánh Phủ Lâm Thời được thành lập.
- 2/9/1945 Tại Hà Nội (có một vài sĩ quan Hoa Kỳ đứng bên cạnh) Hồ chí Minh tuyên bố thành lập nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa
- 24/9/1946: Tướng Leclerc đến Saigon
Hồ chí Minh ký với Pháp một hiệp ước theo đó Pháp nhìn nhận nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa trong Liên Bang Đông Dương và nằm trong Khối Liên Hiệp Pháp
- 1/6/1946 Hội nghị Fontainebleau (Pháp)
Hội nghị không tiến hành được vì đô đốc Thierry d’Argenlieu đòi hỏi tách Nam Kỳ (Nam Việt) ra khỏi Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (Nam Kỳ phải có thể chế tự trị riêng)
- 11/1946 Đô đốc Thierry d’Argenlieu hành quân “Bình định”, dội bom Hà Nội
- 19/12/1946 Hà Nội kêu gọi kháng chiến chống Pháp. Chiến tranh ở Đông Dương bắt đầu.
- 4/1947 Bộ đội Việt Minh rút vào chiến khu kháng chiến ở miền thượng du Bắc Việt, vì Pháp đã chiếm xong các tỉnh thuộc Bắc Kỳ và Trung Kỳ
- 5/6/1948 Một Hiệp Ước được ký kết tại Vịnh Hạ Long, Bảo Đại trở thành Quốc Trưởng của nước Việt Nam
- 14/1/1950 Hồ chí Minh tuyên bố là chánh phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa là chánh phủ Việt Nam hợp pháp duy nhất.
- 2/1950 Trên thực tế nước Việt Nam bị chia cắt làm hai
- 3/8/1950 Phái đoàn viện trợ và cố vấn quân sự Hoa Kỳ gồm 35 người đến Việt Nam , gọi tắt là MAAG (US Military Assistance Advisory Group)
- 7/5/1954 Điện biên Phủ thất thủ
Tại Hội nghị Geneve, Liên Xô và Trung Cộng làm áp lực để phái đoàn VNDCCH chấp nhận vĩ tuyến 17 (sông Bến Hải) là ranh giới của hai Miền Nam Bắc.
- 20/7/1954 Thủ tướng Mendes France Pháp và cộng sản Việt Nam ký “Hiệp Ước Ngưng Bắn Và Đình Chiến Genève 1954”.
Hoa Kỳ không ký vào bản Tuyên Bố cuối cùng.
Cuộc chiến kéo dài gần 8 năm. Lệnh ngừng bắn có hiệu lực trên toàn cõi Đông Dương . Hiện có 342 quân nhân Hoa Kỳ tại Miền Nam Việt Nam
- 8/8/1954 Hơn 1 triệu dân từ Miền Bắc di cư vào Miền Nam, hầu hết là người công giáo
- 8/8 /1954 Ủy Ban An Ninh Quốc Gia Hoa Kỳ tuyên bố tại Hoa thanh Đón là Hiệp Ước Genève là một “thảm họa” mở đường cho cộng sản xâm chiếm Đông Nam Á.
- 20/11/1954 Thủ Tướng Pháp, ông Pierre Mendes France rời Hoa thịnh Đón.
Quân Đội Quốc Gia Việt Nam được thành lập.
Quân Đội Viễn Chinh Pháp bắt đầu rút khỏi Việt Nam.
Hoa Kỳ bắt đầu thay thế Pháp trong trách nhiệm trang bị và huấn luyện QĐQGVN.
- 26/10/1955 Ông Ngô đình Diệm Tuyên bố thành lập nước Việt Nam Cộng Hòa. Ông là Thủ Tướng, kiêm Quốc Phòng và Tổng Tư Lệnh Quân Đội.

- 12/1955 Ngoại trừ các mỏ than và hệ thống Hòa Xa, Tất cả 150 cơ sở kỹ nghệ, thương mại khác của Pháp tại Bắc Việt đều bị quốc hữu hóa mà không có được bồi thường,
- 28/4/1956 Người binh sĩ cuối cùng của Quân Đội Pháp rời khỏi nước Việt Nam .
Phái Đoàn Quân Sự Pháp đặc trách về Hải Quân và Không Quân sẽ rời khỏi Việt Nam một năm sau.
- Tháng 5/1959 Các cố vấn quân sự Hoa Kỳ được gọi tới đơn vị cấp Trung Đoàn của QLVNCH.
- 20/12/1960 Hà Nội loan báo thành lập Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam (FNL: Front National pour la Liberation du Sud Việt Nam)
- 11/12/1961 Những chiếc trực thăng đầu tiên của Hoa Kỳ tới Việt Nam với 400 quân nhân.
- 15/10/1962 Phi hành đoàn trực thăng Hoa Kỳ tham chiến chống Việt Cộng
- 2/11/1963 Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng đảo chánh ông Ngô đình Diệm, và tuyên bố thành lập nền Đệ Nhị Cộng Hòa . Danh xưng vẫn là Việt Nam Cộng Hòa.
- 14/7/1964 Sĩ quan Bắc Việt được gọi vào chỉ huy các đơn vị Việt Cộng thuộc MTGPMN.
- 18/9/1964 Hai đơn vị bộ đội Bắc Việt xâm nhập Quảng Trị, phía Nam vĩ tuyến 17
- 22/2/1965 Tướng Westmoreland xin 2 tiểu đoàn Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ vào giữ an ninh cho các căn cứ Mỹ tại Đà Nẵng
- 7/4/1965 Tổng Thống Johnson tuyên bố sẵn sàng mở những cuộc thương thảo không điều kiện nhằm chấm dứt chiến tranh
- Tháng 6/1965 Đơn vị Úc đầu tiên đến Việt Nam
- 27/11/1965 Ngũ Giác Đài cho Tổng Thống Johnson biết là cần phải tăng quân số tác chiến ở Việt Nam từ 120.000 lên 400.000. và có thể lên trên nửa triệu sau đó.
- 15/2/1966 Trả lời thơ yêu cầu của Hồ chí Minh, Tổng Thống De Gaulle không muốn dính líu đến vấn đề Việt Nam : “Hai bên phải thi hành Hiệp ước Geneve 1954, chánh phủ VNDCCCH phải giữ tính cách hoàn toàn trung lập.
- 4/9/1966 Qua ông William Bundy, Hoa Kỳ Bắc bỏ đề nghị của De Gaulle theo đó Hoa Kỳ trước hết phải tuyên bố rút quân ra khỏi Việt Nam
- 24 /1/ 1967 Lệnh của Ngũ Giác Đài: Các phi công Hoa Kỳ không được phép dội bom vào các mục tiêu trong vòng đường bán kính 9 cây số chung quanh Hà Nội .
- 3/9/1967 Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu được tái đắc cử
- 30/1/ 1968 Mông một Tết Mậu Thân. Với sự hỗ trợ của nhiều đơn vị chánh quy Bắc Việt, Việt Cộng mở cuộc tấn công vào 37 tỉnh thị trấn quan trọng của Việt Nam Cộng Hòa, chiếm Huế, Dalat, Kontum và Quảng Trị. Tại Saigon, 19 tên Việt Cộng chiếm giữ trong 6 tiếng đồng hồ một phần của Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ.
- 10/2/1968 Cuộc “Tổng công kích” này hoàn toàn bị thất bại mặc dầu giữ được Huế gần 1 tháng.
Trên phương diện thuần túy quân sự, cuộc tổng công kích này là một thất bại lớn của Bắc Việt. Nhưng trên phương diện chánh trị và tâm lý thì rất tai hại cho Hoa Kỳ. Tháng 5/1968
Phái đoàn Thương thuyết Bắc Việt đến Paris.
- 5/5/1968 Cộng Sản mở cuộc Tổng công kích đợt 2
- 9/5/1968 Tổng Thống Thiệu tuyên bố rằng mặc dầu Hoa Kỳ thương thuyết với địch, nhưng ông không bao giờ nhìn nhận Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam.
- 10/6/1969 Chánh Phủ Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam được thành lập (GRP).

- 25/1/1972 Tổng Thống Richard Nixon tiết lộ rằng Henry Kissinger đã mật thương thuyết với Bắc Việt từ năm 1969 ngay tại Pháp.
- 21/2/1972 Tổng Thống Nixon đi Trung Quốc. Gây bất mãn cho giới lãnh đạo Bắc Việt
- 30/3/1972 Quân Đội Bắc Việt mở cuộc tấn công quy mô vào Miền Nam Việt Nam.
- 4/4/1972 Hoa Kỳ tái đội bom Bắc Việt sau thời gian ngừng đội bom 3 năm rưỡi.
- 22/5/1972 Tổng Thống Nixon đi Liên Xô.
- 8/10/1972 Tại Paris thương thuyết gia Bắc Việt Lê đức Thọ lần đầu tiên chấp thuận một kế hoạch theo đó họ không loại bỏ Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu.
- 12/12/1972 Tổng Thống Thiệu luôn phản đối “nền hòa bình giả hiệu” được toan tính ở Paris.
- 16/12/1972 Kissinger cho biết là cuộc thương thuyết rơi vào bế tắc.
- 18/12/1972 Hoa Kỳ tái đội bom xuống Bắc Việt bằng B.52 và các oanh tạc chiến đấu cơ khác.
- 8/1/1973 Kissinger và Lê đức Thọ đạt được thỏa thuận tại Paris
- 15/1/1972 Hoa Kỳ ngưng đội bom xuống Bắc Việt
- 21/1/1973 Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu đồng ý ký tên vào Hiệp Định Paris.
- 15/3/1973 Hoa Kỳ gửi một kháng thư đến Hà Nội về việc Miền Bắc cho xâm nhập bất hợp pháp bộ đội và chiến cụ vào lãnh thổ Miền Nam Việt Nam .
Kissinger đề nghị với Tổng Thống Nixon tái oanh tạc Miền Bắc . Nhưng ông Nixon từ chối.
- 29/3/1973 Những tù binh Hoa Kỳ cuối cùng được trao trả tại Hà Nội
- 3/4/1973 Tổng Thống Nixon và Tổng Thống Thiệu gặp nhau tại San Clement, Californie
- 25/4/1973 Cuộc bàn cãi giữa hai bên Miền Bắc và Miền Nam về tương lai của nước Việt Nam tại La Celle Saint Cloud (Paris) bị bế tắc.
- 15/8/1973 Quyết định của Quốc Hội Hoa Kỳ được thi hành: cấm đội bom và cấm mọi “hành động quân sự” của Hoa Kỳ ở vùng Đông Nam Á Châu.
- 16/10/1973 Giải Nobel về Hòa Bình được trao cho Kissinger và Lê đức Thọ. Lê đức Thọ từ chối.
- 9/8/1974 Tổng Thống Nixon từ chức, Phó Tổng Thống Gerald Ford lên thay.
- 3/12/1974 Cơ quan tình báo Miền Nam Việt Nam ước tính là cộng sản sẽ tiếp tục mở các cuộc tấn công quy mô vào Miền Nam
- 31/12/1974 Chánh Phủ Việt Nam Cộng Hòa tuyên bố con số 80.000 thương vong trong năm 1973, cao hơn tất cả trong những năm chiến tranh ...

Chương 1 Hà Nội – Sài Gòn : 1789 km

Ngày 1 tháng giêng 1975,

Vào khoảng 6 giờ, giờ Saigon, ngày 1/1/75 (theo âm lịch Việt Nam, năm Dần, tháng Sửu, giờ Mẹo) 19 quả đạn pháo sản xuất từ Liên Xô, được rót vào tỉnh Biên Hòa, một thành phố nằm về hướng Bắc của Saigon chừng 20 kms. Một quả pháo rơi trúng vào mái nhà tranh của anh Nguyễn Văn Bé. Anh chết ngay tức khắc. Là một thanh niên mới 16 tuổi, anh Bé là một thương dân đầu tiên bị pháo kích chết trong năm 1975 ở Miền Nam Việt Nam. Anh Bé ước mơ sẽ là một kỹ sư hóa học....

Trên nguyên tắc, kể từ ngày 27 tháng giêng năm 1973, đúng 0 giờ GMT, thì “Hiệp Định Ba Lê về ngừng bắn và tái lập hòa bình ở Việt Nam ” bắt đầu có hiệu lực và Hai Bên phải ngừng bắn.

Theo thống kê đứng đắn của Tòa Đại sứ Hoa Kỳ thì trong năm 1974, đã có 14.000 binh sĩ Miền Nam và 7000 thường dân tử thương vì các hoạt động quân sự. Về phía Bắc Việt người ta đếm được 57.000 chết trận và một số xác chết khác nữa trong thời gian ngừng bắn giả hiệu này.

Ngày hôm đó, Tòa Đại sứ Hoa Kỳ (nằm sát vách Tòa Đại sứ Pháp), đã không nhận được một công điện nào quan trọng từ Nhà Trắng (Tổng Thống) cũng như từ Bộ Ngoại Giao. Ông bà Tổng Thống Gerald Ford thì đang nô đùa với tuyết chung quanh một lâu đài ở dãy núi Rocheuses. Còn ông Tổng Trưởng ngoại giao Kissinger thì cùng ông Phó Tổng Thống Nelson Rockefeller đang nghỉ mát ở vùng nắng ấm Porto Rico.

Trên lầu một của Toà Đại sứ Mỹ ở Saigon các viên chức ngoại giao thuộc phòng chánh trị cũng như các nhân viên thuộc phòng tình báo (CIA) ở tầng trên cùng, đang phân vân. Người thì đoán là năm nay có thể được yên tĩnh, người thì lo ngại. Hồi tháng chạp, phúc trình của phòng nhì đã ước tính tình hình rõ rệt lắm rồi: **“*lực lượng quân sự của cộng sản ở Miền Nam mạnh hơn bao giờ hết. Ước tính có thể cộng sản sẽ tung một phân của lực lượng trừ bị chiến lược của họ để thọc vào những yếu điểm chính trong hệ thống điện địa của Miền Nam . Và không biết chừng cộng sản cũng có thể sẽ chuyển qua thế tổng tấn công.*”** Dành cho những người có tư tưởng chủ bại !

Bản phúc trình giải thích tiếp : **“*Cân nhắc kỹ lại thì chúng tôi nghĩ là họ sẽ không làm thế đâu. Hà Nội thích tìm mục tiêu trong mùa khô ráo để tấn công trên cả hai mặt chánh trị và quân sự để tránh nguy cơ có thể gây tổn thất cho cuộc tổng tấn công.*”** Dành cho những người lạc quan!

Những sự phân tách của nhóm tình báo này căn cứ trên nhiều yếu tố, nhất là yếu tố thời gian. Từ nhiều thế kỷ, ở Việt Nam những trận chiến có tính cách quyết định thường được tiến hành trước mùa mưa. Bắt đầu từ tháng 5 dương lịch. Lúc đó ở vùng Cao Nguyên nước chảy mạnh với những con suối đầy nước. Đất ở vùng rừng trở nên sộp, còn ruộng ở đồng bằng thì ngập nước, nên các xe vận tải, pháo binh, chiến xa đều bị lún sinh khó di chuyển được . Trên trời thì mây đen dày đặc trực thăng thường khó bay và nhất là phi cơ. Đất, nước và không gian liên kết với nhau khiến cho con người khó mà di chuyển và chiến đấu. Mùa mưa thường giúp cho địch quân có thì giờ ngơi nghỉ lấy sức lại. Ba chục năm đánh nhau người anh em cộng sản không tôn trọng giờ ngủ nghỉ gì hết nhưng bên nào cũng cúi đầu trước mùa mưa.

Anh Patrick Hays người Bắc Phi (Algerie) cao 1m 86, tóc húi ngắn, mắt trong xanh là một thiếu úy xuất thân từ trường võ bị Saint Cyr (Pháp), thuộc binh chủng nhảy dù; Anh còn nhớ

mãi thời anh còn phục vụ ở trung đoàn I nhảy dù. 12 năm trước anh là phụ tá cho một đồn điền cao su ở Việt Nam, bây giờ thì anh điều khiển cả hệ thống điều hành của hãng Michelin. Vợ anh là một người Việt Nam và là một ngôi sao của đài truyền hình. Anh nói thông thạo tiếng Việt, và thường đi công tác xuống các tỉnh, do vậy mà anh biết rất nhiều tin tức. Với số vốn hiểu biết và bản chất sáng suốt của nhà báo hay nhà ngoại giao, anh là một mật báo viên của tình báo Pháp (SDECC), một việc làm dễ dàng mà anh vừa làm vừa chơi ! Cách đây mấy hôm, Hays không liên lạc vô tuyến được với một đồn điền nhỏ nhất của Michelin ở tỉnh Phước Long, cách Sài Gòn trên 100 kms, một đồn điền cao su rộng 3000 mẫu tây với 1.400000 cây cao su và 500 nhân công. Hays nói là Việt Cộng đã chiếm được 2 đồn trên đường 311, phía Nam của đồn điền này và cũng ở về phía Nam của tỉnh lỵ Phước Bình.

Vào trung tuần tháng chạp, Hays đã gặp và trò chuyện rất lâu với quận trưởng sở tại và quản lý đồn điền này. Họ đều nói ở đó không có Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam mà có sự chuyển quân quy mô của bộ đội Bắc Việt.

Tại văn phòng của anh gần Câu lạc Bộ thể thao Saigon (mà anh là tổng thư ký), Anh nhận xét: "Rất có thể là cộng sản tấn công vào các vị trí yếu nhất của quận Phước Bình để có được một đường bay cho vận tải cơ loại nặng. Một phần vì vướng 25.000 dân tại đó nên việc phòng thủ ở đây trở nên khó khăn, phần khác thì phương tiện của chánh phủ yếu kém hơn hồi 1972."

Không phải lần đầu tiên mà một tiền đồn bị thất thủ. Đôi khi sự liên lạc với đồn điền cũng bị gián đoạn, nhưng quản lý người Việt lai Tàu ở đây khôn khéo lắm, rồi cũng nối lại được thôi!

Một phần của tỉnh Phước Long nằm sát biên giới Cam Bốt đã bị mất và về đêm thì cộng sản có mặt, ban ngày thì chánh phủ Saigon kiểm soát. Phải gan lì lắm ! Chúng ta hãy xếp loại biến cố nhỏ này vào một khung cảnh chung. Việt Nam dạy cho chúng tôi đừng bao giờ ngã lòng. Đối với anh Hays, sau khi Hiệp Định Paris 1973 được ký có nhiều hy vọng là đời sống ở Miền Nam Việt Nam có thể tốt hơn. Nếu Bắc Việt toan tính đi xa hơn thì Hoa Kỳ sẽ gửi cho họ pháo đài bay B.52. Hays thấy là từ năm 1970 Miền Nam coi như đã thắng rồi. Trước đó thì trong tỉnh còn "kháng chiến quân" nhiều lắm. Đến năm 1971 thì gần như không còn mống nào, người ta đi lại tự do hơn trên lộ. Nhưng từ đó lần lần tình hình xuống cấp trở lại. Bây giờ muốn đi về Saigon, Hays phải đưa đoàn xe chở mủ đi vòng lên hướng Bắc qua ngã Ban mê Thuật, một đoạn đường vòng 1000 kms. Vì đoàn xe này chỉ đi thẳng đến Saigon khi nào đường đã được mở rồi (thường thì hành quân cấp tiểu đoàn để "mở đường").

Ông Nguyễn Văn Thiệu, Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa thường tiếp khách tại Dinh Độc Lập, một dinh thự thường thôi nhưng đầy đủ tiện nghi và kiến trúc theo kiểu hiện đại. Ông Agustini Manglia, Đại Sứ Phi luật Tân, niên trưởng ngoại giao đoàn phát biểu:

"- Bây giờ thì thấy có vẻ lạc quan hơn. Một cuộc dàn xếp chấp nhận được, hướng tương lai... về một chân trời mới."

Cử tọa gục gặt đầu đồng ý, tán thành.

Tháng này nhà ngoại giao Ba Tư chủ tọa "Ủy Ban Quốc Tế Kiểm Soát và Theo Dõi" việc thi hành Hiệp Định Paris. (gọi tắt là CICS). Ông thấy không yên tâm lắm :

"- Tôi hy vọng Hiệp Định Paris sẽ được thực thi"

Cử tọa cũng gục gặt đầu ra vẻ tin tưởng như vậy.

Những quân nhân Ba Tư, Nam Dương, Ba Lan và Hung gia Lợi trong Ủy Ban Quốc Tế CICS có nhiệm vụ kiểm tra các vụ vi phạm lệnh ngưng bắn. Họ thừa biết là bộ đội Miền Bắc cũng như quân lực Miền Nam đều ít thi hành điều 2 về ngưng bắn hơn hầu hết 23 điều khác của Hiệp Định Paris 1973. Hai Bên đều có ý hành động thăm dò nhau. Người ta “giành dân lấn đất” nhau, người ta mất đi, chiếm lại từng thôn ấp, từng thửa ruộng. Dầu sao thì các trận đánh nhau cũng còn ở mức độ “chấp nhận được”. Trước hết là từ phía Hoa Kỳ: họ không còn một người lính tác chiến nào ở Việt Nam nữa.

Tại Saigon cũng vậy, ngay trong ngày Hiệp Định có hiệu lực, đúng là yên tĩnh. Không có một vụ ám sát nào, cũng không có pháo kích. Khách du lịch đến Việt Nam bằng các chuyến bay của hãng Air France, Thái International, hay Cathay Pacific. Airways ... vì một tuần lễ hạ giá của Hàng Không Việt Nam. Với 27.000 đồng Việt Nam người ta có thể bay đến Dalat, một thành phố đẹp với khí hậu mát mẻ. Trường đua ngựa ở Phú Thọ với chương trình 8 cuộc đua, ngựa được ưa thích nhất là con Phương Dung ! Mười ngày trước đó người ta khánh thành một tiệm ăn sang trọng: tiệm New Carina. Saigon không có không khí chiến tranh !

Dân Saigon ăn nhậu, nhảy đầm, nhưng không vào hộp đêm “Quốc Tế” được vì đang đóng cửa để sửa chữa. Cáo lỗi của chủ nhân đã được đăng trên tờ “Saigon Post”, một nhật báo tiếng Anh, hình như có trợ cấp của CIA (Mỹ): “chúng tôi đang trang trí lại và đổi một số máy điều hòa không khí”. Có nhiều đầu tư trong thủ đô Sai Gòn. Tại Tòa Đại sứ Hoa Kỳ, người ta bàn cãi về địa điểm của một khách sạn hạng sang sắp được xây cất: khách sạn Hyatt .

Tại câu lạc bộ của CIA, ở khách sạn “Công Tước” (Duc), người ta ngồi ở các bàn nhỏ để dùng cơm tối. Trong số quan khách người ta thấy có ông Graham Martin, Đại sứ Hoa Kỳ, và các vị đồng nghiệp của ông, ông Nara (Nhật Bản), và ông Aran (Do Thái) Lý thú thiệt ! gần như có một sự chơi chữ ở đây : A-R-A-N, N-A-R-A ! Người ta cũng thấy có ông Thomas Polgar, trưởng lưới CIA ở Việt Nam, một phòng tình báo lớn nhất trên thế giới, và ông Frank Snepp, một phân tích gia có hạng của Trung Ương Tình Báo ở đây. Người ta nói với nhau về kinh tế, về nền kinh tế vững mạnh của Miền Nam Việt Nam, không cần có sự tăng giá dầu.

Trong mục “quan điểm” của tờ Sóng Thần, báo hằng ngày, tác giả viết : “ 1975, năm bầu cử Tổng Thống, bằng cách này hay cách khác, guồng máy lãnh đạo cần phải được cải tiến nhiều hơn...”

người ta bình luận một vài sự việc khác:

” đại úy Lê văn Ngà thuộc đơn vị công vụ, đã bắn vào đầu tạt sạt, để lại một bức thư cho Tổng Thống Thiệu, để bênh vực cho mục tiêu đấu tranh của Phật Giáo. Theo lời của một phát ngôn viên quân đội thì đại úy này đã hành động hoàn toàn vì lý do tôn giáo. Vì Đại úy Phật Giáo vừa qua tỏ ý tiếc là : – “người ta không cố gắng trong hành động hòa giải quốc gia, một điều mà Hiệp Định Paris đã có dự trù.”

Phần lớn dân chúng không ăn mừng ngày Tết dương lịch. Ngày Tết Việt Nam rơi vào tháng 2 dương lịch. Những người thuộc giới trung lưu trưởng giả thường theo người Tây Phương, Pháp hay Mỹ, ăn Tết dương lịch (1tháng giêng) nhưng không âm ỉ linh đình như người Mỹ, người Pháp, Ba Lan, hay Hung gia Lợi đang có nhiệm vụ ở Việt Nam. Họ chỉ họp nhau và chuyện trò với nhau thôi, bọn trẻ thì nghe ca nhạc (đĩa), và phần đông giới trẻ thích nghe nhạc bình dân của Trịnh công Sơn..

Đối diện với khách sạn Continental là quán cà phê Givral. Hôm nay có 3 người ngồi thưởng thức café, 3 người mà giới báo chí thường gọi họ là “3 chàng ngự lâm pháo thủ”. Đó là ông M.

Vượng đẹp trai; ông Phạm xuân Ân một nhân viên toàn thời của báo Times, một nhà báo Việt Nam duy nhất lãnh lương Mỹ, rất thạo tin và đáng kính nể; ông thứ ba là ông Cao Giao, thỉnh thoảng viết cho tờ Newsweek, người có chòm râu cảm giống giống hàm râu của Hồ chí Minh. Họ hỏi nhau. Cao Giao nói:

– ” Người anh họ của bạn tôi làm việc tại đồn điền Michelin, quả quyết là Bắc Việt có xe tăng, loại T.72 và T.54”

Ông Ân tỏ ý nghi ngờ:

– ” Tôi tin là cộng sản chuẩn bị một cuộc tấn công vào Tây Ninh”

Tây Ninh là nơi có Thánh Thất của đạo Cao Đài . Họ thờ Victor Hugo và Tôn Dật Tiên chung với những ông Thánh khác trong một ngôi đền đủ màu sắc trang trí hết sức rực rỡ và rườm rà.

Cách Saigon 3000 cây số, trên đảo Okinawa (Nhật) nằm giữa Đài Loan và Nhật Bản, đại úy Cyril Moyer đang buồn bực.

Là một sĩ quan Thủy quân lục chiến, 30 tuổi, đặc trách coi về tiếp vận, đại úy Moyer lo huấn luyện tân binh tại trại Lejeune. Vợ con anh ta đều ở tại Jacksonville (tiểu bang Bắc Carolina, Hoa Kỳ). Binh đoàn Thủy quân tiết kiệm ngân sách, nên gia đình sĩ quan không được theo chồng. 30 tháng trên đảo Okinawa không có gì vui. Chỉ có những trại lính, một căn cứ không quân và những cơ sở của hải cảng. Khi người lính sống xa gia đình thì hay sanh ra lảm tạt, rượu chè, đại gái hoặc mê đạo, Moyer nghĩ như vậy. Để không cho mình rỗi rảnh, Moyer theo một khóa đại học giống như các sĩ quan ở đây. Anh theo ngành phân tách, như nhiều người đã theo học ở đây. Nếu tiêu đoàn 7 Truyền tin của anh tham gia vào cuộc tập trận dự trù vào tháng 2 này ở vùng Phi luật Tân, thì anh sẽ nghỉ học. Việt Nam không nằm trong dự kiến của anh, bộ phận 150 thủy quân lục chiến bảo vệ Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ ở Saigon anh cũng không thích.

Đại úy Moyer huấn luyện lính của anh, anh “gạo” bài học của anh. Ở phạm điểm người ta nói là cuộc tập trận có thể dời lại đến tháng 3.

Tại Hoa thành Đôn, cách Saigon 22.000 cây số, Nhà Trắng ban hành luật S.3418 nhằm bảo vệ đời sống riêng tư của người dân.

Ông Gerald Ford đã trở thành Tổng Thống sau khi Richard Nixon từ nhiệm vì vụ tai tiếng Water Gate năm tháng trước đó, (tháng 8/1974). Tổng Thống Ford thừa kế một di sản kinh tế ềo ụt, với lạm phát và mức lời quá cao, thị trường chứng khoán bấp bênh và đội quân thất nghiệp lên đến 5 triệu người .

Vấn đề Việt Nam nằm trong lãnh vực gần như riêng thuộc Tổng trưởng ngoại giao, Kissenger.

Vào đầu năm nay, người ta lo ngại về những hoạt động bất hợp pháp của cơ quan CIA. Cơ quan này đã có dự tính ám sát Fidel Castro, trong thập niên 60. Cơ quan này không có quyền hành sự trên đất Hoa Kỳ. Nhưng họ đã thành lập 10.000 hồ sơ của công dân Hoa Kỳ. Họ đã thực hiện sự “giám sát điện tử” để nghe lén đường dây điện thoại. Họ cũng đã lục lọi các thư từ cá nhân. Những sự việc đáng nghi ngờ, những “đồ quý giá của gia đình” CIA này các nhà báo thích lắm, nhưng các độc giả và thính giả truyền hình thì không. Trong văn phòng Bầu Dục, Tổng Thống thường tiếp ông William Colby, vị Giám đốc CIA, một người thông minh có bộ

mặt của một mục sư, tốt nghiệp trường Princeton, anh hùng đệ nhị thế chiến. Ông Colby dùng thì giờ để giải thích về khuôn khổ làm việc của nhân viên CIA hơn là phân tích tình hình ở Việt Nam. Tổng Thống Ford thì chú ý nhiều về những gì thuộc về “hậu Watergate” hơn là tình hình Việt Nam. Ông ta có ý muốn tháo gỡ ngòi nổ của vụ tai tiếng Watergate để ân xá cho Nixon. Tuần này qua tuần khác, thủ đô Hoa Kỳ như bị dán chặt vào vụ Watergate tai tiếng này. Sau 15 giờ nghị án, một bồi thẩm đoàn đã tuyên bố là “3 cựu cộng sự viên của Nixon đều phạm pháp vì đã chung sức âm mưu ngăn trở sự tiến hành của tư pháp” . Đó là các ông John Ehrlichman, Bob Halderman, và John Mitchell”

Bị các nhà báo, các dân biểu và nghị sĩ của lưỡng viện quốc hội chất vấn, Tổng Thống Ford không bao giờ chú tâm đến những bài toán của nước Việt Nam xa xôi. Để điều tra về hành động của CIA, ông ta chỉ định một ủy ban làm việc với Phó Tổng Thống Nelson Rockefeller. Ông Ronald Reagan, vừa mãn nhiệm thống đốc tiểu bang California tham gia vào ủy ban này.

Những phúc trình của các cơ quan tình báo thường được viết lại, cô đọng lại đến thường mất hết độ trung thực, rồi mới được đến tay Tổng Thống dưới dạng một bản phân tách.

Có rất nhiều phúc trình và nhiều cơ quan cạnh tranh nhau .

Cơ quan CIA (Trung Ương Tình Báo) thì báo cáo cho Nhà Trắng và Hội Đồng An Ninh Quốc Gia; cho Bộ Trưởng Quốc Phòng, không thuận lắm với Kissinger, và cho các Tham Mưu Trưởng ở Ngũ Giác Đài.

Mỗi quân chủng Không Quân, Hải Quân, Lục Quân và Thủy Quân Lục Chiến mỗi nơi đều có cơ qua sưu tầm tin tức riêng của mình.

Phía Ngoại Giao cũng có cơ quan tình báo nhưng chuyên về chánh trị. Công tác giải mã và đón nghe các đường thông tin liên lạc vô tuyến của địch hay của cả đồng minh đều tùy thuộc Bộ Trưởng Quốc Phòng.

Tất cả các cơ quan này trên nguyên tắc đều trực thuộc vào vị Giám Đốc Trung Ương Tình Báo của Liên Bang, và tất cả đều gửi về đây bản phân tách tình hình. Bản phúc trình sau cùng mà Tổng Thống Ford đọc được , nó vừa mơ hồ vừa dè dặt. Không có gì có thể gọi là báo động hết: ” Cần nhắc kỹ”, thì không thấy Bắc Việt sẽ mở cuộc tấn công lớn.”

Tại Hoa Thanh Đốn, không có một người nào chú ý đến công điện của ông Wolfgang Lehmann, cố vấn ngoại giao, nhân vật thứ nhì trong Tòa Đại sứ Hoa Kỳ tại Saigon. Ông Lehmann nhấn mạnh đến sự hiện diện của tướng Viktor Kulikov ở Hà Nội vào tháng chạp. Tướng Kulikov là phụ tá tổng trưởng quốc phòng của Liên Xô.

Ông Lehmann không nghĩ rằng vị tướng Xô Viết này đi dạo chơi ở thủ đô Bắc Việt chỉ với nhiệm vụ đại diện cho Liên Xô nhân dịp kỷ niệm 30 năm thành lập của Quân Đội Nhân Dân Bắc Việt : “Cũng không phải tướng Kulikov dùng hết thì giờ của ông ta để hát nhạc Giáng Sinh. Tại Miền Nam lúc bấy giờ con số bộ đội chết và bị thương cao gần bằng con số trung bình hàng ngày trong thời gian trước và trong cuộc tấn công năm 1972 ..”

Ông Lehmann nhắc lại là ” Phó tổng trưởng quốc phòng Liên xô Pavel Patitsky là người trực tiếp điều khiển dàn xạ phòng không ở Hà Nội, một tuần lễ trước ngày Bắc Việt mở cuộc tấn công mùa xuân năm 1972. ” Lúc đó Bắc Việt thất bại trong cuộc tấn công quy mô này. ” Công điện của cố vấn ngoại giao Lehmann được xếp loại “Kín”, vì thế nó cứ nằm kín mãi trong tủ hồ sơ thôi!

Một nhân viên khác của Tòa Đại sứ không bằng lòng cái lối đánh giá tình hình Việt Nam của Hoa thanh Đồn. Ông Thomas Polgar, trưởng cơ quan Tình Báo CIA tại Saigon đã đọc bản lượng giá trong phúc trình tháng chạp. Theo ông thì những phân tích gia ở Hoa thanh Đồn không “nằm trong chốn”, nên họ cứ nghĩ là cuộc tấn công của Bắc Việt sẽ kéo dài theo “kiểu chiến cuộc hồi năm 1914”, tức là trước hết phải tiến quân xuyên qua vùng phi quân sự trên vĩ tuyến 17 : “*chúng tôi thấy các phân tích gia vì muốn có một sự quân bình trong nhận xét, nên đánh giá thấp tiềm năng và từ đó khả năng thực sự của cộng sản về cường độ hoạt động của họ trong những tháng sắp tới.*” Ông Polgar nhấn mạnh tiếp: *không có một lý do nào để tin rằng cuộc tấn công quan trọng sắp tới của cộng sản sẽ giống như hồi năm 1972... Có nhiều chỉ dấu cho thấy là sẽ có một cuộc hành quân đại quy mô.*” Polgar căn cứ trên những sự tập trung của bộ đội Bắc Việt trên đường mòn Hồ chí Minh và những lời khai của tù binh Bắc Việt.

Tại Hoa thanh Đồn, người ta đặt giả thuyết là Bắc Việt sẽ mở các cuộc tấn công quan trọng trong năm 1975 vì năm 75 là năm bầu cử Tổng Thống ở Hoa Kỳ. Hai cuộc tấn công lớn của Hà Nội năm 1963 và 1972 hình như chứng minh được quy luật bất thành văn của chiến lược chánh trị quân sự của cộng sản.

Ý kiến này cũng là ý kiến của Bộ Ngoại Giao. Ở từng lầu thứ bảy của Kissinger, giống như các cố vấn của Tổng trưởng, ông Douglas Pike cũng nghĩ là trong những tháng sắp tới, Bắc Việt chỉ tung ra những cuộc tấn công có giới hạn. “Trận giặc cầm cờ” sẽ tiếp diễn : Miền Nam sẽ cầm cờ vàng sọc đỏ của họ trong đồng quê, còn cộng sản thì cầm cờ xanh đỏ của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam lên các xã, ấp. Trò chơi đổ máu độc ác này cứ kéo dài từ sau ngày ký kết Hiệp Định Paris.

Kissinger không lo ngại lắm. Còn nhiều bài toán nghiêm trọng hơn đang cần đến sự quan tâm của ông . Trong sáu tháng qua, ông thật sự bận rộn với Trung Đông và nền hòa bình quá bấp bênh ở đó từ sau cuộc chiến của Kippour. Người Á Rập đang chạy đua vũ trang. Đối với Do Thái thì phải có sự chấp thuận của Quốc Hội mới có được máy bay và hỏa tiễn. Kissinger còn phải làm trung gian hòa giải giữa người Hy Lạp và người Thổ Nhĩ Kỳ về chủ quyền của đảo Chypre. Ông còn phải lo giữ sự đoàn kết luôn luôn là mối đe dọa khỏi Bắc Đại Tây Dương (OTAN). Ông không tin là Miền Nam sẽ sụp đổ trong năm 1975.

Kissinger luôn luôn nhắc nhở cộng sự viên của ông là Tổng Trưởng Ngoại Giao Hoa Kỳ mỗi ngày theo sát và đối phó với 4 việc ưu tiên : (1) là chiến tranh bất thân với Liên Xô. (2) các nguồn năng lượng, và các ống dẫn dầu (3) sự phát triển nguyên tử (4) các điểm nóng không dự kiến được .

Việt Nam không nằm trong danh sách “ưu tiên”

Kissinger tin chắc rằng cả Liên Xô và Trung Cộng không ai có lợi gì để cho cuộc chiến tranh tiếp diễn khốc liệt hơn ở Việt Nam. Ở đây chỉ là chiến tranh loại gặm nhấm kiểu âm ỉ của đám lửa sắp tàn chớ không phải chiến tranh loại bộc phát kiểu lửa ngọn bùng cao... Theo tiếng lóng của các nhà chánh trị thì cuộc tranh chấp vẫn được giữ ở “cường độ thấp” . Liên Xô muốn có thư giãn trước cuộc chiến nhỏ bé và khôn khổ này. Leonid Brejnev vừa hủy bỏ chuyến viếng thăm Ai Cập vì không được khỏe. Còn Trung Cộng thì không muốn có một nước Việt Nam thống nhất, hùng mạnh ở sát biên giới phía Nam của mình. Tổng kết cuối năm 1974, Tân Hoa xã cho thấy quan điểm của lãnh đạo Bắc Kinh là “quan tâm thực sự đến Âu Châu “miếng thịt béo bở” mà hai siêu cường đang tranh nhau. Trong các chuyến viếng thăm Bắc Kinh, Kissinger không thấy Trung Quốc có một chút lợi lộc thật sự nào đối với người Việt Nam.

Kissinger nói “16 hay 18 giờ mỗi ngày là quá đủ để theo sát tất cả những gì liên quan đến 4 bài toán căn bản đó.” Đã có những cơ quan, và những nhóm nghiên cứu lo phần còn lại .

Ở vùng Đông Nam Á, lúc này là phải chú tâm lo cho tình hình Cam Bốt. Lực lượng Khmers đỏ đang tiến gần đến thủ đô Phnom Penh. Người ta không thể theo sông Mékong để đến Phnom Penh được . Chuyện đó mới đáng phải quan ngại. Không nên tự động gắn liền cuộc chiến ở Cam Bốt với Việt Nam. Mỗi giao hảo giữa cộng sản Bắc Việt và Khmers đỏ đã không được khắng khít lắm mà còn có vẻ khó khăn nữa, như Nguyen đưc Cuc đặc phái viên liên lạc với Khmers đỏ đã tiết lộ với giới ngoại giao ở Hà Nội . Trong tình hình quốc tế hiện tại, cộng sản Bắc Việt không có lợi gì để phiêu lưu trong những cuộc hành quân đại quy mô, mặc dầu mục tiêu cuối cùng của họ vẫn là thống nhất hai miền Nam Bắc. Kissinger không bao giờ tin như vậy.

Luận cứ của Hà Nội còn phức tạp hơn luận cứ của Kremlin hay của Bắc Kinh.

Ở vùng ngoại ô Hà Nội , bên lề quốc lộ 1, có một “cột cây số” cũ kỹ màu trắng và đỏ mà không một người Pháp nào có thể quên: “Sai Gòn 1789 kms” .

Tại Hà Nội khí hậu khắc nghiệt hơn Saigon . Ngày 1 tháng giêng này trời lạnh. Kiều xuân Tiến 22 tuổi đi xem chiếu bóng ở Hai Bà Trưng, bên cạnh bờ hồ. Vào hồi 8 giờ tối, người ta đang chiếu phần đầu của một cuốn phim Sô Viết, “Tháng Tám”: cuốn phim nói về đệ nhị thế chiến: người dân Liên Xô đã góp phần đem lại chiến thắng cho Đồng Minh hơn bất cứ sắc dân nào khác. Phim chiếu khó theo dõi : phim được trình chiếu từ bản gốc, đằng sau màn ảnh có một người thông dịch các mẫu đối thoại ..

Tiến là con của một Bác sĩ thuộc Chánh Phủ Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam (GRP), anh đã đến Hà Nội cách đây 4 năm sau một chuyến đi bộ dài khổ nhọc vượt đường Trường Sơn. Mẹ anh còn ở lại trong Nam. Tại đây anh đã tìm được cha. Vì thích đóng phim, anh đang được cho theo học lớp đặc biệt mà nếu anh đạt kết quả tốt thì anh sẽ được gửi đi thực tập ở Đông Bá Linh hoặc ở Mạc tư Khoa. Anh đang có mộng sẽ trở thành một Eisenstein Việt Nam. Người ta cho anh một tem phiếu loại 1 đồng, mà nếu anh bán lại theo giá chợ đen thì anh sẽ được 15 đồng. Chán cái phim xô viết này quá nhưng mà anh phải học , phải tự trao dồi...

Như thường lệ hằng ngày, bắt buộc phải vào trường, anh đã đọc xong tờ báo Nhân Dân, và tờ Lao Động, của đảng Lao Động, đảng cộng sản Việt Nam. Bài bình luận dự đoán “thắng lợi lớn của cách mạng” trong vòng 12 tháng sắp tới. Khác với cha anh, người thanh niên này không phải là đảng viên cộng sản. Tuy nhiên anh tin tưởng vào báo chí và truyền thanh của Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Trong những ngày gần đây, báo chí nhấn mạnh đến “chiến dịch thi đua”. Ngoài phố, trên đường, các nhà máy của thủ đô, đâu đâu cũng có những tranh vẽ lớn, với màu sắc rực rỡ tả chân cảnh các công nhân màu “xanh lơ” đang thi nhau làm việc, các bộ đội màu “xanh ve” đang chiến đấu, phụ nữ và trẻ con màu hồng đang khuyến khích anh bộ đội trong “cuộc chiến chống đế quốc” .

Ở Hà Nội người ta ít gặp các nhà ngoại giao “nước ngoài” như ở Saigon, và đời sống xã hội ít có dịp vui chơi hội hè. Các nhà ngoại giao không được phép rời khỏi thủ đô mà không có phép. Ít có cơ hội tiếp xúc với người Việt, họ sống riêng biệt với nhau. Ông John Fawcett, Đại sứ Anh Quốc là một nhà ngoại giao sống cô đơn nhất. Đối với người dân Bắc Việt, Anh Quốc là một “con ngựa thành Troie” của Hoa Kỳ . Nhiệm kỳ một năm của ông tại Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa được chấm dứt trong tháng này, và một xử lý thường vụ thường sẽ thay thế ông. Đó là ông John Steward. Vì từ 12 tháng nay chánh quyền Hà Nội từ chối ủy nhiệm thơ của ông đại sứ: Chánh Phủ Hoàng gia Anh không muốn nhìn nhận Chánh Phủ Lâm Thời Cộng Hòa Miền

Nam Việt Nam . Vì đối với người Hoa Kỳ hay người Anh, chánh phủ đó (GRP) không được độc lập. Không cần phải liên lạc với cái chánh phủ bù nhìn này, sẽ làm mất lòng Hoa Kỳ. Chánh Phủ Hà Nội chấp nhận sự có mặt của nhà ngoại giao Anh mà không cần ủy nhiệm đầy đủ: Bắc Việt chỉ cần sự có mặt của đại diện Anh Quốc ở Hà Nội để có chiếu khán cho họ đi Luân Đôn và nhất là Hong Kong. Trong bản phúc trình mãn nhiệm, ông John Fawcett dành nguyên một đoạn dài cho “chiến dịch thi đua” :

– “Đây không phải lần đầu . Công nhân được kêu gọi thi đua sản xuất, và tránh lãng phí. Có thể chiến dịch này thành công đó. Nhưng, khi tôi nhờ thông dịch viên của tôi để nói chuyện với một nhóm công nhân đang làm việc thật chậm chạp trong một tuần lễ dài chỉ để ráp những cánh cửa mới cho dãy nhà phụ của tôi – có phải các anh làm như thế là thi đua với nhau để tăng năng xuất phải không ? Có phải các anh làm như thế là để tăng trưởng kinh tế hầu xây dựng nhanh xã hội chủ nghĩa ? Có phải các anh làm như thế với hy vọng đạt được danh hiệu “công nhân danh dự xã hội chủ nghĩa” ?, Nghe vậy các anh thợ này còn tỏ vẻ vui thích hơn tôi nữa ! Sau đó để bù lại thời gian vui đùa của chúng tôi, trong hai ngày kế tiếp, họ còn làm việc còn chậm chạp hơn lúc trước nữa.”

Phúc trình cho thấy là ý định quản lý nhân sự của Bắc Việt không có chút gì thực tế hết. Thận trọng, nhà ngoại giao Anh nghĩ rằng cách quản lý đó cũng phải thận trọng . Đối diện với cộng sản Bắc Việt các nhà ngoại giao thường vui thích muốn thấy “cái gì cũng thực tế”

Ở phía Bắc Hà Nội cách Lao Kay 30 cây số ngàn, cách biên giới Trung cộng 50 kms, là trại tù Phong Quang. Nơi đây một ngàn người tù đang qua một ngày làm việc bình thường. Tù chánh trị và tù hình sự, lẫn lộn.

Anh Nguyễn Ký, tù chánh trị, đã trốn khỏi chế độ Miền Nam để đến Miền Bắc năm 1958. Anh là một giáo sư trung học và là một người viết sách. Ở đây người ta đã buộc cho anh cái tội là “trường giả quốc gia” (hay “tư sản quốc gia”) . người ta trách anh là người có “khuyh hướng tự nhiên” do đó anh bị bắt giam nhiều lần, lần cuối cùng vào năm 1964. Anh vừa được chuyển từ dãy A qua dãy B. Hôm nay anh trồng khoai mì (sắn). Ngoài một chiếc áo sơ mi anh còn mặc thêm một áo lạnh bằng len, thế mà anh vẫn run.. Các bộ đội với súng trường, và các cai tù đeo súng lục, canh gác nhóm 30 người tù của anh. Anh Ký phải lao động mỗi ngày 8 tiếng. Cái đói cào ruột anh. Một người lao động xấu chỉ lãnh được 9 kí khoai lang tây, hay sắn, hay gạo gọi là lương thực cho một tháng. Ngày 1 tháng giêng dương lịch không phải là một ngày lễ. Anh Ký ghét nhất các ngày chúa nhật và ngày lễ. Vì những ngày đó anh bị nhốt trong trại không ra ngoài được nên không “ăn cắp” được gì cả. Gọi là “ăn cắp” là tìm thêm chút rau cải hay vài loại cỏ khi lao động bên ngoài để ăn thêm.

Trong một dãy nhà khác của trại tù này, anh Nguyễn Chí Thiện, thường bị bắt giam nhiều lần hơn anh Ký. Hai người không biết nhau. Anh Thiện hay đọc thuộc lòng những bài thơ mà anh làm trong tù nhưng không sao chép ra được :

*Bạn ơi, khi tôi gặp bạn
Tôi sẽ nói
Đến khúc sắn, củ mài
Lịch sử tôi ? Bi lăm!
Chỉ có xích xiềng
Những loạt súng
Của tui hổ
Của phản bội
Lịch sử này*

*Bạn ơi, Làm anh thêm đau khổ
Nhưng kẻ thù sẽ phải sợ
Vì nó trường cửu
Vì nó dài vô tận
Vì nó rất cảm động
Đó là lịch sử
Của khúc sấn củ mài*

Trong tất cả các trại tù của Miền Bắc mà Phong Quang là một, cái đói theo đuổi người tù mãi mãi như một ác mộng !

*Chanh , chuối, cam, đường
Lạc, đậu, cơm, khoai
Là ân huệ
Của đảng
Ân huệ vĩ đại
Thật sự vĩ đại !*

Tại Saigon các nhà ngoại giao ước tính là các nhà tù có thể chứa từ 5000 đến 30.000 tù binh và tù chính trị. Nhưng ở Hà Nội những nhà ngoại giao dù là Đông Phương hay Tây Phương cũng không có một ý niệm nào về con số tù nhân chính trị .

Ở Miền Nam, Hội Hồng Thập Tự và những phái đoàn điều tra quốc tế được phép viếng thăm các trại tù. Còn ở Bắc Việt thì không bao giờ !

Chương 2 Phước Long: Trời cũng phải nhỏ lệ

Ở Việt Nam, tên của một số thành phố có liên quan đến lịch sử, đến truyền thuyết hay đến hoàn cảnh: Saigon náo nhiệt, Hà Nội khắc khổ, Huế hoàng gia, Phát Diệm công giáo ... v.v..

Phước Bình thuộc tỉnh Phước Long là một thị trấn nhỏ nằm sát biên giới Cam Bốt, không có gợi lên ý niệm gì hết ngoại trừ đối với công chức, nó là một mảnh đất lưu đày.

Mười năm trước đây, một toán đặc công Việt Cộng đã tấn công Phước Bình, năm binh sĩ Hoa Kỳ tử thương, và 12 bị thương. Bây giờ từ trung tuần tháng chạp/ 1974, hai sư đoàn chánh quy Bắc Việt, sư đoàn 3 và sư đoàn 7 đang di chuyển về Phước Bình, quận lỵ của tỉnh Phước Long, một thị trấn nhỏ nằm ngay khúc quanh của con rạch dưới một triền núi của vùng Cao nguyên. Dân số của tỉnh này không quá con số 50.000, phần lớn là đồng bào thượng, người Mán và Hmong. Ở đây không có ruộng. người “thượng” sống trong rừng, trồng cao su và khoai mì.

Đối với dân Saigon, Phước Bình là miền “Cực Tây” (Far West), dù nó nằm về hướng Bắc, cách thủ đô 115 cây số. Thị trấn chỉ có một con đường chánh mà dân chúng sống tập trung ở đó, con đường này còn được dùng như một phi đạo nữa. Và ở cuối phi đạo là tòa hành chánh, có một gác chuông nhỏ trên nóc. Ở dọc hai bên vừa đại lộ vừa phi đạo này là doanh trại của quân trú phòng: 3000 binh sĩ chánh quy, và khoảng 1000 Bảo an, Dân vệ. Họ ở cả trong các dãy trại và trong các nhà tranh cất dài theo hai bên đường.

Tất cả các trục lộ về tỉnh này đều bị cắt đứt. Quân Bắc Việt đã chiếm hết bốn quận chung quanh, đang bao vây tỉnh theo thế gọng kềm.

Tại Saigon Bộ Tham Mưu Miền Nam Việt Nam đang theo sát những diễn tiến này.

Tướng Cao văn Viên, Tổng Tham Mưu Trường Liên Quân rất lo ngại: nằm về phía Đông Bắc của Phước Bình là ngọn núi Bà Rá, cao 723 thước, là một trung tâm truyền tin.

Đã từ lâu rồi, Saigon phải tiếp tế cho tỉnh bằng phi cơ cánh quạt hoặc bằng trực thăng. Mỗi tháng khoảng 500 tấn gạo, đường, muối, xăng dầu và đạn dược.. Chánh phủ Saigon và những người có trách nhiệm quân sự ở đây chỉ bám theo một công thức và những con số thống kê: “còn nắm được tình lý là tỉnh đó coi như chưa mất”, và ” cộng sản chiếm đóng 18% lãnh thổ Việt Nam và kiểm soát 10% dân số.” Chúng ta hãy nhìn thử xem: Làm sao nắm biết được những con số này? vì sau 30 năm đánh nhau không có một kiểm kê nào gần đây hết? với những người dân quê nay đi mai đến, và dân lánh nạn thì nay đến mai đi?

Không còn nghi ngờ gì nữa, các trung đoàn Bắc Việt đang đổ về hướng Phước Bình. người ta nhận dạng được ngay qua vũ khí của họ, qua đồng phục màu “xanh ve” và nón cối của họ, và nhất là qua giọng nói của họ. Lính việt cộng thuộc Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam không bao giờ có đồng phục, thường mặc bà ba đen và đội nón vải với một khăn rằn choàng cổ.

Cả bộ tham mưu Saigon và của tỉnh đều hoàn toàn bị bất ngờ, khi Bắc Việt tấn công mạn Nam của tỉnh lỵ hồi 7 giờ sáng ngày 1 tháng giêng, với 40 xe tăng T.54. Binh sĩ trú phòng chặn đứng được đợt tấn công đầu tiên này.

Chiến xa T.54 là một loại tăng nhẹ, dài khoảng 7 thước, nặng 36 tấn, là một loại cơ giới mạnh có tốc độ đường trường lên đến 48 cây số/ giờ, bình thường có thể hoạt động trong vòng 500 kms, và 700 kms nếu có bình xăng phụ. T.54 được trang bị một đại bác 100 ly với 34 quả đạn

trên xe. Liên Xô không viện trợ cho Bắc Việt loại chiến xa biển chế T.62 và T.10, nặng 50 tấn có trang bị đại bác 210 ly. Nhưng họ có cho Bắc Việt xe lội nước PT 76, nặng 14 tấn. Phía Việt Nam Cộng Hòa thì có chiến xa M.48 mạnh hơn nhiều, nhưng chiến xa T.54 có thể đương đầu với M.48 không khó. Dĩ nhiên kháng chiến quân của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam thì không được Hà Nội giao cho một chiến xa nào hết.

Lực lượng bộ binh Bắc Việt bao vây cứ điểm núi Bà Rá và mở nhiều đợt xung phong mặc dầu cứ điểm này có được không quân yểm trợ. Phi công Miền Nam phải liều lĩnh xuống thấp có khi đến 1500 thước, họ ít khi bay dưới 3000 thước vì sợ cao xạ phòng không dày đặc của Bắc Việt. Ở đây không phải là vấn đề gan dạ, mà vì phi công nhận được lệnh nghiêm ngặt lắm: họ phải tiết kiệm máy bay. Hôm nay không có mây mù thường bao phủ tỉnh lỵ vào sáng sớm, tầm nhìn vừa rõ vừa xa. Bắc Việt đã bố trí gần núi Bà Rá những khẩu pháo 130 ly nên nhanh chóng 8 khẩu 105 ly và 4 khẩu 155 ly của Miền Nam không còn sử dụng được nữa..

Ngày hôm sau, Tổng Tổng Nguyễn văn Thiệu họp các tướng lĩnh, có sự hiện diện của Phó Tổng Thống già nua Trần văn Hương nặng về pháp lý hơn về chiến lược, và Thủ Tướng trầm lặng Trần thiện Khiêm. Người ta bàn cãi xem có cần phải tăng cường viện binh cho Phước Bình hay không? Tăng cường bao nhiêu? Với lực lượng nào? v.v...

Trong 48 giờ giao tranh, lực lượng trú phòng của tỉnh bắn hạ tại chỗ 15 chiến xa Bắc Việt. Nhưng bộ đội Miền Bắc cứ tiến tới. Chiến thuật của họ gây bất ngờ cho mọi người: các tiểu đội bộ binh đi liền sau các chiến xa. Chiến xa cứ tiến tới mặc cho bộ binh chết cứ chết, nhưng đôi khi các chiến xa cũng lui trở lại để đưa một số bộ binh khác tiến lên theo. Họ đánh chiếm từng cứ điểm, từ nhà này qua nhà khác, từng chòi tranh này sang chòi tranh khác. Chiến xa được tăng cường các tấm chắn bằng sắt phía trước để chống đạn bộc phá vì loại đạn này sau khi xuyên phá qua lá chắn sẽ nổ ngay ở khoảng trống nhỏ giữa lá chắn và vỏ chiến xa. Do đó hỏa tiễn M.72 của binh sĩ Miền Nam không còn hữu hiệu nữa được. Đôi khi vì bắn quá gần nên hỏa tiễn không kịp xuyên phá, chỉ trúng lá chắn rồi nảy vọt đi, nổ xa xa ở chỗ khác. Hơn nữa chiến xa thường đóng kín các cửa nên binh sĩ Miền Nam khó mà tung lựu đạn vào chiến xa qua pháo tháp.

Các doanh trại, hầm trú ẩn và giao thông hào là mục tiêu của pháo binh Bắc Việt nên hầu hết đều bị sụp đổ thảm hại vì đạn pháo.

Phước Bình nằm trong lãnh thổ trách nhiệm của Vùng 3 Chiến Thuật, Bộ Tư Lệnh Vùng 3 đóng tại Biên Hòa, nơi đây có căn cứ không quân quan trọng, nằm về phía Bắc Saigon chừng 30 cây số. Tướng Đur quốc Đống Tư Lệnh Vùng 3, quyết định sẽ chiếm lại thị trấn Phước Bình, nên xin tăng cường lực lượng. Ông dự trù hành quân trực thăng vận đồ binh sĩ thuộc binh chủng Dù xuống phía Bắc thị trấn đồng thời tiếp tế đạn dược cho quân trú phòng. Nhưng ông Thiệu từ chối, tướng Đống xin từ chức, ông Thiệu không cho.

Có nhiều cuộc bàn cãi rất sôi nổi ở Biên Hòa và Saigon:

- Phải chăng Bắc Việt muốn đánh lạc hướng khi họ tấn công Phước Bình?
- Hình như Bắc Việt đã sẵn sàng tiến đánh Biên Hòa, vì từ nơi đây các chiến đấu oanh tạc cơ sẽ bay đi yểm trợ các cuộc hành quân khắp vùng 3 Chiến Thuật.
- Cộng sản cũng có thể vừa đánh chiếm Phước Bình vừa đồng loạt tiến đánh cả 3 vùng chiến thuật khác.

Do đó ông Thiệu không muốn rút quân ở đâu cả. Tư Lệnh Vùng 3 đòi hỏi vài trung đoàn binh sĩ thuộc binh chủng nhảy dù. Người ta chỉ đồng ý cho ông 2 đại đội biệt kích dù, khoảng 200 người tinh nguyện và chuyên hành quân biệt kích, thuộc tiểu đoàn “81 biệt kích dù” đang đóng ở Biên Hòa.

Ngày 4/ tháng giêng, trên Phước Bình mây thấp và mây đen kịch. Trời mưa to: cuộc hành quân trực thăng vận không thực hiện được, Hai đợt cố gắng đổ quân đều bất thành. Chỉ có một lần Biên Hòa liên lạc vô tuyến được với Phước Bình nhưng nghe rất yếu.

Đến 8 giờ sáng ngày 5 tháng giêng, 120 biệt kích dù mới được đổ xuống phía Đông của thị trấn. Trực thăng có bị trúng đạn phòng không nhưng đã bay về được. Toán biệt kích bắt tay được với quân trú phòng, bố trí được một vài điểm tựa phần lớn nằm chung quanh dinh tỉnh trưởng. Vũ khí chống chiến xa M72 rất hữu hiệu đối với các T.54 nhưng toán biệt kích không mang theo được nhiều.

Đến 21 giờ thì có tin là gần phân nửa toán quân tăng cường bị loại khỏi vòng chiến. Người ta không thể tản thương được. Lực lượng bảo an người thượng chiến đấu rất tốt nhưng lòng trung thành của họ bị giao động. Biệt kích dù cho biết là tình hình tuyệt vọng lắm. Nhưng họ cũng cố tổ chức lại một tuyến phòng thủ chung quanh trung tâm hành chánh và dinh tỉnh.

Sáng hôm sau, ngày 5 tháng giêng, quân Bắc Việt lại tiếp tục tấn công với một số chiến xa và bộ binh khác, đánh nhau suốt cả ngày.

Ngày 6 tháng giêng chịu hết nổi, nhóm biệt kích dù và những binh sĩ trú phòng còn sống sót rút chạy ra khỏi tỉnh. Lợi dụng trời tối, họ rút đi từng toán nhỏ, không liên lạc vô tuyến, không được yểm trợ, có khi cũng không có vũ khí và đạn dược, họ tiến về phía bìa rừng và đi về hướng đồng ruộng.

Tổng kết của trận tấn công này quá xấu về mặt quân sự, mặc dầu trên phương diện chiến lược thị trấn nhỏ bé của cái tỉnh đèo heo hút gió này có mất đi cũng không có gì quan trọng lắm. Tính ra chỉ còn có 850 người sống sót về được, mất đi 5.400 người vừa sĩ quan vừa binh sĩ. Gần phân nửa quân số của một sư đoàn! Hai vận tải cơ C.130 bị hạ. Saigon có cả thầy là 32 vận tải cơ loại này. Đây là một đòn hơi nặng, trên phương diện chánh trị: cộng sản đã chiếm được một tỉnh. Và đây là lần đầu tiên mà quân chánh phủ không tái chiếm lại được.

Cũng là lần đầu tiên mà trong một cuộc tấn công lớn như vậy quân đội Mỹ không can thiệp. Từ ngày ký Hiệp Định Paris, hai năm trước, các tư lệnh 4 Vùng Chiến Thuật đều có đến thăm Bộ Tư Lệnh Không Lực Hoa Kỳ ở Đông Nam Á, đóng ở Nakhon Phanom, Thái Lan. Hệ thống liên lạc viễn thông từ đây được nối liền đến Saigon và các Vùng Chiến Thuật của Miền Nam Việt Nam. Người ta luôn luôn giải thích và chỉ dẫn thủ tục liên lạc cho các Tư lệnh Vùng, để họ có được sự yểm trợ chiến lược của không lực Hoa Kỳ dễ dàng. Các vị Tư lệnh này không có một phút nghi ngờ nào về quyền được oanh tạc cơ Hoa Kỳ yểm trợ. Nhưng vừa rồi tại sao oanh tạc cơ không đến?

Tổng Thống Thiệu cho lệnh toàn quốc để tang 3 ngày, đóng cửa các hộp đêm, vũ trường, rạp hát, chiếu bóng. Cấm luôn các trận đá bóng, các buổi đua ngựa, dù đã có chương trình. Các biểu ngữ được treo khắp thủ đô đại ý: “Quân lực Việt Nam Cộng Hòa sẽ đòi món nợ máu này” Nhiều cuộc biểu tình được tổ chức trước trụ sở của Ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Ngừng Bán. Trong suốt cuộc chiến ở Phước Bình, nhân viên của Ủy Hội một lần nữa đã cho thấy sự bất lực lạ lùng của họ. Họ cũng không thương lượng được một thời gian ngưng tiếng súng để

tàn thương hay đưa dân chúng vô tội ra khỏi vùng khói lửa. Các thương gia, công chức, dân quê và 2 nữ tu sĩ và 400 cô nhi đã về được đến Saigon.

Người Mỹ ở Saigon đã cố gắng làm một bản tổng kết tuy có khổ tâm. Trong bản phúc trình của mình ông William Le Gro, người có trách nhiệm về tin tức tình báo ở cơ quan quân sự Hoa Kỳ, đã cho biết là tổn thất của Miền Nam làm cho người ta chóng mặt. Người tài xế của ông ta than rằng: “Đến Trời cũng phải khóc cho Phước Long”

Tại Hoa thành Đốn, ngày 7 tháng giêng, ông Kissinger có buổi họp với toán hành động đặc biệt của ông ta. Các chuyên viên trao đổi nhau nhiều câu hỏi về trường hợp Phước Long:

– “Đây có phải là một cuộc hành quân quan trọng không?”

William Colby, trưởng cơ quan CIA cho là ” Không.”

– Làm thế nào để cứu vãn tình hình của Vùng 3 Chiến Thuật đây?

– Có nên gọi đến đó oanh tạc chiến đấu cơ và nhất là oanh tạc cơ chiến lược B.52 không?

– Trên lý thuyết Không Thể Được: Dự luận quân chúng Mỹ sẽ coi đó là một hành động tái can thiệp của Hoa Kỳ mà họ không muốn. Tuy nhiên trận tấn công của Bắc Việt là một vi phạm trắng trợn và quan trọng nhất đối với Hiệp Định Paris kể từ năm 1973.

Người Mỹ là những người duy nhất đã thi hành Hiệp Định Paris, trừ điều 6 là điều dự trừ ” Mỹ phải phá bỏ hết các căn cứ quân sự của họ trên lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa trong vòng 60 ngày” sau khi Hiệp Định được phê chuẩn. Đó chỉ là phương diện pháp lý còn thực tế thì giống như một trò xảo thuật: người Mỹ không có phá hủy các căn cứ quân sự của họ mà chỉ chuyển giao qua cho QLVNCH. Họ thi hành pháp luật một cách kỳ diệu! Trái với những cam kết, thỉnh thoảng họ cũng cho phi cơ quan sát bay trên không phận lãnh thổ Bắc Việt. Không có gì để ngụy trang cho những vi phạm kiểu đó!

Các cộng sự viên của Tổng Thống Ford muốn quên Việt Nam. Trước ngày bầu cử Tổng Thống Hoa Kỳ, ông Ford không có lợi lộc gì khi ông muốn gắn hình ảnh của mình vào một hành động tái can thiệp của Hoa Kỳ vào Việt Nam. Người ta muốn có một Tổng Thống trong trắng. Sự kiện Việt Nam đã qua đi rồi mà Ngũ Giác Đài chỉ thấy có mất mát mà không thấy có lợi ích nào hết. Từ khi người binh sĩ Hoa Kỳ rút khỏi Miền Nam hay người tù binh Mỹ ở Miền Bắc được đưa trở về nước, đối diện với Việt Nam, Hoa thành Đốn bị trầm mình trong tội lỗi ôi thúi, mất hết cảm giác. Càng ít gọi lại bao nhiêu thì bài toán sẽ mờ nhạt bấy nhiêu. Cuộc chiến Việt Nam lẽ ra phải tàn lụi dần khi người ta không còn găng với nhau quá....

Nhóm hành động đặc biệt không đạt được một quyết định nào. Ông Kissinger hình như quá mệt mỏi. Ông ta đã nhắc đi nhắc lại sau khi ký Hiệp Định Paris: “Nếu chúng ta xét thấy rằng Bắc Việt đã thương thuyết với những ý đồ xấu thì chúng ta sẽ có phản ứng mạnh và ngay tức khắc”

Hạ thấp giọng, chậm rãi nhưng cứng rắn, ông Kissinger giải tán phiên họp đặc biệt với một câu đầy bản chất của một người Đức:

– “Chúng ta thuộc loại người nào đây?”

Các nhân viên dân chính và quân sự trong nhóm tự hỏi: Không biết ông Tổng Trưởng nghĩ gì thế? Chắc chắn là ông nghĩ đến sự khả tín của Hoa Kỳ !

Nhỏ thó nhưng người béo phịch, ông Kissinger, 52 tuổi, là một Tổng trưởng Ngoại Giao nổi tiếng nhất của Hoa Kỳ, được mến chuộng nhưng cũng bị nhiều phê phán. Ông dính vào chuyện Việt Nam từ 10 năm nay. Từ sau ngày bầu cử của ông Nixon năm 1969, ông được giao nhiệm vụ chánh trị đối ngoại, kế đến là cố vấn an ninh và sau đó là Tổng Trưởng Ngoại Giao. Ông Kissinger là một giáo sư đại học có giá trị, một công chức hăng say, một chánh trị gia năng nổ trong hoạt động, ông có một nghệ thuật là lướt trong chính ngành ngoại giao của mình, từ đó ông có cơ hội trở thành một nhà luân lý.

Trong những ngày đầu tháng giêng này, tinh thần của ông chú trọng đến danh dự của Hoa Kỳ. Với một tinh thần thực tiễn, thích điều khiển các nước khác hoặc vận dụng các chánh trị gia, ông là một bộ trưởng thường không giữ được hòa khí với nhóm quan lại của mình, thích giữ những bí mật cũng như vinh quang của riêng mình, có lối sống buông thả, muốn tới đâu thì tới. Ông có tầm nhìn chánh trị tổng quát. Ông tìm mọi cách để củng cố “cấu trúc hòa bình” mà ông xem là một thể quân bình mới của thế giới, xuyên qua sự kiểm soát vũ khí chiến lược. Không còn có sự căng thẳng giữa các siêu cường vì cuộc chiến tranh khốn khổ ở Việt Nam nữa. Ông Kissinger cũng đồng ý phần nào với nhận định của ông Galbraith và những người khác thường nói đùa là: “nếu người Mỹ chúng ta không vấp phải nhiều làm lỗi thì cái quốc gia nhỏ bé kia không bao giờ thoát ra khỏi nơi tối tăm mà họ rất xứng đáng phải nhận lấy.” Ông Kissinger phải tốn cả 8 năm dài mệt mỏi cho Việt Nam. Tổng Thống Ford giao hết cho ông Kissinger phần lớn các vấn đề ngoại giao. Khác hơn ông Nixon, ông Ford không có ý kiến gì trong vấn đề này. Ông bắt lực trong việc tìm kiếm quan điểm để làm vui lòng tổng trưởng của mình. Với cá tánh chậm chạp nhưng là một người có nhiều sáng kiến, ông Nixon có tầm nhìn xa rộng khắp. Nhưng người kế vị Nixon không được như vậy nên ông Kissinger thường nói: “Thật tình mà nói thì tôi cảm thấy gần ông Ford hơn là ông Nixon” điều mà chúng ta phải hiểu là trên phương diện tri thức.

Thường gặp những đổi ý bất thần, có khi đến phải chán nản, ông Kissinger phải tốn ba năm rưỡi để thương thuyết với phái đoàn Hà Nội để đạt được một hiệp ước mà uy tín của Hoa Kỳ không bị mất. Những cuộc bàn cãi chính thức và những buổi “đi đêm” thảo luận riêng tư với Lê đức Thọ, cố vấn đặc biệt của phái đoàn cộng sản Bắc Việt tại Ba Lê, đã dẫn tới Hiệp Định Paris. Theo Kissinger thì Hiệp Định không được hoàn hảo lắm, nó chỉ giúp cho quân lực Hoa Kỳ rời khỏi Việt Nam đang hoang trong danh dự, mặc dầu có sự chỉ trích triền miên của cánh hữu tại Mỹ. Lâu lắm ông Thiệu không chịu ký vào Hiệp Định. Với một số cộng sự viên, Kissinger cho thấy hình như ông ta hâm mộ những người đại diện phía Bắc Việt hơn là những người của Saigon. Tại thủ đô Miền Nam Việt Nam người ta cho Kissinger cái tên là “nhà ngoại giao đi đêm” và “vua dấu diếm” vì người ta không muốn nói thẳng ông là một thằng hèn, đạo đức giả. Tới năm 1975 thì Kissinger xa cách Việt Nam trên cả mọi phương diện tâm lý cũng như thực tế. Ông chưa hề đặt chân đến Việt Nam từ sau tháng 10 năm 1972, nơi đó ông có một kỷ niệm không tốt gì lắm:

ông Kissinger muốn cho ông Thiệu chấp thuận bản dự thảo Hiệp Định của ông ta. Cuộc gặp gỡ thật nặng nề, ông Thiệu gọi Kissinger là “thằng chó đẻ”. Kissinger nói trước khi rời Saigon :

– “người ta đã chửi tôi thậm tệ nên chắc tôi không bao giờ trở lại Saigon nữa.”

Một trong những người đối thoại với ông, ông Hoàng đức Nhã, em họ ông Thiệu và là Tổng Trưởng Thông Tin, chọc tức ông Kissinger khi ông chỉ trích Hiệp Định từng điểm một.

Ông Thiệu và ông Nhã đều tin chắc là ông Kissinger hoàn toàn là một người vô liêm sỉ mới đặt bút ký Hiệp Định Paris 1973 với Bắc Việt : “Hoa Kỳ nhận tù binh của họ và an toàn rút quân đội Mỹ về nước, mà trong thâm tâm Hoa Kỳ vẫn biết rằng cộng sản Hà Nội không bao giờ buông bỏ ý định thống nhất Việt Nam bằng vũ lực.”.

Ông Kissinger và cộng sự viên của ông đã có nhiều lý do để tin tưởng rằng Hiệp Định dù có yếu kém nhưng cũng có thể đứng vững được : đến một thời điểm nào đó thì việc Việt Nam Hóa quân lực Saigon sẽ cho thấy sự hữu hiệu của nó. Ông Nixon đã đặt hết sự tin tưởng vào đó, nhưng ông Kissinger thì không . Trên căn bản, binh sĩ Miền Nam chỉ có thể đương đầu hữu hiệu với những cuộc tấn công của Bắc Việt ở cường độ trung bình đến cấp trung đoàn. Nhưng ông Thiệu không thể chận đứng được một số lớn sư đoàn Bắc Việt. Dù vậy, chắc Hà Nội sẽ không phiêu lưu trong một cuộc tổng tấn công đâu. Bộ Chánh Trị còn sợ phản ứng của ông Nixon. Ông ta không bao giờ do dự để tung các phi cơ B. 52. Chính ông Nixon đã cho lệnh thả bom ngay vùng thủ đô Hà Nội vào tháng chạp 1972 để kéo Bắc Việt trở lại bàn hội nghị, và tựu trung thì sự khuyến cáo đó có hiệu quả. Hơn nữa, gạt ra ngoài các khó khăn nội bộ, chánh phủ Miền Nam vẫn có phần nào năng nổ tích cực nhất là trên bình diện kinh tế. Chánh phủ không được bình dân lắm nhưng dân chúng Miền Nam không bao giờ nổi dậy.

Cuối cùng, những người có trách nhiệm ở Miền Bắc đã đưa nhân dân mình vào một cuộc chiến quá lâu dài, bền bỉ khó tả, dựa vào sức mạnh của quân đội và công an hùng hậu để cai trị một xã hội bị vắt khô cạn đến hết máu. Họ hy vọng được Hoa Kỳ viện trợ khoản hơn 3 tỷ mỹ kim mà họ quan niệm là “bồi thường chiến tranh”. Ở Paris, Bắc Việt nhấn mạnh điều khoản 21 của Hiệp Định, điều khoản dự trù một sự “hòa giải” và quy định Hoa Kỳ sẽ đóng góp vào việc “hàn gắn vết thương chiến tranh” và “tái thiết Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa sau cuộc chiến”, theo đúng truyền thống chánh trị của Hoa Kỳ . Danh từ “hàn gắn vết thương chiến tranh” là một cụm từ thuần túy của Bắc Việt đã đưa ra mà Hà Nội đã nhấn mạnh và được thấy khắp nơi trên các bản văn tuyên truyền của Hà Nội.

Ông Kissinger tin rằng lãnh đạo quốc gia nào cũng hành động đúng theo quyền lợi của nước họ. Đối diện với những người lãnh đạo Bắc Việt ông có đánh giá quá thấp sức mạnh về ý thức hệ của họ không ?

Cân nhắc lợi và hại, ông Kissinger đặt Hiệp Định Ba Lê vào khung cảnh của không khí hòa dịu bớt căng thẳng giữa Hoa Kỳ, Liên Xô, và Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa. Ông cũng như mọi người đều nghĩ rằng Mạc tư Khoa và Bắc Kinh sẽ thúc đẩy Hà Nội đi đến một sự tự chế. Cả hai thủ đô cộng sản này hẳn phải có phương thức để thúc ép Bắc Việt: Họ đã tiếp tế cho Bắc Việt cả về quân sự lẫn kinh tế. Trong cái nhìn của Kissinger, tất cả đều đứng vững hết: ông nghĩ tới mối liên hệ giữa sự “thư giãn” quốc tế” giữa các cường quốc để dập tắt lần lần ngọn lửa chiến tranh ở Việt Nam.

Sáu tuần lễ trước khi Phước Long bị tràn ngập, Tổng Thống Ford và ông Brejnev đã gặp nhau ở Vladivostock từ ngày 23 đến 24 tháng 11 năm 1974 . Họ đã quyết định tăng cường mối giao hảo giữa Hoa Kỳ và Liên Xô.. Thật khó có thể và không hợp lý chút nào khi Bắc Việt làm hỏng những thỏa thuận của các siêu cường ! Đối với ông Kissinger vừa là tác giả vừa là người thực hành chánh sách liên kết, ông phải chỉ cho Liên Xô và Trung Quốc thấy là sự “thư giãn” phải được dùng như một áp lực đối với bài toán Việt Nam. Kissinger đã “mua” Liên Xô qua việc Hoa Kỳ cho Liên Xô được hưởng quy chế tối huệ quốc về thương mại. Nhưng cách đây vài tháng vào mùa thu 1974, nghị sĩ Henry Jackson, có khả năng là ứng cử viên Tổng Thống, đã đưa ra một dự luật theo đó: “thư giãn phải liên kết với việc cho phép người Do Thái được rời khỏi Liên Xô”. Một dự luật khác cũng hạn chế mức nợ cho Liên Xô vay. Tất cả những

chuyện đó không thể khuyến khích Liên Xô trong hành động hợp lý được . Do đó năm 1975 Liên Xô thấy không có lợi lộc gì khi phải thắng các đồng chí Bắc Việt của họ lại.

Trong năm 1974, cho tới ngày từ nhiệm của Nixon, không khí còn có vẻ thuận lợi.

Từ thủ đô cũng như từ các tòa đại sứ của họ, Liên Xô và Trung Quốc đã bắn tiếng cho biết là họ vẫn tiếp tục viện trợ kinh tế cho Bắc Việt, nhưng sẽ giảm bớt viện trợ quân sự.

Ông Kissinger biết rõ chỗ yếu chính của Hiệp Định Paris trên phương diện quân sự: Ông đã không cho Việt Nam Cộng Hòa biết là ông đã không ràng buộc Hà Nội phải rút hết bộ đội Bắc Việt ra khỏi lãnh thổ Miền Nam , một cách rõ ràng và minh bạch. Do đó quân đội Bắc Việt đã lợi dụng điểm mập mờ này để bám trụ nguyên tại chỗ. Hơn nữa Bắc Việt đã không bao giờ tôn trọng những điều khoản quy định về vũ khí và quân dụng hiện có của Hai Bên:

” mỗi cây súng cũ, mỗi khẩu pháo cũ, mỗi quân xa cũ, -tất cả- chỉ có thể được thay thế với thể thức “một đổi một”. Tất cả những chuyện thay thế đó, phải tọa lạc ở những điểm chính xác , và phải được “Ủy Hội Quốc Tế” giám sát nghiêm chỉnh đúng luật lệ như Hiệp Định đã quy định” , một điều khoản không bao giờ được Bắc Việt thi hành.

Một kẻ hở nữa của Hiệp Định, lần này là chánh trị:

” trên bình diện “chế độ tương lai của Miền Nam ” Hai Bên Việt Nam sẽ thương thảo với nhau”.

Ông Kissinger thừa biết là điều khoản này không bao giờ thực hiện được, cũng giống như việc hình thành một “Hội Đồng Hòa Hợp Hòa Giải Quốc Gia”. Hãy tưởng tượng xem bằng cách nào mà hai kẻ thù hung hãn ngồi lại được với nhau để cùng nhau cai trị một thôn ấp? đừng nói chi đến cả một nửa nước Việt Nam ? Biết vậy nhưng ông Kissinger vẫn còn tin rằng phải bằng mưu mẹo đó, mình mới thắng Bắc Việt được một điểm:

” cho tới mùa hè năm 1972, phái đoàn thương thuyết Bắc Việt vẫn muốn liên kết chuyện ngừng bắn với một dàn xếp chánh trị ” (ai cũng muốn có một sự liên kết nào đó của riêng họ). Ông Kissinger vẫn còn tin rằng. Đây là một thắng lợi ngoại giao của mình, vì bù lại Hà Nội không còn đòi hỏi sự ra đi của ông Thiệu nữa, điều này cho phép được giữ lại một “cơ cấu chánh trị mạnh ở Miền Nam Việt Nam “.

Cũng như ông Thiệu và ông Nhã, người dân Miền Nam không bao giờ chấp nhận một Hiệp Định Paris mặc nhiên thừa nhận sự có mặt của bộ đội chánh quy Bắc Việt tại Miền Nam.

Trong tỉnh Phước Long có nhiều sự vận chuyển quy mô của các đơn vị chánh quy Bắc Việt cấp trung đoàn và cả cấp sư đoàn. Cho dù cuộc tấn công này là một cuộc tấn công hạn chế, thì trò chơi kiên nhẫn gom góp dữ kiện và phân tách tình hình của ông Kissinger cũng bắt đầu tan rã.

– Làm gì hơn bây giờ ?

– Xin thêm ngân khoản bổ túc cho Miền Nam Việt Nam ?

Quốc Hội và nhất là Hạ Viện Hoa Kỳ giờ đây đa số dân biểu thuộc đảng Dân Chủ, trong nhóm của nghị sĩ George Mc Govern, một người chủ trương hòa bình cực đoan. Năm 1974 Quốc Hội đã cắt giảm mức viện trợ quân sự cho Miền Nam Việt Nam từ 1 tỷ xuống còn 750,000

trong đó có cả phần 300 triệu dành trả lương cho nhân viên dân chính và quân sự thuộc Cơ Quan Quân Sự Hoa Kỳ ở Saigon rồi. Trong cuộc chiến tranh Kippour, Do Thái đã nhận được trên 2 tỷ viện trợ quân sự của Hoa Kỳ. Phần lớn những người dân biểu Hoa Kỳ thấy cần phòng vệ cho Do Thái hơn là Việt Nam. Nhìn kỹ lại, nếu tính luôn sự tăng giá dầu do cấm vận của các nước Ả Rập, thì viện trợ cho Saigon coi như bị giảm một nửa.

Đối với ông Kissinger, thì mặt trận thứ hai của cuộc chiến Việt Nam nằm ở Hoa thành Đôn, ngay tại Quốc Hội và cũng là ngay trong chánh phủ Hoa Kỳ. Nhiều thành viên của chánh phủ xưa kia là điều hâu. Bây giờ thì hết rồi, họ cho biết như vậy, giống như Tổng Trưởng Quốc Phòng James Schlesinger. Một khi đã ra khỏi chánh phủ rồi thì từ một Mc Namara, một Clarke Clifford, một George Bundy, cho tới những người đã triệt để theo Tổng Thống Johnson, bây giờ họ ước tính là phải ra khỏi vũng lầy Việt Nam. Những người này vẫn nghĩ rằng cái gọi là GRP (Chánh Phủ Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam) cũng chỉ là cánh tay của Hà Nội ở Miền Nam mà thôi, và cộng sản Việt Nam cũng độc tài như các đảng cộng sản khác. Những nghị sĩ nặng ký chống cộng thì có John Stennis hay Richard Russell. Những con điều hâu cũ bây giờ ngã theo đám bò câu nổi tiếng trong Thượng Viện, George Mc Govern, Frank Church, Albert Gore, Wayne Morse, Edward Kennedy. Ngay như tại Nhà Trắng, ông Kissinger chỉ còn có thể tính đến những người đồng minh tự nhiên của ông. Một vài vị thân cận với ông Ford tin tưởng là bài toán Việt Nam tự nó sẽ tan biến thôi. Một mối, như bị bao vây, Kissinger không dứt than van:

– ” Không biết chúng ta thuộc loại người gì ? “

Và cộng sự viên của ông nhận thấy ông đang cắn móng tay....

Sáng ngày 7 tháng giêng, Tướng Viên gọi điện thoại cho ông Thiệu. Tham mưu Trưởng Liên Quân báo cáo cho Tổng Thống. Những phi cơ thám sát trên không phận Phước Bình cho biết là mọi dấu hiệu kháng cự coi như đã chấm dứt.

Tại Dinh Độc Lập, ông Thiệu triệu tập một phiên họp đặc biệt. Có mặt Phó Tổng Thống, Thủ Tướng, hai Phó Thủ Tướng Trần văn Đôn và Nguyễn văn Hảo, hai vị Chủ Tịch Thượng Viện và Hạ Viện, Chủ tịch Tối cao Pháp Viện, và tướng Đặng văn Quang, phụ tá Tổng Thống đặc trách về an ninh.

– ” Địa thế và khó khăn về tiếp vận của chúng ta đã tiếp tay cho cộng sản. Quân lực của chúng ta khó lòng chiếm lại tỉnh Phước Long được ” ông Thiệu nói.

Tướng Quang thường ít khi phát biểu trong các phiên họp, hôm nay tuyên bố:

– ” Quận lỵ Phước Bình và tỉnh Phước Long rất khó phòng thủ nên không thể giữ được. Thị trấn An Lộc và tỉnh Kon tum cũng vậy. Thị trấn An Lộc nằm ở phía Tây và Tỉnh Kontum ở về hướng Đông Bắc. Cả hai đều rất quan trọng. Nhất là tỉnh Kontum”

Rồi hơi sẵn giọng, tướng Quang nói tiếp:

– “Những nơi này rồi cũng sẽ bị mất, nếu cộng sản quyết định đánh chiếm.”

Không thấy một phản ứng nào cả. Như không ai nghe thấy gì hết vậy : Hình như người ta thấy những việc đó không có gì đáng cho họ phải quan tâm .

Ông Thiệu lại phải nói tiếp:

– ” Chúng ta có thể phản kháng để thử tìm hậu thuẫn của dư luận quốc tế. Phản kháng ngay Liên Hiệp Quốc. Phản kháng với cả 13 thành viên đã ký tên vào Hiệp Định Paris. Chắc cũng không có kết quả gì đâu. Phần đông các nước đang bận vì cuộc khủng hoảng năng lượng. Nhưng trước hết chánh phủ chúng ta cần phải có được một sự gia tăng viện trợ quân sự và kinh tế của Hoa Kỳ.”

Rồi hướng về 2 vị chủ tịch Thượng và Hạ viện, ông nói :

– ” Chúng ta phải gửi một phái đoàn đến Hoa Kỳ để vận động với chánh phủ Hoa Kỳ làm áp lực Quốc Hội. Nhưng trước hết chúng ta phải chọn lựa vài nghị sĩ và dân biểu để chúng ta mời . Chúng ta vào bàn với Tòa Đại sứ Mỹ về danh tánh những người này.”

Chủ tịch Hạ viện đồng ý:

– ” Nhưng hình như các dân biểu Hoa Kỳ có nhiều vấn đề đối với cử tri của họ lắm. Chúng ta nên thăm dò dư luận dân chúng Mỹ trước, xuyên qua các tổ chức.

– ” Tổ chức nào ?

– “Các nghiệp đoàn, Hội Cựu chiến binh, hay Hội Hồng thập Tự

Ông Thiệu tỏ ra chưa chịu:

– ” Cần phải tiếp xúc với các nghị sĩ Mỹ, vấn đề cử tri đó thuộc về chánh trị nội bộ của họ. Làm cách nào để có tiếng nói của quần chúng ?

– Tôi thấy sao Chánh Phủ cô đơn quá, Thiệu vừa nói vừa nhìn sang Thủ Tướng dường như Tổng Thống không kiểm soát được chánh phủ vậy.

Ông Thiệu ngưng một giây, chờ ông Khiêm lên tiếng. Nhưng như thường lệ, Thủ Tướng vẫn giữ im lặng. Thiệu nói tiếp :

– ” Trong quá khứ, gặp trường hợp khủng hoảng nặng thì các nhóm đối lập sẽ phải hợp tác với Chánh Phủ .

Không có một nhóm nào thực sự hăng say năng nổ hoạt động hết, trừ ra có đảng Dân Chủ do ông Thiệu thành lập. Tổng Thống muốn mở rộng căn bản chánh trị của Chánh Phủ nên ông đã ra một luật đảng phái khá tự do, đúng ra là cho các đảng phái chánh trị để cho phép họ ra hoạt động hết, trừ đảng cộng sản. Điều này gây cảm tưởng tốt ở Mỹ.

Sau đó ông Thiệu dặn dò vài điều cho hai vị chủ tịch Thượng và Hạ viện. Ở Miền Nam Việt Nam hành pháp lèo lái lập pháp.

Hai vị Phó Thủ Tướng hiện diện đề nghị ông Thiệu nên đi gặp các nhân vật có tầm vóc quốc gia để tìm hậu thuẫn. Ông Thiệu lắc đầu, nhưng không người nào gợi ý ra được tên ai hết vì có lẽ không mời mọc ai được hết.

Ông ta nhắc các dân biểu và nghị sĩ phải hoàn tất luật báo chí và nên cho ông xem qua.

Sau cùng phiên họp đưa ra vấn đề kinh tế, nhắc lại các điểm đã bàn cãi trong phiên họp nội các bốn ngày trước. Thủ tướng có nói là phải mua thời gian. Năm 1976 Miền Nam sẽ xuất cảng dầu hỏa.

Như thường lệ ông Khiêm không xen vào các vấn đề quân sự và những bài toán về chánh trị nội bộ, ít nhất trong công khai hay lúc có mặt các tổng bộ trưởng. Ông thích đi sâu vào các vấn đề kinh tế và xã hội. Hôm nay là ngoại lệ, theo ông thì dư luận quần chúng trên thế giới về vấn đề Việt Nam hình như bị “đông lạnh”. Ông còn đi xa hơn khi quả quyết rằng Hoa Kỳ không còn can thiệp quân sự vào Việt Nam nữa, vì ông Ford cũng lạnh cẳng rồi.

Ông Thiệu lắng nghe, gằn như không được thoải mái lắm vì ông không đồng ý với Thủ tướng Khiêm.

– ” Chúng ta phải kéo dài sự sống còn trong thời kỳ gọi là khó khăn tạm thời này , ông Khiêm tiếp tục nói, chính vì chúng ta sẽ có lợi tức dầu hỏa trong năm 1976.

Ông so sánh tình hình của đất nước với tình thế của người chơi bài phé. Thấy được dầu lửa người ta sẽ tăng thêm tiền đánh cuộc. Trước mặt chúng ta, Hà Nội không theo kịp mình đâu. Muốn cho dầu hỏa chảy ra càng nhanh càng tốt thì các công ty dầu tư cũng phải được hưởng lợi nhuận nhanh. Phải khuyến khích họ, phải nhường cho họ một bách phân hợp lý nào đó của Chánh Phủ .

– ” và lúc đó thì họ sẽ cố gắng thúc đẩy công tác khoan dầu nhanh hơn. Chúng ta không thể tự cho mình một sự xa hoa được hưởng lợi tối đa trong dài hạn .

Ông Khiêm nhắc lại là ông ta có nói với ông Hào Phó Thủ Tướng đặc trách kinh tế để ông này hối thúc các công ty dầu hỏa. Ông Khiêm muốn thấy kết quả cụ thể trong vòng 6 tháng.

Có vẻ phấn khởi, ông nhấn mạnh:

– ” Nếu chúng ta xuất cảng được nhiều dầu vào năm 1977 thì lúc bấy giờ tình thế chúng ta sẽ tốt hơn.

Phiên họp chạy theo tình hình kinh tế quên mất việc tỉnh Phước Long vừa bị Bắc Việt chiếm.

Chiều hôm đó, hai bản phúc trình chi tiết của phiên họp này tới tay Tòa Đại sứ Mỹ. Một bản do Phụ Tá an ninh của ông Thiệu. Tướng Quang được yêu cầu báo cáo những gì đã xảy ra ở Phủ Tổng Thống. Thiệu vẫn biết như vậy. Và còn khuyến khích ông này làm như một nhân viên CIA tại đây nữa. Nhờ đó mà ông Thiệu điều động được một vài người Mỹ của Tòa Đại sứ trong lúc họ vẫn tưởng họ là “thầy” trong trò chơi này. Người Việt Nam bên nào cũng thế đã có một kinh nghiệm lâu đời về nghề gián điệp rồi, cả nhị trùng lẫn tam trùng ! Người Mỹ thì mới đây thôi.

Bản báo cáo thứ hai xuất phát từ một trong những thành viên của phiên họp vừa rồi.

Có rất nhiều sự “thoát tin” như vậy ở Saigon và Hoa thành Đồn, và có nhiều người “bán tin” như vậy chung quanh Tổng Thống, Thủ Tướng, và những người có trách nhiệm hành chánh và quân sự. CIA đã gài rất nhiều máy thu âm trong dinh Tổng Thống. Họ tin chắc rằng trong hàng thân cận của ông Thiệu phải có một người làm việc cho Hà Nội . Ai ? Quang, Hào, hay một người nào khác ?

Tổng Tham Mưu Trưởng Liên Quân đã được thông báo về những quyết định của phiên họp quan trọng vừa qua. Ông ta đã nhận được chỉ thị, và ông chuẩn bị để thuyết trình cho những người khách Mỹ quan trọng.

Ngày 9 tháng giêng, trong gian phòng thuyết trình rộng lớn của Bộ Tổng Tham Mưu, tướng Viên tổng kết cho các sĩ quan của ông một bản phúc trình dài 11 trang. Ông thông báo kết luận: “một cuộc tấn công quân sự đại quy mô của Bắc Việt”, một cuộc tấn công mà Tổng Thống đang chờ đợi.”

Người ta nói tướng Viên “che đù” một tiếng lóng của giới quân sự Việt Nam. Ông không có sáng kiến mà cũng không có khả năng phân tích hay giải đoán tình hình mà lẽ ra ở cương vị của ông là phải có đầy đủ. Ông nhanh chóng chấp nhận là Bộ Tham Mưu của ông hoạt động trong vai trò của một cơ quan tư vấn, một nhiệm vụ mà bất cứ một đại tá quèn nào cũng đảm trách được. Phải chăng đó là cái giá phải trả để được ngồi mãi ở chức vụ này? Ông thích ngồi thiền (yoga) hơn là đi thanh tra chớp nhoáng ngoài mặt trận, với một tướng đi tướng đứng khá đẹp lúc nào đầu cũng đội mũ đỏ của binh chủng nhảy dù. Ông không khúm núm nhưng chịu vâng lời. Tướng Quang cố vấn an ninh, là người soạn kế hoạch đại cương về chiến lược và chiến thuật cho ông Thiệu. Sau khi Tổng Thống chấp thuận thì ông Quang chuyển lệnh thi hành xuống cho Bộ Tổng Tham Mưu. Chính ông Quang đã cho lệnh trực thăng vận đổ 200 biệt kích dù xuống Phước Bình đang bị bao vây.

Ngày 17 tháng giêng, ông Viên nhận được một bản phúc trình của tướng Trần Văn Trung, Tổng cục trưởng Tổng Cục Chiến Tranh Chánh Trị. Bản phúc trình được chuyển đến Thủ Tướng và Tổng Thống, và ngày hôm sau nó cũng đến tay Đại sứ Hoa Kỳ.

Bản phúc trình nghiên cứu về kế hoạch của cộng sản trong năm 1975:

” Chiến dịch này có thể sẽ chấm dứt vào tháng 6 dl. Nhằm tiến chiếm một số quận và tỉnh, nhất là thuộc các tỉnh Tây Ninh, Phước Long, Bình Long, Kiến Tường và Kiến Phong” Cộng sản sẽ cố cắt đứt Việt Nam Cộng Hòa theo một con đường kéo thẳng từ Kontum xuống miền duyên hải Quảng Nam. Trong những tháng sắp tới họ sẽ tìm cách phá cho nền kinh tế của Miền Nam yếu đi. Họ sẽ đồng loạt tấn công các cầu, các kho nhất là kho đạn và đặc biệt những cơ sở thuộc kỹ nghệ dầu hỏa. Họ cũng sẽ cẩn thận vì họ cũng muốn giữ cơ cấu hạ tầng để họ sẽ còn khai thác và xử dụng được một khi họ nắm được quyền hành ở đây. Họ sẽ tạo cơ hội để bắt Miền Nam phải nhận cả triệu dân di cư. Và lòng các nữ cán bộ đảng vào các trại di cư kể cả các trại di cư cũ, để tạo biến loạn. Cộng sản sẽ nuôi dưỡng các phong trào chống ông Thiệu để ông không thể ra ứng cử năm vào tháng 11 năm 1975. Họ sẽ hô hào: “Chiến tranh vẫn tiếp diễn khi nào ông Thiệu còn ở chánh quyền”. Những tổ chức của cộng sản như thanh niên phụ nữ và trí thức sẽ hợp tác với phong trào “đòi Hòa bình” ở Hoa Kỳ để ngăn cản Tổng Thống Ford không cho viện trợ quân sự cho Miền Nam. Trong chiến dịch này cộng sản hy vọng sẽ dùng những cựu tù binh Mỹ. Nếu kế hoạch và chương trình hành động này được thi hành thì vào khoảng tháng 6/1975 Việt Nam Cộng Hòa bắt buộc sẽ phải ký một hiệp ước khác và sẽ phải chịu thành lập một chánh phủ liên hiệp. Chừng đó những toán tuyên truyền sẽ cố gắng xé nát tất cả các đơn vị của QLVNCH. Những đại biểu cộng sản trong chánh phủ liên hiệp sẽ tạo thêm nhiều khó khăn trong một hay hai năm, và cái Chánh Phủ đó sẽ bất lực, các thành viên cộng sản sẽ từ nhiệm, và một Chánh Phủ khác sẽ được thành lập: Chánh Phủ độc lập “Quốc Gia Dân Chủ Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam” một Chánh Phủ “cấp tiến, xã hội của giai cấp vô sản”. Và ba bốn năm sau, một “chánh phủ độc tài” thực hiện việc thống nhất hai miền Nam Bắc sẽ thay thế Chánh Phủ của giai cấp vô sản kia.

Chung quanh ông Thiệu, người ta tin là cộng sản sẽ tồn tại ít nhất 2 hay 3 năm nữa. Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa tuy là cô đơn nhưng sẽ đứng vững. Cần nhất là tình hình kinh tế phải tốt đẹp hơn. Các tổng bộ trưởng phải gia tăng tuyên bố khích lệ thêm lên. Đặc trách về kinh tế ông Hảo cam kết sẽ gia tăng xuất cảng. Bị hỏi thúc, ông nói gổ và ngư hải sản có thể sẽ mang về 100 triệu mỹ kim hằng năm. Ông nói hơi quá: trong năm 1974 Miền Nam phải nhập cảng 929 triệu mỹ kim và chỉ xuất cảng được 76 triệu. Người ta đổ cho Chính Phủ điều hành lãnh vực kinh tế không tốt, ngổ lơ các cuộc mua bán ngoại tệ và chợ đen.

Hãy noi gương cá nhân ông Hảo: “hành động có đạo đức”

Ông cùng với Đô trưởng Saigon đi khắp các chợ, những nơi có chứa hàng lậu thuế, thuốc lá, rượu tây, hàng ngoại, máy thu phát âm thanh cực chính xác ông cố thuyết phục người bán là nên chấm dứt chuyện mua bán bất hợp pháp này đi, điều làm cho người ta vừa kinh ngạc vừa tức cười. Trong sự ngây thơ này ít nhất ông cũng đã tỏ ra thành thật. Cả người mua và người bán ai cũng cười. Báo chí nghiêm khắc chỉ trích ông Phó Thủ Tướng. Tờ Điện Tín viết: những chuyến đi dạo chợ của ông Phó Thủ Tướng Hảo được chiếu trên vô tuyến truyền hình là hành động có tánh cách “cổ tình khoa trương”.

Người dân đứng đắn ai cũng biết là nếu có tham nhũng, hối lộ, để được giấy phép nhập cảng hậu hĩ hay giấy phép xây cất bừa bãi, hoặc chuyện mua bán ngoại tệ v.v.. thì những thứ toan tính đó không ai dại gì đem ra ngay giữa chợ đâu.

Ở “chợ trời” nơi các món hàng đánh cắp, hàng lậu thuế... được bày bán lẫn lộn với mọi thứ lật vật với giá hạ, người ta mua đi bán lại đủ mọi loại hàng từ chiếc máy thu thanh cực nhỏ đến bàn máy đánh chữ, đồ trện, và đồ lót bằng vải kaki, từ đồ hộp, thức ăn khô của binh sĩ đến những máy khoan điện cầm tay xuất xứ từ California đến những đôi giày da cá sấu của Đài Loan. Trên quầy hàng đủ loại xà phòng còn nguyên xi trong hộp nằm lẫn với các mũ lưỡi trai. “Thượng vàng hạ cám” thứ gì cũng có, tốt xấu gì cũng có..... nhưng từ khi 500.000 lính Mỹ hồi hương rồi thì ” chợ trời” mua bán hơi ế ẩm..

Về khách hàng thì ở chợ trời này, người ta nhận thấy đủ mọi tầng lớp người trong xã hội, giàu sang có, nghèo hèn có, dân quê từ các tỉnh Miền Tây lên có, từ các tỉnh miền Đông giáp giới Cam Bốt xuống có, công nhân và thợ thầy của hàng ngàn công ty ở Saigon có, quân nhân mặc quân phục có, sĩ quan và binh sĩ ngoại quốc thuộc Ủy Hội Quốc Tế có... Ngoài ra người ta còn nói nhiều về một số không ít “cao bồi”, quần ống túm, từng cặp từng cặp lượn qua lượn lại đèo nhau trên các xe Honda, để thừa cơ hội đông người chôm món này chia món nọ... đôi khi làm phiền khách du lịch. Một số người ngoại quốc thường nhìn bề ngoài hào nhoáng, thơ mộng, khó thấy những gì ẩn kín của thành phố. Ở Saigon phải trên 100 tiệm thương mại mới có một tiệm hút thuốc phiện, trên 1000 tiệm ăn hay chạp phở mới có một quán nhậu. Đô thành Saigon rộng lớn với Gia Định, Chợ Lớn và các quận ngoại thành, ngoại ô, có khoản từ 3 triệu 500 ngàn đến 4 triệu dân, trong đó có một số từ các tỉnh đổ về, đến, ở một thời gian, rồi đi... không cố định.

Du khách thường hay chơi ở trung tâm thành phố, chung quanh dinh Độc Lập, nhà bưu điện trung ương, nhà thờ chánh tòa, đường Tự Do con đường chính đi thẳng từ nhà thờ Đức Bà đến Sông Saigon là nơi có những nhà hàng nổi. Du khách đi dạo chơi chung quanh chợ Saigon và các khách sạn, như Continental mà người chủ Philippe Franchini kín đáo ở ngay tại đó, Caravelle tối tân có máy điều hòa và ngang đó là Graham Greene.... Du khách thường ăn ở các nhà hàng do người Pháp hay người Corse làm chủ, và giao dịch với 18 chi nhánh ngân hàng Việt Nam hoặc 14 ngân hàng ngoại quốc..

Giới quốc tế sang trọng thì ở những khu đẹp hơn, ở quận 3 và quận 1, nơi đó đường sá sạch sẽ hơn với những hàng cây cao bóng mát hai bên đường, có những biệt thự tráng lệ kín cổng cao tường, với những hàng rào cây xanh ngắt, bông hoa cây kiểng. Đây cũng là khu gia cư của giới thượng lưu trí thức, công chức cao cấp, người Âu Châu, Nhật Bản và Hoa Kỳ. Đường phố ở đây rất yên tĩnh như chìm trong giấc ngủ trưa vậy vì ít người qua lại. Trong cuộc chiến mà Bắc Việt gọi là “chống Mỹ cứu nước” hay là “cuộc kháng chiến thứ hai”, hàng trăm hàng ngàn người Mỹ cư trú ở Saigon. Ngoài các khách sạn hay trong doanh trại, họ còn thuê hay mua nhà ở những khu sang trọng và yên tĩnh này, một di sản kiến trúc rất đẹp của người Pháp đã để lại cho Việt Nam.

Người dân Saigon thì ở các nơi khác, như quận 5 quận 7 ồn ào đông đúc hơn, chen chúc nhau dài theo các con đường nhỏ hẹp hơn, có khi không được tráng nhựa, không được sạch sẽ lắm. Nhưng cũng không đến nỗi nghèo khổ như Calcuta hay Dacca đâu. Người dân Saigon nào mà không tìm được nhà 1, 2, hay 3 phòng ở nội thành, không có được nhà xây gạch thì họ sẽ ở những dãy nhà xây cất bằng vật liệu nhẹ, bằng cây, hay trên những nhà sàn hai bên bờ rạch, hoặc trên những nhà bè, nhà nổi, trên thuyền bè lưu động. Chỗ nào cũng ồn ào với tiếng động cơ máy móc của các xưởng thủ công nghệ, sản xuất ngay tại gia đình từ nồi niêu song chảo bằng nhôm đến mọi vật dụng bằng nhựa, một loại chất dẻo của thế giới thứ ba cũng còn được gọi là thế giới đang phát triển. Giới bình dân Saigon là thợ sửa chữa đủ loại, từ chiếc xe đạp đến mô tô, tủ lạnh.. họ hành nghề ngay trong căn nhà ọp ẹp trống trải của họ, dưới mái tôn nóng bức. Hai bên các con rạch nước đen ngòm lại còn có những căn nhà nhỏ như ổ chuột. Trẻ con trần truồng chơi đùa vui vẻ vô tư giữa các thùng cây, các bao lúa hay các vật liệu phế thải bần thiu, vỏ đồ hộp, thùng giấy, ống cao su ... của gia đình thu nhặt được.

Ở cái thế giới hỗn độn này trẻ con được ăn uống no đủ, nhưng các cơ quan y tế không chiến thắng được bệnh thiếu sinh tố và bệnh sốt rét. Cuộc chiến tranh và sự có mặt của người Mỹ đã tạo ra được một sự phồn thịnh bề ngoài hay tạm thời thì đúng hơn (mà bộ máy tuyên truyền Bắc Việt sau 1975 gọi là “phồn vinh giả tạo”). Hậu quả của sự phồn thịnh nhất thời ở đây sẽ rơi vào lớp người không được ưu đãi này. Ngoài một số ít trại tỵ nạn, không có một người dân Miền Nam nào đói hết. Năm 1975 người ta đọc được trên báo chí các nước rằng Miền Nam Việt Nam vẫn còn là một nước nông nghiệp (đến 80 %). Chưa đúng lắm, vì bị ảnh hưởng của chiến tranh, bị đồng lương hấp dẫn, nhiều nông dân chẳng những đã trở thành công nhân, mà còn đã biến thành thợ hồ, thợ máy, thợ tiện, thợ điện hay cả nhạc sĩ nữa. Các chuyên viên xã hội học của Hoa Kỳ đến Miền Nam Việt Nam không có thì giờ để thấy rõ được hiện tượng này, vì họ còn đang bận với kế hoạch bình định, và điều tra các tù binh Việt cộng. Xã hội Miền Nam Việt Nam thay đổi, tiến lên lần lần với thế kỷ XX, có người nói là huy hoàng, có người cho là suy sụp. Chiến tranh làm cho gia đình ly tán, sanh ra dĩ điểm nhưng cũng tạo ra những công nhân giỏi và thợ khéo, những bác sĩ và dược sĩ lành nghề, nhiều chuyên viên cấp cao, nhưng cũng làm cho một số hàng chục ngàn thất nghiệp, phần lớn nhóm sau này vào quân đội để sống. Con số công nhân ở Saigon chắc chắn phải nhiều hơn ở Hà Nội.

Vì họ đoàn kết chặt chẽ với nhau nên trên 500.000 người Tàu sống ở Chợ Lớn ít có người thất nghiệp. Từ lâu rồi trên nguyên tắc Hoa Kiều bị cấm buôn bán cá, thịt, vải vóc, sắt thép, chạp phô và gạo. Họ cũng không có quyền có cửa hàng tạp hóa, buôn bán xăng dầu và chuyên chở công cộng. Nhưng ở Việt Nam luật lệ là một chuyện còn thì hành luật là một việc khác. Người Trung Hoa kiểm soát hết hệ thống các thương hội, trong đó tất cả những cơ quan an ninh mật vụ và trước hết là CIA, khó mà tuyên được người lắm. Trên thực tế người Trung Hoa như các thầu khoán, các người làm việc, đều núp kín dưới tên họ Việt Nam nên họ đều có ruộng, là chủ các hãng xưởng, sản xuất từ bột, dầu ăn, đồ hộp v.v.. đến cả nước mắm nữa, họ còn là chủ khách sạn, các tiệm ăn, nhà hàng sang trọng, các tiệm “lạc son” (bán đồ sắt đồ đồng), và các tiệm bán thực phẩm. Những người bán dạo, các tiệm bán thức ăn thức uống đầy rẫy khắp

mọi nơi khắp các thành phố. Họ còn có chân hay làm chủ một số lớn công ty xuất nhập cảng, các hãng buôn sỉ bán lẻ. Tất cả những dàn xếp tính toán trong việc mua bán đều chắc chắn và khả tín vì trong chuyện làm ăn lớn nhỏ có dính dấp đến tiền bạc, thì một lời nói của người Tàu dù không có giao kèo khế ước đều chắc như đinh đóng cột, đều là vàng. Họ liên lạc chặt chẽ với mọi ngân hàng, mọi công ty tín dụng ngoại quốc, từ Bangkok đến Singapore, Hong Kong, Đài Bắc. Không gì qua được người Tàu khi muốn chuyển tiền ra ngoại quốc, hay muốn đổi tiền Việt Nam ra mỹ kim, đồng quan Thụy Sĩ, hay đồng mark của Đức v.v.. mà không cần phải đi qua sở Hối Đoái.

Ở Chợ Lớn, người ta không thấy một biểu ngữ nào của chánh phủ. Bây giờ thì ở thủ đô đang có treo một biểu ngữ mới: “Phước Long sẽ được tái chiếm”. Biểu ngữ mới toanh, được treo ở trước các công sở.

Còn rất ít người chú ý đến “Bốn Không” của ông Thiệu :

– “Không thương thuyết với địch” còn có ý nghĩa gì nữa sau bao nhiêu thời gian dài ở bàn hội nghị để đi đến Hiệp Định Paris 1973.

– ” Không công nhận cộng sản ở Miền Nam Việt Nam ” : điểm chánh trị căn bản của Tổng Thống Thiệu.

– “Không có Chánh Phủ Liên Hiệp”, khi một điều khoản của Hiệp Định đã có dự trù một Hội Đồng Hòa Giải Dân Tộc .

-“Không nhượng một tấc đất cho cộng sản ” , trở thành chua chát sau khi mất Phước Bình...và tỉnh Phước Long.

Cũng tương tự như ở Miền Bắc , ở Miền Nam các biểu ngữ được dán, treo hay vẽ lên tường. Như: “Đừng bán gạo cho cộng sản” hay “Đừng nghe những gì cộng sản nói mà hãy nhìn những gì cộng sản làm”, hoặc ” Hợp tác với cộng sản là tự mình uống một viên thuốc độc có bọc đường” v.v...

Ở Saigon nếu không có những hình thức tuyên truyền như vậy, không có các bản tin tức truyền thanh truyền hình, không có báo chí, tin đồn, chuyện nhảm nhí .. ở khắp các quận, không có binh sĩ mặc quân phục... thì người ta có thể không nhớ gì đến chiến tranh.

Đôi khi người ta nghe tiếng đại bác bắn ở xa xa, nhưng không còn có những vụ đặc công hay nổ mìn ở Saigon nữa, hàng rào kẽm gai đã rỉ sét , bao cát thì rách và lính gác trước quận hay doanh trại thì thờ ơ, thường ngồi nhiều hơn đứng. May mắn thay cho Saigon một thủ đô yên tĩnh lạ lùng trong cuộc chiến, Saigon có một vẻ đẹp duyên dáng, vui tươi, đầy nhựa sống.

Vào buổi sáng sớm tinh sương êm dịu, Saigon thức dậy như một đóa hoa vừa hé nở.. Giống như các đô thị lớn ở Á Châu, dân chúng từ ngoại ô đổ về trung tâm thành phố. Cảnh sát mặc đồng phục xám bắt đầu đi tuần ròn.. giữa tiếng gáy rân trời của vô số bồ câu, Các bà bắt đầu nhóm lửa đốt lò. Mùi than, củi hòa lẫn với mùi nước lèo thơm ngát, mùi xăng, mùi nước mắm. Để đi làm việc, già trẻ già các ông cũng mặc quần dài áo sơ mi đẹp, các bà thì đội nón lá, các cô thì mặc áo dài mượt mà.. Xe đạp và xe gắn máy chạy chật cả đường, Các quầy hàng bày đầy kẹo, thuốc lá, kính râm, nước hoa, kem đánh răng, âm tích, bút máy, thau chậu, cả chim nữa.. Tất cả hàng hóa bằng mũ nhựa màu sắc rực rỡ kiểu Á Đông làm cho người Phương Tây lóa mắt. Người ta mua bán, đổi chác, sửa chữa .. ở đây có mùi dầu bạc hà, chỗ kia mùi nước tiểu.. Chợ nào cũng đầy ngập hàng hóa, nhất là chợ trung ương. Dâu, cam, trái vải, bưởi, ớt, khoai, rau

muống, hành, cà rốt không thiếu thứ gì cả, và nhiều nữa. Người mua trả giá không phải để cho vui mà thực sự để tìm giá hạ. Từ sáng tới chiều, lưu thông tấp nập, tất bật và vui nhộn. Người ta tôn trọng phụ nữ hơn là tín hiệu đèn lưu thông. Xe buýt và xe khách đầy người mặc dầu đã cũ. Xe đạp, xe gắn máy, mô tô, nổ rần trời chạy chen với tắc xi, những xe Renault 4 ngựa, cũ kỹ màu xanh mà đồng hồ tính tiền không bao giờ nhảy. Tài xế cứ vô số 2 rồi vọt... Saigon là thành phố của xe Honda, của xe Peugeot, của xe Renault. Khoảng 8 giờ thì người ta thấy tài xế Việt Nam trên những xe Ford Pinto đen của Mỹ. Ai cũng biết rằng những người Mỹ ngồi cạnh tài xế Việt Nam là nhân viên của CIA. Xe Ford Pinto đen là loại xe ưa thích hay chánh thức của cơ quan này. Những người Tây Phương khác, nhất là người Pháp thì thường dùng xe La Dalat hay Méhari. Các xe ba bánh thì chuyên chở các thùng hàng mà họ ràng buộc cao ngất lên, nhưng thăng bằng như hát xiếc vậy. Người ta bị chặn lại hoài, rồi người ta nhận kèn in ỏi, người ta vọt lên, càu nhàu lầy lệt. Một đứa trẻ, hai đứa bé, có khi ba.. được đèo phía sau xe, cười đùa tự nhiên. Ở trung tâm thành phố được ghi nhận là có nhiều người Ấn Độ, Có khoản từ 3000 đến 4000 dân Ấn ở Saigon. Họ đến đây từ Coromandel, từ Malabar, từ những chi nhánh thương mại của Pháp. Họ chuyên nghề mua bán ngoại tệ. Vì là dân cho vay chuyên nghiệp nên họ đòi tiền nặng lời kinh khủng. Dân Hindous thường có thông hành Pháp, và người ta thường mướn những người Hindous này, đôi khi cũng có vài người dân Sikh để gác đêm các cơ sở thương mại quan trọng như kho hàng hay các khách sạn lớn như Continental.

Có vài trẻ nhỏ khoảng 12 hay 13 tuổi đầu thường chạy quanh theo người ngoại quốc để gạ đổi tiền hay gạ tìm gái hay gạ bán ảnh khỏa thân.

Có những trẻ khác lớn hơn rủ rê đi tiệm hút. Những người sành điệu thì thường chọn khách sạn Hưng Đạo, Hưng Đạo 1 hay Hưng Đạo 2, nơi đây có những cô gái mặc áo lót ra tiếp khách. Cuộc chiến thường vút vào thành phố đủ hạng người, từ người quân nhân với bộ quân phục mà không có súng ống, tới những kẻ vô công rồi nghề, những người chạy áp phe. Các anh lính thường tản bộ tay nắm tay, giống như bộ đội ở Hà Nội. Sĩ quan thì có vẻ quan trọng hơn đi xe Jeep hay xe chỉ huy. Đến khoảng giữa trưa, hơi nóng phủ mặt đường, không khí dày đặc, nặng nề.. oi bức. Đâu đó có tiếng còi hụ của một xe cứu thương.

Ở tiệm cà phê Givral, “ba chàng ngự lâm pháo thủ” đang nhâm nhi ly cà phê đầu tiên trong ngày. Vương và Cao Giao đang nghe Ân nói chuyện, có vẻ chăm chú và nể phục, đôi lúc kinh ngạc vì tầm nhìn quá rộng và quá chính xác của người bạn.

Quá trưa thì các rạp chiếu bóng đầy khách. Phim chiến tranh thì quá phổ thông, nhưng cách đây chừng ba bốn chục cây số người ta có thể nghe thấy tận mắt trận chiến thật sự, tại sao phải xem phim? Có lẽ vì phim nó có hồi kết cuộc. Ở Saigon người ta sống bên lề cuộc chiến, nhưng không thể quên cuộc chiến được. Người nào cũng biết là cuộc chiến chưa chấm dứt và không một ai biết nó sẽ chấm dứt lúc nào và như thế nào.

Người ta ít đi xem những cuộc triển lãm do cơ quan văn hóa các Tòa Đại sứ tổ chức vì các cơ quan này cũng chiếu phim tài liệu hấp dẫn lắm. Như Học Viện Pháp sẽ chiếu “Bốn trăm phát” ngày 7 tháng giêng, “Jules và Jim” ngày 9, “Cesar và Rosalie” ngày 10. Trung tâm Saigon cũng như Hà Nội đều có lối kiến trúc của Pháp. Nhưng các sinh viên bây giờ không còn ai nói tiếng Pháp nữa. Trong những năm gần đây, tiếng Anh thông dụng hơn để bước vào các hệ thống hành chánh hay quân sự.

Những người dân tị nạn đến từ Phước Long từng nhóm nhỏ, đi bộ có, đi xe cũng có, vài nhóm quá giang xe quân đội. Họ không làm rối loạn thành phố.

Không như các thành phố lớn khác như Đà Nẵng hay Huế, Saigon gần như đứng ngoài cuộc chiến vốn thường xảy ra xa thủ đô, trên vùng Cao Nguyên, trong đồng ruộng hay tận các làng mạc xa... Ở những nơi đó cũng có đầy đủ vật dụng bằng gỗ, bằng nhựa nhưng không có đèn nê ông vì không có điện. Trẻ con giữ trâu thường đi bắt cua cá trên các bờ đê ruộng hay trong các ao. Ở Saigon một tiếng súng thối cũng làm cho người ta bu lại. Nhưng ở trong đồng ruộng, phải là một tiếng bom nổ hay một đạn pháo nổ bên cạnh mới làm cho các chú bé này ngẩng đầu lên nhìn. Bọn chúng đánh giá sự nguy hiểm bằng thính giác. Dân làng cũng vậy, họ tìm cách sống bên lề cuộc chiến, để làm việc, để tìm nguồn nước mà trồng trọt, để mà sống và được sống còn. Với những đàn heo đen và đàn gà chen chúc dưới gầm giường, dân làng dù sống trong những căn nhà tranh hay nhà gạch, họ vẫn có đủ những máy thu thanh nhỏ để nghe được tin tức đủ loại và âm nhạc. Ngay năm 1975 cũng như những năm trước, 1965, 1955. hình ảnh của làng mạc trong Miền Nam là như thế, không giống như làng mạc ngoài Bắc Việt, Ở Miền Bắc có được mấy miếng tôn dợn sóng trên mái nhà là điều hiếm có.

Chương 3 Những bức thư của ông Nixon

Tất cả những binh sĩ Hoa Kỳ, những cố vấn Mỹ trong các đơn vị QLVNCH, những chuyên viên, những tổ chức bán quân sự Hoa Kỳ, tất cả đều rời khỏi Việt Nam từ tháng ba năm 1973. Hoa Kỳ tôn trọng điều 5 của Hiệp Định Paris: điều này qui định là tất cả các lực lượng của họ phải rời khỏi Việt Nam trong vòng 60 ngày. Dư luận chánh trị, Quốc Hội và những người Mỹ nhắm mắt giữ đúng luật đều chống lại mọi vi phạm quá rõ rệt Hiệp Định. Trước khi ký Hiệp Định, người Mỹ cũng đã có gian lận phần nào khi họ tăng cường thêm đạn dược và một số vũ khí tối tân cho Miền Nam Việt Nam: Ngũ Giác Đài dĩ nhiên không muốn mang tiếng xấu là đã để lại cho Miền Nam quân dụng không tốt. Bây giờ thì chỉ còn khoản 8000 công dân Mỹ ở Miền Nam Việt Nam. Riêng Tòa Đại sứ đã có danh sách 2300 người rời. Bây giờ họ chỉ là người đỡ đầu thôi, với ít quyền lợi và bổng phận hơn. Tòa Đại sứ Hoa Kỳ, một trung tâm đầu não của người Mỹ, nằm cách Dinh Độc Lập của Tổng Thống Thiệu chừng vài trăm thước, trông giống như một cái đồn. Trong cuộc tấn công hồi Tết Mậu Thân 1968 có một toán đặc công cộng sản đã đột nhập vào được một góc trong vài tiếng đồng hồ.

Từ văn phòng của ông ở lầu 2, nằm giữa ban kinh tế và ban chánh trị, Đại sứ Graham Martin cai quản rất nhiều cơ quan trực thuộc ở khắp Sài Gòn và 4 tòa Lãnh sự. Ở các tỉnh thì ông cũng có nhiều tai mắt, phần lớn các ông “phó lãnh sự” đều là nhân viên của cơ quan Tình Báo Trung Ương Hoa Kỳ (CIA). Những người này báo cáo thẳng về văn phòng của ông Thomas Polgar, trưởng lưới CIA, nằm ở lầu 4 của Tòa Đại sứ, bên cạnh một trung tâm truyền tin tân tiến. Trực thuộc Tòa Đại sứ còn có Phòng Thông Tin Hoa Kỳ nằm ở lầu 1, ngay trên thư viện Lincoln, và cơ quan Nghiên Cứu & Phát Triển nằm ở những dãy nhà gần Câu lạc bộ thể thao Sài Gòn.

Tòa Đại sứ có hai cơ quan thiết yếu vừa có đông nhân viên vừa có nhiệm vụ quan trọng. Đó là Phòng Trung Ương Tình Báo CIA và Phòng Tùy Viên Quân Lực Hoa Kỳ. Ngay tại Sài Gòn không thôi, cơ quan CIA đã sử dụng 300 nhân viên tính luôn cả thợ kỹ và nhân viên mật mã. Nhiều người phải ra ở khách sạn DUC, ở đây thường có đông người ở quây rượu, hồ bơi và bãi tắm nắng.

Phòng Tùy Viên đặc trách về phòng thủ (DAO : Defense Attache Office) một tổ chức duy nhất trên thế giới này, là một cơ quan lớn nhất, gồm có 50 quân nhân và 1200 nhân viên dân chính, dưới quyền của tướng Homer Smith, chuyên viên về tiếp vận. Có khoảng 100 người là binh sĩ ở trong tình trạng giải ngũ tạm thời làm việc như nhân công khế ước. Tướng Smith là một tùy viên quân sự đặc biệt trực thuộc thẳng với Đại sứ. Nhưng là một cấp tướng, ông còn trực thuộc với Bộ Tham Mưu Liên Quân ở Ngũ Giác Đài, Hoa thành Đốn, một hệ thống chỉ huy nặng nề trong không gian và thời gian đã có từ khi có chiến tranh. Tướng Smith rất hợp với ông Martin, còn Alan Carter, trưởng Phòng Thông Tin, thì lại lạnh nhạt với Đại sứ của mình, vì bị chỉ trích là nói quá nhiều với các nhà báo. Nhà cầm quyền ở Sài Gòn cũng như ở Hà Nội đều biết về cái tổ hợp ngoại giao nho nhỏ đầy thương yêu lẫn tỵ hiềm kín đáo này.

Phòng Tùy Viên của tướng Smith và các ban ngành trực thuộc đã chiếm đóng lại hết các cơ sở của Bộ Tư Lệnh Quân lực Hoa Kỳ ở Việt Nam, từ Tổng hành dinh đến các rạp chiếu bóng, hồ bơi, phạn điểm, câu lạc bộ... ở ngay sân bay Tân sơn Nhứt. Tướng Smith coi về việc cấp phát quân dụng và gọi người đến thanh tra các đơn vị thuộc quân đội Miền Nam Việt Nam. Một công việc rất phức tạp. Bắc Việt thì báo cáo láo với Liên Xô và Trung Quốc về tình trạng tồn kho của mình, còn Miền Nam thì cũng không khác gì đối với người Mỹ. Dựa theo các báo cáo từ hơn 10 cơ quan ở các tỉnh gửi về, Phòng Tùy Viên Quân Lực soạn thảo phúc trình về tình hình vi phạm Lệnh ngừng bắn của Hiệp Định Paris, một việc mà Ủy Ban Quốc Tế ít khi chịu làm.

Cơ quan CIA cũng có mặt ở phi trường Tân Sơn Nhất, rất dễ nhận với các chiếc phi cơ và trực thăng sơn màu sẫm và trắng của hàng không Air America. Vào những năm cuối thập niên 60, thời kỳ tốt nhất, Air America có tới 5600 nhân viên. Các phi công, thường là cựu quân nhân rất hiểu biết về Việt Nam. Lương của những người này thường lên đến 45.000 kỹ kim một năm (khoảng 200.000 quan Pháp) mà một nửa khối bị trừ thuế.

Từ ngày ký Hiệp Định, Air America thường được dùng để chuyên chở nhân viên của Ủy Ban Quốc Tế, kể cả các thành viên Ba Lan và Hung gia Lợi. Kể từ khi Ủy Ban đến Sài Gòn, Polgar giải thích là nếu các thành viên của Ủy Ban Quốc Tế gồm có Gia nã Đại (sau này được Iran thay thế), Nam Dương, Ba Lan và Hung gia Lợi, mang theo phi cơ của họ nữa thì chắc chắn sẽ có nhiều tai nạn xảy ra lắm. Do đó ông đề nghị dùng phi cơ của hàng không Air America. Mọi người ai cũng biết phi cơ này là của CIA. Đại sứ Ba Lan đầu tiên của Ủy Ban trước kia là giám đốc hàng không LOT của Ba Lan nên rất am tường vấn đề và thúc đẩy các đồng chí Hung gia Lợi của ông nên chấp nhận đề nghị của Polgar. Đề nghị này giúp hai phái đoàn này tiết kiệm được ngoại tệ mà các nước Đông Âu này vốn thiếu. Và như vậy cũng tránh được tai nạn. Nhưng có một lần người của Chánh Phủ Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam đã bắn hạ hai trực thăng của Ủy Ban Quốc Tế. Một trong hai chiếc đó có chở một sĩ quan Bắc Việt.

Ủy Ban Quốc Tế có một Tổng hành dinh ở trong thành phố và các cơ sở khác thì đóng ở sân bay Tân Sơn Nhất. Nhiệm vụ của Ủy Ban là Kiểm soát và Giám sát việc ngừng bắn, nhưng họ không kiểm soát gì hết và cũng không giám sát được bao nhiêu. Do đó phía Gia nã Đại nhanh chóng mỉa mai chuyển danh từ tiếng Pháp CICS (Comité internationale de Controle et de Surveillance) ra tiếng Anh ICCS (International Committee of Control and Survey) để họ đọc trại ra là "*I Can't Control Shit*" (Tôi không kiểm soát được gì hết, tôi chỉ kiểm soát mấy cục gạch chơi thôi!) Người Miền Nam Việt Nam hần học hơn dịch ra là "*Im Cho Coi Sao*" (ngồi yên lặng chơi để coi cái gì sẽ xảy ra!).

Hiệp Định Paris dành trọn 18 điều khoản cho cơ cấu pháp lý này, trên nguyên tắc CICS (Ủy Ban Quốc Tế Kiểm Soát và Giám Sát Ngừng Bắn) thay thế cho CIC (Ủy Ban Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến), một ủy ban "hữu danh vô thực" có mặt ở cả Sài Gòn và Hà Nội từ 1954 cho đến 1973 mà không có làm gì hết. Phái đoàn Gia nã Đại thấy rõ là Ủy Ban không hữu hiệu nên họ nhanh chân rút lui khỏi Ủy Ban, và họ được phái đoàn hoàng gia Ba Tư (IRAN) thay thế. Như vậy Hoàng đế Ba Tư coi như bước vào sân khấu quốc tế.

Các thành viên của Ủy Ban Quốc Tế này có nhiệm vụ phải đi điều tra mỗi lần một trong Hai Bên có báo cáo hay phản kháng về vi phạm Hiệp Định của phía Bên kia. Và trên nguyên tắc tất cả các quyết định của Ủy Ban đều phải đạt được sự "đồng thuận". Hai phái đoàn Ba Lan và Hung gia Lợi luôn luôn khước từ mọi sự điều tra vi phạm do Chánh Phủ Sài Gòn yêu cầu, Từ đó hai phái đoàn Nam Dương và Ba Tư chán nản vì họ thường đơn phương đi điều tra. Dù công việc có trình trọng thì trên phương diện pháp lý những bản phúc trình của họ cũng không có giá trị (vì thiếu chữ ký của Ba Lan và Hung gia Lợi).

Ngày 10 tháng giêng 1975, một người Ba Lan và một người Hung gia Lợi cùng hai cộng sự viên Ba Tư và Nam Dương đồng ký tên trong một bản phúc trình xét thấy bất lợi cho Chánh Phủ Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam, trong quận Long Khánh nằm về hướng Đông Bắc Sài Gòn 80 cây số. Khi về đến Sài Gòn, được cấp trên của họ khiển trách và nhắc nhở, hai người Ba Lan và Hung gia Lợi này khai là họ bị bắt buộc phải ký vào văn kiện này mà không hiểu gì hết.

Hiệp Định Paris dự trù triển khai 7 toán Quốc Tế ở địa phương để giám sát quân dụng khi có sự thay thế. Các thành viên của Ủy Ban Quốc Tế đều biết rằng phần lớn những toán địa phương này không bao giờ được thành lập và không bao giờ có mặt đầy đủ ở những địa điểm

hay địa phương được quy định. Khởi đầu quân số của Ủy Ban Quốc Tế tính chung là 3.300 người . Tổ chức này lần lần trở thành một cơ cấu hành chánh nặng nề, tự nuôi sống lấy. Họ không có quan sát viên ở tỉnh Phước Long. Trường hợp rất điển hình: Việt Nam Cộng Hòa yêu cầu họ có thái độ, Phái đoàn Ba Lan và Hung gia Lợi thì đổ thừa là họ “thiếu tin tức” , Phái đoàn Nam Dương và Ba Tư đề nghị gửi các toán quan sát lên xem, Phía Ba Lan và Hung gia Lợi từ chối hẳn, viện lẽ “không có an ninh”. Cho nên ở Sài Gòn không có ai ngạc nhiên hết.

Sỹ quan của Ủy Ban thường tổ chức tiệc tùng ăn uống, chơi tennis hoặc bơi lội ở Câu lạc bộ Thể Thao Sài Gòn nhưng lúc nào cũng làm ra vẻ tài phán. Các báo cáo phản kháng vi phạm thì luôn luôn bị xếp xó bằng phủ quyết để không đi đến đâu cả. Trong những phiên đại hội, người ta không bàn cãi về Phước Long, trừ khi đề lấy một quyết định quan trọng và nhanh chóng là người ta không thể làm gì hết. Người ta dùng thì giờ để bàn cãi những chuyện thiết thực hơn như : tại sao hồ bơi ở Tân Sơn Nhứt không chịu thay nước mỗi ngày ? Tuần này chúng ta được cấp bao nhiêu xăng ? Giá mỗi phần ăn ở Câu lạc bộ có cao lắm không ? Làm sao cho sửa chữa các máy điều hòa ? Chiều nay phái đoàn nào sẽ đại diện cho Ủy Ban chúng ta ở Tòa Đại sứ Pháp ? và ngày mai ở Tòa Đại sứ Úc Châu ? Các phái đoàn sẽ cho trình chiếu phim gì ở phòng chiếu bóng ?..... v.v....

Đối với người Ba Lan và Hung gia Lợi thì đây là chuyến du hành đầu tiên ra nước ngoài của họ. Họ chóa mắt về đồng lương được trả bằng mỹ kim cho họ. Họ đi chuyển trong thành phố bằng những xe buýt có lưới che ngừa lựu đạn, thăm viếng các đình chùa, mua sắm nữ trang và vàng, chơi gái và học cách chơi bóng bầu dục của Hoa Kỳ . Trong những buổi dạ hội ở Sài Gòn tướng Czeslaw nặng nề và đại sứ Fijalkowski mảnh dẻ hơn, đều tỏ ra bình dân. Họ hôn tay kiêu Ba Lan rất là vui vẻ và lịch thiệp. Tướng Dega còn làm ngạc nhiên nhiều người khi ông cất tiếng ca tụng “cuộc cách mạng trắng của hoàng đế Ba Tư ” và những “dự án cải cách đầy cao vọng” của Ngài. Tướng Dega chơi thân với Tùy viên Quân lực của Pháp, Đại tá Yves Gras, một sĩ gia chu đáo về trận chiến tranh của người Pháp ở Đông Dương nhưng hiểu rất ít về cuộc chiến hiện tại. Hai sĩ quan này thảo luận về Nã phá Luân, về bà Walewska, về ông tướng Foch. Đại tá này khá đầy chữ. Ông ta tâm sự với tướng Ba Lan :

-” Bài toán Việt Nam quá rắc rối để người ta có thể giải quyết bằng “chánh trị đô la”

Người Ba Lan biết rành Việt Nam hơn người Hung gia Lợi. Họ có đại diện ở Miền Bắc và ở Miền Nam từ hơn 20 năm nay rồi. Nhiều người Ba Lan đã dùng phi cơ của Ủy Ban Quốc Tế trên các chuyến bay con thoi nối liền Sài Gòn và Hà Nội mỗi thứ sáu hàng tuần. Còn người Hung gia Lợi thì chuyên lo tìm tin tức có lẽ vì họ cần phải theo kịp các đồng chí Ba Lan của họ về mọi sự hiểu biết. Họ cứ mang máy ảnh đi quanh quần các cầu, các trại lính, các căn cứ không quân, các kho đạn v.v.. Người dân Miền Nam giận lắm, họ khiêu nại. Làm gì được họ ? Các thành viên của Ủy Ban Quốc Tế đều có quyền đặc miễn ngoại giao. Người Ba Tư thì rất là mềm mỏng và hiếu khách. Họ cung cấp cho mọi người món trứng “caviar” để nhậu với rượu vodka của Ba Lan hay với rượu vang của Hung gia Lợi. Riêng người Nam Dương thì làm việc hoàn toàn trong tinh thần của Hiệp Định Paris. Họ luôn luôn có mặt bất cứ chỗ nào có nhận tiếp tế từ viên đạn thường đến viên đạn pháo, họ đánh giá và so sánh lực lượng , và tính sổ hết các vi phạm.

-” Tại sao các ông hoạt động tích cực như vậy ? Polgar hỏi thử một sĩ quan cao cấp Nam Dương.

- “Chúng tôi có lẽ phải chiến đấu với người Việt Nam , không phải trong hiện tại đâu, mà có lẽ một ngày nào đó

Trong hai năm, người Ba Lan, Hung gia Lợi và người Mỹ, dân chính hay quân nhân, họ đều gắn bó với nhau. Dù sao họ cũng đều là người da trắng, đối diện với người Việt Nam dù họ là người quốc gia hay cộng sản thì cũng khó mà nắm được họ lắm khi người ta từ Budapest (Hung) hay từ Varsovie (Ba Lan) hay từ Hoa thành Đồn xa xôi tới. Hơn nữa, giữa những người công chức cao cấp hay những quân nhân nhà nghề vẫn có sự tương quan với nhau. Mặc kệ ý thức hệ hay sự rủ rờ của người này người kia. Các phái đoàn của Ủy Ban Quốc Tế đầy sĩ quan tình báo. Họ lũng bắt những người đào ngũ nhưng không bao giờ thành công. Ở trong Ủy Ban Quốc Tế người ta không giám sát chiến sự ở Việt Nam mà người ta giám sát kỹ người này người kia trong nội bộ. Các sĩ quan Ba Lan và Hung Gia Lợi canh chừng các đồng chí đảng viên cộng sản của họ, điều này làm cho CIA nhẹ lo. Polgar nói: ” Có việc làm cho tất cả mọi người . Ngay như anh có tiểu tiện vào đại dương thì anh cũng có thể làm tăng mực nước biển lên được vậy .

Ông Đại sứ Graham Martin cũng tỏ ra một thái độ lịch sự với người Ba Lan. Khi Đại sứ Ba Lan tới Sài Gòn ông ta có đến chào người bạn đồng sự Hoa Kỳ . Trái lại Đại sứ thô kệch Hung gia Lợi kia đã coi thường thủ tục này, cho nên ông Martin không gặp ông ta bao giờ.

Trái lại ông Polgar thì liên lạc chặt chẽ và rất tốt với người Hung gia lợi, nhất là với đại tá Janos Toth và cô vấn chánh trị Antyon Tolgyes. Polgar gốc người Hung gia Lợi. Đại tá Toth chỉ huy cơ quan tình báo Hung. Là đồng nghiệp với nhau hai người thích nhau lắm, mà cũng rất dè dặt nhau. Để thấy rõ trong lãnh vực mệnh mông của ngành tình báo này, và để giúp đỡ lẫn nhau, Polgar và Toth đặt ra một phương thức tài tình mới lạ lắm: vào một giờ nào đó, ở hai địa điểm tại Sài Gòn , một nhân viên CIA và một sĩ quan tình báo Hung mỗi người thuyết trình cho nhau nghe về tình hình của phe bên kia. Một phương pháp rất kín đáo: người Hoa Kỳ và người Hung không thể gạt nhau hay báo cáo sai với nhau được hay dùng lại những gì họ tin cậy trao đổi cho nhau. Nhưng trong tiến trình cuộc chơi này hình như phía Ba Lan muốn lợi dụng. Sĩ quan của họ mặc thường phục, đi vào Tòa Đại sứ Hoa Kỳ và được Frank Snepp, một cộng sự viên của Polgar tiếp.

Theo chỗ riêng tư mà nói thì trước mặt người Mỹ người Ba Lan chê người Hung, và ngược lại người Hung cũng chê người Ba Lan. Rất có lễ độ, người Mỹ than phiền giùm cho Miền Nam . Các sĩ quan thuộc hai phái đoàn Hung và Ba Lan thật thà thú thật rằng họ cũng khó xử với những đồng chí cộng sản Việt Nam .

– ” Những đồng chí Việt Nam của chúng tôi can đảm thiệt, bướng bỉnh và cương quyết lắm, nhưng rất khó mà hiểu được họ lắm.

Mặc dầu họ cố nài nỉ nhưng các sĩ quan Hung và Ba Lan không thể biết được một tin tức nào từ các đồng chí cộng sản Việt Nam về sự kiện họ chiếm tỉnh Phước Long. Niềm nở hơn, người Mỹ đã cho các thành viên của Ủy Ban biết diễn tiến của sự việc.

Các đồng chí cộng sản Việt Nam của họ cũng có mặt ở Sài Gòn, với một số không ít hành trang, và một vài vũ khí, đóng ngay sân bay Tân sơn Nhứt từ năm 1973 : 250 binh sĩ và sĩ quan việt cộng – có nghĩa là thuộc CPLTCHMN- và lối 50 bộ đội và sĩ quan Bắc Việt , khó tiếp cận lắm vì nụ cười của họ không khác biểu ngữ bao nhiêu. Họ đóng trong những dãy nhà thẳng hàng nhau, có kẽm gai và bao cát bao quanh, dĩ nhiên dưới sự dòm ngó canh chừng từ các chòi gác của binh sĩ Miền Nam . Họ là thành phần thuộc Hai trong Bốn Bên có liên quan đến cả 19 điều trong Hiệp Định Paris. Binh sĩ thuộc CPLTCHMN thì mặc quân phục màu xanh lá cây, còn bộ đội Bắc Việt thì mặc quân phục màu be, gọn ghẽ hơn chút. Các đại diện CPLTCHMN thì nói toàn giọng Bắc.

“Ban Liên Hợp Quân Sự 4 Bên” gồm có Hoa Kỳ, quân đội Miền Nam , Miền Bắc , và bộ đội của CPLTCHMN. Họ có nhiệm vụ tìm người chết và mất tích.

“Ban Liên Hợp Quân Sự 2 Bên” chỉ gồm có đại diện của Sài Gòn và của CPLTCHMN

Cả hai Ban Liên Hợp này phải đi theo các Tổ Quốc Tế khi được họ chánh thức báo cho biết lộ trình và khi được yêu cầu. Trong hai năm nay, hai Ban Liên Hợp này coi như không còn hoạt động gì hết. Khi các sĩ quan Ba Lan và Hung Gia Lợi hỏi các sĩ quan việt cộng tin tức của trận chiến ở Phước Long thì họ chỉ cười trừ : “chúng tôi không hay biết gì hết “

Cộng sản ít khi ra khỏi trại của họ, được gọi là “trại Davis”. Tên của một binh sĩ Mỹ tử trận đầu tiên ở Việt Nam . Trong tài liệu, báo chí sách vở của họ, cộng sản cũng gọi là “trại Davis”. Có hai dãy trại, một cho bộ đội Bắc Việt, một cho CPLTCHMN. Khi mới tới đây, cộng sản và nhất là tướng Trần văn Trà, đại diện cho CPLTCHMN, (về sau này là người có trách nhiệm các cuộc hành quân ở Phước Long) thấy nhiều bộ phận thâm âm được gắn cùng khắp, từ ngoài sa lông đến phòng ngủ phòng tắm. Toàn là của người Mỹ.

Hiện hậu quả, nên tướng Trà được tướng Hoàng anh Tuấn thay thế, cương quyết hơn. Nhưng trên thực tế, nhân vật quan trọng ở trại Davis năm 1975 là đại tá Võ đông Giang. Đó là nguyên tắc ngoại giao bôn sơ vịch: người số 2 chánh thức có trách nhiệm hơn người số 1. Binh sĩ cộng sản tô chức trồng rau, trồng bông và trồng cây trong trại, và cũng làm công tác gián điệp nữa. Tổng Tham mưu trưởng Quân đội Bắc Việt , tướng Văn tiến Dũng đã thường nói : ” *Các đồng chí của chúng ta ở Tân sơn Nhất giữ một vị trí đặc biệt, ngay giữa lòng địch. Điểm quan sát triển tiến đó là biểu tượng của cuộc cách mạng của chúng ta, và từ vị trí tốt đó họ sẽ giúp chúng ta biết được dư luận hằng ngày và những phản ứng của địch trước giờ hấp hối của họ*”.

Phái đoàn cộng sản ở trại Davis không ngừng trao đổi điện tín với Hà Nội . Tướng Văn tiến Dũng giải thích một cách chân thật : ” *Ban Quân Sự Hỗn Hợp của tướng Hoàng anh Tuấn cho Hà Nội tin tức trong ngày thật nhanh về những cuộc điều động binh sĩ mà phái đoàn nhận được từ nhiều nguồn tin kể cả từ công tác quan sát trực tiếp.*” Thật vậy, không chỗ nào có thể quan sát được hết các chuyến bay bằng vị trí này .

Nỗi ưu tư chính của phái đoàn cộng sản ở trại Davis là được bảo đảm từ phía người Mỹ không quấy nhiễu bằng cách chen vào phá mật mã của họ. Hoạt động chánh yếu của họ là cuộc họp báo vào mỗi sáng thứ bảy hàng tuần, ngay dưới chân dung Hồ chí Minh hay dưới các ảnh bán thân của các cấp lãnh đạo của họ. Báo chí chẳng biết được gì cả. Sau tuần trà, nước cam hay thuốc lá, (thuốc lá Điện Biên Phủ loại đen trong các bao xanh, hay thuốc vàng trong bao đỏ), các sĩ quan cộng sản đem chuyện phản kháng ra trình bày với cái lưỡi cây truyền thống của họ: Sài Gòn và Hoa Thạnh Đốn vi phạm Hiệp Định. Họ phải chịu trách nhiệm về các vi phạm lệnh ngừng bắn. Họ không tôn trọng tinh thần Hiệp Định, Họ không cho những binh sĩ cộng sản của chúng tôi vô ra dễ dàng trại Davis v.v....

– “*Ở Phước Long, lực lượng của chúng tôi đang trả lời cho những khiêu khích của chế độ Sài Gòn*“, họ xác nhận như vậy.

Tuy nhiên, trong tỉnh Phước Long bộ đội Bắc Việt đã vi phạm rõ ràng các điều khoản chính của Hiệp Định Paris. Từ năm 1973, bộ đội Bắc Việt không bao giờ tôn trọng lệnh ngừng bắn. Hà Nội đã cho quân đội “xâm nhập” và đưa quân dụng vào Miền Nam tự do không bao giờ kiểm soát được.. Quân đội Bắc Việt dùng các căn cứ Lào và Cam bốt. Chỉ có một điều khoản duy nhất mà Hà Nội không vi phạm : đó là vùng phi quân sự ở vĩ tuyến 17 không bị họ tràn qua như trong năm 1972 .

Chuyện hết sức lạ lùng là Trại Davis đã có ghi trong Hiệp Định. Những người cộng sản ở trại Davis này đã đến từ Hà Nội và từ chiến khu của họ ở Miền Nam, tri chí, dạn dày, đã xác nhận về trận tấn công của họ vào Phước Long, như một “đêm giữa ban ngày”. Họ sống ở đây từ gần 2 năm rồi, chỉ cách Văn Phòng Tùy Viên Quân Lực Hoa Kỳ và các dinh thự của các tướng lãnh Miền Nam có vài trăm thước. Một sự hỗn độn lạ kỳ, kiểu Sài Gòn. Chúng ta hãy tưởng tượng xem trường hợp của một toán truyền tin quân sự Hoa Kỳ hay Nga Xô ở ngay tại thủ đô Bá Linh của Đức trước ngày chấm dứt Thế Chiến Hai. Hay vài đại đội của Đức Quốc Xã ở ngay tại thủ đô Luân Đôn năm 1944 !

Ở Hà Nội người ta gặp các sĩ quan Ba Lan và cũng có vài sĩ quan liên lạc Hoa Kỳ , chỉ trong vài tiếng đồng hồ thôi không hơn không kém.

Sự có mặt của cộng sản ở trại Davis chọc tức ông Thiệu, người ta biết như vậy. Hồi năm 1973 khi những binh sĩ cộng sản này tới Tân Sơn Nhất (Sài Gòn), chánh quyền muốn họ phải điền vào các phiếu nhập cảnh. Nhưng họ từ chối vì họ không muốn đương nhiên công nhận chủ quyền của Chánh Phủ Việt Nam Cộng Hòa . Và vì thế mà họ không được cho nhập cảnh. Sau nhiều giờ ngồi trên phi cơ chờ đợi, và sau nhiều áp lực của phía Hoa Kỳ, hai phái đoàn Hà Nội và CPLTCHMN mới được ra khỏi phi cơ (Mỹ) và được chở thẳng vào trại Davis.

Sau khi tình Phước Long bị hoàn toàn thất thủ, ông Thiệu nghĩ tới chuyện trả thù những người cộng sản ở trại Davis. Chỉ có một phương thức bắt bí bọn này thôi: cúp nước. Nhưng ông không làm như vậy được , vì lý do nhân đạo.

Tổng Thống Thiệu còn nhiều việc khác phải lo, cấp bách hơn, về hành chánh cũng như quân sự. Chánh Trị Bộ Hà Nội còn những toan tính gì nữa đây ? Họ còn có hành động gì nữa để khích động được một bước “nhảy vọt” ở Miền Nam ?

Với một gương mặt tròn, trán hơi vồ nhưng không có vết nhăn, tóc chải keo sát, ông Thiệu không tỏ vẻ mệt mỏi chút nào và giữ vững lòng tin. Ông Thiệu tự xem mình là người được “Ôn Trên” giao cho sứ mạng giữ nước và cứu nước, có sự bảo đảm và ủy thác của người Mỹ. Ông đã chứng tỏ là ông cũng chống cộng như họ. Ông cảm thấy không được thoải mái lắm với giới lãnh đạo Hoa Kỳ , nhưng ông thấy gần gũi hơn với hai người đã từng đương đầu với quân đội cộng sản : Bạch sùng Hy của Đại Hàn và Tướng giới Thạch của Đài Loan. Ông đã bỏ nhiệm người anh ruột là ông Nguyễn Văn Kiêu sang làm đại sứ với ông thống tướng nói trên.

Ông Thiệu có một sự tin tưởng tuyệt đối : trong bất cứ trường hợp nào Hoa Thạnh Đốn cũng sẽ không bỏ rơi mình. Tuy nhiên ông vẫn biết rằng những người có trách nhiệm Hoa Kỳ có thể phản bội đồng minh của họ. Họ chẳng đã một lần buông bỏ Tổng Thống Diệm năm 1963 đó hay sao? Ông Thiệu đã thấy thi hài của ông Diệm. Năm 1968 ông Thiệu đã lo sợ đến lượt mình sẽ bị ám sát với thỏa ước Hoa Thạnh Đốn .

Ông sanh năm 1924, tuổi tỵ, tháng tỵ, ngày tỵ và giờ tỵ,. đó là một điềm không tốt. Nhưng ông đã 52 tuổi đầu rồi, một thành công có một không hai ở cái quốc gia đầy biến cố này. Ông lên nắm quyền từ hơn 8 năm rồi. Sự ổn định vững vàng của ông chứng tỏ một sự khôn khéo mà người Mỹ đánh giá cao. Và nhất là Đại sứ Martin.

Là con út trong 7 anh chị em trong một gia đình bình thường ở Miền Nam , ông Thiệu có đi vào kháng chiến với Việt Minh mấy tháng trong năm 1944. Sau đó ông chọn phía quốc gia. Ông suýt trở thành một sĩ quan hải quân. Theo học trường Võ bị Coetquidan (Pháp), ông Thiệu theo con đường quân sự và tiến lần đến đỉnh cao quân sự và sau cái chết của Tổng Thống Diệm ông lại leo lên tuyệt đỉnh chánh trị. Người tiền nhiệm của Đại sứ Martin là ông Đại sứ Ellsworth

Bunker, đã thích chọn ông Thiệu là ứng viên Tổng Thống hơn là người phi công nhanh nhẹn Nguyễn cao Kỳ. Ông Thiệu có vẻ già dặn hơn, và bề ngoài có vẻ mềm mỏng hơn. Can đảm trong chiến trận, sĩ quan tham mưu không kém lắm, người có tham vọng, ông biết tránh tai tiếng để chờ thời. Ông là một Phật tử nhưng đã trở về Ki tô giáo thời ông Diệm, một người công giáo cực đoan. Trong thư viện ở Dinh Độc Lập ông Thiệu còn giữ một bộ sưu tầm về “niên Giám của Vatican” có gáy da màu đỏ, một di sản của ông Diệm. Sự theo đạo của ông Thiệu hình như vì hoàn cảnh. Và cũng nhờ đó mà ông cưới được cô Nguyễn thị Mai Anh làm vợ, cô này là con của một người công giáo dòng. Tính vui vẻ và tự chủ, ông giấu kín tư tưởng của mình bằng những tràng cười như pháo nổ, theo đúng theo lời dạy của Khổng Tử : “Giận là hạ sách, Cười là một phương pháp tốt nhất để không ai đoán được ý mình” . Từ Sài Gòn đến Hà Nội những người lãnh đạo Việt Nam ai cũng có nụ cười khòa lấp, thường không ai đoán nổi .

Cộng sản Bắc Việt thường dùng danh từ “tay sai”, “phản động” và “phát xít” hay “đầy tớ của Mỹ” để chửi ông Thiệu trên báo chí hay trên hệ thống truyền thanh. Khác hơn nhiều chánh trị gia ở Sài Gòn Tổng Thống Thiệu không bao giờ đi gặp một người Mỹ nào. Ông không chịu làm thân với người nào, khác với người em họ của ông là Hoàng đức Nhã, lịch thiệp hơn. Ông Thiệu thường tiếp Đại sứ Mỹ, hay vị cố vấn ngoại giao ông Lehmann, và một vài phái đoàn. Ông cương quyết không có thái độ quy lụy của một người nô lệ.

Đường lối hành động trong hiện tại: nếu Ông Thiệu nói nhiều quá về sự kiện Phước Long, thì ông ngại sẽ gây sợ hãi cho những nhà đầu tư ngoại quốc., nhất là người Mỹ và người Nhật . Còn nếu ông không nói gì hết thì dư luận quần chúng và Quốc Hội ở Hoa Thịnh Đốn không thấy được mối nguy đang đe dọa đất nước Việt Nam . Là một quân nhân, đi theo con đường chánh trị , lại không phải là một nhà ngoại giao giỏi, ông Thiệu không bao giờ tạo dựng cho mình được một đường lối chiến lược quốc tế, mặc dầu có sự cố vấn của người em là ông Nhã và của đại sứ lưu động Bùi Diễm thúc đẩy. Trong hai năm ngoài những người khách Hoa Kỳ người ta còn thấy có một người ngoại quốc có danh tiếng, một tổng trưởng phi châu. Ở thủ đô Sài Gòn chỉ có hai Tòa Đại sứ là đáng kể: Tòa Đại sứ Hoa Kỳ và ngay sau lưng là Tòa Đại sứ Pháp. Hoa Thịnh Đốn nhấn mạnh để các Tòa Đại sứ khác, của Anh Quốc, của Đức, của Ý và của Bỉ phải có mặt ở Sài Gòn. Các Tòa Đại sứ này gần như bất động.

Đối với báo chí, ông Thiệu có một yêu cầu, thường trực: khi nói tới Hiệp Định Paris thì họ cần phải nói lớn lên: *đó là một sự phản bội, một trò gian lận. Đó là một sự đầu hàng, một án tử hình!* Thay vì không nhìn nhận Hiệp Định, ông Thiệu không chịu tìm cách luồn lách để khai thác Hiệp Định. Đối với các nhà ngoại giao người ta gọi như vậy là không thấy xa. Dù là thù hay là bạn của ông, ai cũng cho là nếu không thích ông Thiệu thì họ cũng phải kính nể ông ta. Dù có tính ranh và đa nghi nhưng ông rất có uy quyền mà không phải là độc tài. Các nhóm đối lập phát biểu tự do ở Hạ Viện, ở Thượng Viện, qua hệ thống tư pháp hay trong gần 30 tờ nhật báo hay tuần báo. Cái mà một chiến binh chống cộng nhân từ như ông Thiệu đang thiếu đó là không chịu nhìn thẳng vào sự việc, nhất là đối với những truyền thuyết của lãnh đạo Bắc Việt . Đối với tướng Võ nguyên Giáp, Tổng trưởng quốc phòng Bắc Việt ông Thiệu nói là ” ông ấy muốn chơi trò Nã phá Luân Việt Nam ” rằng “ông ấy là một giáo sư lỗi thời”

Ở Miền Bắc đồng chí Lê Duẩn , Tổng bí thư đảng là nhân vật số 1, đầy huyền thoại. Ông Thiệu thì hay gặp gỡ các nhà báo, còn Lê Duẩn thì tuyệt đối không . Ở Hà Nội họ áp dụng nguyên tắc chỉ huy tập thể, nên không thấy có tư tưởng khác biệt giữa những người có trách nhiệm . Còn ở Sài Gòn thì các đối thủ đều ra mặt , công khai, mạnh được yếu thua . Ông Thiệu không tin tưởng cộng sự viên và thường hay coi rẻ họ. Ông chỉ định một ông tướng khác bốn sao làm Thủ Tướng. Ngày bầu cử Tổng Thống sắp đến, tháng 10 năm 75, ông Thiệu tự hỏi không biết ông tướng Khiêm này có ra ứng cử như ông hay không ? Ở Sài Gòn giới trí thức lớn tiếng tuyên bố là Miền Nam Việt Nam là một quốc gia mà cái gì cũng chỉ có một nửa, nửa dân

chủ nửa độc tài, với một chánh phủ chỉ có biện pháp nửa vờ. Ông Thiệu không đánh bóng công dân của mình. Những người dân tị nạn từ Phước Long đã chứng tỏ rằng họ không nổi dậy để chạy theo Bắc Việt. Trong khi Hà Nội cũng nói rằng dân chúng không nổi lên chống họ, mà cũng không phải họ theo chế độ của Thiệu .

Mặc dầu đứng trong hàng tướng lãnh, ông Thiệu không nắm quân đội như đảng cộng sản nắm quân đội của họ ở Miền Bắc . Ông Thiệu đã phong cho tướng Cao văn Viên là Tổng tham mưu trưởng liên quân bởi vì ông Viên không có một chút tham vọng chánh trị nào. Ngoài ra ông ta còn để cho ông Thiệu trực tiếp chỉ huy ông nữa. Ông Thiệu biết chỉ huy mà không biết điều khiển. Đối với quân đội của mình, ông Thiệu cũng vẫn sợ sẽ là nạn nhân của một cuộc đảo chánh. Bản thân ông ta là người đã có tham gia vào cuộc đảo chánh ông Diệm. Sau vụ Phước Long, các tướng lãnh tham khảo với nhau, và mỗi lần mà cố vấn an ninh báo cáo cho ông rằng các ông tướng hai hay ba sao đã có gặp nhau, thì Tổng Thống đâm lo. Ông thích để yên không muốn có hành động nào, đó là bản tánh của ông Thiệu. Khi các cộng sự viên có đề nghị đưa lên thì ông trả lời “có thể” hay “để xem đã ” để ông khỏi bận trí. Cũng giống như nhiều chế độ quân phiệt trong thế giới thứ ba, ông ước tính là Tự Do Dân Chủ chỉ phải được tiến tới từ từ, một cách tiệm tiến .

Ông Thiệu thiếu môn chánh trị học. Mặc dầu ông Nhã có chỉ cho ông luật lệ về hiến pháp, ông Thiệu không hiểu Chánh Phủ Hoa Thạnh Đốn điều hành ra làm sao. Mặc dầu đã có cả hai viện ở Quốc Hội, Tổng Thống Thiệu vẫn tùy tiện tháo khoán được hàng triệu đồng . Ông không tưởng tượng được rằng Tổng Thống Hoa Kỳ không thể làm như vậy được vì không thể qua mặt Hạ viện và Thượng Viện ở Hoa Thạnh Đốn được . Gặp trường hợp nguy kịch như trường hợp Phước Long bị chiếm, ông Thiệu chỉ trông cậy có mỗi một ông Gerald Ford.

Tướng Quang là người tín cẩn của ông Thiệu, là một cố vấn, là người tâm phúc, là người quan sát tình hình chánh trị tổng quát, là một thủ hạ thông minh và trung thành với ông chủ của mình. Ông Kỳ đã từng là Thủ Tướng rồi. Người ta cách chức Tư Lệnh Vùng 4 Chiến Thuật của ông Quang, vì cho ông là tham nhũng. Ông Thiệu bổ nhiệm ông Quang vào chức vụ Bộ Trưởng Kế Hoạch, và sau đó Phụ tá hay là cố vấn đặc biệt về an ninh quốc gia . To con với cặp mắt sắc sảo, ông Quang có bộ vó như một kẻ gian trong loại phim hạng xoàng. Thiếu bằng chứng, nhưng ở Saigon ai cũng biết ông là một người không tốt. Điều hơi lạ : ông muốn gởi con gái ông sang học ở đại học Mỹ, nhưng không đủ sức trả học phí. Ông nhờ các cơ quan giáo dục Hoa Kỳ để xin học bổng, nhưng không được , con gái ông đành phải đi qua Úc Châu ở với một người bà con của ông đang làm việc ở Tòa Đại sứ Việt Nam ở đó. Bà Quang không khi nào đeo nữ trang khi đi ra ngoài, không làm áp phe. Và cũng lạ lùng nữa, ông Quang vô ra Dinh Độc Lập lúc nào cũng được , vẫn được toán gác dinh mang găng trắng chào kính . Văn phòng ông rất sang trọng với bàn tủ ghé sơn vệt ni đen bóng loáng, với những tấm bình phong cân xa cừ, bàn làm việc loại tối tân với ghế bành bọc da, lẫn lộn nửa xưa nửa nay không tương hợp nhau lắm.

Ông Quang cho ông Thiệu hay là một chiến dịch đang bắt đầu nhen nhúm nhắm vào Tổng Thống đây. Người ta muốn nhắm vào gia đình Tổng Thống, bôn củ soạn lại thôi : tham nhũng ! Bà Thiệu làm áp phe, đó là quyền của bà. Nhưng luân lý ở đây muốn đệ nhất phu nhân, hay bất cứ người nào có chồng làm lớn, là phải đứng trên cái giới áp phe thường núp dưới các hoạt động từ thiện hay công tác xã hội. Tổng Thống thường làm việc với giới dân sự, nhất là với ông Lý long Thân, một thương gia người Tàu Chợ Lớn, chủ xưởng Vinatexco, một công ty dệt lớn. Người ta nói bà Thiệu và bà Thân có nhiều quyền lợi trong việc thu hồi “sắt vụn” như đồng, thép và nhôm. Chiến tranh đã để lại biết bao sự điêu tàn, những phế liệu, sắt vụn được thu lượm để xuất cảng trên những thương thuyền của Đại Hàn hay của Panama. Người ta tố cáo bà Thiệu đầu cơ đồng bạc. Bắc Việt đã không nghe lời khuyên của Liên Xô để in bạc giả và nếu cái

Chánh Phủ Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam của họ cần tiền thì Hong Kong là nơi tốt nhất để Hà Nội tìm đủ tiền Miền Nam cho đám tay sai mà họ đã tạo dựng lên.

Hồi xưa, bà Thiệu thường hay lui tới với ông Nguyễn Cao Thắng, chủ nhà bào chế thuốc Tây, mà cũng là người nắm độc quyền nhập cảng nhiều loại hàng đặc biệt. Ông Thắng người cộng sự ưu ái của ông Thiệu, là người ảnh hưởng và điều động được các dân biểu ở Hạ Viện và cả Nghị sĩ ở Thượng Viện. Ông vừa là một lý luận gia vừa là một túi tiền của ông Thiệu. Một chuyên bầu cử cho các ông này tốn cũng phải từ 1000 đến 2000 mỹ kim. Ông Thiệu ước tính là bài toán tham nhũng chỉ sẽ được giải quyết sau chiến tranh mà thôi. Người ta nói nhiều về tham nhũng ở Miền Nam và rất ít khi nói tới những chuyện này ở Miền Bắc .

Vấn đề này được báo chí quốc tế nói tới nhiều nhưng ông Thiệu biết là quan điểm của ông Martin không có gì khác lạ, những gì mà người phương Đông gọi là tham nhũng, theo ông Martin chỉ là một chứng bệnh về kinh tế, một hiện tượng khó tránh khỏi trong thời kỳ chiến tranh. Tình trạng chợ đen ở Việt Nam ngày nay đâu có nặng hơn hồi thế chiến II ở Âu Châu . Ông Thiệu có thể an tâm về điều này. Tướng Quang báo cáo là ông Martin đã không cho các cơ quan của Tòa Đại sứ gọi về Hoa thành Đốn những phúc trình sơ suất về vấn đề này. Ông Martin thì đòi hỏi phải có những bằng cứ xác thực, mà những tay buôn lậu, những người ăn hối lộ có bao giờ ký biên nhận đâu và cũng không để cho ai chụp được hình trong những cuộc dàn xếp giao dịch . Họ dùng tên giả, và những thủ tục vô hình. Và tướng Quang nghĩ là chiến dịch chống ông Thiệu sẽ không trầm trọng lắm.

Ông Thiệu đã lưu giữ 25 bức thư của Tổng Thống Richard Nixon trong phòng ngủ của ông ở Dinh Độc Lập như một hồ sơ mật, một loại vũ khí riêng của mình. Những bức thư này là những bản chánh hay bản sao của các công điện được một viên chức ngoại giao Mỹ chuyển giao cho ông. Đối với ông Thiệu, nội dung của những bức thư này và một vài lời tuyên bố của ông Nixon còn quan trọng vừng vàng hơn là những điều khoản của Hiệp Định Paris. Đối với các tổng trưởng, ông Thiệu không nói rõ nội dung của những bức thư này nhưng đã có cho thấy những cam kết của ông Nixon. Ông vừa nói vừa mân mê bao súng của ông coi như ông hiện đang có những bức thư trong đó vậy: “Tôi có lời hứa của ông Nixon ở đây nè !”.

Khi ông Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa từ chối không chịu ký vào văn bản đầu tiên của Hiệp Định Paris một cách giận dữ, thì ông Nixon nói với ông Kissinger: ” Lời nói đó không có gì hung dữ đâu, ông sẽ thấy là ông không phải là “con chó đẽ” đâu.”(nguyên văn của tác giả Tood Olivier). Dù ông Nixon có bị gì thì ông Thiệu vẫn tin tưởng ông ta, nhưng ông vẫn nghi ngờ ông Kissinger, vì ông này vẫn còn tại chức. Ông Nixon đã từng hứa là sẽ có phản ứng ngay nếu có những cuộc tấn công nghiêm trọng của Bắc Việt.

Ngày 16 tháng 10 năm 1972, ông Nixon viết cho ông Thiệu : ” Ông có thể hoàn toàn tin chắc rằng chúng tôi tiếp tục cung cấp cho Chánh Phủ ông một sự yểm trợ đầy đủ, gồm có viện trợ kinh tế dài hạn và tất cả viện trợ quân sự đúng như Hiệp Định Paris đã quy định. ”

Cũng trong thư này, đối với Bắc Việt, ông Nixon viết : ” Tôi có thể bảo đảm với ông rằng chúng tôi sẽ coi việc họ không thực hiện đúng theo lời hứa quan trọng của họ sẽ dẫn tới những hậu quả tối nguy hiểm cho họ. ”

Ông Thiệu thấy bị ông Kissinger chơi xỏ, vì ông ta âm thầm và đương nhiên chấp nhận sự có mặt của quân đội Bắc Việt ở Miền Nam sau khi lệnh ngừng bắn có hiệu lực. Ông Thiệu tin chắc rằng Kissinger đã dối gạt ông Nixon về nội dung những cuộc nói chuyện ở Paris giữa ông ta và Bắc Việt. Ông Kissinger đã nhượng bộ cho Bắc Việt nhiều hơn là ông Nixon đã chấp

nhận. Tuy vậy, ông Thiệu chỉ tính tới những gì ông Nixon đã viết và nói với ông, với tư cách là một tổng tư lệnh của quân lực Hoa Kỳ .

Ngày 14 tháng 11 năm 1972, đặc phái viên của ông Nixon và Kissinger , tướng Alexandere Haig yêu cầu ông Thiệu nên nhượng một vài điều trong Hiệp Định. Trong bức thư kèm theo ông Nixon đã cam kết với ông Thiệu như sau : ” *Điều quan trọng hơn những điều mà chúng tôi nói trong Hiệp Định, là chúng tôi sẽ hành động thế nào trong trường hợp Bắc Việt tiến hành các cuộc xâm lăng mới của họ.* ” Hai ông Nixon và Thiệu cùng gặp nhau trên một tần số: “Hình thức không bằng nội dung”. mặc kệ các điều khoản của Hiệp Định muốn nói gì thì nói ! ông Thiệu nhìn thấy trước nhất là sự cam kết từ cá nhân một vị Tổng Thống Hoa Kỳ về phần pháp lý của một bản văn. Không thể có một sự hiểu lầm được . Ông Nixon còn viết thêm: ” *Ông có một sự bảo đảm tuyệt đối của tôi (nguyên văn của tác giả Olivier Todd: you have my absolute assurance) là nếu Hà Nội không tôn trọng lời văn trong Hiệp Định thì tôi có ý định sẽ dùng trở lại những sự trả đũa nhanh chóng và khốc liệt.* ”

Ngày 14 tháng giêng năm 1973 cũng trong luận điệu đó, ông Nixon đã cho oanh tạc Bắc Việt và thả mìn ở các hải cảng Miền Bắc Ông không ngần ngại phải hành động cứng rắn như vậy. Sau đó ông đưa bàn tay sắt cho ông Thiệu khi ông nói rằng: “*Việt Nam Cộng Hòa có ký hay không ký, thì Hoa Kỳ cũng sẽ ký Hiệp Định Paris.*”” nhưng ông viết tiếp cho ông Thiệu : “*Chúng tôi không nhìn nhận quyền có mặt của quân đội ngoại quốc trên lãnh thổ Miền Nam Việt Nam Chúng tôi sẽ có phản ứng mạnh nếu Hiệp Định bị vi phạm.*””

Năm ngày sau đó ông Nixon lại viết tiếp cho ông Thiệu. Ông nhắc lại hai đề tài đã nói và viết : “*”Hoa Kỳ chúng tôi nhìn nhận Chánh Phủ của ông như một Chánh Phủ hợp pháp duy nhất ở Miền Nam Việt Nam .*” điều này làm vui lòng ông Thiệu.

Rất tự tin, khẩn thiết, và cương quyết, ông Nixon vuốt ve để rồi sau đó cũng hăm dọa ông Thiệu. Để cho ông Thiệu phải ký vào Hiệp Định, ông Nixon không ngần ngại cho thấy Quốc Hội Hoa Kỳ có thể sẽ cắt hết mọi viện trợ cho Miền Nam . Nhưng ông Nixon lúc nào cũng hứa những hành động trả đũa đối với Bắc Việt .

Thêm một bằng chứng mới, ông Thiệu mân mê những kỷ niệm của ông sau khi ký Hiệp Định Paris: tháng 4/1972, ông được ông Nixon mời sang Tiểu Nhà Trắng San Clemente ở California – không mời đến Hoa Thành Đồn vì sợ các cuộc phản đối-, và ông Nixon đã nói với ông Thiệu trong cuộc gặp gỡ này : ” *Ông có thể tin ở chúng tôi .* ” ông Kissinger tinh ranh kia lại nói thêm rằng “*sẽ có những “phản ứng dữ dội và nặng nề” nếu Hà Nội vi phạm Hiệp Định.* Đại sứ lưu động Bùi Diễm cũng có mặt ở San Clemente. Ông Martin từ lâu cũng đã thường tiết lộ với Tổng Thống Thiệu là người Mỹ tiếp tục giúp ông. Trong trường hợp bị tấn công mạnh thì sự trả đũa sẽ như sấm sét.

Trong bức thư đề ngày 13 tháng 6 năm 1973, ông Nixon viết : “*Chuyện này không còn là một đề tài liên quan đến những nhà thương thuyết , hay những luật gia, hay những chuyên viên nữa. Bây giờ là một đề tài trực tiếp giữa hai chúng ta.*” (This is now a matter directly between the two of us. ” (nguyên văn của tác giả Todd Olivier)

“.... hay những luật gia...” ông Thiệu diễn dịch là: những điều khoản của Hiệp Định, là những tờ giấy lộn, là dễ rách. Ông biết cách nhìn các Hiệp Ước của những người cộng sản chính thống lê nin nít và sít ta lin nít. Nếu họ vi phạm thì chúng ta cũng phải làm như vậy mới được . Ông Nixon hiểu như vậy và ông Thiệu hiểu ông Nixon. Những cam kết dù bằng lời nói hay trên giấy trắng mực đen, lập đi lập lại nhiều lần công khai hay được hiểu ngầm, thì lời nói của ông Richard Nixon với ông Nguyễn văn Thiệu đều nhắm vào Hiệp Định: những chữ “*trả đũa*”,

“*phản ứng*“, trong những bức thư (bản chính) của ông Nixon được ông Thiệu gạch đít, dưới mắt của ông Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa ít nhất cũng ám chỉ một sự can thiệp của các oanh tạc cơ Hoa Kỳ.

Bằng chứng phụ thêm : NKP (NaKhom Phanom), là một mật hiệu cho tất cả các vị Tư Lệnh Quân Đoàn Miền Nam , là một tổng hành dinh của Đệ Nhất Không Đoàn Hoa Kỳ ở Thái Lan. NKP là một công thức mầu nhiệm. Mặc cho những lời phê bình hơi chua chát hay những dè dặt hơi độc ác của ông Nhã, ông Thiệu vẫn tin rằng vào giờ chót Hoa Kỳ vẫn cứu ông ta. Ở NaKhom Phanom, các oanh tạc cơ B.52 vẫn còn nằm chờ tại đó....

Đối với ông Thiệu, Tổng Thống Ford là người kế thừa cả nhiệm vụ và những cam kết của ông Nixon. Tất cả những thơ từ của Richard Nixon bắt buộc ông Ford phải hành động như thế. Ông Thiệu nghĩ rằng Tổng Thống Ford vì thiếu tin tức nên ước tính rằng việc mất tỉnh Phước Long chưa phải là mức độ nguy ngập.

Chương 4 Ngọn lửa đấu tranh của Hà Nội

Khi bà ký giả Mỹ Frances FitzGerald viếng thăm Hà Nội thì bà xếp ông Thiệu thuộc cánh “cực hữu” của cầu vòng chánh trị Việt Nam. Là một giáo sư đại học và nhà báo, bà đã phát hành 3 năm trước quyển ” Ngọn Lửa Trên Hồ Nước” , một quyển sách rất thú vị về người Việt Nam và người Hoa Kỳ ở Việt Nam. Quyển sách đã thành công và được xếp vào danh sách các tài liệu bắt buộc tất cả các nhà ngoại giao và giới quân nhân Hoa Kỳ phải đọc qua . Hiện vẫn còn một vài quyển ở Tòa Đại sứ Mỹ tại Sài Gòn , trong thư viện của Phòng Thông Tin, và trong phòng Tùy Viên Quân Lực Hoa Kỳ với một vài tác phẩm của Bernard Fall, của Sir Robert Thompson, của Mao, của Giáp v.v... Bà không cho cộng sản Việt Nam là thiên thần tiến bộ, nhưng chỉ trích thái độ, phương tiện và mục đích của người Mỹ ở Việt Nam và phân tách các xung đột mâu thuẫn cao độ của các nền văn hóa Đông Tây. Đối với bà, cộng sản Việt Nam cứng rắn thật nhưng mà chính thống, mặc họ ! Họ ít tham nhũng hơn người Miền Nam, bà có ý nghĩ của một người tự do và cấp tiến. Bà biết rõ sự liên hệ giữa Hà Nội và CPLTCHMN nhưng bà cho là cái CPLTCHMN này cũng có phần nào độc lập tự chủ.. Rất tự nhiên, bà viết lên một cách vô ý thức đến độc ác: ” Ngọn lửa cách mạng dù mỏng mảnh nhưng đủ sức thanh lọc xã hội tham nhũng ở Miền Nam Việt Nam cũng như sự vô trật tự của chiến tranh của người Mỹ.”

Ông Mai văn Bộ, một công chức cao cấp ở Bộ ngoại giao Hà Nội , cựu Đại sứ Bắc Việt ở Paris, đã ca tụng quyển “Ngọn Lửa Trên Hồ Nước ” khi duyệt qua các phong trào và dư luận ở Hoa Kỳ. Bà trí thức trưởng giả tốt bụng Hoa Kỳ này kết luận rằng: ” Nếu Việt Nam phải được độc lập, thì nước Việt Nam phải có một Chánh Phủ thống nhất . Bây giờ muốn có hòa bình phải cần làm cách mạng.” Bà FitzGerald chúc phúc cho sự thống nhất bằng cách mạng.” !

Ông Mai văn Bộ nghĩ rằng quan điểm của bà FitzGerald đúng đắn, cần thiết và trong sáng. Rất xứng đáng được cấp chiếu khán. Sau một thời gian dài chờ đợi, bà nhận được chiếu khán. Bà viếng Hà Nội vào đầu tháng giêng với một phái đoàn trong đó có Fred Bransman, đồng chủ sự của tổ chức “Tài nguyên ở Đông Dương”, một tổ chức “vì hòa bình” mà ông đại sứ Graham Martin rất ghét.

Ở Hà Nội, người ta cho khách ngoại quốc ở khách sạn Thống Nhất. Khách sạn này giống như khách sạn Continental ở Sài Gòn, hai khách sạn này trước kia cùng một chủ. Cũng những phòng rộng rãi, đẹp nhưng cũ kỹ, cũng những chiếc quạt máy chạy chậm chậm. Nhưng ở đây không có sân thượng như ở Continental, điện nước hơi trục trặc, vải trải giường thì vá vúi, và nhân viên của sở an ninh ở cả tầng trệt. Họ giám sát các sự di chuyển và thư từ của khách . Khách được cho ăn đầy đủ lắm nhưng thấy ngay là thiếu cà phê, bơ và thịt. Khách ngoại quốc luôn luôn được chú trọng, coi như có đặc ân, không bao giờ thiếu thuốc hút. Một hệ thống tuyệt hảo, nhưng khách coi như bị giam lỏng: mỗi phái đoàn luôn luôn lúc nào cũng có người bên cạnh, một tài xế, một nhân viên tổ chức, thường là công an, và một thông dịch viên, trong trường hợp cho phái đoàn Mỹ lần này là ông Long.

Bà FritzGerald thấy Hà Nội “không hấp dẫn lắm” nóng bức và không sáng sủa nữa.

Mặt tiền phố xá ở thủ đô Bắc Việt thì nứt nẻ, hồ vữa rơi vỡ từng mảnh vụn, những người cỡi xe đạp không tin tưởng vào luật giao thông. Họ chỉ tự tin vào tài nghệ của mình như những người cỡi xe đạp ở Miền Nam. Trung tâm thành phố già nua của người Pháp thuở nào giờ đây nom cũng còn có vẻ sạch .

Dân chúng ở thủ đô Bắc Việt không lúc nhúc như ở Sài Gòn. Họ chen chúc nhau đi một cách vô trật tự. Có ít xe cộ và lính tráng trên các con đường chính, Xe đạp thì vô số kể, người thì đi

xe Phénix của Liên Xô, người thì xe MIR của Trung Cộng, nhưng người ta thích xe Peugeot hơn. Vào sáng sớm hay buổi chiều thì có nhiều quân xa hơn. Đây là giờ đoàn kết của tất cả các nước dân chủ nhân dân: xe cam nhông, xe nước, xe cần trục, xe jeep và xe chỉ huy Liên xô, xe Molotova, Zis, Zil, Aurochs vĩ đại... Nhưng người ta cũng thấy được xe Gia Phong của Trung Quốc, với ca pô dài và tròn, các xe Star 20, 25, 27 của Ba Lan và những xe Praga và Tatra của Tiệp Khắc, xe Ipha của Đông Đức, hay Hirondelle của Bắc Hàn. Rồi người ta cũng thấy những chuyến xe điện cũ kỹ màu đỏ chuôi hay màu xanh đỏ gi đỏ chờ đầy người chạy ngược chiều với các xe trâu.

Trong những khu công thự của thủ đô cũ, và cả khu gia cư bình dân đều có những hầm núp cá nhân, những hố tròn bằng xi măng, sâu chừng 2 thước tất cả đều ngập nước bùn. Ý chừng người ta không còn sợ các oanh tạc cơ Hoa Kỳ trở lại nữa hay sao? Ở nơi khác thì người ta đã làm sạch các hố núp bom này rồi. Có lẽ người ta sợ Hoa Kỳ lại tái leo thang oanh tạc.

Nếu không có chế độ phân phối lương thực thực phẩm, không thấy những bộ đội có võ trang, những khẩu pháo phòng không, những hỏa tiễn SAM lộ thiên,, những mẩu chuyện về chiến sự... thì ở đây người ta đã quên mất chiến tranh rồi. Người Mỹ không bao giờ oanh tạc trung tâm thủ đô Hà Nội, một vài quả bom rơi lạc vào thoi, gây tử thương một nhà ngoại giao Pháp hay một trung sĩ của Ủy Ban Quốc Tế (CIC). Trung tâm Hà Nội vẫn được bảo vệ. Chiến tranh chỉ bắt đầu ở ngoại ô giống như ở Sài Gòn.

Bên bờ hồ, một số bạn trẻ đang uống bia ngoài sân của các quán cà phê. Trong khu thủ công ở phố tàu cũ không náo nhiệt như Chợ Lớn, gần cầu Long Biên – tức cầu Paul Doumer cũ -, bị phá, sửa đi làm lại cả hai chục lần, trên con đường dẫn tới bệnh viện Bạch Mai, đâu đâu cũng có hệ thống phóng thanh oang oang các khẩu hiệu và từ 6 giờ sáng là giờ trực tiếp truyền đi các buổi phát thanh của đài Hà Nội

Bà FitzGerald hơi khó chịu về sự “úp mở”. Phái đoàn của bà được “Ủy Ban Đoàn Kết Với Nhân Dân Hoa Kỳ” mời, mà qua đây bà chỉ gập toàn là viên chức của chánh quyền. Toàn là nghi thức giống nhau trong một không khí tối ư lịch sự và các phái đoàn phải kiên nhẫn, ngồi nghe hàng loạt thuyết trình không biết bao giờ chấm dứt, những “báo cáo” loại trả bài Mác xít. (“*bao cao*” nguyên văn chữ viết không có dấu của tác giả)

Trên một cái bàn kiểu cổ của Pháp thời thập niên 30 hay 40 gì đó, chủ nhà bày ra nào là trà, chuối, bánh tây, kẹo và thuốc lá để đãi khách. Với những cử chỉ hết sức vồn vã và rất trân trọng họ mời khách, làm như kẹo trà đó là những món tối cần thiết, không dùng không được vậy. Họ vồn vã hỏi thăm về sức khỏe của khách, của gia đình và bạn bè của khách, cố tạo ra một bầu không khí thân mật từ ông khách ở New York đến ông bạn ở Paris hay ở Stockholm Họ nhắc đi nhắc lại đến cả chục lần rằng ở Hà Nội lạnh hơn ở Sài Gòn nhiều... rồi từ từ họ cũng lái được người ta vào đề tài chánh trị, không đến nỗi chậm chạp lắm như con mèo thò chân vào nước đá đâu.

Cũng có lúc toán hộ tổng thay đổi người. Nhờ vậy mà phái đoàn Hoa Kỳ mới khám phá ra người thông dịch viên ở Viện Đông Nam Á là vợ của tướng Võ nguyên Giáp, tổng trưởng Quốc Phòng. Có điều không may mắn là phái đoàn không gặp được ông tướng này.

Theo bà FitzGerald, nhân vật chánh thức và quyền rũ nhất có lẽ là ông Hoàng Tùng. Vóc người nhỏ thó và hoạt bát, tóc bạc trắng và húi cua, lúc nào cũng có khăn quàng trên cổ và luôn luôn mặc áo choàng, ông Tùng là chủ nhiệm tờ Nhân Dân, nhật báo của đảng. Ông là ủy viên dự khuyết Trung ương đảng, là đầu cầu mà các nhà trí thức có tiếng tăm khi đến Hà Nội bắt buộc phải đi qua. Vì ông là gạch nối liên trực tiếp với hệ thống đảng cũng như chánh quyền,

một hệ thống chịu trách nhiệm phân phối khách thăm viếng và các nhân viên trong công tác phục dịch và tuyên truyền.

Ông Tổng bí thư Lê Duẩn tiếp các thành viên quan trọng của các đảng cộng sản anh em, Thủ Tướng Phạm văn Đồng thì tiếp các nhà ngoại giao, các giáo sư, các ông Cha, các Mục sư và báo chí ngoại quốc. Ông Hoàng Tùng thì chuyên tiếp giới trí thức có chút ít tiếng tăm.

Về chân thật, hay nói thẳng và giản dị của ông, đôi lúc hơi tếu, dù gì cũng không che dấu được sự trung thành tuyệt đối của ông đối với ý thức hệ cộng sản. Người ta có thể liên tưởng ông ta là một khúc gỗ lim, một loại gỗ cứng rắn nhất ở rừng Việt Nam. Khác hẳn với các nhân vật chánh thức ở đây, ông Hoàng Tùng không sợ những câu nói bóng gió. Muốn nói tới ” kháng chiến quân” ở chiến khu thuộc CPLTCHMN hay các anh bộ đội chánh quy của Miền Bắc đang ở trong Nam, ông không tránh né, dùng ngay danh từ ”lực lượng giải phóng quân” để nói với quan khách Hoa Kỳ:

” Có người gọi họ là “quân đội Bắc Việt”, có người gọi họ là “việt cộng”, có người gọi họ là “cộng quân”... các ông muốn gọi họ là gì cũng được. “

Ông không dấu diếm gì cả, nói thẳng rằng *“các sư đoàn Bắc Việt đã cung cấp phần lớn binh sĩ cho Miền Nam.*

Ông sẵn sàng kể lại một cách thích thú vài mẩu chuyện về ông Kissinger :

– ” Ông tiến sĩ triết học này gần đây lại thích chuyện gián điệp. Quý vị có biết là trong thời gian thương thuyết ở Paris, ông Lê đức Thọ – cố vấn đặc biệt của Phái Đoàn Bắc Việt- có hỏi ngay ông Kissinger là : “ông có gặp khó khăn nào trong việc xin Quốc Hội thông qua đạo luật viện trợ cho Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa của chúng tôi hay không ?”

Thì ông Kissinger trả lời ngay:

-” Các ông không biết đâu, Chánh Phủ Hoa Kỳ thường gặp khó khăn khi xin ngân khoản nhỏ cho một vài dự án cụ thể nào đó thí dụ như về an sinh xã hội chẳng hạn, Tuy nhiên mỗi năm Quốc Hội chấp thuận một ngân khoản lớn cho Ngũ Giác Đài. Chánh Phủ có thể trích ra từ ngân khoản này một số nào đó để viện trợ cho Bắc Việt được.”

Sự thật không phải vậy và không đúng như vậy đâu. Câu chuyện này thật quá sáng tỏ: ý nghĩ về một ngân khoản hàng tỷ mỹ kim để tái thiết Miền Bắc gọi là “hàn gắn vết thương chiến tranh” đã ám ảnh những người có trách nhiệm ở Miền Bắc. Người cán bộ cộng sản như ông Tùng hay người quốc gia chống cộng như ông Thiệu đều tưởng là Tổng Tổng Hoa Kỳ nào cũng có thể “qua mặt” được Quốc Hội về vấn đề tiền bạc.

Để trả lời cho bà FitzGerald về câu hỏi : ” Chiến tranh Việt Nam có vai trò gì trong “Lịch Sử” ? , ông Hoàng Tùng đã say sưa thích thú đi vào giải đáp lý thuyết loại ngay :

” Cuộc chiến đã góp phần làm thay đổi cán cân lực lượng trên thế giới”.

Người ta thấy là ông đã trả lời như một nhà thông thái, nhanh gọn và rất khiêm nhường.

Những lý thuyết gia cộng sản của Hà Nội đều biết và tin rằng cuộc cách mạng thế giới đang được tiến hành, mà cộng sản Việt Nam là một trong những động cơ chính yếu, cũng như Cuba vậy. Nước VNDCCH là “đội quân tiên phong” của giai cấp vô sản. Nhưng theo Mạc tư Khoa

thì đạo quân tiên phong là Liên Xô. Người Việt Nam đã nhớ rất rõ là khi mới được khai sinh, nước VIT NAM DCCCH không được Liên Xô nhìn nhận ngay đâu.. Người cộng sản VIỆT NAM cũng không bao giờ tha thứ cho Trung Quốc khi nước này giao hảo với Hoa Kỳ nhờ Nixon và Kissinger. Hà Nội cũng không khi nào quên được lúc ký Hiệp Ước Geneve 1954, Liên Xô và Trung Quốc đã ép người đồng chí VIT NAM nhỏ bé của mình phải chấp nhận vĩ tuyến 17 là biên giới quốc cộng : Cộng sản ở phía Bắc và Quốc gia ở phía Nam. Lãnh đạo Bắc Việt cũng không khi nào tha thứ cho Liên Xô khi họ chỉ phản đối lấy lệ lúc Hoa Kỳ phong tỏa Hải Phòng vào tháng 4/1972 hay dội bom Bắc Việt tháng 12/ 1972. Trong thời gian khó khăn này của cuộc chiến, trong giai đoạn đang có sự căng thẳng giữa Hà Nội và Hoa thanh Đồn, Liên Xô đã có thái độ quá dè dặt .

Báo chí Bắc Việt nhận định rằng cuộc họp thượng đỉnh giữa hai ông Nixon và Breijev vào tháng 5/1972 là “đi ngược với nguyên tắc”. Lãnh đạo đảng cộng sản VIT NAM biết là Mạc tư Khoa và Bắc Kinh đang chơi trò “thư giãn” với Hoa Kỳ, như vậy là coi như họ muốn dời cuộc cách mạng thế giới lại một ngày khác rồi “

Tất cả những nhận xét của ông Hoàng Tùng trên đây tuy có vẻ nhẹ nhàng nhưng nhân vật Hoàng Tùng muốn cho khách người ngoại quốc thấy: có một khoảng cách giữa Hà Nội, Bắc Kinh và Mạc tư Khoa, và cuộc tranh chấp này có vẻ khá nặng nề..

Đôi khi Hoàng Tùng lợi dụng những cuộc thảo luận tổng quát này để gợi lên cho khách thấy sự dị đồng. Như vậy về mặt lý thuyết trong cái thế giới cộng sản người ta đặt một câu hỏi xét ra thật là căn bản: ” trên con đường dẫn tới thiên đường xã hội chủ nghĩa có thể nào “giáo điều, ý thức hệ vượt lên khỏi nhu cầu phát triển kinh tế hay không ? “

Nước Việt Nam chưa phải là một nước kỹ nghệ. Cộng sản Việt Nam bắt buộc phải đi theo con đường của Trung Quốc, có nghĩa là ý thức hệ phải được coi như ưu tiên hơn là phát triển kỹ nghệ. Ông Hoàng Tùng nhấn mạnh : ” Những người kế thừa Hồ chí Minh đã chọn một đường lối sát với cộng sản chính thống Liên Xô. Đất nước chỉ tiến được lên xã hội chủ nghĩa khi nào nền kinh tế của quốc gia đã ở trong tình trạng phát triển.”

Trong văn bản của ông, Lê Duẩn đã nhấn mạnh vị trí quan trọng của sự phát triển kỹ thuật (ông Tùng nhận xét). Tại Hà Nội, chủ thuyết Mao trạch Đông chẳng những không được coi trọng nếu không muốn nói là quá lạnh nhạt, xa cách, mà lại còn kèm theo các nụ cười khó chịu nữa. Tòa Đại sứ Trung Quốc ở Hà Nội có đầy những quyền tiểu luận màu đỏ bằng tiếng Việt nhưng vì một sự tình cờ nào đó mà không thấy một quyển nào được thấy xuất hiện ra ngoài.

Đi lần xuống từ đỉnh cao của ý thức hệ đó, bà FitzGerald nêu lên câu hỏi về bài toán tế nhị của những sự thay đổi trong nội bộ đảng cộng sản.

Đối với người cộng sản Việt Nam, cái gì mới là quan trọng : Hồng hay Chuyên ?

ông Tùng trả lời:

“ Đường lối của chúng tôi khác hẳn của người Trung Quốc, chúng tôi tin tưởng rằng “Phải biết làm và Làm có kỹ thuật” đó mới là ưu tiên, là quan trọng. Có ý chí là một điều cần thiết đây, nhưng cũng chưa đủ. “. Tùng lại nói tiếp :

– ” Trong nội bộ đảng CS VIT NAM cũng đã có những sự tranh luận, nhưng không có sự dị biệt về ý thức hệ, từ thế hệ này đến thế hệ khác, từ cấp trên xuống tới cấp dưới. Đảng và Chánh

Quyền gồm có những người lớn tuổi từ cuộc chiến Đông Dương lần thứ nhất. Họ không có đủ phẩm chất cần thiết để canh tân nước Việt Nam .” Và ông lại giải thích:

-” Chúng tôi vấp phải một xu hướng nào đó, có chủ trương cứ để cho lịch sử của quá khứ dắt mình đi, cứ coi như sự thiếu khả năng trong hiện tại là cần thiết. Tôi đã nói đùa với ông Lê Duẩn là “nếu chúng ta sống trong chế độ hồi xưa thì tôi sẽ chấp thuận ban cho rất nhiều người một quy chế quý tộc rồi, quý vị thấy tôi muốn nói gì chớ ? một quy chế danh dự thôi mà !

Trong thời gian 19 ngày phái đoàn Hoa Kỳ thăm viếng Hà Nội, họ đã đi tham quan các đền đài, viện bảo tàng và các tỉnh thuộc đồng bằng sông Hồng. Đâu đâu và lúc nào người ta cũng giải thích là Miền Bắc cần phải nâng cao sản lượng lúa gạo, than đá, sắt thép, điện lực, xi măng và phân hóa học. Người ta đã làm việc quá nhiều cho kế hoạch sắp tới, cho thời gian chuyển tiếp sau khi thống nhất được hai Miền Nam Bắc. (họ đã nói như vậy). Các doanh gia ở Miền Nam sẽ được mời, nếu họ muốn mua than đá và bán gạo cho Miền Bắc. Việc thống nhất này phải còn tốn rất nhiều thời gian. Có thể 5 năm hay 10 năm không biết chừng. Đâu đâu và lúc nào phái đoàn cũng nghe thấy họ nhắc đi nhắc lại thời khóa biểu này. Ngay như Thủ Tướng Phạm văn Đồng cũng vậy, đích thân ông đã tiếp phái đoàn Hoa Kỳ này, rất ngắn thời, nhưng cũng đủ để ông gieo vào đầu họ ý nghĩ này khi ông tuyên bố:

- ” Sẽ có thống nhất thôi, ai cấm ? Cứ hỏi ngay ông Gerald Ford xem ! Trước hết, phải thi hành Hiệp Định Paris. Chúng tôi phải có được “Hòa Bình, Dân Chủ và Hòa Hợp Quốc Gia” và một Chánh Phủ mới ở Sài Gòn. Sẽ có thống nhất thôi ! chừng đó tôi là người sẽ trở về Miền Nam.”

Ông Phạm văn Đồng là người sanh trưởng ở Miền Trung, trong tỉnh Quảng Ngãi. Năm nay ông 79 tuổi có cặp mắt sáng rỡ, đẹp và sâu nom hết sức quyến rũ, luôn tiết ra một luồng nhiệt độ có lẽ từ bệnh rét rừng. Ông có đôi môi dày, nước da ông ngăm ngăm đen và đôi tay ông dài, ông nói tiếng Pháp rất cứng với người ngoại quốc. Với tướng người cao ráo, ông thường mặc đồ lớn, nửa dân sự nửa quân sự, vừa thực dụng vừa thơ mộng của một ông thủ tướng hay nói về Diderot, về Victor Hugo hay về Zola, để tán tụng họ. “Hết Ý” là một trong những từ rất đặc ý của ông ta. Khi nói tới sự thống nhất giữa hai Miền Nam Bắc, ông làm như cần phải dời ngày đó lại một thời điểm nào đó xa xôi hơn, không đoán trước được. Ông vừa cười vừa nói với bà FitzGerald:

-” Về ngày đó hả ? Chắc tôi phải hỏi lại một chiêm tinh gia mới được !”

Thật là nhịp nhàng và ăn khớp với nhau quá !

Không có lúc nào mà người Mỹ trong phái đoàn của bà FitzGerald thấy được tầm vóc của trận đánh chiếm tỉnh Phước Long, cũng giống như những nhà ngoại giao đương nhiệm ngay tại Hà Nội !

Trong một giác thư, viên xử lý thường vụ Úc Châu, ông G.C. Lewis không sao rút ra được một kết luận nào gọi là thâm thúy của diễn tiến quân sự ở Miền Nam. Gần đây nhất ông ta đã có nói chuyện với các đồng nghiệp Liên Xô và Ba Lan ở Hà Nội. Họ cũng đã quả quyết với ông rằng VNDCCH bây giờ chưa dự tính thống nhất hoàn toàn hai Miền Nam Bắc vì họ coi đó là một mục tiêu dài hạn, nếu họ thật sự muốn như vậy .

Ở Miền Nam Chánh Phủ VNCH của ông Thiệu và CPLTCHMN (GRP) có thể từ từ sát nhập với nhau dưới một hình thức “Liên Hiệp” để rồi một ngày nào đó sẽ đương nhiên trở thành một thành phần trong Liên Bang với Miền Bắc.”

Các nhà ngoại giao Liên Xô giải thích cho người Úc là CS VIT NAM đang nghi xả hơi :

” Hai nền kinh tế của Miền Nam và Miền Bắc quá chênh lệch nhau để có thể kết hợp ngay với nhau được , dù là có thể hợp tác với nhau giữa một Miền Nam nông nghiệp với một Miền Bắc kỹ nghệ.

Vui tính, nhà ngoại giao Úc Châu tiếp lời:

– “*Nhìn từ đây, ngay bây giờ mà VNDCCH muốn sát nhập công ty Honda của Miền Nam cũng không phải thật sự là một đề nghị có thể đi đến thành tựu được.*”. Ngoài ra theo ông Lewis, các lãnh tụ Miền Bắc còn nghi ngờ về ảnh hưởng của người Miền Nam đối với người Miền Bắc”.

Nhà ngoại giao Úc Châu chỉ lặp lại những gì mà Miền Bắc đã nói với các đồng chí Liên Xô của họ mà thôi.

Hai vị cố vấn trong tòa Đại sứ Liên Xô, ông Trigoubemko và Markow đã đánh tiếng trong ngoại giao đoàn là Liên Xô đã cắt giảm viện trợ quân sự cho Hà Nội trong năm 1974. Hai nhân vật Liên Xô này giải thích là chính người Trung Quốc là những người muốn theo đuổi chiến tranh và muốn đi tới mục tiêu cuối cùng của cuộc chiến. Họ khuyến khích Hà Nội phải tiến hành một cuộc tấn công vào Miền Nam. Ông Trigoubemko nói thêm rằng Trung Quốc có thể “gởi quân đội của họ qua tham chiến” giúp Miền Bắc. Dĩ nhiên ông xác nhận đây chỉ là ý kiến riêng của ông. Ông ước tính là các nhà lãnh đạo của Hà Nội thực tế đang mơ ước có được một Liên Bang Việt Nam hơn là một nước Việt Nam thống nhất. Ông nói tới hai nước VIT NAM giống như hai nước Nam, Bắc Hàn, Đông và Tây Đức.. ông đổ lỗi cho Trung Quốc là một “bá quyền thực dân mới”, một bá quyền có ảnh hưởng rất xấu đối với các chiến sĩ cách mạng Cam Bốt.

Đại ý của các nhà ngoại giao Liên Xô là :

- ” *Các đồng chí VIỆT NAM lúc này cần phải tập trung tài nguyên vào việc tái thiết đất nước và xây dựng xã hội chủ nghĩa.* ”

Tất cả những người thuộc Ban Lãnh đạo đảng CS VIỆT NAM nào có liên lạc với Tây Phương ở Hà Nội đều loại trừ khả năng tấn công của lực lượng giải phóng ở Miền Nam trong năm 1975. Họ cũng không loại trừ khả năng can thiệp của oanh tạc cơ Hoa Kỳ. Những người có trách nhiệm này tuyên bố là họ muốn tránh phản ứng mạnh của Hoa Kỳ:

– “*Chúng tôi không muốn làm hỏng lễ kỷ niệm 30 năm ngày lập quốc của VIỆT NAM Dân Chủ Cộng Hòa vào tháng 9 / 1975 này.*”.

Tất cả những luận điệu và phân tích nói trên lan rộng ra bất kể trong trường hợp hay hoàn cảnh nào, càng ngày càng vững chắc thêm lên, cùng khắp ở Hà Nội để đi tới thủ đô của các quốc gia Tây Phương. Những mẫu chuyện có tính cách “hòa hoãn” này đã ăn sâu vững chắc vào tư tưởng của cả những người ít nhạy cảm nhất.

Người Tây Phương vốn không cho là quan trọng và ít khi tin vào những gì mà người Liên Xô hay Bắc Việt nói ra, nhưng những đòn loạn ngôn lừa bịp này cứ được nói đi nói lại liên tục, lại có kèm theo chứng tích trong giới ngoại giao đoàn, một thế giới thu hẹp vừa bé nhỏ vừa bị bung bít ở Hà Nội. Hơn thế nữa CS VIỆT NAM đã khôn khéo giới hạn mức độ phổ biến vừa đủ với ý định nào đó của họ muốn mà thôi : “*kiến tạo hòa bình có lợi cho họ hơn là tiếp tục*

theo đuổi chiến tranh”. Clausewitz đã có nói; “Kẻ xâm lược lại là những người thích có hòa bình”. Họ muốn vào nhà anh mà không muốn gặp bất cứ một trở lực nào ! do đó mà Bắc Việt sẵn sàng chờ đợi...

Vào đầu năm 1975, họ than phiền là đồng minh của họ không tiếp tục viện trợ đúng mức và đúng lúc cho họ. Họ đánh tiếng cho các nhà ngoại giao Tây Phương và cả Đông Phương rằng các đoàn xe tiếp vận từ Trung Quốc thường quá trễ nãi. Người ta đổ lỗi cho công nhân Hỏa xa Trung Quốc đình công. Các công điện ngoại giao của Tây Phương gửi đi từ Hà Nội đều cho thấy rằng cộng sản VIỆT NAM đang theo chánh sách bước đi từng bước một...mà bước nào cũng vững chắc.

Như vậy là tất cả đều trùng hợp, Bộ Chánh Trị CS VIỆT NAM đặt vấn đề kinh tế lên hàng đầu, ưu tiên hơn vấn đề chánh trị. Họ chuẩn bị một cuộc chiến lâu dài, có thể kéo dài trong nhiều năm nữa.

Nhưng ít nhất cũng có 2 nhà ngoại giao không chia xẻ phân tích này, một của Tây Phương và một của Đông Phương.

Từ tháng 12/74 ông Domogola của Ba Lan, đương nhiệm ở Hà Nội 3 năm rồi, nghĩ là Bắc Việt đang chuẩn bị mở một cuộc tấn công vào Miền Nam. Ông không thấy có một giải pháp chánh trị nào khả dĩ có khả năng thành tựu được. Không có một lãnh tụ ôn hòa nào có khả năng vươn lên để thay thế ông Thiệu. Ông Domogola giữ liên lạc chặt chẽ với những nhân viên dân chính cũng như quân sự của phái đoàn Ba Lan đang có trách nhiệm ở Miền Nam, những người đang biết rõ các cuộc chuyển quân của Bắc Việt hơn những người khác.

Người thứ hai là ông Philippe Richer, một người đã từng là cựu tù binh bị lưu đày ở Buchewald, một cựu sĩ quan hiện dịch đã có 2 năm phục vụ trong quân đội hoàng gia Lào. Ông là đương kiêm Đại sứ Pháp tại Hà Nội. Ông cũng có nhận định như ông Domogola. Là một nhà ngoại giao rất bén nhạy, ông biết rất rõ từ Mạc tư Khoa đến Bucarest, và ông tới Hà Nội đúng vào tháng giêng năm 1975 . Ông không có một ảo tưởng nào về mọi khả năng giải quyết Miền Nam Việt Nam bằng một giải pháp chánh trị.

Vài tuần lễ trước đó Thủ Tướng Phạm văn Đồng qua trung gian ông Francois Missofle, một đặc phái viên của Chánh Phủ Pháp ở Á Châu, đã nhờ Chánh Phủ Pháp nhấn mạnh với Hoa Kỳ để họ ép buộc ông Thiệu rời khỏi chức vụ. Hiệp ước Paris đã mặc nhiên chấp nhận giữ ông Thiệu lại ở Miền Nam, bây giờ Bắc Việt lại tìm cách để búng ông Thiệu ra khỏi Miền Nam. Như vậy là họ đâu có muốn nghi xả hơi như họ đã nói đâu ?

Thủ Tướng Phạm văn Đồng tiếp ông Richer lần đầu tiên vào tháng giêng và nói với ông Richer rằng:

– *” Tôi hy vọng là ông đem tới cho tôi một câu trả lời”*.

Nhà ngoại giao Pháp không hề nhận được một chỉ thị chính xác nào trước khi đi, nên ông ta phân vân trong một sự mơ hồ...

Trừ trường hợp ngoại lệ, còn thì tất cả các tin tức khắp các nơi đưa về đều giống nhau, từ Hà Nội và từ các nhiệm sở ngoại giao của Bắc Việt trên khắp thế giới, từ hệ thống tình báo và phản tình báo hùng mạnh của cộng sản, tất cả đều cho biết là *“không nên quan trọng hóa vấn đề Phước Long, dù đó là một biến cố không phải nhỏ. Bộ Chánh Trị cộng sản chỉ muốn giữ một*

tình trạng căng thẳng nào đó thôi ở Miền Nam để cho bộ đội của họ vui chơi, không hơn không kém”!

Rất ít có chuyên viên nào nghĩ rằng tất cả các nguồn tin dù đến từ Đông hay Tây cũng đều có một xuất xứ duy nhất là Hà Nội !

Hơn nữa, vào trung tuần tháng giêng, tất cả các chuyên viên đều có trong tay một bản tài liệu từ tháng 12/74 : bản nghị quyết 08/CT74 do Bộ Tư Lệnh Quân Đội của CPLTCHMN phổ biến. Nghị quyết này có nội dung duyệt xét các mẫu số của cuộc đấu tranh cho những năm sắp tới: ” Chánh Phủ và Quân Đội bù nhìn của Nguyễn văn Thiệu nếu không sụp đổ ngay thì cũng tiếp tục gặp nhiều khó khăn trực diện trên mọi lãnh vực và sẽ suy yếu lần lần về phẩm cũng như về lượng”.

Cộng sản thường mắc bệnh giấy tờ nên họ thường cung cấp tin tức đều đặn cho cán bộ các cấp ngay cả trên mặt trận. Do đó mà đôi khi cán bộ cộng sản còn biết tin tức chính xác trước cả ông Thiệu nữa, như trường hợp nội dung thảo luận ở Paris giữa ông Kissinger và Phái đoàn Bắc Việt. Cơ quan tình báo của Việt Nam Cộng Hòa phân tách kỹ các tài liệu tịch thu được trên xác chết của bộ đội hay của tù binh bắt được. Một cuốn sổ tay tịch thu được của một cán bộ Việt Cộng trong tháng giêng có bản phân tích nghị quyết 08/CT74:

” Các đồng chí phải ý thức được sự cứng đầu của địch khi họ muốn tiêu diệt giai cấp thợ thuyền. Đó là nguyên nhân gây ra tình trạng căng thẳng trong hiện tại. Do đó trong năm 1975 chúng ta phải tăng cường nỗ lực gấp ba hay gấp năm lần. Chúng ta phải chiến đấu trên cơ sở của sự đau thương này bởi vì chúng ta còn phải tiếp tục một trận chiến lâu dài.”

Cộng sản Việt Nam không bao giờ buông bỏ mục đích cuối cùng của họ là thống nhất nước VIỆT NAM, nhưng trong hiện tại rõ ràng họ đang dự kiến một cuộc chiến lâu dài.

Đối với dư luận quốc tế, VIỆT NAM DCCCH và CPLTCHMN được coi là hai thực thể riêng biệt. Dù họ có đề lộ cho dư luận thấy một vài điểm dị biệt, nhưng họ chỉ có một tiếng nói chung, giống nhau. Còn người Mỹ, từ chánh quyền đến quân đội, cấp nào cũng vậy, họ không bị bó buộc phải có một quan điểm giống nhau, cả trên hai lãnh vực ngoại giao và truyền thông.

Ngày 8 tháng giêng, vị Tư Lệnh các lực lượng Hoa Kỳ ở Thái bình Dương (bao gồm chiến trường Việt Nam), Đô đốc Noel Gayler, có thực hiện một cuộc phỏng vấn cho đài truyền hình tại trại Smith ở Honolulu.

Trước khi cho phát hình cuộc phỏng vấn này, đại tá Sheldon Godkin đánh tiếng cho biết rằng Đô Đốc Gayler không loại trừ khả năng một cuộc can thiệp của Hoa Kỳ để ngăn chặn một sự “sụp đổ” của Miền Nam Việt Nam, sau khi Phước Long bị Bắc Việt chiếm.

Cuộc phỏng vấn truyền hình được đài NBC phát đi trong chương trình “today show” một chương trình có rất nhiều người theo dõi. Đô Đốc đưa ra một quan điểm khác biệt với quan điểm của ông lúc ban đầu:

Trước hết ông tuyên bố là : Hoa Kỳ sẽ xử dụng chiến cụ chứ không dùng quân lính để tăng cường cho Chánh Phủ của ông Thiệu. Ông nói :

– “ Có khả năng có một sự can thiệp, nhưng cơ hội dẫn tới đó hình như còn quá xa vời”.

Có vẻ ngần ngừ và hơi ấp úng, ông nói tiếp :

*” Cần phải giúp đỡ cho Miền Nam Việt Nam chiến cụ để họ có thể xử dụng tùy theo nhu cầu của họ.” – “Không đến độ quá phi lý đâu. Dĩ nhiên là hợp lý, không đến nỗi nào đâu... Tôi muốn nói là về đạn dược.... phải có đủ để họ có thể tự bảo vệ, vàvề lương thực cũng phải có để họ có đủ ăn, họ và gia đình họ, ... và... cả vải bạt nylon nữa... để họ che mưa ..! “ Những ý kiến của nhân vật quan trọng này đã làm cho những người ở Sài Gòn mất hết cảm tình: Những tấm vải nhựa che mưa có thể chống được T.54 sao ? Và ở Hoa thành Đồn cũng vậy, người ta cũng không vui về gì. Cần phải hết sức thận trọng về viễn ảnh của một sự can thiệp quân sự của Hoa Kỳ. Không có mấy ai nghĩ tới việc này. Ông Kissinger đã có nói về một sự can thiệp ở Trung Đông. Đối với kẻ địch, người ta không bao giờ nên nói là sẽ không làm việc này hay việc nọ, nhất là việc không gọi quân... Hai mươi lăm năm trước Bắc Hàn đã tấn công Nam Hàn chỉ vì ông Tổng trưởng Ngoại Giao Dean Acheson vừa tuyên bố là tuyến phòng thủ của Hoa Kỳ không bao gồm Nam Hàn. Ở Bộ ngoại giao hầu hết các chuyên viên đã có “đường lối” riêng của họ rồi: *”Sự việc Phước Long là một sai lầm không thể được tái diễn lại nữa vì đó cũng chỉ là một hành động quân sự hạn chế mà thôi “. Người ta không thể kết luận cho đó là một hành động có tính cách chiến lược được.... Và dĩ nhiên sự chống trả của lực lượng của Miền Nam lẽ ra phải mãnh liệt hơn mới phải ““.**

Một nhóm chánh trị gia chuyên nghiên cứu về kế hoạch dài hạn, dưới quyền ông Kissinger ước tính rằng cần có một sự can thiệp, nhưng rất khó có thể thi hành được việc này. Ngũ Giác Đài cũng nghĩ rằng Hoa Kỳ không thể gọi oanh tạc cơ tới đó dù các kế hoạch xử dụng oanh tạc cơ vẫn còn trống. Ngũ Giác Đài thường có kế hoạch yểm trợ cho khắp nơi, như can thiệp ở Việt Nam, Trung Đông, Đức v.v.. cả ở vùng Nam băng Dương nữa.

Không thể được ? Tại sao ? Tổng Thống Ford, vị Tổng Tư Lệnh của Quân Lực Hoa Kỳ bị đạo luật 93-50 và 93-52 và nghị định 542 của Quốc Hội lưỡng viện tháng 11/1973 ràng buộc. Theo đó Tổng Thống chỉ được phép xử dụng quân lực Hoa Kỳ sau khi có sự tuyên chiến của Quốc Hội; hay trong những trường hợp thật chính xác, như lãnh thổ hay chính quân lực Hoa Kỳ bị tấn công. Trong trường hợp này, mọi quyết định của Tổng Thống (về việc xử dụng quân lực) phải được thông báo ngay trong vòng 48 tiếng đồng hồ cho Quốc Hội Hoa Kỳ . Thời gian xử dụng được giới hạn là 60 ngày. Ông Kissinger có chủ trương gọi Hạm đội Mỹ đến vùng biển Việt Nam để cho Hà Nội hiểu rằng họ phải ngưng ngay các cuộc tấn công. Ông Ford đương nhiên phải nghiêng về sự thận trọng nên đã chống lại ý kiến này.

Tất cả những màn tranh luận hay bàn cãi của Chánh Phủ Hoa Kỳ được diễn ra một cách công khai, để cho dân chúng ai cũng thấy biết. Tòa Đại sứ Liên Xô ở Hoa thành Đồn xuyên qua Mạc tư Khoa đã cho Hà Nội biết hết toàn bộ những sự do dự, những màn căng thẳng và phản đối ngay trong Chánh Phủ Hoa Kỳ. Chánh sách của Hoa Kỳ được bàn tới bàn lui ở Nhà Trắng, ở Quốc Hội và ở các Bộ trong Chánh Phủ. Cả ở trên vô tuyến truyền hình nữa !

Ông Nixon không dám chen vào. Các cố vấn của ông Ford thì muốn cho ông lên truyền hình. Ngày 13 tháng giêng Tổng Thống Ford nói chuyện trên 13 kênh trên truyền hình, như ngày ông đọc diễn văn về đoàn kết quốc gia. Các cố vấn của ông đã nhấn mạnh với ông là “Việt Nam mãi mãi vẫn là con số không” Cho nên ông không có một chữ nào về vấn đề Việt Nam. Chiến lược của các cố vấn này thật là quá rõ ràng:

– Hoặc là sự kiện một tỉnh lẻ của Việt Nam rơi vào tay của Bắc Việt sẽ chìm xuống lần lần: như vậy im lặng là điều cần thiết

– Hoặc tình hình chiến sự ở Việt Nam sẽ xuống thang : Hãy để cho ông Kissinger lo dọn dẹp các mảnh vụn thạch cao của ông ta.

Các cử tri, các ông nghị sĩ, dân biểu hiện đang quá bận tâm về nền kinh tế của Hoa Kỳ, không ai còn nghĩ tới số phận của Sai Gon hết.

Tại Quốc Hội, khi nói tới Việt Nam, các nhóm có nhiều ảnh hưởng đang gây áp lực ở đây là những người thiên về “hòa bình”, không có ai thiên về ông Thiệu cả.

Trên đường về Hoa Kỳ, sau khi rời khỏi Việt Nam, phái đoàn của bà FitzGerald ghé qua Lào. Fred Bransman tường trình về chuyến đi Việt Nam của ông ta với Đại sứ Mỹ tại Vientiane. Một cố vấn ngoại giao đã viết tờ trình về Hoa Thanh Đồn, nội dung thật là rất buồn cười!

“ Ông Bransman rất xúc động. Theo ông thì ở Bắc Việt có một không khí hài hòa ! Chánh quyền luôn luôn thỏa mãn nhu cầu của dân chúng, không một ai trong Bộ Chánh Trị lợi dụng chức vụ để làm giàu, các đồng ruộng đều được gia nhập vào các hợp tác xã một cách vui vẻ. Người dân ở Bắc Việt không có gì gọi là theo ý thức hệ cộng sản, trái lại họ theo thuyết thực dụng. Họ rất mong có được một giải pháp chánh trị.”

Ngày 19 tháng giêng, vừa về đến Hoa thanh Đồn là ông Bransman và thuộc hạ của ông ta đã tràn ngập các hành lang của Quốc Hội. Họ tích cực vận động để Quốc Hội chống lại mọi hình thức viện trợ cho Chánh Phủ VIỆT NAM CH. Ông Bransman đã làm việc thật là quá dắc lực !

Tổng Thống Ford lúc nào cũng đo kỹ nhiệt độ của Quốc Hội và phản ứng của báo chí. Một bản nghiên cứu của Bộ Ngoại Giao, xuyên qua các bài bình luận của 36 tờ nhật báo đã cho thấy là 16 tờ cương quyết chống viện trợ cho Việt Nam, 13 tờ nếu không có cảm tình với Chánh Phủ VNCH thì ít nhất cũng có ý kiến là phải viện trợ cho họ.

Được bước lên ghé Tổng Thống Hoa Kỳ một cách bất ngờ từ sáu tháng nay, ông Ford đã tỏ ra là một người có dũng khí. (người ta cũng thật sự chưa biết được có phải như vậy hay không). To con, mũi gầy, cảm vuôn, ông Gerald Ford “Jerry” có vẻ mạnh khỏe, thành thực. Ông không có vẻ gì ở tuổi 62 hết. Trước khi ông nhậm chức Tổng Thống, báo chí nhắc đi nhắc lại “ông Jerry là một người liêm khiết”. Người ta rất mong ông được như vậy. Chắc ông sẽ không hành động bừa bãi đâu trước khi ông tham khảo ý kiến với người tiền nhiệm của mình. Trước khi ông tuyên thệ nhậm chức đã có 350 người điều tra , xem xét cẩn thận cuộc đời của ông rồi. Theo truyền thuyết nghe thấy được ở Hoa thanh Đồn thì ông Nixon thích tiền và hay khinh người. Còn ông Ford trái lại đã có một mối giao hảo tốt với mọi người. Ông có khoản 250 ngàn mỹ kim tiền túi và trong chương mục ngân hàng của ông. Ông Tổng Thống này không có dấu điểm gì cả bởi vì ông không có gì để mà che dấu, nhất là về trình độ trí thức của ông mà những người có ác ý thường đòi hỏi . Đầu óc ông rất trong sáng, không mảy may vẩn đục, và tánh tình ông thật giản dị. Ông không thiết tha lắm với tầm nhìn lịch sử. Tóm lại, về ông “Jerry” chỉ có một chữ thôi : đứng đắn. Khía cạnh hướng đạo sinh của ông làm cho một số người ưa thích ông và một số người khác tin tưởng ông. Ông không giàu tương tượng lắm nhưng khéo léo. Sự có mặt của ông gần 25 năm ở Hạ Viện đã chứng minh điều đó. Phải có một tinh thần dung hòa cao độ ông mới trở thành một lãnh tụ thiểu số của đảng Cộng Hòa ở Hạ Viện. Giữ đây liệu ông có phải là một ông Tổng Thống có tầm vóc hay không ? Trước kia ông Harry Truman không có tầm vóc lúc đầu nhưng đã trở thành một Tổng Thống rất lỗi lạc. Muốn vào Nhà Trắng (Mỹ) hay điện Elysée (Pháp) hoặc ở đường Downing (Anh) trước tiên cần phải có nhân cách. Trong những tháng đầu, ông Ford coi như còn ở trong thời kỳ của tuần trăng mật mà ông còn hưởng được, báo chí đã nương tay cho ông hoặc che chở cho ông. Dĩ nhiên nếu không có ông Ford này thì người ta cũng nặn ra một ông Ford khác được vậy. Ông vẫn biết rằng người ta không mong gì hơn “ông Jerry là một ông Tổng Thống bình thường thôi, không cần như các trào Tổng Thống khác, từ ông Roosevelt tới ông Johnson, hay từ ông Kennedy tới ông Nixon.

Theo tất cả mọi cuộc thăm dò và bình luận, thì ông Ford được coi như một ông Tổng Thống Cộng Hòa bảo thủ. Vẫn là một người đã từng hưởng ứng cuộc chiến ở Việt Nam, ông đã chỉ trích tính cách điều hành cuộc chiến dưới thời ông Johnson, về phương tiện chứ không phải về cứu cánh.

Ông chấp nhận mọi sự bất đồng ý kiến. Ngay cả trong gia đình ông cũng thế. Hai đứa con trai của ông, Mike và Jack chống đối cuộc chiến tranh này. Ông không cầu mong có được một khả năng vượt bậc trong những lãnh vực mà ông chưa từng quen thuộc. Vài tuần trước ông đã có gặp ông Valery Giscard d'Estaing (Tổng Thống Pháp) ở đảo Antilles. Ông đã để cho ông Kissinger ăn nói nhưng ông cũng không đến đâu. Ông Giscard đã cho biết là đã có khả năng dàn xếp với Hà Nội. Ông Kissinger có vẻ hoài nghi nhưng nghĩ là nên cứ để người ta thử xem sao.

Ông Ford không muốn bị lôi cuốn trở lại vào cuộc chiến ở Việt Nam nữa. Có lẽ nhờ Quốc Hội hạn chế quyền hành của Tổng Thống trong lãnh vực này chăng? Ngoài ra ông còn bị áp lực của ông James Schlesinger, Bộ Trưởng Quốc Phòng : tới giai đoạn này ông bộ trưởng không muốn có một hành động can thiệp nào nữa cả. Trong một cuộc họp báo ngày 14 tháng giêng, ông Schlesinger tuyên bố:

-" Chúng tôi không thể tin được rằng Bắc Việt đã sẵn sàng tiến hành một cuộc tấn công qui mô trên toàn quốc. Họ chỉ muốn lũng đoạn sự kiểm soát của Chánh Phủ VNCH thôi. Tôi không dự kiến một cuộc tấn công quy mô nào kiểu như cuộc tấn công mà chúng ta đã biết hồi năm 1972. Tôi tin rằng Bắc Việt vẫn còn phải nể sợ sức mạnh của Hoa Kỳ "

Sau đó để chứng tỏ ông là một thành viên trung thành với Chánh Phủ, ông tuyên bố tiếp :

" Trên phương diện lịch sử, dư luận Hoa Kỳ sẽ có một phản ứng giận dữ đối với một cuộc xâm lăng bạo tàn. Trong trường hợp đó, Tổng Thống sẽ thỏa thuận với Quốc Hội để có được sự chuẩn y trong việc sử dụng quân lực hùng mạnh của mình."

Liên quan đến những phê bình trên bình diện chánh trị về một thảm họa có thể xảy ra ở Việt Nam thì ông Schlesinger lại giả bộ ngây ngô, đùa qua hết cho Bộ Ngoại Giao, cho ông Kissinger !

Trong cái không khí hỗn tạp chánh trị ở Hoa thành Đôn, ông Kissinger và ông Schlesinger giống như hai con cá sấu thù nghịch đang gờm nhau, vừa khinh nhau mà cũng vừa nể nhau. Ông Schlesinger là người duy nhất trong Chánh Phủ có thể cạnh tranh được với ông Tổng trưởng ngoại giao trên lãnh vực học vấn. Ông Kissinger thường sắp xếp để lúc nào ông Schlesinger cũng phải đứng ngoài mọi quyết định quan trọng. Các cựu quân nhân từng phục vụ ở Việt Nam đều có làm việc trong cả 2 Bộ ngoại giao và quốc phòng của 2 ông. Các nhà ngoại giao không có được nhãn quan bén nhạy của giới quân nhân nhà nghề. Người thì muốn giữ được lòng tin đối với Hoa Kỳ trên sân khấu quốc tế. Người khác thì muốn di tản hết các sĩ quan, hạ sĩ quan và binh sĩ Mỹ cuối cùng đang còn hiện diện ở một vài tỉnh ở Việt Nam. Ông Schlesinger chỉ mới đảm trách chức vụ Bộ trưởng quốc phòng từ 18 tháng nay nên chưa phải là hiện thân của cuộc chiến ở Việt Nam. Còn ông Kissinger là đồng tác giả của Hiệp Định Paris nên không thể tự tách rời ra khỏi việc này được. Đối với dư luận thì vấn đề Việt Nam đè nặng trên cả hai vai của ông.

Ông Ford nghĩ là cần phải xin Quốc Hội 300 triệu đô la viện trợ quân sự bổ túc cho Việt Nam. Chiều ngày 23 tháng giêng, trên hệ thống truyền hình, đài NBC, ông bị hai bình luận gia

trú danh John Chancellor và Tom Brokaw chất vấn ông. Họ đi thẳng vào vấn đề Việt Nam. Ông Brokaw đưa ra một câu hỏi thật là giản dị:

“ Thưa Tổng Thống, xin ông cho biết mục tiêu mà ông cần phải đạt được ở Đông Nam Á, và đặc biệt là ở Việt Nam ? ”

Ông Ford hơi vụng về nhưng đã tỏ ra rất chân thật :

– “ Ở Việt Nam, sau những mất mát về nhân mạng ... ” ... – trên 50 ngàn công dân Hoa Kỳ- và sau quá nhiều phí tổn phi thường của chúng ta tính bằng đồng đô la Hoa Kỳ .. ” ... thường thường trên 30 tỷ mỗi năm- .. ” .. tôi thấy hình như chúng ta phải thử cho người dân Miền Nam Việt Nam trách nhiệm tự bảo vệ “ lối sống của họ ” bằng viện trợ quân sự của Hoa Kỳ ” (nguyên văn câu tiếng Anh của tác giả: “the way of life”).

Khi ông Ford nói chuyện trên hệ thống truyền hình và nhất là sau bữa cơm tối, người ta có cảm tưởng lời nói của ông ta có đệm nhạc, giống như một bài hát dạo thoang thoảng nghe được trong các thang máy của các cửa hàng!

Sau đó ông Ford nói về những quan điểm tổng quát về truyền thống của Hoa Kỳ từ thế chiến 2, về sự viện trợ cho các quốc gia đồng minh. Ông phân tách rõ rệt giữa viện trợ nhân đạo với viện trợ quân sự. Ông lại tiếp tục nói về truyền thống và đức độ của Hoa Kỳ trong tương lai làm ông Brokaw phải kéo ông về đề tài:

– ” Sự cam kết của Hoa Kỳ sẽ kéo dài trong bao nhiêu năm nữa, và nó sẽ đi đến đâu ?

Tổng Thống Ford nói :

– ” Tôi không tin là sẽ có một sự cam kết lâu dài. Thật ra Đại sứ Hoa Kỳ ở bên đó, ông Graham Martin, có nói với tôi giống như ông Kissinger, là ông ta nghĩ nếu có một số lượng viện trợ (bằng đô la) đầy đủ đổi ra thành vũ khí đạn dược và trợ giúp kinh tế, ... ” .. và viện trợ này được đặt dưới quyền xử dụng của họ, thì trong vòng 2 hay 3 năm, Miền Nam Việt Nam sẽ qua khỏi được thời kỳ khó khăn của họ ”.

Những lời tuyên bố này thiếu căn bản, ông Ford cũng hiểu như vậy:

– ” Tôi tin chắc là người ta đã nói với ông điều này rồi, ... người dân Miền Nam đã có nhiều tiến bộ lắm rồi, bây giờ thì họ bắt đầu thiếu chút ít về đạn dược, và nạn lạm phát đã bắt đầu tăng trong những tháng gần đây...”

Ông Ford xác nhận là đã ban khen đại sứ Martin của ông, một người rất tận tụy và rất thiết thực “.

Vừa có khuyết điểm lại vừa có đức độ, Tổng Thống Ford quả thật là một nhân vật giản dị và ngọt ngào như chiếc bánh ngọt nhân táo chua vậy.

Với các chánh trị gia chuyên nghiệp, với các cử tri, thì những cuộc tranh luận, bàn cãi và những pha căng thẳng thần kinh trong bộ máy chánh quyền Hoa Kỳ được coi như rất sáng tỏ.

Và đối với Hà Nội cũng vậy thôi, thật là quá rõ ràng !!

Ngày 28 tháng giêng, rất long trọng, ông Ford đã gửi một công hàm đặc biệt cho Quốc Hội Hoa Kỳ để xin một ngân khoản viện trợ bổ túc là 300 triệu đô la cho Việt Nam; và 222 triệu đô la cho Cam Bốt. Tổng Thống Ford không có khẳng định là với sự viện trợ này Cam Bốt sẽ thắng trận giặc ở đó hay chiến cuộc Việt Nam sẽ chấm dứt, tuy nhiên theo ông, ít ra trên bàn cờ quân sự mà họ đang chơi, người ta có thể buộc kẻ địch phải thôi đi để trở lại bàn hội nghị thương lượng về một giải pháp chính trị.

Những người thân cận ông Ford hy vọng là ông sẽ là một vị Tổng Thống thời “hậu chiến tranh Việt Nam”, nhưng thực tế cho thấy ông đang ở trong cái vũng lầy, ngập đến tận cổ, mà bản thân ông lại không hay biết gì hết!

– “Ông Ford đang ngồi trên một đồng phân”, một công chức cao cấp trong Bộ Ngoại Giao đã nói như vậy, dĩ nhiên câu này không sao đến tai ông Kissinger được !

Chương 5 Lưỡi rìu và gốc cây

Cơ quan sưu tầm tin tức của Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng Hòa đều biết rằng Bộ Chánh Trị và Quân Ủy Trung Ương, cơ quan quyền lực tối cao về chiến tranh của Bắc Việt, đang họp ở Hà Nội, họp liên tục từ ngày 18/2/1974 cho đến ngày 8/1/75, ngay tại Hà Nội .

Ngày 8/1 đó, ở Hà Nội cũng như ở Sài Gòn mọi người đều biết kết quả sau cùng của trận chiến ở tỉnh Phước Long: tiếng súng đã hoàn toàn chấm dứt.

Các lãnh đạo đảng cộng sản đều có mặt đầy đủ trong tất cả các buổi họp giữa đại diện Bộ Tổng Tham Mưu Bắc Việt và Bộ tham mưu chiến trường Miền Nam gồm cả thành phần chánh trị và quân sự của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Về phía chánh trị thì có Lê Duẩn, Trường Chinh, chủ tịch Quốc Hội, Phạm văn Đồng, Lê đức Thọ. Phía quân nhân thì có các tướng Võ nguyên Giáp, Tổng trưởng Quốc Phòng, Văn tiến Dũng, Tổng tư lệnh, Lê ngọc Hiến Tham mưu trưởng hành quân, và Trần văn Trà, Tư lệnh chiến trường B2 ở Nam Bộ.

Trừ hai tướng Trần văn Trà và Lê ngọc Hiến , còn thì tất cả đều là thành viên của Bộ Chánh Trị. Đảng kiểm soát Quân Đội và các tướng lãnh đều nằm trong guồng máy chánh trị của đảng. Cho nên không thể nào có chuyện “đảo chánh” nhau được vì không ai lại đi lật đổ chính mình được .

Các quân nhân cũng có tham gia vào chánh quyền nhưng với mức độ vừa phải thôi để không có ai vô công rồi nghề được ở thủ đô Hà Nội .

Các lãnh đạo quân chánh đang hình thành một kế hoạch chiến lược cho hai năm 1975 và 1976. Văn tiến Dũng đã ghi lại như sau :

” Tất cả đều xoay quanh việc đánh giá tình hình của chúng ta ở trong nước cũng như tình hình ở nước ngoài. Nếu chúng ta tấn công mạnh quá thì bọn bù nhìn sẽ phản ứng ra sao ? Câu hỏi căn bản là : Hoa Kỳ sẽ hành động thế nào ? Họ có dám can thiệp hay không ? Hay họ sẽ có kế hoạch nào khác ? Họ có toan tính gì khác không ? Chúng ta sẽ có phương thức nào phù hợp và tốt nhất cho cuộc cách mạng của chúng ta? chúng ta sẽ có kế hoạch nào trong 2 năm sắp tới ?” Các cuộc bàn cãi đã kéo dài rất lâu.

Phạm văn Đồng vừa đi tới đi lui vừa nói:

– ” Nếu phải đánh giá địch, chúng ta vừa phải trả lời nhiều câu hỏi, vừa phải tránh những nhận định cũ. Chúng ta đang ở trong một giai đoạn mới. Hoa Kỳ đã rút hết quân của họ theo đúng Hiệp Định Paris rồi. Với Hiệp Định, họ thấy đó là một thắng lợi của họ. Thế nhưng đây là một thất bại của họ.”

Khi người cộng sản nói với dân chúng thì họ quả quyết rằng Bắc Việt hoàn toàn chiến thắng. Nhưng giữa họ với nhau, những người có ý thức trách nhiệm thì có khác, thắng lợi chỉ tương đối thôi.

Ông Đồng lại nói tiếp,

– ” Bây giờ, Hoa Kỳ không có cách nào can thiệp lại bằng cách gửi quân sang đây nữa đâu. Họ chỉ có thể yểm trợ hỏa lực bằng không quân hay hải quân mà thôi. Mà yểm trợ hỏa lực thì không thể quyết định được thắng hay bại đâu. “

Ông ta cười:

– “*Tôi lại nói đùa nữa rồi đây ! Nhưng lần này tôi nói thật; Tôi quả quyết rằng Hoa Kỳ không trở lại đây nữa đâu. Cho ăn kẹo cũng không dám !*”

Nhờ các công điện của Liên Xô từ Hoa thành Đồn chuyển tin về Hà Nội qua trung gian chuyển tiếp của Mạc tư Khoa, và chỉ cần đọc qua các báo Mỹ, Thủ tướng Bắc Việt đã biết rõ là Hoa Kỳ sẽ không còn sử dụng lực quân ở đây nữa.

Trường Chinh, to con, một lý thuyết gia nặng ký của cánh bảo thủ giáo điều, đã phát biểu thật chậm rãi. Với một quyển sổ nhỏ cầm trên tay, ông trình trọng khai triển những gì ông đã ghi chú trong đó, thật khoan thai và bình tĩnh như cần phải đánh từng dấu phết cho từng đoạn trong từng câu... Ông nói:

– “*Địch đang bị áp lực của chúng ta đè nặng trên ba mặt: các cuộc tấn công trên phương diện quân sự, khó khăn kinh tế và kỹ thuật, và phong trào nổi dậy của nhân dân...*”

Các lãnh đạo đảng biết rất rõ họ đang nói gì khi họ nhắc tới phong trào nổi dậy của nhân dân. Công thức này được moi ra từ giáo điều. Các biên bản và các hồ sơ lưu trữ phải được bám chặt vào các điều tuyên bố nặc mùi tuyên truyền này. Sự nổi dậy của dân chúng Miền Nam chống lại chế độ Sài Gòn hả ? Đó chỉ là một loại “đĩa bay” trong thời chiến: lúc nào người ta cũng nói đến nó mà không bao giờ người ta thấy được nó !

Trường Chinh lại nói tiếp:

– “*Như vậy là địch sẽ yếu đi một cách nhanh chóng. Quân đội của họ không bao giờ giải quyết nổi cái mâu thuẫn giữa việc rải quân đông đôn để giữ dân giữ đất với việc tập trung tác chiến lưu động . Tuy nhiên họ vẫn còn mạnh đó. Họ chưa mất bao nhiêu quân số đâu vì họ còn có khả năng tuyển mộ.*”

Điều này thấy rất rõ: trên chiến trường Miền Nam, Bắc Việt có 350 ngàn quân chính quy. Họ có thể tập trung toàn bộ để hướng mũi dùi tấn công vào một vài điểm. Còn quân lực Việt Nam Cộng Hòa và lực lượng Bảo An tính chung là 1triệu 300 ngàn nhưng bị phân tán mỏng trải rộng ra trên toàn lãnh thổ.

Trường Chinh cũng đặt câu hỏi về một sự can thiệp có thể xảy ra của Hoa Kỳ , một ám ảnh không nhỏ đối với cộng sản :

– “*Người Mỹ còn để lại 25.000 cố vấn quân sự ở Miền Nam .*”

Nhà cầm quyền Miền Bắc cuối cùng có tin vào những con số mà họ đã dựng lên hay không? Nếu có thì họ tự đầu độc họ mà thôi ! Ở đây cũng vậy, những chuyện hoang đường đó đã trở thành sự thật trong các hồ sơ lưu trữ, và hồ sơ lưu trữ này biến thành Lịch Sử (danh từ Histoire được tác giả viết hoa).

Đối với người cộng sản , Lịch Sử không phải là một chuỗi dài sự việc nối tiếp nhau, mà là những gì đúng theo đường lối, tiên liệu và tuyên ngôn của đảng, đúng theo các giáo điều Mác xít cứng ngắt của đảng. Trường Chinh hình như ít theo sát những diễn biến trên sân khấu chánh trị của Hoa Kỳ bằng Phạm văn Đồng, nên ông nói:

– “ Nếu Hoa Kỳ cảm thấy có cơ nguy thì họ sẽ can thiệp. Nhưng họ sẽ gặp khó khăn khi xử dụng lực quân, và họ phải hết sức cẩn thận và bị hạn chế phần nào trong việc xử dụng hải quân hay không quân”

Xuyên qua các biên bản chánh thức của những cuộc thảo luận, người ta nghĩ thấy một sự khác biệt bàng bạc giữa một Phạm văn Đồng tinh tế hơn và một Trường Chinh giáo điều hơn, mặc dầu ngôn ngữ của hai người đều giống nhau.

Trong các phiên họp thì mỗi người đều được phát biểu quan điểm của mình, có người phát biểu dài tràng giang đại hải hàng giờ làm như chuyện lập đi lập lại một lời đoan chắc nào đó phải được đánh giá là nặng ký hay phải được coi như một thực tế vậy. Người ta không đắn đo gì khi phải dùng lại lời nói nào đó của một đồng chí khác trong khi họ ngấm ngấm tỏ thái độ không đồng ý. Về sự can thiệp của Hoa Kỳ, một giả thuyết hơi nguy hiểm, thì có một sự thỏa hiệp chung là: có thể có nhưng xác suất không cao. Phải tiếp tục tấn công. Tổng bí thư Lê Duẩn, một nhân vật đầy uy quyền trong Ban Lãnh đạo Bắc Việt đã kết thúc các buổi họp :

– ” Hai năm thì mau, mà cũng là quá chậm. Chúng ta phải tiến hành cùng một lúc hành động quân sự, chánh trị và ngoại giao. Đó là phương thức mà chúng ta phải áp dụng, phương thức đặc thù của chúng ta.”

Ông ta rất có lý . Đó là phương thức của cộng sản Bắc Việt: cùng lúc mở ba mặt trận, ba gọng kìm hay là “ba mũi giáp công”

Để giúp cho vị trí chánh trị và ngoại giao của CPLTCHMN của họ được thêm phần vững chắc, họ dự định phải chọn một thành phố ở Miền Nam để làm thủ đô. Tây Ninh hay An Lộc ? người ta gác lại quyết định này, một phần vì nếu ” thủ đô mới” này bị không lực Hoa Kỳ tàn phá thì trên phương diện chánh trị đó là một điều rất phiền.

Dĩ nhiên với sự đồng thuận, người ta chọn kết luận của Lê Duẩn để đưa vào nghị quyết cuối cùng: “Không bao giờ chúng ta còn có những điều kiện quân sự và chánh trị hết sức thuận lợi hơn để đưa chúng ta đến sự thống nhất trong hòa bình.”

Các sư đoàn Bắc Việt vừa nuốt trọn một tỉnh của Miền Nam Việt Nam. Điều khoản về “thống nhất trong hòa bình” của Bắc Việt không thiếu về khôi hài và vô liêm sĩ ! Những người lãnh đạo cộng sản chưa biết họ phải chơi cái trò nào trước , chánh trị ? ngoại giao? hay quân sự ?

“.....Chúng ta có đủ quyết tâm và phương tiện để chiến thắng và ngăn cản Hoa Kỳ không cho họ tiếp cứu chánh quyền Sài Gòn ...”

Quyết tâm thì hiển nhiên đã có rồi, còn ý chí thì luôn luôn là cuồng tín !

Tại Hoa Thạnh Đốn , chánh phủ mạnh nhất thế giới luôn góp mặt hay có hành động khắp năm châu, đang có vô số việc phải lo và phải làm. Các nhân vật có trách nhiệm thường xuyên chú ý khắp mọi nơi. Họ canh chừng Trung Đông, ÂuChâu, Trung Mỹ, Phi Châu, nhưng Kissinger thì hơi xao lãng.

Tại Hà Nội chánh phủ chỉ thấy có đoàn kết : chỉ có một mục tiêu từ 30 năm nay, chỉ có một chân trời chánh trị duy nhất là giải phóng cả Đông Dương khỏi sự cai trị của ngoại bang, thống nhất hai Miền Nam Bắc, và xây dựng xã hội chủ nghĩa . Ban lãnh đạo Miền Bắc đã qua được một giai đoạn khó khăn: họ đã thuyết phục được với nhau rồi; và năm 1975 họ còn phải khuyến

dự dư luận quốc tế rằng sự thống nhất hai miền Nam Bắc là lẽ sống còn của người cộng sản Việt Nam.

Bản tuyên bố trong nghị quyết cuối cùng có câu:

“Chúng tôi có trách nhiệm đối với dân tộc chúng tôi và đối với các dân tộc trên thế giới”
Người ta nghĩ thấy ngay bàn tay của Lê Duẩn, một cây cổ thụ trong ban lãnh đạo đảng. Ông ta nói đi nói lại một câu mà không cần biện luận.

Đi đứng hơi nặng nề, phong thái không nhanh nhẹn lắm, Lê Duẩn là một trong những sáng lập viên lịch sử của đảng. Ông ta không có tánh tình xuề xòa nhưng thâm độc như Hồ chí Minh, lại không được duyên dáng như Phạm văn Đồng, hay hòa nhã như Võ nguyên Giáp. Ông là lý thuyết gia, chiến lược gia, sĩ quan tình báo, và phụ trách văn phòng của đảng cộng sản Việt Nam. Ông sanh quán ở Miền Trung Việt Nam, biết rất rõ Miền Bắc và Miền Nam là nơi ông đã tham gia kháng chiến chống Pháp. Là Tổng bí thư đảng cộng sản 15 năm nay, ông đã thay thế Trường Chinh bị hạ tầng công tác xuống làm Chủ tịch Quốc Hội, vì bị quy trách sát hại trên 40.000 nạn nhân trong chiến dịch cải cách ruộng đất đẫm máu năm 1956. Cộng sản Việt Nam thanh toán những người thù trừ kít hay thuộc các đảng phái quốc gia khác, nhưng không bao giờ họ thanh toán lẫn nhau.

Lê Duẩn đã có đi Liên Xô và Trung Cộng. Ông ta chưa từng biết thế giới phương Tây bao giờ. Ông là giáo sư của cách mạng, chịu ảnh hưởng kiểu cách ăn nói của Staline, nên cứ nhắc đi nhắc lại là *” cộng sản Việt Nam có trách nhiệm trước các dân tộc của thế giới”*, hoặc *“phải biết khai thác sự mâu thuẫn trong hàng ngũ địch”*. Đối với ông ta, biện chứng pháp là một quyền lực siêu linh, là một hấp lực chánh trị để nhào nặn và uốn nắn thế giới này. Vào tháng đầu năm 1975 này, chiến thắng đã được thấy rõ rồi nhưng phải làm thế nào đây để tránh những sự thất vọng như những cuộc tấn công năm 1968 và 1972. Việc khai thác mâu thuẫn đã không được tiến hành đến nơi đến chốn. Đối với Lê Duẩn sự thay đổi xã hội ở Việt Nam phải thông qua sự biến chuyển quân sự. Đã có nhiều thời điểm đúng với biện chứng pháp rồi, như năm 1968, 1972 và 1976. Chế độ của ông Thiệu không thể nào không sụp đổ được. Trận tấn công hời Tết Mậu Thân là một chiến thắng chánh trị nhưng lại là một thất bại về quân sự của cộng sản. Võ nguyên Giáp đã thú nhận là cộng sản đã bị thiệt hại trên 40.000 chiến binh của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam – điều này đã giúp Hà Nội giải quyết xong bài toán: số lượng quan trọng về nhân sự của Mặt Trận. Cho tới lúc các cán bộ của Mặt Trận bị nghiền nát hết thì Lê Duẩn mới thấy được là Lịch Sử đã chuyển động. Hơn tất cả các lãnh tụ cộng sản khác, theo Lê Duẩn thì định mệnh của các quốc gia Đông Phương chuyển theo số mệnh nào đó của Tây Phương. Lê Duẩn dường như bị lời tiên tri của bản tuyên ngôn cộng sản lôi cuốn mạnh hơn Hồ chí Minh và sâu hơn cả Phạm văn Đồng. Tất cả những bản văn của ông ta đều chứng minh điều đó:

“Những điều kiện khách quan cho thấy sự thành công của cách mạng ở Việt Nam đã gần kề, mặc dầu đảng chưa được mạnh lắm, quân đội còn có nhiều khó khăn và nhân dân đã uể oải. Còn hàng chục thứ khác nữa, nhưng chiến thắng đã lộ rõ ra rồi, không có gì lay chuyển nổi.”

Hiệp Định Paris ư ? Chỉ là hợp thức hóa cho cộng sản mua thời gian không hơn không kém, một loại nguyên liệu mà họ đang cần, lại dẫn tới sự rút quân của Hoa Kỳ, một giai đoạn gần như cuối cùng của tiến trình chiến thắng. Lê Duẩn có thể cho thấy rõ sự kiêu hãnh phi thường của đảng cộng sản Việt Nam đối với các đồng chí của mình và ngay cả với các đồng chí Liên Xô, Trung Quốc, Nam Tư hay Đông Đức nữa. Nếu cần ông ta sẽ chỉ trích cả Mạc Tư Khoa và Bắc Kinh, những nước đang chơi trò đu đưa mắt thì giờ với Hoa Thạnh Đốn. Ông ta thuyết

phục các cán bộ đảng rằng chỉ có người Việt Nam mới nắm giữ đúng phương thức Mac xít nhất. Ông ta không bao giờ tin ở thuyết “sống chung hòa bình”, mà ông gọi là một phát minh buồn nôn của Khrouchév. Ông ta tuyên bố là cách mạng thế giới đã ở trong tầm tay. “Cuộc chiến đấu của dân tộc Việt Nam là mũi dùi tấn công của quân đội cách mạng thế giới”. Ông lái con thuyền Việt Nam giữa sự chệch hướng của Liên Xô và những sự lầm lỗi của Trung Quốc, và ông giữ vững tay lái.

Nghị quyết tháng giêng năm 1975 công bố một “nhiệm vụ lịch sử” của cộng sản Việt Nam trong cộng đồng các dân tộc trên thế giới. Khi ông Phạm văn Đồng tiếp các khách ngoại quốc, thì ông tự chứng minh trước hết ông là một người quốc gia, còn Lê Duẩn, đặc biệt khi nói với những người cộng sản khác thì ông không cần dấu diếm gì cả: ông đang suy nghĩ và đang hành động như là một người cộng sản quốc tế.

Sau các phiên họp về chánh trị, hội nghị ở Hà Nội bắt đầu xem xét các bài toán quân sự. Cũng nhiều.

Tướng Trần văn Trà nêu lên các khó khăn trong hiện tại cũng như trong thời gian đã qua, ít có cấp lãnh đạo quan trọng nào chân thật như vậy:

– “*Vì phải hoạt động liên tục từ tháng 4/1972, cán bộ và binh sĩ của chúng tôi đã mệt mỏi, chúng tôi không có thời gian để thay thế cán bộ được. Tất cả các đơn vị của chúng tôi đang xao xuyến, chúng tôi đang thiếu nhân công, thiếu thốn lương thực và đạn dược. Do đó thật rất là khó khăn khi phải đương đầu với các cuộc tấn công của địch. Có đôi lúc chúng tôi phải tháo chạy để cho địch có cơ hội kiểm soát lại một số dân*”

Đây là ông nói về tình hình chánh trị và quân sự sau khi Hiệp Định Paris được ký kết.

Tướng Lê quang Đạo Ủy viên chánh trị trong Quân Ủy Trung ương, ngắt lời tướng Trà và đưa ra một loạt đề tài cũ rích:

(1) *Chúng ta phải giải quyết mâu thuẫn thường xảy ra giữa cấp chỉ huy quân sự và chánh trị viên trong đơn vị.*

Loại đề tài này làm cho tướng Giáp bức bối, ông thích nghe phần trình bày kế tiếp của tướng Đạo.

(2) *Một số lớn sĩ quan thiếu sự hiểu biết về kỹ thuật khi đối diện với loại chiến tranh mới của thập niên 70. Khi bộ đội Bắc Việt chúng ta dùng chiến xa năm 1972, họ đã vấp phải nhiều lỗi lầm. Họ đánh giá thấp sự tác chiến của binh sĩ Miền Nam.*

(3) *90 % bộ đội chánh quy của chúng ta ở trong Nam cần phải tác chiến tốt hơn trong hợp đồng binh chủng, vì có cả bộ binh, pháo binh và chiến xa trên chiến trường.*

(4) *Cần phải làm tốt hơn khâu tiếp vận, và các chiến cụ phải được đồng nhất với nhau. Bắc Việt chúng ta không có sản xuất chiến cụ được. Các quốc gia xã hội chủ nghĩa bạn giao cho mình đủ loại đạn dược mà có những loại đạn không đúng với lòng súng.*

(5) *Và cuối cùng dĩ nhiên là phải hoàn tất khâu huấn luyện cho mọi người, từ sĩ quan cho tới anh bộ đội.”*

Mười năm trước, năm 1965, trong quân đội nhân dân, cứ 8 anh bộ đội thì có 1 cán bộ. Bảy giờ thì 1 cán bộ cho 6 bộ đội. Phẩm chất phải chạy theo số lượng. Từ tháng giêng năm 1973, bộ đội Bắc Việt ở trong Miền Nam được tăng lên gấp đôi, và tướng tư lệnh được một số xe thiết giáp 7 lần nhiều hơn, 700 chiến xa, hầu hết là T 54 và T 55.

Về tiếp vận, thì đường mòn Hồ chí Minh đang trong tình trạng tốt – người Miền Bắc giữa họ với nhau thường gọi là hệ thống đường 559, vì người ta bắt đầu xây dựng năm 1959- Có những đoạn còn khó xử dụng sau tháng tư vì lúc đó trời mưa.

Người ta quyết định chuyển nhiều đơn vị công binh đang giữ đường mòn Hồ chí Minh nằm trong địa phận Lào và Cam Bốt về trực thuộc vào các đơn vị tác chiến ở chiến trường Miền Nam. Quyết định quan trọng: tướng Văn tiến Dũng sẽ chỉ huy các cuộc hành quân ở Miền Nam trong những tháng tới.

Trong trận chiến ở Phước Long, đã có nảy sinh ra nhiều bất đồng về chiến thuật. Tướng Trà không nhận được đủ số chiến xa mà ông đòi hỏi. Tướng Lê ngọc Hiền giữ lại gọi là dự trữ một số vũ khí, đạn dược nhất là chiến xa và pháo binh -giống như các tướng lãnh của Miền Nam Việt Nam – Tướng Dũng nhìn xa tới năm 1976 nên chấp thuận ý kiến của vị tư lệnh hành quân của mình – .

Các chiến lược gia của Hà Nội phân năm 1975 ra làm 3 giai đoạn:

- giai đoạn đầu: tới tháng 2, thuộc chiến trường của B2.
- giai đoạn hai: từ tháng 3 đến tháng 6, phải tiến hành một số cuộc hành quân bao gồm khắp cả lãnh thổ Miền Nam
- giai đoạn ba: từ tháng 7 trở đi, là một giai đoạn hoạt động hạn chế để chuẩn bị cho năm 1976.

Trong viễn ảnh một “cuộc tổng tấn công và tổng nổi dậy đi tới chiến thắng năm 1976” tướng Hiền đã thiết lập kế hoạch phân phối đạn dược loại súng lớn: 10 % cho năm 1975, 45% cho năm 1976, còn lại là dự trữ. Người Miền Bắc đúng là tiết kiệm và lo xa như những con rái cá. Nhưng sau chiến thắng Phước Long, họ bắt buộc phải thay đổi hết các sự toan tính này. Tướng Trà sẽ nhận được nhiều đạn dược hơn dự trù, 27.000 tấn thay vì 11.000 tấn cho năm 1975.

Tầm quan trọng của chiến thắng Phước Long đẩy các nhà lãnh đạo Bắc Việt phải kéo dài thêm hội nghị sau ngày 8 tháng giêng.

Tướng Văn tiến Dũng giải thích quan điểm của Bộ Tổng Tham Mưu Bắc Việt . Ông đề nghị *tập trung một lực lượng hùng mạnh, quét mạnh để mở một “hành lang Kontum” từ đó dẹp tan địch để giải phóng tỉnh Kontum. Sau đó sẽ đề nặng áp lực lên Bộ Tư Lệnh Vùng II Chiến Thuật ở Pleiku. Như vậy họ sẽ giải phóng được một phần lớn Miền Tây Nguyên. Pleiku và Kontum nằm rất gần vĩ tuyến 17, biên giới của 2 nước Việt Nam và rất gần với hậu cứ Bắc Việt của họ, dưới 100 cây số. Như vậy họ có thể tập trung dễ dàng chiến xa trong vùng này.*”

Ý tướng Dũng là muốn giữ những đường tiếp vận càng ngắn càng tốt. Do đó ông ta chọn mục tiêu Pleiku và Kontum. Tướng Trần văn Trà, tuy là tướng của Bắc Việt nhưng hiện là đại diện cho binh sĩ ở trong Nam, không có cái nhìn giống tướng Dũng:

– ” Ông đánh giặc theo lối vua chúa ! Ông chỉ quan niệm là dùng một quân số khổng lồ và hàng tấn đạn cho một trận tấn công. Khác hẳn với chúng tôi, những người lính khổ ở một chiến trường xa xôi rất khó khăn khi phải đếm từng viên đạn. Tấn công Kontum và Pleiku là đưa mình vào một điểm cực mạnh của địch . Ở đó địch đã phòng thủ kỹ lâu rồi, họ đang chờ chúng ta trong thế mạnh đó.

Tướng Trà đề nghị một phương án khác:

– “Tấn công vào Ban mê thuật là đánh một đòn bất ngờ mà địch không thấy được . Đó là ta đánh sau lưng địch, đánh vào hậu phương của địch, nơi mà họ không có chờ chúng ta. Đó là cách ta đồn cây bằng lưỡi rìu ngay ở sát gốc. Sau đó cành lá tự chúng nó sẽ rơi rụng thôi.

Những cuộc bàn cãi về các phương án quân sự cần phải theo tiếp theo chiến thắng Phước Long được tiếp tục tiến hành. Ngày 15 tháng giêng, tướng Trần văn Trà và Phạm Hùng bí thư đảng bộ Miền Nam, tức là lãnh đạo về mặt chính trị, cả hai đi gặp Lê Duẩn (các bản phúc trình gọi là anh Ba). Cũng chưa quyết định. Lê Duẩn nhấn mạnh phải tấn công vùng Đồng Bằng sông Cửu Long, phía Nam Sài Gòn , nhắm vào các thành phố. Ông có hàm ý nhìn nhận rằng sự nổi dậy của dân chúng vẫn còn là một bài toán:

– “Trong địa bàn thành thị, ta phải đặt hết trọng tâm vào phong trào quần chúng để biến họ thành dòng thác. Phải dùng đàn bà con nít, học sinh sinh viên , thợ thuyền.. làm mũi dùi của cuộc đấu tranh nổi dậy.”

Tướng Trà lại thuyết phục Lê Duẩn về ý định tấn công Ban mê Thuật. Bộ Chính Trị họp xét. Tại Bộ Tổng Tham Mưu, và ở Quân Ủy Trung ương người ta cũng họp để thảo luận. Một điều chắc chắn là Hoa Kỳ sẽ không can thiệp bằng bộ binh.

Ngày 20 tháng giêng, Phạm Hùng và tướng Trà, đại diện CPLTCHMN đi gặp Lê đức Thọ. Ông này thông báo cho hai người biết là đã có quyết định. Mục tiêu tấn công sắp tới sẽ là Ban mê Thuật.

– ” Tôi đã đến họp với Quân ủy Trung ương để cho họ biết là Bộ Chính Trị đã quyết định mục tiêu cuộc tấn công này rồi. Tình hình quốc tế rất là phức tạp. Chúng ta phải giới hạn các cuộc đánh nhau trong năm 1975.

Các nhà chính trị quyết định. các quân nhân chỉ có việc thi hành. Với Văn tiến Dũng và bộ tham mưu, thì binh sĩ của họ sẽ ở khá xa các căn cứ không quân của vùng Sài Gòn . Bắc Việt cũng có không quân nhưng họ không bao giờ xử dụng dưới vĩ tuyến 17.

Ngày 24 tháng giêng, tướng Trà lên đường trở về Nam Bộ, về Bộ Tư Lệnh chiến trường B2 của ông ta. Tướng Trà và Phạm Hùng đã cân nhắc để xin được quyết định tấn công vào Ban mê Thuật.

Họ đã suýt không tham dự được phiên họp ở thủ đô Bắc Việt. Vào tháng chạp, tư lệnh hành quân Bộ Tổng Tham Mưu ở Hà Nội đã gọi cho họ một công điện để cho họ biết là khỏi cần lên Thủ Đô. Họ không nhận được công điện đó. Trên đường ra Bắc, dọc theo đường mòn Hồ chí Minh, họ không gặp được người của Bộ Tổng Tham Mưu, Lương văn Nho, người có nhiệm vụ phải trao cho họ công điện đó và cả chỉ thị “liên quan đến kế hoạch cho năm 1975”, kế hoạch này sơ khởi không có dự trù một cuộc hành quân qui mô nào.

Tướng Trà rất thỏa mãn khi nhận được vũ khí và đạn dược bổ túc. Các phiên họp đã làm ông phát khùng lên. Là một tướng hai sao của quân đội chánh quy Miền Bắc, vì đại diện cho CPLTCHMN, ông phải giữ đường hướng và những quyền lợi của tổ chức này đến một mức độ nào đó thôi.

Dáng người trung bình, mặt tròn, tánh tình vui vẻ, 57 tuổi, tướng Trà vừa bồn chồn khi phải dậm chân tại chỗ trong thời gian ở trại Davis, vừa phải đương đầu dụng mưu đầu trí với Ủy Ban Quốc Tế và các Ban Liên Hợp 4 Bên và 2 Bên.

Trần văn Trà là người đã tổ chức trận tấn công vào Sài Gòn hồi Tết Mậu Thân 1968, và ông vào Nam chiến đấu từ năm 1959. Trong cái CPLTCHMN trong Nam Bộ, ông là nhân vật số 2 sau Phạm Hùng. Trong hệ thống cộng sản Việt Nam ở cấp nào cũng thế, chánh trị vẫn đứng trước quân sự. Nhưng lúc ở mặt trận, từ cấp sư đoàn trở xuống đến trung đội, thì quân sự có quyền hơn chánh trị. Trong thời gian ở trại Davis, để trả lời cho các phóng viên Tây Phương, ông Trà đã dùng những câu hóm hỉnh hơn là những công thức cứng đờ như cái lưỡi cây của cộng sản. Ông rất thích chụp ảnh như ông Thiệu. Ông rất thích thú khi nhờ mua được hai máy Polaroid, một loại máy chưa được biết ở Hà Nội. Ông sẽ dùng máy này cho chiến dịch sắp tới của ông nhưng chỉ là phim đen trắng thôi.

Sau mấy tháng ở trại Davis, tướng Trà lại trở vô bụng. Hồ sơ của ông trong các cơ quan tình báo Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng Hòa chỉ thấy toàn là dấu hỏi. Ông vốn là con nhà chài lưới, đi làm công nhân hỏa xa. Ông phục vụ trong đảng bộ cộng sản Nam Bộ, sau Hiệp Ước Genève 1954 ông tập kết ra Bắc và theo học các trường quân sự để trở thành Sư trưởng sư đoàn 320. Ông là thành viên trong Quân Ủy Trung Ương, nhưng không có chân trong Bộ Chánh Trị. Vì nhu cầu giữ bí mật trong các hội kín nên những người cộng sản Việt Nam thường dùng bí danh, mà Hồ chí Minh là người đầu tiên. Tướng Trà có nhiều bí danh như Tư Chí, Mười Trí.. Đôi khi để đánh lạc hướng ông còn chơi ngông dùng ngay tên thật của những tướng lãnh Bắc Việt khác, như của tướng Trần nam Trung.

Trên đường về Bộ Tư Lệnh của ông, ông nhận thấy đường mòn Hồ chí Minh, hay đường 559, giờ đây ở trong tình trạng rất tốt. Khởi thủy, vào những năm 50, con đường này chỉ là con đường đất. Từ 1959 nó đã trở thành một hệ thống đường rộng lớn. Hai đường lớn song song nhau chạy về hướng Nam. Trong 3 năm sau cùng, công binh Bắc Việt đã thiết lập thêm nhiều đường ngang từ Tây sang Đông, dẫn tới sát bờ biển Huế và Đà Nẵng. Có nhiều đoạn có thể bọc vòng quanh một vài thị trấn hay các vị trí quân sự của quân lực VNCH. Trong vòng 16 năm các đường mòn đã biến thành đường đất, đường đất thành đường lộ, và đường lộ đã trở thành xa lộ. Các xe vận tải có thể chạy ba bốn hàng. Song song bên cạnh đó còn có đường cho người đi bộ. Cứ cách 8 tiếng đi bộ là có các trạm nghỉ, trạm gác, trạm tiếp tế. Bộ tham mưu đã điều về đây nhiều tiểu đoàn phòng không để giữ an toàn cho con đường này nhất là từ tháng giêng 1974.

Tướng Dũng nói là “Miền Bắc đã dùng hằng ngàn cơ giới đủ loại như xe ủi đất, hằng chục ngàn binh sĩ, thợ thầy, kỹ sư và những người tình nguyện trẻ” Tình nguyện hay không tình nguyện thì khỏi người làm đất, công binh, thợ điện này đều gặp rất nhiều khó khăn như oanh tạc cơ B52, gió mùa, hay tiếp tế không đủ ăn, bệnh rét rừng trong lúc Bắc Việt lại không có đủ thuốc ký ninh cho họ. Với một sức chịu đựng dẻo dai và lòng kiên nhẫn phi thường, khối người đó đã bạt núi san bằng những đoạn tường chừng không thể vượt qua được, vận chuyển các tảng đá, đốn cây, xây cầu, làm phà, và đào cả hầm trú ẩn nữa. Người Việt Nam thật là dẻo dai, chịu đựng hết mọi thứ mệt nhọc. Họ được huấn luyện, khuyến khích, ghép thành đội ngũ và có kỷ luật sắt, họ làm việc rất hăng say và tận tụy. Đám lao công này đàn bà cũng như đàn ông đều

hy sinh một cách cuồng tín như đám dân công trước kia đã từng vác súng đạn xuyên rừng núi đến Điện Biên Phủ vậy.

Tướng Dũng hãnh diện mô tả công tác sửa sang đường 559, và những lời nói của ông ta được xác nhận qua các không ảnh mà phi đội thám sát Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng Hòa đã chụp được .

– ” Đường này rộng 8 thước. Các xe vận tải lớn, các quân xa hạng nặng đều chạy được cả 2 chiều, với tốc độ cao. Họ đã chuyên chở đêm ngày hàng ngàn tấn đến tận chiến trường để yểm trợ cho chiến dịch lớn.” Bộ tham mưu Bắc Việt hình như rất bằng lòng với cách thức họ đưa được xăng dầu vào Nam Bộ:

Đọc theo con “đường chiến lược này” chạy dài một ống dẫn dầu nối liền Quảng Trị đến Lộc Ninh, đủ sức tiếp tế cho hàng chục ngàn xe đủ loại đang xử dụng con đường này . Thật là một điều nghịch lý, quân đội của một nước nhỏ chậm phát triển, thiếu thốn đủ mọi thứ, lại có một đường ống dẫn dầu quân sự tốt nhất thế giới .

Tướng Võ nguyên Giáp và Văn tiến Dũng trước hết là những người tiếp vận giỏi, lại có binh sĩ hy sinh phục vụ tận tâm. Còn người Mỹ không bao giờ thành công trong việc vô hiệu hóa con đường này, đó là một thất bại lớn về mặt chiến lược của họ. Đứng trước một kẻ địch có quyết tâm như vậy , với tất cả kỹ thuật hiện đại trong tay mà họ không làm sao cắt đứt được một hệ thống giao thông ngang dọc trên 10.000 cây số của đường 559 này. Từ năm 1959, người Mỹ thất bại trong việc bẽ gãy đường mòn Hồ chí Minh, dù đã xử dụng phương tiện điện tử tối tân hiện đại nhất. Thì làm sao Việt Nam Cộng Hòa làm được việc đó trong năm 1975 ?

Trong tuần lễ cuối cùng của tháng giêng, tại Hà Nội, Lê Duẩn tiếp tướng Văn tiến Dũng tại nhà riêng. Ông tổng bí thư hỏi tướng tổng tư lệnh: “ *liệu lực lượng mà ông có trong tay có đủ để tấn công Ban mê Thuật hay không ?* “

– ” *Với những gì chúng ta có, cũng được rồi, tướng Dũng trả lời. Nếu biết xử dụng thì có thể phần may mắn sẽ về phía chúng ta.*

Ông Tổng bí thư xem chừng như chưa tin chắc lắm về chiến thắng này.

Sau đó tướng Dũng đi gặp ông Lê đức Thọ. Bộ Chánh Trị đã có quyết định là đưa vào Nam nhân vật đã từng thương thuyết ở Paris. Cũng vẫn một phương thức cũ : một quân nhân được một nhân vật chánh trị theo kèm bên cạnh. Nói về cuộc tấn công sắp tới, mà dưới nhãn quan của mình ông thấy chưa phải là cuộc tấn công cuối cùng, ông Thọ nói:

– “ *Nếu ta thắng ván bài lớn này, chúng ta sẽ tạo được một thời cơ mới rất có lợi cho chúng ta .*” Và vẫn nhã nhặn ông nói tiếp:

– ” *Anh hãy giữ mình cẩn thận nghe !*

Lê đức Thọ hiện là một nhân vật khá quan trọng trong đảng và là một trong những người có thể thay thế cho Lê Duẩn. Năm nay ông ta 64 tuổi. Ở Paris trong suốt gần 5 năm mật đàm hay thương thuyết công khai vừa là kẻ thù vừa a tông với Kissinger, ông ta đã mê hoặc ông tổng trưởng ngoại giao Hoa Kỳ qua thái độ ngạo mạn rất lạ kỳ của ông mà Kissinger đã nhận ra được . Ông ta còn tự cho phép mình lên mặt thầy đời với Kissinger nữa. Trong một pha mật đàm ở nhà của ông Jean Sainteny, ông Kissinger lên giọng giáo sư, nói oang oang lên : ” Tôi nói là....

ông Tổng Thống muốn..... Ông đòi hỏi phải.....” Như một lãnh chúa, trong bộ áo cổ cao, rất thân nhiên Lê đức Thọ lắng nghe Kissinger nói. Xong ông trả lời rất nhẹ nhàng:

” Thưa ông Kissinger, ông có thấy tóc tôi đã bạc hết rồi hay không ? Tôi đã có tuổi đời lâu rồi, Tóc của ông vẫn còn đen quá. Ông còn phải học nhiều nữa. Những gì mà ông vừa nói với tôi, tôi cũng đã nghe qua rồi, nhưng bằng một ngôn ngữ khác. Ông hãy nghe đây: Người Pháp đã nói với tôi y như giọng của ông hôm nay vậy đó, người ta đã nói với tôi những chuyện đó, bây giờ ông lại nói lại với tôi nữa.” Ông Kissinger không bao giờ luống cuống, ông ta hạ thấp giọng và nói một câu “Thưa Ngài” với một ông Lê đức Thọ đang thích thú.

Người Mỹ được bầu lên thì chỉ làm việc trong một thời gian có hạn định vài năm thôi, còn Lê đức Thọ cũng như những người trong ban lãnh đạo đảng ở Bắc Việt , ông ta đã làm việc quá lâu rồi. Hồ chí Minh đã từng xác nhận là người cộng sản phải phục vụ trong 10 năm, 20 năm, 30 hay 50 năm là thường. Ban Lãnh đạo đảng đã tránh những cuộc thanh trừng đẫm máu trong nội bộ của họ.. Lê đức Thọ là người sanh trưởng ở Miền Bắc, vào đảng từ năm 16 tuổi, ông được người Tây Phương biết nhiều từ khi ông đạt được nhiều thành quả ở Paris. Lê Duẩn chỉ huy chiến trường trong Nam cho đến năm 1953, thì Lê đức Thọ vào thay ông. Thành viên của Bộ Chánh Trị từ năm 1955, Lê đức Thọ đề ra một chiến lược tổng quát, đúng theo phương thức của Bắc Việt là “vừa đánh vừa đàm, vừa đàm vừa đánh, đánh đánh đàm đàm”. Đây là một dấu hiệu đang đi lên của ông: tên ông đứng trước tên ông Giáp trong danh sách tiểu ban lo về đám tang Hồ chí Minh.

Thời cơ đến với ông vào năm 1975. Một người có tầm cỡ như ông Thọ được đưa vào Miền Nam . Hơn hẳn các người khác ở Hà Nội ông Thọ có đủ thông số quốc tế.

Trước khi Lê đức Thọ lên đường đi vào chiến trường Miền Nam, Lê Duẩn nói với ông ta:

– ” *Đừng trở về đây trước khi thắng trận này nghe ! Bây giờ chúng ta đang gặp một cơ may lịch sử. Cơ may này không bao giờ ta gặp lại trước 10 ngàn năm nữa đâu”*

Ít nhất điều này cũng đã đảng xác nhận về sau.

Tây Phương còn nói nhiều đến ông Võ nguyên Giáp. Năm 1975, yếu đau, ông bị gạt ra ngoài các cuộc hành quân. Trong lúc tướng Văn tiến Dũng trẻ hơn với tuổi 58, đã là đại tướng bốn sao hồi năm trước. Ông Giáp cũng là đại tướng bốn sao. Là một nông dân thật sự – thấy rõ qua giọng nói của ông- Văn tiến Dũng đã làm việc trong một nhà máy dệt như là một thợ điện, một người thợ giỏi, một quý tộc của giai cấp vô sản. Ông vào đảng cộng sản Đông Dương lúc còn trẻ. Bị bắt, ngồi tù, được thả ra, bị bắt lại và lợi dụng việc chuyên trại ông trốn khỏi nhà tù, đến trốn trong một ngôi chùa, ở đó ông sống hai năm như một nhà sư Phật giáo. Sau đó ông là chánh trị viên và tiếp đó chỉ huy trưởng một trong các sư đoàn việt minh có tiếng nhất , sư đoàn 320. Năm 1972 ông là thành viên Chánh trị bộ và chỉ huy chiến dịch lớn đánh chiếm Quảng Trị. Nhưng nhờ oanh tạc cơ

B 52, Miền Nam Việt Nam đẩy lui được cuộc tấn công. Từ đó tướng Dũng lo canh tân quân đội Miền Bắc , rút ra được những bài học từ những thất bại và đã đi thực tập ở các trường cao đẳng quân sự Liên Xô. Ông đã học được phương thức chỉ huy và tác chiến hợp đồng binh chủng cấp sư đoàn. Các tùy viên quân sự ở Hà Nội cho rằng ông là người dễ mến, có sáng kiến và có kiến thức hơn tướng Giáp. Các nhân viên ngoại giao đều thì thầm với nhau là tướng Dũng và tướng Giáp đều nghiêng về Liên Xô hơn. Tướng Dũng là một quân nhân nhà nghề. Liên Xô cung cấp tới 95% chiến cụ nặng gồm máy bay, pháo binh và chiến xa. Dĩ nhiên tướng Dũng với tư cách là tổng tư lệnh phải rút tĩa ra những bài học cần thiết cho quân đội Bắc Việt trong

việc xử dụng chiến cụ này. Nhiều cuộc tranh luận giữa phe nghiêng về chuyên nghiệp quân sự và phe nghiêng về ý thức hệ, (bên Hồng bên Chuyên). Cũng như đa số các sĩ quan cấp tá và cấp tướng, Dũng nghiêng về bên Chuyên: kỹ thuật quân sự đối với ông là quan trọng hơn các tài liệu của Mác. Trước khi đi vào Nam, tướng Dũng đã có một buổi nói về quy tắc về chuyên ngành trong quân đội. Ông nói:

– “Sau khi nghiên cứu về những đặc tính của chiến tranh hiện đại, Lénine đã nhấn mạnh đến sự cần thiết phải thành lập một quân đội chính quy cho một nhà nước của giai cấp vô sản. Trong đại hội đảng kỳ 8 của đảng cộng sản Liên Xô, Lénine đã đánh bại hết những đối thủ quân nhân trong nội bộ đảng, những người muốn binh vực một quy chế nhằm bầu lên các vị chỉ huy, nhằm giữ một kiểu cách và hành động du kích chiến, những người chống đối kỷ luật quân sự, những người chống đối lại việc thành lập một quân đội chính quy của giai cấp công nông, một quân đội đỏ mà Lénine đang binh vực. Tướng Dũng đã thận trọng nêu lên trường hợp của Lénine, muốn mỗi người sĩ quan trước hết phải là một kỹ thuật gia, phải chuyên hơn là hồng. Danh từ chính yếu phải dùng là “quân đội chính quy”. Kỳ dư nào là “chánh quyền của giai cấp vô sản” nào là “quân đội của giai cấp công nông” tất cả đều là chất độn. Tướng Dũng rất dứt khoát với quan điểm của mình. Tuy nhiên để tránh khỏi bị gán cho là thành phần “xét lại” ông ta kết luận một câu rất lạ kỳ : ” Tính nhà nghề của quân đội chính quy của tất cả quân đội phản ánh trước tiên là bản chất của giai cấp của quân đội đó”

Giống như tất cả các quân nhân lên đến một cấp nào đó, ở quân đội Miền Bắc cũng như ở quân lực VNCH tướng Dũng biết rõ tác phẩm của Tôn Tử, một người Trung Hoa, đã viết về nghệ thuật chiến tranh cách đây hai ngàn năm. diễn tả những quy củ của chiến tranh mà ông coi là một nghệ thuật chứ không phải một học thuyết, nhưng nghệ thuật đó phải căn cứ trên những dữ kiện khoa học. Tôn Tử là một người Trung Hoa. Hầu hết những người Việt Nam không thích nhắc tới món nợ đối với nền văn hóa của Trung Hoa. Do vậy mà tướng Dũng mới ám chỉ đến Carl von Clausewitz, hiện đại, ông lại lợi dụng lý thuyết của Lénine -trong đó có cả Marx và Engels. một tính chính thống quyết phải có ở Hà Nội. Ngoài giáo điều chính thống đó, người ta còn học Clausewitz trong các trường đại học của Liên Xô. Sự kết hợp chánh trị và quân sự của ông tướng người Phổ đã cảm hóa được một người cộng sản Việt Nam, như là ý kiến cho rằng : “chiến tranh là một sự tiếp nối của chánh trị quốc gia với những phương tiện khác hay với sự pha trộn với các phương tiện khác”

Tôn Tử nói : ” Hãy tìm một con đường gián tiếp đồng thời phải đánh lạc hướng địch bằng cách dùng mồi nhử địch. Như vậy ta có thể đi sau địch mà lại đến trước họ. Người nào biết hành động như vậy là hiểu được chiến lược trực tiếp và gián tiếp.”

Clausewitz viết : “Chiến thắng không nhất thiết chỉ thắng địch trên chiến trường., mà là sự tiêu diệt tiềm năng vật chất và tinh thần của họ, một sự tiêu diệt mà người ta thường chỉ thực hiện được sau khi hoàn tất chiến thắng trên chiến trường. “

Tướng Dũng là một người chăm chỉ đọc Tôn Tử và Clausewitz.

Chương 6 Những người đang ngủ đứng !

Để cầm chân và đánh lạc hướng Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, phía Bắc Việt mở những cuộc tấn công theo lối dương Đông kích Tây. Ngày 22 tháng giêng, một cảnh sát trưởng đập phải một trái mìn ở gần đồn Nguyễn Văn Quế thuộc vùng ngoại ô Sài Gòn. Cuộc mưu sát này đã làm bị thương 4 người cảnh sát.

Đây là lần đầu tiên từ năm 1972, không khí chiến tranh tràn vô tới Sài Gòn. Phải chăng Việt Cộng lại chuẩn bị phá rối ngày Tết nữa? Tết Việt Nam năm nay bắt đầu từ ngày 11 tháng 2 dương lịch.

Ông Hoàng Đức Nhã, người em bà con với ông Thiệu có vẻ lo âu. Bốn tháng nay ông không còn là Tổng trưởng Thông Tin nữa. Đề nghị cuối cùng của ông trong tư cách vừa là tổng Trưởng vừa là cố vấn riêng của ông Thiệu là nên liên lạc thẳng với CPLTCHMN. Mặc dầu ông đã công khai tuyên bố (“4 Không”) nhưng ông Thiệu cũng thấy ý kiến này hay hay. Nhưng người Mỹ sẽ nghĩ thế nào về vấn đề này? Năm 1963 họ đã loại bỏ ông Diệm bởi vì những người em của ông này đã muốn nói chuyện trực tiếp với Hà Nội. Đây là một bài học luôn luôn ám ảnh ông Thiệu.

Nhiều người chỉ trích ông Nhã là đã nghiêng về cánh tả. Nhưng ông này nghĩ mình là người thực tế hơn: “Đó là vấn đề “sống còn của Miền Nam chúng ta”. Ông không tin rằng cái gì tốt cho Hoa Kỳ nhất thiết sẽ tốt cho Việt Nam.

Ông Đại sứ Graham Martin đã đòi hỏi và đã loại được ông Nhã ra khỏi nhiệm sở của ông ta nằm ở ngay tầng lầu ba trong Dinh Độc Lập. Người ta gán cho ông Nhã một biệt danh là “một cậu nhỏ chống Mỹ” (nguyên tác: “anti american kid”) mặc dầu ông đã ba mươi ba tuổi đầu rồi, và ông không bao giờ rút lại lời nói của ông. Tổng Thống Thiệu nghĩ rằng mình có phần nào sai khi nhượng bộ với Đại sứ Hoa Kỳ. Ông đã cho ông Nhã rời khỏi Bộ Thông Tin nhưng vẫn còn tín nhiệm người em của mình. Ông Nhã cố thuyết phục Tổng Thống:

– ” Phải xóc Chánh Phủ của ông Khiêm mạnh lên, ông Thủ Tướng của Anh thiếu hoạt bát. CSVN tấn công Phước Long là để thăm dò hệ thống phòng thủ của chúng ta. Họ muốn xem phản ứng của người Mỹ, và Hoa Kỳ đã không nhúc nhích !”

Ông Thiệu không tin chút nào về chuyện đó. Ông Nhã nói với ông Thiệu như một người em nói với ” ông anh cả”. Lúc ông Thiệu chỉ mới có một đứa con gái, ông xem Nhã như một người con trai hơn là một người em. Khi ông Thiệu là chỉ huy trưởng trường Võ Bị Quốc Gia ở Đà Lạt, ông Nhã còn là học sinh nội trú trường Trung học ở đó, nên thường đến chơi với gia đình ông Anh mình. Ông Nhã thông thạo cả tiếng Pháp và tiếng Anh. Sau đó ông qua học bốn năm ở trường đại học Oklahoma trước khi vào đại học Pittsburgh, và tốt nghiệp ở đó với bằng kỹ sư. Cũng giống như ông Kissinger và người dân Mỹ thuộc vùng Trung Tây Hoa Kỳ, ông Nhã không có lòng tin đối với những người Mỹ ở vùng bờ biển phía Đông. Có rất ít người Việt Nam hiểu người Mỹ bằng ông Nhã. Ông Nhã cũng đã giải bày cho “ông anh cả” của mình ít nhất 90% những suy tư của mình. Đối với một Tổng Thống, như vậy cũng đã quá nhiều rồi. Đối với người Mỹ, ông Nhã không có một tự ty mặc cảm nào mà trái lại ông có một ý thức tự tôn. Và ông cũng không giữ sự tôn kính đối với người già hay các niên trưởng theo truyền thống của người Việt Nam. Ông ta có đủ mọi thứ để quyến rũ người ta và cũng có đủ mọi thứ để làm phật ý mọi người, tùy theo. So với người Việt Nam bình thường thì ông Nhã có hơi to con với 1 thước 65 bề cao. Với cách ăn mặc thanh lịch và đúng mốt, với sự thông minh và kiến thức nhanh nhẹn, ông Nhã bổ túc và lần lượt gây khó chịu cho các nhân viên ngoại giao Hoa Kỳ. Ông cũng khuyên ông Thiệu nên thay người tham mưu trưởng của mình đi. Lúc ông Martin đến Sài Gòn,

một nhân viên ngoại giao có nói với ông Nhã: – ” Ông có muốn tôi giới thiệu ông với ông Đại sứ không ? ” Ông Nhã thẳng thừng nhân mạnh: – “Không . Tôi là một Bộ trưởng, Ông Đại sứ phải tự giới thiệu với tôi mới phải chứ !” Ông Martin không bao giờ tha thứ cho ông Nhã về tính yêu nước bùng bột và quá tự tin về nghi thức xã giao của ông này. Ông Kissinger và ông Martin đều cho là vì còn quá trẻ tuổi nên ông Nhã chưa có đủ kinh nghiệm. Và ông Nhã không đến nỗi dùng ảnh hưởng của ông trong vấn đề lạm dụng quyền hành . Lối sống của ông cũng khác lạ hơn người ta nữa. Ông lái xe Mustang, Mercedes, và trong phòng khách của ông, ông xây một ống khói cho lò sưởi đốt bằng củi, như của người Mỹ vậy, dĩ nhiên đây là lò sưởi độc nhất ở SàiGòn. Ông Nhã có một hệ thống tin tức khắp thế giới. Trước khi Hiệp Định Paris được ký, ông ta đã có nhiều đụng chạm dữ dội với ông Kissinger. Ông ta thúc giục ông Thiệu :

– ” Tổng Thống Ford bị trói tay trong lãnh vực tài chánh. Người Mỹ chỉ nói cho Anh những gì mà họ muốn Anh nghe thôi. Tôi nói thật với Anh là chúng ta không thể tin vào ông “Anh Lớn” Hoa Kỳ được “.

Ông Thiệu thở ra và nói:

– ” Chú nói hơi quá. Chú nghiêm khắc quá ! Ông Martin bênh vực và ủng hộ chúng ta.”

Từ khi tới SàiGòn ông Martin đã bảo đảm là sẽ có viện trợ Hoa Kỳ cho Tổng Thống Thiệu, một sự tin tưởng mà ông Thiệu đang cần . Đại sứ Mỹ đã cho lệnh nghiêm ngặt cho các ban ngành trực thuộc phải phá tan mọi âm mưu nhằm làm lung lay hay lật đổ ông Thiệu. Mỗi một hành động đối lập hay chống đối ông Thiệu đều phải được xem là một mầm mống của âm mưu đó. Mệnh lệnh còn đi xa hơn : các nhân viên ngoại giao Hoa Kỳ phải bớt tiếp xúc với cánh đối lập không cộng sản ở Miền Nam Việt Nam , nhất là với “lực lượng thứ ba” mà lãnh tụ của họ là tướng Dương văn Minh mà người ta thường gọi là ông “Minh Dương” (nguyên tác: “Grand Minh”), (người Mỹ thường gọi là “Big Minh”). Đối với người Mỹ, lực lượng thứ ba này có nhiều điểm yếu. Một số cá nhân hay phe nhóm không đáng kể ở tại Thủ Đô SàiGòn và một vài tỉnh nào đó, được coi là đại diện cho lực lượng này mà qua họ để tìm kiếm được một giải pháp chánh trị nào đó, thật là một điều quá vô ích.

Ngày 24 tháng giêng 9 người Mỹ gồm 6 nam 3 nữ, biểu tình trước Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ . Họ mang một biểu ngữ bằng vải : “người Mỹ muốn có hòa bình ở Việt Nam . Hoa Kỳ phải chấm dứt chiến tranh” . Khách qua đường tò mò nhìn vào nhóm người này với một vẻ chế diễu. Báo chí được gọi đến. Họ quay cảnh này và phỏng vấn những người tham gia. Và như vậy là các đài NBC, AP, UPI, và báo chí Hoa Kỳ bảo trợ cho hành động này. Những người biểu tình đòi “hòa bình” này, những người mà Đại sứ Martin ghét nhất, đã vào SàiGòn với giấy phép nhập cảnh du lịch chỉ có giá trị trong một tuần lễ. Họ phát một số truyền đơn. Một nhiếp ảnh viên ngoại quốc biết chuyện đã cười và nói mỉa mai:

-” Các tay này có dám gan ra tận Hà Nội để làm trò biểu tình như vậy không?

Cảnh sát đến yêu cầu họ giải tán. Họ từ chối. Cảnh sát trưởng không muốn bắt họ một cách công khai, nhất là không muốn sự bắt bớ này được truyền hình Mỹ quay phim. Về sau, người ta đến khách sạn mời họ một cách rất có lễ độ, và hộ tống họ ra tận phi trường, đưa lên phi cơ về Bangkok lúc 21 giờ 30.

Ông Martin mừng lắm. Chính tổ chức của Fred Bransman, người đã ở Hà Nội với bà ký giả FritzGerald cách đây mấy ngày, đã đài thọ mọi chi phí cho chuyến du lịch của những tay biểu tình nói trên. Những người “đòi hòa bình” này đã thất bại trong việc gặp gỡ và phối hợp với những thành viên của lực lượng thứ ba cùng các phật tử ở SàiGòn để tổ chức một cuộc biểu

tình khác trước Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ . Ông Martin tin rằng đây là một sự cố ý nhằm gây ra những sự xô xát mà nếu được quay thành phim và phổ biến ở Hoa Kỳ thì bọn “đòi hòa bình” sẽ chứng minh rằng chế độ đàn áp của Sài Gòn không đáng được nhận viện trợ kinh tế và quân sự. Ông Martin rất vừa ý, Dù sao thì những người biểu tình này cũng là công dân Hoa Kỳ , họ đã được đối xử một cách đàng hoàng và bị trục xuất một cách quá đẹp.

Có những tâm hồn cao thượng, có những kẻ trung gian, thật có giả có, có những con rối... lúc nhúc, hướng về Hoa Thạnh Đốn, ai cũng xác nhận là mình có một giải pháp chánh trị cho Việt Nam.

Ngày 27 tháng giêng, trong căn phòng số 6209 của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, ông Robert Miller tiếp ông Trần văn Hữu. Ông Miller là cánh tay phải của ông Kissinger, là phụ tá Tổng trưởng đặc trách về Đông Nam Á và Thái bình Dương Sự Vụ. Ông Trần văn Hữu là cựu Thủ Tướng Miền Nam Việt Nam. Hai mươi năm trước ông đã từng thương nghị về nền độc lập của Việt Nam tại thành phố Pau (Pháp). Giống như tất cả các cựu Thủ Tướng thời Pháp, ông nào cũng tin rằng mình có thể lãnh đạo đất nước trong tương lai. Ông Hữu được ông Donald Heath Đại sứ Hoa Kỳ ở Việt Nam từ 1950 đến 1954 giới thiệu. Tuy nhiên sự giới thiệu này không được nặng ký lắm để được đích thân ông Kissinger tiếp kiến. Ông Hữu đã tìm mọi cách vận động trong thời gian ông ở khách sạn Hilton ở New York: ông xác quyết rằng ông là người có thể đứng ra thương nghị giữa hai nước Việt Nam quốc gia và cộng sản. Ông viện dẫn rằng ông có sự chấp thuận của ông Thiệu trong việc “dùng tên của cá nhân mình để đứng ra thương thuyết, chứ không phải dưới danh nghĩa của một nhân viên của Tổng Thống Thiệu, vì Hà Nội “không ưa” ông Tổng Thống này”. Ông Hữu còn đoán chắc rằng Hà Nội khuyến khích ông vì lúc nào ông cũng tán đồng cho một viện trợ kinh tế cho Miền Bắc Việt Nam .

Là một người giàu có, và chống cộng, ông chống đối lực lượng thứ ba, mà theo ông chỉ là một loại tổ chức chánh trị đã có trò chơi không minh bạch với Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Ông giải thích với ông Miller rằng ông Thiệu chắc chắn sẽ không bao giờ từ nhiệm để trao quyền lại cho một tướng nào khác, dù đó là ông Khiêm hay ông Minh Dương (nguyên tác : Grand Minh). Trái lại ông Thiệu sẽ ra đi nếu qua thương thuyết ông Hữu đạt được một nền hòa bình có thể chấp nhận được . Lúc bấy giờ ông Thiệu sẽ vui vẻ mà lui ra khỏi chánh trường, vui vẻ vì vẫn còn để lại sau lưng mình hình ảnh của người anh hùng đã từng chiến thắng Bắc Việt năm 1972 , ông Hữu nhấn mạnh: –” Là một tướng lãnh Miền Nam đã đánh bại được người anh hùng Miền Bắc Võ nguyên Giáp năm 1972, ông Thiệu sẽ giữ được tên tuổi của mình trong Lịch Sử”. Trước khi kết thúc buổi tiếp xúc, ông Hữu giới thiệu với ông Miller hai người cộng sự viên: Lê quốc Túy, cựu đại tá Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa và Mai văn Hạnh, cựu phi công Quân Đội Pháp, người có hai quốc tịch Pháp và Việt Nam.

Ông Miller tóm tắt quan điểm của Hoa Kỳ với ông Hữu :

–” Chúng tôi luôn luôn nhắm vào sự thi hành Hiệp Định Paris, chủ trương rằng hai Bên Việt Nam phải cùng nhau bàn bạc về tương lai của Miền Nam Việt Nam. Chúng tôi luôn luôn tự hứa là phải tiếp tục giúp đỡ Việt Nam Cộng Hòa về phương diện vật chất cho đến khi nào quốc gia này thấy còn cần thiết để chống đỡ áp lực quân sự của phía Bắc Việt.”

Sau đó ông Miller thảo một bản tường trình về việc này cho ông Kissinger :

– “Chủ yếu, ông Hữu nghĩ rằng Miền Bắc công nhận là họ không thể chiếm được Miền Nam bằng võ lực. Và họ mong kết thúc bằng một giải pháp chánh trị . Ông Hữu nói ông ta có tất cả lý lẽ để tin rằng Tổng Thống Thiệu sẽ sẵn sàng từ nhiệm để nhường quyền lại cho một người nào có thể thiết lập một nền hòa bình thật sự ở Việt Nam .”

Liên Hiệp Quốc cũng là một trong số những trung gian có máu mặt. Đại diện Hoa Kỳ tại Liên Hiệp Quốc phản kháng, sau khi Bắc Việt chiếm Phước Long. Qua văn thư trả lời ông Tổng thư ký Kurt Waldheim rất lấy làm tiếc và chua chát ghi nhận rằng với tư cách Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc, ông không có một nhiệm vụ gì trong việc soạn thảo và ký kết Hiệp Định Paris. Ông Waldheim tiếc rằng những sự mất mát về nhân mạng là do sự leo thang chiến tranh ở Việt Nam. Ông không thể làm gì hơn được, ngoài việc chuyển những sự kính sợ và lo âu của ông đến Chánh Phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa ở Hà Nội. Và không quên nhắc lại sự kính mến đối với đại diện Hoa Kỳ (theo thông lệ) !

Đối với Việt Nam, dưới trào ông Waldheim, Liên Hiệp Quốc hoàn toàn đứng ngoài cuộc, trong một sự bất lực đáng ghê sợ. quá “tục tui” như De Gaulle đã từng nói. (nguyên tác: “machin”)

Như vậy thì Waldheim có hữu ý gì đối với trò chơi của Hà Nội ?

Ngày 30 tháng giêng, với sự có mặt của Kissinger và Schlesinger, Tổng Thống Ford tiếp các lãnh tụ Quốc Hội trong một tiếng rưỡi đồng hồ. Ông phải vận động với lưỡng viện Quốc Hội để họ có thể chấp nhận đơn xin ngân khoản viện trợ bổ túc cho Việt Nam Cộng Hòa. Các nghị sĩ và dân biểu đang canh chừng Trung Đông. Theo thuyết của ông Kissinger, ông Ford giải thích rằng trong việc thi hành chủ nghĩa quốc tế của mình Hoa Kỳ không thể chỉ chú trọng đến mỗi một vùng Trung Đông vì đó mới chỉ là một điểm trên bản đồ của thế giới mà thôi. Như vậy Hoa Kỳ sẽ tự phơi bày chủ nghĩa phân biệt của mình ở chỗ khác, như Việt Nam chẳng hạn.

Các lãnh tụ có nghe mà không có cam kết gì hết.

Tại Thượng Viện và Hạ Viện, không khí có hơi mát. Nhưng ông Ford không lấy làm ngạc nhiên khi nghị sĩ dân chủ Edward Kennedy đổ tội cho Chánh Phủ là “đậm chân tại chỗ” trên địa hạt ngoại giao. Phía chánh trị gia dân chủ, đối thủ vẫn còn là đối thủ. Tổng Thống Ford và những người của ông càng ngạc nhiên hơn nữa khi nghị sĩ Henry Jackson, đưa ra một lời tuyên bố công khai, hoàn toàn đối với chủ nghĩa chống cộng:

-” Hoa Kỳ phải chấm dứt cuộc chiến này”

Bộ máy lập pháp nặng nề và chính xác của Hoa Kỳ đang chạy. Ngày 30 tháng giêng này người ta triệu tập các thành viên thuộc Ủy Ban Phân Phối Ngân Khoản. Một cuộc họp quan trọng của các ủy ban và tiểu ban thuộc Thượng Viện và Hạ Viện. Hạ Viện vẫn giữ độc quyền trình bày những luật lệ về tài chánh. Nặng nề và rất thận trọng, trong một khung cảnh oai nghiêm, các tiểu ban đưa ra những câu hỏi chất vấn các viên chức cao cấp của Chánh Phủ. Tiểu Ban “Phân Phối Ngân Khoản” nghe nhiều nhân chứng. trong đó có Eric von Marbod, cộng sự viên của Phụ Tá Tổng Trưởng Quốc Phòng, đặc trách về tiếp vận.

Ông Von Marbod xác nhận rằng: *Ngũ Giác Đài dự kiến một cuộc tấn công của cộng sản trong sáu tháng sắp tới.*

Tướng A. Graham, trưởng Phòng Tin Tức Tình Báo của Ngũ Giác Đài xác nhận rằng: ” – ” *Chúng tôi không nghĩ rằng Hà Nội mưu toan đạt được chiến thắng toàn bộ trong những tháng sắp tới. Chúng tôi dự kiến là quân đội của Miền Nam sẽ gặp nhiều khó khăn quan trọng. Chúng tôi đang chờ đợi những cuộc tấn công trong vùng Kontum và Pleiku”.*

KonTum và Pleiku, chính là vùng mà Bộ Tham Mưu Bắc Việt đã quyết định là “không tấn công”.

Tất cả những sứ quán cộng sản ở Hoa Thạnh Đốn đều theo dõi các cuộc điều trần ở Quốc Hội. Họ có cả những biên bản khi những cuộc điều trần này được diễn ra công khai và khi họp kín thì những tiết lộ sẽ làm thỏa mãn những kẻ tò mò muốn tìm hiểu. Như vậy là Hà Nội được báo trước ngay sau đó. Một xã hội (quá) cởi mở không có gì còn là bí mật hết, ngay ở cấp quyết định tối hậu cũng vậy. Ở Hoa Kỳ gần như không thể giữ kín được bất cứ một hành động bí mật nào, cho dù đó là một hành động có tầm mức quan trọng. Lời khai của các nhân chứng Graham và Von Marbod không có gì mâu thuẫn quan trọng với nhau hết: một cuộc tấn công có thể không nhằm vào chiến thắng cuối cùng. Tuy nhiên, những nhân chứng này gây bối rối cho các vị dân cử, đại diện cho dân chúng Hoa Kỳ. Dân biểu Robert Gialmo (dân chủ) của tiểu bang Connecticut nói:

– *“Những con số về tương quan lực lượng mà quý vị cung cấp cho chúng tôi cho thấy là quân số Miền Nam cao hơn quân số Bắc Việt ở trong Nam Bộ”*

Từ 10 năm nay, câu hỏi về quân số của hai Bên Nam Bắc Việt Nam thật khó có thể ước tính được. Phải biết phân biệt giữa chánh quy và không chánh quy, giữa việt cộng của CPLTCHMN và lực lượng bảo an của Miền Nam Việt Nam. Tổng Thống Ford vừa nói rằng hiện tại 298.000 bộ đội Bắc Việt đang có mặt ở chiến trường Miền Nam. Ở Hoa Thạnh Đốn với sổ sách trong tay, người ta quả quyết là quân đội chánh quy thuộc QLVNCH và lực lượng bảo an, dân vệ là 1.300.000 người. Như vậy, phải nghiêm chỉnh xét lại xem cán cân lực lượng sẽ nghiêng về bên nào? Đó là ý nghĩ của các vị đại diện dân ở Quốc Hội. Tướng Graham biết rõ là QLVNCH không có được tới 500.000 người thực sự là quân số hành quân hay tác chiến. Quân đội này được tổ chức rập khuôn theo kiểu Hoa Kỳ: cứ mỗi người lính trong đơn vị tác chiến thì người ta phải có 5, 10, hay đôi khi 20 ở hậu cứ, trong những kho, trong các Bộ Tham Mưu hay ở các căn cứ không quân. Thú nhận việc này là sẽ đặt lại cả vấn đề chánh trị quân sự của Hoa Kỳ từ bao nhiêu thời gian lâu nay rồi.

Vấn đề không phải là giải thích sự yếu kém thuộc về cơ cấu tổ chức của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, mà phải chỉ cho người ta thấy được những thuận lợi giúp cho bộ đội Miền Bắc có thêm sức mạnh. Tướng Graham bèn xoay qua đường mòn Hồ chí Minh:

– *“Giờ đây, một phần quan trọng của con đường này đã được tráng nhựa. Trước kia lực lượng tăng viện của Bắc Việt phải mất 70 ngày đi bộ mới vào được chiến trường Nam Bộ. Bây giờ họ chỉ mất có 3 tuần lễ. Thời gian này họ vượt phần lớn các đoạn đường bằng xe vận tải.”*

Ông Philip Habib, Phụ tá Tổng trưởng ngoại giao đặc trách Đông Nam Á Sự Vụ cũng ra điều trần trước Ủy Ban. Ông là một trong những phụ tá của Kissinger ở Paris. Ông Gialmo hỏi:

– *“Trên phương diện pháp lý Hoa Kỳ có nghĩa vụ phải tiếp tục võ trang cho Việt Nam Cộng Hòa hay không? Hỏi xong ông Giamo lại tự mình trả lời luôn cho câu hỏi của mình:*

– *“Có nghĩa vụ tinh thần, mà không có nghĩa vụ pháp lý”*

Ông Habib rất hân hoan: – *“Đó là một thể thức rất tốt, rất chính xác!”*

Và cuộc điều trần vẫn tiếp tục.....

Có lẽ đây là một sự khéo phối hợp đúng lúc: ông Thiệu thấy được nghệ thuật xử dụng truyền thông mà ông Nhã đã chỉ cho ông, nên ông đã cho tờ Washington Post phỏng vấn. Tờ nhật báo này là một tờ báo rất có ảnh hưởng ngay tại thủ đô Hoa Kỳ. Tổng Thống Thiệu không nghĩ rằng

Hoa Kỳ bỏ rơi đồng minh của họ. Tuy nhiên ông cũng phải dự trù trường hợp xấu nhất, ông tuyên bố :

– “ Nếu Hoa Kỳ bỏ rơi Sài Gòn thì Việt Nam Cộng Hòa chúng tôi vẫn tiếp tục chiến đấu “
Nhưng thật ra đây là một thất sách. Ông Thiệu lẽ ra phải tuyên bố là :

– “ nếu không có được một viện trợ tài chánh nào thì quân dân Việt Nam Cộng Hòa đành phải chịu buông súng bỏ cuộc thôi !”

Đằng này ông Thiệu đã vô tình cho thấy là nếu không có viện trợ của Hoa Kỳ thì Sài Gòn vẫn có thể tiếp tục chiến đấu.. Cuộc phỏng vấn chẳng những đã trở thành vô hiệu mà còn có hiệu quả ngược lại!

Để chứng minh quyết tâm của mình, Chánh Phủ Việt Nam Cộng Hòa tuyên bố là không cho giải ngũ nữa. Các binh sĩ sẽ không được rời khỏi quân đội trước 38 tuổi, hạ sĩ quan không trước 42 tuổi và sĩ quan cấp úy không trước 45 tuổi. Để nói lên tinh thần chiến đấu của chánh phủ Việt Nam Cộng Hòa Tòa Đại Sứ Việt Nam Ở Hoa Thạnh Đốn bèn thông báo cho lưỡng Viện Quốc Hội Hoa Kỳ . Do đó mà có một số dân cử trong Quốc Hội đã nói với nhau :

– “ Cuối cùng rồi thì người Việt Nam của “ chúng ta” cũng có thể xoay trở để tự lo liệu lấy ” (nguyên tác : *nos* Vietnamiens với chữ *nos* nghiêng)

Tình cờ, Quốc Hội Mỹ ngẫu nhiên chú ý tới vùng Đông Nam Á, các đại biểu lại nhìn thấy tình hình ở Cam Bốt có vẻ nghiêm trọng. Chỉ cần theo dõi tin tức trên truyền hình cũng xác định được tình thế .

Nếu Quốc Hội Hoa Kỳ có thật tâm muốn nhận định tình hình ở Việt Nam năm 1975 có nghiêm trọng hay không, thì chỉ cần xem một vài hình ảnh đánh nhau trên hệ thống truyền hình cũng đủ rồi, nhưng rất tiếc là trận đánh Phước Long chẳng có được nhiều phim ảnh!

– Lực lượng Khmer Đỏ chiếm 80 % lãnh thổ, bắn rốc két vào Phnom Penh. Sài Gòn chưa có gì đến đổi như vậy.

– Quân số mỗi tiểu đoàn Cam Bốt từ 300 hao hụt chỉ còn 100 người . Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa không có tan rã như vậy

– Trên sông Cửu Long (địa phận Cam Bốt), Khmer Đỏ bắn chìm tàu dầu. Chiếc tàu dầu cuối cùng đến được Phnom Penh ngày 23 tháng giêng. Con sông Mekong (địa phận Việt Nam) vẫn còn lưu thông tốt.

Đường dây duy nhất nối liền thủ đô Cam Bốt với thế giới bên ngoài là cây cầu không vận.

Tại Hoa Thạnh Đốn vào một buổi trưa mát trời, ông Douglas Pike, một chuyên viên về Việt Nam, tác giả của một quyển sách nói về Việt Cộng, lững thững rảo bước trên con đường Mall, một con đường mà hai bên có các viện bảo tàng, có các đài kỷ niệm, và các Bộ của Chánh Phủ. Ông Pike là một chuyên viên trầm lặng, nên luôn luôn từ chối không muốn dính líu về tình cảm đến chuyện Việt Nam . Ngay như lúc ông còn làm việc ở Tòa Đại sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn cũng vậy. Trong trận tấn công của Việt Cộng hồi Tết Mậu Thân – lúc nước Việt Nam đang trong cảnh máu lửa- bạn bè khách khứa của ông Pike lấy làm ngạc nhiên khi thấy ông bình tĩnh xếp loại các con tem trong bộ sưu tầm của ông và nói rằng : ” Phải biết chờ.. rồi mọi việc cũng sẽ qua đi...” Cùng tản bộ với ông, có ông Sam Burger, một cựu nhân viên của sứ quán Mỹ ở

Sài Gòn. Hai người vừa mới tham gia một hội đồng giám khảo của trường đại học. Một đại tá đã trình luận án tiến sĩ : “Không có Hoa Kỳ quân dân Miền Nam có giữ được đất nước mình hay không ?” Ông đại tá này có vẻ lạc quan. Hai vị giám khảo thì không quá lạc quan như vậy. Trên đường về Bộ Ngoại Giao, ông Sam Burger nói nhỏ với ông Pike :

– ” *Xem chừng như hết rồi phải không ?*

Hơi trầm ngâm, ông Pike đi được 10 bước mới trả lời :

– ” *Đúng vậy, Hết rồi !*

Ông Pike chưa cần phải suy nghĩ là đã tin chắc như vậy rồi ! Ông lại nghĩ miên man : Tôi lại kể chuyện gì nữa đây ? ông không thể tự nói với mình là “Miền Nam Việt Nam có thể sống còn...”

Trong giới công chức ở đây, những người như hai ông Pike và Burger quá hiếm....

Chung quanh ông Kissinger, người ta đang bị Trung Đông ám ảnh.

“Không có gì nguy hiểm bằng tình hình ở Trung Đông”

Ông Kissinger xác nhận như vậy. Ông ta muốn đạt được một Thỏa Ước về sa mạc Sianai. Tổng Thống Sadate của Ả Rập dường như dễ dãi hơn Thủ Tướng Do Thái Rabin. Ông này chỉ có một đa số mong manh ở Quốc Hội nên không mạnh tay trong hành động. Còn ông Kissinger thì theo dõi những uẩn khúc chánh trị trong nội bộ của Do thái nhiều hơn là của Miền Nam Việt Nam . Ông ta đang chuẩn bị cho một chuyến đi 10 ngày qua Trung Đông vào tháng hai. Ông muốn đạt được một thỏa thuận với người Do Thái là họ phải lui về 50 cây số ở Sinai. Trong cuộc vận động này, qua các tài liệu ngoại giao hay qua nghiên cứu trên bản đồ, các công chức cao cấp đã tốn rất nhiều thì giờ cho đèo Mitla trong sa mạc Sinai hơn là đèo Ải Vân ở Đà Nẵng.

Ở Hoa Thạnh Đốn, có rất ít người có trách nhiệm hình dung được là Bắc Việt sắp sửa tiến quân hàng trăm cây số đến vùng Cao Nguyên. Toàn là những người làm việc ở văn phòng nên họ thiếu óc tưởng tượng.

Ở Bruxelles (Bỉ) ông Đại sứ Nguyễn phú Đức của Việt Nam Cộng Hòa đến thăm tướng Alexander Haig, Tổng Tư Lệnh lực lượng Đồng Minh Khố Bắc Đại Tây Dương. Ông Thiệu không thích Kissinger nhưng giữ kỷ niệm tốt với tướng Haig. Năm 1972, ở Nhà Trắng, dưới trào Tổng Thống Nixon, tướng Haig đã có thảo luận về Hiệp Định Paris với ông Thiệu . Ông Haig cũng có ép ông Thiệu ký vào Hiệp Định, nhưng rất là nhã nhặn và lịch sự. Giữa quân nhân với nhau, họ dễ thông cảm và hiểu nhau hơn. Tướng Haig hứa với ông Nguyễn phú Đức là ông sẽ đích thân can thiệp với Tổng Thống Gerald Ford.

Từ tướng Marshall đến tướng Eisenhower, người ta chưa từng chứng kiến một sự thăng cấp nhanh như trường hợp của tướng Haig. Chỉ trong vòng có bốn năm, từ cấp đại tá ông ta nhảy vọt lên cấp đại tướng bốn sao. Ở tuổi 50, ông giữ một nhiệm vụ đầy uy quyền ở Âu Châu. Ông sớm hiểu được là muốn thành công trong binh nghiệp thì cần phải có nhiều quan hệ tốt với giới chánh trị . Sỡ quan cấp tướng cần phải chứng tỏ mình có đầy đủ năng lực về chánh trị cũng như về chiến lược quân sự. Tướng Haig đã tốt nghiệp về khoa “bang giao quốc tế” ở Đại Học Hoa Thạnh Đốn . Ông đã từng chiến đấu ở Việt Nam, là Tổng Tư Lệnh của Khố Bắc Đại Tây Dương, qua vài phản ứng của các thủ đô Âu Châu tướng Haig biết rõ là người ta đang đánh giá về lòng tin của họ đối với Hoa Kỳ . Ông biết rằng Lịch Sử tạo anh hùng, và nhiều người như

Nixon, hay Kissinger cũng có thể tạo ra thời thế. Nhưng liệu ông Ford có cơ may nào nắm bắt được thời cơ hay không ?

Đến Hoa Thịnh Đốn, ông bàng hoàng thấy không khí chính trị có vẻ lộn xộn quá. Muốn đánh mạnh vào dư luận quần chúng, ông nghĩ có lẽ ông phải xin từ nhiệm. Người ta tiếp ông ở Nhà Trắng. Thông thường thì ông có tật hay dùng tiếng lóng, nói dài dòng, và thích dùng những danh từ trừu tượng bóng gió hơn là nói thẳng như người Anh, nhưng lần này quá cảm xúc, ông nói thẳng với ông Ford, rất là dạn dĩ và dễ hiểu :

– *Thưa Tổng Thống, ông phải cho tái oanh tạc, dù Quốc Hội có từ chối.*”

– *Ồ, Tôi không làm được việc đó đâu. Cả nước đã chán ghét chiến tranh lắm rồi ! Ông Ford nói.*

Tướng Haig lại nhấn mạnh là ông Ford cần phải gọi pháo đài bay B 52 đến đó ngay. Đúng theo nguyên tắc và cũng đúng theo quyền lợi của cá nhân ông ! Nếu không thì ông sẽ không được tái bầu lại đâu, tướng Haig xác nhận như vậy:

– *Ông phải chứng tỏ quyền lãnh đạo của mình ngay bây giờ đây, trước khi nó quá muộn.*

Ông Ford có vẻ quan tâm nhưng vẫn không bị lay chuyển. Các nhân viên thân cận như Ron Nessen và Donald Rumsfeld an ủi ông:

– *Ông Haig không nắm vững được tình hình thực tế ở Hoa Thịnh Đốn. Trong những ngày này, ông có phản ứng của một quân nhân chứ không phải của một chính trị gia.*

Và họ bồi thêm một phát súng ân huệ nữa:

– *” Dưới trào ông Nixon, tướng Haig thường có nhiều cuộc hành quân bí mật và làm mất hòa khí giữa Quốc Hội và Nhà Trắng. “*

Ông Ford phải giữ đúng vị trí của một Tổng Thống pháp định, để không còn ai nhớ đến các cuộc dội bom bí mật xuống Cam Bốt của ông Nixon.

Hơn nữa, theo ước tính của những công chức của Nhà Trắng, thì sẽ không có cuộc tấn công nào của Bắc Việt trước năm 1976.

Đúng là những người đang “ngủ đứng” !

Chương 7 Long Mạch

Ở Sài Gòn ngày 27 tháng giêng, ngày kỷ niệm 2 năm ký Hiệp Định Paris đã lặng lẽ qua đi, không có một ai nghĩ tới... .

Khoảng 100 Phật tử, trong số này có chừng 20 ni sư khát thực, có ý định biểu tình, xuất phát từ chùa Ấn Quang. Cảnh sát thẳng tay giải tán. Theo quan điểm bán chánh thức của hai Chánh Phủ Việt Mỹ thì người dân Sài Gòn coi chuyện mất tỉnh Phước Long cũng không phải là một thảm kịch.

Phạm xuân Ân, người cộng sự viên chính của tờ Time, người lúc nào cũng biết nhiều tin tức nhất đã nói là: – *“Hà Nội muốn có một cán cân lực lượng mới thuận lợi hơn trong việc thương nghị. (1)*

Ông ta phân tách như vậy với hai người bạn là Cao Giao và Vượng tại quán cà fé Givral. Ông ta cũng đã nói ngắn gọn như vậy với bà Trần thị Nga, thư ký hành chánh thuộc văn phòng của tờ Time. Bà này không bao giờ chú ý đến vấn đề chánh trị . Bà muốn có hòa bình để bà được về thăm lại Miền Bắc của thời thơ ấu, nơi mà bà đã chứng kiến và trải qua một thời kỳ đói khát kinh khủng nhất của lịch sử (thập niên 40), dưới thời Nhật thuộc, và nơi mà bà đã bị ép duyên với một tướng người Tàu Quốc dân đảng (bà đã có một người con với ông này). Sau đó ông tướng bị giết và bà đã chấp nối với người em rể. Bây giờ bà có 4 người con. Sau một thời gian làm việc cho Bộ Xã Hội, bà được chuyển luôn qua văn phòng của tờ Time.

Sài Gòn bây giờ không có nhiều nhà báo ngoại quốc như trước. Trưởng văn phòng của tờ Time hỏi bà Nga tại sao bà quá buồn như vậy ?

Bà Nga nói:

–” Cộng sản còn tiến tới nữa đó, “

Sau đó bà cũng không biết tại sao bà lại nói tiếp :

– Tôi nghĩ là tôi sẽ tự sát.

– Có lẽ bà nên tìm cách thu xếp khác, tốt hơn. Người chủ sự nói như vậy.

Đi chăng ?

Nhà văn Duyên Anh cũng là người di cư từ Miền Bắc như bà Nga, nhưng ông không thấy gì khó khăn hết. Là một nhà báo, có biệt danh là “nhà văn của bọn trẻ”, Duyên Anh đã xuất bản trên 50 quyển tiểu thuyết, thơ, văn... Ông đã để lại ở Miền Bắc cả cha mẹ và 5 người anh chị em. Mẹ ông đã tử nạn trong một vụ dội bom . Nhà văn này từ lâu đã gia nhập vào một đảng chống ông Diệm, chống Pháp và chống Hoa Kỳ, chống tòa thánh Vatican , và chống cả những người Việt Nam nào chạy theo người ngoại quốc.nữa. Mặc dầu vậy nhưng nhà văn này không thích và cũng không bao giờ thích chánh trị. Văn ông thường tả cảnh hỗn loạn, hay sự cô đơn của giới trẻ Việt Nam . Nếu không được thù lao bằng đô la như ông Ân của tờ Time thì người ta phải làm rất nhiều việc trong các tờ báo Việt Nam mới sống được . Nhà văn Duyên Anh thấy vừa lòng khi ông Nguyễn văn Hảo cho ông làm tổng biên tập của 3 tờ báo được phát hành ở Sài Gòn, Cần Thơ và Đà Nẵng, chuyên về kinh tế và giáo dục. Ông nói:

– ” Tôi nhận vì dù được thù lao nhưng những tờ báo này không chạy theo chánh quyền.”

Ông cũng viết cho tờ “Cách mạng xanh” một tạp chí nói về cải cách ruộng đất. Trong lãnh vực này ông Thiệu không đến đâu. Trong tháng ba này nhà văn Duyên Anh chuẩn bị cho một ngày gọi là ” người cày có ruộng”

Nhà sư Thiện Huệ, 23 tuổi, sống với một số nhà sư khác ở một ngôi chùa nằm về hướng Đông Bắc của Sài Gòn, cách sân bay chừng 10 phút lái xe. Qua báo chí ông được biết tin Bắc Việt đã chiếm tỉnh Phước Long . Hầu hết các nhà sư Phật Giáo không bao giờ bàn đến vấn đề chánh trị. Nhưng ngôi chùa Quan thế Âm cao 3 tầng của vị sư trẻ này đã có một thời nổi tiếng. Vào tháng 6 năm 1963, dưới trào Tổng Thống Ngô đình Diệm, để phản đối chủ trương bài Phật Giáo của chánh quyền, một vị sư đã tẩm xăng và tự thiêu ở đây. Bà Nhu, em dâu của ông Diệm đã cho là “ông Sư đã bị quay”. Còn bây giờ ngôi chùa nổi tiếng nhất mà các nhà báo và chánh trị gia thường lui tới là chùa Ấn Quang. Ở đây, Thượng Tọa Thích Trí Quang đang say đắm trong vấn đề chánh trị .

Kỹ sư Văn nghĩ rằng thua một trận không phải là một chuyện quan trọng. Ông đã gặp những người dân lánh nạn, những quân nhân đã từ Phước Long chạy về. Tất cả từ binh sĩ, hạ sĩ quan và cả sĩ quan đều nói rằng họ thiếu súng đạn để có thể tái chiếm Phước Long. Nhiều người còn khẳng định rằng họ không có phương tiện hữu hiệu để chống lại các xe tăng của Bắc Việt . Ông kỹ sư này chỉ tin có phân nửa thôi . Trong thời gian du học ở Paris, ông kỹ sư công chánh này đã có gặp ông Nguyễn Khắc Viện, một người cộng sản có trách nhiệm trong “Hội Việt kiều Yêu Nước” , ông này lo tuyển mộ cán bộ cho Bắc Việt. Lúc đó kỹ sư Văn đang còn mơ ước sự hình thành của một xã hội bình đẳng. Suýt tý nữa là ông đã đi về Hà Nội rồi ! Ông xem một cuốn phim tuyên truyền của Miền Bắc nói về phong trào “cải cách ruộng đất” với những tòa án nhân dân, với những cánh điền chủ bị chôn sống và bị chặt đầu bằng lưỡi cày. Hoảng hốt, kỹ sư Văn trở về Sài Gòn . Vào những năm của thập niên 50 việc lựa chọn Miền Nam hay Miền Bắc của người Việt Nam đôi khi rất hời hợt....

Là một công chức của Bộ Công Chánh, kỹ sư Văn hy vọng rằng đồng bào Việt Nam của ông sẽ đi theo thuyết trung dung của Đức Khổng Tử. Trung lập và Hòa giải là hiện thân của thuyết đứng giữa. Ông Văn là thành viên của Hội Ái Hữu cựu học sinh sinh viên các trường trung học Petrus Trương Vĩnh Ký, Marie Curie và Chasseloup-Laubat. Trong tổ chức này người ta ca tụng hai nhân vật trung lập: người thứ nhất là Trịnh Đình Thảo, Chủ tịch “Lực Lượng Liên Hiệp Quốc Dân Chủ Và Hòa Bình”, ông này đã chạy theo CPLTCHMN. Người thứ hai cũng trung lập là ông Minh Dương, đang ở Sài Gòn .

– Tại sao hai nhân vật trung lập, một người ở thành và một người ở ngoài bung lại không hợp tác với nhau ? ông Văn nói. Người ta phải biết vượt qua mọi sự chia rẽ về chánh kiến để cho các gia đình được đoàn tụ với nhau.

Trong các giới trung lưu, có nhiều người Miền Nam có thân nhân ở Miền Bắc và ngược lại. Chúng ta đều là người Việt Nam hết. Ngay như tướng Minh Dương cũng có một người em là Dương Văn Nhật, một sĩ quan quân nhu của Miền Bắc .(2) Có nhiều đường dây liên hệ vô hình như vậy ngay ở cấp cao. Ở Sài Gòn người ta nói là bà Tổng Thống Thiệu bao che cho con gái của một thành viên quan trọng trong CPLTCHMN và bà đã đưa cô gái này sang du học ở Hoa Kỳ với tiền riêng của chính bà. Phía người Mỹ cũng than phiền không ít. Có những cuộc dàn xếp ở địa phương giữa Việt Cộng và binh sĩ Miền Nam . Vậy tại sao bây giờ người ta không dàn xếp với nhau ở cấp cao ? Tất cả những chuyện này người Mỹ không thể nào hiểu nổi.

Mặc dầu cộng sản Bắc Việt đã tàn sát dân chúng Miền Nam ngoài Huế vào Tết Mậu Thân (1968) , nhưng kỹ sư Văn nghĩ là cộng sản cũng là một bộ phận, một thành phần của quốc gia. Và với danh nghĩa đó, chuyện người cộng sản điều hành đất nước cũng là một chuyện bình

thường thôi ! Họ cũng đã hy sinh nhiều rồi. Con đường đi đến “trung dung” hình như không tránh khỏi trên phương diện kinh tế, Miền Bắc rất cần có ruộng của Miền Nam và Miền Nam cũng cần có quặng mỏ của Miền Bắc !

Ông Tổng trưởng Giao Thông Công Chánh mở một phiên họp với các chủ sự phòng và giám đốc các công ty liên hệ như Hàng Không Việt Nam , Điện Nước, Chuyển Vận đường bộ đường sông và đường biển, để phân tách vấn đề Phước Long. Ông Tổng trưởng nói:

– ” *Đây là cộng sản muốn trắc nghiệm xem phản ứng của Hoa Kỳ có can thiệp hay không và xem chúng ta có tiếp tục chiến đấu hay không ?*

Ông Tổng trưởng đề cho các nhân viên của Bộ được tự do phát biểu sáng kiến của mình: theo đúng lương tri của mỗi người

Có nhiều phiên họp khắp nơi, chánh thức hoặc bán chánh thức trong các bộ, hay các công ty. Phiên họp ở Bộ Công Chánh kết thúc, các nhân viên ra về vui vẻ. Trong sự ồn ào người ta nghe được câu:

– “Người Mỹ đã đầu tư quá nhiều cho Miền Nam chúng ta rồi, nên đâu có dễ gì bỏ chúng ta được “

Hoặc :

– “Hoa Kỳ biết rõ là người Miền Bắc không đủ khả năng khai thác hạ tầng kiến trúc ở Miền Nam

Kỹ sư Văn không tin chắc như vậy.

Cũng như bà Nga, nhà văn Duyên Anh, và vị sư kia, cũng như tất cả những người dân Việt Nam ở Sài Gòn , kỹ sư Văn chuẩn bị ăn Tết, một thời điểm rất tốt để mọi người thử đoán xem vận mạng tương lai của mình ra sao. Năm Dần sắp hết, năm Mẹo sẽ đến. Dù là Tổng Thống hay nông dân, thương buôn hay binh sĩ, học trò hay tài xế tắc xi, thợ thầy hay giáo chức, dù được đào tạo ở Tây Phương hay chưa từng xuất ngoại, người Việt Nam nào cũng tin vào khoa học huyền bí với một thái độ hết sức nghiêm túc khiến cho người Âu Châu phải ngạc nhiên và người Mỹ phải rờn tóc gáy ! Bài bác cái gì siêu phàm hay phi lý ư ?, người Việt Nam sẽ trả lời ngay:

–” Các ông thì tin vào những lời tiên tri theo khoa học, còn chúng tôi thì tin ở định mệnh theo kiểu của chúng tôi. Muốn đoán được tương lai, chúng tôi có những phương pháp để giải đoán các điềm báo trước.”

Và như thế người ta đi “coi Thầy”. Ở Miền Nam cũng như ở Miền Bắc chánh quyền và báo chí cố đả phá tập tục này. Người ta đến một ông Thầy bói toán. Ông này dùng bốn đồng tiền và một cái bát, xem bao nhiêu sấp ngửa để đoán cho thân chủ. Người ta thường tìm đến các ông thầy mù. Các thầy tướng số thường là học giả nên đắt lắm. Các nhà nghiên cứu người Mỹ nghĩ rằng khoa tướng số xứng đáng hơn lòng thương người. Gương mặt của con người lộ rõ những nét có thể đọc được . Theo một số bác sĩ thì sự thay đổi sắc diện trên gương mặt là dấu hiệu báo trước cho biết trạng thái rối loạn tim mạch.

Ở Sài Gòn người ta vẫn tiếp tục đầu tư. Trước khi xây thêm phòng ốc cho một biệt thự hay muốn cất lại một căn nhà, dù là nhà lá, người ta phải biết rõ việc xây cất đó có cắt đứt “long

mạch” nằm ngay dưới lòng đất hay không . Thầy địa lý nào cũng bắt buộc phải làm như vậy. Người ta tin vào những lời chỉ bảo đúng nhất và cũng đắt tiền nhất từ các chiêm tinh gia. Tổng Thống Thiệu thường tin tưởng vào các chiêm tinh gia này. Nếu có một người Tây Phương nào hỏi ông tại sao vậy, tại sao một người Ki tô giáo lại phải đi hỏi ý những chiêm tinh gia ? thì ông Thiệu dấu kín sự không bằng lòng của ông bằng một nụ cười nắc nẻ :

– ” Tôi không hỏi ý kiến các chiêm tinh gia mà tôi thỉnh ý các thầy tử vi. Tử vi là một khoa rất chính xác , nhưng không phải tất cả các Thầy Tử vi đều là thầy giỏi.

Năm 1974, ông Thiệu hỏi một chiêm tinh gia:

– ” Nếu tôi từ nhiệm thì ai sẽ thay thế tôi ? Đừng quên ông Minh Dương nghe !

Sau một hồi suy nghĩ kỹ, ông thầy trả lời :

– Nếu ông từ nhiệm thì không có ai thay thế ông cả.

– Như vậy là cộng sản sẽ thay thế tôi !

Các tướng lãnh cũng vậy, họ cũng hỏi ý các Thầy chiêm tinh trước khi hành quân, một điều mà các cố vấn Hoa Kỳ không mấy thích. Các sĩ quan Bắc Việt thì không làm như vậy nhưng CPLTCHMN thì không ngần ngại sử dụng các ông thầy bói để đánh lạc hướng dư luận ở Việt Nam hay ở ngoại quốc.

Tôn Tử có nói: “Những gì mà người ta gọi là tiên đoán thì không một trời thần nào có thể biết trước được hết. Cũng không thể suy luận hay dự đoán bằng những sự việc đã qua được Mà phải do những người nào biết và nắm chắc được tình hình của kẻ địch.”

Mỗi năm Thầy Huỳnh Liên đều có xuất bản và bán được trên 5000 quyển Tử Vi, và người ta có thể tìm thấy các quyển tử vi này tận ở Paris.

Huỳnh Liên là một thầy Tử Vi giỏi, đoán được số mệnh của quốc gia và của từng cá nhân mỗi người. Ông đã tiên đoán tương lai của nước Việt Nam. Năm nay là năm mẹo (1975), là một năm mà ông Thiệu sẽ gặp nhiều khó khăn. Vì ông Thiệu tuổi Tý. Bất cứ người nào dù dốt đến đâu cũng biết là chuột với mèo không phải là bạn của nhau (mèo là khắc tinh của chuột). Những người tuổi Tý thì hợp với người tuổi Ngọ. Ai cũng hiểu đó là tuổi của bà Thiệu. Để tránh bớt chuyện không may thì vẫn phải làm việc thiện, và nếu được thì người ta vào chùa tu phước. Ông Huỳnh Liên thấy trước là năm 1975 sẽ có nhiều chuyện xung đột nhau như nước với lửa vậy.

Các cơ quan hành chánh hình như đang ngái ngủ vì thủ đô quá yên tĩnh.

Ngày 1 tháng 2, ông Giám đốc Bưu Điện loan báo là ông đã có những đường dây điện thoại liên lạc được với Cộng Hòa Nam Phi, với Botswana, với Lesotho, với Rhodesia qua ngã Paris. Uy tín bắt buộc ! và trong vài ngày nữa đây, người ta sẽ liên lạc với Pretoria còn dễ dàng hơn với Paris nữa.

Du khách tản bộ dạo chơi khắp thủ đô, và người ta tin chắc rằng năm tới đây con số khách du lịch còn nhiều hơn nữa. Tờ báo anh ngữ “Sai Gon Post” một nhật báo đã có nhiều độc giả hơn nhật báo tiếng Pháp Le Courier d’Extrême Orient trong những năm gần đây đã loan một bản tin sau đây vào ngày 2/2 : ” Một trai người Đức, 27 tuổi, muốn kết bạn với một bạn gái Việt

Nam, có thể đi đến hôn nhân. Có ảnh gửi tới được càng tốt. Sẽ trở lại Sài Gòn trong những năm tới, 1976

” Ông Hartensuen, 7000 Stuggart, Wannenstrasse 88, Allemagne ”

Ban điều hành Thảo cầm viên Sài Gòn rất hãnh diện ghi nhận đã có “137.000 khách viếng thăm, trong số đó có 98.000 người lớn và 38.400 trẻ em”. Ở Việt Nam những con số thống kê liên quan đến người chết, bị thương, người tỵ nạn hay khách viếng thăm sở thú v.v.. thường không được chính xác lắm.

Tổng Thống Thiệu đang chuẩn bị một thông điệp cho người dân Việt Nam vào dịp Tết, đúng theo truyền thống. Năm nay ông nhấn mạnh 3 điểm :

1.- “Phải yểm trợ mặt trận quân sự, tới đờ”; Không biết có bao nhiêu mặt trận ở đất nước Việt Nam này ?

2. – “Phải tăng cường sản xuất”. Đối với điểm này thì hai Miền Nam Bắc Việt Nam gặp nhau, nhưng Miền Bắc có lẽ phải đôn đốc mạnh hơn Miền Nam

3. – và cuối cùng là “Hậu phương phải được ổn định”, ông mong có một sự đoàn kết và hợp tác mạnh hơn nữa trên mặt trận chánh trị .

Chánh Phủ cần phải giải quyết 3 cuộc khủng hoảng về chánh trị nội bộ.

– Những người Hòa Hảo ở phía Nam Sài Gòn . Giáo phái này theo triết lý Phật Giáo. Họ có tổ chức một lực lượng bán quân sự với một đường lối chánh trị quốc gia chống cộng rõ ràng hơn lực lượng của giáo phái Cao Đài. Người Pháp, rồi người Mỹ cũng như Đệ Nhị Cộng Hòa đều sử dụng lực lượng này. Còn Việt Minh trước kia và bây giờ là Việt Cộng không làm ăn gì được hết trong vùng quê thuộc đồng bằng phì nhiêu của Miền Tây, có quân dân cán chánh gốc Hòa Hảo tham gia kiểm soát. Với gần 2 triệu tín đồ và trên 50.000 được võ trang, họ thực sự là một lực lượng đáng kể. Có lúc họ thỉnh cầu Chánh Phủ nên cử những người của họ vào các chức vụ tỉnh trưởng và quận trưởng. Nhưng ông Thiệu không muốn nói lỏng quyền uy của Chánh Phủ : Các tỉnh trưởng và quận trưởng phải là những quân nhân do ông chọn lựa. Với những người này Chánh Phủ sẽ giữ được quyền lực và kiểm soát chặt chẽ quân đội cũng như dân chúng hơn.

Các đại diện Hòa Hảo được mời đến Dinh Độc Lập để thương nghị. Ông Lương trọng Tường, đại diện cho Tổ Đình yêu cầu ông Thiệu xét lại các thỉnh cầu của lực lượng Phật Giáo Hòa Hảo mà lúc nào ông cũng bảo đảm là vẫn trung thành với Chánh Phủ . Cuối cùng rồi thì đâu cũng vào đó, người ta xoa dịu các đại diện bằng một vài hứa hẹn nhưng chỉ khi nào thanh bình được vắng hồi (3)

– Ngay tại Sài Gòn ông Thiệu phải đối đầu với nhóm đối lập không cộng sản . Nhóm này tuy có ồn ào nhưng không được bao nhiêu người, gồm có Phật giáo và cả Kitô Giáo nữa.. Tuy ông Thiệu là người mới trở lại Ki tô giáo, nhưng ông không trông đợi hay nhờ vả gì người công giáo cả. Sau Hiệp ước Genève năm 1954, có nhiều làng công giáo cùng với Cha xứ đã bỏ Miền Bắc di cư vào Miền Nam, những người công giáo này rất tốt. Nhưng trong số những người công giáo ở Miền Nam trong thời gian gần đây có những thành phần gọi là “cấp tiến” lại không có tinh thần vững chắc. Ông Thiệu tin rằng giáo hội Ki tô đã bị nhiễm độc đến tận Vatican rồi. Đức Giáo Hoàng Joan XXIII đã cứng rắn đối với cộng sản . Nhưng khi ông Thiệu được tiếp kiến ở La Mã, thì Đức Thánh Cha Phao Lồ đệ Lục lại khuyên ông nên tìm cách dàn xếp với

cộng sản Việt Nam . Ông Phao Lô đệ Lục cũng đã tiếp bà Nguyễn thị Bình, Bộ trưởng ngoại giao của cái gọi là CPLTCHMN. Cho nên ông Thiệu cũng nghi ngờ luôn những người công giáo.

Linh mục Trần hữu Thanh thuộc dòng Chúa Cứu Thế, một người nhỏ con nhưng hơi nóng tính đã cao hứng thành lập “Phong Trào Dân Chúng Chống Tham Nhũng” đã chĩa ngọn lửa đấu tranh vào cá nhân Tổng Thông Thiệu. Ông phân phối những lời kêu gọi của Phong Trào cho văn phòng báo chí trong nước và cho cả nhà báo ngoại quốc. Vị linh mục này tố cáo ông Thiệu ngày hôm qua thì gian lận trong cuộc bầu cử để nắm chánh quyền và ngày hôm nay thì khuyến khích tham nhũng. Theo linh mục Thanh thì ông Thiệu là một người được sanh ra trong chiến tranh và ông ta muốn kéo dài cuộc chiến này. Có nhiều nhân sĩ ở Sài Gòn tham gia vào Phong Trào Chống Tham Nhũng này, như Nghị sĩ Trương tiến Đạt, và những người công giáo khác như linh mục Thanh Lãng, Chủ tịch Hội Văn Bút, chủ tịch Hội Đồng Báo Chí, và Hội các nhà báo Việt Nam, một người rất có uy tín trong giới trí thức

Linh mục Thanh của Dòng Chúa Cứu Thế viết văn rất dễ dàng nhưng rất độc ác. Ông viết và phát hành “Bản Cáo Trạng số 1” , không mập mờ, đánh thẳng vào trí tưởng tượng của người đọc, nhất là giới bình dân. Những lời công kích này lửa của ông có hơi lúng túng vì thiếu bằng chứng. Ông xác quyết rằng tài sản quan trọng của ông Thiệu gồm có bất động sản ở Việt Nam và ở ngoại quốc ; rằng ông Thiệu dính sâu vào đường dây buôn ma túy; rằng bệnh viện “Vi Dân” mà bà Thiệu là Giám đốc hành chánh đã trở thành một ổ mua quan bán tước; rằng gia đình của ông và bà Thiệu có hàng trăm “áp phe”. Ông anh rể của bà Thiệu giữ độc quyền nhập cảng phân bón, việc bán phân bón này có một lợi tức quá lớn. Rất thận trọng, ông Thiệu có phản ứng lại theo đường lối riêng của ông. Ông không lý gì tới tác giả của “Bản Cáo Trạng số 1”, không truy tố tác giả về tội phỉ báng, một tội danh có dự liệu trong Hình Luật của Việt Nam, mà Tổng Thống nhắm vào các tờ báo đã đăng bản cáo trạng này với tội danh: có hoạt động thân cộng.

Lại thêm một sai lầm chánh trị tai hại: ông Thiệu đổ tội luôn cho các nhân sĩ công giáo và chánh trị cũng như các nhà báo.

Như vậy chiến thuật và biện pháp của Chánh Phủ cần được giải thích: thì đây, ông Bộ trưởng Nội Vụ họp báo, có bộ trưởng Thông Tin, và Chỉ Huy Trưởng Cảnh Sát kiêm Trung ương Tinh Báo đồng tham dự, theo đúng cung cách của chánh phủ, vừa có uy quyền vừa đúng theo luật pháp. Ông Bộ trưởng Nội Vụ tuyên bố:

– ” 16 nhà báo và 2 tổng biên tập kiêm chủ báo bị bắt giữ. Những người này làm việc có lợi cho cộng sản. Họ hoạt động nhằm lật đổ Tổng Thống Thiệu. Chánh Phủ không thể xem họ là thành phần đối lập hợp pháp được .

Năm tờ báo bị đình bản. Một số tờ báo khác bị tịch thu vì Chủ bút của các báo này không chịu cắt bỏ những đoạn văn trong phần bình luận của họ có tính cách bôi lọ vị nguyên thủ quốc gia . Chánh phủ tung ra một cáo buộc không giải thích được : ” Các bài báo này tìm cách đầu độc dư luận quần chúng”. Trong cuộc họp báo ông Bộ trưởng đưa ra hai người “phạm tội” không được minh xác lắm : Tô minh Trung thì khai rằng anh ta “làm theo lệnh của Lê Duẩn” và Vũ trọng Lượng thì xác nhận là ” người ta cho lệnh anh khai thác tối đa những tin tức nào có hại cho Chánh Phủ ” .

Thành phần dự buổi họp báo hầu hết là nhà báo, ai cũng cười. người ta tưởng tượng sai về người lãnh đạo đảng cộng sản ở Hà Nội : làm gì có chuyện ông ta chuyển thẳng lệnh cho một nhà báo ở Sài Gòn được ? “Khai thác tối đa” là một nhóm chữ mơ hồ, và không thiếu gì những

tin tức xấu. Nói về trạng huống đó thì một nhà báo có ý thức nếu muốn chỉ trích Chánh Phủ thì đâu có cần lệnh lạc gì của ai đâu?

Linh mục Thanh Lãng đại diện cho Hội các ký giả, không sợ gì cả lên tiếng lớn hỏi ông Bộ Trưởng:

– ” Ông có nói là ông đã biết những hoạt động của các người này từ lâu rồi, vậy tại sao ông chờ cho đến giờ này ông mới cho bắt họ ?

Ông Bộ trưởng hơi lúng túng không trả lời đúng câu hỏi :

– ” Chúng tôi làm việc trong khuôn khổ của một Chánh Phủ Dân Chủ, Báo Chí phải được Tự Do, nhưng chúng tôi không chấp nhận những người công tác với cộng sản lợi dụng sự tự do đó để dùng báo chí như một phương tiện để tuyên truyền có lợi cho cộng sản . Những lời giải thích đầy tính nguyên tắc đó không đánh lừa ai được cả. Một đại diện của nhật báo Điện Tín bên vực ký giả Vũ trọng Lương, một nhân viên trong ban biên tập của mình:

– ” Ông Lương coi về tin tức văn hóa trong tờ báo của chúng tôi. Trước đó anh đã phụ trách mục “Thi Văn” trên đài phát thanh Sài Gòn. Nếu trước kia Chánh Phủ không biết anh ta đã cộng tác với cộng sản, thì bây giờ chúng tôi làm sao biết được chuyện đó ?

Thính giả bình luận ồn ào. Có người to tiếng hỏi:

– Ai đã bị bắt ?

– Đọc tên lên, đọc tên lên..

Ông Chỉ huy trưởng Cảnh Sát đọc một lô tên những nhà báo bị bắt, không nói họ là cộng sản thiệt hay là tình nghi cộng sản .

Ông Cao Giao , một trong “ba chàng ngự lâm pháo thủ” đưa ra câu hỏi :

– Còn anh Choé thì sao ?

Choé là một họa sĩ có tài. Ông ta được ghi nhận là mất tích. Những hí họa của anh ta có tánh cách chống cộng sản dữ dằn lắm mà đối với Chánh Phủ cũng không kém gì hơn. Anh ta đã có đề phòng trước nên không bị bắt. Ở Hà Nội thì cộng sản muốn bắt giam ai cũng được nhưng ở Sài Gòn thì chánh quyền phải làm việc cẩn thận hơn.

Sự việc này làm náo động cả thủ đô. Người ta họp nhau lại, rồi người ta đưa ra những kiến nghị trong tinh thần đoàn kết. Một phát ngôn viên của Phật Giáo tranh đấu Ấn Quang tuyên bố là : “chúng tôi sẵn sàng yểm trợ giới báo chí” . Có bốn tờ báo không dính líu vào vụ này đã có quyết định tự đình bản một ngày . Ba tờ báo có trợ cấp của Chánh Phủ thì đăng một bản thông cáo chánh thức không đặt thành vấn đề : “Các ký giả bị bắt giữ là cộng tác viên bí mật của cộng sản ”

Đến lượt Thượng viện cũng thấy nóng lên. Bốn mươi tám nghị sĩ thuộc nhóm đối lập không cộng sản ở Quốc Hội cáo giác sự tịch thu báo chí của chánh quyền viết đầy lên tường quy lỗi cho ông Thiệu đã dùng những phần tử thối nát. Lá thư của nhóm người này không chứa mũi dùi vào ai hết , ngoại trừ tướng Quang, cố vấn an ninh của Tổng Thống. Họ khéo cẩn thận không

nói gì tới vị nguyên thù quốc gia hết, không cáo buộc cá nhân ông ta. Để làm tăng vẻ quan trọng của vấn đề tất cả đều ký tên bằng máu.

Đại sứ Hoa Kỳ cho biết là việc bắt bớ các nhà báo đã gây một hậu quả không hay ở Hoa Thịnh Đốn . Chánh Phủ bèn lui một bước. Các vị Bộ trưởng giải thích là có một sự hiểu lầm. Hầu hết các nhà báo bị bắt giữ dĩ nhiên không thể nào và không phải là cộng sản. Chánh Phủ sẽ coi lại vấn đề và chắc chắn họ sẽ được trả tự do vì họ chỉ là “nạn nhân của sự đầu độc của cộng sản ”

Ông Minh Dương họp các bạn bè của ông lại. Đến lượt ông đại diện của lực lượng thứ ba lên tiếng:

– ” *Bắt giữ các tổng biên tập và những ký giả nhà báo, đóng cửa những tờ báo đang ủng hộ cuộc chiến đấu của chúng ta, đó là Chánh Phủ đã đùng vào chúng ta rồi đó. Một hành động ngạo mạn và coi thường quần chúng. Chánh phủ độc đoán này muốn bóp nghẹt tiếng nói của chúng ta. Chúng ta còn vui về gì nữa mà ăn Tết? Cuộc tranh đấu của chúng ta sẽ gặp khó khăn rồi. Thưa các bạn, tôi muốn nói tới sự hòa giải mà tôi đã từng tranh đấu lâu rồi, chỉ có sự hòa giải mới đem lại hòa bình mà thôi “ (4)*

Còn gì chính xác hơn nữa ! ông Minh Dương đã ám chỉ tới nhu cầu trao quyền hành lại cho những người “được sự hậu thuẫn của quần chúng”, cho những lực lượng chánh trị “của quần chúng”.

Giả bộ khiêm nhường ông Minh Dương không muốn đi tới nữa. Ông ta cũng thận trọng không nói tới thái độ độc đoán, và không tấn công đích danh ông Thiệu. Ông ta khôn ngoan lắm. Giữa hai người tướng lãnh hình như có một thỏa thuận ngầm với nhau. Mười hai năm trước cùng với mấy người khác, họ đã từng hợp tác với nhau trong cuộc lật đổ Tổng Thống Diệm. Đúng theo truyền thống thì ông Thiệu phải kính nể ông Minh Dương vì ông này vừa cao tuổi hơn vừa đã từng là cấp chỉ huy của ông. Vì quyền lợi, bắt buộc ông Thiệu phải có thái độ nể nang và ngó lơ cho ông Minh Dương vì có như thế thì coi như trên sân khấu chánh trị ông Thiệu chấp nhận có một đối thủ ít nhất cũng có sức mạnh bề ngoài, còn có bộ mặt đa nguyên đúng ý muốn của người Mỹ nữa. Bù lại ông Minh Dương cũng tiết chế những mối bất đồng hoặc có phát biểu thì cũng nhẹ nhàng kín đáo để tránh khỏi bị loại ra khỏi vòng chiến bằng một sự bắt bớ không hay.

Năm mươi chín tuổi, người cao lớn (do đó mới có biệt danh là Big Minh), tướng Dương Văn Minh có một vai trò lạ lùng lắm, một vai trò mà ông không thể tin được là của chính mình. Ngay những người thân cận với ông cũng thừa nhận là ông không có khiếu về chánh trị . Giống như Kác Mác đã từng nói là ở miền đồng bằng thì một ngọn đồi nhỏ cũng có vẻ như là một ngọn núi vậy. Lạ lùng lắm, vì lực lượng thứ ba nhìn nhận ông là đại diện của họ nhưng ông Minh Dương này chưa từng bao giờ tuyên bố như vậy. Gần như ông làm nấc thang cho người khác đi, những người có nhiều tham vọng và không được bình dân như ông. Vậy cái bản chất bình dân mà bạn bè ông thường nói đúng ra nó là cái gì ? . Ở Sài Gòn không có người nào và cũng không có cơ quan thăm dò dư luận . Ông Minh Dương luôn luôn rụt rè khi phải xuất hiện trong những cuộc bầu cử, mà thường ông không biết điều động. Còn số mệnh của ông ? có thể là số mạng của người thất bại trong danh dự. Là con của một giáo chức, ông chỉ mơ ước được làm một công chức và được biết Âu Châu. Ông không thể vào trường đại học Sorbonne (Pháp) được , cũng không thể vào trường võ bị Saint Maixent của Pháp. Vào đầu Thế chiến 2, ông nhập ngũ và trở thành quân nhân ở Việt Nam . Vừa mới thoát khỏi một trại tù binh Nhật bản, ông lại bị Việt Minh bắt . Sau đó ông được kết nạp làm giáo viên, phục vụ trong Đệ Tứ Cộng Hòa Pháp quốc.. Năm 1954, với cấp bậc trung tá, ông Minh đầy tình cảm này đã được lệnh

thanh toán thẳng tay lực lượng Bình Xuyên hung dữ. Được Tổng thống Diệm đỡ đầu, ông Minh được thăng cấp đại tướng bốn sao năm 1957, và sau đó lại tham gia vào nhóm quân nhân lật đổ ông Diệm vào năm 1963, có sự đồng ý của Hoa Kỳ. Ông Diệm bị hạ sát theo lệnh của tướng Minh Dương. Ông thành lập và trở thành chủ tịch Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng trong một thời gian ngắn, nguyên thủ quốc gia danh dự. Tướng Minh Dương lại là nạn nhân của một nhóm sĩ quan trẻ đảo chánh ông năm 1964 và ông được đưa qua sống lưu vong ở Bangkok (Thái Lan) từ đó.

Ông trở về Sài Gòn vào tháng 10 năm 1968. Khi thuộc cấp cũ của ông là tướng Thiệu lên làm Tổng Thống, ông này đề nghị ông làm cố vấn đặc biệt. Ông Minh từ chối đề nghị hấp dẫn này cũng như ông đã từ chối lãnh đạo một đảng của Phật Giáo. Sự trong sáng của tướng Minh mà nhiều người tán tụng ông về sự thanh liêm và khôn ngoan.. đôi khi trở thành vắn đục. Dinh ông ở số 3 đường Trần quý Cáp, rất khiêm nhường cho một đại tướng bốn sao. Nơi đây ông thường tiếp các chức sắc của chế độ, những nhà ngoại giao không tên tuổi, những bình luận gia nổi tiếng và những nhân viên mật vụ có xung danh hay không cũng vậy. Năm 1971 kết quả bầu cử của ông tại Sài Gòn cũng tốt lắm.

Đã từ lâu rồi, ông Minh Dương đã nói khéo lắm:

-" Chánh Phủ Sài Gòn và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam (sau này là CPLTCHMN) bên nào cũng đều có cái hay của họ. VNCH có lực lượng quân sự, cảnh sát v.v.. nhưng CPLTCHMN không có. Họ chỉ dựa vào nhân dân mà thôi."

Vậy nhân dân này là những ai ? và họ đang nghĩ gì ? Có thể nào tướng Minh Dương sẽ nổi danh hơn là bình dân ở khắp các đô thị ? và trước nhất là ở Sài Gòn ?

Năm 1971, người ta muốn là các cuộc bầu cử phải được tiến hành công khai, hay ít nhất cũng có vẻ như vậy. Tòa Đại sứ Hoa Kỳ đề nghị ông Minh Dương ra tranh cử đối đầu với ông Thiệu. Ông Minh lưỡng lự rồi từ chối. Chán nản, người Mỹ không còn chạy theo ông nữa. Lúc bấy giờ, nhân vật duy nhất giữ liên lạc với ông Minh là tướng hiện dịch hồi hưu Charles Timmes. Ông đã làm việc cho Trung Ương Tình Báo Hoa Kỳ đặc trách liên lạc với tất cả các tướng lãnh ở Miền Nam Việt Nam.

Đệ nhị cố vấn của Tòa Đại sứ Pháp, Pierre Brochand thường gặp tướng Minh Dương. Ông Minh tính hòa nhã thích nuôi cá, trồng lan và chơi quần vợt ở Câu lạc bộ thể thao Sài Gòn, nơi mà ông Brochand thường đến. Tướng Minh thường nói : "tôi không có tham vọng gì cả" và người ta tin như vậy. Rồi ông lập lại: "Đối với tôi, chánh trị trước hết là vấn đề luân lý". Luân lý của tôi là luân lý Khổng Mạnh. Và người ta ca tụng ông. Người Mỹ họ không thấy một chương trình hành động nào trong cái vắng thiếu luân lý Khổng Mạnh đó, họ nhận thức đó là một sự thiếu nghị lực. Nhiều người sau khi đến vấn đề tướng Minh Dương đều trở về với câu hỏi trong đầu, giống như Staline đối diện với tòa thánh Vatican vậy : lực lượng thứ ba có bao nhiêu sư đoàn ? Bản thân ông Minh cũng có câu hỏi tương tự. Ông tướng này đi dây giữa CPLTCHMN và Chánh Phủ Sài Gòn. Ông có mặt khắp nơi mà cũng không có mặt nơi nào hết. Ông thân nhiên giữ liên lạc tốt với Thủ tướng Khiêm, một ông tướng bốn sao như ông. Trong giới lãng xăng chạy theo tướng Minh, người ta thường thấy những tài tử nhưng cũng có nhiều người tài trí lỗi lạc.. Một trong những người cố vấn chánh trị của ông là ông Tôn thất Thiện, lại có những lời nói bất lợi cho ông Minh về khía cạnh chánh trị :

" Ông Minh là người Nam, là một Phật tử, ông được khắp Miền Nam Việt Nam ủng hộ, từ Huế đến Sài Gòn. Ông là một quân nhân liêm chính, uy tín không hề bị sứt mẻ trong quân đội, ông không có một cao vọng nào cả.."

Sao lạ vậy ?, Một người làm chánh trị mà lại không có một ước vọng hay một tham vọng nào hết ! được sao ?

Chung quanh ông Minh, có vài người chờ đợi ông ta phải có quyết định, hoặc mong có những tình huống bắt buộc ông ta phải nắm chánh quyền : ông Vũ văn Mẫu, tiến sĩ luật, đã từng là Tổng trưởng ngoại giao. Ông này chủ trương hòa bình hơn ai hết, bảo trợ cho “lực lượng hòa giải”, một phong trào, một chủ trương chớ không phải là một đảng. Một người nữa là ông Nguyễn văn Huyền, một tín đồ Ki tô giáo thuần thành hơn là một chánh trị gia, một người thần học hơn là một người có tinh thần thực tế, ông từ chức nghị sĩ Quốc Hội để phản đối đường lối chánh trị của ông Thiệu. Ông Huyền đã đánh bại một người của ông Thiệu trong Quốc Hội để lên đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Thượng Viện. Người ta thấy ít sợ nhưng kính nể ông Minh Dương và những người của ông ta. Qua phát biểu hay những bản tuyên bố, ông Minh đòi hỏi quyền hội họp và nhu cầu phải có những tổ chức chánh trị thật sự, của cả hai Bên. Ông Minh Dương không nuôi một ảo tưởng nào đối với chế độ Hà Nội, tuy nhiên ông nhân danh “hòa hợp hòa giải”, ông thường tránh không trực diện nói tới cộng sản Bắc Việt trong những phát biểu chánh thức của ông. Ông cũng không xem thường những chi tiết rất quan trọng của giới tiểu tư sản và tư sản ở Miền Nam. Ông đòi hỏi phải bãi bỏ chiếu khán xuất ngoại hay nhập cảnh cho mọi công dân Việt Nam . Trong cố gắng là “một người của tất cả mọi người “, ông không thành “một người nào” của ai hết ! Có thể ông ta đang tiến từng bước một để đợi thời cơ thuận tiện chăng ?

Trên lý thuyết thì Chánh Phủ VNCH và CPLTCHMN đang tiến hành thương lượng, đàm phán với nhau tại La Celle-Saint-Cloud (Pháp) về tương lai và thành phần của một Chánh Phủ ở Miền Nam , nhưng trên thực tế thì các phiên họp đã ngưng lâu rồi. Nếu ở đó hai Bên thỏa thuận về cái tên của ông Minh Dương, thì ông này sẽ có hành động gì ? Ông ta không khi nào dám trả lời một cách rõ ràng. Ông thì thâm một vài câu băng quơ như là “Tôi muốn phục vụ Tổ Quốc của tôi với sự yểm trợ của dân tộc tôi ..” . Người ta đồng ý chấp nhận điều này rồi, nhưng cho tới giờ này điều đó không thấy có gì thực tế hay hữu hiệu cả. Trong vụ tịch thu báo chí, ông Minh Dương đã cho là mình đã tích cực can dự vào, nhưng ông Thiệu không hề ghi nhận được điều gì hết.

Mặc dầu bị cấm nhưng đó đây người ta đã nghe tiếng pháo truyền thống nổ vang.... báo hiệu Sài Gòn cũng đã “ăn Tết”. Các Phật tử rập riều đi chùa, cố tìm một niềm vui vừa phải thôi ! Không một người Việt Nam nào mà không nghĩ tới ngày Tết năm Mậu Thân (1968). Lúc bấy giờ trái với truyền thống Việt Nam , không tôn trọng lệnh hưu chiến mà họ đã thỏa hiệp, cộng sản đã tiến hành một cuộc tấn công khắp Miền Nam Việt Nam. Cho nên cứ mỗi lần Tết đến là người ta tự hỏi : Liệu cộng sản có dờ lại cái trò đó nữa hay không ?

Chánh Phủ Việt Nam Cộng Hòa đã có tiên liệu nên đã không cho công chức nghỉ, và cấm quân nhân nghỉ phép dài hạn. Mỗi người chỉ có một ngày rưỡi phép thôi. Dè dặt hơn, Bộ trưởng Giáo Dục cho học sinh sinh viên nghỉ hai tuần để tránh các cuộc biểu tình ủng hộ các nhà báo.

Ngày 17 tháng hai, Chánh Phủ rút lại một số cáo buộc đối với báo chí. Ngày 18, một phiên tòa đã tha bổng các nhật báo từng bị tố cáo là vi phạm luật báo chí, mà ông Thiệu nghĩ là phải cần được tu chỉnh lại. Ngành Tư Pháp ở Miền Nam hoàn toàn không lệ thuộc vào Hành Pháp: Tòa án buộc Bộ Nội Vụ phải bồi thường 200.000 đồng thiệt hại cho nhật báo Sóng Thần.

Cuối cùng rồi người ta thấy Chánh Phủ giải quyết một cách êm đẹp cuộc khủng hoảng này. Cuộc xáo trộn lắng xuống ngay. Những phán quyết cuối cùng của Tòa án đã làm dịu ngay cảm tưởng của ủy ban đại diện Thượng Viện Hoa Kỳ , một điều mà cả ông Thiệu và các Bộ trưởng của ông đã trông chờ.

Một phái đoàn của Việt Nam Cộng Hòa đã đến Bộ Ngoại Giao và Quốc Hội Hoa Kỳ để giải thích lập trường của Miền Nam . Ông Kissinger đã rời khỏi Hoa Thịnh Đốn từ ngày 13 tháng hai, đi một vòng sang Ai Cập, Syrie, Do Thái, Arabie Saoudite, Cộng hòa Liên bang Đức, và cuối cùng sẽ đến Genève để gặp ông André Gromyko Ngoại trưởng Liên Xô. Chuyến đi này có thể giúp ích cho Chánh Phủ Việt Nam Cộng Hòa . Người ta nói tới một sự viện trợ của Arabie Saoudite cho Miền Nam vì Quốc Vương Faysât của quốc gia này ca tụng sự chiến đấu chống cộng sản của quân dân Miền Nam Việt Nam .

Tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn, phái đoàn Việt Nam Cộng Hòa do một nhà ngoại giao khôn ngoan và thận trọng là ông Trần văn Lắm, Chủ tịch Thượng Viện hướng dẫn, đã được Tổng Thống Gerald Ford tiếp kiến. Tổng Thống Ford nói :

– ” Tôi muốn tỏ lòng khâm phục của tôi đối với cuộc chiến đấu hào hùng của quý vị và đồng bào Miền Nam của quý vị, trong cuộc chiến để gìn giữ sự Tự Do của dân chúng Miền Nam ... Tôi tin chắc rằng quý vị đã biết được nỗ lực của cá nhân tôi để đạt được một sự viện trợ và một sự giúp đỡ hữu hiệu cho đất nước của quý vị. Tôi mong rằng cuối cùng rồi Chánh Phủ Miền Bắc cũng phải thấy được lòng kiên trì và quyết tâm của quân dân Miền Nam để họ chấp nhận thi hành đúng đắn Hiệp Định Paris. ”

Liệu ông Ford có tin vào những gì ông đã nói hay không ? Đặc phái viên của ông Thiệu và những người đồng viện của ông ta có cảm giác rằng phần đông những nhân vật mà họ đã gặp và nói chuyện ở Hoa Thịnh Đốn đều không còn muốn nghe đến hai chữ Việt Nam nữa. Những tiếng thở dài mệt mỏi và những hứa hẹn mơ hồ không thể nào đối gạt ai được hết....

Tại Câu lạc bộ Báo Chí quốc gia, ông Trần văn Lắm đã phát biểu :

– ” Đúng ra bài toán không phải ở vấn đề viện trợ bổ túc. Trong những năm trước , người ta phải chi 100.000 mỹ kim mỗi ngày lúc đang có gần 500.000 lính Mỹ hiện diện ở Việt Nam. Bây giờ Tổng Thống Ford chỉ xin có 300 triệu mỹ kim, một con số đâu có gì là thái quá đâu ?

Tại Hoa Thịnh Đốn ông Trần văn Lắm đã nhìn thấy quá rõ , người ta không ngừng nhắm vào tánh chất chuyên quyền của chế độ Việt Nam Cộng Hòa, một luận cứ mà những người phản chiến đang tạo ra và đang đẩy mạnh trên mặt trận truyền thông. Một số thành viên của phái đoàn Quốc Hội Hoa Kỳ sắp qua Sài Gòn , nhất là bà Bella Abzug, dân biểu của tiểu bang New York, đã nêu lên mối bận tâm của họ đến vấn đề tù chánh trị ở Miền Nam .

Ông Trần văn Lắm nói :

– ” Quốc gia chúng tôi thực tế được sanh ra từ trong chiến tranh. Cho nên nước Việt Nam không bao giờ có khả năng thực hành hoàn toàn Dân Chủ. Dù thể chế chúng tôi có một vài khuyết điểm, nhưng ít nhất điều này cũng giúp được chúng tôi nhiều khả năng để chuyển đổi..

Những lời nói của ông Lắm không ra ngoài tầm nhận xét của những người ủng hộ chế độ Miền Nam . Trong thâm tâm ông muốn nhấn mạnh rằng sự chuyên quyền hay độc tài của cánh hữu còn có thể chuyển đổi được , khác hẳn với sự độc tài ở cánh tả của cộng sản ở Miền Bắc .

Ông Lắm và các bạn đồng viện của ông rất là khó chịu. Trong sự chú tâm của Hoa Thịnh Đốn về Đông Nam Á , người ta chỉ nghĩ tới Cam Bốt mà thôi.

Ngày 13 tháng hai, phúc trình phân tách cập nhật của Cơ Quan Tình Báo Trung Ương nêu lên hai dự đoán là cộng sản có ý định “chiếm toàn bộ tỉnh Tây Ninh như họ đã chiếm tỉnh Phước Long tháng trước” và “Sài Gòn sẽ phải nỗ lực rất nhiều trong việc phòng thủ tỉnh Tây Ninh.”

Có rất nhiều chuyên viên trong guồng máy chánh quyền cũng như trong những cơ quan nghiên cứu tư ở Hoa Kỳ đã có nhiều dự đoán trong gần 20 năm qua. Các ông này xem chừng như rất thích thú khi họ muốn đem những dữ kiện khoa học ra xử dụng để tìm đáp số xuống thang cho cuộc chiến. Họ quên rằng không thể có vấn đề khoa học trong số lượng hành động của con người, nhất là trong chiến tranh. Đó chỉ là giấc mơ của khoa xã hội học và của tất cả khoa nhân loại học, thường không phải thuộc lãnh vực khoa học mà cũng không liên quan đến nhân loại. Nhưng từ trào của ông Robert Mc Namara ở Ngũ Giác Đài, thì ý muốn của mấy ông này trở thành bất biến!

Sự ám ảnh này đã được thấy rõ ràng trong một báo cáo của một nhà nghiên cứu tên là Warren Phillips, được trình lên trong một buổi gặp gỡ thường niên của “Hội Nghiên Cứu Quốc Tế” ở Hoa Thịnh Đốn từ ngày 18 đến 23 tháng hai. Bản báo cáo có tựa đề là “**ông Henry có thành công một mình được không? Ông Henry Kissinger có thể nào ép buộc Bắc Việt phải thương lượng hay không?**” Ông Phillips dựa trên thuyết của ông Markov và những tiến bộ kỹ thuật của ông ta. Ông Phillips cho rằng: “muốn thấy được hành động của một nước nào đó đối với một quốc gia khác, thì phải phóng chiếu tới tương lai xem nước đó đã có hành động nào trong cùng một lãnh vực trong quá khứ gần nhất.” Người ta giả dụ là những thay đổi và những triệu chứng phản ảnh hành động trong quá khứ có thể dùng để phỏng đoán được những bước hành động trong thời gian sắp tới. Đắm chìm trong cái lối nhìn cuộc chiến theo toán học, một lớp trí thức của Hoa Kỳ trong các bộ tham mưu hay trong các viện nghiên cứu tư nhân, say mê với các con số lũy thừa, các đường cong diễn biến (pa-ra-bol) lô-ga-rít của đại số học, để thiết lập đồ thị dẫn giải về lịch sử, về thuyết tương quan, đa dạng v.v....

Theo chiều hướng đó, ông Phillips xem xét lối cư xử và hành động của Miền Bắc trong những năm từ 1971 đến 1973, để thiết lập những phương trình khá lạ lùng: Hãy tưởng tượng một quốc gia “Q” nào đó, với những mẫu số đã có X (đầu vô), và những mẫu số Y (đầu ra) ...

“X—————Q—————Y”

Và ông Philipps chọn những con số để phân loại các phản ứng của Bắc Việt đối với Hoa Kỳ, Liên Xô, và Trung Cộng:

– 3 (trừ 3) = rất “*không thân thiện*”

– 2 (trừ 2) = “*không thân thiện*”

– 1 (trừ 1) = “*không thân thiện*” ít thôi

0 = trung lập (trung dung, không thân thiện, không chống đối)

+ 1 (cộng 1) = “*thân thiện*” ít thôi

+ 2 (cộng 2) = “*thân thiện*”

+ 3 (cộng 3) = rất “*thân thiện*”

Ông Philipps thiết lập một lô phương trình trên 31 trang giấy và sự nghiên cứu theo dõi của ông dẫn tới một kết luận quá vô vị : kết quả quan trọng của sự nghiên cứu này cho thấy phản ứng của Bắc Việt thay đổi từng thời kỳ, và ông nói một cách ngây thơ rằng “trong hiện tại, không hiểu tại sao Bắc Việt lại từ chiến lược này nhảy sang một chiến lược khác ? ” Tại sao một lúc nào đó họ đàm phán để rồi lại tiếp tục đánh nhau, và ngược lại? Do đó ông Philipps thú nhận là “chúng ta cần rất nhiều tin tức về các quyết định trong nội bộ đảng cộng sản Bắc Việt trước khi có thể quyết đoán được họ sẽ có hành động nào đối với quốc tế.””

Trong những năm gần đây đã có rất nhiều bản nghiên cứu loại này, nhưng bản nghiên cứu của ông Warren Philipps không được hai Bộ Ngoại Giao và Quốc Phòng Hoa Kỳ đề ý tới. Vì giống như một bức tranh biếm họa, bản nghiên cứu loại này chỉ đại diện cho một khuynh hướng của một số trí thức nào đó ở Hoa Kỳ đối với bài toán Việt Nam mà thôi.

Clausewitz đã có nói : ” Đây cho thấy tại sao các công trình nặng về lý thuyết và phê bình của chúng ta thay vì phải sáng sủa và giản dị, vì có như thế thì tác giả mới biết mình viết cái gì và độc giả mới biết mình đọc cái gì... thì có những danh từ kỹ thuật, tối nghĩa, trừu tượng làm cho người viết và người đọc phải xa cách nhau. Tệ hơn nữa đó lại chỉ là những chiếc thùng rỗng ! Ngay như tác giả cũng không nắm rõ thực nghĩa của các danh từ đó, và phải chấp nhận một trạng thái mập mờ mà ông ta cũng không hài lòng lắm khi phải dùng ngôn ngữ để nói lên những danh từ đó.

Người dân Hoa Kỳ có quan niệm lạc quan hơn là bi quan: Họ muốn rằng Lịch Sử, trong chiến tranh cũng như trong hòa bình đều phải hợp lý. Trong thập niên 70, Hoa Kỳ sống trong một giai đoạn mà kỹ thuật đang tiến vượt bậc gồm các sự phát triển có tính cách quyết định về tin học. Thì làm sao họ không có thể đánh gục được một quốc gia nhỏ bé chậm phát triển như Bắc Việt khi mà họ đã lên được cung Trăng ?

Các máy điện toán (vi tính) đã cho những kết quả rất thú vị khi được đối chiếu với những thông số thường, như thuyết “hấp lực” của ông Newton . Các loại máy này chắc cũng phải cung cấp được nhiều loại dữ kiện hơn nữa để hiểu được xã hội và các lãnh đạo chánh trị . Kỹ thuật và phương pháp tin học trong khoa nhân chủng học đã rất thịnh hành ở Phương Tây, nhất là ở Hoa Kỳ , nơi mà ngành tin học đã tiến triển vượt bậc. Đó đây có những người như Warren Philipps và những máy vi tính đã cho ra những kết quả vô nghĩa vì các dữ kiện hoàn toàn sai lạc hay quá đơn giản. Các máy điện toán không va chạm được với thực tế. Với một ông Philipps tự tin là nắm được thái độ và hành động của Bắc Việt xuyên qua thuyết của ông Markov, thì chiến tranh là một chuyện không thực tế, càng không thực tế hơn vì đối với một sử gia của thế kỷ 20 thì đó là là một cuộc chiến của thời Trung cổ.

Người ta không thể nào hiểu được người cộng sản Miền Bắc đã tính phải làm gì trong những năm 1963, 1965, 1968, 1972, 1973 . Người ta cũng không biết bây giờ họ sẽ có hành động thế nào trong tháng hai 1975. Với một trình độ hiểu biết tối thiểu về chánh trị, sau một thời gian tiếp xúc có thể nói là cạn cợt với Lenine, người ta phải biết và phải dự đoán được là Bắc Việt sẽ không bao giờ tôn trọng Hiệp Định Paris. Những nhà sưu tầm nghiên cứu Hoa Kỳ ở Trung Ương Tình Báo hay các chỗ khác đã có những tin tức chính xác, nhưng cũng giống như ông Philipps họ không thể nào nắm bắt được ý nghĩ trong đầu của Tổng bí thư Lê Duẩn ở Hà Nội hay của các tướng lãnh Bắc Việt. Một yếu tố căn bản là ý chí độc tôn, một sự tình nguyện cuồng dại có tăng mà không có giảm của lãnh đạo đảng ... những yếu tố này không thể đưa được vào một phương trình hay một máy vi tính nào được hết.

Ngày 23 tháng hai, ở phiên họp cuối cùng của Hội Nghiên Cứu Quốc Tế, ông James Schlesinger vẫn không loại trừ một sự can thiệp của Hoa Kỳ, nhưng khi được đài ABC phỏng vấn trên hệ thống truyền hình, ông tổng trưởng Quốc Phòng phải giữ sự dè dặt :

– ” Đó là một khả năng hành động còn xa lắm....

Ông ta cũng chỉ nghĩ đến Cam Bốt :

-” Chắc chắn là Cam Bốt sẽ rơi vào tay cộng sản, nếu Quốc Hội không chấp thuận một ngân khoản viện trợ quân sự bổ túc..”

Ngày hôm sau, Tổng Thống Ford viết cho ông Thiệu, để trả lời cho những bức thư mà ông Thiệu đã gửi cho ông ngày 24 và 25 tháng giêng, theo đó ông Thiệu muốn biết ý định của Hoa Kỳ sau khi cộng sản chiếm tỉnh Phước Long.

Ông Ford chỉ nói chung chung để cá nhân ông khỏi bị dính vào cam kết nào cả:

– “ Tôi chia sẻ nỗi ưu tư của ông. Tôi muốn đoán chắc với ông rằng Chánh Phủ của tôi tiếp tục nhấn mạnh để Hiệp Định Paris được thi hành đúng đắn ”

Nói chuyện thi hành Hiệp Định Paris sau khi Miền Nam bị cộng sản Bắc Việt chiếm cả một tỉnh, đã cho thấy một sự giả nhân giả nghĩa quá ngây ngô hoặc một sự ngu đốt không thực tế chút nào của Hoa Kỳ .

Ông Ford còn viết tiếp :

– ” Một lần nữa, quân dân Miền Nam đã chứng tỏ quyết tâm của họ trước các cuộc tấn công của Hà Nội . Mặc dầu thiếu thốn về đạn dược và bị tràn ngập cả ở tỉnh Phước Long và ở ngọn núi Bà Đen vì địch quân có một số lượng quá áp đảo về quân số, nhưng sự chiến đấu dũng cảm của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đã làm cho tôi rất khâm phục. “

Ông Ford nhìn nhận rằng bài toán chính yếu của quân dân Miền Nam là : thiếu thốn vũ khí và đạn dược. Núi Bà Đen, một ngọn núi nhỏ thuộc tỉnh Tây Ninh, nằm sát biên giới Cam Bốt đã bị cộng sản tấn chiếm, là một trạm tiếp vận truyền tin rất quan trọng. Bộ chỉ huy Bắc Việt hay nói đúng hơn là tướng Trần văn Trà đã tổ chức một cuộc tấn công dương Đông kích Tây đánh lạc hướng, nhằm làm cho người ta lầm tưởng rằng cộng sản Bắc Việt sẽ mở các cuộc tấn công quy mô vào vùng này .

Ông Ford còn giải thích thêm cho ông Thiệu để ông này phải tin chắc rằng là nếu cuộc chiến còn kéo dài, phần lỗi sẽ thuộc về phía Bắc Việt:

– “ Chúng tôi tiếp tục tin rằng việc thi hành Hiệp Định Paris qua việc đàm phán trực tiếp giữa hai Bên Việt Nam là phương cách nhanh nhất, thích hợp nhất và hữu hiệu nhất để chấm dứt cuộc đổ máu.... “

Lá thư cũng nhắc lại một cách mơ hồ :

– ” Chúng tôi sẽ làm hết sức của chúng tôi để cung cấp sự giúp đỡ tối cần thiết cho sự chiến đấu của quân dân Miền Nam cho tới khi đạt được nền hòa bình. ”

Nói gì thì nói, vẫn không có vấn đề gọi pháo đài bay B.52 hay chiến đấu oanh tạc cơ “Con Ma” (Phantom), dĩ nhiên là không thể có bộ binh ! Ông Ford chỉ có một cam kết duy nhất là “xin Quốc Hội ngân khoản”

Ông Thiệu đang ở trong một trận chiến mà ông không sao thấy được phần kết cuộc. Còn ông Ford nói về “hòa bình” như là một vật gì đó đang nằm ở góc đường, mặc dầu ông ta vẫn nói : con đường đi tới hòa bình không bao giờ dễ dàng đâu. Từ lâu rồi, con đường này ở Việt Nam rất là dài và rất là khó khăn. Biết là nó đã như thế từ lâu rồi ? Vậy trong tương lai con đường này có còn như thế hay không ?

Ngày 27 tháng hai; những người có trách nhiệm ở Nhà Trắng có trong tay một bản báo cáo phân tách tổng hợp của tất cả các cơ quan tình báo : “Bắc Việt sắp chuyển vào Nam một trong những sư đoàn trừ bị, đó là sư đoàn 341 E. “

Chú Thích của dịch giả:

(1) Câu nói của Phạm xuân Ẩn, một cán bộ cộng sản cao cấp nằm vùng, có chủ ý rõ ràng là: che dấu kế hoạch tổng tấn công của cộng sản Miền Bắc .Sau ngày 30/4/1975, Phạm xuân Ẩn lộ nguyên hình là Đại tá cộng sản đặc trách Tình Báo của Hà Nội, nằm vùng tại Miền Nam. Trước 30/4/75 không hiểu tại sao ông lại cho Mỹ bóc cả vợ con ông sang Mỹ, nhưng sau 30/4/75 cộng sản buộc vợ con ông phải về lại Việt Nam nên họ phải trở về qua ngã Đông Á, rồi Liên Xô để từ đó về lại Sài Gòn . Đến cuối thập niên 80, ông được Hà Nội tuyên dương công trạng và được vinh thăng Thiếu tướng, hiện vẫn phục vụ trong ngành Tình Báo quốc nội, cho đến ngày hôm nay. Sau 1975 hai người ký giả bạn trong “ba chàng ngự lâm pháo thủ” là Cao Giao và ông Vương mới biết được mặt thật của Phạm xuân Ẩn. Hai ông này đều đã qua đời.....

(2). (nguyên tác :Général Dương văn Nhật). Sau 30/4/1975 mới biết được ông này không phải cấp tướng mà chỉ là một trung tá Việt cộng tập kết ra Hà Nội năm 1954, không thuộc hàng ngũ của quân đội Bắc Việt, nhưng được cộng sản đưa trở về Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam và được cộng sản bố trí, cho kín đáo vào nằm phục ngay tại nhà ông anh ruột là tướng Minh Dương tại góc đường Trần quy Cáp Sài Gòn, như một sĩ quan liên lạc của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, qua Dương văn Nhật cộng sản đã hướng dẫn tướng Minh Dương cách thức “đoạt” lấy quyền hành từ tay ông Thiệu và ông Trần văn Hương. Chỉ với tư cách tổng tư lệnh ông mới ngăn cản mọi nỗ lực tiếp tục chiến đấu của QLVNCH (nhất là ở Vùng IV Chiến Thuật), ra lệnh cho quân đội buông súng, và tuyên bố đầu hàng, dâng Miền Nam cho giặc cộng!

(3) Phần nói về giáo phái Phật Giáo Hòa Hảo này dịch giả có bỏ bớt một đoạn nhỏ (2 câu). Vì hoặc tác giả không nắm vững vấn đề hoặc nghe theo luận điệu của nhóm nào đó nên đã viết không đúng sự thật. Phần lớn có lẽ tác giả dựa trên một số dữ kiện cũ, từ Đệ Nhất Cộng Hòa thời Tổng Thống Diệm. Những dữ kiện này đến thời Đệ nhị Cộng Hòa đều không còn giá trị nào nữa. Vì lực lượng Hòa Hảo đã hợp tác chặt chẽ với Chánh Phủ của ông Thiệu từ Lập Pháp đến Hành Pháp và trong lực lượng bán chánh quy trong công tác chống cộng mà không có một đòi hỏi nào cả cho đến ngày 30/4/75, Sau khi tiếp thu Miền Nam, bằng những cuộc hành quyết đã man cộng sản đã trút tất cả hận thù lên biết bao nhiêu là viên chức quân sự và hành chánh gốc Phật Giáo Hòa Hảo, kể cả dân biểu (cấp tổng, xã và ấp) như dùng búa đập đầu hay mã tấu chặt đầu sau khi đánh đập hành hạ dã man thay vì xử bắn.. thậm chí đến người đã chết rồi từ lâu cũng đào mả đem cá hòm ra giữa chợ để đầu tổ. Dân chúng các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long là nhân chứng sống cho thái độ tàn ác và dã man của cộng sản vì lực lượng này đã hợp tác quá tích cực với các cấp chánh quyền và QLVNCH trong công tác chống cộng, cũng như đã cung cấp một phần nhân lực bổ sung cho tất cả các đơn vị chánh quy và Bảo An của Miền Nam nói chung và Miền Tây nói riêng.

(4) Đúng là cộng sản đã mớm cho ông những danh từ “hoà giải”, “hòa hợp” từ lúc này rồi, có nghĩa là từ lúc ông sống “lưu vong” ở Bangkok (Thái Lan 1964-1969) vì từ trước 1963 làm gì ông biết nói chuyện “hòa hợp hòa giải” ?

Chương 8 Chiến dịch 275

Bắc Việt đã tiến hành được rất nhiều việc trong ba tuần lễ. Họ đã gọi tướng Văn tiến Dũng, Tổng tham mưu trưởng Quân Đội Nhân Dân vào Nam Bộ, với tư cách là Tổng Chỉ huy Chiến dịch.

Trong một xã hội khép kín và quân phiệt như Bắc Việt thì người ta có thể theo dõi hành tung của một sư đoàn, nhưng hành tung của một cá nhân thì không thể được. Tướng Dũng đã rời khỏi căn nhà số 33 đường Phạm Ngũ Lão ngày 5 tháng 2 lúc 10 giờ sáng để ra phi trường. Ông ta ghi nhận là các cây đào đã bắt đầu trở bông.

Ông ta đã kỹ lưỡng dàn cảnh chuyển đi vào Nam của ông cũng như của Sư đoàn:

– Ông đã ký trước những công hàm đề ở nhà chúng sẽ được gọi cho Mông Cổ, cho Đông Đức, cho Liên Xô, mừng ngày thành lập Quân Đội của các quốc gia này.

– Sau khi tướng Dũng rời khỏi Hà Nội thì báo chí ở đây phải đăng những tin tức liên quan đến hoạt động của ông như thanh tra, hội họp với sĩ quan các cấp...v.v....

– Mỗi ngày lúc 7 giờ sáng và 2 giờ chiều, chiếc xe Volga của ông phải chạy từ nhà đến Bộ Tổng Tham Mưu, rèm xe kéo kín. Và chiếc xe cũng phải trở về nhà lúc 12 giờ trưa và 5 giờ chiều. Ngoài ra người ta thường thấy tướng Dũng hay chơi bóng chuyền với bộ đội gác nhà ông, do đó mỗi buổi chiều các anh bộ đội cũng phải tiếp tục hoạt động thể thao này như thường lệ trong sân bóng của tư dinh.

– Hơn thế nữa, một ngày trước khi ông rời Hà Nội, người thư ký của tướng Dũng lên con sốt – thật hay giả không ai thấy được – và một xe cứu thương được gọi đến tận tư dinh đưa người bệnh đi.

Tướng Dũng bí mật bay vào Nam trên chiếc Antonov 24.

Người Mỹ không biết được sự có mặt của tướng Tổng Tham Mưu Trưởng Bắc Việt ở Miền Nam trước tháng 4/75. Toán tham mưu cùng đi với tướng Dũng có mã số là A.75, tướng Dũng lấy bí danh là Tuấn, tướng Giáp là Chiến. Trong hai người ai quan trọng nhất? Chiến hay là Tuấn?

Máy bay đáp xuống Đồng Hới, trên lãnh thổ Bắc Việt. Từ đây toán A.75 được đặt dưới sự điều động của các đơn vị chỉ huy thuộc “559”, Bộ Tư Lệnh đường mòn Hồ Chí Minh. Tướng Dũng và đoàn hộ tống đi xe tới Bến Hải, dùng ca nô máy vượt vĩ tuyến 17, làn ranh phi quân sự của hai Miền Nam Bắc. Sau đó đoàn A.75 dùng cả quân xa và xe vận tải thuộc Bộ Giao Thông Vận Tải để đi tiếp xuống Miền Nam.

Trên đường xuôi Nam, dù đôi lúc phải còn dùng con đường mòn, quang cảnh làm cho tướng Dũng thích thú khi nghĩ rằng không có gì khích lệ bằng nhìn thấy “bộ đội của mình di chuyển bằng phương tiện cơ giới”. Người dân Miền Bắc đã tiết kiệm được từ ngày này qua ngày khác, từ tháng này qua tháng khác, để dành tất cả cho chiến trường Miền Nam, và chờ một cơ hội lớn. Họ đã che giấu được tất cả những gì mà họ đã trữ trong 10 năm nay mà các cơ quan của Miền Nam của Hoa Kỳ, thậm chí đến Liên Xô và Trung Quốc cũng không thể biết được. Các sĩ quan Liên Xô và Trung Quốc không được tự do đi lại được ở Miền Bắc, dĩ nhiên không bao giờ vào trong Nam được. Nhữntg ước tính của họ không bao giờ chính xác được vì người cộng sản Việt Nam có kỹ thuật phân tán, mà họ gọi là “sơ tán”. Thường là họ để một tấn đạn được ở

đây, hai tấn ở chỗ kia, trong những thôn ấp và được che dấu và nghi trang cẩn thận. Họ cũng có những kho lớn mà chỉ có họ mới nhận ra được mà thôi. Nhưng đối với các đồng chí Liên Xô và Trung Cộng, cũng như đối với Hoa Kỳ và Miền Nam Việt Nam, họ có thể dấu kín hàng ngàn tấn đạn được bằng lối sơ tán này.

Khi tới Bộ Tư Lệnh 559, tướng Dũng nghỉ trong một nhà tranh và không thể nào chớp mắt được với quá nhiều câu hỏi trong đầu :

” Làm sao biến ý chí “giải phóng Miền Nam ” của Bộ Chánh Trị thành hành động ?, Làm thế nào để giật được chiến thắng ở vùng Cao Nguyên?... Làm sao chiếm được Ban mê Thuật ? Làm thế nào để cho Miền Nam Việt Nam phải sụp đổ trong một thời gian ngắn đây ?”

Tướng Dũng cũng nghĩ đến lẽ lối tác chiến độc đáo của bộ đội Bắc Việt trong hơn 30 năm qua: ” Đánh bất ngờ, đập thật mạnh vào trung tâm đầu não.... “

Tôn Tử có nói : “Địch phải không biết được tôi sẽ đánh chỗ nào. Vì như thế họ mới phải chuẩn bị đối phó ở nhiều nơi. Và khi mà họ phân tán lực lượng ra nhiều nơi như vậy thì chỗ tôi định đánh họ sẽ không có nhiều quân. Và khi mà họ đưa quân ra nhiều nơi tiền tuyến thì hậu cứ của họ sẽ yếu, còn nếu họ muốn giữ cho hậu cứ mạnh thì tiền tuyến của họ sẽ yếu đi. Nếu họ chuẩn bị đề phòng ở bên tả thì bên hữu của họ sẽ yếu, và ngược lại nếu họ lo phòng vệ bên hữu thì bên trái sẽ không có nhiều quân.... Mà khi họ muốn phòng thủ khắp mọi nơi thì chỗ nào họ cũng yếu “

Còn Clausewitz thì lại nói ngắn gọn hơn : ” Chúng ta nói “bất ngờ” là yếu tố căn bản của mọi hành động, không có ngoại lệ.”

Sự độc đáo trong tác chiến của bộ đội Bắc Việt không phải chỉ có yếu tố bất ngờ mà còn phải chuẩn bị cho sự bất ngờ đó trong nhiều năm chứ không phải chỉ trong nhiều tháng. Một trong những lợi khí không thể đo lường được của họ là thời gian, lợi khí khác là sự bền chí.

Là một nhà tiếp vận thận trọng, đi đến đâu tướng Dũng cũng phải biết chắc là các sư đoàn của ông ta có đủ xăng nhớt, có đủ quân xa, vũ khí và đạn dược cần thiết, ông ta cần phải nhìn rõ và muốn được nhìn rõ. Lúc bấy giờ ông ta không thể tin chắc vào khả năng hiện có của mình: “Có thể đập mạnh được hay không đây ? trong những điều kiện như thế này, ta có đủ khả năng hay không đây ?”

Để cho cuộc di chuyển của ông được dễ dàng, người ta có gắn thêm vào bảng số xe của ông bản hiệu “T.50”. Điều này có nghĩa là xe của ông ta được ưu tiên số 1, và xe của ông cũng dễ được nhận dạng. Ở một đoạn nào đó, có nhiều toán nhân công nữ tình nguyện hay được chỉ định. Họ đang sửa đường. Tướng Dũng ngừng xe lại. Một số nữ quân nhân nói với ông :

– Thủ trưởng ơi, Tết sắp đến rồi mà thư từ vẫn chưa đến !

Mỗi khi Tết đến là họ trao đổi quà cáp với nhau. Một thành viên của đoàn A.75 cho toán nữ quân nhân này một gói “kẹp tóc” . Ở một đoạn khác, đoàn xe của tướng Dũng gặp những xe trống, đi ngược chiều về hướng Bắc. Một người tài xế nói :

– ” Thủ trưởng ơi, gần ngàyTết rồi mà chúng tôi không có một điều thuốc ! Những người đi với tướng Dũng không thiếu thuốc lá, và ông ta đem ra phân phát cho nhóm tài xế này. Ở một chỗ khác đoàn xe bắt kịp sư đoàn 316, hoàn toàn cơ động. Sư đoàn có trên 500 quân xa và nhiều chiến xa, nhiều xe bọc sắt. Vốn khởi đầu cuộc chiến 30 năm về trước bằng loại súng trường bắn

từ phát một, tướng Dũng cảm thấy thỏa mãn lạ thường khi thấy các xe Zil.31 kéo những khẩu đại bác 122 và 130 ly, các xe tăng T.54 và những pháo đội hỏa tiễn SA 2. Tất cả sĩ quan thuộc sư đoàn 316 đều được lệnh tuyệt đối im lặng vô tuyến, Nếu không thì khó mà làm cho trên 10.000 người phải giữ im lặng, nhưng quân đội Miền Bắc có kỷ luật. Đối với một vị tư lệnh chiến trường, muốn đạt được sự bất ngờ thì cần phải có 2 điều: một là không để bị người ta dò tìm được lực lượng của mình ở đâu, và hai là cho người ta có cảm tưởng rằng lực lượng của mình hiện ở đâu đó xa lắm. Trong hiện tại các cuộc hành quân dự trù có một cái tên rất dân dị không văn hoa: chiến dịch 275.

Từ các đơn vị tác chiến hiện đang có mặt ở trong Nam cho đến báo chí ở Hà Nội, người ta không tiên đoán được chiến thắng. Các mục tuyên truyền chỉ nhắm vào “năm” làm mốc. Tờ báo của đảng là tờ Nhân Dân lập lại là *“năm 1975 là một năm đánh dấu những bước quan trọng của cách mạng Việt Nam: đảng chúng ta vừa tròn 45 tuổi, đất nước chúng ta 30 tuổi, và năm nay chúng ta tổ chức ngày sinh nhật thứ 85 của người đã sáng lập đảng và khai sinh nước Cộng Hòa Dân Chủ Việt Nam của chúng ta.”*

Người ta không thấy được hình của Hồ chí Minh ở tiền tuyến cũng như ở hậu phương. do đó làm cho người ta nghĩ rằng ở chỗ khác cũng không có. Nhưng người ta chỉ nghe thôi về sự tôn sùng cá nhân ở Mạc tư Khoa hay ở Bắc Kinh. Những câu châm ngôn và thơ phú của bác Hồ nhiều khi còn mạnh hơn là vấn đề tôn sùng cá nhân. Tất cả binh sĩ, hạ sĩ quan và sĩ quan đều nghe mãi một câu được nhắc đi nhắc lại cả ngàn lần: “Không có gì quý hơn Độc Lập Tự Do”. Hồ chí Minh được sanh vào tháng 5 dương lịch.

Tổng Thống Gerald Ford có một định kiến rất là Mỹ: nhất là cho các thành viên của Quốc Hội, ông tin rằng nếu người ta trình những sự kiện dưới một ánh sáng mới, các sự kiện đó có thể làm thay đổi dư luận và kể đó là thay đổi luôn số phiếu bầu. Ông Ford đặt tin tưởng vào phái đoàn các nghị sĩ và dân biểu quốc Hội đang đến Sài Gòn để có thể chuyển đổi tư tưởng của một số lớn dân cử trong Quốc Hội. Thư mời được ông Philip Habib, Phụ tá Tổng Trưởng Ngoại Giao đặc trách Đông Nam Á Châu gửi đi. Ông này dự trù một phái đoàn khoảng 20 vị. Thông thường thì các vị được người dân bầu lên ở Hoa Kỳ cũng như các nơi khác trên thế giới, đều thích đi chơi đó đây với ngân khoản của những người đóng thuế, nhưng sau nhiều vòng đàm phán tay ba giữa Bộ Ngoại Giao, Nhà Trắng và Quốc Hội, thì người ta chỉ chấp thuận một phái đoàn 10 người gồm: 1 nghị sĩ Dân Chủ ông Dewey Barlett, hướng dẫn phái đoàn, và các dân biểu gồm 1 chủ tịch, ông John Flynt và các thành viên Bella Abzug, William Chappel, Donald Fraser, John Murtagh, Samuel Stratton thuộc đảng Dân Chủ, và Millicent Fenwick, Jack Kemp, Paul McCloskey thuộc đảng Cộng Hòa. Đối với Nhà Trắng thì đây không phải là một thành phần lý tưởng. Vì trong số 9 vị dân biểu, đã có 4 vị thuộc đảng Dân Chủ đã cùng ký vào một cái văn bản với 78 vị khác để đòi hỏi phải giảm dân viện trợ cho Việt Nam.

Tại Sài Gòn, ở Dinh Độc Lập và Tòa Đại sứ Mỹ, người ta nhìn phái đoàn Quốc Hội Hoa Kỳ như là một cơ may cuối cùng cho 300 triệu mỹ kim mà Tổng Thống Ford đã đòi hỏi. Ông Philip Habib và đại sứ Martin không mấy ưa nhau. Ông Graham Martin không vui vẻ gì lắm khi được biết là ông Habib đi theo phái đoàn với Eric Von Marbod.

Ông Thiệu chuẩn bị đón rước và tiếp tân phái đoàn với tất cả sự lưu tâm và lo lắng. Ông đọc cẩn thận các phiếu tiểu sử của từng thành viên do Tòa Đại sứ Hoa Kỳ cung cấp. Bà Bella Abzug, dân biểu của tiểu bang Nữ Ước, là một người khó nuốt, rất nặng ký và thiên về “hòa bình”, bà Millicent Fenwick, một người to con mà hút một ống điếu quá nhỏ...

Hội đồng nội các nhóm để bàn về phương cách đối phó với phái đoàn. Thủ tướng Khiêm thì muốn tổ chức một chuyến đi thăm viếng xã ấp rất thiết thực. Nhưng ông Thiệu không chịu, và

quyết định là mình sẽ đáp ứng mọi đòi hỏi của các thành viên phái đoàn. Để đùa giỡn chơi, ông tiến cử luật sư Vương văn Bắc, Tổng trưởng ngoại giao, một người vui tính và bảnh trai hay theo sát và o bế bà Abzug, làm mọi người đều cười ầm lên.

Theo tinh thần của bức thư mà ông Ford vừa gửi tới cho ông, ông Thiệu vẫn còn nhận thấy sự cam kết của Hoa Kỳ. Ông không biết được là Tổng Thống Ford không đọc hết các bức thư của ông Nixon. Ông không nắm được câu chuyện Watergate ở Hoa Thịnh Đốn đã làm tổn thương quyền lực và sức mạnh của Tổng Thống Hoa Kỳ đến mức độ nào. Ông Thiệu không thấy được việc Quốc Hội muốn lấy lại một số quyền hạn của Nhà Trắng, liên quan đến lãnh vực chánh trị đối ngoại, ông cũng không biết là các cố vấn của ông Ford mong muốn tách rời Tổng Thống của họ ra khỏi bài toán Việt Nam. Vượt ra ngoài các sự kiện nêu trên của các giới chức Mỹ, ông Thiệu tiếp tục đặt niềm tin mù quáng quá dễ dàng: ông Ford là ông Nixon, người nào cũng như người nào, ai cũng đại diện và cam kết cho Hoa Kỳ.

Ông Thiệu không biết ông có cần trung ra những bức thư của ông Nixon và ông Ford hay không? Ở sứ quán Hoa Kỳ cuộc viếng thăm bắt đầu không được tốt đẹp lắm. Có vẻ không được trôi chảy. Có trên một chục vị phụ tá hộ tống phái đoàn. Ngoài chương trình do các phòng sở của ông Martin bố trí, các ông phụ tá trẻ này chạy lăng xăng khắp Sài Gòn lục soát lung tung. Một số người tìm gặp các nhân viên của sứ quán không lạc quan lắm về lãnh đạo. Có những người thuộc cơ quan CIA như Frank Snepp, từ lâu đã nghĩ rằng Hiệp Định Paris là một sự thất bại của Hoa Kỳ, một sự thất bại mà người ta che đậy không khéo. Hơn nữa, anh Snepp này không tin là Miền Nam Việt Nam thiếu súng đạn.

Đại sứ Martin có cảm tưởng là nhiều thành viên của phái đoàn đã có định kiến rồi, điều này đôi khi được chứng thực. Họ đã biết trước những gì mà họ đến tìm kiếm rồi, đặc biệt là bà Bella Abzug hung tợn này. Họ không có tính cởi mở. Ngay như những dân biểu điều hâu đều thấy ông Martin sắc bén nhưng kém thực tế. Đương nhiên các phòng sở của sứ quán phải có nhiều buổi thuyết trình cho phái đoàn, kể cả Đại Sứ và Phó Đại sứ cũng vậy. Có nhiều chuyện không hay thường xảy ra trong các buổi thuyết trình. Có một lần vào lúc bắt đầu buổi hội, bà Bella Abzug vừa xuất hiện vừa to tiếng vì muốn gặp trưởng cơ quan tình báo:

– ” Anh Polgar là anh nào ?

Ông Đại sứ bực mình khó chịu. Ông không thích người ta điếm danh thuộc cấp của ông như thế. Ông thừa biết là các phụ tá của cả ông nghị sĩ và mấy vị dân biểu muốn tìm gặp những người khác hơn là những người mà sứ quán đã dự trù. Ở văn phòng của Tùy viên Quân lực, phái đoàn đã gặp ông đại tá William le Gro. Ông này trao cho phái đoàn một tài liệu làm cho phái đoàn chú ý. Tài liệu này đánh giá về sự đe dọa của Bắc Việt. Tài liệu này vượt quá những sự dè dặt. Đó là điều 18: *“người ta chờ đợi một chiến dịch tổng tấn công trên toàn lãnh thổ Miền Nam trong những ngày sắp tới. Một số lớn “nguồn tin” (1) đã cho biết là các sư đoàn trừ bị chiến lược Bắc Việt sẽ được gửi vào Miền Nam”* Các vị dân cử hình như đã quen quá với những bản phân tích và đánh giá bi quan, nhất là của giới quân nhân. Họ đã quen thuộc với loại kỹ thuật này ở Hoa Kỳ quá rồi, mấy tuần trước khi bàn cãi về ngân khoản quốc phòng, vô tình người ta thấy trong báo một số bài đánh giá quá cao về mối đe dọa của Liên Xô. Người ta mãi đặt vấn đề tại sao mối đe dọa của Bắc Việt ở đây lại không giống như vậy? Mà người ta không nghĩ rằng nếu tình hình thật sự đúng như vậy thì có cần phải viện trợ cho Miền Nam hay không? Phúc trình của đại tá Le Gro nói rõ quan điểm của ông. Điều 46: *“Trong ngắn hạn, cộng sản Việt Nam chắc chắn sẽ đạt được nhiều chiến thắng khi họ chiếm giữ được một số quận hay thị xã, nhưng về lâu về dài sự tổn thất của Miền Bắc cũng có thể sẽ là một trở ngại cho họ...”*

Khi ra khỏi Sài Gòn vốn có không khí yên tĩnh, các nhà điều tra muốn tìm thú vui ở chiến trường, cũng không thể nắm được những nhận xét rõ ràng và chính xác hơn giới quân nhân đầu. Ông Paul McCloskey dân biểu California, một cựu sĩ quan hải quân, người vạm vỡ, đi ra ngay vùng chiến trường mà ông ta đã từng biết được ở Miền Trung. So sánh với tình hình mà ông ta đã từng được biết thì ông nghĩ là tình hình bây giờ có vẻ sáng sủa hơn. Điều này không ăn khớp chút nào với những dự đoán của một anh Frank Snepp.

Khi phải đánh giá về thế lực của ông Thiệu đối với xã hội Việt Nam thì phái đoàn không theo ông Martin hay Lehmann hay Polgar. Những người này xác nhận là ông Thiệu nắm vững mọi vấn đề. Bà Bella Abzug và Dewey Bartlett thì quan tâm đến các tù nhân chánh trị và sự việc bắt bớ các nhà báo. Họ đã được trả tự do hết chưa? Ông Martin thẳng thắn xác nhận là ở Miền Nam Việt Nam không bao giờ có tù chánh trị. Ông nói là ở Sài Gòn hệ thống Tư Pháp ít nhất cũng hữu hiệu không thua gì ở Nữ Ước. Người ta nói với ông Martin về những cái gọi là “chuồng cọp” trứ danh để nhốt tù ở Côn Sơn. Ông khẳng định rằng trong vùng khí hậu nhiệt đới, thì các phòng giam này rất sáng sủa và sạch mát hơn những buồng tối. Khi Sứ quán không đồng ý về con số 35.000 tù hình sự ở Miền Nam thì ông McCloskey trả lời rằng :

– “Hơn phân nửa số tù bị nhốt mà không có bản án. Như vậy thì phải coi như số này là tù chánh trị”(2)

Sứ quán Hoa Kỳ mở tiệc khoản đãi phái đoàn. Một số thành viên của phái đoàn tây chay không dự. Bà Bella Abzug lớn tiếng tung ra những chỉ trích mà báo chí ghi nhận:

– *“Chánh Phủ này là Chánh Phủ thối nát, Bà nói. Vì thế không còn ai muốn chiến đấu hết. Phải tính toán thế nào để loại trừ ông Thiệu đi.”*

Được một số nhà ngoại giao cấp trung gian khuyến khích, các thành viên của phái đoàn thố lộ với giới báo chí Hoa Kỳ :

– *” ông Martin quá nghiêng về ông Thiệu nên không thể đánh giá một cách khách quan không khí chánh trị ở đây.*

Hay là :

– *” Ông Đại sứ này là một thảm họa !”*

Bà Bella Abzug đi lại nhà bà Ngô Bá Thành (3), có nhiều phóng viên báo chí tháp tùng. Bà Thành là một thành viên đối lập không cộng sản thuộc lực lượng thứ ba. Cảnh sát không cho bà ra ngoài nhưng người ta có thể nói chuyện với bà trong nhà. Chánh phủ Sài Gòn đã có biện pháp phạt “trọng cấm” bà.

Một cách bất thần, không thông báo trước, bà Bella Abzug đến trụ sở của “Ủy Ban Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến”. Cảnh sát giữ an ninh tại đó không cho bà vào. Nhưng cuối cùng sau một vài rắc rối khác, rồi bà cũng gặp được hai sĩ quan thuộc phái đoàn Hung gia Lợi và Nam Dương. Nhưng hai sĩ quan này không có gì để phải “khai báo” với bà hết.

Biết được việc này ông Martin phát câu:

– *” Thật là bẽ mặt !*

Dai như đĩa, hai ông Bartlett và McCloskey được gặp một số nhà báo đã từng bị bắt. Cảnh sát trưởng Sài Gòn bám sát hai ông này. Ba nhà báo nhìn nhận rằng họ là Việt Cộng nằm vùng. Hai ông giận lắm, đòi phải cho hai ông gặp riêng những người này. Một người đã nói nhỏ rằng: "Họ đánh chúng tôi dữ lắm"

Phái đoàn có nhiều cuộc tiếp xúc với một số chánh trị gia. Linh mục Thanh, người tranh đấu chống tham nhũng tuyên bố :

– " Một phần ba tiền viện trợ mà quý vị chấp thuận sẽ bị ăn cắp. Quân Đội sẽ bị bán cho kẻ thù cộng sản. Ngân khoản sẽ được dùng để trả lương cho lính ma ! số binh sĩ chỉ có tên trên giấy tờ." (4)

Cuộc thăm viếng ở Thủ Tướng Phủ còn chán hơn nữa. Tướng Khiêm và Tổng trưởng ngoại giao của ông có mặt ở buổi tiếp xúc, đều cảm thấy bị đứng tim. Ở tư gia của ông Vũ văn Mẫu, Bella Abzug và Donald Fraser gặp những người phật tử thuộc nhóm chủ trương hòa hợp hòa giải với ba nghị sĩ và 5 dân biểu đối lập. Các phật tử nhấn mạnh:

- " Quý vị không nên bỏ phiếu chấp thuận viện trợ để họ xây cất nhà tù ! (4)

Bà Bella Abzug làm bầm :

- " Tôi chỉ bỏ phiếu cho viện trợ nhân đạo mà thôi." "

Thiếu tướng Không quân, cựu Thủ tướng Nguyễn cao Kỳ tiếp nghị sĩ Bartlett. Ông chỉ nói nhẹ nhàng:

– " Cho đến khi người ta tìm được một giải pháp đúng đắn, chúng tôi rất cần được có viện trợ của Hoa Kỳ "

Các ông Flynt, Chappel, Fraser và Fenwick đã tiếp xúc rất lâu với ông Trần quốc Bửu, Chủ tịch Tổng Liên Đoàn Lao Động Việt Nam, một loại Công đoàn như của ông André Bergeron chống cộng tới cùng từ năm 1945, khi mà Hà Nội đã đuổi, bắt, cầm tù và giết một số thành viên của liên đoàn. Ông xác nhận là Tổng Liên Đoàn của ông là tổ chức duy nhất có thể thực hiện một cuộc đình công ở Việt Nam . Đối với ông Trần quốc Bửu thì những người như Cha Lãng hay Vũ văn Mẫu không đại diện cho bao nhiêu người . Ông Thiệu phải tìm cách thử đưa họ vào guồng máy chánh trị , nếu không thì họ sẽ rơi ngay vào tay của cộng sản. Theo ông Bửu, tìm cách búng ông Thiệu đi, đó không phải là một giải pháp :

– " Sau khi chúng tôi loại được Tổng Thống Diệm thì chúng tôi đã phải chịu một loạt khủng hoảng chánh trị . Chúng tôi cần có một sự liên tục và một số thay đổi quan trọng về chánh trị nội bộ." "

Ông trao cho các thành viên này những bản văn được quây "rô nê ô". Đó là bản diễn văn mà ông đã đọc năm tháng trước trong đó ông vạch trần và tố cáo cái mà người ta gán cho là tham nhũng.

Ông cũng nghĩ rằng một số nhà báo bị bắt có dính líu đến cộng sản . Ông không chắc rằng họ đã có bị đánh đập. Ông thở dài và nói :

– " Tất cả các nơi trên toàn thế giới này, cảnh sát đâu có hiền đâu !

Về bà Ngô Bá Thành, ông Bửu tỏ vẻ giận dữ :

– ” Tôi biết bà này lâu rồi. Tôi đã từng yểm trợ bố của bà vào chức vụ Tổng Trưởng Lao Động từ năm 1954. Bà cũng giống như các phụ nữ khác, thích đi từ thái cực này đến thái cực khác.

Ông Bửu không phải là một ứng cử viên vào chức vụ Tổng Thống. Ông nói :

– ” Người Việt Nam chúng tôi ai cũng sớm chọn một hướng đi và một mục đích cho đời sống của mình. Chúng tôi phải giữ vững nó mới được . Khuynh hướng của tôi thiên về Nghiệp Đoàn chứ không thiên về chánh trị . “

Phái đoàn thực hiện một chuyến viếng thăm chớp nhoáng 12 tiếng đồng hồ thủ đô Phnom Penh. Tình hình đã bắt đầu tan rã ở thủ đô Cam Bốt này. Trong khi phái đoàn đang dùng cơm trưa, một hỏa tiễn rơi và phát nổ ở cách họ khoảng 800 thước. Ông Đại sứ Hoa Kỳ John Dean tỏ vẻ rất bi quan. Theo ông thì Thủ tướng Lon Nol sẽ từ chức “nếu người ta ước tính ông là một hàng rào ngăn cản con đường dẫn tới hòa bình” : Ông nói thêm rằng:

– ” Hoa Kỳ chúng ta không nên dính vào một cá nhân nào hết.”

Và cách Phnom Penh 200 cây số, ở Sài Gòn liệu Hoa Kỳ có dính với ông Thiệu hay không ?

Chiều ngày 1 tháng 3, ông Thiệu đãi cơm tối phái đoàn. Trong khi nâng ly chúc mừng phái đoàn, ông nhắc tới nhiều vị Tổng Thống Hoa Kỳ đã từng cam kết yểm trợ và giúp đỡ Việt Nam trong cuộc chiến chống cộng. Nhưng ông Thiệu không nói gì đến các bức thư của ông Nixon. Ông Thiệu nói thật chậm rãi:

– “ Sự long trọng cam kết đó đã được nhắc lại trong dịp ký kết Hiệp Định Paris,.. Liệu những lời cam kết đó của Hoa Kỳ có còn giá trị hay không ? Liệu chúng tôi có tin vào lời nói của Hoa Kỳ hay không ? Đó là thông điệp mà tôi rất vui mừng khi được thấy quý vị chuyển giùm đến Quốc Hội thứ 94 của Hoa Kỳ . ”

Ông Thiệu ghi nhận thái độ chống đối đương nhiên của bà Bella Abzug. Trong khi ông Thiệu nâng ly chúc mừng phái đoàn, bà ta giả bộ không nghe. Các câu chuyện trao đổi có vẻ ngưng ngưng, giữ kẽ với nhau, không được vui, trong một không khí khó thở. Nghị sĩ Bartlett cảm thấy có cảm tình với Việt Nam Cộng Hòa, nhưng ông cũng nói tới sự việc ông đã tiếp xúc với các nhà báo bị bắt. Có người cho ông Thiệu là quá vụng về, có người cho là ông quá cộc cằn.. khi ông gạt phắt nhận xét đó bằng một câu:

– ” Đương nhiên! những người cộng sản lúc nào cũng phải nói là họ bị tra tấn...

Do đó mà cả Sứ quán và Dinh Độc Lập, hình như không thể chuyển ” thông điệp” của ông Thiệu được

Cho tới năm 1973, một trong những lo âu của dư luận chánh trị ở Hoa Kỳ là số phận của các tù binh Mỹ ở Bắc Việt. Bây giờ thì họ đã được trở về Hoa Kỳ rồi nên dư luận đó lại nghĩ tới nhiều hơn cho số phận các binh sĩ, hạ sĩ quan và sĩ quan bị ghi nhận là mất tích trong chiến đấu, một đề tài mà các thành viên của phái đoàn đã có dự định là nói thẳng với đại diện của chánh quyền Miền Bắc và CPLTCHMN ở trong trại Davis , trong sân bay Tân sơn Nhất. Đối với một số đại diện này, điều tốt nhất là có thể dùng ngay báo chí của họ trong vùng chiếm đóng hay

trong quốc gia của họ để nói về số quân nhân mất tích này. Cứ hai năm Hoa Kỳ lại cử một người để thường xuyên thực hiện công tác quảng bá này.

Ngay lúc họ đến trại Davis, phái đoàn Hoa Kỳ có cảm tưởng rằng các phát ngôn viên của Hà Nội chuyển một cuộc bàn cãi có tính cách xây dựng thành một sự tuyên truyền quảng cáo cho khoảng 70 nhà báo, phóng viên, toán quay phim, và các chuyên viên về âm thanh có mặt hôm đó. Các sĩ quan cộng sản ngồi ở đầu bàn dài dưới bức tượng bán thân của Hồ chí Minh hình như tạc từ một khối mỡ heo bóng loáng. Một trung tá Bắc Việt phó trưởng đoàn Hà Nội lập tức chồm ngay ngồi lura. Ông ta thích đưa ra một câu trả lời chung chung hơn là trả lời tuần tự ngay vào các câu hỏi. Thế là có một sự tranh luận về thủ tục phải theo. Ông trung tá này đọc một bản văn dài dòng trong hai mươi phút:

- "Chánh Phủ Ford phải chịu trách nhiệm về sự đeo đuổi tiếp tục cuộc chiến, điều này làm cho không thể áp dụng được điều 8 B của Hiệp Định, liên quan đến những người mất tích."

Để cắt đứt những lời tổng quát rỗng tuếch này, nghị sĩ Bartlett đưa một tấm thẻ bài ghi tên họ của đại úy Clifford Fieszal, số quân 462-56-6781, phi công bị bắn rớt trên không phận Bắc Việt và được ghi nhận là mất tích ngày 30 tháng 9 năm 1968.

Nghị sĩ Bartlett muốn biết về số phận của vị đại úy này. Vì theo một quyết nghị của Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc thì Chánh Phủ Cộng Hòa Nhân Dân Việt Nam phải cung cấp những chi tiết chính xác.

Trung tá cộng sản từ chối, không trả lời.

- Tôi phải trả lời sao cho bà đại úy Fieszal đây ? Tôi sẽ có mặt ở Oklahoma trong 2 tuần nữa. Tôi phải nói gì với bà ta đây ? khi mà Chánh Phủ Hoa Kỳ chúng tôi phải cung cấp mỗi tuần một chuyến bay liên lạc giữa Sài Gòn và Hà Nội ? những sĩ quan trên chuyến bay đó có nhiệm vụ trước hết là thảo luận với chánh quyền Miền Bắc về công tác tìm kiếm liên quan đến những quân nhân mất tích." nghị sĩ Bartlett nói. Rồi ông nghị sĩ Hoa Kỳ chấm dứt bằng một câu kết luận của ông :

- " Ở Oklahoma chúng tôi , có một danh từ .đó là "hogwash" ! cốt để nói lên đặc tính của những nhận xét của ông.

Trong số các nhà báo có ông Cao Giao hỏi ông bạn Xuân Ân của ông ta hogwash nghĩa là gì . Xuân Ân dịch ngay :

- " Có nghĩa là "đồ bỏ", đồ bá láp không ra gì , đồ cặn bã để cho heo ăn !

Ông Bartlett nhìn người trung tá cộng sản kết luận:

- " Cũng tốt thôi ! sự im lặng của ông chứng tỏ là ông từ chối không trả lời cho tôi ."

Ông dân biểu Millicent Fenwick trở lại những từ ngữ trong bài diễn văn của trung tá cộng sản . Ông ta đã có nói là Chánh Phủ của ông sẵn sàng giải quyết mọi bài toán qua thương lượng. Bằng cách nào đây ? Trung tá cộng sản này trả lời cho các câu hỏi là :

- " Tôi sẽ chuyển các đòi hỏi của quý vị cho Chánh Phủ của chúng tôi "

Gay gắt và vô ích, cuộc thảo luận tiếp tục trong sự ồn ào gần như bất tận. Những cuộc cãi vã này đáng được thu hình lăm chấy, và người ta nghe tiếng máy quay phim chạy rào rào với vài chỉ thị của các nhà báo, và thỉnh thoảng những tiếng than phiền của ông Milicent Fenwick:

– ” Ông ta có trả lời câu hỏi của tôi đâu? ông ta không có trả lời câu hỏi của tôi !”

Ông Mc Closkey cố giải thích cho ông trung tá cộng sản này là có vài dân biểu trong Quốc Hội không muốn tiếp tục giúp cho Việt Nam Cộng Hòa. Nhưng nếu Chánh Phủ Miền Bắc cứ chống lại công tác tìm kiếm những người Mỹ mất tích, thì ngọn gió có thể đổi chiều thổi ngược lại .

Nhưng đây là một cuộc đối thoại giữa những người điếc, mặc dầu vậy ông Frasier cứ tuyên bố là cuộc nói chuyện này rất hữu ích.

Trung tá cộng sản vẫn giữ vững đường hướng tuyên truyền đến cùng:

– ” Quý vị phải trở về Mỹ để khuyến khích nhân dân và Quốc Hội Hoa Kỳ hãy bác bỏ đường lối chánh trị của ông Ford, tức là phải chấm dứt sự ủng hộ tập đoàn Nguyễn văn Thiệu. ”

Ông dân biểu Chappel, với một giọng nói thật chậm rãi và cương quyết tuyên bố:

– ” Cá nhân tôi, tôi đến Việt Nam với một tinh thần và một chủ đích là xem xét tận mắt “tình hình cụ thể” ở đây để lúc về tôi có thể bỏ phiếu “thật đúng đắn” cho bài toán quan trọng: đó là viện trợ cho Miền Nam Việt Nam . “

Để cho trung tá cộng sản này dễ hiểu, ông Chappel dùng ngay những danh từ cộng sản mà ông này đã dùng như ” tình hình cụ thể” , “thật đúng đắn” Và ông nói tiếp:

– ” Bây giờ khi đã gặp được các ông rồi, thì tôi đã đi tới được một vài kết luận.. Tôi tin rằng cộng sản các ông không bao giờ có ý định tôn trọng lệnh ngừng bắn... Các ông cũng không tôn trọng nghĩa vụ của các ông liên quan tới tin tức của những người bị mất tích. Các ông than phiền, các ông nói rằng ở đây người ta không tôn trọng quyền đặc miễn ngoại giao của các ông, Các ông nói là ở Sài Gòn này người ta cúp nước cúp điện của các ông, nhưng tôi thấy là các ông sống ở đây rất là thoải mái và đầy đủ tiện nghi. ”

Ông dân biểu đưa tay chỉ cây quạt máy trên trần nhà (đang chạy), chỉ các cây cối và sân cỏ chung quanh trại, rồi nói tiếp:

– ” tất cả những thứ này đều do hai Chánh Phủ Việt Nam Cộng Hòa và Hoa Kỳ đài thọ....

Khi tôi về đến Hoa Kỳ ... tôi có ý định sẽ bỏ phiếu chấp thuận 300 triệu mỹ kim viện trợ bổ túc cho Chánh Phủ Việt Nam Cộng Hòa. “

Nhưng các nhà báo Việt Nam đều lấy làm thích thú mà ghi nhận rằng người thông dịch cộng sản không có thông dịch lại câu nói sau cùng này của dân biểu Chappel.

Bà Bella Abzug muốn cho không khí bớt căng, buông ra một câu :

-” Sự trao trả 23 hài cốt của quân nhân Hoa Kỳ chết trong thời gian bị bắt ở Bắc Việt và sự việc mà trung tá Bao đã chấp nhận hỏi lại Chánh Phủ của ông về tin tức của đại úy Fieszal

cũng đã chứng tỏ được tinh thần khả dĩ có thể an ủi được nỗi đau của các gia đình có con em quân nhân bị coi là mất tích ở đây..”

Bà ước mong rằng Chánh Phủ Bắc Việt sẽ cung cấp thêm tin tức liên quan đến các quân nhân bị mất tích...

– ” Đó sẽ là một bước tiến lớn, Thiện chí tốt.. Bình thường hóa quan hệ....

Tất cả những gì mà cả Sứ Quán Hoa Kỳ và Dinh Độc Lập cho tới giờ này không thể đạt được đối với phái đoàn, thì giờ đây một cách không chủ tâm chỉ trong vòng một tiếng rưỡi đồng hồ họ đã đạt được với thái độ của một số dân biểu và vì thái độ của những người cộng sản. Các thành viên của phái đoàn Hoa Kỳ tỏ ra rất giận dữ.

Họ đi qua trại của CPLTCHMN, cách đó 50 thước.

Tướng Hoàng anh Tuấn, thuộc Ban Liên Hợp Quân Sự 2 Bên, ra tiếp phái đoàn. Thấy đã quá trễ như đã dự trù , ông hỏi phái đoàn:

” Chúng ta có nên họp trong một giờ hay không ?

Hai ông Barlett và Flint bàn với nhau:

– Có lẽ nửa giờ cũng quá đủ rồi.

Tướng Hoàng anh Tuấn sẽ đọc một bản văn. Đã nghe một lần bên kia cũng quá đủ rồi. Nghị sĩ Barlett ngắt lời ông Tuấn:

– Tại sao CPLTCHMN không chịu làm gì hết, đúng theo điều mà Hiệp Định Paris đã có ghi rõ, liên quan đến những người mất tích ? (điều 8 B trong Hiệp Định)

Nhưng tướng Tuấn vẫn cứ tiếp tục đọc:

– “Người Mỹ phải chịu trách nhiệm về sự không thi hành Hiệp Định Paris và về điều mà người ta không thể giải quyết được bài toán của những người mất tích”

Phái đoàn Mỹ đưa ra những câu hỏi thật chính xác. Nhưng cũng giống như đồng chí cộng sản Bắc Việt của ông lúc này, tướng Tuấn cũng chỉ nói chung chung. Ông Flynt muốn có thêm chi tiết liên quan đến 41 xác chết của người Mỹ không được trao trả cho Hoa Kỳ.

Tướng Tuấn nói:

– ” Sau khi ký Hiệp Định Paris, Hoa Kỳ vẫn tiếp tục theo đuổi cuộc chiến. Không thể thi hành Hiệp Định được Mỗi tuần đã có hàng ngàn người Việt Nam chết”

Ông Flynt ngắt lời:

– “Tôi không muốn nghe chuyện đó, Tôi muốn biết 41 xác chết đó bây giờ đang ở đâu ?”

Tướng Tuấn đáp:

– “*Không ai bắt buộc tôi phải trả lời cho câu hỏi này, và tôi tưởng rằng nhân dân Hoa Kỳ sẽ hiểu tại sao.*”

Nói xong ông ta nhìn đồng hồ

– “*Ba chục phút của chúng ta hình như đã hết rồi !*”

Vừa nói ông ta vừa đứng dậy và bỏ đi

Trên đường ra xe đi về, bà Millicent Fenwick tâm sự với các nhà báo rằng : ***bây giờ thì bà ta sẽ bỏ phiếu cho cả viện trợ nhân đạo và viện trợ quân sự nữa.***

Ngay sau đó đài phát thanh Hà Nội và đài phát thanh Giải Phóng đều lên tiếng là “*phái đoàn nghị sĩ và dân biểu Hoa Kỳ đã có những lời tuyên bố không đúng đắn và không xứng đáng với địa vị của họ.*”

Người ta ghi nhận là không có một sự giao tranh nào trong thời gian phái đoàn Quốc Hội Hoa Kỳ có mặt ở Việt Nam. Người ta không thấy có một cuộc hành quân nào trên cấp đại đội hay ít nhất cũng không có một cuộc chạm súng nào quan trọng hết.

Ngày chúa nhật 2 tháng 3, trước khi đáp phi cơ về Hoa Thạnh Đôn, nghị sĩ Barlett mở một cuộc họp báo tại phi trường. Theo ông : “*Muốn chấm dứt cuộc chiến, phái đoàn sẽ khuyến cáo Tổng Thống Ford nên thúc đẩy ông Kissinger tiếp tục thương lượng với Liên Xô ,Trung Cộng và Bắc Việt .*” Ông Nghị Sĩ Barlett có biết đâu rằng ông Tổng trưởng Ngoại Giao không có một chút hứng thú nào khi phải đàm phán với cộng sản trong tư thế yếu.

Khi phái đoàn sửa soạn lên phi cơ thì Đại sứ Martin chạy tới :

– Tôi có thể tháp tùng với quý vị về Hoa Thạnh Đôn hay không ?

Nghị sĩ và các vị dân biểu đã gặp ông Martin này quá nhiều trong những ngày gần đây rồi. Viễn cảnh có thêm vài giờ nữa với ông cũng không mấy ai thích thú nhưng làm sao từ chối cho được đây ?

Sau khi phái đoàn rời khỏi Sài Gòn, nhân vật số 2 của sứ quán Hoa Kỳ gọi một điện tín về cho Bộ Ngoại Giao, có đoạn kết luận như sau :

– ***Sứ quán nghĩ rằng ít nhất cũng có một số đông thành viên của phái đoàn đã được thấy một khía cạnh có ích lợi, tổng quát về sân khấu chính trị ở Việt Nam, dù chuyện đó rất là mới mẻ đối với họ.*** (ký tên Lehmann)

Đến Hoa Thạnh Đôn, ông Martin nhận thấy một không khí bất lợi khắp nơi, cho đến ngay cả các phòng sở trong Bộ Ngoại Giao. Bản phân tách tin tức sau cùng của Cơ Quan Tình Báo Trung Ương và của Bộ đều xác nhận rằng:

” Quân đội Bắc Việt ở phía Nam vùng phi quân sự, dù có mạnh hơn lúc nào hết, nhưng không có khả năng đánh bại quân lực VNCH một cách dứt khoát được.”

Chỗ nào cũng thấy có ý kiến tương tự:

“Quân Lực VNCH sẽ không dễ gì bị đánh bại trong mùa khô này”

Ông Martin ở nhà của cô con gái, đường 42, và bắt đầu đi vận động. Bộ Ngoại Giao cấp cho ông một chiếc xe, các nhân viên trẻ trong khối Đông Nam Á Sự Vụ đi lấy hẹn cho ông.

Ở Sài Gòn ông là nhân vật số 2 của thủ đô, sau ông Thiệu. Nhưng ở Hoa Thạnh Đốn thì ông chỉ là một ông Đại sứ như những người đại sứ khác thôi, không có tiền hô hậu ủng. Ngay ở Bộ, ông có cảm tưởng là những người công chức đều biết rằng *“đính vào vấn đề Việt Nam không có lợi cho việc thăng quan tiến chức được đâu.”* Ông Martin tự nhủ: *“chắc chắn là họ không muốn đưa đầu ra cho Jane Fonda tát đâu”*.

Ông Martin không muốn mất thì giờ để mà thuyết cho các vị dân biểu của đảng Công Hòa theo hướng đi của ông. Vậy mà ở đó ông cũng đụng phải những sự im lặng. Robert Gialmo, một dân biểu Công Hòa trong tiểu bang quan trọng nhất là tiểu bang Ngân Sách, hình như đang lưỡng lự:

Vậy có những ai sẽ là đồng minh của ông Martin đây? Trong hàng nghị sĩ thì có Barry Goldwater. Từ lâu rồi, ông Graham Martin không hy vọng thuyết phục được một trong những người bạn già của ông, Mike Mansfield, lãnh tụ khối đa số Dân Chủ ở Thượng Viện. Ông Martin thấy thật là cả một sự khó khăn để cho người ta nghe và hiểu được mình ! Và coi như ông hoạt động xuyên qua một bãi mìn ! Tất cả những người trẻ, cộng sự viên hay làm việc cho các nghị sĩ và dân biểu đều là những người chủ bại, chủ trương “hòa bình”, cho nên ông Martin nghĩ là mình đang bơi ngược dòng !

Ông biết là nhiều thành viên trong phái đoàn đã loan truyền những chỉ trích gay gắt về cá nhân ông như Donald Fraser đã nói công khai và thẳng thừng:

– *“Chừng nào mà Đại sứ Mỹ ở Sài Gòn vẫn còn đi với Chánh Phủ của ông Thiệu, chừng đó khó mà nhận thức được đâu là thực chất quyền lợi của Hoa Kỳ .”*

Ông Graham Henderson Martin vốn là một người có ý thức nghiêm trọng về nhân phẩm và những đặc quyền của mình nên ông cảm thấy mình bị lãng nhục ở Hoa Thạnh Đốn . Vào tháng 3 năm 1973 khi nhận nhiệm sở ở Sài Gòn, ông đến Việt Nam chậm hết mấy ngày vì muốn có được một chuyến bay chánh thức đưa ông thẳng đến thủ đô VNCH, Vì riêng chuyện đó thôi đã thừa nhận rằng ông Đại sứ Mỹ là đại diện của cá nhân ông Tổng Thống Hoa Kỳ .

Ông là một người cao lớn, 63 tuổi, tóc ngậm đen, có cái nhìn sắc bén, sức khỏe hơi kém, hút thuốc mỗi ngày phải đến vài gói, có dáng điệu của một người quý phái mà có một số người cho đó là kiêu căng, và một số người khác thì thấy đó là kiểu cách đứng đắn. Ông Martin gốc ở tiểu bang Bắc Carolina, thuộc một trong những gia đình lớn ở bờ biển Miền Đông Hoa Kỳ như họ tộc Cabot, họ tộc Lodge, Kennedy... Ông rất hãnh diện về người cha của mình, một ông mục sư, người đã từng dạy ông rằng : *“ Nói thật là một điều rất dễ và rất là hữu ích hơn là nói dối..”* Đứng trước các nghị sĩ và dân biểu, Đại sứ Martin sẵn sàng cho thấy lòng ngay thẳng chân thật của ông hơn là sự thông minh hiểu biết của cá nhân mình.

Ông không phải xuất thân từ những trường đại học danh tiếng như Harvard, Princeton, hoặc Yale, mà từ trường Wake Collège không có tiếng tăm gì hết. Ông nghĩ rằng môn Lịch Sử, La tinh, và Hy Lạp đã giúp ông có một *“ quan niệm rõ ràng về quá khứ”*

Lên Hoa Thạnh Đốn , ông là nhà báo trong một thời gian ngắn, chưa đủ lâu để hiểu rõ về nghề này nhưng cũng lâu vừa đủ để thấy *“không ưa”* được nghề này . Ở Sài Gòn ông chia giới truyền thông ra làm 2 nhóm. Một phần lớn trong số này (nhóm thứ nhất) là những người không thích nghi với đường lối chánh trị chánh thức của sứ quán. Số ít còn lại thuộc nhóm thứ hai.

Ông Martin khẳng định rằng một người làm báo có lương tâm thì không được làm hại gì đến quyền lợi của Hoa Kỳ. Nếu có cảm thấy một sự thật không thuận lợi cho mình thì cũng phải nín lặng mới đúng.

Ông Martin là hiện thân của những giao tiếp thường trực và đối nghịch lẫn nhau giữa một nhà báo và một nhà ngoại giao, và đôi khi giữa các thế hệ nữa. Ở Việt Nam cũng như ở các chỗ khác, những Đại Sứ có tuổi ít khi nào hòa hợp được với các phóng viên trẻ. Ngắn gọn hơn, ông tin rằng hầu hết các nhà báo ở Sài Gòn và Hoa Thạnh Đốn dù là dị đồng, họ vẫn “thiên về Hòa Bình của Hà Nội”, nếu không muốn nói là “chống Thiệu”. Giờ đây, ông Martin không có được bao nhiêu người là đồng minh trong giới báo chí. Trước kia thì có Cyrus Sultzberger, một nhân vật quan trọng của tờ New York times là bạn của ông. Bây giờ thì tờ Times đó lại quay ra chống phá sứ quán của ông, đó là điều mà ông Martin trung thực nghĩ như vậy. Ở Sài Gòn ông chấp nhận tiếp một nhà báo, ông George McArthur, phóng viên của tờ Los Angeles Times, bạn thân của một nữ nhân viên sứ quán. Ông Martin có thể chứng tỏ là mình cùng đứng về phía tự do báo chí để có dịp bênh vực cho giới truyền thông. Lúc ông James Markham đi vào khu Việt Cộng, ông Martin đã kịp gặp ông Thiệu để bênh vực cho phóng viên này, nếu không thì ông ta đã bị ông Nhã trực xuất rồi. Đến giờ này thì ông Martin không còn thấy hứng thú chút nào để mà bênh vực những người phóng viên “bắn thiu” loại đó nữa.

Ông đã cho lệnh dứt khoát: không lẫn tránh mà cũng không liên lạc dù là bán chánh thức với báo chí. Ở Sài Gòn thuộc cấp của ông đã phản bội ông trong lúc phái đoàn của Quốc Hội Hoa Kỳ viếng thăm Việt Nam và do đó giờ đây ở Hoa Thạnh Đốn sứ quán mới phải nhận lấy những hậu quả đó.

Ông Martin bước vô nghề vào thời ông Roosevelt, ông lo về An Sinh Xã Hội. Ông tự nhận mình thuộc đảng Dân Chủ. Vì trong thời chiến ông là Đại tá, một sĩ quan tình báo chuyên viên đặc trách về Đông Nam Á, thường hay lui tới với ông Alan Dulles, sáng lập viên của Cơ Quan Tình Báo Trung Ương (CIA), nên ông Martin tự hào rằng mình hiểu biết nhiều trong lãnh vực tranh tối tranh sáng của “tin tức” hơn hẳn một Polgar hay một Snepp. Tất cả những bản phúc trình không rõ ràng nói trên về dự tính của Bắc Việt đã làm cho ông bực mình. Nhưng cuối cùng về tình hình thì riêng ông cũng có một cái nhìn tổng hợp rồi.

Là một người có trách nhiệm về hành chánh của sứ quán Hoa Kỳ ở Paris từ năm 1947 đến 1955, ông biết rõ về những tay cộng sản Việt Nam này. Ông Martin theo dõi sát về ông Phạm văn Đồng ở Genève năm 1954. Nhất là ông đã thấy Chánh Phủ Pháp thương thuyết và nhượng bộ với Việt Minh. Ở Paris, ông đã có liên lạc chặt chẽ với những cơ quan tình báo đặc biệt. Nhờ sự liên lạc thân hữu với ông Roger Wybot mà ông Martin mới có được những tin tức mà CIA không lược lật được về những người Mỹ chủ trương “hòa bình” và những hoạt động của họ khắp nơi ở Âu Châu. Trong lần thăm viếng sau cùng của Phái đoàn Quốc Hội Hoa Kỳ, niềm vui đầu tiên và duy nhất của Đại Sứ Martin là được biết Chánh Quyền Sài Gòn đã từ chối không cho một thành viên của phong trào đòi hòa bình là ông Don Luce được tháp tùng nghị sĩ và các dân biểu Mỹ.

Ông Martin vẫn còn phần nào là một người thân Pháp. Sự thiết lập bang giao của Hoa Kỳ sau bài diễn văn của tướng De Gaulle ở Phnom Penh là một điều không bình thường. Là một con người ít giao du, nên ở Sài Gòn ông Martin chỉ tới lui với Đại sứ Pháp là ông Jean Marie Mérillon mà thôi.

Ông rất thành công trong nghề: Đại sứ ở Thái Lan từ năm 1963 đến 1967, ông giành được cho Hoa Kỳ một quân cảng và 6 phi trường mà không hề ký một văn kiện chánh thức hay một khế ước nào. Ông khinh ra mặt những người có óc quân sự thiên cận, nên đã từng chống Ngũ

Giác Đài về dự án đưa quân vào Thái Lan, và ông đã yêu cầu cho triệu hồi tướng William Stillwell về, vì ông này không chia sẻ quan điểm của ông Martin. Cũng ở ngay tại Bangkok, ông Martin đã gặp ông Thiệu.

Một người con nuôi của ông Martin là phi công lái trực thăng, đã tử trận ở Việt Nam. Từ đạo đó nhiều người cho rằng ông Martin đã trở nên cứng rắn hơn. Khẳng định rằng Hoa Kỳ không nên sử dụng Hải Quân của mình ở Thái Lan – và những nơi khác -, ông Martin đã gửi về Bộ Ngoại Giao nhiều công hàm “khó ngủ” mà Tổng Trưởng Ngoại Giao lúc đó là ông Dean Rusk không thể chấp nhận được, nên ông Martin phải rời khỏi nhiệm sở Bangkok, trở về Bộ với chức vụ Phụ Tá đặc biệt phụ trách về di cư và những người tỵ nạn. Một chức vụ trong tù kính ! Nhưng may mắn cho ông là lúc còn ở Bangkok, ông đã từng trải thảm đỏ tiếp rước một luật sư của hãng Coca Cola, một người đã từng là chánh trị gia của đảng Cộng Hòa, ông Richard Nixon.

Khi đã trở thành Tổng Thống, ông Nixon nhớ tới những sự lưu ý của ông Martin và gửi ông sang Rô Ma (Ý). Ở đó ông Martin không nói tiếng Ý mà chỉ nói tiếng Pháp của thành phố Ba Lê, nhưng với tư cách trưởng phái bộ ngoại giao, ông theo sát và chỉ huy hết các phòng sở, kể cả cơ quan tình báo CIA, giám sát sự phân phối ngân khoản cho các đảng phái của người Ý, trong đó có đảng xã hội của Bettino Craxi. Tin chắc rằng chính ông đã ngăn cản không cho đảng cộng sản Ý nắm được chánh quyền, ông Martin cũng sẽ làm như vậy đối với những người cộng sản Việt Nam. Nhưng kìa! Hãy xem lại coi, ai là người thật sự va chạm với tính chất phức tạp và tế nhị của người Việt Nam hơn ông ở Sài Gòn hay ngay cả ở Hoa Thạnh Đốn ? Có thể là ông Kissinger, người mà ông đã từng phục vụ như một trong những phụ tá trong thời gian thương thuyết ở Ba Lê. Ngồi đối diện với Lê đức Thọ, ông Martin nhận rõ ông này là người có một lòng tin mãnh liệt vào đảng cộng sản, kiên định hoàn toàn, khó mà lay chuyển nổi. ” Những người cộng sản khẳng định rằng họ là những người thừa kế của quả địa cầu này.” Ông Martin đã từng nói như vậy. Trong những lúc nghỉ giải lao uống trà ở Ba Lê, ông Martin và Lê đức Thọ đã có nói chuyện với nhau về những đứa cháu của họ. Ông Martin đánh giá cao Lê đức Thọ nhưng ít hơn ông Kissinger.

Ông đã có mua một trang trại ở Tostane, sửa soạn để về hưu. Vào tháng 12 năm 1972, ông Alexander Haig báo cho ông biết là ông Nixon muốn chỉ định ông đến Sài Gòn. Nhưng ông lưỡng lự. Ông muốn chấm dứt nghiệp vụ. Ở Sài Gòn sẽ chịu nhiều búa rìu lắm, nhưng ông Haig nhắc tới Nhiệm Vụ và Danh Dự:

– ” Nếu Tổng Thống đã nói là ông ta cần đến ông, thì ông nên đi. Ông không thể làm việc 8 năm ở Ba Lê và 4 năm ở Rô Ma, để rồi sau đó lại từ chối một nhiệm sở khó. “

Và ông Martin đã nhận lời. Vào tháng 6 năm 1973, trong lúc Thượng Viện chấp thuận sự bổ nhiệm này, ông Martin đã tuyên bố :

– ” Chúng ta phải chấm dứt sự cam kết của Hoa Kỳ ở Việt Nam càng sớm càng tốt, nhưng bằng cách nào, đó là một điều cực kỳ quan trọng. Chúng ta phải chấm dứt ở đó nhưng phải để lại một nước Việt Nam sống được với nền kinh tế vững chắc.”

Ngay trên chuyến bay về Hoa Thạnh Đốn ngày 2/3 này nhà biện luận Martin vẫn tán tụng với phái đoàn Quốc Hội về tương lai sáng lạng của nền kinh tế ở VNCH.

Ngay tại thủ đô cũng vậy, ông cứ nhắc đi nhắc lại chuyện này khi thì ở chỗ này khi thì ở chỗ khác, nhưng xem chừng như không có kết quả gì lắm. Dư luận và tin đồn được các nhà báo và các nhơn viên ngoại giao ở Sài Gòn được loan truyền từ trước đã bao vây ông và vô hiệu hóa

ông. Người ta không bao giờ cáo buộc là ông không làm việc, nhưng đã làm việc không đúng. Người ta biết ông đã đọc tất cả các công điện, rất chính xác và rất tỷ mỉ. Có người đã nói là ông chỉ nhìn thấy cây mà không thấy được đám rừng. Người khác thì nhấn mạnh là ông đã bao che cho ông Thiệu và Chánh Phủ của ông này quá nhiều, mặc dầu ông biết Thủ Tướng Khiêm là một người quá xoàng. Khi người ta nhắc tới vấn đề tham nhũng thì ông Martin gợi ý “đó là chất dầu trong tiến trình phát triển kinh tế” hay là “trong thời chiến chuyện đó cũng khó tránh được “. Ông nói tới việc xuất cảng dầu, ngư hải sản... có thể giúp cho Miền Nam Việt Nam cơ hội tốt để sống còn.

Ông Martin thường nhắm vào Hoa Thạnh Đôn trong những tháng gần đây. Theo ông, đây là mặt trận thứ hai của cuộc chiến ở Việt Nam .

Trong khi ông Martin vắng mặt, ông giao quyền xử lý thường vụ cho ông Wolfgang Lehmann, vị phó đại sứ tin cẩn của ông. Ở Hoa Thạnh Đôn Đại sứ Martin mở mặt trận chiến đấu ở hậu phương, mà theo ông là chính yếu và rất quan trọng, đó là 300 triệu mỹ kim viện trợ bổ túc cho VNCH. Quá mệt mỏi, là người vì bị quá nhiều thử thách, lại bị đau răng, ông phải về nhà ông ở Bắc Carolina để nhờ người em họ chữa cho mình.

Đối với ông Hoa Thạnh Đôn đã xa, mà Sài Gòn còn quá xa hơn nữa !

CHÚ THÍCH của Dịch Giả

(1) “Nguồn tin” : danh từ “nguồn tin” được giới tình báo định nghĩa là những người cho tin, hoặc do họ cài cấy vào lực lượng địch quân, hoặc nhân viên tình báo đi săn tin tức ở những vùng xôi đậu. Nói cách khác “nguồn tin” là “người” chứ không phải là “tin tức”.

(2) “tù chánh trị”: Côn Sơn và Biên Hòa là nơi giam giữ các tù binh cộng sản bắt được tại mặt trận, hoặc những cán bộ đảng viên cộng sản ở cơ sở do Phòng Nhì của các Tiểu Khu bắt được , có quy chế riêng, khác với tù hình sự. Phái đoàn Quốc Hội Hoa Kỳ có ác ý gọi đó là tù chánh trị. Số tù cộng sản này (trên 7000) được trao trả cho Bắc Việt và CPLTCHMN như Hiệp Định Ba Lê đã quy định.

Dịch giả biết rõ nhờ may mắn được phục vụ trong Phái Đoàn Quân Sự VNCH thuộc Ban Liên Hợp Quân Sự 4 Bên Trung Ương, nên đã được đi thăm các trại tù cộng sản này trước khi trao trả họ cho cộng sản Bắc Việt .

(3) Bà Ngô Bá Thành: Bà này là vợ của luật sư Ngô Bá Thành. Tiếng là thuộc “lực lượng thứ ba” nhưng bà là một thành phần thân cộng, hoạt động phản chiến ngay trong nước, xách động dân chúng bằng mọi hình thức (biểu tình hay bất hợp tác với chánh quyền), đòi hỏi Việt Nam Cộng Hòa phải ngưng chiến đấu, đơn phương chấm dứt cuộc chiến để có “hòa bình”. Dĩ nhiên bà không bao giờ đòi hỏi Bắc Việt và Việt Cộng cũng phải làm như vậy. Thời gian trước 30/4/75 bà thường đi vào các vùng của MTGPMN, liên lạc với cộng sản , nên Chánh Phủ Việt Nam Cộng Hòa phải có biện pháp “cắm cung” bà. Sau 30/4/75 bà là dân biểu Quốc Hội của CSVN suốt mấy khóa cho tới ngày nay (2001). Do đó xếp bà vào thành phần đối lập không cộng sản là hoàn toàn không đúng sự thật.

Chương 9 “Đầu teo đít to”

(1)

Tướng Văn tiến Dũng, Tổng tư lệnh quân đội Bắc Việt chọn một lùm cây xanh rậm rạp kế cận một đám rừng kè để đặt Bộ Chỉ Huy của mình, cách 35 cây số về hướng Tây của thành phố Ban mê Thuột, và chỉ cách biên giới Cam Bốt có 10 cây số.

Ở vùng Cao nguyên này, người ta che dấu dễ dàng một đội tuần tiễu, một trung đoàn và ngay cả một sư đoàn nữa. Cảnh vật tưởng chừng như man rợ, bát ngát dọc theo một bình nguyên rộng lớn cao từ 400 đến 1200 thước, có nơi cao đến 2598 thước với ngọn núi Ngọc Ninh, gần tỉnh Kontum, nơi đó quân lực Hoa Kỳ đang chờ một cuộc tấn công. (2)

Sông rạch, hồ, thác nước được thấy rải rác khắp Cao Nguyên, còn đường sá thì chạy dọc theo các thung lũng.. Nếu không chiếm giữ thì cũng phải kiểm soát các con đường cũ này của Pháp vì đây là những trục lộ chiến lược. Vùng này tuyệt đối không có dân cư, nhưng rất giàu về gỗ, về tre nứa, một vùng rất thơ mộng và cũng rất hùng vĩ.. Từ nhiều thế kỷ rồi, người dân ở đây được gọi là dân Thượng (3) . Họ đã từ vùng đồng bằng chạy lên đây trồng bắp trồng khoai, sắn, họ không có cùng ngôn ngữ quốc gia với người dân Việt Nam . Khi đã ổn định rồi thì họ trồng lúa, chăn nuôi và săn bắn, nhưng sống từng cộng đồng riêng lẻ xa lạ đối với đất nước.. Người Việt Nam dù là Nam hay Bắc đều có “vấn đề” với đồng bào Thượng này.

Tướng Dũng rất thích phong cảnh quá thơ mộng ở đây. Ông thích nghe tiếng lá vàng khô xào xạt dưới chân ông. Các lá vàng này đẹp thiệt nhưng rất nhạy lửa.. Các anh bộ đội thì không như ông tướng của mình, vì mỗi lần có cháy ở đâu đó, là các nhân viên truyền tin lại phải đi thiết lập các đường dây điện thoại lại .

Trong cánh rừng này thường có nhiều đoàn voi đi, nên người ta phải đi dây thật cao. Đoàn voi thường lòi các đường dây xa đến vài trăm thước. Trong khu rừng này người ta cũng gặp vài con cạp. Để dấu kín 3 sư đoàn không cho ai dò tìm được, tướng Dũng đã cho lệnh liên lạc với nhau toàn bằng điện thoại, tuyệt đối không dùng máy vô tuyến.

Ông ta so sánh thử tương quan lực lượng của chiến trường. Bộ binh của ông không có ưu thế tuyệt đối. Nhưng nếu ông tập trung được tất cả vào một điểm chính thì ưu thế không thể chối cãi được :

- bộ binh thì 5,5 chống 1 ,
- chiến xa thì 1,2 chống 1;
- pháo binh nặng thì 2,1 chống 1.

Trong quyển nhật ký của ông, tướng Dũng không thấy nghĩ đến những khó khăn của mình như : chiến xa và pháo binh sẽ bị lầy, thiếu thợ máy lành nghề, vài đại đội đi lạc mà không được dùng vô tuyến của họ. Ông phàn nàn về một vài khuyết điểm : khả năng hợp đồng tác chiến không đồng đều của các sư đoàn . Bộ đội chánh quy Miền Bắc lại không có kinh nghiệm “tác chiến trong thành phố” và đối với một vài nhóm sự “hợp đồng binh chủng” trong một binh diện lớn là một chuyện quá mới mẻ.

Tướng Dũng rút được kinh nghiệm trong hai cuộc tấn kích năm 1968 và 1972.

Năm 1968, mặc dầu có thừa can đảm, bộ đội, nhất là Việt Cộng, không có giữ được thị trấn mà họ đã chiếm được ..

Năm 1972, không có sự phối hợp chặt chẽ giữa bộ binh, chiến xa và pháo binh.

Cộng sản thường hay tự phê bình, nên trong suốt 3 năm qua Bộ Tổng Tham Mưu Bắc Việt đã tiến hành phê bình và tự phê bình các trận hành quân vừa qua.

Trong năm 1972 và nhất là năm 1968 các đơn vị cộng sản gặp những khó khăn về định hướng. Họ đến từ Miền Bắc và thường đi lạc trong những thành phố xa lạ đối với họ. Còn các tân binh Việt Cộng phần lớn là nông dân nên không quen với địa hình địa vật của các thành phố.

Trong năm 1975 này, dù là Sài Gòn hay Ban Mê Thuột , Bộ Tham Mưu Bắc Việt chỉ có nhiều chiến cụ tối tân của Liên Xô nhưng không có được bản đồ tham mưu. Để biết rõ hơn về Ban Mê Thuột, tướng Dũng đã gọi một cán bộ, sĩ quan mặc thường phục và vài người với nhiệm vụ trà trộn vào thành phố. Họ đã trở ra với một nét mặt kinh hoàng. Người cán bộ sĩ quan có vẻ hoa mắt, nói:

– “Thành phố quá lớn, lớn như Hải Phòng vậy.”

Các anh bộ đội trong toán tiền sát bị xúc động khi nhìn thấy các tòa nhà lầu cao ngất trời sáng rực với ánh đèn nê-ông ở ngoại ô.

Ở ngay Bộ Tham Mưu tại Hà Nội, người ta đã nói sai hết. Sự phân biệt không đứng vững. Ban Mê Thuột có nhiều nhất 150.000 dân. Hải Phòng có ít nhất 1 triệu dân. Những tin tức này được các báo cáo của các nhân viên thuộc hệ thống nhân dân cách mạng bổ túc , đôi khi cũng do phỏng vấn tù binh.

Đã có ưu thế về nhân số, tướng Dũng muốn thêm vào yếu tố “bất ngờ” nữa. Ông giới hạn số lượng các toán tuần tiễu để không ai có thể nhận ra sự hiện diện của quân đội của mình. Tướng Dũng cũng ghi nhận là địch quân ở Ban mê Thuột dù yếu và lẽ loi, nhưng đã chiếm một vùng rộng lớn gồm các nhà cửa ở ngoại ô, và đó là một trở ngại lớn cho bộ đội Bắc Việt vì đâu đâu họ cũng đã có tổ chức phòng ngự. Cộng sản đã chiếm và giữ Phước Bình. Bây giờ ở Ban mê Thuột một thành phố lớn hơn nhiều chắc rồi họ cũng phải làm như vậy,

Tướng Dũng chấp nhận là : *“tấn công một thành phố lớn và hợp đồng tác chiến trong một phạm vi rộng lớn .. đều là những điều quá mới mẻ đối với bộ đội cộng sản”* và ông tạm quên là trong năm 1972, bộ đội Bắc Việt đã từng tiến chiếm các thành phố lớn mà chưa từng giữ được bao giờ. Tướng Dũng cũng lo ngại về con số quá nhiều chướng ngại vật, những sông rạch hay những vị trí phòng thủ mà pháo binh nặng và các đơn vị chiến xa phải vượt qua.

Người tổng chỉ huy phải có một mục tiêu chiến thuật: *“Trong một trận chiến, điều hay nhất để chấm dứt trận đánh nhanh chóng là phải giải quyết và bắt ngay Bộ Chỉ Huy địch”* Do vậy tướng Dũng muốn đưa ngay các đơn vị xung kích cơ giới tiến tới thật nhanh. Trong một bình diện (đẳng cấp) khiêm nhường, đây là lần đầu tiên, chiến lược của Blitzkrieg được đem ra áp dụng ở Việt Nam. Là thành viên của Bộ Chánh Trị, tướng Dũng suy nghĩ đến những bài toán của “Giải Phóng” hay đúng hơn là “Chiếm Đóng”: Ban mê Thuột là một trung tâm chánh trị, kinh tế quốc gia và tôn giáo của Cao Nguyên. Sự hiện diện của dân tộc thiểu số người Thượng, của những người Ky Tô giáo, Tin Lành, Phật Giáo, của gia đình đại tư bản, của những nhà trồng tía, của ngoại kiều. .. đã từng sống nhiều chục năm trong cái khí hậu bán thuộc địa này, tất cả

đều là những bài toán rất phức tạp. Bộ đội Bắc Việt phải “có một thái độ đứng đắn” mới được . Và người ta cho lệnh hướng dẫn tất cả mọi cấp trong mọi đơn vị. Tướng Dũng dự kiến là “đổi với tài sản của giới tư bản” sẽ cho áp dụng đúng đắn “chương trình của mình”. Ở điểm này tướng Dũng cũng còn mơ hồ lắm. Trái lại, ông dự kiến phải “xử dụng ngay những tù binh chiến tranh cho dịch vụ chiến trường” . Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa chưa bao giờ ký văn kiện quốc tế nào có liên quan đến lãnh vực này.

Ban mê Thuật là thủ phủ của một trong 12 tỉnh thuộc Vùng II Chiến Thuật của Miền Nam Việt Nam, một vùng tương đối rộng bằng cả 3 Vùng khác nhập lại. Nhưng cũng là một Vùng có ít dân cư nhất. Sự tụt phục của dân chúng với Sài Gòn không được vững chắc lắm. Ở Phước Bình các đơn vị Địa Phương Quân có đồng bào Thượng, Trong cuộc chiến ở Việt Nam gần như có một cái lệ: càng xa thủ đô hay các đô thị lớn bao nhiêu thì dân chúng càng ít trung thành với Chánh Phủ bấy nhiêu . Những người nông dân chất phác thường “bị đưa đi” đào đường ban đêm dưới sự giám sát của Việt Cộng, và ban ngày thì lại “phải đi” lấp lại theo lệnh của binh sĩ Miền Nam.

Tất cả những chuyện sau đây đều xem ra có lợi cho tướng Dũng: địa thế hiểm trở, với những ngọn núi dựng đứng, những thung lũng hẹp, với những hồ trũng ăn sâu khắp nơi trong rừng.. tất cả không giúp gì được cho công cuộc phòng ngự của địch, hay các cuộc phản công yểm trợ của Không Quân địch. Người ta có thể ẩn nấp dễ dàng và thoải mái ở đây hơn là ở vùng đồng ruộng ở Miền Nam .

Thật là một lợi thế quân sự cho Dũng ! trước mặt ông ta là sư đoàn 23 bộ binh và 6 liên đoàn Biệt Động Quân của Miền Nam. Còn phía ông ta có cả 3 sư đoàn : sư đoàn 320, 316 và sư đoàn 10, dàn trận đánh thẳng vào Ban mê Thuật theo thế gọng kềm. Tướng Dũng rất mến sư đoàn cũ của ông ta, sư đoàn 320. Với sư đoàn này hồi năm 1952, ít người hơn, ông ta cũng đã hành quân giống như hôm nay, tấn chiếm thị trấn công giáo Phát Diệm, ở Bắc Việt . Ông đã len lỏi xuyên qua các đồn của người Pháp, đi vào tận trung tâm của thành phố và làm nổ tung Bộ Chỉ Huy của địch, chiếm giữ thị trấn trong 24 tiếng đồng hồ. Trên đường rút lui các đơn vị của ông ta đã quấy rối các đồn Pháp chung quanh thành phố trong suốt 20 cây số. Lần này, ông ta không có ý định phải rút lui, nhưng ông ta sẽ tái diễn lại kiểu hành quân mà ông gọi là “theo lối nở của hoa sen”

Cũng như mọi tổng tư lệnh đều phải để lại một cái gì đó cho đời sau, trước khi trận chiến bắt đầu, tướng Dũng có một bài diễn văn lịch sử ngắn cho sĩ quan và binh sĩ thuộc sư đoàn 316:

– “Tôi muốn đọc lại mấy câu thơ mà tôi không nhớ là của thi sĩ nào, những vần thơ nói lên một sự cay đắng trong lòng người Việt Nam chúng ta mà chúng ta phải vứt bỏ:

Từ 30 năm rồi khi chúng ta biết cầm súng
Vành trăng đã bị cắt làm đôi
Nửa trên đất Bắc, nửa ngồi phía Nam !

Để cho địch tin chắc rằng ông ta sẽ tấn công Pleiku, nơi đặt Bộ Tư Lệnh Vùng II Chiến Thuật, tướng Dũng có 3 cuộc hành quân “Dương Đông Kích Tây” để đánh lạc hướng địch.

– Thứ nhất là Cảnh sát Miền Nam nhận được tin tức sai lạc do CPLTCHMN tung ra, theo đó thì quân kháng chiến đang chuẩn bị những cuộc biểu tình ở Pleiku và Kontum để đón mừng “giải phóng quân”

– Thứ hai là tướng Dũng muốn cho địch biết là sư đoàn 968 từ Lào đang tiến về Pleiku, nên đã cho lệnh làm ồn ào tối đa để cho địch phải “chú ý”

– Thứ ba là ông ta tổ chức hành quân trên làn sóng vô tuyến: cho người ta có cảm tưởng rằng sư đoàn tinh nhuệ 320 đang đóng quân gần đầu dây, ém quân trong một góc nào đó. Chỉ cần có một đài phát tuyến, một máy phát điện và vài người là quá đủ để bày ra một hệ thống liên lạc vô tuyến quan trọng giữa các đơn vị rồi !

Ở Sài Gòn cơ quan tình báo CIA cũng biết được nhiều tin tức lắm. Phân tích gia Frank Snepp theo sát tình hình, ông ta biết rõ là có một sự điều quân quan trọng của Bắc Việt ở phía Tây và phía Bắc của Ban mê Thuật . Ông ta chỉ dự kiến là cộng sản sẽ cô lập thành phố Ban mê Thuật . Trong lúc này cơ quan tình báo CIA có rất ít tin tức liên quan đến các cuộc điều quân ở vùng Cao Nguyên. Trước đó hơn một năm rưỡi, nhân viên đặc trách vùng này phạm lỗi về ngân quỹ nên giờ này họ không có đủ tiền trả cho các điệp viên. Hơn thế nữa vì muốn tiết kiệm nên họ đã bỏ cơ quan ở Ban mê Thuật , và người ta chỉ còn trông cậy vào những người Việt ở cơ quan tình báo của Miền Nam . Trong vùng Cao Nguyên này có rất nhiều nhân viên tình báo nhị trùng, nhưng cuối cùng thì họ chỉ phục vụ cho Hà Nội và CPLTCHMN. Chính Frank Snepp nhìn nhận là phúc trình của ông ta ngày 7/3 là một “sai lầm to lớn”. Không phải chỉ có một Frank Snepp mà còn có những người khác nữa, *không ai để ý hay chịu tin vào những tin tức của một bộ đội Bắc Việt đào ngũ, hẳn ta xác quyết là sư đoàn 320 thật sự đã di chuyển từ Pleiku đến Ban mê Thuật.*

Trong số các nhân viên CIA ở Việt Nam , Snepp là một nhân vật quan trọng. Cũng giống như ông Martin, Frank Snepp là dân của tiểu bang Bắc Carolina. Anh ta theo học ở Đại học Columbia , khoa bang giao quốc tế. Năm 1968, một trong những giáo sư của anh ta, ông Philip Mosley thuộc khoa Nga ngữ, đã nói với Snepp rằng:

” Con ơi, con thiếu sự linh hoạt để có thể làm việc ở Bộ Ngoại Giao, Cơ quan tình báo CIA hợp với con hơn.”.

Giáo sư Mosley đã nhận thấy như vậy trong khi chính anh ta lại nghĩ rằng cách hay nhất để khỏi phải sang phục vụ ở Việt Nam là nên cột chặt số phận của mình với CIA. Ngay buổi chiều khi anh ta được thu nhận vào CIA, anh đi xem phim James .Bond (007 chống bác sĩ No) thì anh tự nhủ: “rồi thì ta cũng sẽ lái những xe kiểu thể thao như vậy thôi !” Sự tình cờ trong vấn đề bổ nhiệm đã đưa anh ta sang Việt Nam sống nhiều năm ở Sài Gòn.

Trẻ, đẹp trai, có một trí nhớ tốt, nói cũng hay mà viết lách cũng giỏi, anh là người mà cả ông Polgar và ông Martin đều rất thích. Họ thường dùng anh ta trong các buổi thuyết trình. Ông Martin cũng thấy đôi khi anh có vẻ hài hước, nhưng từ lâu rồi ông rất tin tưởng anh ta. Ông Martin thường mời Snepp dùng cơm với ông. Snepp chơi thân với một người con gái của Martin, cô Ginette, đã ly dị rồi nhưng còn đẹp. Snepp không mấy thiên về chánh trị nhưng anh vẫn biết rằng trong lãnh vực tình báo, con người càng có tinh thần đạo đức bao nhiêu càng nguy hiểm bấy nhiêu. Snepp không chống đối đường lối chánh trị chánh đáng của Hoa Kỳ đối với Việt Nam .

Trước sự điều quân của cộng sản Bắc Việt, các nhà quân sự của Miền Nam Việt Nam rất hoang mang và không có cùng một nhận định. Cũng như người Mỹ ở Sài Gòn, tướng Phú (tư lệnh Vùng II) nghĩ rằng mục tiêu chính của Bắc Việt là Pleiku. Tin tức từ Sài Gòn cho biết là nỗ lực chính của Miền Bắc sẽ nhằm vào Ban mê Thuật. Tin tức thu lượm được từ cơ quan tình báo, từ kiểm thính, từ các tài liệu tịch thu được, từ các lời khai của tù hàng binh... .. quá nhiều nhưng không giống nhau. Cuối cùng tướng Phú sau khi phân tích lần chót đã khẳng định là Bắc

Việt sẽ tấn công vào Pleiku. Hơn nữa một số công điện của Sài Gòn đã khuyến cáo rằng : “cuộc tấn công vào Ban mê Thuật chỉ là một khả năng có thể xảy ra mà thôi”. Do đó tướng Phú nói với các sĩ quan tham mưu của ông:

— “*Có quá nhiều mục tiêu, Ban Mê Thuật rồi Pleiku, rồi Kontum !*”

Theo ông, thường thì thì địch tập trung nỗ lực chính vào điểm trọng yếu nhất. Mà điểm trọng yếu ở đây là Pleiku.

Tại đây quân lực Miền Nam có sẵn cơ sở Tổng hành dinh của người Mỹ đã để lại. Trước kia người Pháp đã chọn Ban mê Thuật , một vị trí trung tâm của vùng Cao Nguyên để đặt Tổng hành dinh. Còn người Mỹ không đặt nặng vấn đề địa lý, họ thích Pleiku hơn, dù đó là một thành phố nằm ở chệch xa về hướng Bắc. Nhưng họ có quá nhiều trực thăng, họ có khả năng di động cao, nên xa hay gần không còn là vấn đề đối với họ nữa.

Tướng Phú là Tư lệnh Vùng II từ năm 1994. Lúc bấy giờ ông Thiệu đã thay đổi một số tướng tá, trong đó có 3 vị Tư Lệnh Vùng. Tướng Phú xuất thân từ Quân Đội Pháp. Ông đã từng là tù binh của cộng sản Bắc Việt ở Điện Biên Phủ, cho nên ý nghĩ sẽ bị cộng sản bắt lại một lần nữa đã luôn ám ảnh ông. Lúc nào ông cũng tự xem mình là một sĩ quan tham mưu. Trong trường hợp này, người sĩ quan tham mưu lại một lần nữa có vẻ do dự. Ông không muốn vì Ban mê Thuật mà phải rút bớt lực lượng phòng ngự của Pleiku. Trên phương diện quân sự, Pleiku là một vùng bằng phẳng, rất có lợi cho chiến xa địch. Trên phương diện chánh trị, mất Pleiku là một điều tai hại khủng khiếp. Vì tướng Dũng đã cho lệnh tấn công một số đồn bót chung quanh Pleiku và Kontum, nên tướng Phú càng tin chắc là Pleiku sẽ là mục tiêu chính của Bắc Việt . Nếu Ban mê Thuật có bị đánh thì ông ta sẽ xin không trợ và sẽ dùng trực thăng gọi quân đến đó tăng cường, tướng Phú luôn luôn nghĩ đến chiến thuật trong khuôn khổ hành quân theo kiểu của người Mỹ ,là người ta có thể điều động một số đơn vị quan trọng đi xa bằng trực thăng,

Nhưng thông thả nghĩ lại, tướng Phú có cảm giác là địch đang đánh lạc hướng mình. Nhưng ở đâu đây ?

Trưa ngày 9/3, tướng Dũng tin cho Chánh Trị Bộ, Quân Ủy Trung Ương, và tướng Giáp, bộ trưởng Quốc Phòng: **“*chúng tôi sẽ tấn công Ban mê Thuật ngày 10/3*”**.

Ông ta nói là từ quân số , tiếp liệu, chiến cụ, súng ống đạn dược của ông ta tất cả đều rất là khả quan . Tinh thần binh sĩ theo ông cũng là tuyệt hảo. Cũng trong ngày đó lúc 19.00 giờ, ông đã dùng điện thoại liên lạc với các chỉ huy trưởng đơn vị chính của ông để được biết chắc chắn là họ đang nằm ở tuyến xuất phát. Người ta đã giải quyết xong các bài toán cuối cùng về tiếp liệu. Họ đã dùng các bè tre lớn để đưa pháo binh vượt qua sông Sre Pok. Trong sự yên tĩnh của đêm tối trùm khắp núi đồi, hàng chục ngàn bộ đội tiến tới mục tiêu của họ. Các đơn vị trưởng mà nhiều người tóc đã bạc, duyệt lại lần chót kế hoạch hành quân của đơn vị trên bản đồ,

Trước hết tướng Dũng cho cắt hết các trục lộ chính dẫn đến Ban mê Thuật, và nhất là đường 14 nối liền giữa Ban mê Thuật và Pleiku. Để tránh một cuộc không trợ hữu hiệu của Không Lực VNCH, và tận dụng đêm tối có lợi cho bộ đội tấn công hơn quân phòng ngự, tướng Dũng cho lệnh tấn kích lúc 2 giờ sáng. Nhờ có pháo binh bắn dọn đường yểm trợ, bộ binh và chiến xa thuộc sư đoàn 10 tiến quân rất thoải mái.

Tướng Dũng có 25.000 quân, còn quân trú phòng Ban mê Thuật chỉ có 1200.

Đến 7g. 30 sáng các chiến xa đầu tiên của Bắc Việt đã xuất hiện ở vùng phía Bắc và Tây Bắc của thành phố. Họ đã nhanh chóng chiếm và phá hủy ngay một phần của kho đạn dược và một nhà xe của đơn vị thiết giáp, để bọc vòng qua đài phát thanh. Bốn mươi lăm phút sau đó, các chiến xa bắn trực xạ vào Bộ Tư Lệnh sư đoàn 23 bộ binh . Các toán quân thuộc trung đoàn 53 (QLVNCH) đã giữ vững phi đạo chính nằm về phía Tây của thị trấn. Tướng Dũng cho áp dụng chiến thuật “hoa sen nở”, bọc vòng phi đạo chính này và tiến chiếm phi đạo nhỏ hơn nằm về hướng Bắc của thị trấn.

Không quân Miền Nam Việt Nam bắt đầu đến can thiệp. Bắc Việt vẫn không bao giờ sử dụng không quân của họ. Lực lượng Phòng Không Bắc Việt hoạt động rất mạnh. Các phi công Miền Nam vẫn còn bay thật cao và họa vô đơn chí bom họ lại thả lằm xuống trung tâm truyền tin của Bộ Tư Lệnh sư đoàn 23 bộ binh . Và do đó đã làm xáo trộn hết công tác phòng thủ thị trấn Ban mê Thuật, mất hẳn liên lạc vô tuyến với Bộ Tư Lệnh Vùng II Chiến Thuật. Lúc bấy giờ Pleiku mới biết đâu là mục tiêu chính của Bắc Việt . Tướng Phú quyết định gọi quân tiếp viện đến Ban mê Thuật , trước hết là trung đoàn 44 là trung đoàn trực thuộc của sư đoàn 23 bộ binh . Để chuyển 2 tiểu đoàn, tướng Phú mới biết được là mình chỉ còn có 7 chiếc trực thăng Chinooks. Mỗi chiếc chỉ chở được 40 người , nhưng sau đó có 2 rồi 3 rồi 5 chiếc bị trục trặc kỹ thuật không thể sử dụng được .

Tại sứ quán Hoa Kỳ ở Sài Gòn , không khí quá căng thẳng, người ta dự trù cho tướng Phú mượn 2 chiếc trực thăng của CIA, thuộc Hàng Không Air America. Nhưng đó là một hành động vi phạm rõ rệt Hiệp Định Paris.

Dĩ nhiên không thể nào gọi viện quân đến Ban mê Thuật bằng đường bộ rồi. Mà chuyển quân với 2 trực thăng cũng là điều rất khó khăn. Bài toán tiếp vận này xem ra tướng Phú không thể giải quyết được .

Hầu hết các đơn vị chánh quy của Miền Nam Việt Nam từ sĩ quan đến binh sĩ thường có thói quen là đem gia đình theo sống gần họ, ở hậu cứ của đơn vị. Từ lâu rồi Ban mê Thuật là hậu cứ của sư đoàn 23 bộ binh , nhất là các đơn vị có nhiệm vụ phòng thủ thị trấn như trung đoàn 53, và các đơn vị ở Pleiku như trung đoàn 44. Chỉ trừ những đơn vị thuộc binh chủng Nhảy Dù, Biệt Động Quân và Thủy Quân Lục Chiến thì họ không mang theo gia đình lúc họ có nhiệm vụ từ tỉnh này sang tỉnh khác hay từ Vùng này sang Vùng khác. Các cố vấn Hoa Kỳ đã chấp nhận sự có mặt của gia đình quân nhân, trước hết vì lương bổng của họ quá thấp. Một binh sĩ Miền Nam chỉ lãnh 25.000/ tháng (khoảng trên dưới 400 quan Pháp, hay trên dưới 25 mỹ kim), nên gia đình họ phải sống gần họ thì họ mới nuôi được.

Viện quân từ Pleiku được trực thăng đổ xuống chung quanh thị trấn Ban mê Thuật. Một số binh sĩ chỉ lo chạy đi tìm cha mẹ vợ con và những người thân của họ. Khi họ gặp được rồi thì có khi họ vứt cả súng ống quân phục và tìm cách rời khỏi thị trấn. Chỉ có các đơn vị Biệt Động Quân là còn giữ được kỷ luật và còn chiến đấu.

Tướng tư lệnh sư đoàn 23 bộ binh Lê trung Tường quen lối chỉ huy kiểu Mỹ, nên đã ngồi trên một chiếc trực thăng để điều động các đơn vị. Kỹ thuật này chỉ giúp người chỉ huy nhìn thấy rõ chiến trường, nhưng không giúp ông ta gần gũi binh sĩ của mình . Vợ con của tướng Tường đang đợi ông ta ở trung tâm huấn luyện, nằm về phía Đông Nam của thị trấn. Ông cho lệnh cho tiểu đội Biệt Động Quân chuẩn bị bãi đáp cho ông ở gần trung tâm huấn luyện. Và như vậy là chính ông tướng này cũng lo cho gia đình hơn là lo cho các đơn vị đang chiến đấu với cộng sản . Một tràng tiểu liên đã bắn trúng chiếc trực thăng. Ông Tường bị thương nhẹ ở gò má. Và ông tự tử thương về nằm luôn ở bệnh viện.

Viên Tổng tư lệnh Bắc Việt đã dự trù là ông sẽ phải tốn cả tuần lễ mới hoàn toàn chiếm được Ban mê Thuật . Nhưng đại khái thì ông coi như ngày 10/3 lúc 17g.30 là bộ đội Bắc Việt đã chiếm xong thành phố Ban mê Thuật.

Ngày đầu tiên, các đơn vị Bắc Việt đã phải chịu gần 200 cuộc không tập của Không Lực VNCH. Và những ngày kế tiếp cứ mỗi ngày khoản 60 lần. Một vài đại đội và nhất là Biệt Động Quân, vẫn còn tiếp tục chiến đấu. Các phi công Miền Nam không có tin tức đầy đủ nên không biết vị trí các đơn vị Bắc Việt ở đâu nên không thể yểm trợ được, vì quân hai Bên đối diện nhau rất gần. Hoặc là họ rụt rè không dám thả bom vào thành phố hay những vùng ngoại ô đang có quá nhiều thường dân lánh nạn. Các đơn vị Địa Phương Quân người Thượng ít tham gia vào công tác phòng thủ thị trấn. Một vài người thuộc tổ chức FULRO, một phong trào trung lập đòi tự trị, không mạnh như Hà Nội đã tưởng, đã được Bắc Việt dùng như trinh sát dẫn đường cho các đơn vị . Trong vùng Ban mê Thuật cũng như ở Cao Nguyên, các đơn vị chánh quy Miền Nam Việt Nam coi thường người Thượng, có dùng trong các đơn vị phụ lực thì cũng không tin cần họ lắm.

Tổng thống Thiệu cho lệnh tướng Phú chiếm lại Ban mê Thuật. Ông còn cho lệnh cho Lê Vĩnh Hòa, Giám đốc đài truyền hình gửi một toán quay phim lên Ban mê Thuật để thu hình trận tái chiếm thị trấn này. Trong lúc tướng Phú lại có kế hoạch khác.

Tại Ban mê Thuật , bộ đội Bắc Việt bắt giữ 8 nam nữ mục sư người Mỹ, 1 người Úc, 1 người Phi luật Tân, và một nhân viên thuộc Lãnh Sự quán Hoa Kỳ là ông Paul Struharik. Tuy họ được đối xử tử tế nhưng họ được đưa ngay về Miền Bắc.

AFP là cơ quan truyền thông duy nhất có một văn phòng tại Sài Gòn và một tại Hà Nội. Tại thủ đô Sài Gòn trưởng văn phòng là ông Jean Louis Arnaud. Trong thời gian trận chiến xảy ra ở Ban mê Thuật thì ông Arnaud đang ở Bangkok. Một điện tín do Paul Léandri gửi đi từ Sài Gòn giải thích rằng một số người Thượng thuộc lực lượng Fulro đã dẫn đường cho các đơn vị Bắc Việt. Báo chí quốc tế đã cho đăng lại bản tin này, nên bức điện tín của Léandri làm cho cả Tổng thống Thiệu và Thủ tướng Khiêm không vừa lòng. Dưới nhãn quan của họ, bức điện tín này coi như gợi ý cho lực lượng đối lập ở Cao Nguyên Trung Phần hợp tác với lực lượng xâm lăng Bắc Việt .

Ở Việt Nam đã hơn một năm rồi, ông Léandri thường hay chỉ trích Chánh Phủ VNCH. Léandri săn tin từ một phóng viên được yêu cầu dấu tên. Hai ông cảnh sát trưởng đến văn phòng của AFP. Họ muốn biết tên của người linh mục đã đưa tin cho Léandri. Ông này từ chối. Cảnh sát khế cho lệnh Léandri trình diện ở Sở Di Trú. Léandri báo cho sứ quán Pháp và bạn bè của anh ta biết việc này.

Anh Léandri là một người Pháp gốc Corse, 38 tuổi, mặt mày cũng dễ coi, nhưng cứng đầu, dễ nổi giận. Chiều hôm đó, anh lái chiếc Peugeot của hãng thông tấn AFP, cùng với người tài xế, anh đi vào sở Di Trú ở Chợ Lớn. Chỗ mà anh đến trình diện và Bộ Tư Lệnh Cảnh Sát Quốc Gia nằm đối diện nhau. Một người cảnh sát trưởng mà anh đã gặp ban sáng vẫn còn đòi hỏi Léandri phải cho ông ta biết tên của “nguồn tin”. Leandri phản đối và đòi cho gặp một cấp trên. Đại tá Phạm kim Quy, Chánh sở Cảnh Sát Tư Pháp ? Dĩ nhiên là có thể lắm, tại sao không ? Ông đại tá không có mặt ở văn phòng trong Bộ Tham Mưu Cảnh Sát, ở ngay phía bên kia đường. Không biết ông ta có ở trong Sở Di Trú hay không ? Leandri không biết mình phải đi đâu, lòng vòng quá, anh trở về văn phòng AFP của mình, xong trở lại sở Di Trú. Cũng chưa gặp được đại tá Quy. Leandri lái qua lộ, vào đậu xe trên một con đường nhỏ trong Bộ Tư Lệnh Cảnh Sát. Vào lúc 19 giờ, Lãnh sự Pháp, ông Patrice Le Carruyer Deuvas đến sở Di Trú. Người

ta không có nói cho ông này biết là Léandri đang còn đợi cách đó chỉ vài trăm thước, ở ngay Bộ Tư Lệnh Cảnh Sát.

Léandri lúc đầu còn bình tĩnh đi đi lại lại trong sân, rồi không bình tĩnh được nữa, đâm ra cáu kỉnh: 21 giờ rồi . Người ta sẽ giữ anh suốt đêm ở đây chẳng ?. Anh leo lên xe, đóng cửa lại, cho nổ máy , lui lại và chạy ra cổng. Trong đêm tối, có tiếng kêu báo động của cảnh sát, có vẻ náo động. Léandri nhún ga. Ngay tại cổng, một cảnh sát bắn một phát vào xe Peugeot, xe lui vào tường. Léandri chạy được 300 thước, đạn trúng ngay màng tang, chết tại chỗ. Sau đó, các luận cứ của người Pháp, của người Mỹ và của Việt Nam đều không giống nhau. Dưới con mắt của người Việt Nam anh Leandri là một Việt lai Pháp. Cảnh sát có thật dám bắn anh ta hay không khi nghĩ rằng Leandri là một người da trắng ? Thà là anh Leandri có cảm tình với chánh quyền Miền Nam.

Tin anh Leandri chết được loan đi thật nhanh. Tất cả các nhân viên của sứ quán Hoa Kỳ đều được lệnh không nên xen vào việc đáng tiếc này. Dù vậy, Thomas Polgar cũng phải có một công hàm cho Tổng Giám Đốc Cảnh Sát Việt Nam để được giải thích rõ hơn nội vụ. Cảnh Sát thì thề rằng họ đã có lên tiếng cảnh cáo trước và người lính gát đã bắn vào lốp xe. Cái chết của anh Léandri gây mất cảm tình ở Hoa Thạnh Đốn , Ba lê và ngay cả Sài Gòn . Nhiều người coi đó là một sự thanh toán của cảnh sát đối với anh Léandri. Hoặc đối với báo chí nói chung, hay đối với nước Pháp.

Mối giao hảo của ông Thiệu và những người quốc gia với nước Pháp hay với cộng đồng người Pháp ở Việt Nam không được tốt đẹp lắm. Những người quốc gia cùng thế hệ với Tổng thống thì thân Pháp hơn là thân Mỹ. Nhưng trên phương diện chánh trị thì ông Thiệu không có thân Pháp. Các vị Tổng Thống Pháp theo sự ước tính của ông đã không nâng đỡ ông. De Gaulle thì quá chống Mỹ, gần như thù nghịch. Ông Pompidou thì đã gửi trả lại quân đội trước kia một vị đại sứ đương nhiệm ở Sài Gòn . Còn bây giờ Tổng Thống Valery Giscard d'Estaing và các nhà ngoại giao của ông ta rõ ràng đang chơi lá bài “lực lượng thứ ba”, mà theo ông là một lực lượng thân cộng trá hình. Ông Thiệu và những công chức trong guồng máy hành chánh và quân sự của ông không hiểu được cái nhìn thù nghịch của các nhà báo trong vùng. Các phóng viên thật ra nếu không phải là cộng sản thì vô Việt Nam rất dễ dàng, muốn đi đâu thì đi rất là tự do. Các đơn vị thuộc QLVNCH còn giúp chuyên chở họ trong khả năng phương tiện mà họ có được tuy ít hơn quân đội Mỹ trước kia. Đối với báo chí ngoại quốc thì không có kiểm duyệt, vậy mà các nhà báo này cứ chỉ trích chế độ Miền Nam trong khi họ hết sức khoan dung đối với Hà Nội . Họ ca tụng nào là sự can đảm, nào là sự bền chí của Việt Cộng mà họ quên rằng những người đó chính là bộ đội chánh quy của Bắc Việt. Họ không bỏ lỡ một cơ hội nào để nêu lên những sự yếu kém và hơn thế nữa còn bình luận về sự nhát gan của binh sĩ Miền Nam Việt Nam. Họ luôn luôn nêu lên những sự đào ngũ ở Miền Nam mà không bao giờ nói đến hành động này ở Miền Bắc. Tuy nhiên ông Thiệu rất hãnh diện về quân đội của ông, họ thường đánh rất hăng. Có mấy ai đã từng tỏ lòng kính trọng binh sĩ của Miền Nam ? Năm 1972, họ đã từng tái chiếm Quảng Trị sau 45 ngày chiến đấu. Hoàng đức Nhã thường khuyến khích ông Thiệu nên có hành động lấy lòng báo chí quốc tế, nhất là báo chí Pháp. Thường thì ông Thiệu rất là thất vọng với giới báo chí..

Mối giao hảo với những người Pháp cư ngụ tại Việt Nam tốt hơn là với giới báo chí ở Pháp, tuy nhiên cũng vẫn còn phức tạp lắm. Các chủ hãng xưởng, như ông Patrick Hays của hãng Michelin, đều là những người chộng cộng. Nhưng phần đông thường tỏ thái độ không thích chánh trị khi nói đến tình hình nội bộ của Việt Nam. Tuy vậy vẫn có một vài người Pháp còn có thái độ chống Mỹ khi họ nhấn mạnh đến các phúc trình của tướng Quang trình lên cho ông Thiệu. Kẻ thù của bạn tôi là kẻ thù của tôi ! Tất cả đều qua đi giống như những người Pháp chống cộng đó đã từng nói: “chúng tôi không thắng được Việt Minh thì không có lý nào người

Mỹ lại thắng được Việt Cộng và bộ đội Miền Bắc . Ông Thiệu tự cho mình là một người chống thực dân và ông ta nghi ngờ người Pháp muốn trở lại đô hộ Việt Nam. Những người khờ dại đó tưởng rằng họ có thể tính toán được với cái gọi là CPLTCHMN và với Hà Nội !!

Sự việc Léandri đương nhiên tạo ra một sự đoàn kết công khai rộng lớn trong giới truyền thông, và điều này đã gây bối rối cho ông Thiệu. Đã từng có nhiều phóng viên ngoại quốc chết ở Việt Nam rồi, nhưng đây là lần đầu tiên cảnh sát Miền Nam bắn chết một nhà báo Pháp.

Đại sứ Pháp xin được vào gặp Tổng Thống. Ông Thiệu tiếp ông Jean Marie Mérillon. Ông có vẻ buồn, ông thấy đây là một sự hiểu lầm đến ghê sợ. Đối với ông Mérillon, ông Thiệu gần như nói lên lời xin lỗi. Ông không có lợi lộc gì để mà có hành động không tốt với nước Pháp. Ông Mérillon ghi nhận là ông ta có một trái tim nhạy cảm. Bằng cứ là không bao giờ ông giải quyết việc cho lệnh hành quyết các tử tội.

Báo chí và đài phát thanh Hà Nội bình luận về cái chết của anh Léandri rằng; “những người Miền Nam Việt Nam là bọn phát xít !”

Tờ “Nhân Dân” của Hà Nội cho đăng một bài phóng sự về “cuộc giải phóng Ban mê Thuật “.

– “ *Cờ xí , biểu ngữ, hình ảnh và thông cáo được treo, dán khắp các đường phố trong thị trấn. Khắp các đường phố, dân chúng tiếp đón chính quyền mới, giáo sư và học sinh các trường trung học, sinh viên trường kỹ thuật và sư phạm tập hợp vui vẻ trong trường. Họ nói với nhau :”Không còn vui nào bằng !!” Thật vậy, sự tuyên truyền của Sài Gòn khác hẳn với thực tế như ngày với đêm ! Có nhiều học sinh và dân chúng ra quét đường phố, gỡ bỏ hết các tàn tích văn hóa Mỹ.. .. và đi lùng sục địch quân còn ngoan cố phá rối trật tự, Ở trường trung học Bồ Đề hàng ngàn sĩ quan, binh sĩ và công chức của bộ máy bù nhìn ra trình diện.. ..” (20/3)*

Ngày 11/3, trong bữa ăn sáng, ông Thiệu có một phiên họp với 3 tướng lĩnh, tướng Khiêm, Thủ tướng, tướng Viên, Tổng Tham mưu trưởng và tướng Quang, cố vấn an ninh. Bữa ăn sáng được dọn ra ở lầu 3 Dinh Độc Lập. Theo ông Thiệu thì nơi đây tránh được sự kiểm thính hay nghe lén của Hoa Kỳ . Ông Thiệu hình như không mấy xúc động đối với diễn tiến trận tấn công của Bắc Việt vào Ban mê Thuật :

-” Với lực lượng mà chúng tôi đang có, chúng ta không thể phòng thủ hết lãnh thổ của chúng ta được . Nếu chúng ta cứ khăng khăng muốn giữ từng đồn lẻ tẻ thì lãnh thổ của chúng ta sẽ bị gặm nhấm hết.”

Trên một bản đồ Việt Nam, ông Thiệu phác họa một chiến lược mới: Cần phải giữ và tăng cường một “Việt Nam hữu ích”, đại cương là Vùng IV Chiến Thuật ở Đồng bằng sông Cửu Long, và Vùng III Chiến Thuật, chung quanh Sài Gòn . Ở đây có đủ tài nguyên của đất nước, như lúa gạo và các mỏ dầu ở ngoài biển. Tổng thống giải thích :

-“ *Phải ấn định lại trận tuyến, ở hướng Bắc, nhất là ở Vùng 2. Chúng ta sẽ bỏ phần đất phía trên cao , cũng rộng lắm. Nhưng chúng ta giữ lại một số cứ điểm thật mạnh như Huế, Đà Nẵng, Chu Lai. Những cứ điểm này có một giá trị tượng trưng hơn là chiến lược. Cứ điểm Đà Nẵng sẽ là một cứ điểm quan trọng. Ở đó quân đội Hoa Kỳ đã đổ bộ hồi năm 1965. Nếu họ có trở lại trong một tháng hay một năm nữa, thì họ cũng phải tính đến căn cứ này.*

Lạ lùng chưa? ông Thiệu so sánh các cứ điểm nói trên với những đầu cầu mà Hoa Kỳ đã dùng để đổ bộ trong trận chiến ở Normandie (Thế chiến 2 ở Pháp). Không biết ông có lẫn lộn giữa kẻ xâm lăng với người bị xâm lăng hay không ?

Ông Thiệu yêu cầu Thủ Tướng Khiêm và Tổng Tham mưu Trưởng Viên nghiên cứu một kế hoạch phòng thủ: *tuyến phòng ngự mới mà ông đã chọn, đi từ Tây Ninh và Dalat, xuống đến bờ biển Nha Trang.*

Thủ tướng Khiêm không còn lạ gì với điều này. Ý định “tái phối trí” này Tổng thống Thiệu đã có nói qua mấy ngày trước rồi, thoáng qua thôi, cho tướng Ngô quang Trưởng, Tư lệnh Vùng 1 Chiến Thuật. Trước đó 3 tháng, tướng Charles Timmes và Đề đốc Chung tấn Cang cũng đã nghĩ tới giải pháp này rồi. Bây giờ để thay đổi một chút, Tổng thống gợi ý lại khả năng hành động mới này, một “chiến lược mới” trong khuôn khổ một cuộc “duyet xét lại chiến lược” với các tướng lãnh của ông. Một trong những cố vấn bất ngờ của ông là tướng hồi hưu người Úc, Ted Sarong, một người mà như viên sứ quán Hoa Kỳ cho là không đáng tin cậy, đã đề nghị một ít thay đổi trong kế hoạch rút quân tái phối trí này.

Để trung thực gọi đây là một cuộc “tái phối trí”, ông Thiệu đưa ra những chứng minh về mặt ngân sách. Ông đã tính toán với Thủ Tướng và Tổng Tham mưu trưởng của ông: Trước kia với 1, tỷ rưỡi mỹ kim chúng ta có thể phòng thủ được 4 Vùng Chiến Thuật. Như vậy với 700 triệu chúng ta chỉ có thể giữ được 2 Vùng mà thôi là Vùng III và Vùng IV. Ông cũng giả thiết hay hy vọng rằng khi phải bỏ đi một nửa lãnh thổ cho cộng sản, ông có thể tạo ra hai xúc động tâm lý. Bị báo động, người Mỹ sẽ sẵn sàng bỏ phiếu thuận để viện trợ bổ túc cho Miền Nam Việt Nam . Tổng trưởng kế hoạch Nguyễn tiến Hưng bảo đảm với ông Thiệu là Hoa Kỳ có một số tiền khá lớn thuộc “quỹ đen” còn chưa xài tới, như Ngũ Giác Đài còn dự trữ 850 triệu.

Ở Sài Gòn có nhiều người lẫn lộn giữa ngân sách quốc gia của Việt Nam với kế toán công khai của Hoa Kỳ . Dư luận của người dân Mỹ có thể thay đổi. Phải có một loại biến cố như Trân Châu Cảng mới có thể lật ngược được thế cờ. Một cú sốc cần thiết khác : Miền Nam Việt Nam có mất hồn thì phải trấn tĩnh lại. Hậu quả lớn lao là bỏ đất, trái ngược với nguyên tắc “bôn không” của chính mình : “không nhượng một tấc đất nào cho cộng sản “

Theo dự kiến mới này, ông Thiệu nghĩ là phải rút các đơn vị ưu tú về Sài Gòn. Đó là sư đoàn Thủy Quân Lục Chiến và sư đoàn Dù, cả hai đang trấn giữ phần đất phía Nam vĩ tuyến 17, ở Vùng I Chiến Thuật.

Binh chủng Dù được người Pháp thành lập và binh chủng Thủy Quân Lục Chiến được người Mỹ thành lập.

Ý định này được nhen nhúm trong đầu các tướng lãnh Việt Nam ở Sài Gòn , nhưng người Mỹ thì không biết gì cả. Nhiều tướng tá nghĩ là ông Thiệu muốn có sẵn trong tay, tại thủ đô, các đơn vị tinh nhuệ của ông để làm nản lòng những ai có ý muốn đảo chánh ông ta. Ông Thiệu muốn có một sự ổn định cả về chánh trị lẫn quân sự, Trên phương diện quân sự, kế hoạch của ông cũng không có gì gọi là vô lý. Ông sẽ có lợi thế là có thể tập trung lực lượng đối phó với các sư đoàn Bắc Việt càng ngày càng đông. Dài hạn thì kế hoạch này cũng có lý. Còn ngắn hạn, cấp bách hơn là có thể tiến chiếm lại Ban mê Thuột , vì Ban mê Thuột nằm trong phần lãnh thổ của một “Việt Nam hữu ích”

Ý kiến hay chiến thuật “cứ điểm” này đã từng được tướng Hoa Kỳ là James Gavin tung ra từ lâu. Ông dùng cứ điểm như là nơi đồn trú cho binh sĩ Mỹ để tránh rải các đơn vị ra quá rộng.

Ông Thiệu không có nói ra cho người Mỹ biết kế hoạch này. Cũng có thể ông cho ông Martin biết nếu ông này có mặt ở Sài Gòn. Đại sứ là người duy nhất mà ông Thiệu thường hay trao đổi và thích trao đổi vì ông gần như không có chút tin tưởng nào đối với những người khác trong sứ quán Hoa Kỳ. Ở đó có quá nhiều người chống lại ông. Hơn nữa ông không muốn kế hoạch của ông bị tiết lộ ra ngoài.

Ông Dan Ellerman, cố vấn kinh tế của sứ quán Hoa Kỳ phân tích tình hình với ông Nguyễn văn Hảo, Phó Thủ Tướng đặc trách về kinh tế. Ông Hảo trong một thoáng đã nói qua về kế hoạch thu hẹp hệ thống bố phòng của Miền Nam Việt Nam. Ông Ellerman đã từng làm việc ở Việt Nam trong các cơ quan tình báo Hải Quân, cho nên những sự tiết lộ của ông Hảo có liên hệ đến tình hình chánh trị và quân sự không lọt khỏi ông được.(9/3). Lập tức ông báo cáo mọi việc cho ông Wolfgang Lehmann. Ông Phó Đại Sứ xin một phúc trình chi tiết của Dan Ellerman và gửi thẳng cho ông Martin ở Hoa Kỳ . Rất tiếc là ông Đại sứ Martin lại không chú ý chút nào đến sự kiện này (4)

Ngày 12 tháng 3, ông Thiệu gọi ông Nguyễn bá Cẩn đến gặp ông. Ông Cẩn thuộc đảng Dân Chủ của ông Thiệu và hiện là Chủ tịch Quốc Hội. Ông Thiệu muốn lưỡng viện Quốc Hội tuyên bố “tình trạng khẩn cấp” trên toàn quốc để khích động mạnh vào dư luận quần chúng ở Miền Nam .

Rồi ông Thiệu trở lại biên cố quân sự tối khẩn của Miền Nam . Ông sẽ đi ngay đến Bộ Tư Lệnh Vùng II Chiến Thuật ở Pleiku. Cố vấn an ninh của ông can ngăn ông: Phòng không của Bắc Việt rất nguy hiểm , chúng ta không biết hết vị trí của chúng ở đâu, Và ai mà biết được là phi cơ của Tổng Thống có thể bị chiến đấu cơ của Bắc Việt tấn công, xuất phát từ căn cứ Không Quân nằm ngay phía Bắc của vĩ tuyến 17 ? Do vậy ông Thiệu đi gặp tướng Phú ở Cam Ranh, nằm trên bờ biển giữa Pleiku và Sài Gòn .

Sáng ngày 14 tháng 3, ông Thiệu lên chiếc phi cơ DC 6 cùng với Thủ tướng Khiêm, tướng Viên, Tổng Tham mưu trưởng và tướng Quang, cố vấn an ninh của ông. Ông gặp Tướng Phú tại Cam Ranh, không có sự hiện diện của bất cứ một sĩ quan nào khác. Phiên họp được diễn ra trong một ngôi nhà trắng mà người ta đã từng sửa soạn , dự trù để đón tiếp ông Lyndon Johnson năm 1966.

Ở Cam Ranh, người ta cảm thấy xa được không khí chánh trị ồn ào của Sài Gòn và không khí xôn xao của Pleiku. Cam Ranh đã từng là một căn cứ Hải Quân và Không Quân quan trọng của Hoa Kỳ, là một vị trí chiến lược hai chiều. Với Cam Ranh, người ta kiểm soát được một phần lãnh thổ của nước Việt Nam . Trên bình diện quốc tế, tuần tự Nhật Bản, Hoa Kỳ và Liên Xô ai cũng ngấp nghé Cam Ranh. Hải cảng Cam Ranh có bến nước sâu cho tàu bè vào đậu. Ở Việt Nam, người Mỹ đã xây cây 55 phi cảng quan trọng, mà phi cảng Cam Ranh là một trong những phi cảng được trang bị tốt nhất. Trong hiện tại, một phần của Cam Ranh không còn được hệ thống ra đa bảo vệ: hệ thống này bắt đầu từ Ban mê Thuột . Đây là một vị trí hùng vĩ nhưng rất yên tĩnh, tuyệt đẹp với những bãi cát trắng dài hàng cây số và san hô dưới biển. Người Mỹ đã có một trung tâm nghỉ mát và giải trí cho binh sĩ của họ tại đây . Họ có thể trượt nước, xem chiếu bóng, thưởng thức món bít tết ngon tuyệt có khi nặng cả nửa kí lô, và các món ăn hải sản như tôm hùm, cua bể, sò huyết v.v.. và sau đó nghỉ ngơi thoải mái trong những phòng ngủ sang trọng trang bị đầy đủ tiện nghi, từ máy điều hòa không khí đến hệ thống truyền thanh truyền hình, phòng tắm, nhà vệ sinh,.. Từ sau ngày Hoa Kỳ rút quân về nước, các trung tâm này đã không còn như xưa nếu không muốn nói là đã gần như hoang tàn, nhưng nhìn chung Cam Ranh vẫn còn có một không khí yên tĩnh tuyệt diệu !

Trước hết tướng Phú có vẻ mất tinh thần , nóng nảy, trình bày trên bản đồ, vị trí đóng quân của các đơn vị thuộc Vùng II Chiến Thuật của ông. Ông nói:

– ” Tình hình rất xấu trên khắp vùng Cao Nguyên. Tất cả các trục giao thông chính đều bị cắt đứt. Ban mề Thuật thì đã bị mất rồi. Bây giờ thì Pleiku coi như đang bị bao vây và uy hiếp. Được thấy có thêm nhiều sư đoàn Bắc Việt khác đang xuất hiện. Chúng tôi không có khả năng giữ được Pleiku trong vòng một tháng hay 6 tuần lễ nữa.”

Ông Thiệu nghĩ ngay đến chiến lược mới của ông, chiến lược mà ông gọi là “ *đầu teo đít to*”. người Mỹ dịch lại là “Nặng ở trên, Nhẹ ở dưới”. Ông Thiệu hỏi tướng Phú:

– – ” *Giờ này chúng ta có thể tái chiếm Ban mề Thuật được không ?*

Tướng Phú trả lời quanh co, đòi viện binh, phương tiện chuyển vận và đạn dược. ông Thiệu quay sang tướng Viên. Tổng Tham mưu trưởng không có quân trừ bị, và thiếu trực thăng. Trên giấy tờ, ông có 430 trực thăng, nhưng đã có hơn phân nửa bất khả dụng, vì thiếu phụ tùng thay thế. Phần còn lại thì có một số bị hỏa tiễn Strella, một loại hỏa tiễn mới của Liên Xô, bắn hạ hay bị hư hại trong trận chiến ở Phúc Long , Ban mề Thuật và một vài chỗ khác.

Theo ông Thiệu thì: *nếu Miền Nam tái chiếm được Ban mề Thuật và nếu ông thực hiện được cuộc lui quân lớn theo chiến lược “tái phối trí” của ông thì chúng ta có thể đóng quân lại ở Pleiku và Kon Tum, tạm thời đang được triệt thoái .*

Một cuộc bàn cãi bắt đầu , trong mơ hồ và lộn xộn. Ông Thiệu thì có cảm tưởng rằng mình đã cho lệnh tướng Phú tái chiếm Ban mề Thuật . Tướng Phú thì đinh ninh rằng người ta đã cho lệnh ông rút khỏi Pleiku và Kon Tum.

Các cuộc nói chuyện với ông Thiệu được biết là thiếu sự chính xác. Thông thường ông Thiệu có thói quen hay dùng những câu trả lời mơ hồ như: Sẽ coi lại; Tại sao không ? Đâu phải là không được ?

Có điều chắc chắn là cuộc triệt thoái khỏi Pleiku đã được quyết định. Cả Thủ Tướng và Tổng Tham mưu trưởng không có ai phản đối. Ông Thiệu chấp nhận phải mất Pleiku để cứu Ban mề Thuật , tướng Phú thì chấp nhận mất Pleiku để cứu Bộ Tư Lệnh Vùng II mà ông sẽ chuyển đến một nơi khác.

Người ta tìm một con đường để rút quân. Con đường tốt nhất là quốc lộ 19 nối liền Pleiku và bờ biển không còn sử dụng được nữa. Quân Bắc Việt đã cắt đứt nó rồi. Hai bên đường là nơi tập trung pháo binh, các đội phòng không, hỏa tiễn, và các toán chống chiến xa . Tướng Phú đề nghị dùng một liên tỉnh lộ cũ, đường 7 B. Con đường này dài 200 cây số ngoằn ngoèo lên núi xuống ghềnh, trước kia được thợ rừng sử dụng để đi đến Tuy Hòa, một thị trấn nằm sát bờ biển. Bắc Việt không có kiểm soát và chưa từng kiểm soát con đường này. Lần này quân lực Miền Nam được yếu tố “bất ngờ”. Người ta sẽ cho công binh đi trước. Họ sẽ sửa chữa hay tăng cường vài chiếc cầu. Một lợi thế khác là vùng này không có bao nhiêu cư dân. Và Chánh Phủ Việt Nam Cộng Hòa sẽ không bao giờ gặp khó khăn nào với dân chúng ở đây. Các đơn vị Địa Phương Quân và Nghĩa Quân sẽ phải ở lại để tiếp tục nhiệm vụ phòng thủ Pleiku và Kon Tum. (5) Và sau cùng các công chức cũng phải được giữ lại để tránh một sự hoảng loạn cho dân chúng và kế hoạch không bị tiết lộ.(6).

Trong bộ đồ lớn màu xanh đậm, với sơ mi xanh và chiếc cà vạt màu đỏ mà vợ ông quả quyết đó là màu đem lại may mắn cho ông, Thủ tướng Khiêm không có một phản ứng nào về điều

này dù là công chức là những người mà ông phải có bốn phận đối với họ. Như thường lệ, ông có vẻ hờn rồi, bực tức điều gì đó, trong khi ông rất thận trọng, không thích và không bao giờ muốn nói lên ý kiến của mình, thậm chí đến ra lệnh cũng không. Ông rất chậm chạp trong công việc, hay thoái thác và trầm ngâm bất động đến khó hiểu như đang chờ thời vậy. Người ta gán cho ông có tham vọng làm Tổng Thống. Nhưng ông chỉ thích vai trò của nhân vật thứ hai, núp sau lưng Tổng thống mà thôi. Ở đây thực sự ông là một tướng lãnh với 4 sao trên vai, nhưng ông lại có cái mũ của một ông Thủ Tướng. Hai câu trả lời mà ông thích dùng là: "Anh hãy trình thẳng với Tổng Thống đi" hay là "Anh hãy xét việc đó với người Mỹ đi" Do đó mà cả Dinh Độc Lập và sứ quán Mỹ đều thích ông.

Tướng Tổng Tham mưu trưởng trình bày với những sự dè dặt thường lệ của ông. Ông nhắc lại:

– "Ở Đông Dương này, người Pháp luôn luôn gặp khó khăn trong các cuộc hành quân triệt thoái. Cuộc lui binh ở Lạng Sơn được kết thúc bằng một cuộc tàn sát. Hai cánh quân vừa binh sĩ vừa quân xa dưới quyền của hai đại tá Lepage và Charton đều bị tiêu diệt dưới các ngọn đồi dọc theo quốc lộ số 4. Trên một địa hình gần giống như con đường rừng 7 B, một đơn vị thiện chiến của người Pháp là "chiến đoàn lưu động 100" (GM 100) cũng đã bị đánh tan. Họ bị tiêu diệt trên quốc lộ 14, ở đèo Chu Drek."

Tướng Phú bàn cãi:

"Dĩ nhiên là bất cứ một thiếu úy nào cũng biết rằng lui binh là một cuộc hành quân khó khăn nhất. Nhưng địa hình địa vật ở trên con đường 7 B xem chừng như thuận lợi hơn trên con đường 19. Hơn nữa, còn có sự yểm trợ của Không Quân."

Thật ra, họ không còn sự lựa chọn nào khác, không còn có con đường nào khác.

Phiên họp sắp kết thúc. Tướng Phú khẩn khoản xin cho một trong những sĩ quan phụ tá của ông là đại tá Phạm Văn Tất, Liên đoàn trưởng Liên đoàn Biệt Động Quân, được thăng cấp thiếu tướng. Người sĩ quan này chưa bao giờ tỏ ra là một sĩ quan có khả năng đảm trách một nhiệm vụ chỉ huy quan trọng nào hết. Tướng Viên không biết anh ta. Ông Thiệu lưỡng lự. Tướng Phú là người được tướng Khiêm che chở, và đại tá Tất thì được tướng Phú đỡ đầu. Cần phải để cho ông tướng Tư Lệnh Vùng II có một chút tự do trong quyết định của ông ta, cho nên cả Tổng Thống và Tổng Tham Mưu trưởng đều đồng ý.

Ngay chiều hôm đó, sau khi rời khỏi Cam Ranh, về đến Sài Gòn ông Thiệu dùng cơm tối với Hoàng Đức Nhã. Ông phác họa chiến lược mới của ông, với những lợi và hại của nó cho ông Nhã nghe. Ông nói:

- "Tướng Phú có xin tôi một lữ đoàn Dù và một lữ đoàn Thủy Quân Lục Chiến. Về lực lượng trừ bị, chúng ta chỉ có non một lữ đoàn Dù. Tướng Phú phải tự xoay sở lấy với những gì ông ta đang có."

Hoàng Đức Nhã không thích ông Khiêm và không bao giờ đánh giá cao tướng Phú là người do tướng Khiêm đỡ đầu.

Rất mệt mỏi, ông Thệu thú nhận:

– "Phú là một tướng lãnh tốt nhưng chỉ tới cấp sư đoàn thôi, tôi không biết ông ta xoay sở thế nào trong nhiệm vụ chỉ huy trưởng của một quân đoàn."

Ngày hôm sau, ông Thiệu tiếp ông Wolfgang Lehmann và ông không nói gì tới quyết định trọng đại trong phiên họp ở Cam Ranh. Ông muốn dùng chiến trường Ban mê Thuật để tiêu diệt những đơn vị chủ yếu của địch.

Lehmann hỏi:

– ” Liệu ông có thể tập trung đủ lực lượng cho vùng Ban mê Thuật mà không để trống các Vùng khác ?”

– ” Dĩ nhiên đây là một bài toán thật khó. Phải bỏ trống phần chủ yếu phía Bắc của Cao Nguyên.”

Điều bất ngờ này đã làm cho nhân vật số 2 của sứ quán Mỹ lo ngại.

– *Chiến trận ở Ban mê Thuật sẽ rất là ác liệt, Nó có thể được kéo dài lâu lắm.*”, ông Thiệu nói tiếp.

Từ sau ngày ký Hiệp Định Paris, tất cả những người có trách nhiệm ở Miền Nam đều có xu hướng tiết kiệm đạn dược. Ông Thiệu cho ông Lehmann biết là ông đã ra lệnh cung cấp cho tất cả các đơn vị đang chiến đấu ở Vùng II Chiến Thuật, đầy đủ đạn dược mà họ đang cần. Ông cũng đang chờ đợi một cuộc tấn công trực diện nặng nề của Bắc Việt vào khu vực Huế và Đà Nẵng. Và hình như ông cũng thấy là Bắc Việt sẽ tấn công tỉnh Tây Ninh, cách Sài Gòn khoảng 150 cây số về hướng Tây Bắc .

Về đến sứ quán, ông Lehmann yêu cầu vị sĩ quan tùy viên quân lực Hoa Kỳ đến gặp vị Tổng Tham Mưu trưởng Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, để biết nhu cầu thực sự của Miền Nam .

Trong một công điện gửi cho tướng Brent Scowcroft ở Nhà Trắng, ông Lehmann báo cáo về cuộc hội đàm vừa qua với Tổng Thống Thiệu. Ông cũng đã có dự liệu trước trong báo cáo là: *“Kontum có khả năng sẽ thất thủ nếu bị Bắc Việt tấn công, và Pleiku cũng vậy nếu bị 2 sư đoàn Bắc Việt tấn kích.* Ông Lehmann nói rõ là tướng Phú đã triệt thoái Bộ Tham Mưu của ông về Nha Trang.

Ông Lehmann đã có biện pháp để tất cả những người Mỹ ở Pleiku và Kontum được đưa về Nha Trang. Một điểm chiến lược chót trong công điện : ” *Các tù binh Bắc Việt trong đó có một thượng sĩ, đều được nhận diện thuộc sư đoàn 341, một trong những sư đoàn trù bị chiến lược của Hà Nội* “

Về phía mình, ông Thomas Polgar cũng có một công điện cho cơ quan tình báo trung ương CIA ở Hoa Thịnh Đốn :

– ” *Miền Nam Việt Nam đang đứng trước một trong những khủng hoảng trọng đại về quân sự cũng như về tâm lý. Không thể so sánh được với năm 1972. Vì lúc đó Miền Nam Việt Nam còn được sự yểm trợ của quân lực Hoa Kỳ . Bây giờ thì Bắc Việt có quá nhiều phương tiện hơn trước, nên có thể đạt được nhiều kết quả hơn , Và họ đang đạt được nhiều kết quả hơn, với nhiều phương tiện hơn đây. Sức tiến quân của Bắc Việt nhanh hơn và có ảnh hưởng mạnh hơn lúc nào hết, so với bất cứ thời điểm nào của năm 1972.*”

Ông Polgar đã có gặp tướng Nguyễn khắc Bình, Tư Lệnh Cảnh Sát Quốc Gia, kiêm Chỉ Huy Trưởng Cơ Quan Tình Báo Trung Ương CIO, một cơ quan hoàn toàn Việt Nam nhưng tương đương với CIA và FBI của Hoa Kỳ . Tướng Bình xác nhận là *không tránh khỏi là Bắc Việt sẽ*

kiểm soát toàn bộ Vùng Cao Nguyên Trung Phần. Theo tướng Bình thì cả ông Thiệu và Chánh Phủ của ông “dù là đã được cải tổ như trong hiện tại, không ai có thể nuốt nổi sự mất mát này. Một suy sụp tinh thần toàn diện đang lộ dạng ở chân trời...”

Ông Polgar nói thêm rằng:

- “Mới có một tuần lễ đầu của cuộc tổng tấn công mà kế hoạch tồn trữ đạn dược và xăng dầu đã bị xáo trộn rồi. Dự trữ đạn dược đã khô cạn trước khi năm tài chánh chấm dứt.”

Năm tài chánh của Hoa Kỳ bắt đầu từ tháng 10 năm nay đến tháng 10 năm tới. Ông Polgar nghĩ tới những cuộc tranh luận và quyết định của Quốc Hội về viện trợ bổ túc cho Việt Nam :

- “Miền Nam Việt Nam sẽ có những khó khăn lớn lao vì quyết tâm của Bắc Việt muốn tìm một giải pháp quân sự, và vì thái độ của Quốc Hội Hoa Kỳ muốn đơn phương chấm dứt hay hạn chế sự viện trợ cho Miền Nam Việt Nam mà không cần biết tới hành động của cộng sản Bắc Việt”.

Không còn nghi ngờ gì nữa về kết quả cuối cùng bởi vì Miền Nam Việt Nam không thể tồn tại được nếu không có viện trợ quân sự của Hoa Kỳ bao lâu mà khả năng của bộ máy chiến tranh của cộng sản Bắc Việt đã chẳng những không được Liên Xô và Trung Quốc hãm lại mà còn được họ thúc đẩy mạnh tới nữa, Vì họ là cấp trên, là cấp chỉ huy trực tiếp của Bắc Việt ”

Tất cả người Mỹ ở Sài Gòn dù là dân chính hay quân nhân, đều không một ai được chánh thức thông báo về quyết định của ông Thiệu. Khi họ thấy mình được đặt trước một việc đã rồi thì tướng Homer Smith than phiền với tướng Viên. Ông Tổng Tham mưu trưởng chỉ còn nước giải thích:

- “Đó là lệnh của Tổng Thống. Ông ấy muốn giữ kín các cuộc hành quân.

CHÚ THÍCH của Dịch Giả:

(1) Tác giả dùng chữ Việt không dấu chữ nghiêng, nguyên tác “*dau be dit to*”.

Dịch giả xin dịch lại cho đúng hơn : “Đầu teo dit to”

(2) Đây là luận điệu của cộng sản Bắc Việt, cho đúng với chiêu bài “Chống Mỹ Cứu Nước” mà họ đã tuyên truyền để khích động người dân Miền Bắc . Tác giả Olivier Todd vẫn dư biết điểm này sai hoàn toàn, nhưng có lẽ tác giả muốn nói lên tư tưởng và quan niệm về cuộc chiến của người cộng sản Miền Bắc lúc bấy giờ. Tác giả vẫn biết rất rõ là quân lực Hoa Kỳ đã rút hết về nước ngay từ sau ngày 28 tháng giêng năm 1973, sau khi Hiệp Định Paris có hiệu lực. Thời điểm mà tướng Dũng đặt Bộ Chỉ Huy tại Cao Nguyên cho chiến dịch 275 để tiến chiếm Miền Nam là tháng 3 năm 1975, tức là thời điểm không còn một binh sĩ Hoa Kỳ nào trên khắp lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa vì họ đã rút hết quân về nước từ hơn 2 năm mấy tháng rồi !

(3) Người dân Miền Nam gọi họ là “Đồng Bào Thượng” hay “Dân Tộc Thiếu Số”, trong khi người dân Miền Bắc thì gọi họ là “Dân Tộc Ít Người”

(4) Theo tác giả Olivier Todd thì cuộc tiếp xúc giữa Phó Thủ Tướng Nguyễn văn Hào và ông Dan Ellerman xảy ra vào ngày 9/3/75, còn ý định “tái phối trí chiến lược” của ông Thiệu chắc chắn phải có từ trước ngày 9/3, nên cả Thủ tướng Khiêm và Phó Thủ tướng Hào mới biết được . Có nghĩa là trước ngày Ban mê Thuật bị tấn công (10/3/75) ?

(5) Bất các đơn vị Địa Phương Quân và Nghĩa Quân (phần lớn là đồng bào Thượng) phải ở lại với trách nhiệm phòng thủ Pleiku và Kontum là một điều đáng bị phê phán, nếu không muốn nói là quá vô trách nhiệm của Vùng II .

(6) Bất buộc các công chức người Việt Nam phải ở lại mới chính là nguyên nhân tạo sự hoảng loạn.

Chương 10 Con đường 7B

Ngày 8 tháng 3, trước ngày Ban Mê Thuột bị tấn công, ông Kissinger đang ở tại Bruxelles, thủ đô của nước Bỉ, để cùng ông Tổng Trưởng Ngoại Giao Dimitrios Bitsios của Hy Lạp, xem xét vấn đề của đảo Chypre.

Ngày 15 tháng 3, tại Damas (thủ đô của Ai Cập) Hoa Kỳ đã biết là trận chiến đã kết thúc khi Tổng Thống Assad nói với Kissinger:

– “ Các ông đã bỏ rơi Cam Bốt, các ông đã chọn Bắc Kinh và buông Đài Loan, Các ông đã nhượng bộ trước Do Thái....”

Chuyến du thuyết của ngoại trưởng Kissinger coi như đã thất bại hoàn toàn. Trên chiếc phi cơ “*Không Lực 1*” của Tổng Thống Hoa Kỳ, mà ông Kissinger đã dùng nó để đi Caire (Ai cập) và Tel-Aviv (Do Thái), các nhà báo đã nói tới số phận của Ngoại Trưởng Hoa Kỳ . Ông ta đã không còn là một người của “phép lạ” nữa rồi. Người ta xầm xì với nhau rằng người có nhiều triển vọng thay thế ông ở Bộ Ngoại Giao sẽ là ông Elliot Richardson, Đại sứ Mỹ ở Anh Quốc. Trong suốt chuyến công du này, ông Kissinger không hề để tâm đến những biến cố đang xảy ra ở Việt Nam:

Ban Mê Thuột ư? Một giai đoạn đã nằm ở ngoài lề rồi !

Để củng cố vị trí của ngoại trưởng Mỹ, Tổng Thống Ford tuyên bố là ông ta còn lưu giữ Kissinger cho tới tháng giêng năm 1976

Ở Sài Gòn ông Polgar chờ kết quả tranh luận của Quốc Hội. Ông rất tin tưởng ông Kissinger.

Ông Thomas Polgar có một tước hiệu kêu lắm, “*Phụ Tá đặc biệt của Đại Sứ*”. Mọi người đều biết và nhận ra ông trưởng cơ quan CIA này ngay khi ông ta đến chơi ở Câu Lạc Bộ Thể Thao Sài Gòn , hay đến Trụ sở của Ủy Ban Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến (CICS) hay khi ông đi dự các cuộc tiếp tân. Một nhà báo Hung Gia Lợi, thành viên chánh thức của Ủy Ban này đã nói:

– “*Ông Polgar là người Mỹ mà chúng tôi thích....*”

Năm nay ông Polgar được 53 tuổi, có thân hình béo tròn, trán hói, thường hay đeo kiếng đen gọng đôi môi. Ông là người sanh trưởng ở Budapest, thủ đô Hung Gia Lợi, nên còn giữ được vài giọng nói của người Hung trong tiếng Anh trau chuốt của mình. Người ta có cảm tưởng , dù là không đúng lắm, rằng ông cố giữ giọng riêng của mình cũng như ông Kissinger giữ giọng Do Thái của ông ta vậy.

Là một giám đốc ngân hàng ở Budapest, người cha của ông đã cho ông đi Hoa Kỳ lúc ông được 16 tuổi. Ở đó ông vào một trường đại học nhỏ, nơi đào tạo các sinh viên trong giới “áp phe”. Nhờ đi giao hàng cho một ông chú chuyên nghề đóng sách, ông Thomas Polgar học được địa hình của New York. Chiến tranh không cho ông tiếp tục học hành. Và ông trở thành người lính bộ binh trong quân đội Hoa Kỳ lúc ông được 20 tuổi. Ông nói tiếng Đức nên cũng giống như trung sĩ Kissinger, nên người ta hướng anh vào Dịch Vụ Tin Tức Tình Báo, lúc bấy giờ là cơ quan O S S (Office of Special Services: Văn phòng Dịch Vụ Đặc Biệt) tiền thân của CIA trong tương lai. Nhiệm vụ có phần vui thích hơn là ở trung đoàn 310 bộ binh. Đến khi quân Đồng Minh chiếm nước Đức, thì Polgar lúng lúng tài sản và chương mục ngân hàng của nhà kỹ nghệ IG. Farben. Tại Bá Linh, Polgar làm việc với những người mà ông ta thường ngưỡng mộ,

như Allen Dulles, trưởng cơ quan tình báo CIA Hoa Kỳ tại Đức và ông Helms, trưởng toán CIA tại Bá Linh.

Được giải ngũ năm 1946, Polgar nghĩ tới việc làm báo, một nghề khá bận rộn. Nhưng anh vẫn ở trong ngành tình báo trong suốt những năm thích thú nhất của chiến tranh lạnh vào lúc Bá Linh bị phong tỏa. Chưa đến tuổi 30, anh đã thuộc các cơ quan tình báo bí mật, với cấp bậc tương đương của một đại tá.

Ở Sài Gòn anh thường hay gặp đại tá Toth, thành viên Hung Gia Lợi thích nhất của anh. Ông Polgar đã biết nói chuyện với những “người đối diện” từ lâu rồi. Trong thời gian căng thẳng ở Bá Linh, anh đã mời trưởng cơ quan Mật Vụ Liên Xô đến và đã thỏa thuận thẳng với ông này :

- *“Nếu có gì xảy ra thì chúng ta không nên đụng tới đàn bà và trẻ con nhé”*

- *“Đồng ý”*, người bạn Liên Xô trả lời.

Trong giới tình báo quốc tế, trên một đẳng cấp nào đó, nghề nghiệp trở thành một trò chơi. Họ ấn định với nhau một vài luật lệ và tuân thủ với nhau, trừ trường hợp ngoại lệ không kể.

Ở Hoa Kỳ trong nghề này mọi thành công thường được tưởng thưởng. Polgar đã theo đuổi nghề này một cách tốt đẹp cả ở Đức và Áo Quốc. Sang Á Căn Đình anh rất thân với trưởng cơ quan của anh. Có một lần bọn không tặc cướp một phi cơ ở sân bay Buenos Aires. Ở xứ này Cảnh sát đã có một nguyên tắc: không thương lượng với kẻ cướp. Khi được hỏi ý kiến, Polgar đề nghị cho anh ta điện thoại cho Tổng Thống Á Căn Đình. Đến 3 giờ sáng, Tổng Thống đành phải chấp nhận đề nghị của anh thôi:

- *“ Chúng tôi không muốn thương lượng, nhưng ông, Polgar, ông là người Mỹ, ông có thể làm được chuyện đó. Hãy làm đi”*

Polgar leo lên chiếc phi cơ và mời mấy anh không tặc uống Coca Cola có bỏ thuốc ngủ trong đó. Không tặc ngủ mê man, và ngày hôm sau Polgar thức dậy, trở thành một người nổi tiếng.

Anh tự hào rằng anh rất thực tế, không có chút nào mơ hồ đối với bản chất của con người , và thích nói về Kipling: “Những người độc thân trong trại lính ít khi sống như những ông thánh lắm.”

Đến khi ông Helms được Hoa Thanh Đồn đề bạt lên làm trưởng cơ quan tình báo trung ương CIA thì ông này gọi ngay cho Polgar một công điện vào tháng 7/ 1971. Khi trao bức công điện cho Polgar người nhân viên mật mã nói đùa :

“Vì ông đang ngồi, nên tôi trao cho ông công điện này mà không cần phải giải thích” .

Nội dung công điện : *“Trừ trường hợp mà tôi không được biết, anh có thể thay Ted Schakley giữ chức vụ trưởng toán của cơ quan CIA ở Việt Nam hay không? , từ ngày 1 tháng 10 này ?”*

Bà Polgar có vẻ không vui lắm, trong 3 đứa con trai của họ, đứa lớn phải vào đại học ở Hoa Kỳ. Hơi lưỡng lự, Polgar điện trả lời : *“Tốt nhất là ông cho tôi đến nói chuyện với ông.”*

Gặp Helms, Polgar nói thẳng:

” Đối với Đông Nam Á Châu tôi không thành thạo lắm đâu. “

– ” Nó sẽ giúp anh có một tầm nhìn mới “ Helms trả lời và nói thêm : ” Anh đừng lo, anh không có thì giờ đâu mà để tâm vào chi tiết của công việc. Anh còn phải lo chú ý tới những gì xảy ra ở Quốc Hội, ở giới truyền thông, ở Bộ Ngoại giao, và trong Quân lực Hoa Kỳ . Anh còn phải bận tâm nhiều về những nơi đó.”

Vào tháng 3 năm 1975, với diễn biến tình hình quân sự ở mặt trận như thế mà mỗi bận tâm lo lắng hàng đầu của Polgar là Quốc Hội. Ông trưởng lưới tình báo CIA này ước tính rằng Hoa Kỳ bị dính sâu vào tình hình trầm trọng ở Việt Nam . Việt Nam đang quá yếu và là một gánh quá nặng cho Hoa Kỳ . Theo Polgar, không thể nào có vấn đề một chiến thắng hoàn toàn bằng quân sự đối với Hà Nội. Trong hiện tại, trận chiến chắc chắn không ở một mức độ “có thể chấp nhận được”. Rõ ràng là Tổng Thống Gerald Ford cũng như Richard Nixon hay Lyndon Johnson, ông không hề rung động vì vấn đề Việt Nam. Polgar có dự vào những cuộc gặp gỡ ở San Clemente, nơi đó anh đã gặp được Graham Martin lần đầu.

Ông Nixon thật đã có tuyên bố với ông Thiệu rằng : *” Cho tới khi nào tôi còn là Tổng Thống, ông có thể tin chắc là Việt Nam sẽ có 1 tỷ 600 triệu đô la viện trợ quân sự hàng năm, và viện trợ kinh tế sẽ từ 600 triệu đến 1 tỷ đô la.”*

Từ ngày ông Martin đến Sài Gòn, sự liên lạc giữa Đại sứ và ông Polgar rất tốt. Ông Graham Martin thuộc khối người da trắng gốc Anh Cát Lợi lại theo đạo Tin Lành, nên có thiện cảm với người trưởng lưới, di cư gốc Do Thái, vô thần này. Polgar đã chứng tỏ năng lực của mình.. Trong hệ thống công chức cao cấp, Polgar nằm ở đẳng cấp GS 17, tương đương với cấp tướng tư lệnh Quân đoàn.

Bây giờ thì đại tá Janos Toth, người Hung Gia Lợi của Polgar và cố vấn chánh trị của Anton Tolgyes không có một tin tức nào mới để trao cho Polgar. Anh bạn Ba Lan cũng vậy. Có một lần vào một ngày nào đó, sau một chiến thắng của QLVNCH, Polgar chọc người bạn Ba Lan của mình :

–“Các bạn VNCH của tôi đánh đấm cũng không tệ lắm hả bạn ?”

Người bạn Ba Lan phản ứng lại ngay :

– ” Đúng vậy, nhưng mà các bạn sẽ bị thua to ở Hoa Thạnh Đốn kia !

Ở Hoa Thạnh Đốn tài khoản cho những dự án của Chánh Phủ Hoa Kỳ liên quan đến Việt Nam đều không được một ai chú ý tới. Hai tuần lễ đầu của tháng 3 / 75 là thời gian thất vọng nhất của những người chủ trương viện trợ cho VNCH. Dư luận dân chúng Mỹ không có gì lạc quan hết. Cuộc thăm dò của viện Gallup cho thấy 78 % công dân Hoa Kỳ chống lại mọi viện trợ bổ túc cho Việt Nam và Cam Bốt. Cử tri của đảng Cộng Hòa cũng chống đối như cử tri thuộc đảng Dân Chủ.

Thơ phản đối chồng chất ở văn phòng các nghị sĩ và dân biểu. Người ta hét điện thoại đến viết thơ để thăm dò từ phiên họp này đến phiên họp khác. Không ai muốn bỏ rơi đồng minh Việt Nam của mình ở Đông Dương, nhưng cũng không ai muốn sẽ bị cử tri bỏ rơi mình!

Đối với Cam Bốt cũng như Việt Nam , người ta có một số “khả năng hành động” như sau:

1.- Chấp thuận cho Tổng Thống Ford toàn bộ hay một phần ngân khoản mà ông này xin.

2.- Chấp thuận yêu cầu của Tổng Thống Ford về khoản viện trợ quân sự và viện trợ nhân đạo, nhưng có điều kiện kèm theo.

3.- Chỉ chấp thuận viện trợ nhân đạo mà không chấp nhận viện trợ quân sự.

4.- Chỉ chấp nhận viện trợ quân sự bỏ túi.

5.- Bỏ hết yêu cầu viện trợ của Chánh Phủ .

Rất có phương pháp và rất thận trọng, các nghị sĩ và dân biểu tách rời vấn đề Cam Bốt ra khỏi bài toán Việt Nam . Thông thường ở Sài Gòn cũng như ở các nơi khác, người ta không biết là các vị dân cử đang trở về khuynh hướng tự nhiên của họ: đó là chủ trương “biệt lập”.

Chủ trương chống lại đường lối chánh trị của Tổng Thống Ford thể hiện rõ ràng ở Hạ Viện. Các đơn xin viện trợ của Chánh Phủ phải qua sự duyệt xét của các ủy ban hay các tiểu ban. Ông Philip Habib, Phụ tá Tổng trưởng Ngoại Giao đặc trách về Đông Nam Á, bị chất vấn khi ra điều trần ở Quốc Hội. Ông này hết giải thích với nhóm này tới nhóm nọ rằng cả Hoa Kỳ và Cam Bốt đều không mưu tìm một chiến thắng bằng quân sự. Vả lại đây là một chuyện quá khó. Trên giấy tờ, quân đội Cam Bốt có 240.000 người . Tuy nhiên có chăng chỉ là trên 50.000 quân tham chiến mà thôi. Vấn đề chỉ là cầm cự trong vài tháng nữa thôi đến tháng 9. Lúc đó nước sông Cửu Long sẽ dâng lên thì Phnom Penh sẽ không còn bị vây hãm nữa. Lực lượng Khmer Đỏ sẽ không còn phục kích dễ dàng trên các trục lộ cũng như trên sông rạch đước nữa.

Đôi với giới chánh trị ở Hoa Thịnh Đốn , dân biểu Don Fraser, một thành viên của phái đoàn Quốc Hội Hoa Kỳ vừa viếng thăm Sài Gòn đã xác nhận là chiến tranh ở Cam Bốt coi như đã chấm dứt rồi. Hoa Kỳ chỉ còn một cách để rút chân ra khỏi nơi đó: đó là phải liên lạc với Chánh Phủ Pháp và Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc và hỏi Khmer Đỏ xem họ muốn chấm dứt cuộc chiến với điều kiện nào ? Có thể chấp nhận cho Cam Bốt một khoản viện trợ nhân đạo. Dân biểu Paul McCloskey cũng là một thành viên của phái đoàn Quốc Hội Hoa Kỳ đến Sài Gòn nói rằng quan điểm của ông đã thay đổi hẳn sau chuyến viếng thăm Phnom Penh. Ông ta chống mọi viện trợ quân sự. Không còn trường hợp đó nữa. Ông ta nói :

– “ Ở Cam Bốt, bên nào cũng giết tù binh hết. Nếu phía Chánh Phủ Phnom Penh hết đạn, thì sẽ có những sự trả thù ghê gớm lắm. Những người tỵ nạn đã xác nhận với ông là bọn Khmer Đỏ đã dùng toàn là phương tiện thô sơ để hành quyết dân làng khi họ chiếm được làng mạc. Đó là sự thật hay là tuyên truyền ?”

Ông Mc Closkey đứng về phía những người muốn có một viện trợ quân sự nhưng phải có giới hạn .

Đơn xin viện trợ của Tổng Thống Ford đi theo hệ thống thông thường. Muốn cho một dự án của Chánh Phủ được chấp thuận thì dự án đó phải đến Hạ Viện trước, qua các ủy ban và các tiểu ban. Ở Thượng Viện cũng vậy. Nếu Hạ Viện và Thượng Viện bất đồng ý kiến thì một ủy ban hỗn hợp sẽ tìm một biện pháp dung hòa.

Ngày 10 tháng 3, ông William Colby, Giám Đốc CIA đã điều trần ở Hạ Viện rằng :

– “ Tôi không nghĩ rằng Cam Bốt sẽ tồn tại được dù có được viện trợ quân sự bỏ túi.”

Một số dân biểu sẵn sàng bỏ phiếu thuận, nếu Chánh Phủ chịu tiến tới một giải pháp ngoại giao. Bằng cách nào ? Ở Hạ Viện người ta nói tới kế hoạch Manac'h.

Étienne Manac'h lúc còn là Đại sứ Pháp ở Bắc Kinh đã từng giúp đỡ Hoa Kỳ, VNCH, Bắc Việt và Việt Cộng trong thời gian thương thuyết Hiệp Định Paris 1973. Ông đã từng có sáng kiến đề nghị một kiểu bàn hội nghị để cho các phe ngòai lại với nhau. Theo Hoa Thạnh Đốn thì kế hoạch của ông ta là : Hoa Kỳ phải đưa ông Lon Nol đi và để cho ông Sihanouk trở về Phnom Penh lại. Về chấp chánh ở Pnom Penh, ông Sihanouk sẽ lập một Chánh Phủ Liên Hiệp, có cả Khmer Đỏ trong đó . Chỉ có một điều hơi khó: Theo người ta biết được thì Khmer Đỏ không có một ý định nào để thương lượng hết. Chiến thắng đã ở ngay mũi súng và họng bích kích pháo của họ rồi. Ngoài ra, ông Sihanouk không có nuôi một ảo tưởng nào về ảnh hưởng hay uy tín của ông đối với phía Khmer Đỏ. Kế hoạch giả tưởng này đã chết trong trứng nước từ lâu rồi nên chỉ còn có những người dốt hay ngây thơ mới chú ý tới nó. Ở Quốc Hội Hoa Kỳ vẫn còn vài người như vậy. Ý kiến thành lập một Chánh Phủ Liên Hiệp đã được nghĩ tới cho Miền Nam Việt Nam , vì đó là do Việt Cộng gợi ý . Còn ở Cam Bốt thì khái niệm về Liên Hiệp không có dựa vào nền tảng nào hết, vì phía Khmer Đỏ chưa bao giờ nói tới danh từ này. Ông Đại Sứ Hoa Kỳ ở Phnom Penh từ lâu rồi đã tuyên bố là mọi giải pháp tìm được cần phải có “biện pháp kiểm soát”. Các nghị sĩ và dân biểu Mỹ đều có cảm tưởng rằng ở Cam Bốt Hoa Kỳ chẳng có kiểm soát được bao nhiêu. Đó không phải là trường hợp ở Việt Nam .

Sáng ngày 12 tháng 3, nhóm Caucus, gồm các dân biểu thuộc đảng Dân Chủ ở Hạ Viện bỏ phiếu cho một nghị quyết do 5 dân biểu Dân Chủ đệ trình, trong số này có bà Bella Abzug, người mà vài ngày trước đây đã đả kích ông Martin và ông Thiệu. Nhóm Caucus này tuyên bố “chống lại tất cả mọi viện trợ quân sự cho Việt Nam và Cam Bốt trong năm tài chánh 1975”, nghị quyết này được chấp thuận với 189 phiếu thuận và 49 phiếu chống.

Ở Thượng Viện người ta cũng muốn “vứt bỏ” Cam Bốt, nhưng người ta tự hỏi làm sao dung hòa được danh dự của Hoa Kỳ với sự chán ngán của cử tri và số phận của một đồng minh. Tiểu ban ngoại giao của Thượng Viện đặc trách về viện trợ cho ngoại quốc và chánh trị kinh doanh đã bỏ phiếu thuận cho một ngân khoản tối đa là 25 triệu đô la viện trợ vũ khí đạn dược cho Cam Bốt. Kết quả bỏ phiếu rất khít khao 4 phiếu thuận và 3 phiếu chống.

Ngoài những vấn đề về Đông Dương, trong các cuộc thảo luận và các tu chính án, rất nhiều vị dân cử tìm mọi cách để giới hạn quyền hạn của tất cả các vị Tổng Thống về chánh trị quốc ngoại và về quân sự. Không cần biết vì lý do gì, miễn là người ta lấy lại được quyền hành đã mất.

Người ta chưa có nói tới vấn đề Việt Nam khi giải quyết xong bài toán Cam Bốt bằng cách bỏ phiếu triển hạn, theo cách nói của Quốc Hội. Những người quyết tâm chống đối đã tìm được một phương cách mà họ cho là một chiến thuật tuyệt diệu: cứ chiếu theo lịch trình của Quốc Hội . Quốc Hội nghỉ lễ Phục Sinh từ ngày 27 tháng 3. Tiểu ban phải bỏ phiếu quyết định bài toán quan trọng này có 33 thành viên. Bỏ phiếu “triển hạn bàn cãi”: 18 phiếu thuận và 15 phiếu chống. Trong số các vị bỏ phiếu thuận – hay tạm ngậm lại (nguyên tác: chôn) bài toán Cam Bốt có 8 vị thuộc đảng Cộng Hòa. Đối với một vị Tổng Thống thuộc đảng Cộng Hòa như ông Ford thì quả là một đòn quá nặng. Tám vị thuộc đảng Dân Chủ đã bỏ phiếu chống triển hạn. Các vị dân cử không hành động theo đảng chánh trị của họ mà theo “linh hồn” và lương tâm của họ, trong sự nghi ngờ và lo âu. Trong giai đoạn quan trọng này mà các vị dân cử thuộc đảng Cộng Hòa không ủng hộ cho Tổng Thống của đảng họ về một dự án mà ông này cho là tối quan trọng, đó là điều cần nói ở đây!

Trong lúc đó thì trong Chánh Phủ người ta đổ trách nhiệm lẫn cho nhau. Ở Bộ Ngoại Giao người ta xác nhận là những người thân cận của Tổng Thống ở Nhà Trắng không đo được tinh thần của Quốc Hội. Còn ở Nhà Trắng thì người ta than phiền Bộ Ngoại Giao quá quan liêu,,

không dứt khoát trình lên cho Quốc Hội những đề nghị và đòi hỏi của Tổng Thống một cách mạnh dạn.

Là một người quá quen về thể thức của Lập Pháp, ông Ford biết hết các phương thức vận động nên ông lại tiếp tục tấn công. Những người của Bộ Ngoại Giao đã cho các nghị sĩ và dân biểu thấy cảm tưởng dường như Chánh Phủ đã hết lối đi rồi. Nhưng ông Ford cho biết thật sự không phải như vậy, hoàn toàn không phải như vậy. Ông chủ trương “được cả hay ngã về không”. Ông tình nguyện chấp nhận cho CamBốt một ngân khoản viện trợ quân sự cấp thời là 82 triệu 500 ngàn đô la. Để cho công việc được dễ dàng, vũ khí và đạn dược sẽ được trích ra từ kho dự trữ, như vậy ngân sách trong năm tài chánh 75 sẽ không bị thặng chi.

Ngày 15 tháng 3, hai ông Charles Percy và Jacob Javits đề nghị với tiểu ban ngoại giao của họ, một tiểu ban mạnh nhất của Thượng Viện, nên chấp thuận một ngân khoản viện trợ cho Cam Bốt là 82 triệu rưỡi đô la. Đề nghị được chấp thuận với 9 phiếu thuận / 7 phiếu chống. Nhưng tiểu ban này xác định là mọi viện trợ quân sự phải được chấm dứt sau ngày 30 tháng 6 / 1975.

Cũng trong ngày 15 tháng 3 này, ở Hoa Thịnh Đốn người ta biết được là VNCH đang sửa soạn cho những cuộc hành quân lạ lùng lắm ở Cao Nguyên Trung Phần, chính xác hơn là trên con đường tỉnh lộ 7 B.

Tại Sài Gòn, một thời gian sau kỹ sư Văn mới biết được là quân Bắc Việt đã tấn công và chiếm Ban Mê Thuột.

Ở Bộ Giao Thông Công Chánh, ông bộ trưởng không họp các cộng sự viên lại nữa. Các quân nhân bạn của kỹ sư Văn quả quyết với ông rằng các chiến sĩ đang thiếu cả vũ khí, đạn dược và lương thực. Ông không nghi ngờ gì về lòng can đảm của các bạn của ông, họ cũng có nói về các cuộc hành quyết ở Ban Mê Thuột. Kỷ niệm các vụ hành quyết ở Huế hồi Tết Mậu Thân năm 1968 hãy còn sờ sờ đây. Sĩ quan và binh sĩ chạy về Sài Gòn trách dân chúng ở đây đã có một đời sống quá đẹp. Ông Thiệu đã cho lệnh đóng cửa các “nhà tắm hơi”, âu cũng là một niềm an ủi tối thiểu cho các chiến binh.

Kỹ sư Văn tin rằng sẽ có một giải pháp chánh trị. “Người ta” sẽ đưa ra một giải pháp “Trung Lập.” Kỹ sư Văn nghĩ rằng đứng trước thử thách mới này, người Mỹ sẽ không “khoanh tay đứng nhìn” đâu. Cả người Liên Xô và Trung Quốc cũng vậy nữa. Dù sao năm 1973 người Mỹ đã ép ông Thiệu nhượng bộ, bắt buộc ông Thiệu phải ký vào Hiệp Định Paris. Bây giờ năm 1975 thì đến lượt Liên Xô và Trung Quốc phải ép Hà Nội mới là đúng. Ở Sài Gòn có nhiều người đã nhớ rằng hồi 1956, Liên Xô đã từng muốn cho hai nước Việt Nam được vào Liên Hiệp Quốc, nhưng lúc đó Hoa Kỳ lại chống đối. Không phải chỉ có ở Sài Gòn người ta mới thường đánh giá cao sức ép của Liên Xô đối với Hà Nội.

Hòa Thượng Thích Thiện Hoa không thấy ưu tư gì khi được nghe tin trên báo chí và đài phát thanh về việc các tỉnh và thị trấn bị thất thủ, dù tin tức có hơi muộn. Từ lâu rồi người ta đã quen nghe nói về các trận đánh lớn. Chắc cũng giống như các trận đánh hồi năm 1972, rồi thì quân lực Miền Nam phải tái chiếm phần đất vừa bị mất thôi. Không còn nghi ngờ gì nữa chắc việc Ban Mê Thuột và Phước Long phải di tản cũng chỉ là một phần của chiến lược chung mà thôi. Quân đội quốc gia Miền Nam chắc phải tái chiếm lại tất cả các tỉnh và thị trấn đó lại.

Cũng giống như kỹ sư Văn, nhà văn Duyên Anh nghĩ rằng Sài Gòn sẽ có một thỏa hiệp với Hà Nội. Và cộng sản Bắc Việt phải dừng quân lại ở đâu đó, có thể ở Qui Nhơn chẳng hạn. Rồi người ta sẽ thiết lập một “khu trái độn” giữa phần đất đã bị Bắc Việt chiếm cứ và phần lãnh thổ

Miền Nam còn lại. Sau đó người ta sẽ thiết lập một Chính Phủ “Hòa Hợp Hòa Giải” đúng theo tinh thần của Hiệp Định Paris 1973. Người Việt Nam dù là ở Miền Nam hay ở Miền Bắc đều đã thường nghe nói tới Hiệp Định này.

Nhà văn tự tin chắc rằng người Mỹ đã bỏ quá nhiều tiền để đầu tư ở Việt Nam nên chắc chắn họ không muốn mà cũng không thể bỏ Việt Nam được . Khi tin Ban Mê Thuột bị Bắc Việt chiếm được xác nhận ở Sài Gòn thì nhà văn rất phân vân khó nghĩ. Và nếu Miền Nam Việt Nam của chúng ta bị mất thì sao đây ? Chúng ta đã tùy thuộc quá nhiều vào Hoa Kỳ . Dĩ nhiên ở một vài tỉnh cũng có chuyện bất công do tham nhũng gây ra. Vì nghĩ tới đó nên dân chúng mới bị đẩy vào thế phải dựa vào cộng sản . Chính Phủ bỏ quên dân chúng quá. Lớp thanh niên thì chỉ được dùng để bổ sung cho hàng ngũ quân lực mà thôi.

Tạp san “Cách Mạng Xanh” mà nhà văn đã tốn bao nhiêu công sức vào đó sẽ không có dịp được xuất bản nữa, đó là một tin không mấy vui cho nhà văn Duyên Anh. Rồi ngày tổ chức kỷ niệm “Người Cày Có Ruộng” cũng phải bị bỏ luôn. Có nhiều tin đồn đãi là quân lực của ta sắp rút khỏi Vùng II Chiến Thuật. Người ta nói đến một sự rút lui. Một cuộc rút lui tức là một sự tháo chạy. Tháo chạy tức là mất đất... Hồi năm 1954 trước khi ký Hiệp Ước Genève, lúc quân đội Pháp rút quân thì người ta đã nói đó là cuộc rút lui chiến lược. Để rồi sau đó có sự kiện Điện Biên Phủ, một lòng chảo trong đó đã có gần một phần mười quân đội viễn chinh của Pháp.

Nhà văn cho thế là cũng đủ quá rồi.... Một sự thất trận không ra gì trên bình diện quân sự đôi khi sẽ trở thành một tai họa về chính trị . Và Tổng Thống Thiệu thì giải thích là cần phải có hàng trăm triệu mỹ kim viện trợ. Nhà văn cảm thấy tức giận lắm, ông làm việc cho Chính Phủ nhưng không mấy thích ông Thiệu. Ông cũng không ưa gì người Mỹ và những người Nga Xô Viết những người đang tích cực hỗ trợ cho Bắc Việt . Nhà văn hy vọng.... rồi lại đâm ra thất vọng...

Ở về phía Bắc Sài Gòn khoản 300 cây số là thành phố Dalat. Ở đó hầu hết dân chúng không có vẻ gì lo âu hết.

Ngay trung tâm thành phố trên đỉnh một ngọn đồi, các hàng cà phê, các quán ăn và rạp chiếu bóng Hòa Bình lúc nào cũng đầy người . Học sinh và sinh viên sau giờ học thì hấp tấp bu quanh các bàn bi da và các bàn bóng đá. Có rất nhiều thanh niên nam nữ của Sài Gòn sống ở đây trong niên khóa cả trung học và đại học. Người ta nhận ra các nữ sinh của trường nhà Dòng với cùn màu xanh đậm của nước biển và sơ mi xanh nhạt. Còn đây là những cậu thanh niên thuộc giới khá giả của thủ đô Sài Gòn , nội trú của trường trung học Yersin thường ra chơi ở đây vào cuối tuần, với các sinh viên sĩ quan trường Võ Bị Liên Quân và trường Chiến Tranh Chính Trị. Họ đi dạo chơi quanh bờ hồ, chơi quần vợt, hay mượn thuyền đạp trên mặt hồ. Đến chiều thì họ lại gom về lại các quán cóc, ở đó họ say sưa thưởng thức ca nhạc, có cả thơ phổ nhạc của Trịnh công Sơn. Các hàng quán thường bán đến tối, cả một vùng nức mùi gia vị của thức ăn, và cả mùi thơm của trái cây Dalat. Lúc nào cũng có người nhất là về đêm ở các gian hàng của người Ấn, bán các loại nước hoa và tơ lụa đủ màu sắc sỡ.

Vôn là một người có vóc dáng nhỏ thó như người Việt Nam , Linh mục Jean Mais thuộc Dòng Truyền Giáo ngoại quốc, khoản 40 tuổi, là giáo sư dạy ở trường Đại Học Công Giáo mà đứng ở khu chợ người ta có thể nhìn thấy rõ trên đỉnh đồi. Khoa Kinh Tế Chính trị ở Dalat có rất nhiều sinh viên đến học từ khắp nơi trong nước. Đến Việt Nam từ 7 năm rồi, nói thông thạo tiếng Việt, đang dạy tiếng Pháp, Linh mục đã có nhiều mối giao hảo với các sinh viên đủ mọi tôn giáo và tiếp xúc thân tình với họ. Đã là giáo sư thì phải biết khuyên bảo, mà một giáo sư người ngoại quốc phải là người không có định kiến. Cho nên các sinh viên rất nghe theo Cha Mais, dù có nhiều em tự hỏi không biết làm sao giáo sư người Pháp này có thể hiểu nổi mình.

Một số không ít các em chú ý tới Phong Trào chống tham nhũng của cha Thanh, một phong trào đã nói nhiều về cá nhân linh mục này. Một số các em khác thường là con cháu của các công chức hay quân nhân thì nói với giáo sư Mais rằng cha Thanh là con cò của cộng sản. Linh mục Mais nghĩ rằng những cảm tình viên của cha Thanh đều thuộc các gia đình có liên quan đến Mặt Trận Giải Phóng, hay với cái CPLTCHMN của cộng sản. Người Việt Nam thường nói tới Mặt Trận Giải Phóng hơn là cái CPLTCHMN này. Linh mục Mais không phân biệt được những người nào thuộc “lực lượng thứ ba” mà không thích Mặt Trận Giải Phóng với những người có liên hệ mật thiết với Mặt Trận này. Ông nghĩ rằng ông nên tránh không nên theo bên nào cả. Nhưng làm sao được khi ông kể chuyện có tánh cách lịch sử về những năm của thập niên 50 ngoài Bắc, nói về cuộc di cư vào Nam của những người công giáo, về chuyện “cải cách ruộng đất”... Ông cố tìm hiểu những sự lo âu và những sự náo lòng của các em sinh viên. Nhưng theo ông thì dường như về phương diện chánh trị sự chọn lựa của cha mẹ các em mới là phần quyết định. Ông nghĩ rằng tình cảm gia đình phải luôn luôn được đặt trên tinh thần ý thức hệ. Linh mục cũng có đặt vấn đề với các đồng nghiệp của ông. Người phụ tá dạy Pháp văn của ông là anh Ngữ đã cho ông biết là gia đình anh có cảm tình với Mặt Trận Giải Phóng.

Sau kỳ nghỉ Tết, các sinh viên ngoan ngoãn trở lại Dalat. Nhưng từ lúc đó, phụ huynh các em nhất là những người ở Sài Gòn gửi điện tín lên thúc hối các em trở về Sài Gòn. Đối với các em thuộc gia đình dư ăn dư để thì ý nghĩ đi ra ngoại quốc càng ngày càng lắng vãng trong đầu. Có nhiều sinh viên đến từ già linh mục Mais. Cô sinh viên cuối cùng đến từ biệt Linh Mục là một cô gái con của một dược sĩ ở Nha Trang. Ngày 1 tháng 3 Linh mục Jean Mais giảng về thuật ẩn dụ trong một lớp vắng chỉ còn một nửa sinh viên. Ông nghĩ rằng Ban Mê Thuật chỉ cách Dalat hơn trăm cây số đường đèo chắc rồi cũng sẽ được tái chiếm.

Cha Darricault, người linh mục có trách nhiệm của Dòng Truyền Giáo, tập hợp các linh mục lại ở nhà giảng. Gần đây ở Việt Nam có hai giáo sĩ đã được lệnh trở về Pháp. Những vị giáo sĩ khác được tự do hành động theo ý riêng của mình. Nhưng phần đông đều sẽ rời Việt Nam.

Những người quan trọng trong bộ máy hành chánh lần lần biến mất khỏi Dalat. Một vài vị giáo sư đến Trung Tâm Văn Hóa Hoa Kỳ. Người Mỹ lánh tránh và lần lần cũng biến mất lúc nào không ai biết cả. Khi Viện trưởng Đại học đến gặp ông tỉnh trưởng để xin phép đóng cửa trường đại học thì sau vài ngày lần lựa ông được câu trả lời:

– Ông cứ làm những gì ông muốn.

Thấy chánh quyền không muốn nhận trách nhiệm, Viện trưởng quyết định: “tạm thời” cho đóng cửa trường. Ông cho gọi Linh mục Mais vào và nói:

– “Cha là người Pháp. Nước Pháp của Cha đang có nhiều giao hảo tốt với Hà Nội. Vậy nếu được thì Cha nên ở lại đây để duy trì sự hiện diện của Cha, của một người Pháp ở viện đại học này.”

Các sinh viên ai cũng sửa soạn hành trang. Những em có thể lực hay chạy chọt được thì đi nhờ các chuyến bay quân sự. Phi trường quân sự chỉ ở cách trung tâm thành phố khoảng 15 phút. Có nhiều em mua vé của hãng Hàng Không Việt Nam và đi ở phi trường dân sự ở cách Dalat 30 phút. Các em khác thì dồn lên các xe đò và chạy ra bờ biển. Chiếc xe Citroen 3 ngựa của Cha Mais lúc nào cũng đầy người. Ông phụ tá của Cha không đi. Cô Chủ Tịch sinh viên Pháp cũng là người đứng đầu Hiệp Hội Sinh Viên Phật Tử cũng không đi. Hầu hết những người nào không thuộc giai cấp trung lưu hay khá giả, không thuộc gia đình công viên chức hành chánh, những người làm thuê hay công nhân, thợ thuyền.. ở Dalat hay ở các nơi khác đều ở lại tại chỗ. Từ lâu rồi, ba mươi năm nay họ có thói quen chờ đợi...

Và họ vẫn tiếp tục chờ.....

Ngày 15 tháng 3, thứ bảy, vào lúc 10 giờ sáng, ông Polgar đang ở trong phòng làm việc tại sứ quán Hoa Kỳ. Ông nhận được điện thoại của một người nhân viên từ Pleiku gọi về, báo cho ông :

- ” *Quân Đoàn 2 đang rút đi.*”

Người trưởng lữ đoàn CIA lúc nào cũng tự hào rằng mình luôn luôn biết trước những cuộc điều quân của Quân Lực VNCH. Thế mà hôm nay ông bàng hoàng hoảng hốt gọi ngay một trong những người phụ tá của ông đến ngay Dinh Độc Lập, và một anh khác đến Bộ Tổng Tham Mưu.

Ở Dinh Độc Lập, tướng Quang tuyên bố:

- “*Không có gì xảy ra ở Pleiku hết.*”

Tướng Quang hé lộ cho người này người khác nghe rằng ông Thiệu không hơn không kém đã lệnh cho tướng Phú soạn kế hoạch.

Ở Bộ Tổng Tham Mưu thì các Phòng đều vắng tanh. Nhân viên của ông Polgar chỉ tìm được Thiếu Tướng Thọ, trưởng phòng 3, hỏi ngay:

- ” *Chuyện gì đang xảy ra ở Pleiku đó Thiếu tướng ?*

- ” *Chẳng có gì xảy ra cả*” tướng Thọ trả lời.

Ông Polgar đang có những ý nghĩ đen tối trong đầu.. Sự vắng mặt của Tổng Tham Mưu Trưởng có nghĩa là gì đây ? Chẳng lẽ tướng Cao Văn Viên vắng mặt cả ngày ở văn phòng chỉ để ngồi thiền hay sao ?

Trong thời gian ông Martin đi vắng, ông Wolfgang Lehmann xử lý thường vụ sứ quán. Người ta đi tìm ông khắp nơi. Ông đang ở phòng mạch của nhà sĩ. Phải nói gì với Hoa Thạnh Đốn đây? Nơi mà từ đầu năm tới nay không có người nào chịu chú ý tới tình hình nghiêm trọng của Việt Nam. Trên Vùng II Chiến Thuật vẫn còn một số người Mỹ. Không thể phí phạm đến độ phải để cho những công dân này rơi vào tay cộng sản ?. Ông Polgar chỉ là người chịu trách nhiệm đối với các nhân viên và người làm việc cho CIA mà thôi, không có trách nhiệm đối với các công chức người Mỹ khác .

Dalat là một danh từ có một âm thanh nghe dịu dàng, Còn danh từ Pleiku dù nói bằng tiếng Việt, tiếng Pháp hay tiếng Anh nó cũng nghe cứng ngắt và nó gọi lại nhiều kỷ niệm không hay. Mười năm về trước, trên đó bộ đội Bắc Việt đã tấn công vào cư xá của các cố vấn Mỹ gây cho 76 người vừa chết vừa bị thương. Từ đó Không Lực Hoa Kỳ đã mở các cuộc oanh tạc vào cơ sở của Bắc Việt nằm về phía Bắc của vĩ tuyến 17. Và sau đó mới có những cuộc đổ bộ hàng trăm ngàn binh sĩ Mỹ vào Miền Nam Việt Nam .

Ở Pleiku, tướng Phú soạn thảo kế hoạch triệt thoái kéo dài trong 4 ngày:

- ngày 16 tháng 3: các đơn vị Công Binh; Đạn dược, Xăng Dầu; một số pháo đội đầu tiên của Pháo Binh; 200 xe vận tải và Thiết Giáp Binh (hộ tống)

– ngày 17 tháng 3: các pháo đội còn lại của Pháo Binh; Công Binh; các toán quân y lưu động; 250 xe vận tải, và Thiết Giáp.

– ngày 18 tháng 3: Bộ Tham Mưu Vùng II Chiến Thuật và TiểuKhu/ Tỉnh; Quân Cảnh: 200 binh sĩ thuộc Trung Đoàn 44 bộ binh, và Thiết Giáp.

– ngày 19 tháng 3: Bộ phận hậu tập, một Liên Đoàn Biệt Động Quân và phần còn lại của Thiết Giáp Binh.

Nhưng từ ngày 15 tháng 3, đã có vài chiếc xe Jeep và xe vận tải rời Pleiku từng toán 5 chiếc một. Tin triệt thoái không đâu ai được từ đó.

Ở Sài Gòn Hội Đồng Nội Các nhóm họp dưới sự chủ tọa của Thủ Tướng Khiêm. Một vị Bộ Trưởng nói về biến cố ở Pleiku với một giọng trách móc:

– *” Tôi biết được tin này nhờ tôi nghe các đài phát thanh ngoại quốc loan báo, đài BBC và đài “Tiếng Nói Hoa Kỳ (VOA)”*

Phó Thủ Tướng, Bác sĩ Nguyễn Lưu Viên ngồi bên cạnh Thủ Tướng Khiêm, nghe ông này nói nhỏ nhỏ:

– *” Tôi cũng vậy”*

– *” Sao ? Ông cũng vậy à ?*

– *” Đúng vậy, Thủ Tướng Khiêm thờ dài..., tôi không được thông báo trước “.*

– *” Như vậy thì ai là người quyết định tất cả việc này ?*

– *” Người ta quyết định ở trên đó,”* Thủ Tướng vừa trả lời vừa đưa ngón tay chỉ về hướng Dinh Độc Lập. *”Chỉ có 3 người biết việc này thôi .”*

– *” Ai vậy thưa Thủ Tướng.*

– *”Tổng Thống, đại tướng Cao Văn Viên và tướng Phú.*

Tổng Thống Thiệu tiếp ông Bùi Diễm, cựu Đại sứ ở Hoa Thạnh Đốn và Đại Sứ Lưu Động từ hai năm nay. Xuất thân từ Đại Học Hà Nội ông là một người trí thức có tài, từng là giáo sư về toán học khi xưa ở trong vùng Việt Minh. Ông chạy khỏi cộng sản vô Sài Gòn, và đứng về phía những người quốc gia chống cộng, đã tham dự vào các cuộc thương thuyết ở Genève năm 1954. Ông đã từng giữ chức vụ Tổng Trưởng Ngoại Giao, là thành viên của nhiều phái đoàn Việt Nam, từng giao dịch với các Tổng Thống Johnson, Nixon ở Honolulu, Manila, Guam, Midway và San Clemente. Ở Hoa Thạnh Đốn ông Bùi Diễm biết gần hết mọi người và mọi người đều biết ông. Không mệt mỏi ông cố gắng đi giải thích cương vị của Chánh Phủ VNCH khắp mọi nơi, ở Mã Lai Á, ở Tân Gia Ba, ở Nam Dương, Nhật Bản, ở Ấn Độ và nhất là ở Pháp và ở Hoa Kỳ . Ông và ông Hoàng Đức Nhã là hai trong số rất hiếm những người Việt Nam đã hiểu rõ được bộ máy Hành Pháp và Lập Pháp của Hoa Kỳ . Tại Hoa Thạnh Đốn trong lúc người ta dè dặt đối với ông Nhã thì trái lại người ta rất tin tưởng ông Bùi Diễm dù bề ngoài ông có vẻ là một người công chức cao cấp và khoa bảng hơn là một chánh trị gia.

Ông Bùi Diễm đến trình diện Tổng Thống Thiệu có cả ông cựu Tổng trưởng Ngoại Giao Trần Văn Đỗ và ông Chủ Tịch Tổng Liên Đoàn Lao Động Trần Quốc Bữu cùng đi theo.

- " *Đã đến giờ rất nghiêm trọng rồi, chúng ta phải tập hợp thành phần "quốc gia" lại thôi !.*

Ông Thiệu lắng nghe và trả lời với phái đoàn đã đến đây mật cách bất thành linh:

- " *Xin các anh viết hết ra cho tôi và trở lại gặp tôi với danh sách tên tuổi chính xác..*"

Đây không phải là lần đầu tiên mà người ta đề nghị với ông vấn đề hết sức tế nhị này: cải tổ Chánh Phủ . Nhưng Tổng Thống hình như không bao giờ bị thuyết phục. Vì hai vấn đề thường trực: Ông Thiệu phải mở rộng nền tảng chánh trị của ông, nhưng dưới nhãn quan của ông mọi sự mở rộng, mọi sự dung hòa với phía đối lập đều là một sự nhượng bộ cho cộng sản . Tuy nhiên ông tự nhủ là ông vẫn sẵn sàng đối thoại.

Dù thuyết mãi có một vấn đề mà không bao giờ được toại nguyện , ông Bùi Diễm đành phải trở về Ba Lê và Hoa Thạnh Đốn . Ông Thiệu còn dặn với theo:

- " *Chuyện chánh yếu là Anh nên cố "giật" cho được viện trợ của Hoa Kỳ cho Việt Nam "*

Ngày hôm sau ông Bùi Diễm đến thăm tướng Cao Văn Viên, một người bạn cũ. Ở thủ đô nước nào ông Bùi Diễm cũng có bạn. Ông Tổng Tham Muu Trường có vẻ lo âu :

- " *Chúng tôi chỉ còn hơn một tháng đạn dược. Sau đó khó mà bắt các binh sĩ của mình phải chiến đấu được ."*

Ông Bùi Diễm biết là có rất ít cơ may để có được viện trợ quân sự bổ túc của Hoa Kỳ . Ở Sài Gòn người ta nghĩ tới những nguồn tài trợ khác, hay đúng hơn là một sự giúp đỡ từ các quốc gia Á Rập ôn hòa. Có thể vay tiền trả dài hạn để mua vũ khí đạn dược. Trong hệ thống dân sự cũng như quân sự ở Miền Nam Việt Nam , người ta chỉ cho là thiếu vũ khí và đạn dược mà người ta không bao giờ nghĩ đến tầm quan trọng của yếu tố tinh thần.

Ngày đó, không biết vì không ý thức được hay vì đóng kịch giỏi mà Tổng Thống Thiệu có vẻ rất là tự tin. Ông nhìn thấy tướng Võ Nguyên Giáp "không phải là một Nã phá Luân thật sự" vì thế ông tin rằng thực ra mình lui binh như tướng Koutouzov người Nga, để địch quân phải mở rộng hệ thống giao thông rồi họ sẽ bị sa lầy không phải sa lầy vì mùa đông tuyết lạnh như ở Nga sô, mà sa lầy vì gió mùa và bùn sinh của Việt Nam . Quân lực Miền Nam sẽ gom lại cố thủ và bộ đội Miền Bắc sẽ không sao giải quyết nổi tất cả các bài toán về tiếp vận của họ.

Ông Wolfgang Lehmann cố nắm chặt lại sứ quán Hoa Kỳ . Ông điện về Tổng Trưởng Ngoại Giao ở Hoa Thạnh Đốn :

- " *Tôi đã cho lệnh tòa Lãnh Sự Nha Trang phải rút tất cả nhân viên người Mỹ từ KonTum, Pleiku và Quảng Đức. Tất cả sẽ đến Nha Trang sau buổi trưa này.*"

Mọi tin tức đã chính xác: Đạc công Bắc Việt đã phá nổ một kho đạn dược ở KonTum. Bắc Việt đã bắn hỏa tiễn vào phi trường của tỉnh và phi trường không còn sử dụng được nữa.

Cùng ngày hôm đó tại Hà Nội Chánh Trị Bộ và Quân Ủy Trung Ương chấp thuận một đề nghị của tướng Văn tiến Dũng: Vị Tổng Tư Lệnh Chiến Trường đề nghị tiếp tục cuộc tiến quân.

Có được Hà Nội bật đèn xanh rồi, tướng Dũng cho lệnh các đơn vị:

– *“Lúc trước vào những năm 1968 và 1972, Quân Đội Nhân Dân ta cũng đã có nhiều trận tấn công trong vùng. Nhưng theo tôi (tướng Dũng), những chiến thắng của chúng ta không bao giờ nhanh chóng mà cũng không oanh liệt, không quyết định như năm nay. Sau những cuộc tấn công quy mô đó cuối cùng rồi quân lực Miền Nam vẫn nắm phần chiến thắng. Giờ đây, trong tháng 3 năm 1975 này, các căn cứ tiếp vận, hệ thống đường xá, các ống dẫn dầu của quân đội ta v.v.. tất cả đều đã hoàn bị hơn và quan trọng hơn....”*

– *” Phải làm sao hoàn thành sự nghiệp trước mùa mưa”* Dũng nhắc lại..

Tại Pleiku, trong 3 ngày liền từ ngày 15 đến 18 tháng 3, cuộc triệt thoái của Quân Đoàn II dĩ nhiên vấp phải nhiều khó khăn, nhưng nói chung cũng được diễn tiến khá tốt. Di chuyển cả một Quân Đoàn đâu có phải là chuyện nhỏ đâu? Nào là nhân sự, nào là quân xa và thiết giáp, nào là 20 tấn đạn pháo binh, nào là một tháng rưỡi xăng dầu và 2 tháng lương thực... Tất cả đều phải được đưa xuống tận bờ biển Nha Trang. Ở đó người ta đang chuẩn bị cho kế hoạch phản công tái chiếm Ban Mê Thuột. Bấy giờ người ta mới vỡ lẽ ra tại sao tướng Phú nặng nề xin thăng cấp chuẩn tướng cho đại tá Lê Văn Tấn. Vừa mới nhận được “một sao” là tướng Tấn được tướng Phú giao ngay trọng trách chỉ huy cuộc hành quân triệt thoái này. Một ông tướng khác thâm niên hơn phải giám sát toàn thể cuộc hành quân. Do đó mà lệnh lạc rất mơ hồ, lộn xộn khó hiểu, gây ra “nhiều hiểu lầm” lệnh này chối lại lệnh kia.

Bộ Tham Mưu Quân Đoàn không có giờ thám sát có khả năng để dò trước con đường 7B vốn đã hư vì các ổ sinh lầy, xe thường không thể đi được. Các đơn vị đầu tiên rời khỏi Pleiku với Liên Đoàn 20 Công Binh dẫn đầu. Tức khắc họ bị đoàn người ty nạn từ Pleiku và Kontum bám vào, vì Kontum chỉ cách Pleiku có khoảng 40 cây số về hướng Bắc. Trên một con đường mà từ bao nhiêu năm qua không được tu bổ, các chiến xa M48 nặng 47 tấn di chuyển rất khó khăn. Lực lượng Địa Phương Quân nhận được nhiều lệnh trái ngược và mâu thuẫn nhau. Tướng Phú thì nói: “Thôi thì cho các binh sĩ đồng bào Thượng trở về buôn làng của họ cho rồi, không cần phải cho họ biết làm gì.” Trong lúc các sĩ quan khác thì yêu cầu họ giữ vài đoạn trên con đường liên tỉnh 7 B. Nhưng biết là mình bị bỏ rơi, các binh sĩ người Thượng thường “rã ngũ”. Có một số cầu đã bị phá sập từ lâu cần phải được bắt lại, Công tác này tốn rất nhiều thời gian, nhưng dù muốn dù không tất cả đoàn xe đều tiếp tục tiến tới.

Ở Bộ Tổng Tư Lệnh Chiến Trường của Bắc Việt, cho tới ngày 16 tháng 3, người ta phân tách sai tình hình. Các đài phát thanh Tây Phương đã vô tình cung cấp tin tức mà theo tướng Dũng thì dù là từng đoạn tin không đầy đủ lắm nhưng thật sự có một giá trị “tối ưu quan trọng”. Có nhiều chi tiết “báo động” quân đội Bắc Việt. Đây nhé, thông tấn xã UPI của Hoa Kỳ loan tin là “giá vé máy bay từ Pleiku đi Sài Gòn lên đến 40.000 đồng.” Tại sao lại có chuyện đưa nhau chạy ra phi trường như thế? Tại sao giá vé lại bất thần tăng vọt lên vùn vụt vậy?

Trưa ngày 16 tháng 3, Bắc Việt lại bắt được những câu trao đổi giữa những phi công của Không Lực Miền Nam. Họ cất cánh từ Pleiku và đáp xuống luôn ở phi trường Nha Trang luôn mà không trở về căn cứ Pleiku nữa dù phi trường này chưa bị Bắc Việt pháo kích. Tại sao vậy? Văn tiến Dũng hiểu ngay: tướng Phú về đóng ở Nha Trang. Tướng Dũng cũng biết được là 450 người Mỹ và nhân viên người Việt của họ tất cả đều rời khỏi Pleiku. Một cầu không vận bằng trực thăng được thiết lập từ trung tâm thành phố đến phi trường. Từ đó phi cơ vận tải C-47 và C-46 nối tiếp cầu không vận đến Nha Trang. Đối với người dân thường ở Pleiku cũng như đối với các điệp viên của tướng Dũng thì không còn nghi ngờ gì nữa: *“người ta đang triệt thoái hết”*.

Ở Pleiku, nhân viên CIA không mấy bình tĩnh. Họ bỏ quên một số nhân viên người Việt, trong số đó có một trong những nhân viên tình báo chính thức của họ. Và nhất là họ quên không đốt hết được các hồ sơ.

Các thành viên của một tổ Ủy Ban Quốc Tế cũng được rời khỏi Pleiku trong những điều kiện thật lạ lùng. Người Mỹ tự coi mình có bổn phận đối với các thành viên người Nam Dương và người Ba Tư, những người này không có ai ở chung với toán người Hung Gia Lợi và Ba Lan. Những người Ba Lan, “những người chó má này” (1) đã liên lạc vô tuyến với CPLTCHMN và Bắc Việt, theo mật văn đã ấn định trước: ” **Trời tốt...bầu trời sáng sửa.. Bạn của chúng tôi thức dậy sớm.**”(2) Thành viên Nam Dương hiện đang là Chủ Tịch Ủy Ban Quốc Tế ở Sài Gòn (nguyên tắc luân phiên Chủ Tịch giữa 4 thành viên). Ông này được người Mỹ cho biết nội vụ và ông chỉ thông báo cho hai toán Nam Dương và Ba Tư mà thôi. Nhưng cuối cùng rời hai toán Ba Lan và Hung Gia Lợi cũng được CIA dùng phi cơ của hãng Hàng Không Air America bốc đi, vì họ không muốn ở lại chờ các đồng chí Bắc Việt của họ. Hoan nghênh CIA !

Ngày 16 tháng 3, vào lúc 19 giờ. một cuộc tranh cãi dữ dội đã xảy ra tại Bộ Tham Mưu Hành Quân Bắc Việt. Người ta có cảm tưởng rằng “địch quân đang toan tính chuyện gì đó trên Vùng Cao Nguyên, sau khi quân Bắc Việt chiếm xong Phước Bình và Ban Mê Thuột. Bộ Tham Mưu của tướng Dũng hơi bối rối. Tướng Dũng tự hỏi : Phải chăng tất cả Quân Đoàn II ở Pleiku đang tìm cách rút đi ? Nếu họ rút đi thì họ phải hành quân ra sao ? Đi bằng con đường nào ? Khởi thủy lúc đầu ông ta định có 2 ưu tiên trong hành động:

1.- “*trước hết là phải diệt mọi lực lượng phản công của địch*” Cũng như tướng Thiệu, tướng Dũng nghĩ là phải có phản công,

2.- “*Mặt khác phải nhanh chóng chuẩn bị tái phối trí lực lượng để tiến về hướng Bắc và thanh toán Pleiku*”

Thành phố càng về lâu càng trống vắng... Tướng Dũng đã cắt hết các con đường chiến lược trong vùng này, từ quốc lộ 19, 14 đến quốc lộ 21. Ông không hề nghĩ tới con đường liên tỉnh 7 B. Nó không còn sử dụng được nữa, người ta bảo đảm rằng các cây cầu trên đường này đều hư sập hết rồi và dọc đường cũng không có phà. Thành linh, vào lúc 21 giờ Tổng Tư Lệnh Bắc Việt biết được là lệnh triệt thoái khỏi Pleiku được ban ra cho tất cả các đơn vị. Tin tức đã xác nhận rồi. Như vậy là không có thành lập cứ điểm ở thành phố Pleiku để tử thủ như tin tức tình báo từ Hà Nội đã tiên liệu. Bây giờ tướng Dũng cũng đã biết được rằng hầu hết Quân Đoàn II của Miền Nam đã rời khỏi Pleiku được 48 tiếng đồng hồ rồi trên con đường liên tỉnh 7 B mà người ta đã quả quyết với ông là không còn sử dụng được. Giận quá, tướng Dũng đã sỉ vả thậm tệ tướng Kim Tuấn Sư trưởng sư đoàn danh tiếng 320. Ông sư trưởng này cũng đã từng khẳng định là không có một đơn vị nào dù là của Miền Nam hay Miền Bắc có thể dùng con đường này được với cả pháo binh và chiến xa của họ. Tướng Dũng nói qua điện thoại:

–” *Sơ suất và xao lãng này không thể tha thứ được. Trong giờ phút này, mỗi một sự dè dặt tối thiểu nào, mỗi một sự lơ đãng tối thiểu nào, mỗi một sự đánh giá các khó khăn nào, mỗi một sự chậm trễ nào... tất cả sẽ hỏng hết. Nếu địch vuột khỏi đây, thì đó là một trọng tội mà bản thân ông sẽ hoàn toàn gánh chịu hết trách nhiệm*“

Đây là lần đầu tiên cả một Quân Đoàn của VNCH rời bỏ một vị trí chiến lược trong lúc tình hình đánh nhau đang nóng bỏng và rút đi trong những điều kiện thật là xấu.

Là một chiến binh lâu đời, tướng Dũng ngày hôm đó sực nhớ lại kỷ niệm 30 năm chiến trận của mình. Cũng như tướng Tổng Tham Mưu Trường của Miền Nam ông nghĩ tới cuộc triệt thoái của quân đội Pháp. Và cuộc rút lui ra khỏi Khe Sanh của Thủy Quân Lục Chiến Mỹ năm 1968. Cuộc rút lui này không phải một thảm trạng mà chắc chắn cũng không phải là một chiến thắng đối với người Mỹ. Gần đây hơn là cuộc lui binh của quân lực Miền Nam trên Quốc lộ 19, ở Lào năm 1971, một thảm họa đối với quân lực Miền Nam. Và cuộc rút lui của Sư Đoàn 3 bộ binh của QLVNCH ở Quảng Trị năm 1972. Nhưng ở đây Miền Nam lại trở lại tái chiếm thành phố. Tướng Dũng ghi nhận: “mỗi lần mà địch quân rút đi vội vàng để tránh các cuộc tấn công của chúng ta là y như rằng họ đều có mưu lược để đảm bảo an toàn cho người của họ”. Lần này cái bẫy ở chỗ nào đây? Mưu lược của ông Thiệu ra sao đây? Chắc chắn phải có một mưu lược gì đây.

Trong đêm 16 và 17 tháng 3, sư đoàn 320 Bắc Việt tiến quân. Các đơn vị đi tắt đường rừng, Họ chuẩn bị đánh thẳng vào đoàn quân đang triệt thoái. Chiến xa và pháo binh của sư đoàn tới ngày 18. Trong lúc đó sư đoàn 968 được lệnh của tướng Dũng đi về hướng Pleiku, vượt qua khỏi thành phố Pleiku đi xuống phía Nam để đánh từ phía sau của Quân Đoàn 2 đang rút đi.

Bầu trời Pleiku đang có đầy những cột lửa màu xanh và màu cam. Quân đoàn 2 lúc rút đi đã bỏ lại và đốt đi một số lớn xăng dầu dự trữ.

Trên con đường 7 B, xe tư nhân và xe vận tải dân sự chen lẫn lộn vào đoàn xe quân sự, chiếc này dính sát chiếc kia, chèn đoàn xe của quân đội ra làm nhiều đoạn, nhiều mảnh. Các quân xa chở đầy binh sĩ và gia đình của họ với bàn tủ ghế, thùng mùng, gà vịt... Các chiến xa và xe thiết giáp thì trượt lên trượt xuống, chiếc xe cứu thương thì lại chạy theo mấy khẩu pháo binh. Các tiểu đoàn, các đại đội thì kéo dài lê thê rồi tan dần... Các sĩ quan thì mất liên lạc hẳn với binh sĩ của họ. Các ông đại úy thì gọi các thiếu tá của họ đòi quyền ưu tiên, các ông thiếu tá thì không nghe lệnh các ông trung tá, đại tá. Các công điện thường không thể hiểu nổi, rất khó nghe được vì tiếng kêu của xích xe đang tiến thật chậm. Các máy vô tuyến bắt đầu hư không còn làm việc được nữa. Người ta nghe đâu đây những tràng súng tự động, những tiếng bắn bách kích pháo, tiếng réo của đạn đi và tiếng chạm nổ lúc rơi xuống... Ngày 18 tháng 3, qua đài phát thanh các sĩ quan nghe được tin mất An Lộc, một thị trấn chỉ cách Sài Gòn khoảng 100 cây số về hướng Bắc cách tỉnh lộ 7 B khoảng 300 cây số về hướng Đông Nam. Và nhiều tin không tốt từ Vùng I Chiến Thuật ở xa về hướng Bắc. Cuộc hành quân rút lui biến thành một cuộc tháo chạy, một sự tản cư, tan rã... trong hỗn loạn. Ban ngày thì dân chúng đi trong một lớp bụi đỏ và dưới một sức nóng khô gay gắt. Ban đêm thì họ lại bị một khí lạnh ẩm ướt, một mùi mốc meo của rừng rậm trong đó các bộ đội Bắc Việt luôn luôn rình rập họ. Các ông thì mệt đừ, các bà thì quá chán nản, trẻ con và người già thì khờ khạo hết. Người ta thiếu thức ăn và nước uống. Người ta từ từ bước qua khỏi trạng thái “sập chết” và biến thành các thây ma với cặp mắt ruồi bu kiến đậu. Còn những ai còn sống thì làm mồi cho muỗi.

Lúc rời khỏi Pleiku và Kontum thì quân nhân còn có kỷ luật, sau đó thì họ mất hết tinh thần. Tuy nhiên họ vẫn còn giữ vũ khí. Binh sĩ và dân chúng bị vây hãm trong tình trạng nghi ngờ sợ hãi, hồ đồ và hỗn loạn. Một vị sĩ quan bị lạc hết binh sĩ của mình trong sự lộn xộn của đêm hôm tâm tối lại bị nghi ngờ và bị cáo buộc là ông ta bỏ binh sĩ của mình để mà đào ngũ. Dọc hai bên lề đường người ta thấy những tấm ni lông bọc xác người như nhóp vì mưa và bụi, bùn đất. Có những mùi khét do sắt thép bị cháy, mùi mỡ, mùi xăng bao trùm cả đoàn di tản. Ai cũng trông cho mau sáng để trực thăng có thể đáp xuống tản thương hay bốc những bà mẹ có con nhỏ, và trông cho mặt trời chóng lên để các oanh tạc cơ có thể oanh kích các đơn vị bộ đội Bắc Việt. Nhưng thường buổi sáng chỉ giúp phá tan sương mù xám xịt mà thôi. Người ta khám phá ra các cây cầu, chùa, miếu tan hoang trong hư, sập, đổ nát. Người ta gặp các người bị thương, người ta bước qua các xác chết mà không một ai có thì giờ chôn cất hay mang ra xa xa khỏi con lộ.

Thường thường thân thể người chết bị co quắp lại trong nhiều tư thế lạ lùng và thiếu não lảm . Nhìn cảnh tượng bi thảm đó ai mà không sùng sờ muốn vụt chạy xa thật nhanh ra khỏi nơi này?

Tuy nhiên, ngày hay đêm cũng có nhiều lúc có một sự yên tĩnh bất thường lạ lùng phủ chụp xuống đoàn người di tản. Người ta không còn nghe tiếng pháo binh tác xạ từ xa nữa, người ta không còn thấy những cột khói của các hỏa châu nữa, tai không còn nghe những tiếng ời ời gọi nhau, cả những tiếng dơi kêu, hay chim chóc nữa... Những rễ cây lòng thông từ trên cao có thể cho vài giọt nước âm lòng...những tiếng rì rào xào xạt của côn trùng trên lá khô... Ở chỗ này người ta nhóm tỳ lửa để hâm nóng com nếp, ở các chỗ khác các sĩ quan chạy đi tắt lửa và ra dầu nên che bớt ánh đèn.. Không thể để cho người ta dò thấy mình. Tuy nhiên người ta cũng thấy được một vài ánh đèn pin và một vài anh tài xế quên không tắt đèn xe của mình. Tất cả các khuôn mặt đều hốc hác vì mệt mỏi, vì đói, vì khát. Tất cả đều hy vọng đi tới được bờ biển. Và sau đó ? đến được Sài Gòn . Và sau đó nữa thì sao?

Có những hạ sĩ quan đi ngược lại để tìm trung đội của họ hay tìm gia đình. Đoàn xe cứ tiến tới, ở chỗ này phải đi vòng qua một chiếc xe vận tải, một xe Jeep hay một chiếc xe Citroen cũ kỹ nào đó đang bốc cháy , ở chỗ kia những chiếc mô tô, Vespa, Lambretta hoặc đang cháy hoặc bị chủ vứt bỏ vì hết xăng. Pháo binh và bách kích pháo của Bắc Việt lại tiếp tục nổ tới càng lúc càng gần. Họ đặt quan sát viên ở ngay cạnh đường để điều chỉnh tác xạ. Nếu một đoàn nào đó nằm giữa hai đoàn đang bị tấn công, thì đó là chiến thuật của Bắc Việt muốn tạo ra nhiều đoạn ngổn ngang từng chặn cốt làm nghẽn đường tiến của đoàn xe. Đoàn xe, đoàn người càng bị ùn tắt càng bị dồn lại thì họ càng dễ tàn sát, và tàn sát được số đông hơn, càng nhiều càng tốt..

Đi trong đoàn di tản này phần đông dân chúng đều là dân ở thành phố, nhưng cũng có một số nông dân. Tại sao họ lại phải chạy đi như vậy ? Họ rất sợ, họ kinh sợ kỷ luật của cộng sản . Người dân ở vùng Cao Nguyên Trung Phần này không ưa người Bắc Kỳ (3), họ biết là những người ở Miền Bắc tàn nhẫn lắm. Những người chạy đi tỵ nạn này nghi ngờ Chánh Phủ VNCH không còn giữ đúng đường lối chánh trị trước kia nữa. Từ hai chục năm nay, Chánh Phủ VNCH chủ trương giữ từng tấc đất của lãnh thổ. Các công chức thì định ninh rằng họ sẽ bị trừng trị, bị hành hạ vì dầu muốn dầu không họ cũng đã có một sự hợp tác với người Mỹ. Còn các người buôn bán thì họ thấy trước cảnh hàng hóa của họ sẽ bị tịch thu, các kho hàng của họ sẽ bị quốc hữu hóa. Những người khác thì vì họ nghe nói tài sản sẽ bị tịch thu, đất điền sẽ bị cưỡng đoạt, những cuộc nổi dậy của nông dân sẽ bị đàn áp, những tòa án nhân dân và những cuộc hành quyết dân chúng bằng phương tiện thô sơ (4). Người này người kia đều e rằng tình của họ bị quân Bắc Việt chiếm rồi lại còn có thể sẽ bị Không Lực VNCH oanh tạc, hoặc nếu Hoa Kỳ cho B.52 dội bom xuống thì sẽ ra sao ? Một số dân là người Ki Tô giáo trong số đó phần lớn đều đã bỏ Miền Bắc bỏ các họ đạo thuộc các địa phương có nhiều giáo dân như Phát Diệm , Bùi Chu .. chạy cộng sản, di cư vào Miền Nam, giờ đây họ lại phải di cư lần thứ hai. Những người khác là các Phật tử, họ tin chắc rằng cộng sản không bao giờ cho họ được tự do trong việc hành đạo (5).

Hồi năm 1954, nói về những người đã bỏ Miền Bắc chạy vào Miền Nam , không biết thành thật hay vô liêm sỉ, Thủ Tướng Phạm văn Đồng trưởng phái đoàn thương thuyết của Chánh Phủ Hà Nội ở Genève đã tuyên bố rằng :

– “Chúng tôi đến, đem hạnh phúc lại cho họ mà họ chạy đi! Các ông có hiểu chuyện đó không ?” Năm 1954, các chuyến di cư vào Miền Nam được tổ chức hẳn hoi, có các tàu thủy của Pháp và Mỹ tham gia giúp đỡ đưa người di cư vào tận Miền Nam an toàn. Bây giờ trong năm 1975 này, Chánh Phủ VNCH bất cập không có dự trù được gì hết để giúp cho người dân trên con đường liên tỉnh 7 B này.

Ngày 20 tháng 3, các xe vận tải chở quá sức và các chiến xa đã làm cho con đường vượt qua Sông Ba không còn sử dụng được nữa. Đoạn đầu của đoàn xe đứng khựng lại, không thể tiến lên được. Tất cả đều phải chờ. Trục thẳng chờ những tấm vỉ sắt đến để thiết lập một chỗ qua sông mới. Trong lúc đó từng tốp 3 tốp 5 các xe vận tải ùn lên sát nhau chiếc này cạnh chiếc kia gây hoàn toàn tắc nghẽn không thể kiểm soát nổi.

Để bảo vệ con đường, người ta xin Không trợ. Bộ đội Bắc Việt thì cứ bắn cả đại liên hạng nặng và đại bác vào đoàn xe và vào dân chúng. Các phi công Việt Nam trong tư thế chúm xuồng để oanh kích và tác xạ lại nhằm mục tiêu và gây thiệt hại rất nặng nề cho tiểu đoàn 7 Biệt Động Quân. Các tài xế chiến xa muốn đi cho nhanh, không muốn vượt Sông Ba ngay ở địa điểm vừa mới đặt các vỉ sắt, nên các chiến xa này bị sa lầy trong một vùng cát di động, tạo ra một cảnh vô trật tự khủng khiếp khắp nơi. Còn các binh sĩ thì cô lộ thử qua sông nên có một số bị chết đuối.

Tại Sài Gòn ông Polgar không biết diễn tiến cuộc hành quân trên đường 7 B ra sao hết. Không có một tin tức nào của phía VNCH. Mà cũng không thể nào có được tin tức từ các vệ tinh: những người kiểm soát vệ tinh ở Hoa Thành Đồn từ lâu rồi không còn coi VNCH là một ưu tiên hàng đầu nữa. Mà ông Polgar cũng không thể đòi hỏi một phi cơ SR 71, một loại phi cơ thám thính bay thật cao giống như loại U.2 cải tiến vậy. Một tấm ảnh chụp từ SR 71 có thể cho thấy một chiến xa bị hỏng đang bít hết lối đi qua một chiếc cầu. Chỉ thấy được như vậy thôi chớ không như nhiều người dám quả quyết là thấy được nhân viên của chiến xa đó đang hút thuốc lá Wilston hay thuốc lá Điện Biên Phủ. Mà nếu toán CIA ở Việt Nam có được những phi cơ thám sát loại đó thì cũng phải đợi đến mấy tuần lễ họ mới nhận được không ảnh. Và hơn nữa vị Tùy Viên Quân sự Hoa Kỳ của sứ quán cũng không thể gửi một trong những phi cơ loại đó được vì Hiệp Định Paris cấm mọi can dự như vậy. Riêng cơ quan CIA thì lại có được đặc quyền, một quyền có sáng kiến trong phạm vi pháp lý mà quốc tế cho phép, có ghi rõ trong Hiệp Định Paris. Cho nên ông Polgar phải một chiếc phi cơ của hãng Hàng Không Hoa Kỳ lên chụp ảnh trên đường liên tỉnh 7 B.. Các Không Ảnh cho thấy là diễn tiến của cuộc triệt thoái không còn gì xấu hơn nữa. Ông Polgar nói với các cộng sự viên rằng :

– “*Người ta có thể nói đó là một cuộc diễn hành của đoàn xiếc đang lên cơn điên. Các con voi thì giành nhau đi trước và những con thú khác thì đang dậm chân trên đồng phân của chúng ở đằng sau !*”

Ông Polgar đi gặp Thủ Tướng Khiêm. Ông vừa nhờ Thủ Tướng chuyển các tấm Không Ảnh cho Tổng Thống xem vừa nói :

– “*Nói về các đơn vị hành quân, và trên phương diện chiến cụ thì Quân Đoàn 2 coi như không còn nữa rồi.*”

Ngay như trong các cuộc tấn công quy mô của Bắc Việt hồi năm 1968 hay 1972, người ta cũng không thấy thảm cảnh như vậy. Trên con đường 7 B, các quân xa thì bốc cháy, bên cạnh đó thì các tử thi đầy rẫy, chồng chất lên nhau. Trời nóng như thiêu đốt làm nám cả mặt mày tay chân nhưng tiếp theo đó lại có những cây mưa lạnh buốt làm cho cả binh sĩ và dân di tản run lên cầm cập. Bây giờ thì trời quá xấu làm cho Không lực không thể can thiệp gì được nữa. Có nhiều đơn vị phải vứt bỏ vũ khí nặng để xài vũ khí nhẹ.. rồi đến lượt vũ khí nhẹ cũng phải vứt luôn. Những đơn vị hậu tập có nhiệm vụ giữ hai bên sườn của đoàn xe thì vẫn còn tiếp tục hăng say chiến đấu; nhưng rồi họ cũng không thấy được rõ đâu là phần cuối và đâu là hai bên sườn của đoàn xe.. .

Ngày 21 tháng 3, hầu hết đoàn xe tập trung chung quanh các bãi vượt sông và các cây cầu ở về phía đông của Cung Sơn. Các tiểu đoàn thuộc sư đoàn 320 Bắc Việt ngắt đoàn xe ra từng đoạn, chẻ các tiểu đoàn 6, 7 và 22 Biệt Động Quân ra, những đơn vị mà binh sĩ chiến đấu rất hăng say mãnh liệt.. Bộ đội Bắc Việt tiến nhanh hơn và chặn đoàn xe lại ở một điểm khoản 40 cây số cách bờ biển. Hai tiểu đoàn 35 và 51 Biệt Động Quân được 15 chiến xa nhẹ M 41 và 8 chiến xa hạng trung M 48 yểm trợ, đã đẩy lui mấy trận tấn công ác liệt của trung đoàn 64 Bắc Việt đêm 23 tháng 3 . Trời lại sáng sủa nên 2 chiếc trực thăng CH.47 tiếp tế được một số lương thực và đạn dược cho các đơn vị Biệt Động Quân. Họ phải bay vượt qua chiến tuyến của địch quân. Rồi trời lại âm u trở lại. Biệt Động Quân lần lượt tiến chiếm vị trí của quân Bắc Việt phía trước mặt, từng cái một , vị trí sau cùng chiếm xong ngày 15 tháng 3. Và từ đó dẫn đầu đoàn xe đi luôn đến Tuy Hòa ở sát bờ biển.

Có khoản 200 ngàn dân chúng đi theo đoàn xe. Chỉ còn khoản 60 ngàn đến được Tuy Hòa. Đại tá Lê khắc Lý Tham Mưu Trưởng Quân Đoàn 2 ước tính rằng trong số binh sĩ rời khỏi Pleiku yểm trợ cho đoàn xe đã có 5000 đến được mục tiêu cuối cùng của cuộc triệt thoái. Có một số đơn vị đã bị mất khoản phân nửa quân số, chết hay bị thương.

Bộ Tổng Tham Mưu ở Sài Gòn tổng kết : bị thiệt hại nặng, mất đi gần một lữ đoàn Thiết Giáp và 7 tiểu đoàn bộ binh . Tổng Thống Thiệu đổ cho tướng Phú. Ông xác nhận rằng tướng Phú không có nhận được lệnh di tản. Về sau, ông lại nói rằng lẽ ra vị Tư Lệnh Quân Đoàn 2 phải sửa soạn kỹ lưỡng hơn cho cuộc hành quân triệt thoái. Tướng Tham mưu Trưởng ở Sài Gòn có một bản phân tích hợp lý hơn: tướng Phú chỉ có 48 tiếng đồng hồ để sắp xếp các đơn vị, người ta cũng thiếu sót không dự liệu được khối quá đông dân chúng lại chạy theo bám vào binh sĩ và chiến cụ làm tê liệt hết mọi cuộc hành quân phản công. Nhất là có thể người ta không ước tính được hay ước tính thấp khả năng ứng phó của Tư Lệnh quân Bắc Việt . Người ta tưởng ông này dẫn đo, không có khả năng ứng biến khi phải điều động một số lớn đơn vị chánh quy, trong một trận chiến tranh quy tắc.

Một số binh sĩ và sĩ quan cấp úy của QLVNCH đã có nhiều hành động rất ngoạn mục, thật là xứng đáng, mặc dầu họ không được chỉ huy đúng mức. Ngoài ra nhiều tin tức và một số lệnh lạc không bao giờ được truyền đến cho đơn vị . Hơn nữa hồi năm 1973, quân đội viễn chinh Đại Hàn đã có gài một số mìn ở một vài đoạn dọc theo hai bên đường 7 B mà người ta không bao giờ gỡ đi.

Một cuộc thất trận đôi khi cũng vì lý do không may mắn hay vì tình cờ may rủi, nhưng trước hết phải nói là do cấp chỉ huy , vì nhiệm vụ vượt quá sức mình hay vì không đủ khả năng.

Các đơn vị còn sống sót về quy tụ ở Tuy Hòa. Họ thuật lại cho nhau nghe từng chiến công của họ và an ủi lẫn nhau. Trong chiến trận dù thắng hay bại, các quân nhân thường sống với nhau trong tình thương huynh đệ, còn đau khổ là những người chết và bị thương, thường họ bị coi như bị lãng quên, vì họ đã bị liệt vào thành phần bất khiển dụng rồi. Ở Tuy Hòa, các nhóm binh sĩ lẻ loi cố đi tìm lại đơn vị gốc của họ nhưng làm gì còn nữa mà tìm ! Cuộc triệt thoái đã trở thành một cuộc tháo chạy, tán loạn.., như một chuyến mộng du...

Tôn Tử có nói: Trật tự hay hỗn loạn tùy thuộc vào cách tổ chức, tùy theo tình hình và trạng huống, có lòng can đảm hay không , tùy theo sức mạnh và sự yếu thế, tùy theo phẩm chất của con người . Khi con ó đánh bắt con mồi, thì hay đỡ ở chỗ chọn được đúng thời cơ và thật đúng lúc”

Còn Clausewitz thì có nhận xét: Tất cả mọi cuộc thất trận đều tạo ra yếu tố suy yếu và tan rã. Nhu cầu cấp thiết nhất là phải tập trung nỗ lực để vẫn hồi lại trật tự, gầy lại lòng tin, lòng can đảm và sức mạnh đã mất”

Chú Thích của Dịch Giả

(1) nguyên văn tiếng Pháp của tác giả “ces salauds”

(2) Từ lâu rồi (theo tác giả) thì: “cơ quan CIA có nhận xét rằng khi nào các toán Ba Lan và Hung Gia Lợi thuộc Ủy Ban Kiểm Soát Quốc Tế đóng ở thị trấn nào mà vừa bỏ đi là y như rằng Bắc Việt sẽ tấn công chiếm thị trấn đó ngay. Vì thế nên mới có câu mà các nhân viên Lãnh Sự Quán Hoa Kỳ thường hay nói : “Ba Lan đi là Việt Cộng tới ” (The Poles are leaving, the VC arriving). Trong trận tấn công vào Cao Nguyên, các bạn Bắc Việt không thông báo gì cho các đồng chí Ba Lan và Hung Gia Lợi hết nên các toán này bị kẹt lại...

(3) nguyên văn của tác giả : “Tonkinois”

(4) sự thật đã xảy ra ở Miền Nam Việt Nam đúng như vậy từ 30/4/75 cho đến cuối năm 86 với các chiến dịch tịch thu “chiến lợi phẩm” của đoàn quân chiến thắng (như tịch thu nhà cửa đất đai ruộng vườn, tài sản ,vàng bạc, nhất là ở khắp các tỉnh), với đủ các chiến dịch cốt làm cho mức sống của dân chúng Miền Nam xuống ngang bằng mức sống đói nghèo khổ sở của nhân dân Miền Bắc (như đổi tiền, lập hộ khẩu và cấp phát tem phiếu lương thực thực phẩm và ngăn sông cấm chợ, đánh tư thương, công thương nghiệp, hợp tác hóa nông nghiệp, đánh tư sản tư doanh, đánh tư sản mại bản, lừa dân chùng đi vùng Kinh Tế Mới, bắt cả triệu quân cán chính và đảng phái đi tù khổ sai , v.v...)

(5) tất cả những gì tác giả ghi nhận ở đây đều rất đúng với tâm trạng của người dân trong Miền Nam lúc bấy giờ. Mà sự thật đã cho thấy rõ ràng là cho tới giờ này (2001) cộng sản vẫn tìm đủ mọi cách để bóp nghẹt hay tiêu diệt các Tôn Giáo, bất kể là Kitô Giáo, Tin Lành, Phật Giáo, Cao đài hay Phật Giáo Hòa Hảo.

Chương 11 Mạc Tư Khoa và Bắc Kinh

Trước hết Tổng Thống Thiệu muốn giữ Sài Gòn trong một hệ thống phòng thủ bảo đảm thật chặt chẽ nằm trong lãnh thổ của một “Việt Nam thật sự hữu ích”, đại khái gồm cả Vùng III và Vùng IV Chiến Thuật.

Với tin tức tình báo của cả VNCH và Hoa Kỳ, Tổng Thống Thiệu đã chờ đợi nhiều tuần nay một cuộc tấn công của Bắc Việt từ phía Tây Bắc của thủ đô, trong vùng Tây Ninh. Cuộc tấn công này có thể là mũi dùi chính của cuộc tổng tấn công của Bắc Việt. Còn trận chiến ở Ban mê Thuột, PleiKu, Kontum và trên đường liên tỉnh 7 B có thể chỉ là những cuộc tấn công phụ, dương Đông kích Tây nhằm đánh lạc hướng mà thôi. Đôi khi Bắc Việt cũng có những cuộc tấn công cấp đại đội hay tiểu đoàn để thăm dò hệ thống phòng thủ của Sài Gòn nằm khoảng 50 cây số ở ven biên. Với tư cách là Tổng Tư Lệnh, ông Thiệu muốn lúc nào cũng có lực lượng trừ bị trong tay. Các đơn vị thiện chiến của ông là sư đoàn Thủy Quân Lục Chiến, lực lượng Hải Quân, và sư đoàn Nhảy Dù mà Tư Lệnh là tướng Lê quang Lương, một sĩ quan ưu tú. Hai sư đoàn này từ lâu nay đang đóng ở Vùng I Chiến Thuật, phần lãnh thổ tận trên hướng Bắc của Việt Nam Cộng Hòa.

Vùng I Chiến Thuật này được đặt dưới quyền của một tướng lãnh có nhiều thành tích, tướng Ngô quang Trưởng. Vừa có khả năng vừa được kính nể, tướng Trưởng là một người mảnh khảnh nhỏ con, khoảng 46 tuổi, ốm, mặt xương, đen đúa, lại có một nốt ruồi duyên to dưới mắt bên phải, ông luôn luôn có một cái nhìn xa xăm, như vào chỗ trống vắng.... Khi cần phải nói gì, ông chỉ dùng những câu ngắn gọn, nhẹ nhàng không nhấn mạnh và dùng những từ thật giản dị dễ hiểu. Nếu thấy cần phải nhấn mạnh một điểm quan trọng nào đó thì ông mới nói nhanh hơn. Nếu ông mặc thường phục thì người ta tưởng ông là một người thợ. Còn ở đồng quê thì người ta cho ông là một nông dân... Có rất nhiều sự kiện mà Lịch Sử đã chứng minh rằng ông là một người rất bình dân đối với các cấp nhất là hạ sĩ quan và binh sĩ. Trong chiến trận ở Huế năm 1972, tướng Trưởng đã giữ được thành phố trong nhiều tuần lễ. Lúc đó một số binh sĩ lại có hành động lấy đồ của dân chúng. Tướng Trưởng lập tức kêu gọi trên đài phát thanh:

– ” Binh sĩ và đồng bào thuộc Vùng I Chiến Thuật ! Đây là đích thân trung tướng Trưởng nói đây, Tôi đã nhận chức Tư Lệnh Vùng. Tôi mong rằng ngày mai các binh sĩ đào ngũ hãy trở về ngay đơn vị của mình. Và hãy chấm dứt ngay hành động cướp giết của đồng bào!”

Và chỉ giản dị có thể ông đã chấm dứt được tình trạng lộn xộn ở Huế. Và tướng Trưởng tái chiếm Quảng Trị với 3 sư đoàn trong lúc Bắc Việt có đến 6 sư đoàn chánh quy.

Từ tuần lễ thứ hai của tháng 3/ 1975, cứ bị tấn công lẻ tẻ kiểu quấy rối mãi, tướng

Trưởng tin chắc rằng mình có thể giữ vững được Vùng I, vì ở đây ông có tới 5 sư đoàn. Ông rất tin tưởng sư đoàn Thủy Quân Lục Chiến và sư đoàn Dù. Còn sư đoàn 1 là một trong những sư đoàn ưu tú nhất; sư đoàn 3 thì không tệ lắm. Duy có sư đoàn 2 ở Chu Lai thì có hơi yếu. Tướng Trưởng và Bộ Tham Mưu của ông hy vọng sẽ cầm cự được với mọi cuộc tấn công của Bắc Việt, dù Hà Nội có đưa hết lực lượng trừ bị của họ vào cũng vậy. Khác với tướng Phú, ông Trưởng có sẵn kế hoạch rút lui từ điểm phòng thủ này đến cứ điểm mạnh khác cả ở Huế, Đà Nẵng và Chi Lai.

Ngày 12 tháng 3, Tổng Thống Thiệu đòi hỏi tướng Trưởng phải sẵn sàng để đưa sư đoàn Dù về Sài Gòn. Tướng Trưởng phản đối ngay với Bộ Tổng Tham Mưu. Đại tướng Viên vừa qua bận rộn vừa mệt mỏi đã trả lời :

– “*Tổng Thống không muốn trở lại vấn đề này nữa.*”

Tướng Trưởng lấy phi cơ bay ngay về Sài Gòn để đòi hỏi xét lại vấn đề này. Ông Thiệu nhất định không buông:

– “*Các ông tướng này khó chịu thật ! Họ chỉ nhìn thấy Vùng Chiến Thuật của họ mà thôi, họ không nhận thức được quyền lợi tối thượng của đất nước!*”

Ông Thiệu quên không báo cho tướng Trưởng biết là ông sẽ rút tiếp sư đoàn Thủy Quân Lục Chiến của Vùng I về Sài Gòn.

Do đó khi về đến Bộ Tư Lệnh Vùng I, tướng Trưởng nghĩ tới việc xin từ chức.

Tuy nhiên ông cũng phải tái phối trí và tổ chức lại hết tất cả hệ thống phòng thủ của Vùng I.

Quyết định mới của ông Thiệu bắt buộc tướng Trưởng phải bỏ trống những vị trí đối diện với Vùng Phi Quân Sự, dọc theo vĩ tuyến 17 ở phía cực Bắc của Vùng I Chiến Thuật.

Tướng Trưởng được biết là lực lượng chánh quy Bắc Việt mà ông sắp phải đối đầu sẽ mạnh hơn bao giờ hết, quan trọng hơn ông đã dự trù., Vùng I sẽ đương đầu với những sư đoàn xung kích Bắc Việt như sư đoàn 325 C, 324 B, 304, sư đoàn 711 và sư đoàn 2., sư đoàn 341, một sư đoàn trừ bị, cũng sẽ xuống phía Nam. Và cuối cùng là những đơn vị hỗn hợp, gồm bộ đội chánh quy Bắc Việt và Việt Cộng của CPLTCHMN... đang tập hợp ở hai đầu Nam Bắc của Vùng I, một số ở chung quanh thị xã Quảng Trị và số còn lại đang nằm ở phía Nam, gần Chu Lai. Ở đây Việt Cộng được trang bị và huấn luyện tốt hơn tất cả các nơi khác. Nếu hai sư đoàn Thủy Quân Lục Chiến và sư đoàn Dù bị rút đi thì ông có nguy cơ sẽ đối diện với một lực lượng tương đương với 6 sư đoàn chánh quy Bắc Việt trong lúc ông chỉ có vồn vẹn 3 sư đoàn. Địch quân sẽ có khả năng “tập trung” dài theo chiều sâu để tấn công Vùng I. Ông ở vào cái thế bị bắt buộc phải cho các sư đoàn của ông trải dài ra, phân tán mỏng..... loảng ra hết.

Ngày 15 tháng 3, trong lúc Pleiku đang bắt đầu triệt thoái thì Lữ đoàn 369 Thủy Quân Lục Chiến cũng rời khỏi Quảng Trị,

Đọc theo biên giới trên đó, Thủy Quân Lục Chiến tượng trưng cho một sự có mặt vững chắc, một lực lượng hùng mạnh và một chiến thắng, (đúng hơn là chiến thắng Quảng Trị năm 1972). Binh sĩ Thủy Quân Lục Chiến có kỷ luật, rắn rỏi, lại không mang theo vợ con, bàn ghế khi di chuyển.. Cho nên sự ra đi rời khỏi Quảng Trị của họ làm cho tinh thần dân chúng xuống kinh khủng. Trong tỉnh Quảng Trị cũng như ở các chỗ khác, dân chúng thường nghe đài phát thanh ngoại quốc, nhất là đài BBC và đài “Tiếng Nói Hoa Kỳ” (VOA), hai đài dễ bắt nhất. Từ sau ngày 16 tháng 3 các đài này đã phát ra những câu chuyện rất chính xác và rất hãi hùng đã xảy ra dọc theo con đường Liên Tỉnh 7 B. Từ chỗ đó, dân chúng trong những thành phố, thị trấn thuộc Vùng I Chiến Thuật từ lo âu đâm ra hoảng hốt bỏ chạy, trong số đó lại có một số công chức và viên chức xã ấp. Ngay như tại Quảng Trị, Trung Tả Tỉnh Trưởng Đỗ Kỳ lại khuyên công chức của mình hãy cho gia đình tản cư trước đi. Dân chúng Quảng Trị chạy xuống Huế, còn dân chúng Huế thì lại chạy xuống Đà Nẵng. Trong có mấy ngày mà dân số của thành phố này từ 600 ngàn vọt lên trên một triệu.

Ngày 18 tháng 3, Thủ Tướng Khiêm gặp tướng Phú ở Nha Trang, ở một Bộ Tư Lệnh mới, vô tổ chức, của Vùng II, Bận tui bụi, tướng Phú gần như không có khả năng nói chuyện được cho có mạch lạc. Ông ta đã từng là một trong những người mà tướng Khiêm đỡ đầu ! Thủ

Tướng đề nghị cách chức tướng Phú, nhưng ông Thiệu không đồng ý. Vả lại để làm gì ? vì Quân Đoàn 2 có còn gì nữa đâu ?

Thủ Tướng đi Đà Nẵng sau đó. Với những thành phần dân chính có trách nhiệm ông hứa là Chánh Phủ sẽ lo cho làn sóng người tỵ nạn, ông sẽ giải tỏa ngân khoản để lo việc đó. Ông đã gặp tướng Trường tại Bộ Tư Lệnh Vùng. Dĩ nhiên không có vấn đề giữ lại Thủy Quân Lục Chiến và Nhảy Dù, tệ hơn nữa là cũng không có tăng cường được cho tướng Trường một lực lượng nào hết.

Tướng Trường lại quay về Sài Gòn . Ông không hiểu nổi chiến lược của ông Thiệu. Chủ trương thành lập các cứ điểm mạnh đã đi đến đâu ? Hình như ông phải cố thủ Huế. Nhận thức được sự thất bại của việc triệt thoái ở Vùng II, ông Thiệu do dự khi muốn tính tới một cuộc triệt thoái khác ở Vùng I.

Ngày 19 tháng 3 lúc 11 giờ, Tổng Thống họp với Thủ Tướng, tướng Viên Tổng Tham Mưu Trường và tướng Quang cố vấn an ninh của ông . Lần này lại có thêm Phó Tổng Thống Trần văn Hương, và tướng Trường (được gọi về). Người ta nói về hai hay ba cứ điểm. Tướng Trường tuyên bố sẽ có thể cố thủ được Huế và Đà Nẵng. Ông Thiệu sẽ đợi tướng Trường về đến Đà Nẵng rồi mới đọc một bài diễn văn trên đài phát thanh nói về sự cố thủ của thành phố Huế.

Vừa đến Đà Nẵng, tướng Trường biết là cộng sản Bắc Việt đang tấn công mạnh vào Huế. Ông gọi ngay tướng Viên ở Sài Gòn . Trung thành với chính mình ông Viên lại chuyễn đường dây qua ông Thiệu. Tướng Trường nói ngay:

– *“Tốt hơn hết là Tổng Thống hoãn lại đừng phát thanh vội bài diễn văn nói về Huế của Tổng Thống. Thành phố này sẽ không thể cố thủ được .”*

Cũng trong ngày 19 tháng 3 này, ông Wolfgang Lehmann điện về ông Brent Sceowcroft ở Nhà Trắng. Ông nhờ chuyễn bức công điện đến cho ông đại sứ Martin hiện vẫn còn đang chữa răng ở Bắc Carolina. Bức công điện viết:

– *“Ở đây mọi việc tiến triển nhanh quá. Chiều nay Tổng Thống Thiệu phải nói chuyện với dân chúng trong nước để giải thích về chiến lược của Chánh Phủ . Mặc dầu chuyện đó chưa được tuyên bố ra,nhưng tất cả đều cho thấy là Chánh Phủ đã có quyết định bỏ Quảng Trị.”*

Theo ông Lehmann thì người ta cũng sẽ bỏ luôn Huế. Bằng chứng là các đơn vị chiến xa đang bắt đầu rút đi.....

Ông Lehmann nhờ tướng Homer Smith (Tùy Viên Quân Sự Hoa Kỳ) đến đo thử nhiệt độ của Bộ Tổng Tham Mưu. Ông này báo cáo lại là:

– *“các sĩ quan đều rất bất bình về “quyết định hấp tấp triệt thoái khỏi PleiKu và KonTum. Không những họ cần nhân về quyết định (có một số sĩ quan hình như còn bệnh vực) mà còn chỉ trích lẽ lối và tiến trình thi hành quyết định đó nữa... vì người ta đã bỏ lại hoặc phá hủy quá nhiều đạn dược và chiến cụ.”*

Ông Lehmann còn thêm rằng:

– *“người ta còn nghe thấy cả dân chúng và quân nhân Việt Nam đang có một khuynh hướng trách móc Hoa Kỳ. Khuynh hướng này càng ngày càng lớn mạnh thêm ra. Chúng tôi*

đang theo sát vấn đề này và sẽ có những biện pháp cần thiết để tránh những biến chuyển có hại”

Ông ta đã có đề nghị với ông Sceowcroft là “không có gì là quá sớm để chúng ta nghĩ đến việc di tản một số lớn nhân sự bằng đường biển.. Người tỵ nạn đang đây nghẹt ở Đà Nẵng..”(ngày 18/3). Đó là nhiệm vụ của ông Lehmann, ông nghĩ tới đám con chiên của ông. Các viên chức người Mỹ ở Huế không còn ngủ đêm ở trong thành phố nữa. Cứ đến chiều là họ ra nghỉ đêm ở gần sân bay, ở trên chục cây số về phía Nam. Từ đó trong trường hợp khẩn cấp người ta sẽ đến bốc họ đi. Riêng những người thuộc tổ chức từ thiện thì họ cho biết là nếu có gì thì họ cũng vẫn sẽ ở lại tại chỗ. Các viên chức Hoa Kỳ thường quan tâm đến các công dân của họ nhưng nếu những người này không phải là công viên chức của Chánh Phủ thì họ không bao giờ ra một lệnh nào cả.

Báo cáo của ông Lehmann còn cho thấy là ông không còn tin ở bất cứ một cuộc phản công nào nữa của phía VNCH:

– “Bây giờ thì dường như Chánh Phủ đã bỏ mọi ý định về một trận chiến quy mô nào ở vùng Ban mê Thuột .”

Đây là một phương trình quân sự rất thú vị:

Hoa Kỳ không biết VNCH sẽ có hành động gì ? và VNCH không biết ý định của cộng sản Bắc Việt ra sao . Còn Bắc Việt thì đang ngạc nhiên về chiến thắng quá nhanh của mình .

Tướng Dững viết:

– “Chiến thắng của chúng ta ở Cao Nguyên thật là to lớn, vượt quá sự dự trù của chúng ta ”

Rõ ràng là trong nhiều trường hợp như câu chuyện trên đường liên tỉnh 7 B, vị Tổng Tư Lệnh Bắc Việt đã đặt Bộ Chánh trị và Quân Ủy Trung Ương của đảng trước những việc đã rồi, và vượt quá lệnh của họ. Không có gì thành công hơn sự thành công này, cho nên tướng Dững muốn đi xa hơn nữa. Ông ta hỏi lệnh Hà Nội để được tiếp tục tấn công. Ông ta đang có nhiều lợi thế. Mặc dầu cũng có một số trục trặc trong các đoàn xe, nhưng không có bài toán quan trọng nào về quân số, về lương thực, về vũ khí và đạn dược. Ông có thể chuyên chở các đơn vị nhanh hơn với các quân xa cơ hữu hoặc bằng các phương tiện chuyển vận còn nguyên vẹn tịch thu được của Miền Nam Việt Nam .

Khối kỹ thuật tổng quát ở Hà Nội đã biệt phái cho tướng Dững 300 kỹ sư, thợ máy và các thợ chuyên môn để sửa chữa hàng trăm xe vận tải. Các chuyên viên này lại gặp khó khăn trong công tác sửa chữa các chiến xa hay các khẩu pháo binh đã tịch thu được . Tướng Dững cũng đã kiểm soát được các trục lộ chính dẫn từ Cao Nguyên xuống bờ biển. Mặc dầu có sự thận trọng và có sự dè dặt từ những người có trách nhiệm ở Hà Nội sợ ông có thể bị rơi vào một cạm bẫy , tướng Tổng Tư Lệnh vẫn muốn tiến tới. Thật là quá hấp dẫn ! Các sĩ quan tham mưu của ông có nói đùa một câu mà đâm ra thành sự thật:

– ” Chúng tôi không thể theo kịp các trung đoàn của mình trên bản đồ nữa !”

Ngày 19 tháng 3, ông Polgar tự hỏi không biết Thủ Tướng Khiêm có chuyện cho Tổng Thống Thiệu mấy tấm không ảnh cho thấy một sự thất bại kinh khủng trên con đường 7 B hay không ? Ông gửi một công điện về Hoa Thịnh Đốn cho ông Giám Đốc Trung Ương Tình Báo CIA, trong đó ông giải thích và tiên đoán rằng:

-” Tình hình ở đây đang xuống một cách “thảm nã” ở Vùng I cũng như ở Vùng II. Ông Thiệu sẽ mất luôn cả Huế nữa.”

Trong các công điện của ông, Polgar thích tỏ ra mình là con người thấy rõ được mọi chuyện, nhìn thấy trước các biến cố, dĩ nhiên ông cố sắp xếp lại cho rõ ràng hơn. Vì ở Hoa Thạnh Đốn người ta hình như không nắm được sự thật của tình hình , nên không còn nghi ngờ gì nữa đây là một điều cần thiết “phải nói rõ”:

- ” Trên quan điểm địa dư, VNCH là một quốc gia được thành lập sau Hiệp Định Genève 1954, và quốc gia này đứng vững từ đó nhờ có được viện trợ dồi dào của Hoa Kỳ, nay quốc gia này sẽ không còn tồn tại nữa rồi...!!.”

Ông Polgar nghĩ tới cuộc tranh luận quý quái của Quốc Hội ở Hoa Thạnh Đốn về viện trợ. Ông muốn trao thêm đạn cho vị Giám Đốc CIA để ông William Colby có yếu tố mà tranh đấu được qua điều trần trước các ủy ban một cách chánh thức hoặc nói chuyện riêng với các nghị sĩ hay dân biểu quan trọng một cách bán chánh thức, ông nói tiếp:

- “Sự sống còn của Miền Nam Việt Nam độc lập tùy thuộc phần lớn vào hành động của Hoa Kỳ. Mọi sự thiếu quyết tâm của Hoa Kỳ sẽ giết chết một quốc gia mà Hoa Kỳ đã từng giúp đỡ từ ngày quốc gia này thành hình (1954). Ngân khoản viện trợ là tối cần thiết.”

Tại Hoa Thạnh Đốn , người ta luôn luôn vẫn không để tâm chú ý tới đa tới Việt Nam . Người ta bị vấn đề Cam Bốt ám ảnh. Các quan chuyên nghề cạo giấy thì ngã theo bản chất tự nhiên của họ, thích nhận lấy thành quả khi họ nhúng tay vào, còn nếu có gặp khó khăn hay thất bại thì họ đổ lỗi lẫn nhau: chuyện đó là việc của Nhà Trắng, chuyện này là của Bộ Ngoại Giao, chuyện kia là do Bộ Quốc Phòng.. Ở Ngũ Giác Đài, các sĩ quan ngành Quân Sự so sánh sự thảm bại của QLVNCH trên con đường 7 B với cuộc tháo chạy của ông Nã Phá Luân trước Mạc tư Khoa vào năm 1812, hay với cuộc lui quân của Pháp năm 1940, hoặc với sự tan rã của quân đội quốc gia Trung Quốc vào năm 1949 .

Không một người nào ở Sài Gòn hay ở Hoa Thạnh Đốn biết được rằng để trả lời cho đề nghị của tướng Dũng, một quyết định căn bản được Hà Nội thông qua ngày 20 tháng 3:

- ” Bộ Chánh Trị và Quân Ủy Trung Ương đều đồng ý với Tổng Tư Lệnh. Phải tiếp tục tấn công. Tướng Dũng phải tránh không cho ông Thiệu có thể tiến hành một sự co cụm hệ thống phòng thủ của ông ta, là tập trung được lực lượng trong vùng Sài Gòn và một phần của Vùng đồng bằng sông Cửu Long... Chúng ta phải thực sự chạy đua với thời gian, thực hiện kế hoạch giải phóng Sài Gòn nhanh hơn ta dự tính, “

Ông đại tá Quân Y Jean Fourré, một chuyên viên ngành giải phẫu, một người ngay thẳng và chánh trực, một người đã có 3 năm phục vụ ở Lào, vừa tới nhận bệnh viện Grall, một cơ sở quý báu nói lên sự hiện diện của Pháp ở ngay Sài Gòn . Bệnh viện Grall tự túc về ngân sách điều hành, riêng những vị bác sĩ người Pháp thì do Paris đài thọ. Ông Fourré rất ngạc nhiên khi thấy rằng cộng đồng người Pháp ở đây rất là bình tĩnh.

Ông nói chuyện với Đại tá Yves Gras, Tùy Viên Quân Sự ở Tòa Đại sứ Pháp. Ông này giải thích cho ông biết là:

“Việt Cộng và bộ đội Bắc Việt sẽ tập trung lại chờ lệnh. Họ có thể tiến chiếm được thủ đô Sài Gòn nhưng họ sẽ không làm chuyện đó. Vậy đó, ông nên biết rằng ở Á Châu này

người ta không biết mất thể diện đâu. Vậy đó. Hà Nội không muốn làm nhục Sài Gòn đâu. Vậy đó. Cũng có thể họ tấn công trở lại sau mùa mưa “

Đại tá Fourré tự nhủ rằng dù sao những người của sứ quán của mình cũng theo dõi được tình hình. Đại tá Gras này cũng thuộc loại có tuổi của thế hệ già. Hơn nữa vị Tùy Viên quân sự này thuộc loại đấm đá, chắc không bao giờ có cảm nghĩ qua tiên đoán liên quan đến chánh trị và quân sự của các trung tâm tình báo ở Sài Gòn đâu – trừ những người Ba lan.

Trung tướng Tổng Thống Thiệu, với một diễn tiến quân sự có cơ tan rã của Vùng II và Vùng I, chắc phải tính tới một cuộc đấu tranh trên mặt trận chánh trị .

Ngày thứ ba 25 tháng 3, vào lúc 16 giờ rưỡi, ông Thiệu họp Hội Đồng Bộ Trưởng trong phòng họp nhỏ cạnh văn phòng của ông, trên lầu 1 của Dinh Độc Lập.

Tướng Quang, cố vấn an ninh, báo cáo về tình hình chánh trị nội bộ. ông mô tả hoạt động của các đảng, và các phong trào đối lập. Vài cuộc họp ở đây vài cuộc biểu tình ở đó... Sau đó ông Nguyễn văn Hảo, Phó Thủ Tướng đặc trách về Kinh Tế trình bày về vấn đề tiếp tế, giá cả, những mặt hàng thực phẩm và xăng dầu. Tổng Thống ngồi nghe và có ghi chú vài điểm.

Ông day qua phía bên trái nói với Thủ Tướng:

– *“Tôi nghĩ là đã đến lúc phải cải tổ nội các của Anh đi để đối phó với tình hình. Phải là một nội các chiến tranh.(1) gồm những thành phần yêu nước thực sự, có quyết tâm và hăng say hoạt động.”*

Như vậy là thành phần nội các hiện tại không phải là những người như vậy sao ?

– *” Tôi sẽ tuyên bố chuyện này ngay chiều hôm nay.. ông Thiệu nói tiếp. Phải thực hiện nhanh để làm “hông chân” những người khác. Chúng ta không nên để mất thì giờ...”*

Tổng Thống không có một lời nhắc tới tình hình quân sự ! Có phải ông cho đó là lãnh vực của riêng ông ? Còn ông Khiêm thì không bao giờ nói ngược lại ý của ông Thiệu. Lần này thì khác, ông lớn tiếng nói lên những gì mà tất cả các vị Bộ Trưởng hiện diện đều nghĩ tới:

– *” Trước hết chúng ta phải chặn đứng các cuộc tấn công của cộng sản , ổn định và củng cố mặt trận, và giúp đỡ những người dân tỵ nạn.”*

Ông Khiêm không phải là một người nặng về tình cảm, nhưng sau khi ông nhìn thấy tận mắt những gì đã xảy ra ở Đà Nẵng, tất cả những thương dân trước bờ vực thẳm đã làm cho ông cảm động.

Ông Hảo cũng tuyên bố:

– *” Thưa Tổng Thống, chẳng lẽ chúng ta cứ phải lùi hoài như vậy sao ? Phải chặn đứng sự tiến quân của Bắc Việt lại chứ ? Tổng Thống nghĩ là chúng ta chặn đứng họ ở khoảng nào ?*

Ông Thiệu bước đến bản đồ Việt Nam treo trên tường với một cây bút chì mờ trong tay. Ông vẽ hai vòng và một đường thẳng trên tấm plát tít trong bọc bản đồ rồi với một giọng chắc nịch ông nói:

– ” Không lui nữa. Ở Vùng I, chúng ta có một cứ điểm ở đây, Đà Nẵng. Ở Vùng II, một cứ điểm khác ở chỗ này, Qui Nhơn. Chúng ta thiết lập một tuyến ổn định theo đường thẳng từ Đèo Cả phía Bắc của Nha Trang đến phía trên của Da Lat Các ông sẽ thấy Đà Nẵng sẽ là Stalingrad của chúng ta , Còn tốt hơn Stalingrad nữa vì rất dễ phòng thủ và tiếp tế cũng dễ.”

Ông Thiệu lẩn lộn trong những so sánh của ông ta, dĩ nhiên ông quên rằng quân Đức nằm trong cứ điểm Stalingrad đã bị thất thủ.

Ông ngồi xuống và nói tiếp:

– ” **Hơn nữa, tôi sẽ cho lệnh quân đội từ đây phải tử thủ tại chỗ**”

Ông Thiệu có vẻ hình như rất tin vào những lời tuyên bố của ông. Ông có dùng những lời tuyên bố này thay cho hành động hay không ? hay những động từ của ông thay cho chiến thắng ? Với một cây viết, ông thảo ra một diễn văn hay tuyên bố ngắn rồi ông đọc nó to lên, Vốn là một giáo viên, Phó Tổng Thống Hương đề nghị sửa lại vài danh từ. Tổng Thống cho gọi Đại tá Cầm, chánh võ phòng của ông và ra lệnh gởi bản văn này đến tất cả các Tư Lệnh Quân Đoàn, sư đoàn và các đại tá Tỉnh Trưởng, không chậm trễ

Ngay chiều hôm đó, đài phát thanh và đài truyền hình đều nói lên quyết tâm của Tổng Thống :

-” *Động viên tất cả các lực lượng của đất nước; Chận đứng các cuộc tấn công của cộng sản và cứu trợ những người tỵ nạn.*”

Trong một tuần lễ, Thủ Tướng Khiêm tham khảo và tiếp kiến khoảng 30 nhân vật, cũng giống như mọi cuộc cải tổ trong thời bình, lúc sóng lặng gió êm. Ông hành động giống như ngài Thủ Tướng của Đệ Tứ Cộng Hòa Pháp một ngày sau khi có khủng hoảng trong nội các. Phó Thủ Tướng Nguyễn lưu Viên thảo một bản tường trình đúc kết hết mọi quan điểm của những nhân vật vừa được Thủ Tướng tiếp xúc.

Ông Thiệu không tin vào dư luận quần chúng ở Miền Nam nhưng ông lắng nghe nhận xét của một số thân hào nhân sĩ.

Ông Nguyễn Lưu Viên đánh bóng 4 đề mục rất cần thiết:

“ – **phải lấy lại lòng tin của dân chúng**

“- **phải thực hiện một sự đoàn kết quốc gia thật rộng rãi**

“- **phải canh tân phương pháp làm việc của Chánh Phủ**

“- **phải mở rộng cửa cho hòa bình nhưng đồng thời phải củng cố quân đội để chận đứng các cuộc tấn công của cộng sản .**

Có 3 khả năng hành động:

1,- thứ nhất: Nếu quân đội, vì một lý do nào đó – thiếu chiến cụ , vũ khí đạn dược, hoặc mất hết tinh thần – không thể chận đứng được cuộc tổng tấn công của cộng sản , thì VNCH phải mất về tay cộng sản Bắc Việt, và cả thế giới được đặt trước một việc đã rồi.

2.- thứ hai: Nếu cuộc tổng tấn công của cộng sản Bắc Việt bị chặn đứng lại, trong lúc chúng ta vẫn quá yếu về chính trị, một Chính Phủ Liên Hiệp thân cộng sản có thể được thành hình, thì việc cộng sản hóa Miền Nam Việt Nam chỉ còn là một vấn đề thời gian mà thôi.

3.- thứ ba: Nếu cuộc tổng tấn công của Bắc Việt bị gián đoạn, và nếu chúng ta mạnh trên phương diện chính trị, thì có thể có một nước Việt Nam thứ ba. Đây là giải pháp ít bất lợi nhất..

Toan tính chiếm lại các tỉnh bị mất là một điều không còn thực tiễn nữa . ‘

Ở đây Phó Thủ Tướng Viên viết một câu rất lạ kỳ: ‘ Trái lại, một câu nói như thế có thể sẽ làm cho người Mỹ kinh hoàng và đóng hẳn cánh cửa lại đối với người cộng sản ‘

Trong tháng rồi, trên bình diện chính trị, tình thế của ông Thiệu không có xấu lắm. Thực tế cho thấy ông hy vọng có được sự ‘vùng lên’ của những phần tử cơ hội chủ nghĩa. Hầu hết những người không thích ông Thiệu và chế độ của ông ta vẫn không bao giờ tin người Miền Bắc và không bao giờ muốn bị cộng sản hóa. Mặc dầu đài phát thanh Hà Nội và đài MTGPMN lúc nào cũng xác nhận nhưng cho tới giờ này chưa từng bao giờ có một cuộc nổi dậy nào gọi là để hỗ trợ cho cuộc tiến quân tổng tấn công của cộng sản Bắc Việt . Người ta bắt đầu nghe thấy những tin đồn mơ hồ về cung cách người cộng sản Miền Bắc đối xử với dân chúng ở Miền Nam khi họ chiếm được các thị trấn và làng mạc.

Những người dân tỵ nạn bỏ chạy từ Phước Long, Ban Mê Thuột và những xã bị chiếm đều nói là ‘ chung chung bộ đội Miền Bắc chưa có đối xử tệ lắm đối với người nông dân cũng như dân ở thành thị. Người ta chưa ghi nhận được những hành động cướp bóc và hãm hiếp, tuy nhiên khi người dân tiếp xúc với đại diện của MTQPMN hay CPLTCHMN thì họ được yêu cầu tìm bắt các công viên chức của VNCH đặc biệt là cảnh sát và an ninh tình báo. Có nhiều trường hợp được xác nhận rõ ràng là các người bị bắt được đem đi hành quyết. Ở đâu cũng vậy, họ kiểm kê dân chúng rất kỹ. Ở Cao Nguyên thì đồng bào Thượng bị tách ra khỏi người Việt Nam, trong công tác thanh lọc. Rồi người ta giao cho một anh Việt Cộng phải coi chừng 3 hay 5 gia đình, tùy theo quân số của Việt Cộng có đủ người hay không . Rồi người ta khuyến khích dân chúng ‘tự phê bình’ và ‘phê bình’ kẻ khác, từ đó tố cáo hăy tố khổ với nhau. Người ta dự trù những buổi học tập để ‘tẩy não’ hay ‘hướng dẫn chính trị ‘. Vệ sinh là mối ưu tư của người Miền Bắc , họ động viên dân chúng quét dọn từ các xã ấp đến đường phố trong thị trấn, làm như họ có nhiệm vụ phải ‘làm sạch’ cả tỉnh về phương diện vật chất lẫn tinh thần. Có nhiều nơi họ bắt đàn ông và đàn bà phải ra sửa chữa và xây dựng lại một cái gì đó theo nguyên tắc tình nguyện, nhưng thật ra là bị bắt buộc và bị chỉ định.

Các tù binh thì phải bị thanh lọc kỹ hơn: ở chỗ này là binh sĩ, ở chỗ kia là hạ sĩ quan, ở chỗ khác xa hơn là sĩ quan. Đối với hàng binh sĩ không có tình nào đối xử giống tình nào. Họ được thả ra, bị nhốt trong các trại tạm giam, hay đưa đi từ nhóm nhỏ về Miền Bắc . Họ giữ lại các sĩ quan và các cấp chỉ huy của lực lượng Địa Phương Quân và Nghĩa Quân. Số phận của các tù binh tùy thuộc vào ý muốn cá nhân của cán bộ Bắc Việt hay những cán bộ của CPLTCHMN nếu họ có mặt ở đó. Cán bộ thường là người của Miền Bắc . Những người dân tỵ nạn xác nhận là cán bộ người Miền Nam thường tỏ ra mềm mỏng hơn người cán bộ người miền Trung và Miền Bắc. Có nhiều cán bộ người Nam khuyến dân chúng và nhất là các công chức cấp nhỏ hãy lánh mặt đi và tìm cách đứng cho người ta biết mình . Ở Ban Mê Thuột sau chiến thắng của Bắc Việt , trên 3000 người được tập trung tại chợ. Cán bộ của CPLTCHMN đi rào qua rào lại, để tìm bắt được 300 công viên chức VNCH, trong đó có một số cảnh sát. Họ bị tố cáo là ‘kẻ thù của dân tộc, đày tớ và gián điệp của Mỹ’ . Người ta đưa hết những người này ra khỏi thành

phố, nhiều người bị hành quyết. Mặc dầu có những trường hợp như vậy nhưng chưa thấy có “cuộc tắm máu” quan trọng nào như người ta đồn đoán. Trong hiện tại hình như ngoài một sự trừng trị, tra khảo, nhục hình nào đó thì Hà Nội ít nhất tạm thời vẫn tự chế, chưa để lộ vẻ gì gọi là sát máu. Sài Gòn đang khai thác tối đa những tin tức nói trên trong mục đích tuyên truyền rĩ tai về hành vi trả thù độc ác của cộng sản ở các vùng vừa bị Bắc Việt chiếm đóng.

Một số dân chúng bỏ chạy trước cuộc tấn công của cộng sản nhưng không có bao nhiêu người tình nguyện vào quân lực VNCH. Cho nên sự “vùng lên” mà ông Thiệu chờ đón sẽ không xảy ra.

Ngày 22 tháng 3 tại Hà Nội, Thủ Tướng Phạm văn Đồng thết tiệc đãi Ngoại Giao đoàn. Đúng vào giữa bữa ăn, một tùy viên đến nói nhỏ với Đại Sứ Pháp:

– “Bây giờ Thủ Tướng muốn nói chuyện với ông.”

Phạm văn Đồng kéo ông Philippe Richer riêng ra. Ông Thủ tướng này biết xử dụng nhiều trò hay lắm, từ chuyện nói về Victor Hugo hay Émile Zola đến “mối tình thâm thiết” giữa Pháp và Việt Nam. Ông có biệt tài đi dây khéo léo lắm, như trong hiện tại ông muốn cho ông Richer một số tin tức về diễn tiến của tình hình ở Miền Nam. Cuộc nói chuyện với một cấp lãnh đạo của Miền Bắc lúc nào cũng quanh co khúc khuỷu lắm, đầy sáo ngữ. Muốn sàn lọc hết để hiểu được những điểm chánh yếu thì phải biết cách bóc cái lõi bằng cây của họ mới được.

Đại sứ Richer hỏi:

-“Ông nghĩ gì về lực lượng thứ ba ở Miền Nam ?

-“Họ là bạn của mấy ông đó”, Phạm văn Đồng trả lời.

Sau đó ông tuyên bố:

-“Bây giờ thì tình hình không thể đảo ngược được nữa rồi. Nước Pháp phải nhúng tay vào thôi. Thiệu phải ra đi mới được “.

Hoa Thạnh Đôn và Sài Gòn đã đạt được một sự nhượng bộ của Hà Nội trong cuộc thương thuyết để đi tới Hiệp Định Paris : ông Thiệu được ở lại.

Làm thế nào để diễn dịch những lời tuyên bố này của Phạm văn Đồng đây ? Dĩ nhiên nó có nghĩa là người Pháp phải hành động, nếu không thì sẽ quá trễ cho họ. Quá trễ để tìm lại mối giao hảo tốt với Hà Nội.

Philippe Richer phải lập đi lập lại trong đầu những lời nói của Phạm văn Đồng mãi trong 48 tiếng đồng hồ trước khi gửi một công điện về Quai d’Orsay cho Thủ Tướng Pháp.

Mặc dầu không có đông dân bằng hai thủ đô Sài Gòn và Hà Nội hay Đà Nẵng, nhưng Huế là thành phố quyền rũ nhất nước Việt Nam sau Sài Gòn và Hà Nội. Là thủ đô của Miền Trung, nơi có một nền văn hóa cao, Huế lúc nào cũng vẫn là biểu tượng của quyền quý. Khi xưa lúc Việt Nam còn chưa bị chia cắt thì Huế là thủ đô của Việt Nam. Năm 1972, quân lực VNCH chiếm lại thị trấn này. Người ta chỉ thấy chết chóc và mồ mã, một hành động mà Hà Nội không bao giờ thừa nhận. Họ đổ những phương pháp và việc làm đó lên đầu của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam.

Trong một đất nước bị tàn phá vì chiến tranh và vì sự canh tân, Huế vẫn giữ được vẻ đẹp duyên dáng của một đế đô cũ. Những người Việt Nam nào chưa từng nhìn thấy Huế, tưởng tượng đây là một thành phố đa tình, lúc nào cũng lấm tấm có mưa phùn. Ngay như trong mùa khô, thường có sương mù trên đỉnh Núi Ngự hay trên giòng nước lững lờ của con Sông Hương. Thành phố được xây cất quanh con sông này. Bên bờ phía Tây là kinh thành, một khu vuông vức có tường cao 6 thước bao quanh lăng tẩm của các nhà vua, một số đền đài lăng miếu lỗ chỗ vết đạn bách kích pháo. Bờ bên trái là thành phố cổ, đây dân tỵ nạn đang lảng xảng dọc theo các con đường bao quanh chợ, đi tìm các thuyền đò mà lúc bình thường người ta hay dùng để qua đèo.

Nhiều đoàn xe đủ loại, vận tải lớn nhỏ, xe nhà, quân xa, mô tô, xe bò, xe máy, xe đạp ... ngổn ngang trên cầu, họ thả người xuống đi bộ qua tòa hành chánh dài dài tới khu của người Âu Châu bên phía Đông. Ở khu này quy tụ các lãnh sự quán ngoại quốc và nhà của các nhân viên người Âu. Bây giờ thì những người ngoại quốc này nhất là người Mỹ, những công chức cao cấp, và những nhà quý phái trong thị trấn, từ hôm đầu tháng tới nay không còn lui tới Cầu Lạc Bộ Boi Lộ, các sân quần vợt và bãi biển nữa. Người dân tản cư chiếm luôn hết các bồn cỏ, lẫn lộn với một số binh sĩ mà người ta không biết đó là lính của những đội tuần tiễu hay của nhóm chạy trốn nào. Binh sĩ và dân chúng chiếm hết khu đại học.

Không có gì chắc chắn để quy trách nhiệm cho ông Thiệu về chuyện để mất tỉnh Phước Long, Ban Mê Thuột, hay thất bại thảm não trong cuộc hành quân triệt thoái khỏi Pleiku và Kontum. Nhưng chắc chắn là ông phải gánh chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc để mất Huế.

Còn tướng Trưởng, sau khi gặp Tổng Thống ở Sài Gòn, ông về ngay Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn 1 của ông ở Đà Nẵng, cách 65 cây số về phía Nam của Huế. Ngay từ lúc đó tin tức dồn dập thật là xấu. Chiến xa của cộng sản Bắc Việt đã quét hết lực lượng Địa Phương Quân ở Quảng Trị, cách Huế chỉ có 50 cây số về hướng Bắc.

Tướng Trưởng bay ngay ra Huế ngày 20 tháng 3. Ở đây ông ra lệnh cho tướng Lâm Quang Thi chuẩn bị phòng thủ Huế đồng thời cũng chuẩn bị di tản về Đà Nẵng chiến cụ nặng gồm pháo binh 175 ly vận hành, và các chiến xa M48. Vào hồi 13 giờ 30 ông nghe bài diễn văn của ông Thiệu : **bằng mọi giá phải cố thủ Huế**. Đến 19 giờ 30, khi về đến Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn 1 ở Đà Nẵng tướng Trưởng lại được một công điện do đích thân Tổng Tham Mưu Trưởng Cao Văn Viên ký tên : **sẽ không cố thủ Huế**. Nhưng mĩa mai thay ngay trong lúc đó đài phát thanh quốc gia vẫn còn tiếp tục phổ biến oang oang bài diễn văn lịch sử của ông Tổng Thống **Nguyễn văn Thiệu kêu gọi cố thủ Huế**. Tổng thống phủ quên không chuyển lệnh cho Giám Đốc đài phát thanh Lê Vĩnh Hòa và phòng lưu trữ phim ảnh.,

Nguyễn văn bức công điện được mã hóa :

Khẩn

Chuyển giao tận tay

số: 20/54 H/3 -1975 T. 20/3/758.

Nơi gửi : Bộ Tổng Tham Mưu / Tổng Tham Mưu Trưởng'

Nơi nhận: Tư Lệnh Quân Đoàn 1 / Vùng I Chiến Thuật

Bản văn: số 9428 / F 341

Tham chiếu: công điện số 9.424/ Tổng Tham Mưu / F 342 hay 20/ 145 ngày 11/3/1975 của Tổng Tham Mưu

Tiếp theo công điện nói trên, Bộ Tổng Tham Mưu trân trọng gửi đến quý Tư Lệnh những chỉ thị sau đây của Tổng Thống VNCH.

Thứ nhất: Phương tiện Không Quân và Hải Quân còn khiến dụng được chỉ có thể yểm trợ cho một (1) cứ điểm mà thôi. Do vậy, ông phải hành quân (nguyên văn trong công điện là tiếng Pháp: "mener") trì hoãn chiến đến Đèo Hải Vân, nếu tình thế bắt buộc.

Thứ hai: Xin đáp nhận chỉ thị này.

Đại tướng Cao văn Viên, Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Lực VNCH.

Hơn thế nữa, cơ quan tình báo của Quân Lực VNCH lại phổ biến tin tức về lực lượng tham chiến của quân đội Bắc Việt ngày hôm đó. Năm trong số bảy sư đoàn trừ bị của Bắc Việt sẽ được gọi vào Miền Nam và theo tin tức của cơ quan tình báo Sài Gòn thì họ có trên 800 chiến xa với một số dự trữ cho 19 sư đoàn trong đó có 14 sư đoàn bộ binh . Không còn nghi ngờ gì nữa, bây giờ thì người ta tin chắc rằng quả là một điều quá lý tưởng cho Hà Nội .

Ông Thiệu thì có cảm nghĩ rằng ông đã cho tướng Trưởng một mức độ uyển chuyển hay tùy nghi nào đó rồi trong hành động. Trong lúc tướng Trưởng quá mệt mỏi, nóng ruột, hút hết điều thuốc này tới điều khác, thì tin chắc rằng ông Thiệu không có cho lệnh gì như vậy hết. Một sự mơ hồ lẫn lộn rất tai hại, vì thiếu sự phối hợp giữa Tổng Thống Phủ, Bộ Tổng Tham Mưu và Bộ Tư Lệnh Quân đoàn 1.

Ông Thiệu thì đinh ninh rằng tướng Trưởng đã nói với ông ta là không có cách nào khác hơn là phải cố thủ Huế, bởi vì con đường số 1 chạy dọc theo bờ biển giữa Huế và Đà Nẵng đã bị cắt đứt rồi. Tổng Thống đã phải cho lệnh bỏ Huế là vì thiếu sự bảo đảm của tướng Trưởng. Trong lúc đó tướng Tư Lệnh sư đoàn 1 thì lại bỏ Huế mà không báo trước cho tướng Trưởng hay tướng Viên hay Tổng Thống Thiệu biết. Hết người này đến người khác thì nhau đổ thừa cho những "lệnh và phản lệnh" và các phản ứng dây chuyền kế tiếp sau đó.

Đêm 23 trung tướng Lâm quang Thi đến viếng Đức Cha Nguyễn Kim Điền, tại Tòa Tổng Giám Mục Huế. Đức Tổng Giám Mục vừa từ một chủng viện ở Vatican về hai ngày trước . Không có điện, Đức Tổng Giám Mục phải tiếp tướng Thi trong phòng khách dưới ánh sáng của một ngọn nến. Họ chỉ dùng trà.

Đức Tổng Giám Mục nói ;

- "Tôi không lấy làm ngạc nhiên chút nào khi được biết người ta sẽ bỏ Huế. Tôi biết được từ một nguồn tin chính xác rằng Vùng II và Vùng I Chiến Thuật sẽ được giao cho cộng sản . Miền Nam Việt Nam mới sau này chỉ gồm có Vùng III và Vùng IV mà thôi."

Tướng Thi có cảm tưởng rằng các nguồn tin tức chính xác đó bao gồm luôn cả từ Tòa Thánh Vatican.

Hai ngày sau đó lại đến lượt tướng Thi tiếp Đức Giám Mục Phạm ngọc Chi tại Đà Nẵng . Ông này đến để phản đối ý định "tử thủ Đà Nẵng". Thật là vô ích. Vị Giám Mục này cũng vẫn đinh ninh rằng đã có một thỏa thuận nào đó với cộng sản rồi. Vậy tại sao lại phải đánh đấm với nhau làm gì cho những mảnh đất hay thành phố mà mình đã có thỏa hiệp là sẽ giao cho cộng

sản ? Trong giới dân sự cũng như một phần trong giới quân nhân, những tin đồn chủ bại nhất như loại nói trên đã biến thành tin tức chính xác.

Rõ rệt nhất là các vị Giám Mục coi như các quân nhân tự biến mình thành những người sát non một cách vô ích khi họ cố gắng làm tròn chức năng và nhiệm vụ của mình trong quân đội.

Ngày 24 tháng 3, hồi 6 giờ, tướng Trưởng cho lệnh di tản khỏi Huế. Ông ta đang hình thành một kế hoạch hơi táo bạo.

Ở về hướng Đông của thị xã Huế có cù lao Vĩnh Lộc, một cù lao lớn dài khoảng 30 cây số. Các binh sĩ thuộc Thủy Quân Lục Chiến, Biệt Động Quân và sư đoàn 1 bộ binh sẽ đi xuống bờ biển, và băng qua hòn đảo này, bỏ lại chiến cụ nặng mà họ không thể đem lên phà hay tàu chiến được. Giữa phần đất phía Nam của hòn đảo và đất liền, công binh sẽ thiết lập một cây cầu tạm để họ có thể trở lên bờ và về Đà Nẵng. Đồng thời cây cầu này cũng sẽ giúp di tản binh sĩ bằng đường biển. Từ Sài Gòn đề đốc Cag đã gọi ra một số tàu hùng hậu để có thể tùy nghi chở binh sĩ hay dân chúng di tản.

Lúc đầu, mặc dù pháo binh Bắc Việt bắn dữ dội, nhưng cuộc điều động diễn tiến không xấu lắm. Các đơn vị bảo vệ đã trì hoãn được cuộc tiến quân của cộng sản. Nhưng đến ngày 25 thì giống như lúc triệt thoái khỏi PleiKu, dân chúng lẫn lộn vào với binh sĩ. Các binh sĩ thuộc sư đoàn 1 bộ binh thì lại dạt theo gia đình của họ. Sư đoàn từ đó tan rã lần lần. Sĩ quan và binh sĩ đều biết rằng tướng Nguyễn duy Hinh đã từng nói là:

-“ Chúng ta sẽ bỏ Huế, chúng ta đã bị phản bội rồi!

Trên hai bờ của hòn đảo, có nhiều người đang chờ tàu đang còn đậu ở ngoài khơi. Một số khác thì tiến về phía Nam nơi mà Công Binh đang phải thiết lập một cây cầu tạm. Biển đang động. Kỷ luật trở thành Vô kỷ luật rồi biến luôn thành nổi loạn. Quá hốt hoảng, có một số binh sĩ cướp tàu, kể cả những chiếc tàu đang dùng làm chân cầu nổi. Một số khác thì tìm cách bơi vô đất liền và chết đuối vì nước biển đang lên. Các tàu đổ bộ thì đôi lúc không thể vào sát bờ được, hoặc vì người lái không biết cách điều hành, hoặc vì họ sợ pháo binh của Bắc Việt. Cũng có một số khác bị chết đuối vì họ tìm cách lội ra tàu.

Ngày 23 tháng 3, ông Thiệu nhận được một bức thư của Tổng Thống Ford. Ngay như để nâng đỡ tinh thần của Tổng Thống VNCH, ông Ford cũng không bao giờ dùng điện thoại. Bức thư này, là bức thư cuối cùng, chứa đựng một sự mơ hồ khéo léo, nói chuyện chung chung đến vô nghĩa. Bức thư viết:

-“ Theo quan điểm của tôi thì cuộc tổng tấn công của Hà Nội không còn gì chứng minh hùng hồn rằng đây là một sự phá hoại bằng võ lực Hiệp Định Paris..không hơn không kém.”

Ông Ford nói rằng ông theo sát các biến cố. Người ta không chờ mong gì được ở ông chút nào hết. Ông ta muốn tuyên dương trách nhiệm của Hoa Kỳ. Nhưng bằng cách nào đây? Ông ta sẽ thử làm tất cả để thỏa mãn “nhu cầu vật chất trên chiến trường”. Ông Thiệu gạch đít vài hàng ở chỗ này, vài câu ở chỗ khác mà dưới nhãn quan của ông, một lần nữa Hoa Kỳ đã cam kết qua vị Tổng Thống của họ như:

- “*Quyết định của Hoa Kỳ phải nâng đỡ một người bạn...*”

hay: “*Hoa Kỳ sẽ đứng vững sau lưng VNCH trong giờ phút quyết định này...*”

Đối với ông Thiệu, bức thư này là một điềm lành đem tới cho ông. Bởi vì ông Ford nói về trách nhiệm của Hoa Kỳ, tức là mình phải nói rõ những gì mình đang cần. Ông Thiệu nhờ một trong những vị Bộ Trưởng của ông soạn một bức thư trả lời để sẽ được gửi đi ngày mai. Đó là ông Nguyễn tiến Hưng, nhà kinh tế lỗi lạc của ông.

Ông Thiệu nhắc ông Ford rằng:

” VNCH đã ký vào Hiệp Định Paris không phải vì Miền Nam Việt Nam ‘tin tưởng một cách ngây thơ’ vào thiện chí của kẻ thù cộng sản, mà vì VNCH đặt hết tin tưởng vào sự cam kết long trọng của Hoa Kỳ.”

Hữu ý hay vô tình, ông Thiệu dùng lại những từ ngữ của ông Nixon và của Kissinger như ‘*lời hứa chắc chắn*’, ‘*những biện pháp trả đũa nhanh chóng và quyết liệt*’. Đối với ông Thiệu, lời nói của Tổng Thống Hoa Kỳ là chủ yếu. Ông Nixon đã có tuyên hứa, đã có lời cam kết, nói lên lòng thành thật và một danh dự. Không có lúc nào mà ông Thiệu tách rời Hiệp Định Paris, một hiệp định chánh thức và công khai ra khỏi những bảo đảm riêng của ông Nixon mà ông Ford sẽ phải là người thừa kế. Sau ba tháng tổng tấn công của cộng sản Bắc Việt, đây là lần đầu tiên Tổng Thống VNCH đòi hỏi Tổng Thống Hoa Kỳ phải có quyết định. Theo ông Thiệu thì ông Ford phải ***ra lệnh cho ‘một cuộc oanh tạc ngắn nhưng thật dữ dội bằng B.52 vào những điểm tập trung và những căn cứ tiếp vận của địch trên lãnh thổ Miền Nam Việt Nam*** ‘.

Sau khi ký tên vào bức thư này ông Thiệu cho mời các vị Phó Tổng Thống, Thủ Tướng, Bộ Trưởng Ngoại Giao, Tổng Tham mưu Trưởng và Phụ tá an ninh của ông đến, để thông báo cho họ lúc 9 giờ 30 sáng.

Sứ quán Hoa Kỳ nhận được bức thư của ông Thiệu vào lúc trưa. Ông Ford không trả lời trực tiếp cho ông Thiệu về bức thư này,

Ngày 25 tháng 3, ông Gerald Ford và ông Kissinger tiếp một phái đoàn của Sài Gòn do Đại Sứ VNCH ở Hoa Thịnh Đốn là ông Trần kim Phụng hướng dẫn. Phái đoàn đã ghi nhận được tất cả những lời tốt đẹp của ông Ford. Ông Ford sẽ làm tất cả ‘*những gì mà ông có thể làm được*’ để Quốc Hội chấp thuận một ngân khoản viện trợ bổ túc. Ông Ford sẽ gửi tướng Tham Mưu Trưởng Lục Quân Hoa Kỳ đến Sài Gòn.

Ra khỏi Nhà Trắng, các thành viên của phái đoàn VNCH đều tỏ ra bi quan. Đã có một sự kiện: đêm hôm trước, trong khuôn khổ viện trợ cho ngoại quốc nói chung, Thượng Viện đã chấp thuận một đạo luật là 3 tỷ, 700 ngàn mỹ kim, mà trên bình diện quân sự, không có VNCH, tức là Miền Nam Việt Nam coi như đã bị loại. Dù là ông Ford có thiện ý nhưng không thể chống lại quyết định của Quốc Hội được.

Tổng Thống Hoa Kỳ tìm những sự nâng đỡ quốc tế hay nói đúng hơn là ông ta muốn làm yên lòng các quốc gia đồng minh và quốc gia bạn. Ông viết thư cho lãnh đạo của các quốc gia ở Đông Nam Á Châu và những nơi khác. Ông viết cho ông Souvanna Phouma, Thủ Tướng Lào, cho ông Tun Razak, Thủ Tướng Mã Lai Á, cho ông Lý quang Diệu, Thủ Tướng Tân gia Ba, cho ông Suharto ở Nam Dương, cho ông Marcos ở Phi luật Tân, cho ông Bạch sùng Hy ở Nam Hàn, cho ông Trương kinh Quốc ở Đài Loan, cho ông Kukrit Pramodj ở Thái Lan, và nặng ký hơn, cho hai ông Thủ Tướng Úc Châu và Tân Tây Lan. Tất cả các thư tín đó đều dựa trên một mẫu chung, không có tính cách cá nhân. Trong thư, Tổng Thống Ford cam đoan với các vị lãnh đạo nói trên là:

- “ *Vì Bắc Việt công khai xâm chiếm Miền Nam Việt Nam nên Hoa Kỳ vẫn phải quyết định cung cấp cho Miền Nam Việt Nam chiến cụ, dụng cụ (nguyên văn :the tools) mà VNCH đang cần để chống lại cuộc xâm lăng đó”*

Danh từ “dụng cụ” (*tools*) rất mơ hồ tối nghĩa hay là một vụng về cố ý ? Nó ám chỉ ngân khoản, vũ khí hay đạn dược ? Ông Ford không hề nghĩ tới các cuộc oanh tạc của B.52 như ông Thiệu. Ở Hoa Kỳ rất hiếm có những người đòi hỏi một cuộc tái oanh tạc như tướng Westmoreland, cựu Chỉ Huy Trưởng quân lực Hoa Kỳ tham chiến ở Miền Nam Việt Nam.

Trong thư gửi cho các bạn đồng viện ở Quốc Hội, ông Ford thông báo là tướng Frederic Weyand, Tham Mưu Trưởng Lục Quân Hoa Kỳ sẽ đến Sài Gòn.

Đối với những người mà vấn đề an ninh tùy thuộc vào Hoa Thạnh Đốn, ông Ford cam kết “một cách phân minh” rằng Hoa Kỳ sẽ tôn trọng những điều mà họ đã cam kết. Hoa Kỳ sẽ vẫn trung thành với truyền thống và những bổn phận của mình đối với các đồng minh và bạn bè. Cái lối hành văn trịnh trọng này không gây cảm xúc được ai trong số những người nhận được thư của ông ta, nhất là Thủ tướng Thái Lan, ở tuyến đầu, đang theo dõi và rất am tường tình hình diễn tiến ở khắp Đông Dương.

Những chánh trị gia và những người dính líu vào con đường chánh trị của Hoa Kỳ như Tổng Thống chẳng hạn, thường nhắc tới vấn đề “khả tín” của Hoa Kỳ, thiện chí của một siêu cường: là phải tôn trọng những gì họ đã cam kết trong khuôn khổ của các đồng minh của mình. Trong vùng Đông Nam Á, rất nhiều quốc gia coi vấn đề Việt Nam như một bài học trắc nghiệm. Rồi họ cũng sẽ thấy thôi !

Trong số các quốc gia đã ký vào Hiệp Định Paris có nước Trung Hoa cộng sản. Để tăng trọng lực và bổ túc cho bức thư của Tổng Thống Ford, ông Kissinger cũng có một công hàm tương tự để phản đối với Bắc Kinh và Mạc tư Khoa, gửi cho Thứ Trưởng Ngoại Giao họ Hứa của Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa và cho cả ông Gromyko của Liên Bang Xô Viết..

“Kính thưa Ngài Tổng trưởng Ngoại Giao,

Tôi viết thư này để thông báo cho Ngài rằng chúng tôi hết sức quan tâm và bối rối vì những hoạt động quân sự gần đây của chánh quyền Bắc Việt . Sự hoàn toàn thiếu tự chế của họ chỉ có thể cho thấy một quyết định cứng rắn của họ:đó là họ quá coi thường Hiệp Định Paris về Việt Nam “

Ông Kissinger không bao giờ tin rằng Hà Nội có biểu lộ một sự tự chế nào, chẳng những thế mà họ còn đã vượt qua khỏi lần ranh của sự khoan dung nữa. Bây giờ ông Kissinger mới khẳng định rằng chánh quyền Bắc Việt đang lao mình vào một hành động quân sự với một quy mô rộng lớn. Ngay những danh từ mà ông dùng trong thư của ông đã cho thấy rõ ý nghĩ của ông là cuộc tổng tấn công của Bắc Việt không phải bắt đầu từ Phước Long mà từ Ban Mê Thuột :

– ” Bắt đầu từ ngày 10 tháng 3 1975, lực lượng quân sự Bắc Việt ở Miền Nam Việt Nam đã mở những cuộc tấn công vào các căn cứ quân sự , các thị trấn quận lỵ và tỉnh lỵ. “

Sau khi ông trở về đến Hoa Thạnh Đốn , ông Kissinger hay những người đã viết ra dự thảo của những bức thư này đã xem kỹ tất cả những báo cáo và phúc trình về tin tức của các cơ quan tình báo. Ông Kissingerdị còn thêm :

– “Bắc Việt cũng đã cho 3 sư đoàn quân trừ bị vượt qua vùng phi quân sự.. “

Ông Tổng trưởng ngoại giao Hoa Kỳ đã viết cho những vị Tổng trưởng ngoại giao Trung Quốc và Liên Bang Xô Viết rằng:

đây là một “hành động leo thang quân sự” mà theo tin tức của các các cơ quan tình báo của chúng tôi thì Bắc Việt đã quyết tâm tiếp tục các hành động xâm lăng và tiến hành các cuộc tấn công vào cố đô Huế (ông Kissinger có lý) và trong tỉnh Tây Ninh gần Sài Gòn (ông Kissinger lộn rồi). “

Sáu ngày trước đó, Bắc Việt đã có những cuộc hành quân loại “đương Đông kích Tây” trong vùng Tây Ninh. Ông Kissinger đặt ông Tổng trưởng ngoại giao Trung Quốc trước trách nhiệm của ông này:

– ” Những cuộc tấn công gần đây của Bắc Việt được sự yểm trợ của các chiến xa và vũ khí chống chiến xa do các thế lực ngoại quốc cung cấp , mà một trong các thế lực này có tham vọng bá quyền ở Á Châu (nhắm vào Liên Xô) nhằm phá bỏ hoàn toàn Hiệp Định Paris mà ông đã ký... Các diễn tiến đó làm cho cuộc chiến ở Đông Dương biến trở lại thành một bài toán quốc tế trọng đại “

Ông còn nhấn mạnh :

“Các cuộc tấn công này đã được tiến hành sau cuộc viếng thăm Hà Nội gần đây của một phái đoàn quân sự Trung Quốc.”... Nhiều câu hỏi rất nghiêm trọng được đặt ra liên quan đến thiện chí của các thế lực ngoại quốc đó trong việc thúc đẩy chính quyền Hà Nội đến một sự tự chế... người ta phải khuyên can Bắc Việt để họ đừng leo thang thêm nữa và trở về với cuộc ngưng bắn ..”

Ông Kissinger đã thiết lập nhiều mối giao hảo với Bắc Kinh. Khi ông ký thư này, có bao giờ ông ta nghĩ tới khả năng mà Trung Quốc có thể kèm hãm được Hà Nội trong giai đoạn này hay không ? Mạc tư Khoa đã cung cấp vũ khí nặng cho Bắc Việt như chiến xa, pháo binh và một lực lượng phòng không đáng sợ. Trong nhiều năm Bắc Kinh cũng đã cung cấp cho Bắc Việt vũ khí cho bộ binh , súng AK.47, lựu đạn, súng liên thanh, bách kích pháo và các quân xa (không bọc sắt) và những dụng cụ thay thế. Trung Quốc cũng giúp Hà Nội sống còn khi họ tiếp tế cho Bắc Việt gạo thóc, vải sò và tất cả các thứ cần dùng khác, thượng vàng hạ cám, liên quan tới sinh hoạt của đời sống hằng ngày như chén bát, kim chỉ, đèn bầm, bóng đèn v.v.....

Theo ông Kissinger, khi ông đặt vấn đề Việt Nam với các nhà lãnh đạo Bắc Kinh thì là họ cũng đã “nêu lên một vài ba điều có lợi cho Hà Nội”, nhưng đó hoàn toàn chỉ là một hình thức nghi lễ mà thôi. Nội dung các cuộc nói chuyện của ông Kissinger với Trung Hoa cộng sản luôn luôn nằm trong khuôn khổ 4 nước Đông Dương: hai nước Việt Nam , một Cam Bốt và một Lào. Đối với Bắc Kinh , Hoa Kỳ không bao giờ chấp nhận một sự chiến bại ở Việt Nam. Một siêu cường phải hành động như một siêu cường. Một nước Việt Nam thống nhất không có lợi lộc gì cho cộng sản Trung Quốc hết. Sự chống đối giữa Trung Hoa và Việt Nam đã có hàng thế kỷ, và những mâu thuẫn giữa các lý thuyết gia của Hà Nội và Bắc Kinh càng ngày càng sâu rộng. Mao đã từng chủ trương đối đầu lúc trước . Nhưng theo phân tách của Hội Đồng An Ninh Quốc Gia Hoa Kỳ thì người “lãnh đạo vĩ đại” hình như đã thay đổi quan điểm vào những năm của thập niên 60. Vả lại ảnh hưởng và thế lực của ông đã xuống. Người ta đã không thấy ông ở đại hội đảng mấy tuần trước vào tháng giêng 1975. Người Trung Hoa đã có nhận xét là cộng sản Việt Nam mặc dầu lúc nào cũng khoa trương về các cuộc “nổi dậy của nhân dân ” , nhưng vẫn áp dụng một chiến lược quân sự quy ước theo Liên Xô. Cuối cùng thì đối với Bắc Kinh chiến cuộc ở Việt Nam càng kéo dài thì càng giúp cho Liên Xô có một thế đứng quan trọng trong vùng. Tất nhiên những người cộng sản Trung Hoa này có thiện cảm phần nào nghiêng về

CPLTCHMN và Khmer Đỏ mà họ nghĩ đó là lực lượng đối trọng cần thiết của họ ở Hà Nội . Nói tóm lại, để giữ được hình ảnh cách mạng ở thế giới thứ ba, người Trung Hoa hỗ trợ các đồng chí Việt Nam chỉ bằng lời nói, nhưng không muốn thấy họ đặt chân lên Sài Gòn . Người dân Trung Quốc rất thương Việt Nam mà họ chỉ muốn giữ hai nước Việt Nam riêng biệt.

Vào tháng 8 năm 1974, Trung Quốc tạo ra biến cố ở đảo Hoàng Sa với mục đích đi vào một cuộc thương lượng trực tiếp với Sài Gòn . Nhưng ông Thiệu không nắm được cơ hội mà Bắc Kinh đã trao cho ông vì một phần ông quá cảnh giác về ý định bất chính của Bắc Kinh , một phần vì sợ Hoa Kỳ . Và ông Thiệu tiếp tục tin là thế giới cộng sản vẫn là một khối đoàn kết với nhau.

Rất thận trọng, Bắc Kinh đã thử tìm cách bắt liên lạc với ông Thiệu. Qua trung gian của các người Tàu quốc gia thường qua lại giữa Bắc Kinh và Đài Bắc, cộng sản Trung Hoa đã tiếp xúc được với anh ông Thiệu lúc đó là Đại Sứ VNCH ở Đài Loan. Tại Hồng Kông, tháng 4 năm 1974, một sĩ quan thuộc Trung Ương Tình Báo của Miền Nam Việt Nam đã tiếp xúc với ông Jim Eckes, một người có trách nhiệm trong một hãng Hàng Không tư nhân ở Sài Gòn . Vị sĩ quan này được một công điện của một trong những nhân vật cộng sản của Hồng Kông. Ông Eckes biết rõ những người thân cận của ông Thiệu. Ngay như ông Vương văn Bắc, Tổng trưởng Ngoại giao cũng đã có giúp cho đường dây liên lạc thư tín loại này. Một người bạn của ông, cũng vẫn vào cuối năm 1974, dân biểu thuộc đảng Bảo Thủ Anh Quốc, đã mở đường cho ông Thứ Trưởng ở Bắc Kinh . Cộng sản Trung Quốc đặt niềm hy vọng vào CPCHMNVN, nhưng không để lộ ý mình khi phải làm áp lực với Hà Nội.

Ông Thiệu không bao giờ muốn nói chuyện với Bắc Kinh dù là trong vòng bí mật vì người Trung Quốc là cộng sản , cái CPLTCHMN chỉ là một công cụ của họ, và hơn thế nữa ông Thiệu lúc nào cũng sợ những đòn sấm sét của người Mỹ, một sự lo sợ chắc chắn là hão huyền !

Đối với ông Kissinger thì người Trung Hoa coi vấn đề giao dịch với Hoa Thanh Đồn quan trọng hơn là sự liên lạc với Hà Nội . Nhưng họ bị kẹt với hình ảnh ý thức hệ của họ và không thể chối bỏ Miền Bắc Việt Nam hay nói đúng hơn là “chưa có thể” được .

Tại Hoa Thanh Đồn người ta dư biết là có những căng thẳng giữa Bắc Kinh và Hà Nội . Bắc Việt luôn luôn phàn nàn về sự chậm trễ trong dịch vụ giao hàng từ Trung Quốc. Vào cuối năm 1974 và đầu năm 75, người Trung Hoa không có cất lương thực và đạn dược, nhưng các chuyến tàu hỏa của họ tới quá trễ . Nhân công làm reo ? hay vô tổ chức trong bộ máy hành chánh ? Hay chỉ là một cách để nói lên sự không thuận thảo giữa Bắc Kinh với Mạc Tư Khoa hay với Hà Nội ? Hay chỉ là tin vịt ? Dù gì đi nữa thì ông Kissinger thấy có bốn phận phải phản đối với Bắc Kinh cũng như đối với Mạc Tư Khoa .

Thơ của ông gửi cho Ngoại Trưởng Gromyko mở đầu bằng một câu rất nghiêm khắc:

– ***“Tôi viết thư cho Ngài để “thành thật” bày tỏ sự lo âu sâu xa của tôi”***

Đối với người Sô Viết khi họ nói với nhau mà dùng danh từ “thành thật” thì có nghĩa là có một mối bất hòa sâu đậm. Họ sẽ hiểu ngay. Bức thư cho Liên Xô này chứa đựng một sự buộc tội rất nặng nề:

– ***” Vì các cuộc tấn công này được tiến hành ngay sau cuộc viếng thăm Hà Nội của Thứ Trưởng Feryubin (vị Thứ Trưởng của Ngài đó ông Gromyko ạ !) nên người ta không thể không đặt giả thuyết là Liên Bang Xô Viết đã ý thức được- và đã chuẩn thuận- những quyết định của Hà Nội . Do đó Chánh Phủ của ông phải chấp nhận một phần lớn trách nhiệm về***

những gì đang xảy ra ngay lúc này ở Miền Nam Việt Nam . Và cũng như về những hệ lụy rộng lớn hơn về sau. ”

Vào tháng 3 năm 1975, ông Kissinger tin tưởng Bắc Kinh hơn Mạc Tư Khoa.

Hai năm về trước, tháng 3 năm 1973, Đại sứ Liên Xô tại Hoa Thịnh Đốn, ông Anatol Dobrynine có bảo đảm với ông Kissinger -một sự bảo đảm có giá trị- rằng Liên Xô đã ngưng gửi vũ khí cho Hà Nội từ sau khi Hiệp Định Paris được ký kết. Ông Dobrynine xác nhận hay khẳng định rằng các món hàng cung cấp của Liên Xô đang đến Việt Nam có thể là những món đã bị chậm trễ trong quá trình chuyển tiếp ở Trung Quốc.

Trong bức thư gửi cho ông Gromyko, ông Kissinger đã nói đến “trách nhiệm đặc biệt mà hai quốc gia chúng ta là phải làm tất cả để kiềm hãm những sự tranh chấp hay những tình hình nào có thể gây ra thêm sự căng thẳng trên thế giới.” Dĩ nhiên ông cũng đòi hỏi ông Gromyko phải khuyên Bắc Việt nên cho ngưng ngay tất cả các cuộc tấn công.

Quyền lợi của Liên Xô vào tháng 3 năm 1975 khác hẳn với tháng 3 năm 1973. Ngày hôm qua Liên Xô gặp phải một vị Tổng Thống mạnh và có quyết tâm là ông Nixon. Hôm nay là ông Gerald Ford, một Tổng Thống đang bị Quốc Hội và dư luận quần chúng Hoa Kỳ cầm cương . Từ sau ngày ông Nixon phải ra đi, thì mối giao hảo giữa Hoa Kỳ và Liên Xô trở nên khác hẳn. Với chủ trương hòa hoãn của mình, ông Kissinger bị Thượng Viện Hoa Kỳ kiềm chế, từ chối không chấp thuận cho Liên Xô quy chế tối huệ quốc trong lãnh vực thương mại, và không ngừng thúc giục phải cho một số lớn người Do Thái được phép rời khỏi Liên Xô. Vào lúc này , hòa hoãn không mang lại vừa lòng nào lớn lao cho lãnh đạo Liên Xô. Ở Trung Đông dù ông Kissinger có thất bại nhưng Liên Xô vẫn thấy mình lần lần cũng bị hất ra ngoài. Hoa Thịnh Đốn có nói gì đi nữa thì họ vẫn biết là Hoa Kỳ không còn hậu thuẫn cho ông Thiệu nữa. Trong năm 75 này Liên Xô đã sẵn sàng để nhận lấy phần lợi tức đầu tư của họ ở Việt Nam , đặc biệt trên lãnh vực chiến lược của hải quân. Họ có mắt để nhìn về căn cứ và những cơ sở của hải cảng Cam Ranh.

Tất cả đường lối chánh trị của ông Kissinger về Việt Nam hình như bị hậu quả của vụ Watergate. Nếu ông Nixon còn ở trong chánh quyền thì ông không bao giờ chấp nhận cuộc tấn công của cộng sản Bắc Việt vào tỉnh Phước Long hay vào Ban Mê Thuột . Ông ta, phải , chính ông ta sẽ gọi oanh tạc cơ B.52 một cách hợp pháp hay bất hợp pháp. Liên Xô cũng vẫn có quyền lợi khi cuộc xung đột được giảm bớt.

Đã quá trễ để hy vọng rằng lãnh đạo Bắc Kinh và Mạc Tư Khoa có ý định ngưng, hay có thể hãm các cuộc tổng tấn công của Bắc Việt lại. Hơn nữa ông Kissinger nghi ngờ Hà Nội có đủ khả năng cường lại áp lực của hai đàn anh lớn của mình.

Ngày 25 tháng 3, ông Tổng Trưởng Ngoại Giao cũng kêu gọi thẳng Hà Nội trong một “công điện cho ông cố vấn đặc biệt Lê đức Thọ”, người đối thủ già trong cuộc thương thuyết ở Paris năm nào. Bức thư rất ngắn:

– ” ***Thưa Ngài Cố vấn đặc biệt,***

Các cuộc tấn công của lực lượng quân sự của ông đã làm cho tôi khó chịu và tức giận. Quả là một cuộc xâm lăng thuộc loại quá rõ ràng. Nó nói lên một sự xé bỏ Hiệp Định Paris bằng vũ lực. Nếu ông còn tiếp tục, nếu ông còn mở rộng các cuộc tấn công đó ra thêm nữa thì đó là ông ngăn cản mọi thảo luận nhằm thi hành các điều khoản chánh trị của Hiệp

Định Paris . Từ việc này và những hậu quả sẽ diễn ra sau đó, ông sẽ hoàn toàn lấy hết trách nhiệm.”

Và ông Kissinger kết luận :

– ” Ông không nên coi thường phản ứng của Hoa Kỳ cũng như hậu quả của những hành động của ông ở đây và trên toàn thế giới.”

Sự đe dọa, những lời ám chỉ cần thiết và mơ hồ về một “phản ứng bất thần của Hoa Kỳ ” hình như là một trò chơi quá nghèo nàn. Lãnh đạo đảng ở Hà Nội còn có hơn 2 tháng nữa để cân nhắc những điều có lợi và những nguy cơ của việc tiếp tục tiến quân trong cuộc tổng tấn công. Qua những nhà ngoại giao của khối “dân chủ nhân dân” (cộng sản) đang ở Hoa Thạnh Đốn, và hơn thế nữa chỉ cần đọc qua các báo Mỹ được gửi tới Hà Nội ... thì Bắc Việt cũng biết quá rõ là Hoa Kỳ không có một can thiệp quân sự nào nữa hết. Họ hoàn toàn tin chắc như thế cũng như họ đã không hề bị Mạc Tư Khoa và Bắc Kinh chánh thức phản đối họ vậy.

Khi ông Lê đức Thọ nhận được bức công điện của ông Kissinger thì ông ta đang sẵn sàng để lên đường đi vào chiến trường Miền Nam Việt Nam . Ông Lê đức Thọ là người đã được giải Nobel về “**hòa bình**“, là tác giả chính và kỹ sư tạo dựng ra “**Hiệp Định *chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Việt Nam***” (tên chánh thức của Hiệp Định Paris – cũng do ông Thọ đặt ra), nhưng mĩa mai thay hiện ông đang đích thân đi giám sát và đôn đốc sao cho cuộc chiến phải được tiếp tục cho đến khi đạt được chiến thắng cuối cùng (hay hòa bình kiểu cộng sản cho nước Việt Nam) !!!

Ngày 25 tháng 3 tại Hà Nội : Chánh trị Bộ cộng sản cho ra một bản tuyên bố quan trọng:

– ” Cuộc tổng tấn công của chúng ta đã bắt đầu với chiến dịch tại Vùng Cao Nguyên. Thời điểm chiến lược chờ đợi đã đến. Tất cả mọi điều kiện đều được tập trung đầy đủ để thực hiện quyết tâm của chúng ta sớm hơn dự tính nhằm giải phóng Miền Nam, Bộ Chánh trị đã có chỉ thị phải thực hiện trong một thời gian ngắn nhất, một sự tập trung quân số, vũ khí và chiến cụ để giải phòng Sài Gòn trước mùa mưa”

Tổ chức Quân Chánh đã sẵn sàng tại chỗ . Lê đức Thọ và tướng Văn tiến Dũng sẽ chỉ huy tổng quát toàn bộ chiến dịch. Phạm Hùng bí thư đảng ở Miền Nam và tướng Trần văn Trà chỉ huy các cuộc tấn công chiếm Sài Gòn. Tất cả các sư đoàn trừ bị của Bắc Việt được điều động vào hết cho cuộc tổng tấn công này.

Trước khi rời khỏi Hà Nội, Lê đức Thọ đã có nhiều cuộc nói chuyện với Lê Duẩn. Ông ta rời Hà Nội bằng phi cơ ngày 28 tháng 3. Trong đêm “du lịch” đầu tiên, ông làm một bài thơ tặng Lê Duẩn :

Lời anh khuyên : “chiến thắng mới trở về”
Nói gì đây? Đôi lúc không mạnh miệng
Qua lời anh, như nghe lời đất nước
Đường ra trận, có tin vui dồn dập
Vọng đâu đây, hò reo mừng chiến thắng
Giục đi nhanh, để kịp tới đúng giờ
Giờ thuận lợi đến rồi, ngay trước cửa ! (1)

Tại Hà Nội, người ta đặt hết hy vọng vào anh bộ đội, còn ở Hoa Thạnh Đốn thì người ta đi tìm một con đường chánh trị và người ta đang lo tán tỉnh Quốc Hội trong lúc các nghị sĩ và dân biểu đang bận rộn lo đi nghỉ hè 10 ngày , kể từ ngày 27 tháng 3.

Con đường chánh trị tối om, ông Kissinger lại tìm cách xuất hiện trước dân chúng trong một cuộc họp báo:

– ” Chúng ta không nên đánh sập, tiêu diệt đồng minh của chúng ta . Chuyện đó sẽ tạo ra nhiều hậu quả rất trầm trọng trên khắp thế giới”

Chuyện đó sẽ chứ không phải **chuyện đó đã** . Có gì lẩn lộn không ? Đối với ông Kissinger thì trò chơi đã kết thúc rồi ! Nhưng với ông Ford, ông ta vẫn còn tiếp tục xin Quốc Hội một ngân khoản viện trợ bổ túc và tuyên bố là Chánh Phủ sẽ sẵn sàng chấp nhận một kế hoạch 3 năm cho Cam Bốt và Việt Nam . Không thể hơn được .Một nhà báo hỏi ông Ford phải chăng ông đang mua thời gian. Ông Kissinger trả lời cộc lốc:

– ” Có nhiều bài toán không có thời hạn để giải quyết... Tình hình tùy thuộc vào hành động của Bắc Việt “

Ông lại nói thêm :

– ” Từ tháng 5 /1974, VNCH chỉ có nhận được đạn dược và xăng dầu, gần như không có một cơ phận thay thế nào, và không có một chiến cụ tối tân nào. Trong hoàn cảnh đó, tinh thần quân đội xuống thấp là điều không thể tránh khỏi, và những hậu quả mà chúng ta thấy được hôm nay không có chi lạ hết.

Nhà Trắng có phiên họp, có sự hiện diện của ông Kissinger, của tướng Brent Scowcroft, tướng Tham Muu Trưởng Lục Quân Frederic Weyand và Đại sứ Graham Martin. Ông Martin được lệnh phải về lại ngay Hoa Thạnh Đốn . Có một người có tầm cỡ, vắng mặt. đó là ông James Schlesinger, Tổng trưởng Quốc Phòng. Một người dự thính bất thần: David Kennerly, 28 tuổi, nhiếp ảnh gia đặc biệt của Tổng Thống Ford, được lệnh của ông Ford ở lại luôn trong phòng họp.

Cuối cùng rồi người ta mới ý thức được tình hình tối nghiêm trọng trên toàn cõi Đông Dương. Tuy vậy, ông Martin vẫn còn khuyên nên có một mức độ khả tín nào đó đối với mọi tin tức từ Sài Gòn gởi tới.. Người ta sở hai gạch treo lên Cam Bốt. Một trong những công điện cuối cùng của ông Wolfgang Lehmann cho thấy thật là bi quan. Nhân vật số hai của sứ quán Mỹ ở Sài Gòn không có đòi hỏi một cuộc không trợ của Hoa Kỳ vì ông thừa biết là ông Ford không thể cho phép được .Ông đề nghị một “mẹo”, một “mánh khéo” (nguyên văn danh từ tác giả dùng là *gimmick*, tiếng Mỹ): quảng bá tối đa số phận của những người tỵ nạn Việt Nam, để cảm hóa dư luận dân chúng Mỹ, và do đó ảnh hưởng đến các nghị sĩ và dân biểu Quốc Hội . Không ai trả lời gì cho ông ta hết.

Về những người tỵ nạn, người ta sẽ gởi tàu thuyền đến gần bờ biển Việt Nam , ngoài khơi trong vùng Đà Nẵng, với những chỉ thị rõ rệt: Các tàu thuyền sẽ phải ở cách bờ biển Việt Nam 3 gút, để tránh giao tranh với Bắc Việt và để tôn trọng luật lệ quốc tế.

Tướng Weyand sẽ đi Sài Gòn với 2 nhiệm vụ: thảo một phúc trình về tình hình

quân sự , và nói với Tổng Thống Thiệu rằng Chính Phủ Hoa Kỳ sẽ hậu thuẫn Việt Nam Cộng Hòa được chùng nào hay chùng nấy nhưng người Mỹ không chiến đấu ở Việt Nam nữa, cả trên bộ , trên không và trên biển.

Vào cuối phiên họp, nhiếp ảnh gia Kennerly xin Tổng Thống cho phép anh tháp tùng tướng Weyand. Ông Ford chấp thuận ngay vì ông vẫn xem Kennerly như con của ông vậy. Kennerly tươi cười nói với ông Graham Martin :

– ” Tôi rất vui mà được biết ông cũng cùng đi . Khi mọi việc kết thúc một cách tệ hại, thì ông Phil Habib có thể chỉ mặt thủ phạm- người đó là ông !

Ông Martin không thấy câu nói đùa đó thật là kỳ quặc !

Hà Nội không quên mặt trận ngoại giao. Họ xử dụng mặt trận này để đánh lạc hướng dư luận và để quấy rối kẻ địch nhất là người Mỹ. Họ có một hệ thống rất hữu hiệu để tấn công về ngoại giao ở Ba Lê, nơi diễn ra, trên lý thuyết, những cuộc đàm phán chánh trị giữa “các Bên ở Miền Nam Việt Nam ” từ năm 1973, chính xác hơn là ở La Celle- Saint-Cloud. Trên nguyên tắc người ta phải tìm ra một giải pháp chánh trị khả dĩ áp dụng được cho Miền Nam Việt Nam sau ngày ngưng bắn.(1/1973)

Ông Đinh bá Thi, tạm thời đang cầm đầu phái đoàn của CPLTCHMN ở Ba Lê, mở một cuộc họp báo, có đủ mặt các nhà báo Mỹ, Anh, Pháp, Đức và Việt Nam . Trước hết, người thông dịch viên của ông Thi đọc một bản tuyên bố thật dài:

– **“*Những cuộc hành quân của chúng tôi (cộng sản) ở Việt Nam là những hoạt động nhằm chống lại một cách hợp pháp và chánh đáng những vi phạm Hiệp Định Paris của Miền Nam Việt Nam và Hoa Kỳ*”**

Trước kia, Hà Nội và CPLTCHMN chối không công nhận là họ có hành động tấn công. Bây giờ thì họ lại chứng minh cho hành động tấn công đó của họ:

– **” *CPLTCHMN đòi hỏi “ông Nguyễn văn Thiệu và những người của ông ta” phải ra đi. Và họ lập lại sự đòi hỏi mới nhất mà Thủ tướng Bắc Việt đã nói riêng với Đại sứ Pháp Philippe Richer ở Hà Nội . CPLTCHMN chỉ sẵn sàng mở những cuộc bàn thảo về tương lai của Miền Nam Việt Nam với một ” nền Hành Pháp mới, được thành lập ở Sài Gòn “, (họ lái nhai tiếp) một nền hành pháp sẽ “giúp đỡ cho hòa bình, độc lập, dân chủ và hòa hợp quốc gia”.***

Người của CPLTCHMN ở Ba Lê thi hành chi thị do “chi bộ đặc biệt” ban hành. Chi bộ này được thành lập ở Hà Nội ngày 15 tháng 3 và đặc trách về “mặt trận ngoại giao”, gồm có Thứ Trưởng ngoại giao Nguyễn cơ Thạch, Phan Hiền Giám Đốc Báo Chí của Bộ Ngoại giao, Mai văn Bộ, cựu đại sứ Bắc Việt ở Ba Lê, và đại tá Hà văn Lâu, bạn của Thủ Tướng Phạm văn Đồng, một người từ lâu rồi được coi như một nhà ngoại giao hơn là một quân nhân. Ông đại tá này là nhân vật số 2 của công an mật vụ, thường được Bộ Chánh trị giao cho nhiều nhiệm vụ khó khăn. Liên lạc thẳng với Bộ Chánh trị, chi bộ đặc biệt này phải lợi dụng “tất cả các mâu thuẫn của địch” và chuỗi cho đối thủ một cảm tưởng như là có một sự khác biệt hay bất đồng nho nhỏ giữa các vị trí của Cộng Hòa Dân Chủ Việt Nam (Bắc Việt) và CPLTCHMN.

Sau khi đọc xong bản tuyên bố, người của CPLTCHMN ở Ba Lê tuyên bố anh ta sẵn sàng trả lời những câu hỏi. Người ta đặt một câu hỏi về sự hiện diện của các sư đoàn Bắc Việt tại Miền Nam Việt Nam . Người ta có thể nói là anh ta dùng một luận điệu cũ rích:

– ” Đó là những “báo cáo sai sự thật và cố ý vu khống”

Anh ta lại nói thêm rằng:

– ” Hơn nữa Hiệp Định Paris “tù chối sự hiện diện của các loại đơn vị đó.”

Lại đúng là Hiệp định, đừng nói tới nó nữa!... anh ta đâu có chối cái gì đâu !.

Người ta hỏi thúc Đinh bá Thi về một giải pháp chánh trị . Không biết ông ta hiểu thế nào là “người của ông Thiệu” ? Phải chăng đó là ông Thiệu và những người thân cận của ông ta ? Hay là tất cả Chánh Phủ của ông ta ? Ông Thi để lộ cho biết là họ cũng chấp nhận một số người của Miền Nam Việt Nam . Người của ông Thiệu chỉ là “một số ít”. Sau đó ông ta khen ngợi lực lượng thứ ba. Trong mọi dàn xếp lực lượng này sẽ có một chỗ đứng, có một vai trò nào đó.. Ngay trong buổi họp báo, có một người của lực lượng thứ ba này phân phối một bản tuyên ngôn kêu gọi nên kết cuộc chiến bằng một giải pháp chánh trị .

Sau cuộc họp báo, các nhân viên ngoại giao Bắc Việt và đại diện của CPLTCHMN và các phóng viên thuộc thông tấn xã Bắc Việt phân phối những bản chú thích. Vâng, Hà Nội và CPLTCHMN muốn đi tới một giải pháp chánh trị . Cuộc tổng tấn công trong hiện tại ư ? Chỉ là một phương tiện để đạt tới những cuộc thương lượng trong chiều hướng đó mà thôi !! Đại diện của CPLTCHMN , mà Đinh bá Thi là người đầu tiên, lúc tiết lộ tâm tình, có nói nhỏ là họ còn mong muốn nhanh chóng đi đến một giải pháp chánh trị còn hơn Hà Nội nữa. Đúng là công thức của người cộng sản Việt Nam “vừa đánh vừa đàm, vừa đàm vừa đánh” hay “đánh đánh đàm đàm” đã được thay thế bằng “đánh đánh mà không đàm đàm” nhưng vẫn cho người ta có cảm tưởng rằng họ muốn đàm”

Trong tay của người cộng sản Việt Nam , ngoại giao chỉ là một phương tiện để kéo dài chiến tranh, dĩ nhiên phối hợp với những phương tiện khác nữa. Báo chí chỉ là một trong những phương tiện khác đó.

Giữa Clausewitz, Lénine và cộng sản Việt Nam, ai đặc ý hơn ai ?

Trưa ngày 26 tháng 3 trong hầm trú ẩn của Bộ Tư Lệnh chiến dịch , tướng Văn tiến Dũng duyệt lại kế hoạch của ông ta. Trước khi mở cuộc tấn công vào Sài Gòn, ông muốn Hà Nội cho ông ta một thời gian để thanh toán tất cả mọi ổ kháng cự trong Vùng I Chiến Thuật. Tổng tư Lệnh quân Bắc Việt không muốn để lại sau lưng mình dọc theo bờ biển bất cứ một cứ điểm phòng ngự nào.

Ngày hôm đó, ông ta được người ta xác nhận là Huế đã được “giải phóng” (danh từ cộng sản). Tất cả mọi kháng cự đều bị bẻ gãy. Tướng Dũng đốt một điếu thuốc lá, tự nhủ: ” Mình đã bỏ thuốc từ lâu rồi, nhưng cứ mỗi lần có một bài toán nào khó khăn được giải quyết, hay đạt được một chiến thắng nào, cứ mỗi lần có một sự thành công nào gỡ bớt gánh nặng cho mình, thì mình phải hút một điếu..”

Ngày 26 tháng 3, tại Nha Trang, tướng Phú đỡ mệt rồi nên mới có một tường trình về Vùng II Chiến Thuật. Ông đã không nhìn thẳng vào thực tế chút nào! Ông nói:

– “*Binh sĩ của Vùng II Chiến Thuật đã hoàn toàn phá tan danh tiếng của 2 sư đoàn Bắc Việt*”

Lẽ ra ông định muốn nói đã đánh tan 2 sư đoàn đó . Tướng Phú trì hoãn sự thất bại của ông qua những câu nói đầy nghi thức của mấy ông tướng thất trận như “điều quân” hay “chặn đường tiến quân của lực lượng v.v...”

Căn cứ trên những tin tức từ tướng Phú, đài phát thanh Sài Gòn đổi sự thảm bại trên đường liên tỉnh 7 B thành cuộc triệt thoái khá thành công:

– : *“Cuộc di chuyển vĩ đại về hướng Đông của hai trăm ngàn quân dân thuộc các tỉnh Kon Tum và Pleiku, Phú Bổn và Ban Mê Thuột đã tiến hành trong khuôn khổ một cuộc tập trung lực lượng để phòng thủ phần lãnh thổ dọc theo bờ biển.”*

Tướng Phú cũng đích thân trình bày trên đài phát thanh những chi tiết mà theo ông gần như một chiến thắng:

– ” Dân chúng chạy tản cư tỵ nạn cộng sản đã được quân đội bảo vệ tối đa. Các đơn vị đã chống lại những cuộc tấn công của Bắc Việt ở phía trước mặt và phía đằng sau lưng. Trên tuyến đường dài như vậy, quân đội phải lần lượt bắc cầu, sửa đường. Các đơn vị Công Binh đã san bằng phẳng con đường và bắc lại 28 cây cầu đủ mọi kích thước. Tướng Phú gần như tin vào những điều ông nói, nhưng các đài phát thanh ngoại quốc không thấy lập lại những điều này. Ở Sài Gòn người ta ai cũng biết phải nghe theo ai rồi. Ở chỗ này phát ngôn viên quân đội Trung tá Lê trung Hiền trong ngày hôm đó đã phải long trọng cảnh cáo hai phóng viên của UPI và AP:

– ” Họ đã phạm luật khi họ cho phổ biến tin tức liên quan đến tình hình quân sự ở vùng Huế.
”

Các hãng thông tấn này đã loan báo ngày hôm qua rằng: “lực lượng của QLVNCH đã di tản khỏi thành phố Huế”. Phát ngôn viên không muốn đính chánh mà cũng không xác nhận tin này, Ông ta muốn các hãng thông tấn nên thận trọng. Ông ta là một người rất tốt , cho tới giờ này có thể tin tưởng được lối 50 %. Trong trường hợp thật sự như vậy thì nhiệm vụ của một người phát ngôn viên quân sự gần như rất khó mà hoàn thành được . Trung tá phát ngôn viên này vì muốn che dấu sự thật mặc dầu sự kiện đã quá rõ ràng như vậy, nên mất bình tĩnh trong buổi thuyết trình hằng ngày của ông, trong 10 ngày trước . Ông đã nói với các nhà báo : ” Chánh Phủ không có quyết định bỏ Pleiku. Vì chỉ căn cứ trên lý luận nên điện tín của các ông đã tạo ra một sự kinh hoàng cho dân chúng của tỉnh này .”

Theo quan điểm của một vài giới chức Hoa Kỳ trước năm 1973, chánh quyền VNCH sẵn sàng nhìn báo chí như một tác nhân chính của những sự thất bại của mình. Năm 1975 cũng giống như năm 1965, quan hệ giữa nhà báo và giới quân nhân ở cấp cao thường rất căng thẳng. Các nhà báo ngoại quốc đã gọi tin đi mặc cho những lời đe dọa của chánh quyền .

Đối với báo chí ngoại quốc, chánh quyền Miền Nam Việt Nam đã có những luật lệ không rõ ràng lắm. Không ai được phép làm hại đến nền an ninh quốc gia, câu này bao gồm tất cả các tội của báo chí. Người ta không được nêu lên vị trí của các đơn vị đang lâm trận, vấn đề này đương nhiên là như vậy rồi. Thực tế thì không có một sự kiểm duyệt nào như đối với báo chí Việt Nam . Người Việt Nam trong guồng máy chánh trị quân sự và cảnh sát ai cũng đều nhạy cảm , nếu không muốn nói là bị khủng bố vì hệ thống và guồng máy truyền thông vĩ đại của Hoa Kỳ . Họ đều biết rằng mọi biện pháp trừng phạt như kiểu trục xuất một phóng viên người Mỹ đều nhanh chóng có những kích thước dị thường ở Hoa Kỳ . Mọi dị đồng giữa chánh quyền Sài Gòn và người phóng viên Hoa Kỳ đều có thể tạo nên một hiệu quả trái ngược mà phần xấu thường bất lợi cho chánh quyền Miền Nam Việt Nam .

Có rất nhiều sự va chạm, công khai hay ngầm ngấm giữa sứ quan Hoa Kỳ và giới truyền thông báo chí Mỹ. Tuy nhiên khi sự va chạm đó xảy ra giữa báo chí Mỹ và chánh quyền VNCH thì sứ quán Hoa Kỳ lại nhanh chân bênh vực công dân của họ. Trong tất cả các bất đồng giữa Mỹ – Việt, thì phần lỗi gần như luôn luôn thuộc về phía người Việt Nam. Hoa Kỳ không có theo đuổi một cuộc chiến tranh kiểu thực dân đô hộ ở Việt Nam. Tuy nhiên, quy chế ưu đãi cho giới truyền thông báo chí Mỹ và sự nể vì của các công chức Miền Nam Việt Nam đã tạo nên một tình trạng gần như bị đô hộ. Người dân Bắc Việt không biết gì về tình hình này. Hàng ngàn nhà báo và phóng viên ngoại quốc đã theo sát cuộc chiến ở Miền Nam, muốn đi đâu thì đi rất thông thả. Còn ở Miền Bắc thì người ta chỉ cấp phép rất hạn chế (bản xin) cho những đại diện báo chí nào “chắc ăn”, cộng sản hay tiến bộ cảm tình viên. Và đặc biệt, những phóng viên chỉ ra khỏi Hà Nội với các hộ vệ thật chặt chẽ. Cùng một lúc không bao giờ có hơn 15 phóng viên Tây Phương không cộng sản ở nước Cộng Hòa Dân Chủ Việt Nam, từ khi cuộc chiến bắt đầu. Trong trường hợp đó, bảo đảm là tin tức không lọt được ra ngoài, họ không có nguy cơ bị phao “tin tức giả” như ở Sài Gòn.

Tại Đà Nẵng, tướng Trưởng tổng kết thiệt hại của Vùng I Chiến Thuật. Tình hình ở đây có vẻ ít lạc quan hơn ở trên tướng Phú. Cuộc di tản khỏi Huế tiến hành không được suông sẻ. Chỉ có một số rất ít quân nhân đến được Đà Nẵng cùng với đơn vị của họ.

Riêng phần lớn binh sĩ của một trung đoàn thuộc sư đoàn 1 bộ binh và 600 Thủy Quân Lục Chiến đã đến được Đà Nẵng với vũ khí của họ. Các sĩ quan tham mưu đến từ Sài Gòn lại làm cho tình hình càng thêm lộn xộn thêm khi họ nhắc lại là Thủy Quân Lục Chiến phải được đưa về thủ đô.

Tướng Trưởng không có thì giờ và phương tiện cần thiết để tổ chức phòng thủ Đà Nẵng. Hơn nữa, báo cáo xác nhận là bộ đội Bắc Việt được điều động quá hay, cho thấy có nhiều tiến bộ hơn từ các trận đánh lớn hồi năm 1972, nhất là việc xử dụng các chiến xa. Năm 1972, họ cũng tiến vào Huế, nhưng lúc bấy giờ họ tiến dọc theo các thung lũng, chiến xa thì di chuyển riêng lẻ, không có sự phối hợp chặt chẽ với bộ binh và pháo binh. Các chiến xa Bắc Việt thì đóng kín hết cửa nên thiếu tầm nhìn chung quanh, cho nên chiến xa gần như bị mù. Do đó năm 1972 các chiến xa T. 54 dễ trở thành miếng mồi ngon của các vũ khí chống chiến xa và pháo binh của VNCH. Bây giờ thì không còn chuyện đó nữa.

Chú thích của người dịch :

(1) nguyên văn bài thơ của tác giả viết bằng tiếng Pháp, không biết ông sưu tầm được bài thơ của Lê đức Thọ ở đâu ? Chúng tôi xin trích lại nguyên văn tiếng Pháp mà tác giả đã dịch từ bài thơ tiếng Việt của Lê đức Thọ để quý độc giả thấy rõ quyết tâm tiếp tục cuộc chiến, tiến hành cuộc tổng tấn công xâm chiếm Miền Nam của Bắc Việt và nhất là của một người cộng sản đã được giải Noel về “hòa bình” đang đi “thực hiện hòa bình” bằng cuộc tổng tấn công ở Miền Nam Việt Nam !:

*Ton dernier conseil: “ne reviens que vainqueur
Que dire? A certains moments, les mots sont faibles
Par ta bouche le pays tout entier me parlait
Sur la route du front que d’heureuses nouvelles
Partout les cris de joie célébrant nos victoires
M’encouragent à presser le pas pour arriver à temps
Le moment favorable est là qui frappe à la porte.*

Chương 12 Đà Nẵng thất thủ

Những người đang trưng cờ giống trông tiến hành cuộc xâm lăng đó là ai ?

Đó là những anh bộ đội Bắc Việt , những người dân Miền Bắc những người lính dẻo dai, dân dị, bền bỉ, can đảm, lúc nào cũng giữ mình trong kỷ luật sắt. Họ từ Miền Bắc vào , không mang theo gia đình vợ con. Tuổi của họ vào khoảng từ 16 đến 35. Vì các tổn thất nặng trong những năm gần đây nên người ta thấy có nhiều khoảng cách lớn giữa các lớp tuổi trong quân đội Bắc Việt .

Người lính VHCH thì nặng nề linh kinh quá. Trong lúc người lính Bắc Việt chỉ ưu tiên mang theo đạn dược. Họ được qua một khóa huấn luyện căn bản 18 tháng. Người ta chỉ biết là họ bằng lòng với sự tối thiểu: vì họ đã quá quen với sự tối thiểu đó ở Miền Bắc rồi . Khẩu phần hằng ngày của họ chỉ có 600 hay 700 gram gạo, bánh lát làm bằng đậu, đôi khi có được 50 gram cá khô hay thịt hộp của Trung Cộng, hột hoàn lấm mới được ăn gà. Thuốc lá thì là một đặc ân khi nào có thuốc về chớ không phải đương nhiên mà có. Sĩ quan – thường không đeo quân hàm – cũng có khẩu phần như vậy suốt thời gian chiến dịch cũng như khi ra mặt trận. Nhưng ở Miền Bắc các cán bộ đảng (dân chính) đều có những đặc ân theo từng cấp về nhà ở, về lương thực, và thuốc lá thì được thường xuyên. Họ biết và chấp nhận như vậy, coi như một định mệnh. Trong hàng ngũ quân đội không có một đặc quyền đặc lợi nào về vật chất, tất cả đều hoàn toàn mất hết khi bộ đội vượt qua khỏi vĩ tuyến 17 hay đến Miền Nam bằng đường mòn Hồ chí Minh. Dĩ nhiên là tướng Văn tiến Dũng không khi nào thiếu thuốc lá.

Ngày trước người lính Bắc Việt phải đi bộ theo đường mòn Hồ chí Minh này để vào Miền Nam và họ biết là có rất ít cơ may để trở về cũng bằng con đường này trong vòng 2 hay 3 năm. Trường hợp bị thương nặng thì không bao giờ hy vọng được sống sót, trong khi người lính chiến VNCH khi bị thương thì hy vọng được tản thương bằng trực thăng.

Bây giờ thì những tân binh của Bắc Việt ước đoán là chiến tranh sẽ chấm dứt. Trước kia thì họ phải đi bộ, mỗi ngày được chùng 30 hay 40 cây số, ngày nay thì họ được di chuyển bằng ô tô.

Tất cả những người này không bao giờ biết được tình hình cuộc chiến và sự tuyên truyền của đảng. Ngay như ở đẳng cấp sĩ quan, họ bị nhồi nhét ý thức hệ, dù thật là đơn giản. Trong thời gian tiến hành chiến dịch năm 1975 này, các chánh trị viên đơn vị không có thì giờ để giảng huấn. Trong thời gian ở cấp tiểu học và trung học và trong suốt khóa huấn luyện quân sự, hầu hết các binh sĩ đều được nhồi nhét vào đầu một vài nguyên tắc sơ đẳng:

- ” Nước Việt Nam phải được thống nhất;
- ” đồng bào Miền Nam rất nghèo khổ và bị áp bức;
- ” Họ đang chờ chúng ta vào giải phóng họ.”

Người lính Bắc Việt không đòi hỏi mà cũng không tự hỏi về quyền lợi mà họ phải có được hay không có được khi trung đội, đại đội, tiểu đoàn, trung đoàn hay sư đoàn của họ phải đi vào Miền Nam . Tất cả đều là người Việt Nam , dù giọng nói có khác nhau. Là lính của chiến xa, họ không tự hỏi xem chiến xa của họ chạy bằng gì, tại sao trên pháo tháp lại có cây cờ xanh và đỏ của CPLTCHMN chớ không phải lá cờ đỏ sao vàng của nước cộng hòa dân chủ Việt Nam ? Nhất là sau khi chiếm được Ban mê Thuật , hầu hết các bộ đội Miền Bắc , phần lớn là nông dân chất phác, đều thấy ngày chấm dứt đời quân ngũ trong tầm tay. Tất cả đều mong muốn có được

“hòa bình”, muốn đạt được hòa bình tất nhiên phải chấm dứt chiến tranh. Đâu có cần gì đến các chánh trị viên mới có thể giải thích việc đó cho họ ?

Chánh trị viên có một nhiệm vụ không quan trọng lắm như trước kia. Một phần vì có sự tranh cãi giữa các chuyên viên và người theo ý thức hệ (chuyên và hồng), và thường ngã về phía nhóm quân nhân chuyên nghiệp. Trong đảng và trong các bộ tham mưu người ta cũng đã có cuộc thảo luận: trong việc huấn luyện binh sĩ, câu hỏi được đặt ra là ý thức hệ chánh trị và kỹ thuật quân sự môn nào ưu tiên hơn? Câu hỏi này có thể có một ý nghĩa nào đó cho các đơn vị nhỏ của kháng chiến quân không có vũ khí tối tân đang đương đầu với các đơn vị Hoa Kỳ hay của VNCH, những đơn vị được võ trang thật hùng hậu trong vùng đồng lầy của sông Cửu Long hay trong vùng rừng rậm ở biên giới CamBốt.

Khi người ta tiến hành một cuộc chiến tranh cổ điển, với những sư đoàn quy ước thì câu hỏi trên thật là vô nghĩa. Không có một trực giác Mác xít hay một loé sáng của ngôn ngữ nào có thể giúp hiểu được sự vận hành của một chiến xa T.54 hay của một Mig 21. Lãnh đạo Bắc Việt, đệ tử trung thành Lê Nin nít đôi khi cũng lo sợ rằng giới quân nhân của mình không nuốt nổi cuộc cách mạng Việt Nam giống như cuộc cách mạng Pháp hay nhiều cuộc cách mạng khác trên thế giới thứ ba. Đối với Chánh Trị Bộ Bắc Việt thì “đảng kiểm soát cây súng”. Ý chí cách mạng hay lương tâm chánh trị phải chăng là động lực của quân đội ? Đó là những chuyện phù phiếm rất tốt cho các đồng chí Trung Hoa. Người ta cố tránh những mâu thuẫn và căng thẳng giữa giới dân chính và giới quân nhân, hay tranh chấp giữa đảng và các Bộ Tham Mưu quân sự bằng cách đưa những quân nhân quan yếu vào Ban Lãnh đạo đảng. Tướng Giáp và tướng Dũng đều ở trong Ban Lãnh đạo. Họ đã biết rõ từ lâu là không thể phân chia quyền hành giữa người chỉ huy quân sự và chánh trị viên được, khi phải tiến hành cuộc chiến với những đại đơn vị. Trên lý thuyết thì vẫn có sự phân biệt, nhưng cũng nhẹ nhàng thôi khi thực hành.. Bây giờ thì các sĩ quan quyết định và chánh trị viên phải theo. Nhưng trên cao thì ngược lại vẫn có hai hệ thống kiểm soát, như Lê đức Thọ và Văn tiến Dũng hay Phạm Hùng và Trần văn Trà.

Anh bộ đội Bắc Việt diễn hành không hay trên đường phố của Hà Nội hay Hải Phòng; ở thủ đô Tel-Aviv người lính chiến Do Thái cũng vậy. Những người cộng sản Việt Nam đã học rất lâu trong cuộc chiến ở bưng biển. Trong hiện tại thì họ đã biết thế nào là chiến tranh quy ước, và họ đã có nhiều tiến bộ trong mọi lãnh vực. Chỉ có Không quân của họ là bị chậm trễ mà thôi. Anh bộ đội Bắc Việt và anh kháng chiến quân được nổi tiếng hay đi vào truyền thuyết là vì đôi dép được gọi là dép cụ Hồ làm bằng lớp xe ô tô, và khẩu súng xung kích AK.47. Không phải đôi dép râu và cây súng AK đã đem lại chiến thắng cho họ, mà là những súng đại liên, những hỏa tiễn SA-7 đã giúp che chở cho các phi cơ, các khẩu đại bác thường hoạt động với những dàn ra đa, toàn là chiến cụ tối tân.

Trong chiến tranh Tây ban Nha, Đức quốc xã và phát xít Ý đã có ý thử vũ khí đạn dược của họ để sửa soạn tiến hành Thế Chiến thứ hai. Ở Việt Nam Liên Xô cũng thử chiến cụ của họ – và nhất là các dụng cụ phòng chống phi cơ (DCA). Phải chăng họ muốn chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh quy ước ? một Thế Chiến thứ ba ? Họ thận trọng lắm, họ không có cung cấp cho cộng sản Việt Nam những dàn hỏa tiễn loại mới nhất của họ. Họ không muốn các chiến cụ tối tân này rơi vào tay Miền Nam Việt Nam để rồi bị trao lại cho Hoa Kỳ. Những người lính Bắc Việt là những con vật thí nghiệm rất tốt giống như người Á Rập vậy.

Đây không phải là những đơn vị kháng chiến quân đang tiến hành cuộc tổng tấn công xăm lược với vũ khí thô sơ hay nhạt nhẽo được, mà là những quân đoàn chánh quy Bắc Việt. Ở Miền Nam Việt Nam đã có không ít người dân và cả binh sĩ nữa đã nói rằng “Com đã nằm trong miệng họ rồi. họ sẽ nhai và nuốt dễ dàng thôi”

Người Pháp gọi thành phố này là Tourane (Đà Nẵng). Sau Sài Gòn, Đà Nẵng là thành phố lớn thứ nhì ở Miền Nam . Cái tên của Đà Nẵng kêu như một tiếng chuông truy điệu ! Thành phố này có quá nhiều kỷ niệm quân sự và hy vọng cho người dân Sài Gòn, cho những người Việt quốc gia. Trên những bãi biển của Đà Nẵng mười năm trước, vì người ta thấy có 6.000 kháng chiến quân (việt cộng) ở gần căn cứ Không quân nên Tổng Thống Johnson đã quyết định đưa quân ồ ạt vào tham chiến ở Việt Nam . Bốn chục ngàn cố vấn Mỹ đã được nửa triệu quân thay thế, mà nhiệm vụ không còn hạn chế ở việc bảo vệ các căn cứ của Mỹ nữa.

Năm 1965, Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ lội nước đổ bộ lên Đà Nẵng với nụ cười chiến thắng trên môi , với cờ xí kèn trống... Họ được cơ quan chiến tranh tâm lý đón tiếp với biểu ngữ, và các nữ sinh trẻ tặng hoa.

Không có một thành phố nào trên toàn Đông Dương, kể cả Sài Gòn , có nhiều dấu ấn của chiến tranh bằng Đà Nẵng . Là một trung tâm chiến lược, Đà Nẵng có 2 quân cảng, 3 sân bay có thể tiếp nhận hàng ngàn phi cơ và trực thăng. Về thơ mộng của thành phố biến mất với các kho đạn dược và kho nhiên liệu, với các trại đóng quân, quân y viện... được dựng lên quá vô trật tự. Rồi phải có chỗ cho quân nhân giải trí. Trên cái hỗn độn đó lại mọc thêm những câu lạc bộ, các rạp xi nê và ngoài châu vi quân đội lại còn có các quán rượu, các quán com, các nhà thổ...

Đà Nẵng có 600.000 dân. Cũng có một số dân tản cư tương đương như vậy đang cắm trại trong thành phố. Từng đoàn từng đợt nhập cư chậm chậm vào và chỉ trong có mấy ngày họ đã trở thành dân Đà Nẵng. Có một số người vào ở ngay trong cá trường học. Cũng may là không nhiều lắm, chỉ hơn trăm thôi. Lời hứa hôm nào của Thủ tướng không thấy được thi hành, Chánh Phủ không có đón tiếp ai hết. người dân tản cư tự lo và tự sắp xếp lấy cho họ với sự giúp đỡ của các cơ quan từ thiện. Người ta đem gạo và mền tới, nhưng không bao giờ đủ cho hàng nghìn người vừa già trẻ lớn bé đi bộ tới hoặc được các xe buýt cũ kỹ đổ xuống. Có một số binh sĩ thất trận chạy từ Huế về, từng toán nhỏ chen chót vào với dân tản cư. Thấy sĩ quan họ không buồn chào. Nhiều quân nhân lẻ loi không tìm tới đơn vị của họ nữa: một tâm bị kịch khác lại bắt đầu ? Binh sĩ, hạ sĩ quan và cả sĩ quan nữa đang lo đi tìm kiếm gia đình và thân nhân của họ.

Tướng Trưởng có mấy bài toán phải giải quyết ngay tại Bộ Tư Lệnh của ông :

– Người dân tản cư đổ dồn về Đà Nẵng không những từ hướng Bắc xuống mà từ hướng Nam lên nữa.

– Quốc lộ số 1, con đường huyết mạch dọc theo bờ biển lại đang sôi động, bị cắt đứt nhiều chỗ.

Do đó dân chúng và có khi binh sĩ nữa chỉ còn có đường biển may ra mới chạy thoát khỏi Đà Nẵng mà thôi. Trong lúc đó tin tức cho biết là các đơn vị Bắc Việt đang ở phía Nam và phía Tây cũng như ở phía Bắc của thành phố.

– Thành phố đang thiếu lương thực. Các kho dự trữ bị dân tấn công, các kho hàng bị mở tung. Muốn sống phải cướp giết thôi ! người ta đánh nhau giành giật với nhau, giữa quân nhân với nhau, giữa dân và lính. Hàng Không Việt Nam báo là có trộm cướp từ phi trường ở về hướng Tây của thành phố. Vé tàu bay đi Sài Gòn từ 50 vọt lên đến 140 đô la.

Bộ Tư Lệnh Bắc Việt chuẩn bị một cuộc hành quân bao vây. Rất là giản dị, ba mũi giáp công .

– Các sư đoàn 324 B và 325 C, được 2 trung đoàn pháo binh và một trung đoàn thiết giáp yểm trợ sẽ tấn công trực diện Đà Nẵng từ hướng Bắc.

– Các sư đoàn 404 và 711 tấn công từ phía Nam.

– Hai cánh quân sẽ bắt tay nhau tại đèo Tượng, ở phía Tây của Đà Nẵng và từ đó họ sẽ tiến thẳng ra hướng Đông đưa hết những gì còn lại của Đà Nẵng ra biển. Tướng Dũng không biết ông Thiệu thiếu lực lượng trừ bị đến mức độ nào. Nhưng ông phải bảo đảm được là nếu có lực lượng trừ bị thì lực lượng này cũng không thể đến với Đà Nẵng được. Mà nếu ông Thiệu có chấp thuận tăng cường cho Đà Nẵng thì tướng Trưởng cũng không thể đón nhận lực lượng này từ trong đất liền được.

Ngày 27 tháng 3, pháo binh Bắc Việt nã tới tấp vào Đà Nẵng tạo ra một sự hỗn loạn khắp nơi trong thành phố.

Tướng Trưởng có 2 việc không thể làm được : vấn đề trật tự trong thành phố, và tái tổ chức các đơn vị của quân đoàn.

12 giờ trưa, Phòng nhì của Bộ Tổng Tham Mưu từ Sài Gòn điện ra Đà Nẵng : quân Bắc Việt sẽ tấn công thành phố vào ban đêm.

14 giờ : các lực lượng địa phương quân có nhiệm vụ phòng thủ vòng đai của thành phố bỏ chạy tán loạn, nhân viên giữ các kho đạn và xăng dầu cũng bỏ chạy. Lệnh mới của Sài Gòn : “hãy di tản các trục thẳng và phi cơ quân sự” Có lẽ người ta lo cứu chiến cụ, vì không thể dùng phương tiện này để làm chậm trễ bước tiến của quân Bắc Việt hay che chở cho công tác di tản bằng đường biển được. Các tàu thuyền đều tập trung ở ngoài khơi. Mặc dầu có một vài khẩu 175 cố gắng phản pháo nhưng pháo binh Bắc Việt vẫn tập trung bắn vào Bộ Tư Lệnh Quân đoàn và căn cứ Hải quân.

Dưới một trận mưa pháo dữ dội, tướng Trưởng đang ở trong một căn hầm trú ẩn khoảng 100 thước vuông với Bộ Tham Mưu của ông và đề đốc hải quân Hồ văn Kỳ Thoại, Chỉ huy trưởng Vùng Duyên Hải.

22 giờ 30: tướng Trưởng lệnh cho Tư lệnh phó của ông, tướng Lâm quang Thi, hãy lên một tàu chiến của Hải quân đang ở ngoài khơi để thiết lập một Bộ Chỉ Huy hành quân mới. Tướng Trưởng đã có quyết định rồi. Ông không có được bao nhiêu người để thiết lập một cứ điểm phòng thủ mạnh ở trong thành phố. Có thể ông chỉ còn đủ thì giờ để cứu các đơn vị hiện còn đang chiến đấu. Ông dự trù một cuộc di tản, bắt đầu từ 6 giờ sáng.

Ra khỏi hầm trú ẩn, tướng Thi nhận thấy ngay là căn cứ hải quân chính đang bị dân chúng chiếm rồi. Họ hy vọng sẽ lên được các tàu của Hải Quân. Trong số dân ở đây người ta khám phá ra được 3 quan sát viên của Bắc Việt với phương tiện truyền tin. Họ điều chỉnh tác xạ cho pháo binh Bắc Việt.

Tướng Trưởng điện thoại về Sài Gòn cho Bộ Tổng Tham Mưu Liên Quân và cho Dinh Độc Lập. Ông đề nghị bắt đầu cuộc di tản bằng đường biển. Ông Thiệu lưỡng lự. Ông Thiệu không cho lệnh được.

Trong lúc ông Thiệu và tướng Trưởng đang nói chuyện trên điện thoại thì trung tâm truyền tin ở Đà Nẵng bị trúng đạn pháo của Bắc Việt. Liên lạc với Sài Gòn bị mất.

Kế hoạch di tản do tướng Trường và đề đốc Hồ văn Kỳ Thoại hoạch định có dự trữ 3 điềm xuồng tàu.

Từ Sài Gòn phó Thủ Tướng VNCH ông Phan quang Đán gọi điện văn đến Liên Hiệp Quốc, đến Cao Ủy Tỵ Nạn LHQ, Hội Hồng Thập Tự Quốc Tế, để yêu cầu sự giúp đỡ của các nơi này nhằm di tản mỗi ngày 100.000 người. Nhưng ngay tại Liên Hiệp Quốc, ông Tổng Thư ký cũng không chịu tiếp ông Nguyễn hữu Chi trong tư cách quan sát viên thường trực của VNCH.

Ngoài số tàu thuyền của Hải quân Miền Nam Việt Nam, người ta còn thấy có cả tàu thuyền thuộc Nam Hàn, Đài Loan đang tập trung ngoài khơi Đà Nẵng . Úc, Anh Quốc và Phi luật Tân đều cam kết tham gia vào chiến dịch di tản này. Sáu phi cơ vận tải của Úc với đầy đủ lương thực và thuốc men đang chờ tại các sân bay của Mã lai Á.

Tổng Thống Ford đã lệnh cho các tàu thuyền Hoa Kỳ, các tàu chở hàng thuộc công ty hàng hải và các tàu thuê bao như chiếc Dufresne, Ftrderick, Blue Ridge, Durham phải đến gặp chiếc Pionnier Contender và Andrew Miller . Một tuần dương hạm được lệnh ở gần đó, chiếc Lowestaff. Hoa Thạnh Đôn thông báo chánh thức là các tàu hàng hải nói trên đều không có võ trang. Nhiều lắm cũng chỉ có vài chiếc tàu chiến nhỏ thuộc Hải quân phải có mặt trong vùng để giữ trật tự. Họ được lệnh không được khiêu khích quân đội Bắc Việt .Vi cuộc hành quân di tản và cứu vớt là hoàn toàn nhân đạo.

Hà Nội và CPLTCHMN đều tố giác có “một sự can thiệp quân sự mới của Hoa Kỳ”. Từ thủ đô Bonn (Tây Đức) ông Willy Brandt – người mà ai cũng biết là chống đường lối chánh trị của Hoa Kỳ tại Việt Nam- cho biết là “Chánh Phủ của ông đã cho Chánh Phủ Hoa Kỳ biết là Tây Đức sẽ sẵn sàng tham gia vào một sự giúp đỡ nhân đạo”. Tại Hoa Thạnh Đôn, ông Daniel Parker Giám đốc Cơ Quan Phát Triển Quốc Tế tuyên bố : ” Chúng tôi sẽ hành động hết sức thận trọng”. Điều này có nghĩa là các tàu thuyền không cập bến mà sẽ ở ngoài khơi, bên ngoài lãnh hải của Việt Nam. Để chắc ăn hơn Hoa Thạnh Đôn còn xác định rõ là công tác nhân đạo chỉ liên quan đến dân chúng mà thôi.

Tại Đà Nẵng trên các đường phố cũng như ở ngoại ô và trên bến cảng, dân chúng và binh sĩ cứ chạy lòng vòng. Các gia đình của quân nhân thì không muốn rời khỏi thành phố mà không có con cháu của mình. Bộ trưởng Quốc Phòng Hoa Kỳ quyết định là quân nhân nào đã rời khỏi đơn vị của mình và không mang theo vũ khí cá nhân thì có thể được coi là một người dân thường. Nhưng theo chỗ riêng tư thì người ta giải thích là nếu cần thì các tàu Hoa Kỳ có thể chở một vài đại đội thuộc QLVNCH, nhất là khi các chiến hạm VNCH không đủ để chuyên chở hết. Các chiến hạm này do đề đốc Chung tấn Cang. Tư Lệnh Hải quân VNCH gọi tới. Dĩ nhiên các tàu thuyền thuộc Hải Quân VNCH đều có quyền cập bến.

Sáng sớm ngày 28 tháng 3, sương mù dày đặt trùm khắp bờ biển làm cho các chiến hạm không thể ủa bãi hay cập vào bến được.

Trong thành phố, vẫn còn một tình trạng hỗn loạn, vô trật tự. Có nhiều toán quân nhân say rượu không tự kềm chế được bắn bừa bãi vào thường dân, hay tranh giành lương thực với dân trong các kho hàng. Ba người bộ đội quan sát viên của Bắc Việt bị bắt giữ với các máy truyền tin của họ, phát sanh ra triệu chứng của đạo quân thứ năm. Có nhiều binh sĩ Miền Nam đi lùng bắt các quan sát viên khác, thật hay giả cũng không cần biết.

Trong tòa tổng lãnh sự Mỹ, nhơn viên tự hỏi không biết ông lãnh sự sẽ đi bằng cách nào ? Bằng đường biển hay bằng phi cơ ? Tại phi trường dân sự, chính ông lãnh sự Al Francis bị các binh sĩ Nam Việt Nam bắt giữ trong khi ông đang tìm cách cho một số nhân viên của ông lên

phi cơ. Hai người Anh thuộc một tổ chức nhân đạo can thiệp và cứu được ông tổng lãnh sự Hoa Kỳ.

Hành lý chất thành đống ngổn ngang trên phi đạo. Dân chúng và binh sĩ đi lang thang khắp nơi làm cho phi cơ không thể đáp xuống được. Và khi phi cơ đáp xuống được thì dân tàn cư làm cho hành khách không làm sao lên phi cơ được. Người Mỹ ở Đà Nẵng quyết định dùng một phi trường nhỏ hơn, nằm trong núi Thạch Bàn. Ông Al Francis không làm sao thuyết phục được sứ quán Mỹ ở Sài Gòn là tình hình đã quá bi đát. Ông Martin vừa trở lại Sài Gòn cùng với tướng Weyand và một số nhân vật cao cấp Hoa Kỳ ngày 27 tháng 3 đã không đồng dài: “Đừng có bi thảm hóa việc gì hết”

Nhân vật số 2 của sứ quán là ông Wolfgang Lehmann mất hết tin tưởng. Tuy nhiên trước đó chỉ vài ngày, chính ông Lehmann đã giải thích cho một nhóm thành viên của phòng Thương Mãi Sài Gòn gồm có từ những chủ quán rượu đến những thương gia, kỹ nghệ gia, những chủ ngân hàng... rằng ông Thiệu đang chuẩn bị một cuộc “phòng thủ lưu động”. Không nên bỏ đi để cho người dân Miền Nam khỏi bị mất tinh thần. Ông Lehmann cũng yêu cầu Thủ Tướng can thiệp:

” trật tự ở phi trường dân sự Đà Nẵng cần phải được văn hồi. ” Ông Khiêm gọi điện thoại cho tướng Trưởng: ông này gọi đến đó 2 tiểu đoàn Biệt động quân. Người Mỹ thuộc tòa Tổng lãnh sự Đà Nẵng kín đáo ngồi trong các xe vận tải đi ra bến tàu. Họ còn để lại một số cộng sự viên, hầu hết là nhân viên CIA. Họ hứa là sẽ trở lại....

Tại Sài Gòn, một người Mỹ vạm vỡ và hung hãn, Ed Daly, chủ của hãng Hàng không World Airways nói là ông ta sẽ mở một cầu không vận ra Đà Nẵng. Là một người biết khai thác phi cơ, ông ta có một đội phi cơ vận tải Boeing 727 và đã kiếm được 21 triệu đô la trong năm 1974, nhờ chở vũ khí và gạo từ Sài Gòn lên giao cho Phnom Penh. Tin tức từ Đà Nẵng rất chính xác, phi trường chính nơi các phi cơ cần phi đạo dài để đáp xuống hiện không còn sử dụng được. Do vậy người ta cấm không cho phi cơ của hãng World Airways của ông ta cất cánh. Ed Daly tức tốc chạy lại sứ quán Mỹ, chia súng lục vào anh lính Thủy quân lục chiến đang đứng gác, vừa rống vừa chạy vào văn phòng Đại sứ.

– ” Họ sẽ làm gì ở Tân Sơn Nhứt nếu chúng tôi cất cánh ?

– Dĩ nhiên họ sẽ bắn, ông Martin trả lời

– Lúc đó ông sẽ làm gì, ông ?

– Tôi sẽ vỗ tay hoan hô. ”

Ông Martin rất ghét lối ăn mặc và tính thô lỗ của Ed Daly, và anh ta lại uống rượu nhiều nữa. Ông Martin không mong là những công ty tư loại World Airways chen vào các hành động thuộc lãnh vực của Tòa đại sứ. Dù vậy Ed Daly cũng vẫn quyết định đi Đà Nẵng với 2 chiếc Boeing 727. Trong chuyến ngao du này anh mang theo các nhà báo, trong số này có Mike Marriot chuyên viên quay phim của hãng CBS và Tom Aspell, một người Tân Tây Lan, vừa quay cho hãng ITN, vừa làm cho ABC. Như vậy có hai trong ba hệ thống lớn của Hoa Kỳ đã có mặt trên phi cơ. Sau 45 phút bay, hai chiếc Boeing đã ở trên không phận Đà Nẵng và đài không lưu cho phép họ đáp xuống. Phi đạo đầy xe Jeep, xe vận tải, đàn bà trẻ nít và binh sĩ. Chỉ cò thể đáp một chiếc Boeing được thôi. Nhiều toán người quá giao động bao quanh phi cơ, người ta tranh giành nhau để leo lên máy bay. Các binh sĩ nổ vài loạt M.16. Có nhiều binh sĩ thuộc đơn vị “báo đen”, một đơn vị ưu tú của sư đoàn 1 bộ binh. Ed Daly bắn chỉ thiên mấy

phát súng lục, tưởng là có thể sẽ gây ấn tượng với họ. Một nhà báo mang máy quay phim bước xuống phi cơ, nhưng sau đó anh không thể nào trở lên phi cơ được nữa. Về sau có trục trặc đến bốc anh đến phi trường nhỏ ở núi Thạch Bản. Trong vòng 10 phút, chiếc Boeing đã đầy người. Dàn bánh đáp bị hỏng, hệ thống nén hơi không hoạt động. Lúc phi cơ cất cánh có một số binh sĩ vẫn còn đeo theo bánh xe. Ở cao độ 200 thước, một người buông tay và rơi xuống, một người khác còn bị kẹt cứng gần bánh xe. Phi cơ bay thẳng về Sài Gòn với chiếc Boeing thứ nhì không đáp xuống được .. Trên đường bay, một nữ tiếp viên phải săn sóc một thương binh bằng cách lấy mặt của anh từ chiếc áo chống đạn của anh đang mặc để thấm máu cho anh ta. Đến Tân Sơn Nhứt, phi cơ thả xuống 259 binh sĩ, một người mẹ và 3 đứa con nhỏ. Có thêm 40 “hành khách” chui ra từ hầm chứa hành lý. người ta giải giới các anh “beo đen”. Ông Jim Eckes, một người có trách nhiệm của công ty Continental chở bà mẹ và 3 đứa con nhỏ của bà về căn cứ. Ngoài phi đạo, Ed Daly vênh váo lên giải thích rằng phi cơ bị một quả lựu đạn làm hư hại ở Đà Nẵng nhưng sau khi xem xét chỗ bị hư hại, Eckes có cảm tưởng là chiếc Boeing lúc đáp xuống có bị va chạm vào một vật trên phi đạo ở Đà Nẵng.

Ed Daly chạy tuông vào sứ quán, đâm sầm vào văn phòng ông Đại sứ, trên đường đi đã vô ý làm bật lên hệ thống báo động của sứ quán, và khi ông Martin nói chuyện với ông ta thì ông đã ngũ khò !

Không có được bao nhiêu bản tường thuật của báo chí về Phước Bình (Phước Long), về Ban Mê Thuột, Kon Tum và Pleiku hay Huế. Nhưng nhờ hai chuyên viên quay phim, nhờ một số hình ảnh của phóng viên Viên Hương, người Việt Nam, nhờ vào phóng sự của phóng viên Paul Vocle thuộc UPI, mà cả thế giới mới thấy được những đoạn của một “chuyến đi từ địa ngục” ở Đà Nẵng. Trong năm 1975, những biến cố ở Việt Nam – và rất thường ở các nơi khác – được thấy ngay từ lúc biến cố đó được quay thành phim và được phổ biến. Dư luận dân chúng Hoa Kỳ mới biết được là tình hình ở Việt Nam càng ngày càng đi xuống. Bây giờ họ mới “thấy” được sự lầm lẫn của Hoa Kỳ ! Nhưng đã quá muộn !!!

Từ trụ sở của World Airway ở California, phó chủ tịch David Mendelsohn gọi một bức điện tín cho phi hành đoàn chiếc Boeing của Ed Daly : ” Chúng tôi nguyện cầu cho các anh. Các anh có nhớ lời nói của thánh Francois hay không : Phải biết yên tâm chấp nhận những gì mà chúng ta không thể thay đổi được , phải có can đảm thay đổi những gì có thể thay đổi được , phải có chút thông minh để hiểu được sự khác biệt...” Chủ tịch Ed Daly phản đối ngay:

– ” Tôi không đồng ý với thánh Francois. Và tôi không đồng ý với Dave Men delsohn vì ông ta là dân Do Thái. Chúng tôi có thể làm cho sự việc phải thay đổi. Tôi sẽ tiếp tục thử chừng nào tôi vẫn còn có thể...”

Ed Daly còn có nhiều việc cần phải thanh toán:

– Các cơ quan Hoa Kỳ và Việt Nam đã dậm chân tại chỗ trong 8 ngày trước khi có hành động, trước khi di tản bằng phi cơ một số trong từ 400 đến 600 ngàn dân tản cư đang bị kẹt cứng ở Đà Nẵng . Tôi không thể tha thứ được sự ngu dại, sự dốt tính của một số cơ quan của Chánh Phủ Hoa Kỳ , của tất cả bọn người chỉ biết ngồi nấn nót chiếc cà vạt..., những người không có khả năng...

Trước chuyến bay chót bị cấm vừa rồi, sứ quán Hoa Kỳ đã hủy bỏ hợp đồng thuê bao công ty của Ed Daly. Với chuyến bay đó và những chuyến sắp tới, Daly phải xài tiền túi của ông ta.

Cuộc di tản từ Đà Nẵng đã vượt quá những gì mà người ta đã thu hình hay quay phim được cho tới giờ này được mô tả như là là những màn vô cùng thảm khốc.

Bây giờ thì không còn xử dụng được phi cơ hay trực thăng được nữa, ngay như để bốc người Mỹ ra khỏi đó. Tổng Lãnh sự ở Đà Nẵng đã van nài vị Tùy Viên quân sự Hoa Kỳ ở Sài Gòn để gọi ra cho ông ta 2 chiếc trực thăng. Tùy viên quân sự từ chối và chuyển đơn xin đó về Bộ Tư Lệnh của Không Đoàn 7 Hoa Kỳ ở Thái Lan. Trả lời :

– thứ nhất là không thể vi phạm Hiệp Định Paris;

– thứ hai là trực thăng tại Thái Lan đang là lực lượng trừ bị sẵn sàng cho cuộc hành quân di tản Phnom Penh không biết sẽ bị thất thủ lúc nào.

Ở Đà Nẵng dân chúng và binh sĩ chỉ còn đi khỏi đây bằng đường biển mà thôi. Ở quân cảng người ta la ó, người ta khóc lóc, người ta tranh giành nhau lên các ghe thuyền, các tam bản, các ca nô hay các xà lan để có thể đi ra tàu. Bến tàu, bãi biển và hầm hố đâu cũng đều có vũ khí, các chiến xa mắc lầy, những thùng đạn dược kể cả của pháo binh, những va ly bị mở tung tóe, các trực thăng không còn xử dụng được. Trên mặt biển thì trôi lênh đênh những thùng to-nô, những ruột xe ô tô, những phao cấp cứu....

Có tiếng chó sủa... Đó đây phát lên một mùi khai của nước tiểu, mùi hôi thúi của phân người và của thây ma... sinh thối bị nước dâng đưa từ ngoài biển đưa vào cảng và bãi biển... Vì gấp ra khơi tìm tàu một vài thuyền quá nhỏ bị lật úp làm cho một số đàn ông đàn bà và trẻ con bị chết chìm. Thủy Quân Lục Chiến đổ thừa cho dân tỵ nạn đã chiếm chỗ của họ trên ghe thuyền. Nhưng chính những binh sĩ đến được cảng sau cùng, đã dùng súng đuổi dân tỵ nạn xuống các xe đồ, chiếm xe để chở họ ra bến cảng. Tất cả các đơn vị Quân Cảnh và Cảnh Sát của thành phố đều biến mất. Có nhiều xe đang bốc cháy...và nhiều tiếng súng nổ khắp nơi.

Có một vài xe cam nhông có loa phóng thanh chạy quanh trong các khu vực không còn bóng dáng một binh sĩ VNCH nào để tuyên truyền:

–” Hãy yên tâm, tất cả rồi sẽ tốt hết. Bộ đội của sự hòa giải sẽ đến ngay đây thôi ! quân đội giải phóng sẽ đến. Hãy trang hoàng nhà cửa bằng những lá cờ Phật giáo.

Không còn ai chỉ huy, mất hết tinh thần, không còn chút kỷ luật nào, vài trăm binh sĩ say sưa hay sợ hãi đang gây hoang mang cho đồng bào. Các sĩ quan cũng không hơn gì. Một thiếu tá thuộc sư đoàn 1 bộ binh khi được một đại tá hỏi Bộ Tư Lệnh sư đoàn hiện ở đâu đã trả lời :

– ” Bản thân tôi cũng không biết vợ con tôi hiện đang ở đâu. Tại sao tôi lại phải quan tâm đến Bộ Tư Lệnh sư đoàn nhi ?

Dân tỵ nạn dồn cứng trên tàu, có khi khoản 8000 người trên một chiếc tàu chờ hàng, không có phương tiện vệ sinh , dĩ nhiên không có đủ lương thực cho bằng ấy người . Dưới hầm tàu có nhiều quân nhân lột nữ trang hay lấy hết tiền của người dân tỵ nạn. Họ cướp của, hãm hiếp và có khi còn giết chết những người phản đối hay chống cự lại họ. Một ông cha vì muốn thử can thiệp liền bị giết ngay. Có một số các em bé, trẻ em và cả người lớn nữa bị ngộp thở mà chết.

Nhiếp ảnh gia của ông Ford, David Kennerly, lúc bấy giờ cũng đến Việt Nam bay trên vùng trời Đà Nẵng ngay trên đoàn tàu đang cứu vớt dân tỵ nạn. Ngồi trên trực thăng của Air America, anh bay quan sát bên trên chiếc tàu Contender, trực thăng của anh đã bị lính Miền Nam bắn lên.

Tướng Trưởng lôi ra một chiếc ca nô và được một sĩ quan Hải quân đưa lên một chiến hạm Việt Nam . Nhiều dân tỵ nạn phải mất ít nhất 3 ngày mới tới được một hải cảng, Cam Ranh,

hay Vũng Tàu hay một hòn đảo nào đó. Ông Thiệu đã có lệnh : không nên cho dân tỵ nạn vào Sài Gòn. Có nguy cơ là họ sẽ làm mất tinh thần quân đội và dân chúng.

Người ta tính số lại: 50.000 dân và 16.000 binh sĩ đã chạy thoát khỏi Đà Nẵng . Trong thành phố hiện còn một triệu dân tính luôn cả người tỵ nạn.

Ngày chúa nhật 30 tháng 3, nhằm lễ Phục Sinh, bộ đội Bắc Việt chiếm hoàn toàn Đà Nẵng. Tại trại Davis trong sân bay Tân sơn Nhứt, đại diện của CPLTCHMN xét xược xác nhận là thành phố đã bị chiếm từ ngày 29 tháng 3:

– ” Cờ của chúng tôi đã bay phất phoi ở đó từ sau buổi trưa!

Bắc Việt đã bắt giữ được hàng ngàn tù binh. Họ không gặp một khó khăn nào để tìm bắt nhân viên cảnh sát hay tình báo đặc biệt của Miền Nam vì họ đã có sẵn danh sách do Chỉ huy trưởng Cảnh sát Đà Nẵng cung cấp. Việt Cộng nằm vùng?

Bộ Chánh Trị đảng cộng sản Việt Nam họp ngày đó ở Hà Nội và đưa ra một bản nhận định:

– ” Cuộc chiến tranh cách mạng ở Nam Bộ không những chỉ tiến tới một giai đoạn nhảy vọt, mà còn tiến tới một thời điểm chiến lược thuận lợi để bắt đầu một cuộc tổng tấn công và tổng nổi dậy vào sào huyệt của quân thù... Cuộc cách mạng của chúng ta tiến tới bằng những bước đi của người khổng lồ., Tốc độ nhanh đến độ chỉ một ngày thôi đã bằng 20 năm dài.”

Không thể phủ nhận được !

Nhưng vẫn không thấy có một cuộc tổng nổi nào, đó là một yếu tố tối cần cho thần thoại của người cộng sản, không thể thiếu được. Tại Đà Nẵng cũng như ở những nơi khác, dù nghĩ gì thì dân chúng vẫn ở trong tư thế “chờ xem”.

Trong cả hai miền Nam, Bắc ở Việt Nam, dân chúng bị không ít ảnh hưởng của cuộc chiến , nhưng từ mấy năm nay, trong hơn bốn chục triệu dân, chỉ có nhiều lắm là 3 triệu có dính líu hay trực tiếp can dự vào các trận chiến .

Ngày 30 tháng 3 này, Chánh Trị Bộ cộng sản ở Hà Nội quyết định chủ trương **“phải nắm lấy cho bằng được thời điểm chiến lược thuận lợi này”** qua hướng dẫn : **“tốc chiến, táo bạo, bất thần để tốc thắng”** Bộ Chánh Trị muốn **“giật lấy chiến thắng bằng mọi giá trong một thời gian nhanh nhất, trong vòng tháng tư, không trễ hơn nữa”** Họ muốn **“nhắm thẳng vào những mục tiêu trọng yếu ngay trung tâm Sài Gòn ”**

Ở Nam Bộ, ngày đó tướng Trần văn Trà di chuyển đến nơi mà ông dự trù đặt bản doanh, để từ đó chỉ huy các cuộc tấn công vào Sài Gòn. Chiếc “xe chỉ huy” của ông được nguy trang thật kín đang tiến trong cánh rừng. “Các đường mòn và đường sá lúc này khô ráo và dễ đi. Tháng ba là tháng nắng.” Tướng Trà nghe tiếng đạn pháo binh nổ, ở hướng Sài Gòn. Hoa nở khắp nơi: đúng là mùa xuân. Tướng Trà lầm bầm:

– ” Phong cảnh thật đẹp và hùng dũng, làm rung động lòng người Việt Nam vẫn còn là Việt Nam .”

Ông ta nghĩ tới trận chiến hôm qua và trận chiến hôm nay. Trong nhật ký của ông ta, có ghi :

– ” Mai vàng nở làm đẹp con đường

” Gió rừng thổi mạnh pha lẫn với tiếng súng

” Pháo binh đang nổ bao quanh thành phố

” Xưa hay nay cũng vậy, rừng núi sông ngòi vẫn thuộc về ta ! “

Từ ngàn xưa, tháng ba là tháng chinh chiến ở Đông Dương. Năm nào cũng vậy , từ Việt Minh, rồi đến Việt Cộng, kháng chiến quân thuộc CPCMLTMN, và bộ đội chính quy của Hà Nội ... cứ đến tháng ba là họ mở những trận tấn công.

Ngày 31 tháng 3, ở Hà Nội, thủ đô của Bắc Việt, tờ Nhân Dân đã đăng một bài bình luận với một luận điệu nhẹ nhàng hơn nhận định của Bộ Chánh Trị. Đối với tờ báo của đảng, sự tiến quân của quân đội Miền Bắc đã cho thấy “một kinh nghiệm quý báu đã giúp cho bộ đội và nhân dân ta đi tới”. Tờ báo loan báo những chiến thắng, nhưng chưa báo cho nhân dân chiến thắng cuối cùng. Tờ báo xác nhận là “có nhiều lính “Mỹ ngụy” đã bỏ vũ, quay súng trở lại “bọn phản động, và đã trở về với nhân dân”

Nhưng khắp mọi nơi, chưa thấy nói có một quân nhân nào nổi loạn quay súng trở lại bắn đồng đội hay chưa có một đại đội nào thuộc Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa “về với nhân dân” hết.

Dưới danh nghĩa “giải phóng” Bộ đội Miền Bắc tự hỏi không biết phải giải thích thế nào với “nhân dân” của họ về làn sóng tỵ nạn của người dân . Thì đây, tờ Nhân Dân đã có lời bình rằng ” Bè lũ của Thiệu tranh nhau chạy vô trật tự. Mà họ còn bắt “nhân dân” chạy theo họ để đỡ đạn cho họ và để đánh lạc hướng dư luận quần chúng trên thế giới. ”

Tại Hà Nội nhiều ủy ban hỗ trợ Miền Nam được thành lập. Ủy Ban “Nhân Dân Cách Mạng” của tỉnh Quảng Đà và thành phố Đà Nẵng không thấy lạc quan chút nào khi họ phân phát một bản tuyên bố kêu gọi “nhân dân Miền Nam” :

– ” lực lượng giải phóng phải tấn công, “nhân dân” khắp nơi phải nổi dậy để giúp quân ta chiến đấu, sĩ quan và binh sĩ Sài Gòn phải quay về với “nhân dân”.. v.v và v.v.....

Ở Hà Nội anh Tiến, một thanh niên có nhiều cao vọng về phim ảnh, một người tài tử có hạng về sân khấu, thường thức trước những đoạn phim hay những màn trình diễn mà anh nghĩ rằng mình sẽ được tham gia. Đến giờ này thì các đoạn phim dài được trình chiếu đều là của Liên Xô. Anh chàng trẻ này luôn luôn mơ ước có ngày anh sẽ đi Liên Xô hay Đông Đức để theo học môn này. Không ai nói tới chuyện bắt anh ta thi hành nghĩa vụ quân sự . Anh ta tiếp tục đi học và hưởng đặc ân của mình. Anh không có thiếu thốn hay bị hạn chế gì cả. Khẩu phần tháng 3 này không bằng của tháng giêng. Chánh Phủ đang mở chiến dịch: Nhịn ăn cho Miền Nam . Phải san sẻ lương thực cho đồng bào Miền Nam . “Hầu hết dân thủ đô chỉ có 250 gram đường mỗi tháng, nhưng anh bạn trẻ này nhận đủ 1 kí lô lại còn được kèm theo một hộp sữa đặc nữa. Tùy theo số hàng nhận được – rất thất thường mấy lúc này- người dân ở thủ đô chỉ có quyền có được một hay hai hộp thịt 120 gram của Trung Quốc. Nếu người Trung Quốc không giao hàng thì người ta phát bột trứng. Nhưng anh bạn trẻ thì được lãnh 1 kí lô thịt tươi, nhất là thịt heo. Người ta săn sóc cho người ưu tú. Anh Tiến nhận thấy là anh ta có nhiều thực phẩm hơn cha mình, một cán bộ trung cấp của CPLTCHMN. Trong tháng giêng và tháng hai, Chánh Phủ sợ là sẽ có sự tái oanh tạc của phi cơ Hoa Kỳ : công nhân phải dọn sạch các hầm trú ẩn cá nhân dọc theo

lê đường. Nhưng sẽ không có ai dùng tới . Đối với anh bạn Tiến thì các hầm trú ẩn này sẽ không bao giờ được dùng tới nữa.

Các giáo sư của anh bình luận về tin tức. Ngay như những người tranh đấu hăng say cũng không có một tư tưởng chiến thắng nào: người ta chỉ hy vọng thôi . Anh Tiến có một người bạn. Đó là con trai của ông Nguyễn hữu Thọ, Chủ tịch của Chánh Phủ cách mạng lâm thời. Thịnh thoảng anh này đến 69 đường Nguyễn Du, chỗ ở của ông Thọ, một biệt thự cũ của người Pháp. Có nhiều người dân Miền Nam cư ngụ trong khu này, gần hồ Giải Phóng. người bạn trẻ này không bao giờ có được quan điểm chánh trị rõ rệt. Hơn thế nữa, anh ta chỉ muốn về lại Sài Gòn thăm lại bà mẹ của anh còn ở lại Miền Nam và tìm lại bạn cũ. Những chiến thắng được loan báo cho anh thấy là đã sắp đến ngày về của anh rồi .

Trong lúc anh Tiến đang theo một khóa học, người ta kêu anh ra khỏi lớp. Một đại úy đang chờ anh:

– ” Anh có một nhiệm vụ đặc biệt..”

Anh được lệnh thu xếp một vài món hành lý và người ta đưa anh vô Bộ

Tham Mưu. Từ đó anh lại lên xe jeep đi vào một “trung tâm đặc biệt”. Ở đó anh gặp lại khoảng 50 bạn trẻ, tất cả đều là người Miền Nam. Có vài người đã cùng đi với anh ra Bắc theo đường mòn Hồ chí Minh hồi năm 1971.

– ” Các anh sẽ tham gia chiến dịch Hồ chí Minh”

Người ta cho anh xem bản đồ Sài Gòn in ở thủ đô Miền Nam Việt Nam và người ta hỏi anh :

– Anh thấy đường phố hay đại lộ có thay đổi gì không? Có thêm nhà cửa hay dinh thự mới không ? Anh bạn Tiến này nhận là mình biết rất rõ khu vực phi trường.

Anh đòi phải cho anh gặp cha anh. Tại bệnh viện nơi cha anh đang làm việc, Tiến nói là anh có thể chết và anh muốn cha anh phải báo cho mẹ anh biết nếu.....

– ” Tôi được đưa đi công tác trong khuôn khổ của chiến dịch Hồ chí Minh.”

Người sĩ quan đi theo anh, trách nhẹ:

– ” Ngay với cha anh, anh cũng không cần phải nói anh sẽ làm gì ..”

Trong suốt bốn ngày liền, anh Tiến xem kỹ lại các đường phố Sài Gòn trên các bản đồ không mấy tốt và cho ý kiến về địa hình của thành phố. Người ta trao cho anh một bộ quân phục không cỡ cỡ lắm. Không phải của lính mà cũng không phải của sĩ quan. Anh Tiến này không ưa thích gì các hoạt động quân sự , nhưng anh cũng hiểu là anh sẽ là một trinh sát. Anh nôn nóng với ý nghĩ là sẽ được gặp lại Miền Nam .

Không còn phim ảnh gì nữa, không còn màn hát nào nữa – nhưng trong thời gian bao lâu đây ? Thủ đô Hà Nội đang có trình diễn 3 vở tuồng . Tất cả đều nhằm vào Miền Nam Việt Nam : *Lưỡi gươm và Biển cả, Dân chúng quanh thủ đô, và Tiếng hát của Tình Yêu*. Và đây là tóm lược của vở tuồng thứ ba : Một sĩ quan Mỹ Ngụy đang thù ghét chiến tranh, đào ngũ để đi lánh nạn trong một vùng xa xôi ngoài bờ biển. Anh muốn trốn chạy trong tình yêu, nhưng cảnh sát

và điệp viên không để cho anh yên. Cuối cùng anh chọn đúng con đường: Anh cùng nhân dân nổi dậy và đi ra trận, vừa đi vừa hát : “Anh em ơi Hãy đứng lên và tiến lên...”.

Ở nước Cộng Hòa Dân Chủ Việt Nam tất cả đều hướng về cuộc chiến ở Nam Bộ, từ quân đội, đến thợ thuyền trong hãng xưởng và nông dân các hợp tác xã , từ nhà văn đến người nghệ sĩ. Trong cái xã hội “xã hội chủ nghĩa” chuyện không mấy thực tế chút nào, đó là người dân Miền Bắc phải là những người tiên phong.

Một chiếc xe buýt đưa anh Tiến cùng với 17 người khác chạy qua cầu Paul Doumer để ra phi trường Gia Lâm. Tại đây toán người đặc biệt này có các sĩ quan vây quanh được nhà thơ Tố Hữu, thi sĩ chánh thức của chế độ và Ủy viên trung ương của đảng tiếp đón và chào mừng. Cũng như các tướng lĩnh tài ba, các nhà văn nhà thơ trác tuyệt được đưa vào guồng máy , ở đó người ta trở nên quan trọng vì người ta biết tự hội nhập với đảng. Với một giọng nói quan trọng, cảm động và đầy tình cảm ,Tố Hữu nói với nhóm trẻ :

– ” Nhiệm vụ của các bạn rất quan trọng. Chúc các bạn may mắn ..!”

Các người chụp ảnh chụp lia lịa. Tiến nghĩ thầm ” nếu mình chết, người ta sẽ cho đăng hình mình lên, hình của một vị anh hùng !”.

Người ta đã trao cho anh một khẩu súng lục. Bây giờ anh lại được trao thêm cho một khẩu AK. 47 nữa.. Trong cả hai khẩu súng anh không biết xử dụng khẩu nào hết. Toán những người trẻ của anh Tiến với một số nhân vật của Chánh Phủ lớn tuổi, trầm lặng, cùng lên chiếc phi cơ C.119, một chiếc phi cơ cũ của Miền Nam Việt Nam . Đến khi trời sụp tối chiếc phi cơ mới cất cánh. Không ai nói với ai một câu nào, thời gian trôi qua.. phi cơ đáp xuống một phi trường nào đó. Các hành khách đều bước xuống. Tiến nghĩ rằng có lẽ đây là Cao Nguyên vì anh thấy đất ở đây màu đỏ. Người ta cũng không nói gì với anh.

Anh lại tiếp tục lên đường bằng ô tô, cũng không hỏi gì cả. Người ta cũng không cho anh biết tin tức gì thêm. Anh chỉ biết là anh đang đi về Miền Nam . Chuyến đi này vui hơn là chuyến anh đi ra Miền Bắc, một chuyến đi thật là dài trên con đường mòn Hồ chí Minh. Lúc đó anh đang lên cơn sốt của bệnh rét rừng mà mỗi ngày phải đi 10 tiếng đồng hồ. Trong suốt 3 tháng như vậy. Đi trong cánh rừng anh buồn nhớ Sài Gòn . Anh nhớ lại một vài hình ảnh cũ , tấm biểu ngữ ở trạm 94 :”Ở đây ranh giới cuối cùng của MTGP, trước mặt là bắt đầu thuộc Miền Bắc , đường 559 của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam”....

Có thể anh sẽ thấy lại được Sài Gòn . Người ta vẫn im lặng, không nói gì với anh hết. Gần như anh di dạo mát trên xe ô tô, bằng xe cam nhông, rồi lại bằng ô tô nữa, thích thú thật. Tiến nghe người ta nói về các tỉnh, các thành phố của Miền Nam bị Bắc Việt chiếm.

Cuối cùng anh đến Bộ Tham Mưu ở Lộc Ninh, Có nhiều sĩ quan và bộ đội, nhiều cột ăn ten trên các nóc nhà tranh và trên chiến xa. Anh được cho vào một lều vải để ngủ. Người ta đối đãi anh như một cán bộ không có cấp bậc. Anh không có quyền nói chuyện với một anh bộ đội nào. Anh chờ đợi ở đây nhiều ngày, Và anh có dịp quan sát những chiến xa T.54 được nghi trang dưới các lùm cây và vài chiến xa M.48 của Miền Nam vẫn còn tốt.

Một buổi sáng nào đó , anh thấy Lê đức Thọ cùng đi với một trong những người anh của mình, tướng Đinh đức Thiên.

Anh Tiến lại được lên xe ô tô. Sau vài tiếng đồng hồ lúc thì chạy theo đường mòn, lúc thì chạy trên đường tráng nhựa, anh đến một căn cứ cũ của Miền Nam Việt Nam ở một bìa rừng.

Cách Hà Nội 30 cây số, trong xã Thiên Đông, ông Ba, thợ mộc, trò chuyện với dân. Ông Ba không giống anh bạn trẻ tên Tiên mà cũng không giống nông dân ở đây. Ông không tin những tin tức qua hệ thống phóng thanh mà xã đã trực tiếp truyền lại từ đài phát thanh Hà Nội. Ông Ba không thể tưởng tượng được là một quân đội hùng mạnh như quân lực của VNCH, có sự hỗ trợ của quân lực Hoa Kỳ mà lại có thể bị bại trận được. Theo ông Ba thì các sĩ quan của Miền Nam là “những trí thức am tường nghề của họ” Ông chỉ so sánh một cách giản dị giữa người lính – nông dân của Miền Bắc với những người sĩ quan trí thức của Miền Nam. Ở Miền Bắc, các đại tá và tướng lãnh đều luống tuổi. Họ ở vào trạc tuổi trên 40 hay 50. Thường thường những người này thuộc giai cấp tiểu tư sản hay trung lưu, có khi là giáo sư như Võ nguyên Giáp, được gọi đi học các trường quân sự ở Liên Xô hay Trung Quốc, dĩ nhiên dù được huấn luyện quá cứng ngắt nhưng họ cũng có học thức hơn các sĩ quan ở Miền Nam phần đông là hạ sĩ quan thuộc quân đội Pháp. Ở Miền Nam cũng có nhiều đại tá trẻ khoảng 34 tuổi. Dù có lạm dụng quyền hành hay tham nhũng, nhưng trong quân đội của Miền Nam vẫn có dân chủ hơn quân đội của Miền Bắc.

Ông Ba là con người thích suy nghĩ. Ông không thích cộng sản. Nhưng ông phải im lặng và quan sát để mà sống, vì phải sống còn. Dù vậy nhưng ông Ba vẫn bị bối rối. Từ tháng giêng, trong xã đã có nhiều sự thay đổi. Cán bộ đi mộ phụ nữ tuổi 18. Người ta nói họ sẽ là nhân công đi sửa đường, đi tải vũ khí đạn dược. Dân chúng được lãnh thêm khẩu phần cho ngày Tết. Sau đó ít lâu cán bộ lại khuyên dân là phải tiết kiệm:

– ” Các anh chị đều có con trai hay con gái đi ra trận địa. Nếu các anh chị muốn thấy họ trở về, thì mình phải chấp nhận hy sinh để giải phóng Miền Nam ”

Ông Ba thấy là phần lớn các nông dân đều hãnh diện được đóng góp vào chiến thắng. Họ không biết sự khác biệt giữa quốc gia và cộng sản. Họ chỉ biết ghét người Mỹ vì Mỹ bỏ bom đất nước. Họ cũng ghét “ngụy” vì ngụy phục vụ cho người Mỹ. Ngoài chuyện đó ra cũng vẫn có một số người còn than phiền. Có nhiều người già nói :

– ” Hồi trào Pháp, Việt Minh đã hứa là nếu không còn thực dân ở đây nữa thì sẽ không còn người dân nào nghèo”

Người Pháp đã rời khỏi đây trên 20 năm rồi mà người dân có khá gì hơn đâu ? Trong lúc các cán bộ của hợp tác xã thì sống thoải mái quá. Họ có nhà cao cửa rộng, có xe đạp. Nếu người dân có quyền nói thì họ sẽ nói là họ làm việc để nuôi cán bộ. Cán bộ thì lúc nào cũng kiên nhẫn giải thích là sau khi chiến tranh chấm dứt thì không có gì phải hạn chế nữa. Không còn nghi ngờ gì nữa là họ có lý. Nông dân không nghĩ như ông Ba, là chánh quyền thổi phồng lên con số thành phố mà quân đội đã chiếm được ở Miền Nam. Hơn nữa, những người tới thăm thân nhân ở làng Thiên Đông thuật lại là con của họ đang ở Ban mê Thuật, trong tỉnh Kontum gần Plei Ku. Chánh quyền tổ chức “kết nghĩa” các thành phố của Miền Bắc với các thành phố của Miền Nam : Tỉnh Hà Tây kết nghĩa với Đà Nẵng. Cán bộ đi tìm những người Miền Nam đã tập kết ra Miền Bắc sau Hiệp Định Genève năm 1954, nhất là những người thuộc ngành giáo dục. Chánh quyền giải thích là đang cần rất nhiều cán bộ ở Miền Nam.

Cộng đồng người Pháp ở Sài Gòn rất bình tĩnh và đang chuẩn bị chờ đón những thay đổi lớn. Ông Patrick Hays, một cựu sĩ quan hiện dịch không có chút nghi ngờ nào về một kết thúc quân sự. Muốn ra khỏi ngõ bí này Chánh Phủ của ông Thiệu phải tìm một giải pháp chánh trị. Tờ Courier d'Extrême Orient, một tờ báo tiếng Pháp phát hành ở Sài Gòn, nhờ trợ cấp của sứ quán và các công ty ở địa phương của Pháp, đã tỏ ra rất thận trọng trong vấn đề này. Bà Marie- George Sauvezon chủ nhiệm của tờ báo này vẫn tiếp tục đi quan sát bằng chiếc xe

Citroen DS của bà, với tài xế mang găng tay trắng hẳn hoi. Phần đông người Pháp ở Sài Gòn đều có vẻ đồng ý với ông Hays.

Có chừng vài ngàn người Pháp ở Sài Gòn . Họ có tiệm ăn, khách sạn , hãng bảo kê... và đã sống ở đây lâu rồi. Những người hợp tác cũ đã qua rồi. Những người còn ở lại đây trong vòng 5, 3 năm nay là những người làm công hay làm chủ các công ty của Pháp như Michelin, sở Cao su Đất Đỏ, Hãng bia và Nước đá Đông Dương. Người ta nói chính xác là nhà máy và kho hàng của Hãng bia và nước đá ở Đà Nẵng đã bị dọn sạch và phá tan. Các hãng thuốc lá, các hãng xe Peugeot, Citroen, Renault, các ngân hàng Pháp Á, Pháp Hoa, các hãng tàu Chargeur Reunis và Messagerie maritimes cũng có nhiều người Pháp. Các chủ hãng bắt buộc phải xem lại tổ chức của mình để hướng về tương lai. Nếu cộng sản chiếm được Miền Nam thì số phận của các công ty xí nghiệp của người Pháp ở Miền Nam sẽ ra sao ? Chương trình của CPLTCHMN dự kiến một nền kinh tế hỗn hợp. Vậy bây giờ có nên cho phụ nữ và trẻ con về Pháp trước hay không ?

Đại sứ Pháp cho gọi ông Hays. Ông Jean Marie Mérillon có trách nhiệm đối với Pháp kiều. Các nhà trồng tía từ các tỉnh chạy về Sài Gòn , các nhà buôn và các linh mục cũng vậy. Phải dự trù một giải pháp để có thể tiếp tục giữa sự thất trận của Quân Lực VNCH và công tác văn hóa trật tự của cộng sản Bắc Việt . Cái gì cũng có thể xảy ra hết, như ở Đà Nẵng vậy. Hãy tưởng tượng có những toán binh sĩ đào ngũ và cướp bóc, lang thang phá phách khắp Sài Gòn và nhắm vào các công ty xí nghiệp của người Pháp. Hãy tưởng tượng thành phố đầy máu lửa, chúng ta sẽ tập trung đông bào người Pháp ở đâu đây ? Ở bệnh viện Grall ? hay ở trường Saint Exupéry ? Chúng ta sẽ mở những trung tâm nào để đón tiếp người Pháp của chúng ta ? Và còn phải giữ an ninh cho họ nữa ? Một vài hiến binh đến từ Pháp để tăng cường an ninh cho Tòa Đại sứ thì có là bao . Hơn nữa họ đâu có thể trực luôn trong 24 tiếng được. Chúng ta phải lo dự trữ một số đồ hộp và gạo, nước uống v.v..

Ông Hays là cựu trung úy của Trung đoàn Nhảy Dù của Pháp, ông ta có chịu bất thân đảm trách an ninh cho các trung tâm tiếp đón Pháp kiều hay không đây? Một ông Đại sứ không thể cho phép mình mướn một cảnh sát tư để lo việc này được ; còn ông Hays thì am hiểu tình hình và rành tay hơn . Anh ta tính với ông Mérillon là chỉ cần một nhóm nhỏ nào đó cũng có thể giữ không cho xảy ra ở Sài Gòn những màn thảm kịch như ở Đà Nẵng. Anh ta tập hợp được khoảng 15 người tin cậy như một số nhà trồng tía và giáo sư của trung tâm giáo khoa Pháp , những người đã từng qua một thời gian phục vụ trong quân đội , và nhất là người phụ tá của anh ta Michel Hamiaux, một người to con, bình tĩnh mà chỉ 27 tháng ở chiến trường Algérie cũng đã có được Bắc đẩu bội tinh. Bây giờ là nhu cầu cần phải có một số xe để bảo đảm cho vấn đề lưu thông được dễ dàng. Hays lấy 4 chiếc xe jeep của sở cao su, đem sơn trắng hết và cho gắn cờ Hồng thập tự. Vì dù trong bất cứ tình huống nào, các xe có cờ Hồng Thập Tự cũng lưu thông dễ dàng hơn những chiếc xe khác. Về vũ khí thì anh giải thích việc này cho một người bạn của anh là tướng Lê quang Lương, sư đoàn trưởng sư đoàn Nhảy Dù, mà các đơn vị vừa rút về đóng ở Sài Gòn . Tướng Lương thuận trao cho Hays tất cả những vũ khí đạn dược mà Hays đang cần. Với một nhóm nhỏ người lo về an ninh như vậy, Hays không bao giờ có ý định chống lại bộ đội Bắc Việt . Chỉ đơn thuần là “trong trường hợp lợi dụng tình trạng lộn xộn trong thành phố mà bọn người vô tổ chức không ai kiểm soát được tấn công vào các trung tâm tiếp cư của người Pháp”, nếu được báo qua vô tuyến điện , thì Hays sẽ cùng đi với người của anh ta bằng xe jeep trắng, và sẽ đến giải quyết ngay tại chỗ một cách êm thấm, càng kín đáo càng tốt. Và như thế là ông Hays tổ chức luân phiên số người trong nhóm của anh đã lựa chọn. Và họ ở trong tư thế chờ đợi..... Tất cả những người Pháp ở Việt Nam , những người ngoại quốc ở Sài Gòn cũng như ở các nơi khác đều chờ đợi...

Người Việt Nam cũng vậy, họ còn nôn nóng hơn. Trong sân hay ngoài vườn của những ngôi biệt thự cho người Mỹ thuê, hành lý được chất thành đống, ngổn ngang đây đó va ly và cặp

xách tay của người Mỹ cũng như va ly bằng giấy bồi, bao hành lý bằng ni lông ràng buộc chặt chẽ kỹ lưỡng của nhân viên người Việt Nam .

Các cơ quan của sứ quán Hoa Kỳ lên danh sách những người tỵ nạn, khả năng tùy theo tiêu chuẩn khó khăn thì cắt bỏ bớt. Thông thường, về vấn đề dự liệu và chọn lựa thì người Mỹ hay lắm. Sứ quán không có soạn một danh sách chính, một kế hoạch di tản chính. Làm sao ấn định được tiêu chuẩn về ưu tiên ?

Đầu tiên chắc chắn là phải cho những người Việt Nam nào có nguy cơ bị giết hay phải bị bắt đi vào các trại tập trung tẩy não nếu cộng sản tới. Hầu hết tất cả những người đã làm việc cho các cơ quan của Hoa Kỳ và gia đình của họ. Một trăm ngàn, hay hai, ba trăm ngàn người cần phải di tản. Ở Sài Gòn và Hoa Thạnh Đốn người ta đưa ra con số là 1 triệu người .

Sau đó mới đến những người Việt Nam nào muốn làm việc lại ở Hoa Kỳ như kỹ sư, bác sĩ, kế toán... những người nói được tiếng Anh kha khá,

Cuối cùng các lãnh sự quán mới nói tới những người Việt Nam nào muốn rời khỏi Việt Nam

Ở Việt Nam hình như đối với việc gì người ta cũng nghĩ là vẫn còn thì giờ. Nhưng bây giờ thì Lịch Sử đang đi tới nhanh quá, hết sức nhanh !. Những người Việt Nam nào mong muốn được di tản đang bị bối rối. Họ quýnh lên nhưng lại nghĩ rằng tất cả không thể sụp đổ được dễ dàng. Suốt trong 30 năm chiến tranh, đất nước cũng đã có trải qua nhiều trận chiến và sau đó thì sóng vẫn lặng gió vẫn êm. Lần này chắc rồi đâu cũng lại vào đấy thôi, đất nước vẫn tồn tại.....

Người Mỹ cũng vậy, họ tự hỏi rồi ngập ngừng. Đối với họ chắc chắn là họ phải đi rồi, nếu cần. Đối với một số lớn công chức của sứ quán hay những quân nhân có nhiều thời làm việc ở Việt Nam thì thời gian ở Việt Nam là thời gian quan trọng nhất cho nghề nghiệp của họ. Họ cũng không thể tưởng tượng có một sự sụp đổ nhanh chóng như vậy.

Họ đã như được gắn bó với đất nước này, một gắn bó sâu đậm với Việt Nam qua mùi vị của món ăn hay không khí của một vài con đường, một vài cảnh đẹp ở nông thôn, hay các cánh rừng thơ mộng ở Cao nguyên. Đất nước này có một cái gì nó vương vịn thật. Đối với những người Mỹ dù là mặc thường phục hay quân phục, đã có tuổi hay còn trẻ, trầm ngâm hay vui tính, với một anh Frank Snepp có lương tâm mà không kiên nhẫn, hay với một anh Homer Smith nổi bật hay chán đời, với những người Mỹ đã có bạn bè người Việt Nam hay đôi khi có vợ hay nhân tình người Việt ... thì đất nước Việt Nam này tuy xa lạ nhưng rất quen thuộc và thủ đô Sài Gòn này dù hấp dẫn hay đáng ghét cũng đều trở thành ranh giới của tuổi trẻ hay chân trời của lứa tuổi về chiều.. Những quân nhân Mỹ bị động viên , qua đây phục vụ một năm sau đó thì họ có thể quên nước Việt Nam. Nhưng những người sĩ quan hiện dịch thì không, những nhân viên ngoại giao cũng không. Khi họ được trở về Hoa Kỳ thì Huế, Đà Nẵng hay Sài Gòn , những nơi này lúc nào cũng được gọi lên trong trí của họ.

Lịch Sử qua rất nhanh. Dịch quân không còn mang tên cũ nữa. Trước đây không đầy 2 năm, người ta gọi họ là Việt Cộng, là VC (đọc là *Vi Ci*), (1) dù cho đó là những người đến từ Miền Bắc. Mặc dầu biết họ là quá tàn ác, nhưng với sự khát máu đó của họ, báo chí ngoại quốc quá dè dặt hay thận trọng giữ im lặng không dám nói tới như đối với một vài “án mạng” của binh sĩ Miền Nam hay của người Mỹ. Quân nhân và các nhà ngoại giao tức điên lên. vì người ta không nương tay làm ồn lên khi viết về sự kiện làng Mỹ Lai bị đốt. Báo chí ngoại quốc moi móc hết, trừ những gì đã xảy ra ở các vùng của Việt Cộng.

Các nhà báo đi theo các cuộc hành quân thường gặp quân nhân Mỹ hay của Miền Nam từ trận và thấy rõ ràng thân thể của những quân nhân này đã bị Việt Cộng dày xé, cắt, thiến,... tàn tệ..nhưng phóng viên chỉ biết nhìn và chỉ biết nêu lên những chuyện hãi hùng trong cuộc chiến về phía người Miền Nam hay của người Mỹ mà thôi. Thức sớm hay ngủ muộn, các phóng viên cứ mô tả những cuộc dội bom hay những chuyến khai quang tận đâu đâu. Có ai mà tường thuật những chuyện cộng sản bắt đem đi hành quyết các chủ tịch xã, hay trường ấp đã xảy ra ngay trước mặt mình ? Từ năm 1957 đến 1973, đã có hơn 36 ngàn vụ ám sát và hơn 58 ngàn vụ bắt người mang đi hành quyết .

Những chuyện đó coi như trong dĩ vãng. Tại Sài Gòn bây giờ, người ta không còn nói Việt Cộng nữa, mà nói đến 10 hay 15 sư đoàn quân chánh quy của Miền Bắc ở ngay tại chiến trường Miền Nam Việt Nam và không còn ai tính tới MTGPMN và CPLTCHMN nữa... Hay đó là 20 sư đoàn chánh quy Bắc Việt ? Thật là một sự thân mật quá ám muội với Việt Cộng. Có một số không ít Việt Cộng đã về chiêu hồi với Chánh Phủ VNCH. Con số lên đến hai trăm ngàn, có thể người ta cũng phải lo di tản họ nữa.

Bộ đội Bắc Việt cứ tiến tới, ngay như khi họ bắt tù binh cũng không ai biết , vì có ai nắm bắt họ được đâu, chuyện đó coi như quá trừu tượng, và họ có quyền của kẻ chiến thắng. Trong nhiều năm nay, người Mỹ ở Sài Gòn, Pleiku, Huế, Đà Nẵng, Cần Thơ, Mỹ Tho hay Tây Ninh, ở ngay tỉnh lỵ hay quận lỵ, đều có sống qua những đợt tấn công và phản công. Người ta mất đi rồi chiếm lại rồi lại mất đi một ấp, một đồn điền, một ngọn đồi, một thung lũng hay một vùng rừng núi vô bổ nào đó... thì chi là để ghi nhận những biến cố thôi. người ta chơi trò hú tim với một kẻ địch quá quắt. Không ai thật sự thắng họ. Cuộc chiến rồi cũng được ổn định trở lại hay chỉ còn những dấu vết, thường rất khó hiểu được đối với người Mỹ. Và cuộc tấn công hồi Tết Mậu Thân là như vậy đó: làm thế nào mà một sự thảm bại về mặt quân sự của cộng sản lại có thể biến thành một chiến thắng phi thường về mặt chính trị trên bình diện quốc tế ? Những người Mỹ chứng kiến điều này vẫn còn thắc mắc mãi...

Thời kỳ qua vẫn còn đó, đầy đủ: Có cả tỉnh, thành phố mà người ta tưởng là không thể tái chiếm lại được đã được chiếm lại. Nhưng Đà Nẵng , Huế đang nằm trong tay Bắc Việt , người Mỹ và cả người Việt Nam ở Sài Gòn đều biết là lần này hai thành phố này không thể tái chiếm lại được . Chuyện không tưởng tượng được nó đã tới, người ta đã đến một điểm tận cùng không thể trở lui lại được nữa rồi !

Người ta không thể đo lường được mức độ sợ hãi của người dân Việt Nam . Người ta không thể thiết lập được một bản thống kê về lòng mong muốn được đi khỏi đất nước, muốn chạy khỏi thì đúng hơn, của người dân Việt Nam . Thế nhưng một điếm chỉ viên đánh giá được sự lo sợ đó bằng hồi xuất chợ đen của đồng Mỹ kim ở Sài Gòn , một sự đánh giá không ai bác bỏ được. Ngày 29 tháng 3, một tấm giấy bạc 100 mỹ kim được đổi với giá là 5000 đồng, bốn ngày trước người ta còn kỳ kèo 4000 đồng. Nỗi lo sợ cũng được ghi nhận ở giá vàng đang tăng vọt lên. Ai cũng đoán được ý định của những chuyện mua bán này: người nào tìm mua mỹ kim là người đó có ý chuẩn bị bỏ nước ra đi. người nào tìm mua vàng là người đó cẩn thận tính toán chuyện bị kẹt phải ở lại.

Thứ hai lễ Phục Sinh ở Đà Lạt, những giáo sư cuối cùng của Viện Đại Học còn ở lại cũng đang sửa soạn để rời khỏi thành phố. Đêm hôm qua, trận chiến đã xảy ra ở cách đây khoảng 60 cây số, gần đồn điền trồng trà . Người ta thuật lại là có một linh mục người Pháp đã bị gãy chân vì một mảnh đạn pháo binh. Một bác sĩ Bắc Việt đã mổ cho ông ta mà không có gây mê, vì Bắc Việt không có đủ phương tiện như ở Miền Nam .

Muốn đi đến Sài Gòn thì phải đi qua ngã Phan Rang vì đường Đà Lạt Sài Gòn đã bị cắt đứt rồi. Linh mục Jean Mais dùng chiếc xe Citroen 2 ngựa của ông để chở các giáo sư và một đứa trẻ mồ côi 18 tuổi, người Việt Nam mà ông đang bảo trợ. Linh mục chạy về hướng đèo Ngoan Mục. Qua khỏi nhà máy điện lực ông bắt gặp đoàn người di tản, trên những chiếc xe Peugeot 203 cũ kỹ với hàng chục người trên xe, những chiếc mô tô Honda chở cả gia đình với nồi niêu xon chảo và mền chiếu của họ. Bên vệ đường có vài binh sĩ đang gạ bán một tấm da cạp vừa mới chết vì đập phải mìn. Tấm da cạp thì quý thật vì khó mà gặp được nhưng không ai muốn dùng xe lại hết. Sau khi cho các giáo sư xuống Phan Rang, linh mục đi dọc theo bờ biển, ngược đường với làn sóng người tỵ nạn, để đến Nha Trang xem tin tức về những linh mục khác.

Tại Nha Trang, các linh mục đang do dự. Có một số chiều nay sẽ đi Sài Gòn còn những người khác thì nghĩ rằng họ không nên bỏ con chiên trong giáo khu của họ. Linh mục Bianchetti cắm trại ngay trong thành phố với một số đồng bào Thượng đến từ một làng trong vùng Ban mê Thuột .

Trên đường thấy có vài ngàn người chạy loạn. Nếu chiến trận không bắt buộc họ phải chạy thì một số nông dân sẽ ở lại. Đã từ mấy đời rồi, họ vẫn ở đây, gặt mồ mả của tổ tiên họ. Đối với hằng triệu người còn trẻ, họ không tưởng tượng được là họ phải rời bỏ làng mạc của họ, rời bỏ lũy tre xanh của họ... nhưng họ phải bỏ chạy mà thôi... vì cộng sản đến.

Về đêm, khi trở lại Phan Rang, linh mục Mais và người con nuôi của ông ta ghé lại giáo đường Krong Pha. Có những luồng gió thổi trong thung lũng tối đen. Vào khoảng nửa đêm linh mục ngủ không được nên ra khỏi giáo đường để hóng mát. Thành linh ông thấy hàng trăm ánh đèn xe từ trên đèo Ngoan Mục. Một đoàn xe đang đi tới : binh sĩ trú phòng của Đà Lạt, các sinh viên sĩ quan, sĩ quan , lực lượng Bảo An và gia đình của họ. Một chiếc xe Jeep ngừng lại. Đại tá Chỉ huy trưởng trường Chiến Tranh Chánh trị bước xuống, bắt tay linh mục và nói:

– ” Chúng tôi được lệnh phải rời bỏ Đà Lạt.”

Một sĩ quan khác tiếp lời :

– ” Chúng tôi cố gắng về điểm tập trung ở Phan Rang.”

Cũng giống như luận điệu của đài phát thanh và báo chí, ai cũng nói tới chuyện “điểm tập trung”, hay chuyện “thu hẹp tuyến phòng thủ ‘ , toàn là sáo ngữ không sao che dấu nổi một thảm bại hình như không thể đảo ngược được .

Linh mục đi vào ngủ. Sáng hôm sau, một ủy ban an ninh cộng sản đã được thành lập trong làng . Có cả người cựu chỉ huy lực lượng phòng vệ ở đó. Các công nhân của nhà máy điện lực đã mang băng tay đỏ trên cánh tay. Linh mục lại lên đường. Ngay ở đèo Ngoan Mục, nhân viên của một ủy ban khác xét giấy tờ của linh mục. Một cuộc dằng dai... Nhờ một phụ tá của Viện Khoa học đi tới, ông này biết linh mục nên linh mục mới được phép tiếp tục lên đường.

Ở Đà Lạt, các hàng quán đã đóng cửa hết, chung quanh bờ hồ vắng tanh. Trong chợ, trái cây, rau cải, thịt cá .. đang bắt đầu thối... đặc biệt bắp cải đã nặng mùi. Thư viện của Hội Thánh đã có cướp vào dọn sạch các kệ sách, đập nát tủ lạnh, phá toang tủ sắt dĩ nhiên không còn gì từ trước rồi... Linh mục thu nhặt vài cuốn sách rơi rớt. Trong thành phố, linh mục gặp người phụ tá dạy Pháp ngữ của ông. Với một số bạn trẻ ông Ngữ đang rửa chợ. Ông ta nói :

– ” Chúng tôi đang đợi họ. Tất cả đều tốt, nhưng thành phố phải sạch sẽ ...

Ở viện đại học linh mục gặp ông trưởng khoa văn chương, ông Nguyễn khắc Dưỡng, giáo sư triết học. Anh của ông này là Nguyễn khắc Viện, là Giám đốc chương trình phát thanh ngoại ngữ ở Hà Nội, là một nhân vật mà tất cả người Pháp ghé qua thủ đô Bắc Việt đều gặp ông ta. Trong hai anh em một người thì theo Mác Xít và chọn Miền Bắc, một người theo Ki Tô giáo ở Miền Nam.

Ông giáo sư triết nói với linh mục:

– ” Miền Nam Việt Nam quá tham nhũng, giờ thì họ phải sống với sự trừng phạt !”

Theo ông giáo sư này, cộng sản sẽ mang theo ngọn lửa tẩy uế. Mặc dầu ông biết là cộng sản Bắc Việt tàn ác, họ đã hành quyết cha ông vào năm 1956, nhưng ông không muốn đi với những người mà ông cho là hèn nhất.

Linh mục cũng không đi. Là người của Hội Thánh, linh mục hy vọng sẽ làm việc lại nếu người ta cho viện đại học mở cửa lại. Ông nghĩ là Đà Lạt coi như đã xong rồi !

Tuy nhiên chuyện Miền Nam Việt Nam ngăn chặn người Miền Bắc không thể không xảy ra được.

Trong lúc đó tại Sài Gòn, nhà văn Duyên Anh hỏi đi hỏi lại là mình có nên đi hay không ? người Mỹ loan báo là sẽ có một cuộc “tắm máu” nếu cộng sản Miền Bắc chiếm được Miền Nam. Dích thân Tổng Thống Ford hình như đã đòi hỏi người ta phải dự trữ di tản các nhà báo và các nhà văn. Không có vấn đề loan tin hay viết lách gì nữa, lại càng không có vấn đề tiếp tục viết tiểu thuyết bây giờ nữa. Ra ngoại quốc nhà văn có thể viết được chăng ? và có độc giả hay không ? Ông ta nghĩ là một nghệ nhân cần có quần chúng. Và quần chúng của quốc gia ông. Ông Duyên Anh đã viết quá nhiều bài chống cộng. Nếu cộng sản tới ông ta có thể bị hành quyết. Ông đang nghĩ về lòng can đảm của một anh Paternak hay một anh Soljenitsyne. Hai ông này sợ không trở về nhà được nên đã từ chối không đi Thụy Điển để nhận giải thưởng Nobel của họ. Nhà văn Duyên Anh đã có ghi tên vào danh sách di tản của Sở Thông Tin Hoa Kỳ ở đường Lê quý Đôn. Dĩ nhiên ông cũng có ghi tên của người vợ và 3 đứa con của ông.

Sự việc một số tỉnh và thành phố đã rơi vào tay của Bắc Việt đã không làm cho kỹ sư Văn nao núng. Mặc kệ lãnh thổ có bị mất đi cũng không sao. Điều quan trọng là con số tử vong của cả hai bên !. Kỹ sư Văn luôn luôn nghĩ rằng người ta không thể không tiến tới được một giải pháp chánh trị. Ông nói rõ quan điểm của ông ở ngay Bộ Công Chánh, mọi người đều tán thành. Có phải vì họ nể nang chức tước của ông hay không ? Ở các sở khác, có một số công chức đã không còn im lặng được nữa, Họ lớn tiếng phàn nàn rằng người ta không nên và thể nói chuyện với cộng sản được đâu.

Với sự trợ giúp của 9 vị Thượng Tọa và lối 20 Tăng Ni của chùa Quan thế Âm, Hòa Thượng Thích Thiện Hoa đang coi sóc một số khoảng 60 người dân tỵ nạn, thuộc các gia đình Phật tử phần lớn ở một tỉnh gần Ban mê Thuật. Những người này chiếm hết các phòng công cộng trong chùa. Các bà thì bận bịu luôn với công việc ở nhà bếp, trẻ con thì đang khóc la rên rĩ. Các máy khâu thanh lúc nào cũng ồn ào làm cho chùa không còn được yên tĩnh. Các tăng ni thì gặp khó khăn với các phòng vệ sinh cá nhân đang bị tắt nghẽn. Nhờ quỹ cúng dường của tín đồ, các Thầy mới nuôi được số dân tỵ nạn này. Lúc nào họ cũng than thở không biết ruộng vườn nhà cửa và thân nhân thất lạc của họ đã ra sao rồi. Đây là những người dân chất phác, họ không cần biết tới diễn biến của tình hình chánh trị mà chỉ nghĩ tới việc trở về làng mạc của họ mà thôi.

Một ông sư trẻ đang theo dõi thời sự. Hai người anh của ông là sĩ quan trong QLVNCH, họ có thể sẽ bị trả thù khi bộ đội Bắc Việt chiếm được phần đất này chăng? Bọn cộng sản là những người vô thần, nghe nói là họ sẽ buộc những sư sai phải thi hành nghĩa vụ quân sự. Ở Miền Bắc người ta nói cộng sản bắt những người mới vào tu phải đi nhập ngũ nên phần đông sư sai ở ngoài đó đều là những người lớn tuổi. Chuyện đó không ngăn cản được những người lãnh đạo cộng sản như Thủ Tướng Phạm văn Đồng đã từng tuyên bố với những khách ngoại quốc rằng: "Chúng tôi là Phật Tử theo nghĩa của chúng tôi". Trong vùng chiếm đóng của CPLTMN cũng vậy, các sư sai đều là những người già.

Các Thầy vừa lo giúp đỡ những người dân tỵ nạn, vừa lo nghĩ đến số phận của chính mình, kín đáo trong lớp áo tràng và trong những lời cầu nguyện. Rất bình tĩnh họ nhìn diễn tiến của tình hình. "Sự Nam tiến của người Miền Bắc có lẽ là một nghiệp báo mà chúng ta phải trả cho hành động của ta thuở trước chăng?" nhà sư trẻ nghĩ thầm như vậy.

Bố mẹ ông khuyên ông nên ra đi. Một trong những người anh rể của ông là một trung tá Không quân đã có xác nhận với ông là các sĩ quan cao cấp có quyền mang theo gia đình của mình. Nhưng ông sư trẻ này từ chối. Ông nghĩ là ông không thể tránh được cái nghiệp báo của ông, ông phải chấp nhận những đau khổ sắp tới. Và sau đó là ông không còn lo lắng gì nữa. Bố mẹ ông cũng ở lại, không đi. Họ chờ người con trai của họ trở về, anh này là một thiếu úy phòng nhì thuộc sư đoàn bộ binh đang chiến đấu phòng thủ thành phố Xuân Lộc ở phía Tây của Sài Gòn.

Các tàu chở xăng dầu không đi theo Sông Sài Gòn để đến Tân Cảng gần xa lộ Biên Hòa được nữa, làm cho xăng trở nên khan hiếm. Ở các trạm xăng, người ta phải xếp hàng dài....

Có hàng ngàn tin đồn khắp nơi trong thủ đô như:

- Chắc chắn là địch quân sẽ tiến hành một sự phân chia đất nước ra nữa: đã có 2 nước Việt Nam rồi chắc sẽ có một Việt Nam thứ ba nữa đây! Cộng sản Bắc Việt sẽ giữ nguyên vẹn phần lãnh thổ của họ từ biên giới Trung Quốc đến vĩ tuyến 17. Những người kháng chiến ở Miền Nam đã từng tập kết ra Miền Bắc sẽ nắm giữ phần đất nằm giữa vĩ tuyến 17 và vĩ tuyến 13, đó là một nước Việt Nam thứ hai. Còn nước Việt Nam thứ ba, từ vĩ tuyến 13 đến mũi Cà Mau thì sẽ có một Chánh Phủ với 2 thành phần, một là quốc gia và một là cộng sản.

- Người ta còn phao tin chắc chắn là người Mỹ, nhất là nhân viên của CIA, đã khuyên các tướng tá và công chức cao cấp nên đi. Hình như người Mỹ đã bắt buộc hàng quân nhân có chức vụ cao phải lên trực thăng. Chính những quân nhân này muốn ở lại lo phòng thủ Kontum, Plei Ku, Huế, Đà Nẵng.

- Chánh Phủ Hoa Kỳ có nhiều dự án khác. Người ta có thể ở lại Sài Gòn, và người ta bị ám ảnh về ý nghĩ này. Các nhà thông tin người Pháp tiên liệu là quyền lợi của họ sẽ được cứu vãn. Người ta mong muốn, người ta sẽ được, phải ở lại Sài Gòn.

Tổng Thống Thiệu giải thích trên đài truyền hình: "người Mỹ không muốn bán vũ khí cho chúng ta nữa, chúng ta phải tiết kiệm từng viên đạn." Đôi lúc ông tâm tình thật sự qua những câu: "Trên chiến trường làm sao chúng ta có thể ôm bọc cộng sản để mà cản họ được?"

Người ta đua nhau gọi lên tất cả những giải pháp khả thi, bất khả thi, và có thể xảy ra:... Nếu ông Thiệu từ chức... Ai sẽ thay thế ông đây? Ông Phó Tổng Thống? Ông Thủ Tướng hay ông Bảo Đại? Vị cựu hoàng đế này ở bên cạnh người Pháp, có thể người Pháp sẽ can thiệp với cộng sản Bắc Việt....

Đây là những ghi nhận của ông Patrick Hays :

” 1.- Tình hình: Khó mà biết chính xác được việc gì sẽ xảy ra, bởi vì lần này mọi việc đều đi quá nhanh, và những người có trách nhiệm đối thoại lại không thấy xuất hiện. Mặt khác, trong bầu không khí hỗn loạn này có quá nhiều tin đồn khắp nơi không thuận lợi cho việc nghiên cứu tình hình một cách bình tĩnh được . Dù sao tôi cũng mong rằng chúng ta đang nằm ở một nấc thang được giả dụ là những kế hoạch lạc quan nhất của Bộ Tham Mưu Bắc Việt trong giai đoạn tấn công của họ đã đạt được rồi hay đã vượt đi quá xa rồi, và quân nhu của họ bắt buộc phải chạy theo. Như vậy có thể chúng ta sẽ có được thời gian để tìm được biện pháp an toàn cho nhân viên và tài sản của chúng ta

2.- Việc gì sẽ đến bây giờ đây ? Tương quan lực lượng mới đã quá rõ rệt để không còn nghi ngờ gì nữa về một kết thúc chung cuộc quân sự. Ngay như những người nào có quyết tâm ở lại chiến đấu cho Sài Gòn , chắc phải cần một De Lattre hay phải có một thánh nữ Geneviève.....

Ông Hays nghĩ tới một sự ra đi của Tổng Thống Thiệu, nhưng ông không tin vì biết rõ bản chất của ông Thiệu. Một giả thuyết lạc quan :

– ” Bắc Việt không tìm cách chiếm Sài Gòn trước cuộc bầu cử Tổng Thống vào tháng 9.. ông Thiệu sẽ không còn đại diện nữa. Sau đó, chánh quyền “phải thi hành Hiệp Định Paris” , v.v.....

3.- Thái độ phải có : Tôi thấy ngã về ý kiến là quân cộng sản Bắc Việt sẽ vào Sài Gòn . (có may có được một phép lạ ngay ở Miền Nam tối đa chỉ vào khoản 5 %) Câu hỏi được đặt ra là làm sao biết được lúc nào và nhất là bằng cách nào ? Tôi mong rằng chúng ta còn có đủ thời gian vì lý do tiếp vận và cũng có thể là vì lý do chánh trị của phía Bắc Việt

“Ở nhà máy, người ta vẫn làm việc bình thường. Nhưng tôi tiên liệu (trên giấy trắng mực đen lúc này) các toán lo về an ninh với những nhân viên có trách nhiệm trong trường hợp mà công việc bắt buộc phải bị đình chỉ....

“Sài Gòn vẫn yên tĩnh”....

Chương 13 Ba Sọc Đỏ

Để đón phái đoàn của tướng Weyand đến Sài Gòn, Tổng Thống Thiệu đã cho thực hiện và treo một số biểu ngữ mới. Bằng tiếng Anh, nội dung có ý nghĩa: “Dân tộc Việt Nam sẵn sàng chiến đấu đến cùng nếu được giúp đỡ”

Tướng Weyand đến phi trường lúc 3 giờ ngày 27 tháng 3, với Đại sứ Graham Martin, ông Eric von Marbod Phó Tổng Trưởng Quốc Phòng, hai kiện tướng của cơ quan Tình Báo Trung Ương CIA Ted Shackley và George Carver, một lô Phụ tá, và nhiếp ảnh viên của Tổng Thống Ford. Người ta có cảm tưởng đây là một đoàn vũ nhỏ nào đó: Vì địa vị của mình ở đây, ông Martin đã xin được là người đầu tiên bước xuống phi cơ. Ông cảm thấy các bản phúc trình về tình hình ở Đà Nẵng được phóng đại nhiều quá:

- ” Tôi phải đích thân đi xem lại chuyện này mới được .
- ” Không thành vấn đề đâu, ” ông Lehmann trả lời

Tướng Weyand đi gặp tướng Cao Văn Viên, Tổng Tham mưu Trưởng của Việt Nam, người mà ông đã thường gặp từ lâu rồi. Tướng Frederick Weyand đã từng đảm nhiệm nhiều chức vụ chỉ huy ở Việt Nam. Ông đã có sư đoàn 25 bộ binh dưới quyền ông, Sau đó ông là tướng Tổng chỉ huy, thay thế tướng Creighton Abrams. Ông nói được tiếng Việt Nam, ông biết sức mạnh cũng như yếu điểm trong hệ thống quân sự của QLVNCH. Ông không thể tin được rằng Hoa Kỳ phải thất trận qua thất bại của Việt Nam Cộng Hòa. Ông Thiệu và các tướng lãnh của ông không tin tưởng những chánh trị gia loại Kissinger, cũng không tin lắm với những quân nhân như tướng Weyand hay tướng Haig. Trong tất cả các quốc gia dù dưới chế độ nào, hầu hết các tướng lãnh đều không tin tưởng những chánh trị gia dân sự.

Những người như tướng Weyand thường giải quyết các vấn đề quan trọng như vũ khí đạn dược, đâu có lo gì về các tù chánh trị hay những chuyện “bá láp” khác.

Tướng Viên trình bày các khó khăn của ông ta:

- “Hoa Kỳ nên gởi các pháo đài bay B – 52 qua Việt Nam để triệt tiêu các điểm tập trung của quân đội Bắc Việt “.

Tướng Weyand trả lời ngay là: *“mọi hành động tái can thiệp quân sự đều phải có sự chấp thuận của Quốc Hội, và những đòi hỏi loại này có rất ít cơ may được họ thỏa mãn.”*

Các phiên họp tổng quát hay có giới hạn giữa Hoa Kỳ và Việt Nam được tiếp tục. Ông Weyand rất mong được gặp riêng ông Thiệu, nhưng ông Martin thì muốn có sự hiện diện của mình trong hầu hết các buổi tiếp xúc như vậy.

Buổi tiếp kiến quan trọng nhất được ông Thiệu chủ tọa trong một gian phòng lớn có các bản đồ treo trên tường. Ông Thiệu ngồi giữa, bên phải là ông Martin, bên trái là Phó Tổng Trưởng Hương, hàng ghế bên phải của ông Martin là tướng Weyand, ông Von Marbod và ông Carver, hàng ghế bên trái đối diện là tướng Viên Tổng Tham Mưu Trưởng, Thủ Tướng Khiêm, và ông Nguyễn tiến Hưng Tổng trưởng Kế Hoạch và các vấn đề kinh tế. Trước đó báo chí đã nói nhiều rằng: Dân chúng phải hiểu rằng Tổng Thống Ford rất quan tâm đến số phận của Miền Nam Việt Nam.

Người ta bàn về những vấn đề dân sự và quân sự. Hoa Kỳ nhân mạnh là phải giải quyết bài toán dân ty nạn, và nhất là gia đình của binh sĩ. Không nên để cho các gia đình này ở trong các vùng đang có giao tranh. Tướng Viên phản đối ngay; không nên đặt vấn đề tách rời binh sĩ và gia đình họ, nếu không sẽ có nguy cơ giám sát tinh thần chiến đấu. Ông nói:

– ” Trong cuộc tấn công của cộng sản hồi Tết Mậu Thân (1968), trong các đồn bót hẻo lánh, người ta thấy đàn bà và trẻ con đã giúp các binh sĩ chồng cha của họ như tiếp đạn, hay tản thương, và có khi còn xử dụng các khẩu đại liên nữa.”

Nhiều người Mỹ nghĩ rằng họ đang nằm mơ, vì chuyện không thể tưởng tượng được. Ông Carver, nhân viên CIA, tự hỏi : người ta đang nói chuyện gì vậy ? Phải chăng họ đang bàn chuyện sắp ghé xích đu trên bon tàu Titanic trong lúc tàu đang chìm?”

Phái đoàn Hoa Kỳ muốn Chánh Phủ phải giải thích tình hình cho dân chúng biết. Cần tránh cho người dân khỏi bị những tin đồn thất thiệt của cộng sản đầu độc. Các cấp lãnh đạo ở Miền Nam Việt Nam nên xử dụng truyền hình thường hơn. Người Mỹ rất tin tưởng hệ thống truyền hình.

Họ cũng đòi hỏi phải có một chiến thắng nào đó, dù là khiêm nhường. Như thế sẽ giúp đạt được vài trăm triệu mỹ kim. Có thể nào giáng một đòn nặng vào sư đoàn 5 Bắc Việt trong vùng Mỏ Vịt ở phía Tây Sài Gòn ? sư đoàn 5 này dù sao cũng chưa phải là một sư đoàn ưu tú đâu.

Dĩ nhiên, Chánh Phủ cũng muốn có được một chiến thắng nào đó lắm chứ ! Không phải chỉ để gây cảm giác cho giới Lập Pháp và dư luận dân chúng Hoa Kỳ, mà là để chặn đứng bọn cộng sản xâm lăng Bắc Việt, Nhưng khổ nỗi Bộ Tổng Tham Mưu không còn quân trừ bị, nếu muốn có thì phải lấy lực lượng phòng thủ của Sài Gòn. Người ta lại nói đến pháo đài bay B.52. Người Mỹ hiện diện ở đây không tin rằng trong giai đoạn này các B.52 sẽ giúp được gì. Hơn nữa không nên bàn vấn đề này ở đây. Tổng Tham Mưu Trưởng QLVNCH cho biết là các phi cơ C.130 A chở 24 trái bom loại 750 cân anh, đã trút hết xuống quân địch từ cao độ 15 đến 24 ngàn bộ. Anh em binh sĩ ở Miền Nam gọi các phi cơ vận tải đó là các “B52 loại nhỏ”. Bom thả như vậy cũng tàn phá được một diện tích khoản 400 thước vuông.

Ông Von Marbod nói là binh sĩ Miền Nam không được tiếp tế đạn dược. Được ông Martin đốc thúc, ông ta mới nói rõ là đạn dược bổ túc chỉ sẽ được gửi đến nhanh chóng nếu Quốc Hội chấp thuận dự án của Tổng Thống Ford:

– “*Chúng tôi có nhiều dự trữ quan trọng ở Okinawa và ở Nam Hàn.*”

Ông Von Marbod cũng có mặt ở Việt Nam với nhiệm vụ di tản chiến cụ.

Người Việt Nam đang tìm kiếm vũ khí loại “Phép Mầu” ! Có thể nào giao cho họ loại bom 15 ngàn cân anh hay không đây ? Người Mỹ dùng loại bom này để dọn bãi đáp cho trực thăng. nhưng Hiệp Định Paris cấm đem loại vũ khí mới vào Việt Nam. Mặc kệ ! Tướng Weyand hứa là sẽ cho gửi đến 27 trái bom loại này và cả chuyên viên cần thiết cho việc xử dụng.

Ông Carver đang tự so sánh sự giống nhau giữa QLVNCH năm 1975 với Quân đội hoàng gia Anh năm 1940.

– ” *Đúng là một trận Dunkerque,* ông nói, làm cho Đại sứ Martin phải nhăn mặt:

– “Đứng trước Tổng Thống ta nên tránh không nên nêu lên những bài toán nóng bỏng, một sự cần thiết để tìm được sự thỏa thuận về trách nhiệm quan trọng cho Bộ Tổng Tham Mưu Việt Nam. Cơ quan này phải có nhiều quyền hạn hơn và không nên để bị Tổng Thống chen vào mãi như thế.”

Trong cuộc tiếp xúc này, hầu hết nhân viên của phái đoàn Weyand đều có cảm tưởng là Tổng Thống Thiệu chưa ý thức được mức độ nghiêm trọng của tình hình .

Trong một buổi họp khác, Tổng Thống mạnh mẽ giải thích rất chi tiết là sau cuộc bầu cử tháng 10 1975 tới, khi ông được tái đắc cử – ông tin chắc như vậy- thì ông sẽ cho phép các đảng phái chính trị khác được thành lập và hoạt động. Lần này thì ông sẽ cho phát triển thật sự đường lối dân chủ.

Ông Thomas Polgar xin phép được đề nghị là : *‘tất cả những chuyện đó rất rất tốt và rất hứa hẹn nhưng trước hết là chúng ta nên nghĩ tới những bài toán quân sự trong hiện tại.’*

Và ông trình bày trở lại tình hình, nhấn mạnh đến những cuộc tiến quân của Bắc Việt , những điểm yếu của guồng máy chánh quyền , sự sụp đổ của Đà Nẵng. Thành linh, trước mặt trưởng cơ quan tình báo CIA/Sài Gòn và ông Sed Shackley, đại diện của cơ quan tình báo CIA / Hoa thành Đốn, Tổng Thống Thiệu bật lên khóc .

Rất nhiều nhân viên thuộc phái đoàn Weyand tiến hành các cuộc điều tra trong Nam, trong vùng đồng bằng sông Cửu Long. Tại Nha Trang, họ gặp được tướng Phú phờ phạc!

Có nhiều phiên họp Mỹ Việt rất căng thẳng và gay gắt. Người Mỹ thì cho rằng phía Việt Nam thiếu thực tế. Phía Việt Nam thì cho rằng người Mỹ không hiểu những khó khăn của họ.. Phái đoàn Weyand đã làm việc ở Việt Nam đến ngày 4 tháng 4/1975.

Ông Nguyễn tiến Hưng trao cho ông Von Marbod phóng ảnh của các bức thư của ông Nixon gửi cho ông Thiệu, và nhân mạnh là Tổng Thống Ford nên đọc.

Tướng Weyand thảo một tờ trình dài 28 trang. Trong phần mở đầu, tướng Weyand viết :

– *“Tình hình quân sự hiện tại rất nguy kịch. và Miền Nam Việt Nam có khả năng tồn tại như là một quốc gia thu gọn vào những tỉnh vùng Đông Nam hay rõ hơn là sát bờ biển (ý nói vùng 4 ở miền Tây). Chánh Phủ VNCH thì gần như thất bại hoàn toàn. Tuy nhiên Miền Nam vẫn chuẩn bị tiếp tục chiến đấu tự vệ với những phương tiện mà họ đang có. Hoa Kỳ cần phải giúp đỡ họ. Không quân Mỹ sẽ giúp ích cho họ trên cả phương diện vật chất cũng như tâm lý và tinh thần, nhưng tôi ghi nhận có nhiều rắc rối về mặt pháp lý và chánh trị rất dễ xảy ra khi áp dụng đề nghị này”.*

” Một vấn đề khác mà chúng ta phải quan tâm, đó là Hoa Kỳ phải sẵn sàng để di tản 6000 công dân Hoa Kỳ và hàng chục ngàn người dân Miền Nam, những người quốc gia mà chúng ta phải có bổn phận phải giúp đỡ họ. Bài học tại Đà Nẵng cho thấy là công tác di tản này đòi hỏi tối thiểu phải có một “lực lượng đặc nhiệm Mỹ”, một sư đoàn tăng cường, với sự yểm trợ của Không Quân Chiến Thuật để chống lại pháo binh và Phòng Không Bắc Việt .”

Tướng Weyand cũng đề nghị phải dứt khoát cho Hà Nội biết rằng : đến “lúc thuận tiện nào đó” thì Hoa Kỳ dự định sẽ dùng sức mạnh, bất chấp mọi trở ngại, để di tản nhân viên của mình. ” Tổng Thống Ford phải có được những quyền hạn cần thiết để “trừng phạt Bắc Việt bằng quân sự” nếu họ cản trở công tác di tản này. (1)

Tướng Weyand kết thúc phần mở đầu trong tờ trình của mình bằng một tiếng chuông như thường lệ :

- ” Ở Việt Nam người ta đang xét lại lòng tin đối với người bạn đồng minh Hoa Kỳ” . Chắc hẳn điều này sẽ làm cho Kissinger bằng lòng và thích thú !

Cũng trong tờ trình này, tướng Weyand tổng kết tình hình trong 3 tháng qua tại Việt Nam :

- ” Có rất nhiều đơn vị Miền Nam đã chiến đấu rất anh dũng, đáng ngợi khen. Còn sự rút quân khỏi Kon Tum và Pleiku ? Đó là một “ý định hành quân” đúng, và Tổng Thống Thiệu có thể đã có lý khi ông ước tính đó là điều cần thiết phải làm, nhưng phần thực hành đã rất tồi tệ.. “

Đối với dân chúng bị kẹt trong vùng chiến sự thì tướng Weyand cho đó là miếng mồi ngon của Bắc Việt .

Theo tướng Weyand thì quân đội Bắc Việt với 152.000 bộ đội có mặt trong Miền Nam là những quân nhân hiện diện chiến đấu thật sự , tổ chức thành 74 trung đoàn bộ binh , 5 trung đoàn thiết giáp, 14 trung đoàn pháo binh, và 33 trung đoàn phòng không. Con số này không tính số quân nhân thuộc các đơn vị yểm trợ và tiếp vận. Phía Miền Nam Việt Nam chỉ có 59.000 quân, thuộc 19 trung đoàn bộ binh, 2 lữ đoàn thiết giáp, 5 chiến đoàn Biệt động quân, 4 lữ đoàn Dù và 2 lữ đoàn Thủy Quân Lục Chiến. Sài Gòn cũng có lực lượng Không quân, Hải Quân, lực lượng Địa phương Quân. Nhưng tướng Weyand ghi nhận là lực lượng Địa phương Quân không hữu hiệu bằng lực lượng của MTGPMN (hay của CPLTCMN) . Tóm lại, lực lượng cộng sản Miền Bắc nhiều hơn lực lượng Miền Nam Việt Nam với tỷ lệ ba trên một.

Tướng Weyand gạch chữ thập treo lên Vùng 2 và Vùng 1. Chỉ còn lại 2 vùng ở Miền Nam . Mặc dầu có nhiều áp lực lên vùng Tây Ninh và Xuân Lộc, Chánh Phủ Sài Gòn phải cố giữ Vùng 3 Chiến Thuật “như hiện trạng ngày 1 tháng 4, ít nhất cũng trong tương lai gần đây.”. Tại Vùng 4 Chiến thuật cũng vậy, nếu không có sự xuất hiện nào của bộ đội Bắc Việt .

Với đẳng cấp của mình, tướng Weyand phải nghĩ đến cả tình hình quân sự lẫn chánh trị . Ông ước tính có 2 khả năng:

1.- Bắc Việt sẽ có thể khai thác tối đa lợi thế chiến thuật trên chiến trường để có thể đi tới một “chiến thắng cuối cùng, hoàn toàn quân sự”

2.- hoặc họ sẽ củng cố những thắng lợi chiến thuật của họ cộng với chiến thắng đạt được trong tỉnh Tây Ninh, để đòi hỏi một cuộc thương thuyết. ”

Ở đây, tướng Weyand có ý nghĩ tới một người đàn bà trong trạng thái lưỡng ước :không biết mình đang có mang hay không ?

Tướng Weyand mạnh dạn nói với Tổng Thống Ford những gì ông đã không dám đề nghị với Tổng Thống Thiệu:

- ” Tình hình này đòi hỏi một người lãnh tụ có khả năng về hành chánh giỏi như Churchill và Chánh Phủ chiến tranh của ông ta đã giúp cho Anh Quốc sau trận rút quân ở Dunkerque và sau khi nước Pháp thất thủ”. Tới ngày hôm nay người lãnh tụ chưa thấy xuất hiện,. Hơn nữa không có một biển Manche để có thể tập trung quân về một chỗ trú an toàn. Các sĩ quan Miền Nam xác nhận là tinh thần của binh sĩ ở Vùng 4 rất tốt. Khi bị tấn công, họ chiến đấu “một phần

bởi vì đây là phần đất cuối cùng không còn chỗ nào để họ có thể lui về nữa”. Ở chỗ riêng tư mà nói, các tư lệnh đơn vị xác nhận là nếu Vùng 3 Chiến Thuật mà thất thủ như Vùng 2 và Vùng 1 thì tinh thần binh sĩ sẽ bị suy sụp theo”

Tướng Weyand cũng giải thích là : ngoài xã hội cũng như ở các cấp hành chính, quân sự, người Miền Nam tin chắc là “họ đã bị đồng minh Hoa Kỳ bỏ rơi và phản bội họ nữa”. Đảng cấp càng cao bao nhiêu lòng oán hận Hoa Kỳ càng mãnh liệt bấy nhiêu.

Có một số quân nhân đã bắn lên trực thăng trên đó có nhiếp ảnh viên của Tổng Thống Ford. Tuy nhiên cho tới giờ này, ngoài một vài trường hợp ngoại lệ, người dân Miền Nam không có gì chống người Mỹ. Có tin đồn ở Sài Gòn là một số sĩ quan của Miền Nam đang toan tính sẽ bắn hạ các trực thăng hay phi cơ Mỹ nếu Hoa Kỳ di tản các viên chức của họ.

Tướng Weyand có cảm nghĩ không thuận lợi lắm về Tổng Thống Thiệu và những cố vấn chính của ông ta mà ông gọi là “một Chánh Phủ thật sự của Tổng Thống “, (bao gồm Tổng Tham Mưu Trưởng, Thủ Tướng và cố vấn an ninh tướng Đặng văn Quang). Theo tướng Weyand thì hầu hết người dân Miền Nam đều cho đây là những người dơ bẩn, không có khả năng hoặc là thành phần xấu.”

Không có một Churchill nào xuất hiện ở chân trời ! Ở Sài Gòn người ta nói nhiều về một cuộc đảo chánh . Nhưng theo tướng Weyand thì đó sẽ là một “thảm họa” ! Dầu sao thì tướng Weyand cũng dự kiến là trong những tuần lễ sắp tới, nhóm tướng lãnh thật sự kiểm soát được Quân đội , sẽ nói với Tổng Thống Thiệu là “ông nên ra đi”.

Rõ ràng tướng Weyand rất lo ngại, khi ông nhận thấy rằng Bộ Tổng Tham Mưu Miền Nam thực sự không có một kế hoạch chiến lược nào. Tổng Thống Thiệu không thể tự mình điều hành cuộc chiến từ Dinh Độc Lập, và “không một người nào khác có quyền làm việc đó ” Vì thế mà tất cả hệ thống công chức của Miền Nam gần như ở trong tình trạng “khó chịu”.

Trái lại, Miền Bắc hình như không có một bài toán nào quan trọng: Họ có thể chuyển vào Miền Nam những sư đoàn còn lại của mình còn nhanh hơn Chánh Phủ Miền Nam phối trí lại các sư đoàn mới thành lập của họ nữa..

Tướng Weyand nghĩ là phải cần đến 722 triệu đô la viện trợ quân sự , dựa trên những mất mát trong những tuần lễ cuối cùng này. Ông lên danh sách những mất mát đó như sau:

- Đạn dược (duy nhất trong kho) 107 triệu đô la
- Vũ khí cá nhân và cộng đồng 24 .6 “
- Pháo binh 16.1
- Xe kéo 85.0
- Quân xa thường 67.0
- Dụng cụ truyền tin 15.6
- Xăng dầu 4.8
- Dụng cụ y tế 7.9

– Công Binh	1.8
– Dự trữ tổng quát.....	67.4
Tổng cộng	397.2 triệu

Ngoài ra Không Quân Miền Nam Việt Nam đã bỏ lại 268 phi cơ, 66,8 triệu đô la cơ phận thay thế, và 48 triệu đô la đạn dược. Hải Quân VNCH đã bị mất 3 chiến hạm và một số trang thiết bị. Chưa tính đến giá trị của một số đạn dược mà các đơn vị mang theo và bỏ lại, và những căn cứ Hải và Không quân.

Tại tòa Đại sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn, có một số người, như Frank Snepp, nhắc đi nhắc lại là sự sụp đổ của Miền Nam Việt Nam trước hết không phải là vì vấn đề vũ khí đạn dược. Những con số của tướng Weyand đích thân đưa ra chỉ có tính chất xác nhận điều đó thôi .

Dường như là để cho được đầy đủ, hơn là có một sự niềm tin vững chắc, tướng Weyand trình bày qua về kế hoạch của Miền Nam : là chỉ cần giữ vững một phần Đông Nam của Vùng 2 Chiến Thuật, 2/3 của Vùng 3 Chiến Thuật và cả Vùng 4 Chiến Thuật.

Đây là một lập luận quá xưa của tướng Weyand: Vùng lãnh thổ này là phần đất có nhiều dân chúng nhất, là “thực thể chánh trị và kinh tế để có thể sống còn”. Nhưng lạ lùng ở chỗ là (tướng Weyand trình bày tiếp) “sau khi tình hình quân sự được ổn định rồi, Chánh Phủ sẽ tái tổ chức và tái thành lập nhanh chóng cơ cấu quân đội lại ” Làm cách nào ổn định được chiến tuyến mà không có sự tái tổ chức lực lượng ? Tướng Weyand trình bày lập luận của Tổng Thống Thiệu:

– “Nếu người Miền Nam tập trung lại được thì các phương tiện giao thông sẽ ngắn hơn và sẽ không có nhiều chỗ yếu hơn. Về phân địch, họ sẽ có quá nhiều lãnh thổ, họ sẽ phải yếu hơn vì lực lượng kháng chiến hay vì những mũi tấn công đột kích của lực lượng quân sự Miền Nam ”

Sự tái tổ chức của các đơn vị của Miền Nam Việt Nam chỉ nằm trên lý thuyết. Bộ Tổng Tham Mưu nói là sẽ tái tổ chức lại 4 sư đoàn bộ binh, chuyển 12 chiến đoàn Biệt Động Quân thành 4 sư đoàn khác, và biến cải 27 chiến đoàn Địa phương Quân thành nhiều sư đoàn bộ binh . Không thấy có kết quả nào nào, người Mỹ đã giải thích là chỉ nên tăng cường thêm binh sĩ thiện chiến vào các đơn vị đang hình thành .

Kết luận của tờ trình cho Tổng Thống Ford rất là dè dặt một cách khéo léo. Tướng Weyand không thể bảo đảm rằng ” một hay những biện pháp” mà ông đề nghị sẽ hữu hiệu để ngăn chặn hay có thể làm chậm lại chiến thắng toàn bộ của Miền Bắc . Bản phúc trình này đưa ra một nguyên tắc mà bất cứ cấp nào trong quân đội Hoa Kỳ cũng đều biết rõ , để tự bảo vệ “cái đầu của mình” (sát nghĩa) : đừng có hành động phiêu lưu nguy hiểm, đừng có hứa hẹn gì nhiều , hãy nghĩ tới tương lai của chính mình.

Trước khi rời Sài Gòn tướng Weyand có một cuộc họp báo ngắn. Ông làm các nhà báo ngạc nhiên khi ông tuyên bố :

– ” QLVNCH vẫn còn mạnh, vẫn còn đủ tiềm lực cần thiết và lòng dũng cảm để chiến đấu với kẻ thù Miền Bắc “

Cơ quan tình báo của quân đội Hoa Kỳ đã có một tờ trình dự kiến là VNCH sẽ sụp đổ trong vòng “không quá 30 ngày”.

Tướng Weyand gặp lại Tổng Thống Ford ở California. Tổng Thống Ford thiếu hẳn té nhị, trong thời điểm dầu sôi lửa bỏng này (nguyên tác :thời điểm nguy kịch và bi thảm này) mà ông còn đi chơi gôn (golf) ở Palm Springs được ! Những người đồng hương của ông còn nhìn thấy ông khều trái banh nhỏ vào lỗ, và một vài giây sau đó qua tin tức truyền hình, họ chứng kiến cảnh di tản của các thành phố Việt Nam ! Có một số hình ảnh được phổ biến rộng rãi cho thấy ông Ford với chiếc sơ mi ngắn tay đã chạy nhanh lên phi cơ ở phi trường Bakersfield để tránh các nhà báo.

Một nhà báo đã nói ngay với Ron Nessen, tùy viên báo chí của Tổng Thống rằng:

–“Ông ấy chạy còn nhanh hơn quân đội Miền Nam Việt Nam !

Bị các chuyên viên cao học về giao tế nhân sự bao vây, toàn là những bậc thầy trong ngành truyền thông, ông Ford có những vụng về chồng chất. Nhờ ông Bob Hartmann một cố vấn chuyên soạn diễn văn cho ông, Tổng Thống mới tránh khỏi một bữa ăn với diễn viên Frank Sinatra. Diễn viên có mùi “băng đảng” này rất nổi tiếng vì thường hay gặp ông Nixon .

Ông Ron Nessen đã cho biết thẳng thừng là Tổng Thống Ford không hề có ý định trong việc cho tái oanh tạc để yểm trợ cho QLVNCH:

– ” Luật pháp cấm ông ta làm như vậy. Và lại ông cũng có khuynh hướng chống lại việc đó. Và ông không có một kế hoạch nào dự trù cho việc đó.

Nessen nói tiếp:

– ” Tổng Thống có nhiều cảm tình và lòng thương hại đối với dân chúng Việt Nam .

Lòng thương hại không đúng chỗ ! Còn nhớ ông Phó Tổng Thống Rockefeller lúc đi thăm vùng Đông Nam Á Châu và dự đám tang của Tướng giới Thạch trở về, đã công khai tuyên bố : – ” Tôi tin là thật sự đã quá muộn để chúng ta có thể làm được một việc gì đó...

Lúc nào cũng vậy, ông Rockefeller là người không bao giờ có một nhiệm vụ gì trong vấn đề Việt Nam.

Vậy là Hà Nội rất vui vẻ được thông báo và bảo đảm là các pháo đài bay B.52 không bao giờ trở lại Việt Nam nữa.

Ông Kissinger đã có mặt trong buổi gặp gỡ của Tổng Thống với tướng Weyand tại Palm Springs ở California. Không có đối thủ của ông, Tổng Trưởng Quốc Phòng James Schlesinger. Buổi họp ở đây người ta xoay quanh ý kiến một ngân khoản viện trợ quân sự có thể cung cấp cho Miền Nam Việt Nam 744 khẩu pháo binh, 100.000 khẩu súng trường, 6000 súng liên thanh, 11.000 súng phóng lựu, 1300 đại bác (?) và 120.000 tấn đạn dược. Xuyên qua các cuộc thảo luận, bênh vực lập luận của ông trong tờ trình, tướng Weyand đã cố ý cho thấy là người ta còn có thể cứu vãn được tình hình bằng quân sự, và khi trở về đến Hoa thành Đốn, ông đã cho ông Bùi Diễm biết rõ sự đánh giá đó của ông.

Ông Kissinger không có một ảo tưởng nào. Nhưng dù gặp tình hình khó khăn, thì phải hành động như mình đã nắm chắc vấn đề . Ở đây thì như mình đã có thể cứu được Miền Nam Việt Nam được vậy. Do đó ta phải xin Quốc Hội 722 triệu mỹ kim viện trợ. Thật tâm hay giả dối thì chiến thuật này cũng có lợi. Nếu Quốc Hội từ chối không chấp thuận viện trợ, và nếu mọi việc trở nên quá tồi tệ ở Đông Dương thì dư luận sẽ phê phán các ông nghị sĩ và dân biểu.

Các cố vấn của Tổng Thống Ford như Robert Hartmann và Ron Nessen thì không đồng quan điểm với cách tính toán này. Họ không muốn cứu Miền Nam Việt Nam . Họ chỉ muốn cứu ông Ford ra khỏi vũng lầy Việt Nam . Nhưng ông Kissinger thắng. Tổng Thống Ford sẽ xin Quốc Hội 722 triệu mỹ kim viện trợ quân sự và 250 triệu viện trợ kinh tế và nhân đạo cho Việt Nam, đồng thời nhấn mạnh đến số phận đau thương của các dân tộc ở đó.

Nhiếp ảnh gia David Kennerly mang về rất nhiều hình ảnh thu được ở Đông Dương. Anh trình lên cho Tổng Thống Ford để Tổng Thống cho treo ở các hành lang trong Nhà Trắng. Anh nói với Tổng Thống :

– ” Campuchia chắc chắn sẽ không còn. Đừng nghe những gì các tướng lãnh trình bày với Tổng Thống . Họ chỉ kể chuyện tào lao nếu họ nói là Việt Nam chỉ còn tồn tại chừng ba bốn tuần lễ nữa mà thôi !.

Sau buổi họp “tiểu thượng đỉnh” ở Palm Springs, ông Kissinger tuyên bố với báo chí :

– ” Hoa Kỳ đang đứng trước một bài toán về đạo lý. Đó là phải thẩm định xem khi một quốc gia đồng minh đã sát cánh với mình trong 10 năm mà muốn tự vệ thì chúng ta có thể nào dám quyết định ngưng hết mọi cung cấp chiến cụ cho họ hay không ?

Những giới chức Hoa Kỳ có trách nhiệm đều tin rằng VNCH không tái chiếm lại các tỉnh đã mất. Nhiều lắm là VNCH có thể giữ vững vòng đai phòng thủ Sài Gòn để buộc Hà Nội phải đàm phán. Trong hiện tại cần phải nghĩ đến việc di tản các công dân Mỹ và người Việt Nam .

Về phần mình, ông Schlesinger thấy là phải trao cho hệ thống truyền hình phần giải đoán tối thiểu của những biến cố ở Miền Nam Việt Nam:

– ” Cuộc “tổng tấn công” của Bắc Việt đã quá rõ ràng. Đó là một danh từ mà chúng ta cần phải để vào hai dấu ngoặc kép. Chúng ta đang chứng kiến cảnh sụp đổ từng mảng của Quân Lực VNCH.”

Ông giải thích rằng, từ sau Ban mê Thuật, đã không có thêm những cuộc giao tranh quan trọng. Không phải là một chiến thắng quân sự của Bắc Việt mà đúng ra là một cuộc bại trận của Miền Nam Việt Nam .

Đó là một sắc thái đặc biệt về ngữ nghĩa. Với đề nghị là Quân Lực VNCH không đáng được viện trợ, như dư luận khá phổ biến ở Hoa Kỳ , ông Schlesinger không trợ giúp được gì cho ông Tổng Thống Ford và ông Kissinger.

Vậy ai là người có trách nhiệm trong sự thảm bại của Quân Lực Miền Nam Việt Nam ? Câu hỏi này được nêu lên trong giới chánh trị . Ông Schlesinger tuyên bố là người ta không thể đưa ra câu trả lời ngay một cách đơn giản được. Hình như ông gián tiếp nhắm vào Tổng Thống Ford và ông Kissinger, đồng thời cất cao giọng xác nhận rằng Hoa Kỳ thật sự không có nhu cầu phải có một sự đối đầu quan trọng giữa Hành Pháp và Lập Pháp” trong lúc này.

Một Chánh Phủ mà các thành viên quan trọng nhất gần như công khai đối chọi nhau thì làm sao chế ngự được một cơn khủng hoảng ? và dĩ nhiên không thể gây được niềm tin cho ai hết.

Để làm tăng thêm các bài toán của Nhà Trắng, người ta bắt đầu rỉ tai là ông Nixon đã có những cam kết mật, và các tin phao đồn thì đi rất nhanh . Đó là những bức thư của ông Nixon đã gởi cho ông Thiệu. Cuộc bầu cử Tổng Thống Hoa Kỳ đã gần kề rồi, vào năm 1976 tới đây.

Ngon đon nào dường như cũng tốt hết. Ông Eric Von Marbod đã nói về các bức thư đó cho ông Schlesinger là cấp trên của ông ta . Ông Tổng trưởng Quốc Phòng lại đem ra thảo luận với thượng nghị sĩ Henry Jackson, ông này lại nói công khai là : “đằng sau Hiệp Định Paris, còn có những “thỏa thuận mật “.

Đọc được những bức thư đó, Tổng Thống Ford đâm ra rối trí...

Sau khi Vùng 2 Chiến Thuật bị thất thủ, về đóng ở Nha Trang, tướng Phú lấy lại phần nào sức khỏe sau một phen nản chí. Ông cũng đang nghĩ là phải lập lại tuyến phòng thủ từ phía Bắc của Nha Trang. Nhưng với các đơn vị nào đây để thực hành ý định này ?

Thành phố Nha Trang đang yên ổn.

Một buổi sáng nọ, không báo gì trước cho tướng Phú, cũng không báo cho người Mỹ, ông tình trạng cho lệnh các phòng sở trực thuộc đóng cửa văn phòng. Tướng Phú đã đặt Tổng Hành Dinh của ông trong một dinh thự trong đó có một số phòng sở của Tỉnh. Trước đó ông không chú ý đến sự ra đi của các công chức dân chính của Tỉnh. Nhưng vào khoản giữa trưa, thình lình tướng Phú chạy qua các phòng làm việc của Quân Đoàn trên các tầng lầu, vừa chạy vừa la lớn:

– ” Ta chạy đi thôi !

Vẻ mặt lơ lảo, ông bảo người phi công lái trực thăng riêng của ông :

-” Ta đi thôi “

Và cứ thế ông rời khỏi Nha Trang. Vào lúc 1 giờ trưa, tin này chạy khắp thành phố làm sừng sốt mọi người .

Nha Trang không hề bị tấn công. Có một số người nào đó đã thề là họ đã thấy các đơn vị Bắc Việt đã ở ngay cửa ngõ vào thành phố, một số người khác thì lại nói rằng Chánh Phủ Miền Nam Việt Nam đã chia thành phố Nha Trang cho cộng sản Bắc Việt từ lâu rồi. Thế là dân chúng gồng gánh hành lý ùn ùn chạy lên phi trường, hy vọng tìm được chỗ lên phi cơ, hay chạy ra bến tàu để tìm tàu thuyền.... Trong thành phố, binh sĩ tòng cửa và cướp các kho hàng, súng cầm tay họ tấn công dân chúng đòi lương thực, đòi tiền bạc , đòi nữ trang... Binh sĩ của Nha Trang trà trộn với binh sĩ chạy từ Đà Nẵng hay từ Huế về. Tại bến tàu, có quá nhiều người đến độ họ phải đứng xuống nước để chờ đợi, có chỗ ngập đến nửa thân mình . Các bố lão, phụ nữ và trẻ con bị chết ngộp, và thi thể của họ còn đó, tại chỗ, đôi khi được nằm trong chiếc túi ny-lông.

Lại một cảnh tượng của Đà Nẵng nữa !....

Cảnh hỗn loạn lan dần.. Tổng Lãnh sự Hoa Kỳ ông Moncrieff Spear tâm sự với viên Lãnh sự phó người Pháp Henri Strahlheim là ông không còn biết nói gì hơn được nữa.. Người Pháp thì được di tản bằng một phi cơ do Tòa Đại sứ thuê bao. Ba vị Linh mục và một Dì Phước thuộc Hội Truyền Giáo Ngoại Quốc phải tình nguyện ở lại tại chỗ.. Họ không thể rời bỏ đám con chiên Việt Nam mà họ thấy họ còn có trách nhiệm . Trong Tòa Lãnh sự Hoa Kỳ còn có 200 công dân Mỹ và một số đồng nhân viên người Việt Nam . Và trong số các sĩ quan hiện diện đang công tác ở Nha Trang còn có thêm một số dân đến từ Pleiku, Huế hay Đà Nẵng . Người ta chờ đợi các phi cơ của hãng Air America, của Bird Air và của World Airways hay của Continental....

Trong sân của Lãnh sự quán Hoa Kỳ, hàng trăm nhân viên chen chúc nhau với gia đình của họ. Họ muốn rời khỏi đây và cũng muốn lãnh lương nữa. Nhưng điều bất hạnh là phát ngân viên đã di tản trước rồi với cả ngân quỹ.. Binh sĩ Thủy Quân Lục Chiến Mỹ đang ra sức ngăn cản, đôi khi làm bị thương những người Việt Nam khác muốn vào Lãnh sự quán để được bốc đi.. Phải cần đến một số trực thăng để làm con thoi giữa Lãnh sự quán và phi trường chỉ cách đó có 6 cây số ngàn !

Anh Howard Archer, một nhân viên của cơ quan CIA phải chạy hết lầu 4 của Lãnh sự quán và với sự giúp sức của 4 người đồng đội để tiêu hủy tất cả máy móc truyền tin. Mặc dù đã cố gắng nhưng cơ quan CIA này cũng phải còn để lại vô số hồ sơ, tài liệu và một số nhân viên. Cuộc di tản đã được tổ chức quá dở đến độ chuyến bay C.46 cuối cùng còn trống quá nửa khi rời khỏi phi trường. Anh John Lewis, một nhân viên khác của cơ quan này đã rất kiên trì và can đảm đi tìm khắp Nha Trang những người cộng sự viên của anh ta.. Vì thế anh bị bỏ quên lại và bị Bắc Việt bắt làm tù binh.

Ông trưởng cơ quan CIA của Nha Trang chỉ lo cho những người Mỹ mà thôi. Ông giải thích là đã nhiều tuần lễ nay, người Việt Nam đã bỏ chạy mà không bao giờ nhớ đến người Mỹ.

Tòa Đại sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn phải nhận phần nào trách nhiệm về sự lộn xộn này. Vào lúc 17giờ rưỡi ngày mà tướng Phú rời khỏi Nha Trang, một phụ tá đặc biệt của Tòa Đại sứ là ông George Jacobson, không biết vì thiếu tin tức hay vì mất cả bình tĩnh, đã cho lệnh vị Lãnh sự như sau :

– ” Ông hãy rời khỏi thành phố ngay đi, các người Mỹ khác cũng vậy “.

Khi trực thăng cuối cùng rời khỏi lãnh sự quán, một ông già van nài đưa một em bé cho mấy người Mỹ đang ngồi trên trực thăng. Thì có một người dùng chân đạp vào mặt ông già, làm đứa bé rớt xuống đất...

Cuộc di tản này rất là vô ích, vì quá sớm ! Sự thật không có một đơn vị Bắc Việt nào đến cửa ngõ của thành phố Nha Trang. Vị tổng tư lệnh Bắc Việt lần này quá táo bạo, đã quyết định bỏ Nha Trang lại đằng sau lưng mình, cho lệnh sư đoàn 316 và 320 bọc vòng thành phố này để tiến thẳng vào hải cảng và Vịnh Cam Ranh, cách Nha Trang 35 cây số về phía Nam.

Căn cứ Cam Ranh còn ở cách Sài Gòn 260 cây số.

Tại văn phòng của cơ quan CIA ở Sài Gòn người ta đang tiêu hủy giấy tờ hồ sơ mà họ quên rằng Cảnh Sát Việt Nam còn lưu giữ một bản sao. Thomas Polgar đang bị bối rối. Vô tình ông đã cho gọi bà vợ ông về Bangkok. Và sau đó ông đã viết thư cho bà ta đại ý cho biết là tình hình cũng chưa có gì đáng lo ngại. Tin chắc như vậy bà ta trở lại Sài Gòn mà không báo trước cho ông chồng, và bà đã bắt gặp chồng mình đang ở với một phụ nữ Việt Nam trẻ tuổi. Khi ông Feydeau xen vào thì bà cảm thấy nhục quá nên quyết định xa chồng và ly dị. Hoảng hốt và quá bối rối, ông Polgar không còn đủ tinh thần và sáng suốt trong việc điều hành và kiểm soát cuộc hành quân di tản đang được tiến hành. Có nhiều cơ quan Hoa Kỳ đã bắt đầu di tản một cách không chánh thức. Và nhờ thế mà người vợ của vị sĩ quan trưởng Phòng Tình báo Miền Nam Việt Nam được gọi đi đến Hạ uy Di với cái tên là bà W. Legros, với sự chấp thuận của Đại Sứ Hoa Kỳ. Nhiều người Việt Nam bầu lại các bạn thân và người quen của họ ở Tòa Đại Sứ.

Các chuyến bay quốc tế hoạt động thường xuyên, nhưng các chuyến bay nội địa của Hàng Không Việt Nam thì từ 40 giảm xuống còn có 4, hằng ngày. Lãnh thổ của VNCH đang teo dần...

Có quá nhiều người xếp hàng dài trước ngân hàng Việt Nam Thương Tín , một ngân hàng tương đối lớn nhất ở Miền Nam . Người ta muốn có ngoại tệ, muốn có vàng. Giá đồng mỹ kim đang lên. Giám đốc Ngân Hàng tuyên bố:

– ” Chúng tôi còn đến 150 tỷ bạc tiền dự trữ, nên chúng tôi không khóa chương mục nào hết “

Giá gạo, giá rau cải tăng gấp đôi. Chợ búa đang thiếu trà, cà phê, những thứ này thường đến từ Vùng Cao Nguyên.

Tổng Thống Thiệu cho lệnh thiết lập vòng đai y tế chặt chẽ quanh Sài Gòn . Những người di tản bị chặn lại ở các rào cản, và trong số đó có cả binh sĩ chạy lẻ tẻ về, không có vũ khí, Họ sẽ phải bị tước hết vũ khí nếu họ còn giữ súng trường hay súng lục. Thôi thì gián điệp tràn lan, người ta thấy bọn việt cộng khắp nơi. Chánh quyền quân sự ra thông cáo cho biết là bất cứ người nào từ chối lệnh bị bắt giữ lại sẽ bị bắn tại chỗ.

Hoa Kiều của Chợ Lớn thì hấp tấp xin chiếu khán ở sứ quán Đài Loan. Người ta cũng kể lại là người Úc cũng có phân phát một số chiếu khán một cách rộng rãi. Lãnh sự Úc có nhờ Cảnh Sát dẹp bớt các nhóm quạ đông đang tụ tập quanh văn phòng của lãnh sự.

Các chuyến bay đến Âu Châu và Hoa Kỳ lúc nào cũng đầy ắp. Các chuyến bay đi Bangkok, Tân gia Ba, Hong Kong và Đài Bắc không còn một chỗ trống .

Đại sứ Martin cho chỉ thị tìm cách thắng bớt sự hoảng hốt lại. Các hãng Mỹ có những biện pháp để giúp ông Martin. Họ cho các phụ nữ và trẻ con di tản từ cuối tháng 3 nhưng họ tuyên bố chính thức là họ không nhúc nhích gì cả. Hãng “Training Co.” tuyên bố là “chúng tôi đang trong tình trạng chờ đợi”, hãng IBM thì nói: “Chúng tôi sẽ ở lại đây lâu chừng nào hay chừng nấy”. Hãng MobilOil vẫn tiếp tục công tác khoan dầu ngoài biển Đông, và các nhân viên của hai hãng Exxon và Caltex vẫn ở nguyên nhiệm sở của họ.

Về báo chí thì những tin “Rao Vặt” đã cho thấy là còn nhiều người Việt Nam vẫn còn quan tâm thực sự đến tài sản của họ. Như trong tờ Saigon Post đã có rao:

– ” Xin lưu ý tất cả các công ty dầu khí

Khẩn: Bán 6 phòng lớn, có các phòng phụ thuộc (trên 1000 thước vuông, kể cả 2 phòng ở và làm việc, nhà xe, hồ tắm và sân thượng) Khu vực an ninh (quận 2) Giá : trên 100 triệu đồng.

Liên lạc: 315/21 Hai Bà Trưng. Điện thoại: 22806 “

Về nhà cửa thì rao bán nhiều hơn rao mua. Tuy nhiên cho đến tháng 3 người ta vẫn còn tiếp tục xây cất như điên. Và ngay tại Tòa Đại sứ Hoa Kỳ người ta cũng vừa cho ngưng các buổi họp nhắm vào việc xây khách sạn Hyatt.

Những “Rao Vặt” vẫn xuất hiện bình thường như dạo nào. Cũng trong tờ SaiGon Post, dưới tấm ảnh của mình, với bộ râu quai hàm rậm rạp và chiếc khăn truyền thống Ấn độ trên đầu, Giáo sư G. Singh một chiêm tinh gia nổi tiếng của Á Châu, quảng cáo về sự bói toán chính xác và lạ lùng của ông về quá khứ, hiện tại , và tương lai bằng khoa đọc trên lá cây, bằng khoa Tử vi và xem sắc tướng.... Ông xác định là ông đã ” thấy trước sự ra đi của Tổng Thống Hôì Quốc” (mà ông nói là ông Marcos!) Trong số thành tích của ông đưa ra trong quảng cáo, có một lá thư cảm ơn của Tổng Thống Phi luật Tân. Liên lạc với Giáo Sư ở khách sạn Pasteur,

phòng 401, điện thoại 91236 từ 10 giờ đến 18 giờ, và ông chỉ sẽ tiếp khách trong vòng 2 tuần lễ.... v.v...

Tại Sài Gòn không một ai không biết là Phnom Penh đang bị vây khốn, và Tổng Thống Cam Bốt là tướng Lon Nol cũng sắp ra đi “để trị bệnh ở ngoại quốc”.

Thủ đô Miền Nam có quá nhiều tin đồn, mơ hồ, đối nghịch nhau, rồi thanh minh rồi cái chính, rồi lại tung ra.....Ngay như tướng Dương văn Minh tuyên bố là có một số sĩ quan Việt Nam đã nghi ngờ là Tổng Thống Thiệu và người Mỹ ở Hoa thành Đốn đã ký một Hiệp Định mật với cộng sản Việt Nam. Ông tướng được gán cho là thủ lĩnh của lực lượng thứ 3 đã tuyên bố:

– ” Vừa đòi hỏi Tổng Thống Thiệu phải ra đi, cộng sản Việt Nam cũng vừa muốn khuấy động người Mỹ, những người đang bị rơi vào bẫy của cộng sản.”

Thật ra, sự có mặt của tướng Thiệu là điều rất thích nghi cho Bắc Việt trong chiến dịch của họ . Hoa Kỳ lại hiểu theo từng chữ mà cộng sản Bắc Việt đã nói, và họ vẫn giữ Tổng Thống Thiệu trong chánh quyền . Thật là quanh co rắc rối !

Một vài sĩ quan đã tâm tình với tướng Dương văn Minh :

– ” Một ngày đẹp trời nào đó chúng tôi sẽ thấy ông Thiệu trong bộ quân phục cộng sản .”

Một điều hoàn toàn vô nghĩa !

Rồi người ta lại đồn là sắp có một cuộc đảo chánh quân sự. Rồi mặc dầu rất ít khi tuyên bố về chánh trị , tướng Tổng Tham Mưu Trưởng lại hiểu thị là “Đã bắt đầu một cuộc chiến đấu để sống còn.Thời điểm lịch sử đã đến. Nếu chúng ta quyết tâm chiến đấu, thì chắc chắn chúng ta sẽ thắng.”

Rồi người ta đồn nghe tin tức từ Hoa thành Đốn. Một chỉ dấu cho thấy là ông Kissinger đã có lưu tâm trở lại về vấn đề Việt Nam . Ông bỏ chuyến du hành xuống Nam Mỹ. Lẽ ra ông phải đi Á căn Đình, Ba Tây, Pérou và Vénézuela.

Trong một buổi phát thanh sáng trên hệ thống CBS, vị Đại Sứ VNCH tại Hoa thành Đốn đã tuyên bố :

–” Hoa Kỳ không ở được đúng tầm vóc của Hiệp Định Paris. Thế giới đã có thể kết luận là tốt hơn nên chọn cộng sản làm đồng minh hơn là chọn Hoa Kỳ “

Bình luận về điều này, Tổng trưởng Ngoại giao Hoa Kỳ đã tỏ ra hiểu biết:

– ” Chúng ta phải cần có lòng thương hại cho người Việt Nam “

Đã bắt đầu có những rạn nứt trong guồng máy chánh quyền Miền Nam Việt Nam . Lần này thì trong cơ quan Lập Pháp. Thông thường rất dễ dãi hơn Hạ viện, Thượng viện vừa chấp thuận một quyết nghị chống Chánh Phủ , “cáo buộc Tổng Thống Thiệu lạm dụng quyền hành và tham nhũng” . Các nghị sĩ tuyên bố là Tổng Thống Thiệu cũng phải chịu trách nhiệm về những bất công xã hội . Đức Tổng Giám Mục địa phận Sài Gòn , Đức Cha Nguyễn văn Bình, cũng lên tiếng kêu gọi sự ra đi của Tổng Thống Thiệu. Lại có nhiều tin tức độc hại đến từ Âu Châu: Phó thủ tướng Trần văn Đôn vừa trở về từ Phi Châu là nơi ông đi thăm các nước để vận động dư

luận ủng hộ cuộc chiến đấu tự vệ của VNCH, Khi ông ghé lại Paris ông được tin chắc chắn rằng: “Cả 3 siêu cường Hoa Kỳ, Liên Xô và Trung Quốc đều đã đồng thuận là hai nước Việt Nam nên thống nhất lại dưới sự kiểm soát của Hà Nội “. Xuất xứ của nguồn tin mật này ? Một người bạn của ông Jacques Chirac, Thủ tướng Pháp. Ông Chirac không bao giờ gặp tướng Đôn.

Tại Sài Gòn, mặc dầu không hề có tiếp xúc nào với cộng sản Trung Quốc, một vài nhân vật chánh trị ước mong rằng Bắc Kinh sẽ có một ảnh hưởng nào đó đối với Hà Nội . Tướng Đôn ghé lại Hong Kong trên đường về. Tại đây ông có gặp được Tổng Lãnh sự Hoa Kỳ . Hai người đã ước tính con số người Việt Nam cần được di tản. Phải đưa đi khoản một triệu người . Ông Tổng lãnh sự này chuyển con số đề nghị của ông Đôn về Hoa Thịnh Đốn , ở đó rùi thay họ đã chánh thức đưa ra con số là 250.000 người . Sự lộn xộn này lẽ ra chỉ có trên Hỏa Tinh mới thấy được, thì Mạc tư Khoa, Bắc Kinh và Hà Nội đều nhận được hết.....

Hong Kong là thủ đô của các quan sát viên thượng thặng của Trung Hoa Cộng sản . Tại đó, rất nhiều viên chức của chánh quyền cộng sản núp bóng trong các ngân hàng và các công ty của Bắc Kinh. Họ nói năng rất tự do hơn nơi khác và những tin tức thường rất tốt. Ngày 4 tháng 4, tổng biên tập viên tờ Tạp Chí Kinh Tế Viễn Đông (Far Eastern Economic Review), một trong những tờ báo, hay ít ra là tờ tuần báo hay nhất của Á Châu , ông Leo Goodstadt đã dùng com trua với Tổng Lãnh sự Hoa Kỳ . Ông Goodstadt có nhiều tiếp xúc với những người cộng sản ở Hong Kong, những người này phản ảnh rõ quan điểm của Bắc Kinh. Cộng sản Trung Quốc rất quan ngại về sự toàn vẹn lãnh thổ của hai nước Cam Bốt và Lào. Họ không thích cái lối mà những người của Hà Nội lúc nào cũng muốn tự nhận là phát ngôn viên của toàn cõi Đông Dương. Thủ Tướng Bắc Việt không bao giờ chịu trả lời về đòi hỏi của Bắc Kinh là muốn bảo đảm sự độc lập của tất cả các quốc gia ở Đông Dương. Trung Quốc nhận rất nhiều đòi hỏi của Hà Nội về nhu cầu lương thực và áo quần cho những vùng do quân đội của họ “giải phóng” .Bắc Kinh không làm sao nhận được từ phía Hà Nội là phải có một hội nghị ở đó sẽ thảo luận tất cả những bài toán về Á Châu, trong đó có quy chế của các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa mà Trung Quốc và VNCH đang tranh chấp về vấn đề này.

Quần đảo Trường Sa được Trung Quốc ghép vào bản đồ của họ. Còn về quần đảo Hoàng Sa thì khoảng cách từ quần đảo này đến bờ biển của Trung Quốc và bờ biển Việt Nam tương đối bằng nhau. Trên các đảo này có vô số phân chim, nhưng chung quanh đó chắc chắn có mỏ dầu khí. Ngày 12/4 đã không còn nghe thấy nói gì về toán binh sĩ QLVNCH đồn trú trên đảo san hô

Song Tử Tây thuộc quần đảo Trường Sa nữa, Tàu chiến của Bắc Việt đã cho đổ bộ bộ đội Bắc Việt lên đảo này và họ dựng cờ của CPLTCHMN trên đảo. Trước đó mấy tháng, đã có những cuộc giao tranh giữa binh sĩ VNCH và cộng sản Trung Quốc. Bộ đội cộng sản Trung Quốc sau khi đánh chìm một số tàu chiến của VNCH, đã lên chiếm đóng một số đảo nhỏ ở đó. Tình hình lại trở nên rắc rối vì Phi luật Tân và Đài Loan cũng có gởi binh sĩ đến đồn trú tượng trưng trên một số đảo khác của quần đảo này. Đây là cuộc tranh chấp chủ quyền giữa Trung Quốc và các quốc gia Á Châu không cộng sản .

Điểm chánh là : cộng sản Việt Nam và cộng sản Tàu đang tranh chấp ở đây. Ông Thiệu không bao giờ khai thác các mối bất hòa này mà ở Hà Nội và Bắc Kinh người ta gọi là các mâu thuẫn. Vào lúc mà những căng thẳng giữa Hà Nội và Bắc Kinh trở nên quyết liệt, thì tại Sài Gòn người ta đồn là cộng sản Tàu đã sẵn sàng giao Miền Nam Việt Nam cho Bắc Việt .

Ngày 4 tháng Tư Tổng Thống Thiệu tiếp Thủ tướng Khiêm và Bác sĩ Nguyễn Iru Viên, Phó Thủ Tướng không giữ bộ nào, trưởng phái đoàn VNCH ở hội nghị La Celle-Saint-Cloud. Tướng

Khiêm tuyên bố là một cuộc cải tổ nội các chưa đủ để đối phó với những bài toán nội bộ, Bác sĩ Nguyễn lưu Viên nói:

– ” Thừa Tổng Thống , nếu bây giờ ông ra đi thì có thể có nội loạn. Nếu ông ở lại và vẫn tiếp tục đường lối chánh trị như cũ thì Chánh Phủ sẽ bị cô lập....Nếu Tổng Thống cho phép thì chúng tôi xin đề nghị với Tổng Thống 3 biện pháp.

– Đề chặn đứng hấn dư luận xôn xao, Tổng Thống hãy tuyên bố là ông không ra ứng cử Tổng Thống nhiệm kỳ thứ ba tới nữa.

– Đề lấy lại lòng tin trong quân đội , Tổng Thống nên triệu tập một hội đồng tướng lãnh. Và giao cho hội đồng này toàn quyền hành động. Họ phải điều hành các cuộc hành quân.

– Sau cùng, để cho Chánh Phủ được hữu hiệu hơn, Tổng Thống hãy giao cho họ thêm quyền hành.

Tổng Thống Thiệu bình tĩnh trả lời:

– “Trở lại theo thứ tự. người ta muốn tôi phải ra đi ?- Tôi được dân chúng bầu lên, tôi chỉ ra đi khi nào dân chúng bảo tôi phải ra đi . Chớ không phải một nghị quyết của Thượng Viện hay của một nhóm nào đó bắt tôi phải ra đi. Các Anh sẽ hỏi tôi : làm thế nào để cho dân chúng trình bày ý kiến của họ ? – sẽ tổ chức một cuộc Trưng cầu dân ý.

– *Bác sĩ Viên nói nhỏ nhẹ:*

– Trong thời buổi này khó mà tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý lắm.

– Như vậy là lúc nào tổ chức được thì ta sẽ tổ chức vậy, *Tổng Thống Thiệu nói.*

Các anh bảo tôi hãy tuyên bố là tôi sẽ không ra tranh cử Tổng Thống một nhiệm kỳ nữa. Bên Âu Châu hay ở Hoa Kỳ thì được . ông Johnson đã ngồi ở ghế Tổng Thống của ông cho đến hết nhiệm kỳ. Ở Việt Nam, nếu hôm nay tôi tuyên bố là tôi không ra tranh cử nữa, thì các anh sẽ biết chuyện gì sẽ xảy ra không ? Ngay ngày mai là không còn ai làm việc nữa, không còn ai tuân lệnh tôi nữa. Tôi không còn bảo tướng Bình (Chỉ huy trưởng cảnh sát) là phải giải tán đám biểu tình nào được nữa. Sẽ có một sự vô trật tự khắp nơi. Còn tệ hơn là tôi đi nữa đó.

Một hội đồng tướng lãnh hả? Tại sao ? Tướng Kỳ đã có nói rồi, các anh lại đề nghị như vậy nữa. Tất cả các anh muốn gì đây ? Về vấn đề quân sự thì chúng ta đã có Bộ Tổng Tham Mưu Liên Quân là đủ rồi. Thêm một hội đồng tướng lãnh nữa chỉ làm phức tạp thêm tất cả. Chuyện này làm tôi nhớ lại hội đồng tướng lãnh hồi năm 1964 và 65, với những cuộc đảo chánh liên hồi. Đừng nói chuyện đó với tôi nữa. Cứ để cho ông Tổng Tham Mưu trưởng làm việc. Cho tới giờ này ông ấy làm việc tốt lắm rồi.

Tổng Thống Thiệu ít khi khen vị Tổng Tham mưu trưởng của ông lắm. Còn Chánh Phủ dân sự thì sao ? Tổng Thống nói:

– Chánh Phủ đã có đầy đủ quyền hành. Chánh Phủ không biết xử dụng đó thôi, không có những biện pháp xét thấy cần thiết phải có.

Thủ tướng không nói lớn tiếng trước Tổng Thống nhưng lần này ông buông ra một câu :

– ” Thừa Tổng Thống , chúng ta đã mất 14 tỉnh rồi. Ở các nơi khác thì không một Chánh Phủ nào được tồn tại với một biên cố lớn như thế. Không có một hình phạt nào đối với Chánh Phủ cũng như đối với Bộ Tham Mưu. Tôi muốn đứng ra gánh hết tội ...”

Tổng Thống Thiệu nói không do dự:

– ” Anh muốn từ chức ? Tôi chấp thuận... Tôi sẽ tuyên bố chuyện đó chiều nay trong bài diễn văn truyền hình . Tôi sẽ nói gì đây ? Tôi sẽ không giải thích là Anh không thể thành lập một Chánh Phủ mới được ...”

Tướng Khiêm cười, Tổng Thống Thiệu nói lại:

– ” Xét kỹ lại tại sao ta phải nói lý do ? Tôi sẽ thông báo tên của người kế vị Anh, nếu không thì người ta đâm ra suy luận. Ở đất nước này cái gì họ cũng suy luận được hết. Bây giờ chúng ta hãy xem coi là ai sẽ thay thế Anh được đây ...

Tổng Thống Thiệu lấy ra một bản danh sách các nhân sĩ, dĩ nhiên do tướng Khiêm đã lựa chọn.

– Trước hết có Bác sĩ Trần văn Đỗ. Ông ta chắc chắn sẽ nhận ngay. Tướng Kỳ sẽ bằng lòng lắm đây, bởi vì anh ta muốn thay vào chỗ của tôi lắm.. Và khi ông Đỗ trở thành Thủ Tướng thì ông ta sẽ giúp đỡ ứng cử viên Kỳ trong cuộc bầu cử sắp tới. Họ liên kết với nhau lắm. Không, không có ông Đỗ.

Tổng Thống Thiệu biết rõ là tướng Kỳ và Linh mục Thanh thường họp ở Câu lạc bộ sĩ quan Không Quân trong vòng 10 ngày nay. Họ đòi hỏi một Chánh Phủ quốc gia cứu quốc.. Rất khéo léo, ông ta không đứng tên vào ủy ban được thành lập trong dịp này, mà chỉ lo việc liên lạc với các chánh trị gia mà thôi.

– Còn Giáo sư Huy thì sao ? *Tổng Thống lên tiếng hỏi.* Ông ta là một lý thuyết gia giỏi nhưng không có kinh nghiệm. Ông chưa từng giữ một Bộ nào thì không thể là một Thủ Tướng khá được

Ông Lắm (Chủ Tịch Thượng Viện) được không ? Ông này làm việc được lắm đó, nhưng trong chuyến du hành sang Hoa Kỳ vừa rồi, người Mỹ đã có nói nhỏ với ông ta điều gì đó. Khi về đến nhà, ông đã làm cách nào đó mà Thượng Viện đã chấp thuận một nghị quyết bất tín nhiệm tôi. Có thể chức vụ Thủ Tướng sẽ dọn đường cho ông ta ra tranh cử Tổng Thống kỳ này. Tôi không có đại gì đâu.. Còn lại ông Cần, Được lắm, Ông này thanh liêm, lại có kinh nghiệm, đã điều hành Hạ Viện trong 2 năm, một nhiệm vụ không dễ dàng đâu. Và ông đã được huấn luyện nhiều về hành chánh trong nhiệm vụ tỉnh trưởng. Để tôi đi gọi ông ta.”

Tổng Thống Thiệu bước qua phòng bên cạnh và lúc trở lại ông tươi cười nói :

– Ông Cần rất kinh ngạc, thật sự ! Ông sẽ tới ngay.

Một lát sau, sĩ quan tùy viên bước vào thông báo :

-” Có Chủ Tịch Hạ Viện tới”

Ngay chiều hôm đó, Tổng Thống Thiệu thông báo bổ nhiệm tân Thủ Tướng ông Nguyễn bá Cần, một nhân vật không ai ngờ tới, một nhân vật vô danh.

Cũng trong tuyên bố được trực tiếp truyền thanh truyền hình này, Tổng Thống Thiệu “hứa sẽ “tái chiếm lại các tỉnh đã mất về tay Bắc Việt” . Không bao giờ ông chấp nhận một Chánh Phủ Liên Hiệp với cộng sản . Chỉ có một giải pháp duy nhất để có được hòa bình: đó là tổng tuyển cử theo đúng Hiệp Định Paris 1973. Các thất bại quân sự trong những tuần lễ vừa qua là do tinh thần chủ bại trong quân đội, có sự không trung thành của binh sĩ người thượng, do âm mưu phá hoại của bọn nằm vùng cộng sản và do các buổi phát thanh của đài BBC và VOA. Và nhất là do Hoa Kỳ vì họ không thi hành những cam kết của họ”

Đúng hai giờ 15 phút sau phiên họp giữa Tổng Thống Thiệu và Thủ Tướng Khiêm, một biến cố nghiêm trọng đã làm cho việc cải tổ nội các phải bị lùi lại ở hành thứ yếu.

Một trong những bức thư chánh thức cuối cùng mà tướng Khiêm nhận được trong cương vị Thủ Tướng là một bức thư của Bác sĩ Phan quang Đán, một trong những vị Phụ Tá của Thủ Tướng đặc trách về Y tế. Nội dung bức thư như sau :

Đề tài: Cuộc di tản của 1400 trẻ mồ côi sang Hoa Kỳ

Kính thưa Thủ Tướng,

Ở Sài Gòn hiện có 1400 trẻ mồ côi, được các tổ chức từ thiện quốc tế bảo trợ. Các trẻ này đang đợi để được đưa sang ngoại quốc, nơi đó sẽ có các cha mẹ nuôi sẵn sàng nhận nuôi chúng. Tổng trưởng Y tế và Ủy Ban Quốc Tế Cứu Người muốn giải quyết ngay vấn đề này để còn lo cho một số vấn đề khác quan trọng hơn. Hơn thế nữa, vấn đề di tản các trẻ mồ côi sẽ gây ra một xúc động lớn trên thế giới, nhất là ở Hoa Kỳ và là một hành động từ thiện rất tốt cho Việt Nam Cộng Hòa .

Hiện giờ hai chiếc phi cơ Boeing 727 của hàng không World Airways đang sẵn sàng. Ông Daly, chủ tịch của công ty hàng không này là một người có tiếng tăm trong giới chánh trị . Ông có lưu ý chúng ta là cuộc di tản của trẻ mồ côi này và hàng triệu dân chúng đã bỏ chạy khỏi những vùng bị cộng sản đánh chiếm sẽ là một sự tuyên truyền (cổ xúy) rất thuận lợi cho Việt Nam , nhất là khi được các đài truyền hình và báo chí Hoa Kỳ khai thác về chiều sâu.

Do vậy, tôi trân trọng xin Thủ Tướng chấp nhận đề nghị này”

Trên phương diện pháp lý, không một vị thành niên, một trẻ em hay một hài nhi Việt Nam nào được quyền rời khỏi đất nước mà không có chiếu khán xuất ngoại. Do đó cần phải có một quyết định tập thể và đặc biệt cho nhóm trẻ mồ côi . Nán lòng vì sáng kiến của ông Daly đề nghị, Đại sứ Martin sắp xếp để đưa tới một chiếc phi cơ Galaxy, chiếc C-5 A của quân lực Hoa Kỳ, một loại phi cơ vận tải lớn nhất thế giới. Chiếc Galaxy này khi đến Tân sơn Nhứt sẽ đổ xuống một số vũ khí và đạn dược.

Tại phi trường Tân sơn Nhứt, trên những chiếc xe buýt quá nóng, 243 trẻ mồ côi trong đó có một số bị tật nguyền, đang ngồi chờ quyết định chánh thức cho phép chúng ra đi. Các chức trách đều nghĩ rằng bức thư của Bác sĩ Phan quang Đán gửi cho Thủ tướng có giá trị như là một chiếu khán tập thể. Báo chí được gọi tới. người ta bốc vũ khí đạn dược xuống, và cho các em lên phi cơ : đẹp quá ! Một đề tài quá tốt cho báo chí: đúng là một cuộc hành quân di tản để bốc trẻ mồ côi ! Đại sứ Martin còn cẩn thận cho đi theo nhóm trẻ mồ côi này nhân viên y tế Hoa Kỳ và những bà vợ của các viên chức Tòa Đại sứ nữa. Để đưa các gia đình đi một cách kín đáo, người ta tìm mọi lý do như bệnh, đi phép v.v.. và như thế là có hơn 60 người nữa đã lên thêm trên chiếc Galaxy. Một trăm sáu chục em chiếm hết tầng trên của phi cơ cứ từng hai đứa một nịch vào một ghế ngồi. Còn các em khác thì ngồi chen chúc nhau dưới khoang hành

lý, trùm kín trong mền. Phi cơ chưa cất cánh nên nóng quá làm mấy đứa nhỏ khóc lên. Các người có phận sự đi theo trông chừng các em tháo vác lảng xãng đồ đạc. Các máy quây phim tha hồ mà làm việc, quay gần quay xa đủ các góc cạnh. Phi cơ cất cánh lên nặng nề. Mười phút sau người ta nghe một tiếng nổ lớn. Một nhân viên phi hành đoàn cho biết là các cánh cửa sau bị rớt ra khỏi phi cơ. Chiếc Galaxy mất cao độ bay thấp xuống, lượn một vòng trên mặt biển. Các ống thở dưỡng khí từ trên trần rơi xuống, nhưng làm sao đủ cho các đứa trẻ? Hơn nữa làm sao các em bé hài nhi biết tự xử dụng được? Phi trường gần nhất lúc đó là phi trường Vũng Tàu, nhưng phi cơ trở về Sài Gòn và rớt xuống một miếng ruộng.. Các bờ đê cứng như xi măng đã bóc đi gần nửa chiếc phi cơ. Một chiếc trực thăng đang bay trên vùng phi trường đã báo động sự việc cho căn cứ. Các trực thăng khác bay ngay lại nơi xảy ra tai nạn. Một số trẻ bị hất tung xuống bùn. Người ta tìm lại được trên sáu mươi, còn thì đều bị tử nạn hết.

Tại Tân Sơn Nhất, ông Jim Eckes, giám đốc hàng không Continental Air Services hỏi anh phi công phụ của chiếc Galaxy:

– “Tại sao các anh không đáp xuống Cap Saint Jacques ở Vũng Tàu?”

– Vũng gì? người phi công đáp lại

Nhiều bà y tá chuyển tay nhau các đứa trẻ đầy bùn sinh, rửa sạch cho chúng nó:

– Đứa này chết nè, đứa này sống.. Còn đứa này..?

Đại sứ Martin điện thoại cho Eckes:

– Jim, anh thử xem đã có bao nhiêu người trên chiếc Galaxy?

Ông Eckes đã chạy khắp các văn phòng dân sự và quân sự, tìm danh sách. Không có danh sách nào giống danh sách nào. Vì vào giờ chót người ta còn cho một số những người đi theo trẻ mồ côi mà tên tuổi thì không thấy ghi... Ông ta gọi ông Martin:

– ” Tôi không thể cung cấp cho ông một danh sách nào được cả”

Văn phòng của Eckes nằm ngay trong phi trường, gần Câu lạc bộ hàng không Pháp. Cũng như các chuyên viên khác, ông tự hỏi.

“Tại sao phi hành đoàn của chiếc Galaxy không biết là có một phi trường ở Vũng Tàu? Tại sao phi công trưởng lại chấp nhận chở các trẻ em này trong những điều kiện quá xấu như thế? Tại sao người ta không cho một phi cơ Boeing của Hàng Không Pan Am đến Sài Gòn để đảm trách việc chuyên chở này?. Trong khi một chiếc 707 đang sẵn sàng với trang bị hoàn toàn tốt đang chờ đợi ở Guam với phi hành đoàn và các tiếp viên tự nguyện?”

Phải chăng “chiến dịch bóc trẻ” này có một đường hướng tượng trưng, nếu được thực hiện bằng các chuyến bay quân sự như chiếc Galaxy này? Qua tin tức được chiếu trên các hệ thống truyền hình trên khắp Hoa Kỳ, người Mỹ được thấy một cảnh tượng đau lòng. Sau đó họ cũng thấy được Tổng Thống Ford đã có mặt ở phi trường San Francisco để tiếp đón những đứa trẻ mồ côi khác khi các chuyến bay đem chúng đến Hoa Kỳ. Thật hết sức là khó chịu khi ông Ford tiếp nhận đứa trẻ do chuyến bay đầu tiên thuộc “chiến dịch bóc trẻ” mang đến.

Tại Sài Gòn một người Việt Nam đã nói với người Mỹ bằng một giọng chua chát, thất vọng hay

trách

– Các trẻ em đó hả, Thật là một kỷ niệm tốt, Cũng giống như các “con voi sành sứ” mà các anh thích vậy. Rất tiếc là có nhiều con bị gãy bể. Các anh đừng lo, còn các con khác nữa không sao!”

Tướng Khiêm họp Hội đồng Nội các lần chót. Sau đó ông đến dinh Độc Lập để dùng cơm với Tổng Thống và một số đông quan khách được mời. Tổng Thống Thiệu có vẻ thoải mái, vui nữa là khác!

Ông già Hương, Phó Tổng Thống nóng giận:

– “Phải treo cổ những anh đại tá hay tướng lĩnh nào đã bỏ nhiệm sở trong thời gian mấy tuần qua “

Tổng Thống Thiệu trả lời một cách lạnh lùng,

– Ngay như họ đào ngũ, chúng ta cũng không thể xử họ như vậy được . Mình còn phải điều tra, và đưa họ ra tòa án xử họ chứ “

Bác sĩ Nguyễn lưu Viên đề nghị là mình phải công khai hóa dự tính của Chánh Phủ trừng phạt những người có trách nhiệm trong các cuộc lui quân liên tiếp đó. Có thể lập một tiểu ban có sự tham gia của các nghị sĩ và dân biểu của những tỉnh bị mất.

Tổng Thống Thiệu có một phản ứng của một quân nhân không thích thấy những người dân sự chen vào công việc của quân đội , nên ông trả lời :

– ” Đó là bài toán của Bộ Tổng Tham Muu. Họ đang tiến hành một cuộc điều tra...

Thật ra đã có nhiều cuộc điều tra đang được tiến hành, nhưng các cuộc điều tra này đều nhắm vào các sự mất mát hơn là tìm ra những người có trách nhiệm hay có tội trong sự sụp đổ này.

Bữa cơm kết thúc. Một vài quan khách đi theo Tổng Thống . Ngoài hiên của tầng dưới ,trước một lá quốc kỳ Việt Nam màu vàng với ba sọc đỏ Tổng Thống Thiệu dừng lại, chỉ vào lá quốc kỳ:

– ” Các ông thấy không ? Tất cả đều được viết lên đây. Tôi không biết người nào đó đã có ý để ba sọc đỏ vào lá quốc kỳ. Có lẽ ta sẽ phải có 3 nước Việt Nam .

Khi nói điều này, tướng Thiệu chắc không nghĩ đến “Ba Kỳ” là Nam, Trung, Bắc

Chương 14 Màng chi một cây kim, một sợi chỉ ?

– “Chưa có lệnh của tôi thì không có ai được đi tản đi đâu hết !”

Đó là lời ông Graham Martin nói với ông Jim Eckes.

Mặc dầu đã có chỉ thị như thế của ông Đại sứ Martin, đã có hàng chục đường dây hoạt động tấp nập, do một số quân nhân hay dân chính Hoa Kỳ tổ chức. Một số người ước tính rằng, với lý do là tránh sự hoảng loạn, Đại sứ từ chối không gánh lấy trách nhiệm.

Đứng cạnh các kho của công ty dịch vụ Continental Air Services, ông Eckes nhìn thấy một xe vận tải nhỏ màu đen đang muốn băng ngang qua khu đất của công ty. Nhìn là biết ngay đó là xe của cơ quan CIA. Ông Eckes chặn xe này lại. Ngồi ở băng trước là một đại úy Không Quân Mỹ, mạnh dạn nói:

– “ Tôi có giấy phép muốn đi đâu cũng được “.

– “ Nhưng hình như ông đang đi vào nhà kho của tôi .” Ông Eckes nói.

Hai người cãi nhau, ông Eckes lấy tên của đại úy này. Rồi ông theo dõi, thấy xe chạy đến một phi cơ C-130 đậu ở gần một phi đạo. Một số khoảng hai chục phụ nữ, ăn diện đúng cách , cho thấy không thể xuất thân từ Nhà Dòng , nhảy xuống xe và lên hết trên chiếc C-130 đó.

Được báo cho biết sự việc, ông Martin trách vị tùy viên Không quân của ông. Ông này trước thì chối. nhưng người ta đưa ra bằng chứng. Và người tùy viên này được chánh thức cho rời khỏi Việt Nam, theo lời yêu cầu của ông đại sứ.

Ông Alexandre Casella, một công dân Thụy S, vừa công chức của LHQ vừa nhà báo, là Cố vấn của Cao Ủy Ty Nạn LHQ (UNHCR) ở thủ đô Bắc Việt .

Hà Nội có vẻ yên tĩnh, gần như điều hui.

Dù ở trong Nam hay ở ngoài Bắc, Cao Ủy Ty Nạn LHQ vẫn lo giúp dân chúng sống rải rác trở về làng mạc của họ. Họ mua các máy cày của Liên Xô, vải sô của Trung Quốc và trao hết cho người dân Việt Nam . Họ đã có sẵn một mục tiêu: sẵn sàng giúp đỡ tất cả những người dân tỵ nạn nếu Miền Nam sụp đổ. Ông Casella lo về phân bón, gà và những xe chuyên chở hai bánh loại nhỏ để có thể giúp các nông dân gầy lại sự nghiệp của họ.

Tại Hà Nội, ông Casella thường lui tới với nhân viên của Bộ Ngoại Giao và Bộ Canh Nông, và đại diện của CPLTCHMN. Không ai dự đoán trước được gì cả, nhưng Casella để ý tới một biểu ngữ được dán trên tường ở khắp thủ đô: “nước Việt Nam là lương tâm của nhân loại”. Đây là câu nói của Sartre. Casella không bao giờ gặp được ông Trần đức Thảo ở Hà Nội , ông này là một thầy giáo, một nhà triết học, một hiện tượng của Mác Lê mà các du khách người Pháp muốn gặp lắm nhưng chánh quyền, nhất là Thủ Tướng đều tìm cách từ chối khéo: “nhà hiền triết hôm nay ốm, hay ông ở quá xa, đường xá bị hư vì lụt ngập không thể đi đến nhà ông được, mà ông này lại không có xe đạp v.v.. các ông sẽ gặp ông ta vào một dịp khác, hay trong chuyến tới....”

Tại khách sạn Thống Nhất, một phóng viên người Liên Xô của tờ Pravda nói với đại diện của Cao Ủy Ty Nạn LHQ:

-“Các người Việt Nam ở đây điên hết rồi. Họ đang khiêu khích người Hoa Kỳ đó. người Mỹ sẽ trách cứ chúng tôi , họ sẽ đổ lỗi cho chúng tôi là đã xúi dục người Việt Nam !”

Không biết cái ông Liên Xô này muốn dờ trò gì đây? thành thật hay đang phản thông tin một cách quá sơ đẳng đây ?

Không khi chánh trị ở Sài Gòn đang sôi sục. Ông Thủ tướng vừa được chỉ định, không ai có ấn tượng tốt với ông hết. Ông đang bỏ ra 10 ngày để thành lập nội các. Trong 10 ngày đó Miền Nam Việt Nam chỉ có Tổng Thống chớ không có Thủ tướng. Trong khoảng trống chánh trị đó, các tay đôi lập, những nhà chánh trị già dặn được các trường Pháp đào tạo hoặc mới bị ảnh hưởng của Hoa Kỳ gần đây, sẽ gặp nhau để bàn cãi với nhau về những dự án gần như bất khả thi ngay cả trong thời bình . Họ thành lập ban này ban nọ, mưu tính đủ thứ nhưng không có khả năng lập một hạt nhân cho một liên hiệp. Hãy lấy thử hai chánh trị gia Miền Nam thôi, và chúng ta đã thấy là đã có đến 3 ý kiến mâu thuẫn khác với nhau, chống đối nhau công khai rồi ! Bây giờ ta hãy lấy 100 người có trách nhiệm ở Miền Bắc, và chánh thức họ chỉ sẽ có một ý kiến, đó là đường lối của đảng !

Đôi lập của Tổng Thống Thiệu, dù họ có muốn thành lập một lực lượng thứ ba hay không thì họ cũng là một nhóm người mà Tướng Dương văn Minh là đầu não. Dĩ nhiên là họ thuộc thành phần tư sản hay tiểu tư sản của các đô thị. Vào giờ phút này Miền Nam Việt Nam còn có bao nhiêu đô thị đâu ? Sài Gòn và Tây Ninh thì đang bị Bắc Việt uy hiếp, Cần Thơ, và Mỹ Tho... Lực lượng đôi lập chỉ thấy có một số nhóm nhỏ không có ảnh hưởng gì nhiều ở các tỉnh. Có một vài đảng mới đang nộp đơn xin thành lập trong những ngày gần đây.

Trong số những người đôi lập với Tổng Thống Thiệu, thì những tín đồ công giáo là những người thật sự chống cộng, lại nghi ngờ lực lượng thứ ba. Theo họ nghĩ thì lực lượng thứ ba đang về hòa chơi với cộng sản. Từ lúc Đức Tổng Giám Mục Địa phận Sài Gòn ngỏ ý muốn Tổng Thống Thiệu ra đi, thì tín đồ công giáo có một số ngã về phía đôi lập. Nhưng hầu hết các tín đồ Phật Giáo không thích chánh trị đều rất là cẩn thận, chờ... Các phần tử đôi lập hăng say khác thì quy tụ ở chùa Ấn Quang chung quanh thầy Thích Trí Quang. Một vị sư khác, thầy Thích Tâm Châu, trước thì ủng hộ tướng Thiệu, nhưng bây giờ cũng muốn Tổng Thống ra đi. Linh mục Thanh, người lập ra phong trào chống tham nhũng thì lúc nào cũng nặng lời chỉ trích, nhưng ông không ngã theo nhóm Dương văn Minh; Lực lượng thứ ba không làm cho Tổng Thống Thiệu e ngại, nhưng một số thành viên như nghị sĩ Vũ văn Mẫu ít ra cũng làm cho Tổng Thống bực tức.

Dưới nhãn quan của Tổng Thống Thiệu thì nhân vật đôi lập nguy hiểm nhất và có thể lực nhất là cựu Tư Lệnh Không Quân Việt Nam , đã từng là Phó Tổng Thống và Thủ Tướng của Thiệu, là thiếu tướng Không Quân Nguyễn cao Kỳ. Đó mới là một đối thủ quan trọng.

Tướng Kỳ ở ngay căn cứ Tân sơn Nhứt. Nơi đây ông có một biệt thự gần Trung Tâm Hành Quân của Không Quân. Mỗi ngày đều có các phi công đến chơi với ông, uống một ly rượu với ông. Ông ta giữ tất cả liên lạc với các tướng lãnh và chánh trị gia người Bắc, sinh quán ở Bắc Việt . Hình như tướng Kỳ rất dè dặt thận trọng trong ý định đảo chánh. Từ tháng giêng, ông ta hơi khó chịu. Trong lúc Bắc Việt tấn chiếm Ban mê Thuật thì ông đang ở trong một đồn điền thử nghiệm của ông ở gần đó. Không làm gì hết sau một thời oanh liệt trong quá khứ, ông vẫn có một trục thẳng riêng cho mình. Ông đã đến gặp tướng Phú ở Nha Trang, ông đã đi gặp tướng Viên ở Sài Gòn . Sặc sỡ như một tài tử ci nê, ông đã nói thẳng với Tổng Tham Mưu Trưởng rằng :

– “Giao cho tôi 20 chiến xa M.48, 2 tiểu đoàn Thủy Quân Lục Chiến hay Biệt động quân, với sự yểm trợ của pháo binh và Không quân, tôi sẽ đích thân giải tỏa Ban mê Thuật cho”

Tướng Viên không thể tự mình quyết định được nên điện thoại cho Tổng Thống Thiệu. Ông này gọi lời khen tướng Kỳ và nói thêm là:

– “Tôi sẽ xem lại việc đó nhưng tôi nghĩ là tôi cần phải bàn lại với các cố vấn của tôi đã “. Một sự hợp tác và một sự đối đầu lẫn nhau về mục đích đã cột hai tướng Thiệu và Kỳ lại với nhau. Tướng Kỳ đã làm việc với tướng Thiệu. Ham hoạt động, can đảm, nhưng đôi khi hơi bướng một chút, (người ta không quên là tướng Kỳ đã có lúc đòi phải có một Hitler cho Việt Nam), tướng Kỳ cũng không tin tưởng người ngoại quốc còn hơn tướng Thiệu nữa, trong lúc người vợ trước của ông là người Pháp. Ông được đào tạo ở Pháp và ở Maroc, nên ông có một tinh thần chống Mỹ giống như kiểu De Gaulle hay cộng sản vậy, và ghét cả người Mỹ lẫn tính kiêu căng phách lối của họ khi họ thật sự hay giả vờ gạt bỏ ý định đem chiến tranh ra đất Bắc của mình.

Đối với các tướng lãnh nổi bật trong Đệ Nhị Thế chiến, tướng Kỳ thích nghe người ta đánh giá ông ta là một người có khả năng nhất về quân sự, và một người khôn lanh nhất về chính trị. Ông Thiệu có riêng cả một danh sách đủ mọi thành phần trong xã hội Việt Nam. Trước tiên là tên của tướng Kỳ đứng đầu trong đẳng cấp quân nhân. Ông Thiệu tin dị đoán, còn tướng Kỳ thì không.

Tướng Kỳ được cho nghỉ hưu và ông cho như thế là khôn ngoan. Diễn viên không còn có khán giả nữa rồi. Ông không còn mặc bộ đồ lễ trắng sắc sảo đã từng chọc cười các ký giả ngoại quốc nữa, nhưng cũng từng lôi cuốn được nhiều cử tri lăm lăm trong các cuộc vận động ứng cử của ông.

Liên hệ gia đình là điều rất cần thiết để gắn bó hai người Việt Nam, như là các sự liên kết chính trị và quân sự hay sự kết hợp giữa giữa quân nhân và chính trị gia với nhau thường được thiết lập từ các mối liên hệ của gia đình. Trong hiện tại, những người đang có một vai trò ở Sài Gòn, hay muốn có được một vai trò nào đó, nhất định phải có một sự hợp tác với nhau trong quá khứ, hay trong một toan tính chung lúc nào đó để kết hợp họ lại với nhau, mặc dầu vẫn có sự nghi kỵ hay hiềm khích lẫn nhau. Tướng Thiệu và tướng Kỳ, tướng Khiêm và tướng Đôn, tướng Minh và một số người khác... tất cả đều đã từng hợp tác với nhau trong việc lật đổ ông Diệm 12 năm trước. Những người này vẫn nắm tay nhau. Hồi năm 1963, có đủ thông minh nhưng chưa có đủ hiểu biết, tướng Kỳ được tướng Minh giao cho chức vụ Tư Lệnh Không Quân. Nóng nảy, bực mình vì đang bị đứng ngoài rìa của thời cuộc, đôi khi tướng Kỳ nghĩ rằng các tướng lãnh làm chính trị nhiều quá. Nhưng trong thâm tâm ông nghĩ rằng làm một cuộc đảo chánh cũng là làm cách mạng đấy.

Vào những ngày đầu tháng 4/75, ông ước tính là muốn có được một cuộc kết hợp chính trị nào đó, trước hết là phải thắng trận giặc này hay phải ổn định được trận tuyến đã. Nhưng ông chỉ vồn vện có một số vốn: đó là tinh thần chống đối người Mỹ. Trong thời gian gần đây, khi được tin xác nhận là ông Thiệu phải ra đi, thì ông thăm dò anh em quân nhân. Tổng Thống Thiệu biết mà không sao ngăn chặn được. Các sự liên lạc giữa những quân nhân trong cuộc đảo chánh 1963 đều dùng mật ngữ. Tổng Thống Thiệu cảnh giác tướng Kỳ bằng hành động bắt giam một vài người thân cận của ông này trong Không Quân, vài sĩ quan cấp tá và ông Nguyễn thiện Nhơn, dân sự. Ông cũng bắt hay cho theo dõi một vài nhân vật như Huỳnh thành Vị, Chủ Tịch Hội các nhà báo, và cả ông Nguyễn văn Ngân, một cố vấn của Phủ Tổng Thống và đảng viên đảng Dân Chủ của ông. Không có một cuộc nắm lại tình hình nào mà không có

sự thanh lọc hàng ngũ, không có sự thanh lọc nào mà không có những sự bắt bớ tù đày. Tại Bộ Nội Vụ, người ta giải thích về những chuyện bắt bớ này rằng :

– “Có một số phần tử xấu đã lợi dụng tình trạng tranh tối tranh sáng để nhảy ra xúi dục dân chúng, gây mất trật tự ở hậu phương, hỗ trợ cho một mưu toan đảo chánh quân sự để thỏa mãn tham vọng cá nhân. Các phần tử này đã bị cơ quan an ninh bắt giữ. Cuộc điều tra đang được tiến hành.”

Hơn thế nữa, bản tuyên bố này đã tiết lộ ý định của một cuộc lật đổ chánh quyền . Tướng Kỳ không sao tiến tới theo dự tính của ông được nữa. Các tướng tá bạn bè của ông cũng chạy luôn. Ngoài ra ông cũng nghĩ thấy là người Mỹ không ủng hộ việc này. Có quá nhiều nhân viên tình báo khắp nơi, việc gì người ta cũng biết được hết., có tướng thường hay không cũng vậy. Được bộ phận ở Sài Gòn báo cáo, ông William Colby, giám đốc cơ quan CIA ở Hoa thành Đôn đã cho chỉ thị rõ ràng ngày 6 tháng 4:

– *“Cơ quan không muốn thấy ông Thiệu bị lật đổ. Nếu cơ quan CIA dính vào chuyện gây bất ổn cho ông Thiệu, thì đó là một sự thảm hại cho chế độ và cho quốc gia . Tuy nhiên cũng phải đề phòng trường hợp xấu nhất: là Tổng Thống Thiệu bị thanh toán.”*

Ông Colby còn cho lệnh:

– *“Nếu tình hình diễn tiến quá phức tạp thì công việc của cơ quan là phải giúp khuyến cáo”. Lời dăn dò và gợi gắm của tôi là nếu có gì xảy ra thì chúng ta phải làm đủ mọi cách để Tổng Thống Thiệu và gia đình ông được đưa đi trong một sự an ninh tuyệt đối.”*

Tất cả các Tổng Giám Đốc CIA từ năm 1963 đều bị hình ảnh cái chết của ông Diệm ám ảnh. Tòa Đại sứ Hoa Kỳ đã bật đèn xanh cho hành động gây bất ổn chánh trị này.

Tình hình hiện nay coi như quá trầm trọng, cho dù Hoa Kỳ có muốn vi phạm phần nào Hiệp Định Paris hay có ý định cố vấn trở lại vấn đề quân sự cho Việt Nam . Những sĩ quan thân cận với tướng Homer Smith đã hăng hái đưa ra những kế hoạch để giúp cho Miền Nam Việt Nam tái tổ chức các đơn vị lại. Một sự tranh luận của năm nào được đem ra bàn cãi lại: người Mỹ muốn phối hợp các quân nhân thiện chiến với tân binh. Họ nghĩ là họ có thể tái vũ trang cho 18 tiểu đoàn bộ binh và 3 pháo đội 105 ly từ nay đến 15 tháng 4. Họ in ra những sơ đồ cho ngày 20 tháng 5 và 30 tháng 9. Miền Nam Việt Nam hy vọng thành lập một số tiểu đoàn, trung đoàn, và lữ đoàn hoàn toàn mới. Đại tướng Viên đã trao cho Tùy viên Quân lực Hoa Kỳ một dự án (có tên là KBC 4002) vừa vô vọng vừa không thực tiễn. Trên giấy tờ coi như một sự phát sinh tự nhiên : lữ đoàn 3 Nhảy dù, sư đoàn 22 bộ binh , binh đoàn 7 Biệt Động Quân, các đại đội Quân Cảnh, các tiểu đoàn công binh, và các trạm quân y lưu động. Các nhu cầu được biến thành phương tiện. Tướng Viên bình thân viết : Phải giải thể các đơn vị Nhân Dân Tự Vệ và Địa Phương Quân của Vùng I và Vùng II Chiến Thuật để bù vào quân số đang thiếu của các sư đoàn bộ binh mới thành lập”. Hầu hết các đơn vị này đã bị giải tán từ lâu rồi trong chiến dịch triệt thoái khỏi Kontum và Pleiku và các cuộc tháo chạy từ Huế và Đà Nẵng ! Đơn vị nào chạy thoát được thì cũng đang sống rải rác quanh Sài Gòn với gia đình họ. Tài liệu KBC 4002 ước định là ở cấp tiểu đoàn công tác tái tổ chức phải “hoàn tất trong hai tuần lễ” Thử hỏi quân số thiếu hụt lấy người ở đâu ra ? “Họ sẽ được thay thế sau, hoặc tự tuyển mộ lấy” Các sĩ quan trong Bộ Chỉ Huy Tiếp Vận lên những kế hoạch làm như họ sẽ không cần phương tiện chuyển vận mà vẫn tuyển mộ tân binh một cách bình thường, với thời gian đem họ đi vất vào các tiểu đoàn. Bởi vì mặc cho ai đánh tiếng là có thương lượng, là có điều đình, các sư đoàn Bắc Việt vẫn tiếp tục tiến quân dù đôi lúc cũng phải có dừng quân. “Trong khu vực lãnh đạo quân sự của Miền Nam

Việt Nam hình như người ta đang mơ ngủ” phe đối lập với Chánh Phủ thường hay nghĩ như vậy..

Bộ Tổng Tham Mưu phải trả giá quá đắt hai chục năm sai lầm tai hại của họ cũng như của đồng minh Hoa Kỳ . Tướng Viên thường có thói quen chấp nhận những kế hoạch do người Mỹ soạn thảo. Bây giờ thì đã quá muộn để mà thay đổi.

Phải chăng binh sĩ của Miền Nam Việt Nam thiếu cái mà Clausewitz gọi là “đức tính chiến đấu” ? Chắc chắn là không phải như vậy. Từ năm 1960 đến năm 1974 đã có 250.000 binh sĩ Miền Nam tử trận và hầu hết đều không ai bị trúng đạn từ sau lưng. Báo chí quốc tế thường nhấn mạnh đến các chiến thắng của họ hơn là những tội xấu hay những cuộc tháo chạy trước quân thù. Clausewitz gọi đó là “đức tánh chiến đấu”, khác với lòng can đảm và sự hăng say chiến đấu vì lý tưởng của cuộc chiến.. Đúng thế, tánh can trường là một điều cần thiết, nhưng ngay như sự gan dạ đó là một đức tính sẵn có của con người , thì đối với một chiến binh là thành viên của quân đội có thể do vì thói quen và sự tập luyện mà có được , thì tánh can trường này phải hướng người chiến binh vào một hướng đi khác hơn với một người thường, không còn theo bản tánh cá nhân tự lập hay làm theo ý riêng của mình nữa mà phải có thêm sự phục tùng, trật tự, kỷ luật, và phương pháp hành sự. Còn “hăng say phục vụ cho lý tưởng” chỉ nuôi dưỡng ngọn lửa chiến đấu của một quân đội, nhưng không phải là một yếu tố cần thiết.”

Các bộ đội của Miền Bắc và các binh sĩ của Miền Nam phần lớn đều là nông dân. Nhìn chung thì tinh thần của họ rất khác biệt nhau. Các binh sĩ Miền Nam đều biết đại khái là họ chiến đấu chống ai ? và chống cái gì ? nhưng ít khi được biết chiến đấu cho ai ? cho cái gì ? Còn cán binh Bắc Việt thì bị nhồi sọ; ngay như tất cả không được biết thế nào là cái tốt cái đẹp của một xã hội xã hội chủ nghĩa , thì ít nhất tất cả đều tin là giải phóng đất nước là một điều cần thiết.

Người cộng sản biết khai thác vấn đề bài ngoại một cách tự nhiên âm thầm, căn cứ trên một chuyện có thực: Phải đánh đuổi bọn quý dữ ngoại quốc. Các cán binh Bắc Việt và Việt Cộng đều tin tưởng cấp chỉ huy của họ, bất cứ ở cấp nào cũng vậy, thấp nhất từ dưới chi bộ tam tam chế là phần căn bản của kim tự tháp quân sự cho đến cấp cao nhất trên đỉnh tháp. Còn ở Miền Nam Việt Nam thì không có vậy. Binh sĩ biết rất rõ về sự lạm quyền trong vấn đề thăng thưởng.

Ở Miền Bắc thì các tướng lãnh không bao giờ cho thấy là họ nghi ngờ về đường lối của cuộc chiến hoặc nghi ngờ lẫn nhau. Họ giữ kín sự hiềm khích hay sự ganh đua giữa họ với nhau. Chuyện không bao giờ có ở Miền Nam . Cho tới phủ Tổng Thống – ông Thiệu là tổng tư lệnh – các cuộc bất đồng đụng chạm xảy ra công khai. Từ tháng giêng tới nay, có bao nhiêu binh sĩ đã tự hỏi xem Tổng Thống và Thủ tướng của họ có thỏa thuận được với nhau điều gì chưa ? Không nói tới Tổng Tham Mưu trưởng. Khủng khoản ở lãnh đạo cấp cao xem chừng như rất trầm trọng.

Ở Bắc Việt sự chuyên chế hoàn toàn của chế độ là yếu tố tăng cường cho kỷ luật nội bộ.

Từ năm 1965 đến 1973, các tướng tá ở Miền Nam trong tất cả mọi cuộc hành quân từ nhỏ tới lớn, từ việc đi tuần tiêu, đi mở đường, nằm đường, đến các cuộc hành quân tìm và diệt địch, chạm súng , chiều ngang hay chiều sâu, nhảy dù hay trực thăng vận v.v.. tất cả đều có nhu cầu được hỏa lực pháo binh, trực thăng võ trang hay oanh tạc cơ yểm trợ tối đa, nếu không được các pháo đài bay B.52 từ Thái Lan, đảo Guam hay từ Phi luật Tân qua trải thảm trước Họ quá tùy thuộc và còn đang tùy thuộc vào hỏa lực yểm trợ của phi pháo và không trợ. Họ không nghĩ là người ta vẫn có thể chiến đấu mà không có một sự yểm trợ nào như vậy hết. Cán binh Bắc Việt vào chiến đấu đâu ở Miền Nam không hề có được một không trợ nào .

Quen theo những cách suy nghĩ, hay không cần suy nghĩ cũng thế, với một thói quen là cứ áp dụng đúng từng chữ những kế hoạch tấn công hay phòng thủ đã được các sĩ quan Hoa Kỳ soạn sẵn – sau khi được dịch ra – nên Bộ Tham Mưu Miền Nam Việt Nam không có một sáng kiến nào hết. Đó là điều làm người Do Thái ngạc nhiên khi họ đến quan sát Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Tướng Viên nhìn nhận là Bộ Tổng Tham Mưu chỉ có nhiệm vụ tư vấn mà thôi. Người ta có thể nói là các sĩ quan Miền Nam Việt Nam có 2 mặc cảm tự ty, một là đối với người Mỹ, hai là đối với bộ đội Miền Bắc.

Mặc dầu các con số vẫn có đầy đủ trên giấy tờ, tại sao QLVNCH vào năm 1975, cũng như năm hay mười năm trước có thể thiếu hụt quân số tác chiến đến như vậy ?

Vào thời điểm năm 1975, có thể nào QLVNCH thiếu vũ khí và đạn dược đến mức độ như Tổng Thống Ford, ông Thiệu, ông Viên và những người khác đã đòi hỏi ? Cũng như ông Frank Snepp, một số nhân viên ngoại giao Hoa Kỳ đã không tin như vậy. Sự thật có vẻ hơi phức tạp. Các kho dự trữ rất quan trọng, – bộ đội Bắc Việt lần hồi khám phá ra trên đường tiến quân của họ- nhưng các kho dự trữ này không có gì thích hợp cho cuộc chiến hết. Vào đầu tháng 4 / 75, số lượng cơ phận thay thế (cơ phận rời) cho Thiết giáp và phi cơ thì quá thiếu, trong khi có một trữ lượng vô ích các máy truyền tin rất tối tân và quá đắt. Từ hai năm nay, quân đội bị hạn chế trong việc sử dụng đạn bách kích pháo và pháo binh. Trong các trận đánh lớn hồi năm 1972, pháo binh 105 ly trung bình sử dụng 180 quả đạn trong ngày, và trong 3 tháng nay mỗi ngày chỉ cho phép sử dụng có 10 (mười). Các Bộ chỉ huy đơn vị và các tiểu khu đều muốn giữ chặt đạn dược của họ tồn trữ ở các kho nằm rải rác khắp nơi. Sự phân phát rất là tồi tệ và có quá nhiều sự mất mát. Từ tháng giêng 1975, đây đó quân đội thiếu xăng dầu. Nhưng trong tất cả các thành phố, ở các góc đường, người ta đều thấy bọn trẻ bán xăng của quân đội, một loại xăng màu đỏ rất dễ nhận ra ngay để tránh bị ăn cắp và bán ra ngoài. Và ở khắp nơi, người dân còn có thể mua nhiều vật dụng của quân đội như bình điện của quân xa hay của trực thăng, cơ phận thay thế của quân xa, vỏ ruột xe, mền, mũm màu kaki, áo mưa, giày cao cổ đi rừng, quần áo trận, quần lót, giày và có khi cả nón sắt nữa. Tất cả các thứ này đều thất thoát từ các kho của quân đội hay từ sự đồng lõa của các cấp trong quân đội ..

Tướng Trần Văn Đôn, Tổng trưởng Quốc Phòng, ước tính là có khoản 1/3 tướng lãnh và sĩ quan cao cấp là còn liêm khiết sạch sẽ, một cách nói khéo để cho thấy là 2/3 kia là có tham nhũng và hối lộ. Linh mục Thanh, người đang cầm đầu chiến dịch chống tham nhũng, đoán chắc rằng đã có sĩ quan nhượng mỗi cây súng trường M.16 cho lực lượng bán quân sự Hòa Hảo ở Miền Tây với giá 20.000 đồng. Ít nhất thì vũ khí này cũng còn nằm trong tay của người quốc gia. Từ năm 1973, đã không thấy có báo cáo là các loại vũ khí nhẹ được bán cho Việt Cộng một cách gián tiếp nữa. Binh sĩ của Miền Nam Việt Nam có một số lương quá thấp không đủ sống. Một binh sĩ chỉ được lãnh có 20.000 đồng /tháng, một tướng 3 sao lãnh 5 lần hơn. Do đó họ thường ngả theo cảm dỗ là mưu toan đánh cắp các cơ phận rời để bán lại kiếm thêm tiền. Hình như có cả một hệ thống tổ chức.

Trong tình trạng đó, kỷ luật quân sự và lòng yêu nước chỉ có thể bị giảm đi mà thôi. Đã quá muộn để có thể sửa chữa nếu muốn thay đổi được tình hình, nói cách khác là không thể nào cho các quân xa đã mất chạy được vì tìm không ra xăng dầu !

Những yêu sách của tướng Viên và Bộ Tham Mưu của ông đưa ra xem chừng như rơi vào khoảng không vô vọng.

Đại sứ Martin nghĩ rằng nếu QLVNCH được chấn chỉnh kịp thời thì chẳng những có thể giữ vững chiến tuyến mà còn có thể phản công lại được nữa. Nhưng các sĩ quan Hoa Kỳ của tướng Smith thì tỏ ra rất là bi quan. Đại tá William le Gro, trưởng Phòng Tình Báo, ước tính rằng, nếu

Quốc Hội có chấp thuận một ngân khoản viện trợ bổ túc, thì “mọi việc coi như đã quá muộn rồi”. Ông đã trình bày quan điểm của ông với tướng Weyand . Ngay như các pháo đài bay B.52 dù có tái can thiệp thì cũng không làm chậm được sức tiến quân của Bắc Việt . Họ đang tiến trên các trục lộ lớn, băng qua các thôn xã, các thị trấn, và các thành phố. Nếu Không Quân Chiến Lược can thiệp, thì họ sẽ tàn sát hàng chục ngàn dân chúng Miền Nam . Các pháo đài bay B.52 đã trở thành biểu tượng rồi. Các quân nhân Hoa Kỳ và Miền Nam Việt Nam có kinh nghiệm, đều không quên rằng từ lâu rồi các pháo đài bay này không bao giờ thành công trong việc cắt đứt đường mòn Hồ chí Minh để bẻ gãy con đường tiếp vận của Bắc Việt được .

Cũng giống như tướng Thiệu, quân đội Bắc Việt chiến đấu cả trên ba mặt trận quân sự, chánh trị và ngoại giao, nhưng vẫn vững vàng và mạnh mẽ hơn QLVNCH. Chiến lược Hà Nội rất đơn giản : Phải giành chiến thắng quân sự trước khi gió mùa tới, và đồng thời phải cho người ta có cảm tưởng là Hà Nội vẫn sẵn sàng đàm phán.

Yếu tố ngoại giao dường như quan trọng hơn yếu tố quân sự . Chủ trương trong chiến dịch “tấn công ngoại giao” thực sự đang tiến hành. Đó là phải đặt CPLTCHMN lên hàng đầu. Mặt trận quân sự thì ở Việt Nam nhưng mặt trận ngoại giao thì ở trên toàn thế giới, trước hết là ở ngay Ba Lê, tại Pháp.

Trong những ngày này, khó có thể khẳng định rằng “lực lượng cách mạng” , trên thực tế gồm toàn các sư đoàn Bắc Việt, là công cụ của “hòa bình”. Do đó, đối với đài truyền hình Pháp và trong nhiều bài phỏng vấn báo chí đã soạn sẵn, Bà Nguyễn thị Bình, ngoại trưởng của CPLTCHMN, đã quả quyết rằng “*đối thủ của Sài Gòn (Bắc Việt) hiện đang ở thế” phòng ngự*” :

– “ *Nếu bây giờ mà chúng tôi tấn công Miền Nam Việt Nam (sự thật ít khi được chấp nhận), thì chúng tôi bắt buộc phải ở vào thế vi phạm Hiệp Định Paris, đối với Hoa Kỳ và Chánh Phủ của Tổng Thống Thiệu. Chúng tôi chỉ muốn Hoa Kỳ chấm dứt sự can thiệp của họ vào chuyện nội bộ của Miền Nam Việt Nam mà thôi.* ”

Và như thường lệ, bà vẫn đòi hỏi một Chánh Phủ ” hòa bình, độc lập và dân chủ” v v ... , ở Sài Gòn .

Trong cơ chế dân chủ ở Miền Bắc, người ta áp dụng dân chủ kiểu cộng sản . Ngày 6 tháng 4, “nhân dân” bầu Quốc Hội . Có 529 ứng cử viên cho 499 ghế dân biểu. Gần như chỉ có 2 trường hợp ngoại lệ, còn tất cả các ứng cử viên đều thuộc Mặt Trận Tổ Quốc, nơi tập trung đảng cộng sản, đảng Dân Chủ và đảng Xã hội . Trên lý thuyết thì các ứng cử viên này đều thuộc thành phần trung lưu và trí thức. Phương thức dân chủ dự trù trong Hiệp Định Paris và phương thức “dân chủ tập trung” của Bắc Việt với tính ưu việt tuyệt đối của đảng cộng sản, không bao giờ đi chung với nhau được .

Nhật báo của đảng cộng sản ở Hà Nội đã giải thích tinh thần của cuộc bầu cử đó như sau :

– “ *Mỗi người cử tri phải tỏ thái độ tin yêu và tin nhiệm vào sự lãnh đạo của đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa* “. Chuyện này không bao giờ làm cho người dân ở Miền Nam Việt Nam nói chung và nhất là dân Sài Gòn nói riêng được yên lòng. Nói cách khác, người dân Miền Nam Việt Nam gắn bó với tự do tôn giáo hơn là tự do chánh trị . Được tờ Chính Nghĩa, một nhật báo “Công Giáo Cấp Tiến” ở Hà Nội phỏng vấn, ông Xuân Thủy, một trong các bí thư của đảng cộng sản đã phát biểu là:

– “đảng của những người lao động tôn trọng tự do tín ngưỡng”, nhưng lại nói tiếp là : ”
“*Chúng tôi chống lại sự mê tín dị đoan và những người lợi dụng đạo giáo để làm phương hại đến quyền lợi của dân tộc và của đất nước, làm cản trở sự xây dựng xã hội chủ nghĩa* “

Tại Hà Nội, ngày 15 / 3 chi bộ đặc biệt có nhiệm vụ cho tiến hành chiến dịch “tấn công ngoại giao” đã ấn định đường lối như sau: Các vị đại sứ của Bắc Việt và các đại diện của CPLTCHMN phải nói thẳng thừng rằng chương trình nghị sự bây giờ là một Chánh Phủ Liên Hiệp . Họ phải cho biết luôn là Chánh Phủ Liên Hiệp này sẽ ở ngay Sài Gòn và sẽ có một mức độ độc lập nào đó. Chiến dịch phải được mở rộng và phải hữu hiệu.

Ngày 5 tháng 4, tại Paris, đại sứ Bắc Việt và đại diện CPLTCHMN đã riêng lẻ gặp ông Francois de Laboulaye, giám đốc chánh trị sự vụ ở Quai d’Orsay (Phủ Thủ Tướng Pháp). Nhà ngoại giao Pháp và đại diện CPLTCHMN đã đồng ý là : Phải có một Chánh Phủ Liên Hiệp mà CPLTCHMN là thành phần chủ động. Chánh Phủ Pháp đã coi như ông Thiệu không còn được bao lâu nữa. Họ đã liên lạc với ông Phó Lãnh Sự của họ ở Đà Nẵng và đã cho lệnh ông này nên liên lạc với người của CPLTCHMN. Viện trợ về quân dụng sẽ được trao tay cho họ.

Ông De Laboulaye nói rằng nước Pháp mong sao Chánh Phủ Liên Hiệp sẽ phát triển giống như ở Nam Tư, có được độc lập phần nào, mà không nên hoàn toàn giống như Chánh Phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa ở Bắc Việt .

Xuyên qua sự trao đổi này, chúng ta thấy rõ là đường lối ngoại giao của Pháp từ nhiều năm qua đã dựa trên 4 giả thuyết sau đây :

(1) cộng sản Bắc Việt tiên khởi cũng là những người quốc gia , sau đó mới trở thành cộng sản .

(2) Hà Nội được coi như đại diện cho phong trào “cộng sản quốc gia kiêu Tito” ở Đông Nam Á.

(3) CPLTCHMN là một thực thể riêng biệt, mặc dầu (4) biết hay không biết thì hầu hết các nhân vật quan trọng của Chánh Phủ này đều là cán bộ cộng sản có tuổi đảng cao.

Trong Chánh Phủ này người ta thấy có đủ các thành phần tư bản, trí thức... không thuộc hàng ngũ mác xít hay xã hội, những người công giáo, phật giáo v.v.....

Trong những tuần lễ sau đó, các cuộc tiếp xúc loại này được tiến hành chánh thức hay bán chánh thức khắp nơi ở Hà Nội và cả ở Sài Gòn , ở Stockholm, ở Đông Bá Linh, Varsovie, Prague, Alger.... Hoặc ngay trong tư gia của họ, bên tách trà nóng, hoặc trong các quán ăn Việt Nam , các nhân viên ngoại giao, các nhà báo của Hà Nội và của CPLTCHMN, tiếp tục đóng sâu một cây đinh tương tự, nhắc đi nhắc lại những gì mà họ muốn phổ biến và những gì mà người đối thoại của họ muốn nghe. Với một giọng nửa kín nửa hở coi như một đặc ân, họ rí tai :

– “Chúng tôi vẫn biết là có những khác biệt lớn giữa Miền Nam và Miền Bắc mà chúng tôi phải quan tâm....

Và một đôi khi làm như vô tình, các đại diện của CPLTCHMN thờ dài :

– ” Chúng tôi và các bạn của chúng tôi ở Miền Bắc đâu có hoàn toàn đồng ý với nhau trên tất cả mọi việc đâu ?

Trong một vài trường hợp, thấy cũng có đúng phần nào. Ông Phạm văn Ba, một đại diện của CPLTCHMN ở Paris, một người ít học nhưng có rất cương nghị và thành thật, khi ông nói về những khác biệt giữa Miền Nam và Miền Bắc hay giữa CSBV và CPLTCHMN.

Trong khi chiến dịch tấn công ngoại giao quan trọng này đang được tiến hành rộng rãi khắp mọi nơi trên thế giới và ngay tại Việt Nam, thì ở Hà Nội lãnh đạo đảng quyết định là đã đến lúc phải nói thẳng cho các cán bộ đảng viên một cách rõ ràng rằng:

– ” Các bài diễn văn nói về việc thành lập một Chính Phủ Liên Hiệp chỉ là một “đòn hỏa mù”. Vấn đề chính là phải chiếm lấy chính quyền bằng bạo lực cách mạng”.

Chính ông Churchill cũng đã từng nói là: trong thời chiến, sự thật rất là quý đến độ cần phải được che dấu kỹ bằng một hàng rào tin vịt”.

Tại Sài Gòn, một vài người Mỹ nhận được tin tức về “đòn hỏa mù” của Bắc Việt. Frank Snepp đã được một nhân viên tình báo của mình cho biết nhiều lần từ ngày 7 tháng 4. Nguồn tin này vì được cấy ngay trong Bộ Tư Lệnh Cộng sản ở Miền Nam nên đưa nhiều tin rất chính xác. Rất là minh bạch và dứt khoát trong mọi trường hợp: “cộng sản Bắc Việt không đàm phán”. Nhưng từ ông Polgar trưởng cơ quan CIA cho đến ông đại sứ Martin đều không chú ý tới tin tức này. Người Mỹ cũng không chịu lưu ý tới những bất đồng quan điểm giữa hai đại sứ Pháp ở Sài Gòn và Hà Nội. Cơ quan tình báo CIA có tất cả các dữ kiện trong tay, không phải chỉ vì các bạn bè nhân viên ngoại giao thông báo tin tức cho họ, mà cũng nhờ họ biết được mật mã của Pháp nên họ mở được một số lớn các công hàm và điện tín. Một số “sur touts” ở Phủ Thủ Tướng Pháp còn hơn cả ông Mérillon, đều tin là họ có thể chơi lá bài Dương văn Minh: “đưa vào quỹ đạo một Chính Phủ Liên Hiệp” là chủ trương đã được ông Tổng Thống Pháp Valéry Giscard d’Estaing hoạch định.

Ông Philippe Richer, đại sứ Pháp ở Hà Nội không có nhân quan như vậy. Mặc dầu có nhiều bản tuyên bố cố ý muốn làm dịu bớt mùi máu-xít của chính Thủ tướng Phạm văn Đồng cũng như của một số viên chức cao cấp thuộc Bộ Ngoại Giao Bắc Việt, nhưng ông Richer vẫn khẳng định rằng đảng cộng sản lúc nào cũng là lực lượng chính trị chủ yếu trong cái Chính Phủ Liên Hiệp tương lai này. Chuyện không có gì vui vẻ lắm, nhưng nó đã là như vậy từ lâu rồi: “Chỉ có một tảng đá duy nhất để chính trị dựa vào: đó là đảng CSVN”, công điện của ông Richer đã viết rõ như vậy.

Còn theo ước tính của ông Mérillon thì người ta còn có thể tránh được một thảm họa.

Ấu cũng là một hiện tượng bình thường thôi: một ông Richer, có nghiêng về cánh xã hội thực đấ, nhưng không bao giờ tin vào lời lẽ dịu giọng của người cộng sản, và một ông Mérillon thuộc cánh trung hữu lại nghĩ rằng người ta cũng có thể lợi dụng họ được.

Ngày 8 tháng 4, Phạm văn Đồng tiếp ông Richer. Thủ Tướng Bắc Việt tỏ ra đồng ý với những gì mà người Pháp “đang làm ở Miền Nam Việt Nam”. Dĩ nhiên là họ muốn “búng” Tổng Thống Thiệu ra khỏi chính quyền. Phạm văn Đồng đã dùng miệng lưỡi, tán tỉnh, gọi lại những liên hệ tình cảm đã được thiết lập giữa Paris và Hà Nội. Nhân danh quá khứ chung sống thời thuộc địa và cùng chung ngôn ngữ Pháp, ông Đồng cho ông Đại sứ Pháp uống một ly sữa ngọt:

– ” Chúng ta có thể làm nhiều việc lắm trong tương lai.”

Thủ Tướng còn giải thích là các kỹ thuật gia và các nhà đầu tư người Pháp có thể giúp Bắc Việt khai thác các mỏ dầu. Ông nghĩ là điều này sẽ làm cho Quai d’Orsay (Phủ Thủ Tướng

Pháp) thích thú . Người ta tưởng tượng là các công ty của người Pháp sẽ thay thế các công ty của người Mỹ, khoan dầu ở ngoài khơi của Miền Nam Việt Nam . Phạm văn Đồng lại còn tiếp tục mở rộng chân trời cho vấn đề kinh tế. Nhưng Richer đâu có phải là người dễ bị mắc mưu cộng sản nhưng ít nhất ông cũng nghĩ rằng ông Đồng nói được tiếng Pháp lưu loát, và ông thực sự có mối liên quan về văn hóa với nước Pháp.

Được khắp nơi cung cấp dữ kiện, nhất là của chi bộ đặc trách chiến dịch “tấn công ngoại giao” từ Hà Nội , giả thuyết về nhiệm vụ mà CPLTCHMN phải đảm nhiệm và sẽ đảm nhiệm.. cũng được tung ra ở Sài Gòn . Một giả thuyết có tánh cách vớt vát ! Dĩ nhiên người ta cũng dựa trên những mối bất hòa truyền thống giữa người Miền Nam và người Miền Bắc , đúng hơn là giữa Bắc Kỳ và Nam Kỳ. Người cộng sản Bắc Việt đâu có ngu dại gì mà nói là sẽ hợp tác hóa nông nghiệp hay xã hội hóa nền công nghiệp ở Miền Nam như họ đã thực hiện ở Miền Bắc ?. Vì trước khi biến thành CPLTCHMN , thì MTGPMN đã có dự trù chương trình tư hữu hóa công nông nghiệp rồi. Sài Gòn sẽ trở thành một đặc khu kinh tế như Hong Kong, một loại Tân gia Ba với tất cả những đặc quyền tư bản của nó. Thêm một luận cứ chót nữa để giúp cho mọi người hy vọng: chúng ta đều ở Á Châu, đều là anh em một nhà, xa lâu rồi nhau bây giờ mới đoàn tụ lại với nhau. Ngay như một vài thành viên trong cộng đồng người Pháp ở Sài Gòn có phương tiện vẫn còn có thể ở lại tại chỗ kia mà !. Không hẳn là vĩnh viễn , mà có thể là 5 năm, 10 hay 20 năm không chừng. Đã có nhiều bằng chứng cho thấy những người ở Hà Nội thông minh và có thiện chí, như Phạm văn Đồng lúc nào cũng nhắc với các nhà báo hay nhân viên ngoại giao người Pháp rằng “đặc điểm và chuyên ngành của người Miền Nam” sẽ được tôn trọng. Hơn nữa tất nhiên là cấp lãnh đạo của nước Việt Nam thống nhất hoặc tốt hơn nữa là của 2 nước Việt Nam cũng vậy, đều rất cần tín dụng của Tây Phương, cần sự giúp đỡ về tài chánh và kỹ thuật của Âu Châu . Các anh biết không , dân Hà Nội không muốn hoàn toàn tùy thuộc vào Mạc tư Khoa và Bắc Kinh. Quyền lợi của cộng sản Việt Nam là muốn bắt một nhịp cầu với các quốc gia Đông Phương, do đó mới biểu lộ một sự hòa hoãn ở Miền Nam Việt Nam trong tương lai.....

Những bằng chứng về thiện chí của người cộng sản – dù là cộng sản ở Mạc tư Khoa hay cộng sản ở Hà Nội , tất cả đều là những lời nói suông.....

Ở điện Élysée, nơi mà đường lối chánh trị đối ngoại luôn luôn là lãnh vực riêng của Tổng Thống Pháp, cũng như ở Phủ Thủ Tướng (Quai d’Orsay), người ta thường nghe theo tòa đại sứ ở Sài Gòn hơn là tòa đại sứ ở Hà Nội . Ông Valéry Giscard d’Estaing thường có cảm tưởng rằng sẽ có một cuộc dàn xếp nào đó giữa những người lãnh đạo của Việt Nam Ông có nói rõ như thế cho cả ông Tổng Thống Ford và Kissinger, hồi cuối năm rồi, trong cuộc họp thượng đỉnh ở Antilles. Có nhiều chỉ dấu cho thấy giả thuyết của CPLTCHMN trong một chừng mực nào đó đang được vận động ráo riết. CPLTCHMN đang thành hình. Tại Paris, ông Phạm văn Ba hủy bỏ một chuyến du lịch dự trù vào giữa tháng 4 , mà theo lời một phụ tá của ông thì Chánh Phủ của ông muốn “khẩn” bàn cãi sâu rộng với Chánh Phủ Pháp 3 vấn đề :

– trước hết là nghiên cứu chi tiết của vấn đề viện trợ kinh tế cho CPLTCHMN

– Kế đó là duyệt xét thật kỹ vấn đề truyền thông giữa nước Pháp và những vùng được CPLTCHMN chánh thức kiểm soát.

– chót hết, quan trọng nhất là xem xét quy chế và nhiệm vụ của CPLTCHMN ở Paris. Làm thế nào để cấp chiếu khán thông hành ? Dù sao thì vấn đề này cũng thuộc chủ quyền của một quốc gia. Ông ta nghĩ tối thiểu CPLTCHMN cũng phải có một tòa lãnh sự ở Paris. Chánh Phủ Hà Nội đã có một tòa lãnh sự, thì CPLTCHMN cũng phải có một tòa lãnh sự nữa để đại diện cho Chánh Phủ mình chứ

Nhưng người của Phủ Thủ Tướng Pháp thì lại đặt nặng vấn đề pháp lý. Họ không tin là cái gọi là CPLTCHMN có được một sự độc lập hoàn toàn trong những năm tháng sắp tới, nhưng họ cũng mong rằng Chánh Phủ Liên Hiệp sẽ có một quyền tự trị tối thiểu nào đó. Những tin tức về một sự tương đối độc lập của cái gọi là CPLTCHMN được nhiều nơi nói đến, đặc biệt là từ Thụy Điển, một quốc gia chuyên binh vực cho Hà Nội. Ông Olof Palme, Thủ Tướng Thụy Điển đã từng tham gia các cuộc tuần hành “chống chiến tranh của Hoa Kỳ”. Ở thủ đô Stockholm, các nhà ngoại giao Tây Phương và Đông Phương đều có tiếp xúc với một trưởng phái đoàn khác của CPLTCHMN là ông Trần hữu Khá. Đối với tất cả mọi người ông Khá này đã tỏ ra vô cùng ngạc nhiên về sự tiến quân quá nhanh của “quân đội cách mạng”. Nhưng khi người ta gọi đó là những sư đoàn Bắc Việt thì ông Khá không chấp nhận cũng không phản đối, mà ông chỉ cười trừ. Có nhiều sự hiểu lầm về cái cười này của ông ta lắm. Nếu người ta nói với ông về lực lượng thứ ba và ông Dương văn Minh .. thì ông cũng chỉ cười.. Ông chỉ nhấn mạnh có một điểm:

– ” Chúng tôi cần các bạn bè người Âu Châu “.

Mục tiêu của CPLTCHMN là không phải tiến chiếm Sài Gòn bằng vũ lực, ông Khá cũng nhấn mạnh ở điểm này; Ông Thiệu phải ra đi. Ông Thiệu nên ra đi.... Sau đó, với lực lượng thứ ba, CPLTCHMN sẽ thành lập một Chánh Phủ Liên Hiệp độc lập đối với Hà Nội Các nhà ngoại giao, các nhà báo Tây Phương đối chiếu các tin tức, các bản tuyên bố và các buổi trao đổi chuyên trò, sau đó thì họ gửi công hàm hay các bài tường thuật về cho Bộ hay cho báo chí.

Những người có chút lạc quan thì tự hỏi rằng dù muốn dù không, các tư tưởng “hai màu” của các đại diện CPLTCHMN có thật sự đúng với thiện chí và ý muốn của lãnh đạo Hà Nội hay không ? Còn quá nhiều người bi quan , nhất là người Mỹ, thì cho đó chỉ là những cuộc vận động chánh trị mà thôi.

Tại Hà Nội, CPLTCHMN cho ra một bản “tuyên bố 10 điểm” liên quan đến đường lối chánh trị của họ trong các vùng mới chiếm. Từ lâu rồi, các bản tuyên bố của Hà Nội và của CPLTCHMN thường có 10 điểm, một con số vừa ý nhất và dĩ nhiên gần như là con số màu nhiệm của cộng sản. Trong đó điểm số 10 là “bảo đảm sanh mạng và tài sản của người ngoại quốc”. Tất cả các tài sản đó là tài sản của tư nhân. ... Phần còn lại là chánh trị thống nhất, hòa hợp hòa giải v.v... bình đẳng giữa người Kinh và dân tộc thiểu số..., nam nữ bình quyền, tự do tín ngưỡng nhưng đừng quên là không có thờ cúng. CPLTCHMN sẽ giúp đỡ nông dân, và ngư dân, “những thợ rừng và những người sản xuất muối”. Những sĩ quan và binh sĩ Miền Nam Việt Nam nào “rời bỏ hàng ngũ địch để trở về vùng giải phóng hay tự nguyện ở lại vùng giải phóng” thì phải đến trình diện với chánh quyền cách mạng. “họ sẽ được giúp đỡ để tìm việc làm”, theo đó người ta có thể diễn dịch rằng họ sẽ không bị đưa đi tù. Theo cách xử trí mà không có người quân nhân Miền Nam nào lại tự nguyện ở lại các vùng giải phóng, người ta có thể hiểu ngay là bản tuyên bố của CPLTCHMN chỉ nhằm “xóa bỏ bộ máy hành chánh mà họ gọi là ngụy quyền để thành lập một chánh quyền cách mạng” mà họ cho là “chánh quyền của nhân dân” ở khắp mọi nơi, mọi cấp. Không hơn không kém.

Tất cả các nơi đều chỉ biết dựa trên các tin tức loại này, từ các công hàm và các tài liệu của Hà Nội và của CPLTCHMN để mổ xẻ và phân tích tình hình.

Chiến dịch tấn công ngoại giao của cộng sản cũng được tung ra ngay tại Sài Gòn. Ở đây, ông Trần văn Du, giám đốc phòng phân chất và bào chế thuốc, đã xác nhận là ông ta nhân danh CPLTCHMN để gặp một đại diện của tướng Trần văn Đôn Tổng Trưởng Quốc Phòng. Ông nói: “CPLTCHMN muốn đàm phán. Nhưng “không thể có đàm phán được” vì còn sự hiện diện của Tổng Thống Thiệu.”. Ông còn nói tiếp :

– “CPLTCHMN mở rộng cửa đón mọi đề nghị. Tuy nhiên, chỉ có thể nói chuyện được với một phái đoàn của chánh quyền mới. Chánh quyền mới này phải do một “nhân vật trung lập” lãnh đạo, trong đó phải có thành phần của lực lượng thứ ba, cũng có thể có một số “chánh trị gia thân Mỹ”.

Nhưng những người nào thì ông Du không thể cung cấp danh tính được .

Tại Câu lạc bộ thể thao, người ta xác nhận là đại tá Võ đông Giang, người đại diện của CPLTCHMN ở trại Davis, đã có thư liên lạc với tướng Dương văn Minh để thương thảo về việc thành lập một Chánh Phủ Liên Hiệp. Đúng hay Sai ? Một ước vọng khả tín ?? Không ai biết được hết ! Không phải người dân Sài Gòn nào cũng đến chơi ở Câu lạc bộ thể thao này, nhưng có thể họ có đón nghe đài giải phóng.. Đài này kêu gọi buông súng xuống, đừng giết nhau nữa , nhưng chỉ kêu gọi một phía là QLVNCH mà thôi !

“- Bởi vì chúng ta cùng là người Việt Nam cả..... CPLTCHMN sẽ không đụng tới một cây kim hay một sợi chỉ của đồng bào !”

Có nhiều gia đình ở Miền Nam có con em “tập kết” ra Miền Bắc . Thông thường họ chỉ kháng chiến ở Miền Nam trước 1954, khi tập kết ra Bắc họ không phải là cộng sản . Và có thể họ không bao giờ là cộng sản . Có thể một số đồng những người tập kết sẽ trở về Miền Nam mà vẫn không phải là đảng viên cộng sản .

Những lời nói của ông Giám Đốc Phòng thử nghiệm hình như có tiếng vang thuận lợi. Ông đã minh xác là “trong hiện tại, chiến lược của CPLTCHMN là cô lập Sài Gòn với các nơi khác trong nước..... CPLTCHMN không muốn tấn công vào Sài Gòn ” Chỉ cần cô lập thủ đô để buộc Sài Gòn phải thay đổi Chánh Phủ . Giải pháp cuối cùng sẽ là giải pháp chánh trị . Ông ta còn tuyên bố là: “sẽ không có tổng nổi dậy, cũng không có tắm máu trong thủ đô”

Tướng Đôn nói với người này người khác là ông sẽ ở lại trong Chánh Phủ để chuẩn bị đàm phán với địch quân. Ông rất tiếc là không có đủ can đảm để xin với Tổng Thống Thiệu cho ông từ nhiệm. Thật là vừa khôn ngoan vừa ích kỷ, vừa thủ đoạn lại vừa thành thật. Con nhà khá giả, năm nay 58 tuổi, sanh ở Bordelais (Pháp), nói tiếng Pháp thật là tuyệt, ông Đôn là một sĩ quan cấp tướng được Pháp hóa nhất trong hàng tướng lãnh Việt Nam, và là một người gương mẫu trong số các quân nhân hăng say hoạt động chánh trị ở Sài Gòn . Ông đã từng đảm nhiệm chức vụ Quân đoàn trưởng, tổng trưởng, dân biểu và nghị sĩ. Ông thấy mình có thể giữ ghế Thủ Tướng hay Tổng Thống nếu cần. Nghịch cảnh khuyến khích ông, thành công không làm ông quá phấn khởi. Giống như tướng Kỳ, ông có nhiều rắc rối với Thiệu, ông biết Tổng Thống Thiệu lúc ông này còn là đại tá trong khi ông ta đã là tướng ba sao rồi. Vì là người lịch lãm nên Tổng Thống Thiệu đã dùng ông đi du thuyết ở ngoại quốc. Đã từ lâu ông Đôn nghĩ rằng người quốc gia nên tìm một thỏa thuận nào đó với CPLTCHMN . Nhưng ông Tổng trưởng Quốc Phòng của một tân Chánh Phủ này không thể thuyết phục được ai để củng cố được chế độ khi ông nói với người ta là Chánh Phủ này chỉ tồn tại được có 15 ngày mà thôi .

Tại Đà Lạt, linh mục Jean Mais chờ đợi.. Một cán bộ Bắc Việt khoảng 50 tuổi, người nhỏ thó, gầy, đen đúa và đầu húi cua, mặc một cái quần rộng thùng thình... bước vào cửa Đại Học, chào linh mục, cố gắng nói một vài câu bằng quơ bằng tiếng Pháp nặng chình chịt rồi đi ra.

Thành phố Đà Lạt được ổn định lại nhanh chóng. Một anh thợ cắt tóc cầm đầu Ủy Ban Quân Quản Thành Phố đóng tại rạp chiếu bóng trên chợ ở ngay khu trung ương thành phố. Vì linh mục Mais nói được tiếng Việt nên ông Hiệu trưởng trường Trung Học Pháp đến nhờ ông liên lạc với Ủy Ban Quân Quản.

Một nữ sinh viên lớp đệ tứ, nhân viên của Ủy Ban đã trả lời cho linh mục:

– “Chúng tôi còn rất nhiều việc phải làm”

Thôi thì các Hội đua nhau nở rộ, nào là “Hội Các Phụ Nữ Giải Phóng”, “Hội Trí Thức Yêu Nước”.. v.v.... Nếu người nào không chịu vào một Hội nào thì người đó bị coi như “thành phần chống đối”. Ông viện trưởng Dương tham gia soạn thảo bài diễn văn chào mừng các chiến sĩ cách mạng. Theo truyền thống trong tiếng Việt thì người ta thường ghép danh từ “hân hoan” đi đôi với danh từ “chào đón”. Nhưng ông viện trưởng thay vì dùng danh từ “hân hoan” lại nói là “không hân hoan”. người ta chỉ trích ông dữ dội, nhưng ông giải thích: -- ” Tôi có rất nhiều bạn bè trong số các sĩ quan VNCH. Tôi chào đón cách mạng trong hoàn cảnh một đất nước bị chia rẽ.” Người ta bắt ông ngay sau khi mắng chửi ông thậm tệ.

Ủy Ban Quận Quân tiếp xúc với Đức Giám Mục Lam, địa phận Đà Lạt. Ông này nhờ linh mục Mais thiết lập một bản kê khai tài sản của trung tâm Huấn Luyện Nông Nghiệp Công Giáo ở ngoại ô Đà Lạt.. Linh mục Mais dùng chiếc xe Land Rover cùng với một linh mục khác đi vào nông trường. Đi vòng một con suối có cây cầu bị phá sập, gần đến nông trường, hai người gặp một đoàn khoảng 60 chiếc xe tăng đang nguy trang dưới các lùm cây. Các bộ đội Bắc Việt ngồi dưới đất dường như chẳng ai thèm để ý gì đến hai ông hết. Đến nông trường, linh mục Mais gặp những người của Ban Quân Quản. Họ hỏi ông để lấy một số vũ sắt trong công xưởng, nói rằng : “mượn để lót cho xe tăng qua suối “

Chương 15 Tiếng cu kêu

Cô Lan, 16 tuổi, cô gái thứ tư trong 8 người con của một gia đình người Hoa đang sống tại làng Ngọc Hải, cách Cao Bằng 15 cây số và cách biên giới Việt Hoa khoảng 45 cây số. Cha cô làm nghề đan ghế tre và chuyên chở gạo bằng xe bò. Là thợ may của hợp tác xã, mẹ cô thỉnh thoảng cũng nhờ bọn lính gác để đi qua bên kia biên giới bán đường hóa học Việt Nam và mua về các nữ trang bằng cẩm thạch. Năm vừa qua cô đã đỗ bằng Trung học đệ nhất cấp. Cô chỉ đến trường mỗi tuần có 3 ngày để có thể đi làm thay cho mẹ cô ở hợp tác xã. Công việc cũng không có gì khó khăn. Vải của Liên Xô đã được cắt sẵn ra thành từng miếng, chỉ cần ráp lại thành những chiếc sơ mi, dài tay, ngắn tay hay quần, v.v.. là xong. Càng ráp được nhiều thì càng lãnh được nhiều tiền. Ráp một chiếc sơ mi ngắn tay thì lãnh được 7 hào 70 xu. Nếu có ai đưa vải nhờ may thì giá phải bằng hai. Mẹ của cô đang mang thai, mà muốn lãnh được khẩu phần lương thực của mình thì mẹ cô phải làm việc 20 ngày mỗi tháng. Cha cô thì được lãnh 50 gam thịt heo phụ trội. Giá chính thức của một kí lô gạo là 40 hào trong khi giá chợ đen phải là 16 đồng một kí. Một kí lô thịt heo giá chính thức là 2 đồng 70, và giá chợ đen là 25 đồng.

Trong giờ học về lịch sử ở trường, cô giáo đã từng nói:

” Chúng ta hy vọng là nước Việt Nam sẽ được sống trong thanh bình và độc lập. Miền Nam và miền Bắc sẽ được thống nhất. Sẽ không có sự can thiệp nào của cả người Mỹ lẫn người Trung Hoa.

Cô giáo cũng đã từng nói là đất nước đã bị 14 thế lực ngoại bang xâm lăng, trong đó có người Tàu, người Pháp, người Đức và người Ý. Tất cả đều đã bị đánh đuổi chỉ còn có người Mỹ.

Cô cũng còn nói:

” Chúng ta phải chiến đấu đến thắng lợi cuối cùng. Dù phải mất 50 hay 100 năm nữa. dù chúng ta phải chiến đấu đến người cuối cùng trong gia đình.

Cô Lan không thích chiến tranh. Cô có họ hàng ở Sài Gòn trong Miền Nam, em của bà nội cô và các con của bà. Cô cảm thấy có nghĩa vụ đối với đại gia đình của cô. Theo cô thì nhiều người không hiểu tại sao họ phải chiến đấu. Họ phải thi hành nghĩa vụ quân sự. Cô biết có một người Thái bị chung thân khổ sai vì tội đào ngũ. Cô đã thấy một số bạn trẻ đã khóc vì bị bắt đi thi hành nghĩa vụ quân sự nhưng rồi cũng phải đi. Tại Cao Bằng, có không ít người Việt lai Tàu trốn khỏi các trại lính và đào ngũ. Cô Lan đã gặp được một số thương binh. Với một anh bộ đội bị mất cả đôi chân, chánh quyền đã cấp cho anh một đôi chân giả và một chiếc xe gắn máy cà tàng cho anh ta sử dụng. Một người khác thì được một chiếc xe đạp và những bộ phận tay chân giả.

Cô Lan thích các bài tập hát trên đài phát thanh lúc 14 giờ 30. Họ dạy từng đoạn một. Cô cũng thích nghe những bài học về xã giao, về luân lý hay về vệ sinh trong các buổi phát thanh đó. Cô thuộc nằm lòng nhiều bài hát và nhiều bài thơ nhất là thơ của Tố Hữu.

Mặc ai nói xỏ nói xiêng

Lòng tôi vẫn vững như kiềng ba chân

Cô hiểu rõ những câu thơ đó lắm. Trong các nhà bếp tập thể trong làng, người ta thường sử dụng kiềng ba chân, tượng trưng cho ba miền Bắc, Trung và Nam. Cô thích nhắm nhìn giòng nước trong vắt của con sông Bằng Giang, những ngọn đồi và những ruộng xanh của làng mình.

Cô không quan tâm đến vấn đề chánh trị . Cô không đọc báo mà làng cô thường nhận được, dù đó là tờ Nhân Dân, tờ báo của đảng , trong đó có những bài rất giản dị mà người nông dân nào cũng có thể hiểu được. Trong số báo ngày 5 tháng 4, trong mục “Thời sự lịch sử”, người ta đọc được là : Tuổi Tý con chuột trong năm Mão con mèo” : ông Thiệu tuổi Tý. Tự nhiên là con chuột Thiệu bò từ cống của người Pháp sang cống của người Mỹ. Bị tấn công ở Ban mê Thuật , Thiệu bỏ chạy tới Huế và Đà Nẵng để nhảy xuống biển Trung Quốc trở về Miền Nam chui vào Sài Gòn . Theo âm lịch năm nay là năm Mão, năm con mèo. Khi mèo gặp chuột thì mèo sẽ ăn chuột. Chỉ trong thời gian một tháng, mèo đã ăn được một số chuột rồi. Làm sao ông Thiệu vốn là tuổi Tý chạy thoát được miệng con mèo ? Số mệnh được an bài rồi: sanh vào tuổi Tý phải chết vào năm Mèo !

Trong báo cáo tiền quân của mình Văn tiến Dũng ghi là ông đã dùng chân chõ này hay chõ nọ để tỏ tình cảm của mình đối với cảnh vật, một niềm vui khi nhìn các ngọn đồi dưới nắng vàng, hay màu xanh tươi của cỏ cây, hoặc những vườn cao su dày đặc chạy dài suốt tận chân trời ... hay các cây cô thụ hùng vĩ trong rừng già.. .. và những cảnh lan xinh đẹp đang nở. Ông thường la cà bên các hỏa đầu quân ngay ở bờ suối đang làm bếp bằng những chiếc lò Hoàng Cầm, với một bộ phận “ém khói” tinh vi. Ông cũng hay đứng nhìn các anh bộ đội đang ngủ say trên võng sau một đêm dài di chuyển, hoặc những dòng chữ kiêu cộ trên các tấm bản chỉ đường hướng dẫn cho họ khi họ muốn tìm đường về đơn vị hay ban ngành nào đó trên đường tiến quân. Vị Tổng tư lệnh Bắc Việt cũng thích nghe những mẩu chuyện răn đời. Ông Đinh đức Thiện, một người có trách nhiệm về tiếp vận đã kể cho ông một câu chuyện sau đây :

“một ngày nọ ở một bãi đậu xe gần quận Đức Lập ông ta thấy hai người tài xế đang loay hoay sửa một chiếc xe vận tải. Ông hỏi : Các anh thuộc đơn vị nào đây? Ta đang sắp sửa kết thúc cuộc chiến rồi mà sao các anh còn mãi loay hoay ở đây ? Các anh không biết thẹn sao ? Và hai anh tài xế trả lời ngay là : Ông ơi, hai chúng tôi là tù binh ”

Tướng Dũng đã ghi lại là:

” Trên khắp các mặt trận và trong tất cả các đơn vị, người của chúng ta đã xử dụng các cựu quân nhân và chuyên viên dân chính của quân đội Sài Gòn trong công tác tu bổ nhiều loại xe. Họ đã giải thích cho chúng tôi những đặc điểm của từng loại vũ khí và quân cụ của Mỹ để cho chúng tôi xử dụng , và người ta có thể thấy là trong các đoàn xe của chúng tôi đã có những thiết vận xa M.113, những chiến xa M.41, M.48, hay những khẩu đại bác 105 , 155 ly và những máy truyền tin chiến thuật PCR 25, hoàn toàn của Hoa Kỳ. Các phi công của ta đã nhanh chóng học và điều khiển được các phi cơ săn giặc A.37 hay F.5. Hơn bao giờ hết chúng tôi đã đánh địch được bằng chính những vũ khí của họ. Tất cả những chiến lợi phẩm này đã tăng sức mạnh hỏa lực của chúng tôi gấp 10 lần và giúp tăng nhanh nhịp độ tiến quân của chúng tôi ”

Tướng Dũng cũng đã ghi rõ trong Nhật ký hành quân của ông ta:

-” Sau khi giải phóng được Đà Nẵng , Quân Đoàn số 2 được lệnh tiến nhanh dọc theo bờ biển xuống phía Nam, để đến Biên Hòa (một căn cứ lớn nằm về phía Bắc của Sài Gòn) trong một thời gian là 18 ngày. Trên 900 cây số mà Quân Đoàn này phải đi, nhiều cây cầu đã bị phá hủy. Từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi đã có 6 cây cầu sập, và dẫn một đoàn xe 2000 chiếc, phải vượt qua 6 con sông, chưa nói đến các trận chiến.. .. quả là một bài toán phức tạp về tổ chức và chỉ huy !”

Tướng Dũng luôn luôn dựa trên quá khứ để phân tách các bài toán của năm 1975:

” Trong cuộc hành quân năm 1972, sư đoàn 308 chỉ có 400 xe, đã không tiến lên được vì những nút chặn ở dọc đường”.

Viên tổng tư lệnh và Bộ Tham Mưu của ông ta đã đoán chắc là sự hợp đồng giữa các binh chủng đã được hoàn hảo hơn.

” Quân Đoàn 2 đã được tổ chức làm nhiều thành phần; mở đường và sửa cầu là Công Binh. Đi kế đó là Chiến xa sẵn sàng tiếp ứng nếu gặp trường hợp có kháng cự. Hai thành phần này được một trung đoàn phòng không yểm trợ. Bộ binh và Pháo binh đi sau cùng.”

Bây giờ thì tướng Dũng đã không còn ngần ngại khi ông biệt phái các chiến xa tách rời xa các đơn vị bộ binh ...

” Các bộ lão đứng dọc theo đường cùng phụ nữ và trẻ em để cho chúng tôi trà, nước dừa và mía” .Tướng Dũng không dám nói thật là thường thường thì dân chúng “bán” cho bộ đội những tách trà, những trái dừa hay những khúc mía.

“Các anh bộ đội với lệnh “Tốc chiến Tốc thắng” trên mũ, không thể dừng chân để trò chuyện với dân chúng mà họ chỉ vẫy tay chào khi đi ngang qua và tiến thẳng về trận tuyến.”

Tướng Dũng đến Lộc Ninh, một địa điểm cách biên giới Cambốt 15 cây số và cách Sài Gòn 100 cây số về hướng Bắc, sau khi đã đi qua các vườn cao su bạt ngàn từng bị hư hại qua các trận không kích của Không lực VNCH, và các vườn tiêu, vườn sầu riêng, vườn mít hay vườn dừa vừa mới được chinh đốn lại gần đây. Ông viết trong nhật ký vài đoạn tuyên truyền. Lộc Ninh đã được Quân Đội Bắc Việt chiếm cách đây 3 năm. Trong thời gian thi hành Hiệp Định Paris, Lộc Ninh là thủ đô bán chánh thức của CPLTCHMN. Từ lâu liên lạc giữa Sài Gòn và Lộc Ninh đã được thiết lập bằng phi cơ. Tướng Dũng đã viết với một niềm vui cách mạng của một nông dân hơn là của một anh bộ đội:

“Hai bên đường được sửa chữa và mở rộng thêm ra; đã có những nhà lá vừa mới được dựng lên, với những cánh đồng sẵn và ruộng lúa xanh tươi”.

Ông sung sướng đứng nhìn các công nhân đang bứng các gốc cây và làm cỏ trong vườn cao su.

Ông ta đang nghỉ ngơi, sau khi ngắm nhìn không chán các vườn rau và vườn cây ăn trái; ông đánh một giấc ngủ trưa sau khi chiêm ngưỡng một cây chuối. Ông ước mơ một ngày nào đó các sư đoàn của ông sẽ tiến đến Cà Mau, điểm cực Nam của Miền Nam Việt Nam và dĩ nhiên ông nhớ ngay đến những câu thơ của Tố Hữu:

*Ôi Bình Long, mảnh đất của Miền Nam
Tôi đã gặp lần đầu tiên trong một buổi sáng
Năm đất đỏ này, ta đã nắm được trong tay
Gần như có chất rượu làm cho ta say
Khi ta ôm người chiến sĩ của Mặt Trận trong tay
Qua các cánh đồng của Cà Mau ta đi như ngựa chạy.. (1)*

Tướng Dũng đã đi gặp ông Phạm Hùng trước hết ở Tổng Hành Dinh của Nam Bộ, nằm về phía Tây của Lộc Ninh. Ông Phạm Hùng, người chỉ huy cuộc chiến ở Nam Bộ từ năm 1967 trên phương diện chánh trị là một nhân vật quan trọng ở phía Nam của vĩ tuyến 17. Ông là bí thư Trung ương đảng cộng sản của xứ ủy Nam Bộ, một đảng viên đã từng đấu tranh từ năm

1930 trong các cuộc đình công ở Miền Nam Việt Nam , từng bị bắt nhiều lần, bị án tử hình rồi lại được ân xá và bị đày ra Côn đảo. Lần cuối cùng ông ra khỏi khám đường của người Pháp vào tháng 8 năm 1945. Ông biết rành mạch Miền Nam Việt Nam và đã từng cộng tác với Lê Duẩn trước đó ở Nam Bộ. Bây giờ ông là chánh trị viên của chiến dịch tổng tấn công, trên ông chỉ có Lê đức Thọ.

Về mặt quân sự đối ứng với ông là tướng Trần văn Trà. Ông này vừa mới đi thanh sát quân đoàn 4, đơn vị này sẽ phải tấn công vào tuyến phòng thủ phía Đông của Sài Gòn , nằm chung quanh Xuân Lộc. Tướng Trà tường trình cho tướng Dũng.

Người ta dựng lều chung quanh Tổng hành dinh cho Bộ Tham Mưu, người ta cũng đào các hầm trú ẩn và giao thông hào dưới các hàng cây. Ban ngày thì các hoạt động được tiết giảm tối đa vì Không lực của VNCH có thể đến bất thần. Ban đêm thì khu rừng mới trở nên náo nhiệt . Người ta nghe thấy tiếng xe chạy trên các tuyến đường, tiếng chạy của máy đèn, và tiếng tạch tạch sẽ liên tục của các đài truyền tin. Các phòng ban, dịch vụ được phân tán rải rác khắp nơi để tránh tác xạ của phi cơ địch.

Rất thận trọng, tướng Dũng đôi khi được mô tô đèo đi thanh sát tất cả và khắp nơi. Các cận vệ của ông choàng khăn ca rô đen trên cổ. Các xe truyền tin thuộc Bộ Tham mưu của ông đậu sâu trong rừng ở cuối các con đường mòn quanh co khúc khuỷu để tránh không bị địch kiểm thính từ trên không, hay để tránh các cuộc hành quân đột kích của đơn vị biệt kích Miền Nam Việt Nam.

Ông Phạm Hùng nêu lên câu hỏi về các kho dự trữ đạn dược. Một sĩ quan trả lời :

” Tôi bảo đảm là chúng tôi có đủ để làm cho họ rung lên trong 3 thế hệ.

Về sau này, cứ mỗi lần có câu hỏi về đạn dược thì người ta lại vừa cười vừa nhắc lại công thức:

-” Phải cấp phát nhanh đủ để làm cho “3 đời” họ phải rung lên !

Một phiên họp vừa mới kết thúc ngay tại Tổng hành dinh. Một chiếc mô tô đến đỗ ngay tại Bộ Tham Mưu : ông Lê đức Thọ đến. Ông mặc một chiếc quần ka ki và một áo sơ mi màu xanh dương, với chiếc nón cối nhẹ trên đầu. Đây là lần thứ ba ông đến Nam Bộ trong vòng 30 năm qua. Ông đã đến bằng phi cơ, bằng ô tô và lần này thì bằng mô tô.

Trong số những người đang chỉ huy chiến dịch tổng tấn công này, Lê đức Thọ là người quan trọng nhất. Ông ta là người có đủ các thông số trong đầu, chánh trị ,quân sự , ngoại giao. . . và cả quốc tế quốc nội nữa. . . . Ngày 8 tháng 4 ông đưa ra một Nghị quyết , được Bộ Chánh trị ở Hà Nội chấp thuận ngày 22/3 :” Tiến lên cho đến chiến thắng cuối cùng”

Các trận mưa đầu mùa trong cánh rừng đã làm cho cán bộ không ngủ được . Làm sao để ngủ bây giờ đây ? Lê đức Thọ lấy giấy ra viết một bài thơ mà tướng Dũng cho là ” rất đúng với hoàn cảnh lúc bấy giờ”. Đối với người cộng sản, muốn thấy được vị trí của mình trong hệ thống lãnh đạo đảng thì phải nhìn vào danh sách đảng viên được niêm yết ở Đại Hội đảng xem mình nằm ở hàng thứ mấy, mình được lên phát biểu lúc nào, và vị trí của mình trên khán đài trong mọi cuộc mít tinh. Người ta cũng có thể xét đoán tầm quan trọng của mình qua số lượng thơ phú mà mình đã sáng tác và được các đồng chí của mình ưa thích. Trong nhật ký của mình tướng Dũng tự cho mình còn quá thấp trước một Lê đức Thọ. Vì Lê đức Thọ hiện là người lãnh đạo trong giai đoạn này của xứ ủy Nam Bộ. Hơn thế nữa, ông có thể là người số 1 sẽ thay thế Lê Duẩn

trong chức vụ Tổng bí thư của đảng. Người ta không sao không đề cao Lê đức Thọ được khi ông làm thơ trong cánh rừng ở Lộc Ninh. Thơ rằng:

*Tôi lắng tai nghe tiếng gáy của chim cu đen
Trong rừng Lộc Ninh lúc mặt trời vừa ló dạng
Tôi không sao chớp mắt được thâu đêm suốt sáng
Đếm từng giọt nước mưa rơi trên giường
Lo cho binh sĩ chúng ta đang dầm mưa lội nước
Trên con đường dài vô tận theo tank pháo cùng đi
Ta chờ đón tin vui của những người sắp đến
Từng phút từng giây trận tuyến đang mong chờ
Để đường sá khô cứng lại mưa ơi !
Đưa chúng tôi mau đến đích
Của trận chiến lịch sử hôm nay
Vi phát súng đầu tiên đã được ta khai hỏa (2)*

Cấp lãnh đạo Bắc Việt lúc nào cũng làm thơ rất dễ dàng như họ đã bắt giam hay hành quyết những người đối lập của họ vậy.

Lê đức Thọ và Phạm Hùng cùng ra những chỉ thị của họ trong các vùng vừa tạm chiếm mà họ gọi là “vùng vừa được giải phóng.” Như : “Bộ đội phải giữ tư cách và thái độ đứng đắn của mình. Nhưng cán bộ của chánh quyền Miền Nam Việt Nam nhất là cảnh sát, phải được bắt giữ”. Bộ Chánh Trị muốn rằng cuộc tổng tấn công phải được bắt đầu trễ lắm là vào tuần lễ thứ ba của tháng tư này.

Trong vùng Đông Nam Á Châu, đặc biệt là Thái Lan và Phi luật Tân, đều có căn cứ Không quân của Hoa Kỳ, ở đó có phòng pháo oanh tạc cơ và pháo đài bay B.52. Vào những ngày đầu tháng 4 , lãnh đạo Bắc Việt không còn sợ sự trở lại của Quân Đội Mỹ nữa. Họ còn tin chắc 100 phần trăm là không còn sự can thiệp nào của Không lực Hoa Kỳ nữa. Ở Lộc Ninh, tại Tổng hành dinh Bắc Việt tướng Dũng giải thích là người ta theo dõi rất sát những cuộc hành quân ở Cam Bốt từ đầu tháng 4.

Từ lâu rồi các cuộc hành quân thường phải theo một chu kỳ nhứt định: vào tháng 2, tháng 3 và tháng 4 thì cộng sản đưa người và vũ khí đạn dược vào cho bố trí sẵn tại chỗ để sẵn sàng tiến hành các cuộc hành quân tấn công lấn chiếm dự trữ trong năm. Các cuộc xâm nhập do đó chậm lại vào mùa mưa khi mưa bắt đầu rơi ở Lào. Vào tháng 4, Bắc Việt mở các cuộc tấn công thăm dò vào hệ thống phòng thủ của Sài Gòn . Các cuộc tấn công lớn nhỏ đều phải chấm dứt vào tháng 7. Lúc bấy giờ phần lớn lãnh thổ Miền Nam bị chìm trong biển nước trong lúc các chiến xa, lực lượng búa tạ chính của Bắc Việt thì lại cần có mảnh đất khô ráo.

Tại Sài Gòn nhiều người tưởng rằng thủ đô có thể phòng thủ và giữ vững được nhờ số lượng phi cơ khả dụng của Không quân còn nhiều . Chỉ cần giữ vững tuyến phòng thủ đến tháng 7. Sau đó là đến tháng 10 là chu kỳ mới lại bắt đầu. Người Mỹ và người Miền Nam sợ bộ đội Bắc Việt sẽ bắt tay được với các sư đoàn dọc theo bờ biên và các trung đoàn đang thành lập ở đồng bằng sông MeKong rồi tập trung bao quanh Sài Gòn..Một vài nhân viên ngoại giao Hoa Kỳ thì thăm với nhau rằng các sư đoàn Bắc Việt giờ đây tương tự như các quân đoàn của Đồng Minh đang trên đường tiến vào Bá Linh vào năm 1945 vậy.

Ngày 8 tháng 4, lúc 8 giờ 25, Đại sứ Nhật Bản đã trò chuyện với ông Jean Meric Mérillon, Đại sứ Pháp. Cuộc nói chuyện có vẻ khó khăn: người Nhật thì không biết gì nhiều và người

Pháp thì lại không chịu nói nhiều. Ông ta không thực sự hứa hẹn gì cả với ông khách người Nhật như ông này đã tin tưởng và hy vọng là : “nước Pháp sẽ dàn xếp được tất cả”

Cuộc chiến bộc phát. Bom đạn rơi vài trăm thước cách nhà thờ chánh tòa. Lại thêm sự ồn ào của các súng liên thanh và súng cá nhân nữa. Ông Mérillon đã cho gắn một tấm kính màu lớn ở cạnh văn phòng của ông ta. Nếu tấm kính này bị vỡ tan thành từng mảnh thì rất là nguy hiểm. Phẩm cách về ngoại giao đã bắt buộc hai Đại sứ lại tiếp tục nói chuyện với nhau, đại sứ Nhật vẫn giữ vẻ bình tĩnh của một Hiệp sĩ Phù Tang.

Một chiếc oanh tạc cơ F.5 bay từ hướng Nam, là là trên con rạch rồi nhắm thẳng Dinh Độc Lập lao đến, từ cao độ 300 thước thả xuống 2 trái bom loại 250 cân anh. Bom nổ ngay trên sân làm chết 2 người làm vườn, Dinh Độc Lập cũng bị thiệt hại, nhưng rất nhẹ gần như không đáng kể. Chiếc F.5 bay lên cao độ 900 thước rồi lại lao trở xuống một lần nữa thả thêm xuống 2 trái bom nữa, nhưng lần này bom không nổ. Phi cơ lại dùng đại bác liên thanh 20 ly bắn vào một kho xăng Shell ở Nhà Bè nhưng cũng không gây thiệt hại. Phi cơ lấy cao độ và bay về hướng Bắc- Tây Bắc.

Loại mưu sát vào dinh Tổng Thống kiểu này là một phần trong bản nhạc chánh trị ở Việt Nam. Vào tháng 2 năm 1962, hai phi công Miền Nam Việt Nam đã thả bom và bắn liên thanh xuống . dinh Độc lập cũ với hy vọng thanh toán Tổng Thống Diệm. Họ đã đánh sập một cánh cửa của dinh này nhưng không một người nào trong gia đình của Tổng Thống bị hại. ở Việt Nam cũng như ở Á Châu và Phi Châu ngày nay hoặc Âu Châu ngày hôm qua , nhiều người tin rằng nếu thủ tiêu được những diễn viên chính của chánh quyền thì có thể thay đổi được chánh thể trong lịch sử. Phải chăng đây là một trong những căn bệnh ấu trĩ của những nước chậm phát triển ?

Ở thủ đô, người ta hỏi nhau có phải việc đánh bom vào dinh Độc Lập vừa rồi có phải là hành động khởi đầu của một cuộc đảo chánh hay không ? Tướng tư lệnh Không quân Nguyễn Cao Kỳ có âm mưu gì chăng ? vì tướng Kỳ và Không quân đến một thời điểm nào đó, chỉ là một thôi. Người ta vẫn biết là cộng sản Bắc Việt trong hiện tại, đang đòi tướng Thiệu phải ra đi. Người ta quả quyết là tướng Kỳ muốn thương thuyết với họ. Do đó nếu ông loại được tướng Thiệu là ông đã thỏa mãn được một điều kiện của cộng sản rồi. Có nhiều xe phóng thanh chạy khắp Sài Gòn thông báo lệnh giới nghiêm bắt đầu từ 12 giờ trưa nay, đồng thời cho phát thanh nhiều bài hát yêu nước.

Về giả thuyết tướng Kỳ, Chủ tịch Thượng Viện và một số người khác đều nhận xét là viên phi công ưu tú này không hơn gì Tổng Thống Thiệu trong tư thế đàm phán với cộng sản . Có nhiều người quả quyết là họ đã thấy một chiếc MIG. Như vậy thì đây là hành động của Bắc Việt. Một số người khác giàu óc tưởng tượng và có ý xấu đã cho là Tổng Thống Thiệu đã dàn dựng lên việc này để có lý do bắt đổi lập.

Vào hồi 10 giờ, ở trung tâm báo chí, một phát ngôn viên tuyên bố là các vụ nổ đã xảy ra ” trong chu vi dinh Tổng Thống” . Và sau đó, như thường lệ, phát ngôn viên này phân phối bản thông cáo báo chí trong ngày : ” Trong 24 giờ qua, cộng sản đã có 142 vi phạm lệnh ngưng bắn.”

Lúc 12 giờ trưa, các đường phố vắng tanh. Hàng quán đóng cửa. Ở khắp các khu phố người ta liên lạc hỏi nhau bằng điện thoại : Cuộc tấn công vào Sài Gòn đã bắt đầu? quân Bắc Việt đã tới rồi? Tổng Thống Thiệu đã chết ? các tướng lãnh đã nắm chánh quyền ? tướng Minh Dương sẽ là Tổng Thống ?

Tổng Thống Thiệu chứng minh là ông vẫn còn sống khi ông nói chuyện trên đài phát thanh. Ông bảo đảm là không có một người nào trong gia đình của ông bị thương. Quân lực VNCH vẫn trung thành với ông. Không có đảo chánh gì hết. Tổng Thống Thiệu vẫn còn là Tổng Thống của VNCH. Ông ứng khẩu nói :

“Cuộc tấn công này là một cuộc tấn kích lẻ loi của một nhóm người muốn ám sát tôi, để thay đổi tính chất hợp hiến và đúng pháp lý của chế độ này.”

Sự thật đã quá rõ ràng ngay buổi chiều hôm đó. Cát cánh từ sân bay Biên Hòa với nhiệm vụ đánh các vị trí của Bắc Việt , trung úy phi công Nguyễn thành Trung đã nói là phi cơ có trục trặc kỹ thuật nên đã trở về căn cứ Biên Hòa. Chính anh ta đã thả bom xuống dinh Độc Lập. Và anh đáp xuống một sân bay dưới quyền kiểm soát của Bắc Việt ở miền Trung. Sau đó chánh quyền cộng sản đã nhanh chóng xác nhận trung úy phi công này là người của họ từ lâu rồi. Đó chỉ là đề tài tuyên truyền của Bắc Việt để kêu gọi quân lực VNCH rã ngũ, và đi đến nổi dậy. Người ta có cảm tưởng rằng trung úy Trung bị mất hết tinh thần vì gia đình của anh ta vẫn còn kẹt lại ở Đà Nẵng, nên động cơ hành động của anh là vì vấn đề cá nhân hơn là chánh trị . Cộng sản cho anh vào sát nhập và Không quân Bắc Việt và giao cho anh ta chỉ huy một phi đội gồm các phi cơ của Miền Nam mà họ vừa mới chiếm được .Anh được thăng cấp đại úy và được trao tặng huy chương giải phóng hạng 2.

Không còn lo lắng gì nữa, người dân Sài Gòn nói đùa: “nếu anh ta mà giết được Tổng Thống Thiệu thì có lẽ anh sẽ được trao tặng huy chương giải phóng đệ nhất hạng rồi !”

Và đến 6 giờ chiều thì Sài Gòn hết thiết quân luật.

Dù là ồn ào và không có ý nghĩa gì, nhưng biến cố này cũng gây được một cảm tưởng không tốt ở Hoa thành Đồn. Người ta ghi nhận là ít nhất vấn đề phòng không của Sài Gòn phải được tăng cường. Một phong trào chạy ra ngoại quốc đã bắt đầu ở thủ đô Sài Gòn . Đây là một chỉ dấu đáng lo ngại: sự ra đi của các giám đốc chi nhánh ngân hàng Bank of America, của First National City Bank, của Chase Manhattan Bank ở Sài Gòn .Hơn thế nữa họ còn cho ngưng mọi giao dịch về ngoại tệ mà không có lời báo trước. Và họ cũng không muốn tích trữ đồng bạc Việt Nam . Đại sứ Martin đã tỏ thái độ bất bình với các ngân hàng này. Các phòng sở của ông cho biết là các giám đốc ngân hàng này chỉ “vắng mặt tạm thời” mà thôi.

Tướng Kỳ rõ ràng là không có dính líu gì vào hành động mưu sát này, nhưng người ta vẫn lo ngại về những kế hoạch bất thần của ông ta. Chiều hôm dinh Độc Lập bị dội bom, trong bữa ăn tối, ông Wolfgang Lehmann đã chăm chú để ý đến những lời nói của tướng Tổng Tham Mưu trưởng. Đại tướng Viên là người ít nói , lời nói của ông cầu kỳ nhưng ông Lehmann có ý nghĩ là ông Tổng Tham Mưu Trưởng muốn tìm hiểu xem liệu Hoa Kỳ có chấp nhận một cuộc đảo chánh ông Thiệu hay không ? Đã hết rồi những trò chơi ấu trĩ đó !

” Không, Hoa Kỳ chống lại các cuộc hành quân kiểu đó, ông Lehmann nói .

Tàu chiến của Hoa Kỳ đang tiến về bờ biển Việt Nam. Dùng một cái không khí lạc quan đã lên độ ở Sài Gòn . Các hàng không mẫu hạm Coral Sea từ Phi luật Tân, Midway từ biển Nhật Bản, hay Enterprise ở nửa đường Manila và Sài Gòn , chiếc Hancock đang tiến tới Vịnh Subic. . . có phải tất cả sẽ đến lo phòng thủ cho Miền Nam Việt Nam? Không phải tự nhiên mà Lê đức Thọ từ Tổng hành dinh ở Nam Bộ lại cẩn thận theo dõi những gì đang xảy ra ở Đông Nam Á Châu.

Trong vịnh Thái Lan, ngoài khơi của Cam Bốt chiếc Okinawa, một chiến hạm chuyên chở trực thăng đang tuần tra tại đó. Tại Hoa thành Đồn người ta ước tính Cam Bốt đã sắp sửa mất rồi. Từ ngày 7 tháng 4, ba trăm sáu mươi (360) thủy quân lục chiến thuộc lực lượng can thiệp Alpha đã được lệnh báo động sẵn sàng lên đường trong 3 giờ. Phải di tản 800 người từ Phnom Penh. Cuộc hành quân này đã được mang tên là "Eagle Pull" (cuộc rút lui của con ó). Ở Tòa Đại sứ Mỹ tại Sài Gòn người ta biết là tất cả chỉ nhằm bảo vệ cho cuộc di tản mà thôi, không hơn không kém.

Không khí rất căng thẳng giữa những người có trách nhiệm chính trong tòa đại sứ Hoa Kỳ. Theo hệ thống công vụ đẳng cấp càng cao thì người ta càng thấy lạc quan.

Ngày 9 tháng 4, Thomas Polgar gửi một công điện về cục CIA Hoa thành Đồn mà không qua ông Martin:

– "Tôi đã bỏ một thời gian khá dài để bàn cãi về giá trị của các tin tức không tốt và cũng để tranh cãi về sự cần thiết của những quyết định hành chánh mà Tòa đại sứ vì một lý do này hay lý do khác đã không chịu ban hành." Đại sứ Martin cũng vậy.

Ông Polgar thực sự rất ghét sự trì trệ. Người ta không có thay đổi nào về giờ giấc làm việc ở văn phòng. Ít ra, trong những giờ bi thảm này người ta có thể tăng cường thêm giờ thường trực.

"Đại sứ đã dùng gần hết thì giờ của ông ta để tìm sự giúp đỡ trong việc xin ngân khoản viện trợ kinh tế, quân sự cho Miền Nam Việt Nam và ông luôn luôn muốn giữ trật tự kỷ cương trước một tình hình càng ngày càng xấu tệ."

Nếu ông Martin đọc được nội dung của bức công điện này, ông ta sẽ thích lối suy luận này lắm.

Polgar tố cáo chánh phủ VNCH (chưa được cải tổ xong) :

"chánh phủ này không tập hợp được cho một hướng hành động hữu hiệu". Theo ý Polgar thì khả năng diễn tiến sẽ phải như thế nào đây?

– "Tin tức cho biết là giờ đây Bắc Việt đã quyết định theo đuổi và mở rộng áp lực quân sự nhằm cô lập Sài Gòn, với mục tiêu cuối cùng là một chiến thắng quân sự trong năm 1975."

Để cô lập Sài Gòn : Dù là có tin tức do một "nguồn tin" được Snepp cấy vào Nam Bộ (cục R), Polgar vẫn tin là cộng sản Bắc Việt cảm chắc sẽ cô lập được thủ đô Miền Nam. Polgar có một tâm hồn của một triết gia. Ông nói một cách oai phong về ông ta trong phúc trình:

"người trưởng cơ quan nhận định rõ ràng là lịch sử hiếm hoi lắm mới tiến tới bằng con đường thẳng. Tuy nhiên chúng ta đang đi đến một sự sụp đổ có tầm vóc lịch sử nếu những thay đổi cần thiết không được thực hiện đúng lúc."

Vào đầu tuần lễ thứ hai của tháng 4, Polgar vẫn không loại ra ngoài các chuyển biến có thể thay đổi được tình hình:

"Quan điểm của ông trưởng cơ quan vẫn là tình hình quân sự sẽ không ổn định được nếu không có một hành động nào có tánh cách quyết định. Nếu không có một hành động nào từ phía Hoa Kỳ thì chúng tôi nghĩ là một sự tẩm máu quan trọng và vô ích sẽ không sao tránh khỏi"

được, nếu tướng Thiệu ra đi và nếu một chính phủ đoàn kết quốc gia được dựng lên theo đề nghị của Ba Lê, áp dụng công thức như các người cộng sản đã từng định nghĩa.”

Như vậy là người trưởng cơ quan này đã để tang cho ông Thiệu rồi !.

Ông Polgar không lưu ý đến bản phân tách của cộng sự viên Frank Snepp. Ông này đã có viết một dư thảo công điện như sau :

“ Tất cả cho thấy là Bắc Việt đã thay đổi kế hoạch và thời khắc biểu của họ, theo đó các cuộc tấn công vào Sài Gòn có thể sẽ vào giữa tháng 4.”

Ông Snepp khẳng định :

-” Sẽ không có viễn ảnh nào về vấn đề đàm phán hay về một chính phủ ba thành phần”

Polgar và ông Martin cùng đọc bản tường trình này. Cả hai ông đều cho bản tường trình này là quá “hoảng hốt”. Bản này sẽ được gửi về Hoa thành Đón nhưng phải được ông Polgar sửa lại. Đoạn văn “tấn công vào Sài Gòn ” của ông Snepp được cây bút của ông Polgar viết lại là ” tấn công vào các vùng chung quanh Sài Gòn ”

Tại Hoa thành Đón trong một phiên điều trần trước Ủy Ban An Ninh Quốc Gia, Ông William Colby, người có trách nhiệm cao nhất của CIA, đã giải thích là tình hình quân sự ở Việt Nam là bi đát. Những người phân tách và viết lại phúc trình của CIA ở Hoa thành Đón đã theo đúng nhận định của Frank Snepp. Họ nói thẳng thừng rằng **“tất cả những chuyện lao xao về “đàm phán” của những người cộng sản chỉ là một “mưu kế” mà thôi”**

Ai sẽ đề cao những nguy cơ và tầm quan trọng trong công tác “viết lại” phúc trình trong hành chánh ngoại giao, trong cơ quan tin tức tình báo , và trong ngành báo chí ?, Ý nghĩ về khả năng đàm phán vẫn còn lảng vảng đâu đây, ngay trên các tầng quan trọng của sứ quán Hoa Kỳ tại Sài Gòn . Trong số dân chúng Miền Nam Việt Nam cũng còn có nhiều người vẫn đeo đuổi hay chạy theo những cuộc đàm phán bóng gió . . . Trong giới báo chí, một trong 3 chàng ngự lâm pháo thủ là Phạm xuân Ân đã cả quyết với hai người bạn là Vương và Cao Giao rằng:

” cộng sản muốn có đàm phán .” (3)

Ân là một người to con, nhã nhặn, là một người rất thông thạo trong việc xử dụng tiếng Anh và tiếng Pháp, cảm hóa được mọi người. Lúc nào ông ta cũng biết được nhiều tin tức, ông làm việc toàn thời gian cho báo Times tại Sài Gòn và có giao dịch với các bộ tham mưu quân sự và chánh trị . Ông đã từng cộng tác với tờ Christian Monitor và hãng thông tấn Reuter. Dưới trào Tổng Thống Diệm thì ông ở bên Mỹ nhờ có được một học bổng của Asia Founation vì người ta tưởng ông là nhân viên của CIA. Ông ta thích nuôi chó và chim. Ông là người cung cấp ít nhất 80 % tờ báo Times từ Việt Nam . Ông nói với Cao Giao :

” người cộng sản không vương mắc gì về tình cảm đâu. Quyền lợi của họ là cho hình thành một chính phủ lâm thời. Và hoạt động của họ là nhắm vào chuyện đó.”

Phải chăng ông Ân chỉ lo về công việc nên ít khi cho biết ý kiến của mình trừ khi đứng trước những người Việt Nam . Đối với bà Nga, người cùng làm việc chung với ông ở văn phòng của tờ Time, đôi khi ông để lộ cho thấy là ông ta không thích người Mỹ. Ông khuyên bà Nga nên rời khỏi Việt Nam . Riêng ông thì ước mong đi tản được bà mẹ của mình. Trong hiện tại thì tờ

Time đang sửa soạn cho di tản vợ con các cộng sự viên của tờ báo. Tuy nhiên ông giải thích cho ông Cao Giao là cũng chưa có gì phải hốt hoảng :

” Rất có thể người ta đang nghĩ tới một nước Việt Nam thứ ba. Nhưng chưa có gì là xác thực hết. Ông Thiệu phải đi đã !”

Các tin tức và những lời phân tích của ông Ân đã được nhiều phóng viên ngoại quốc xử dụng. Trong quá khứ, ông Ân đã tỏ ra là một người thấy xa.

Mặc dầu tin tức có vẻ nghiêm trọng, các rạp chiếu bóng, các quán rượu và các tiệm ăn vẫn đầy người . Vẫn có nhiều khách hàng tập nập ở chợ Bến Thành và chợ trời, dù giá cả có lên cao. Những người vừa mới nói hôm qua rằng bộ đội của tướng Giáp sẽ tiến vào Sài Gòn thì hôm nay lại xác quyết với một giọng cương quyết chắc nịch rằng “Dù có việc gì xảy ra thì Sài Gòn vẫn sẽ được cứu”. Giữ được bộ mặt bề ngoài, cũng là một cách che dấu nỗi lo sợ của mình. Các tờ báo Việt Nam có rất nhiều mục “Rao Vặt”. Giá thuê mướn phòng, hay bán nhà đang xuống . Các văn phòng lo về hôn nhân hoạt động mạnh, Các cô gái Việt Nam đang tìm một ông chồng để mong có được chiếu khán. Đôi khi lại có đề nghị của người Mỹ. . . .

Tờ Saigon Post có mục rao “tìm bạn” như sau:

” Đại tá thuộc Quân Đội Hoa Kỳ . Mong được gặp và đi tới hôn nhân với một bạn gái người Việt Nam trẻ, đẹp để cùng chung sống ở Ba Lê (Pháp) . Phải có hiểu biết Pháp ngữ và Anh ngữ và thuộc gia đình đàng hoàng. Thư cho: Đại tá Mark Broman, 200 N. Howard, phòng số 24, Clarksville, Indiana, USA. 47130.”

Nhiều người xấu miệng cho rằng : Người Việt Nam cũng xuống giá như nhà cửa vậy.

Người dân Sài Gòn chen nhau vào các ngân hàng rút tiền Việt Nam ra để đổi đồng mỹ kim. Thủ tục khó khăn kinh khủng: Muốn rời khỏi nước, một người Việt Nam phải có thông hành, một chiếu khán xuất ngoại , và một chứng chỉ không thiếu thuế. Một vài chiếu khán xuất ngoại được thương lượng với giá 10 triệu đồng, tương đương với 14.000 mỹ kim (hồi đoái chánh thức). Những người trong tuổi quân dịch không có quyền ra khỏi nước. Để cho hồ sơ được cứu xét, các công chức Việt Nam càng ngày càng làm khó.

Nhân viên sứ quán Mỹ thì nóng lòng muốn biết rõ xem : Hà Nội có kế hoạch gì về quân sự và chánh trị hay không ? Những gì sẽ xảy ra ở Cam Bốt ? Tổng Thống Ford có xin được ngân khoản viện trợ bổ túc hay không ?

Trong tuần lễ thứ nhì của tháng tư, có 9 sư đoàn Bắc Việt cùng tiến về hướng Sài Gòn . Tướng Tổng Tham mưu trưởng Miền Nam không còn nghi ngờ gì là họ sẽ tấn công vào Sài Gòn . Tướng Viên không hơn gì Tổng Thống Thiệu cũng không tin vào một giải pháp chánh trị . Khi ông không suy gẫm về cái “nghiệp” của mình hay về bản chất của Chân Thiện Mỹ thì ông thấy rất khó xử. Ông không muốn trung thành với Tổng Thống . Nhưng ông tân Tổng trưởng Quốc Phòng của ông nói cho ông biết là Tổng Thống giờ đây đã trở thành một chương ngại. Ngoài ra ông cũng lưu ý đến tinh thần của Quân Đội . Có không ít tướng tá đã cho Tổng Thống là người có trách nhiệm trong vấn đề triệt thoái vô trật tự của Huế và Đà Nẵng .

Tướng Viên không ước tính được xem nếu Bắc Việt tấn công vào Sài Gòn thì sẽ tấn công từ đâu ? Bộ Tham Mưu Bắc Việt rất giỏi về thuật “dương đông kích tây và đánh như” nên họ đã hoàn toàn vận dụng QLVNCH ở Cao nguyên theo ý của họ. Họ đã áp dụng nguyên tắc của Mao trạch

Đông và của các chiến lược gia: “nếu anh muốn đánh vào hướng Tây, thì hãy nhúc nhích ở hướng Đông”. Tin tức tình báo của Phòng nhì ước tính là cuộc tấn công chính và quan trọng sắp tới của Bắc Việt sẽ là Xuân Lộc, quận lỵ của tỉnh Long Khánh với 100.000 dân, nằm giữa những vườn cao su và giữa hai triền đồi, cách 100 cây số về hướng Đông của Sài Gòn. Giữa Sài Gòn và Xuân Lộc chỉ có mỗi một căn cứ quan trọng, đó là Biên Hòa và sân bay quân sự của nó.

Quân lực Miền Nam đoán chừng cách điều quân của Bắc Việt theo lối cổ điển, gong kềm.

Tướng Trà sẽ tung 3 sư đoàn thuộc Quân Đoàn 4 của ông ta vào trận chiến. Sư đoàn 341 sẽ từ hướng Tây Bắc sau khi vượt qua sông Đồng Nai. Sư đoàn 7 xuống từ hướng Tây Tây Bắc. trong lúc sư đoàn 6 từ phía Tây sẽ tiến theo đường 333. nhưng sẽ xuất hiện từ hướng Tây Nam. Sư đoàn 341 không phải là một sư đoàn thiện chiến. Sư đoàn này có rất nhiều lính mới, trong đó có một số chưa tới 17 tuổi.

Cũng như Huế, Đà Nẵng hay Tây Ninh, Xuân Lộc đã dính vào thân thoai quân sự Hoa Kỳ. Đại tá George Patton con của một đại danh tướng Mỹ, là trung đoàn trưởng của trung đoàn 11 kỵ binh thiết giáp nổi danh, đã từng đặt Tổng hành dinh của mình ở Xuân Lộc. Các sĩ quan Mỹ đóng ở Xuân Lộc đều sẵn sàng tuyên bố là thành phố ở quá xa Sài Gòn để có thể hưởng được cái đẹp của tỉnh nhà và Xuân Lộc ở quá gần thủ đô để thấy mình luôn luôn được bảo vệ.

Sư đoàn Bắc Việt 341 được pháo binh bắn dọn đường và được chiến xa T.54 yểm trợ đã tiến vào thành phố Xuân Lộc trước tiên, rất dễ nhận qua tháp chuông cao ngất của nhà thờ của tỉnh..

Có một ít đơn vị Bắc Việt tiến đến khu chợ và bến xe. Nhưng bị các binh sĩ của sư đoàn 18 bộ binh của tướng Lê minh Đảo đẩy lui. binh sĩ thuộc trung đoàn 43 /sư đoàn 18 sau nhiều pha cận chiến cũng đã đẩy lui được bộ phận tiên tiêu của sư đoàn 6 Bắc Việt. Tướng Dũng nói là các trận kịch chiến rất là dữ dội trong những ngày đầu. Trong 24 tiếng đồng hồ Bắc Việt đã rót đến 10.000 quả đạn pháo vào các vùng ngoại ô của thành phố. Họ mất rất nhiều chiến xa và đang thiếu đạn pháo binh. Đây là lần đầu tiên từ tháng giêng đến nay, Bắc Việt đã gặp khó khăn nghiêm trọng trong vấn đề tiếp liệu. Các T.54 đang thiếu đạn và nhiên liệu. Tướng Trà phải xử dụng đến các trung đoàn trừ bị của sư đoàn 6 và sư đoàn 7.

Dù sao thì binh sĩ Miền Nam vẫn giữ vững được vị trí của họ trong thành phố Xuân Lộc điêu tàn. Họ không có lo lắng gì cho gia đình của họ. Hầu hết gia đình binh sĩ và vợ con của sĩ quan thuộc sư đoàn 18 đều đã được di tản, có khi bằng phương tiện trực thăng nữa. Ở đây họ chỉ còn nghĩ đến chiến đấu. Tuy nhiên họ cũng còn bị vương vীu vì dân tỵ nạn, vì dân Xuân Lộc và vùng phụ cận đang tìm cách trốn chạy về Sài Gòn. Con đường dẫn về thủ đô đã không thể xử dụng được vì pháo binh Bắc Việt đã liên tục bắn phá dữ dội, nên dân chúng tỵ nạn phải dồn hết về thành phố Xuân Lộc. Có một số chạy thoát được bằng cách băng qua chiến tuyến của Bắc Việt. Bọc vòng qua con đường chính và các con đường nhỏ, có nhiều toán dân tỵ nạn đã thoát về được đến thủ đô sau khi băng qua các hàng rào y tế của chánh phủ.

Ngày 10/4, Bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH phải lấy một quyết định quan trọng. Các đơn vị phòng giữ Xuân Lộc không lùi bước trước quân Bắc Việt nhưng họ rất cần được quân tăng viện. Lý lẽ mà người ta đã dùng trong trường hợp của Huế hay Đà Nẵng “ **không thể rút quân phòng thủ Sài Gòn**” không còn dùng ở đây được nữa, bởi vì Xuân Lộc thuộc vòng đai phòng thủ của thủ đô. Tướng Viên tuy vậy còn ngại những mũi tấn công khác vào Sài Gòn nữa. Dùng một cái tướng Viên không còn thụ động nữa đã quyết định tung trừ bị vào trận tuyến Xuân Lộc. Dĩ nhiên với sự đồng ý của Tổng Thống Thiệu. Ngay như Không lực VNCH dù đã không được phối hợp chặt chẽ trong những tuần lễ gần đây, đã bắn phá rất hiệu quả bộ binh và chiến xa của

Bắc Việt. Tướng Viên đã tung quân nhảy dù vào trận chiến Xuân Lộc. Patrick Hays, bên cạnh hàng Michelin, trên con đường đến Xuân Lộc, đã chứng kiến sự xuất quân của đơn vị Dù với con mắt của người biết chuyện. Hàng hái và dũng cảm như những vị anh hùng, các binh sĩ Dù dùng mũ sắt đội lên mũ nồi đỏ của binh chủng. Các binh sĩ này có một tinh thần rất cao. Gần hai lữ đoàn dù đã mất 30 % binh sĩ trong nhiệm vụ làm chậm lại bước tiến của quân địch trên tuyến Nha Trang và Phan Thiết.

Tại căn cứ Tân Sơn Nhất, các sĩ quan Mỹ chung quanh tướng Homer Smith đều nghĩ rằng trận chiến ở Xuân Lộc dù không phải là trận chiến quyết định, biết đâu chừng sẽ chặn đứng được sức tiến của Bắc Việt hay có thể ổn định được trận tuyến. Phải chăng đó là một chiến thắng mà nhân viên của phái đoàn tướng Weyand đòi hỏi? Binh sĩ Miền Nam Việt Nam đã chứng tỏ rằng họ biết phòng thủ và phản công, như vậy họ rất xứng đáng được nhận viện trợ quân sự của Hoa Kỳ. Sẽ có một số trực thăng dành cho các nhà báo ngoại quốc để họ có thể làm chứng cho một chiến thắng của Miền Nam Việt Nam. Bộ tham mưu của tướng Viên khám phá ra là không có thiếu vũ khí và đạn dược. nên họ cấp phát cho binh sĩ của hai tiểu đoàn thuộc lữ đoàn 1 Nhảy Dù mỗi người một khẩu súng nhẹ chống chiến xa. Họ sẽ nói rộng gọng kềm Bắc Việt. Chiến đấu oanh tạc cơ F.5, phi cơ săn giặc A. 1 thi nhau đánh phá các điểm tập trung của Bắc Việt, nhất là các trung đoàn thuộc sư đoàn 341. Các phi cơ vận tải C.130 đã can đảm thả những trái bom loại 750 cân anh từ một cao độ thật thấp qua cánh cửa sau của phi cơ. Bộ Tư lệnh tối cao Bắc Việt cũng tung vào Xuân Lộc các sư đoàn 325 và 312.

Tinh thần của các binh sĩ phòng thủ Xuân Lộc. hình như còn rất tốt. Hệ thống truyền tin còn hoàn hảo. Các đơn vị Biệt động quân và Nhảy Dù đã đến Xuân Lộc. Đường đến Sài Gòn đã được giải tỏa và lực lượng tăng cường đã đi qua. Các trực thăng đã di tản thương binh. Trực thăng võ trang đã tham chiến. QLVNCH đã chiến đấu một chống ba, nhưng Bắc Việt không có lực lượng không trợ.

Phần lớn các phi cơ đã xuất phát từ căn cứ không quân Biên Hòa đang bị Bắc Việt pháo kích nặng nề, nhưng các oanh tạc chiến đấu cơ được chuyển về sân bay Tân Sơn Nhất để được tiếp tế xăng và đạn dược. Chung quanh Xuân Lộc các căn cứ yểm trợ hỏa lực được che dấu cẩn thận trong các vườn cao su và được chỉ huy và tiếp tế đạn dược đầy đủ. Trực thăng đã báo cáo vị trí chính xác của pháo binh và chiến xa Bắc Việt. Các sĩ quan bộ binh Miền Nam Việt Nam được pháo binh và không lực yểm trợ một cách dễ dàng. Gần như họ đã sống trở lại thời kỳ đẹp nhất trong cuộc chiến ở Miền Nam Việt Nam. Không khí lạc quan lan truyền đến đôi từ Sài Gòn tướng Homer Smith gọi một công điện cho tướng George Browne, chủ tịch các ủy ban tham mưu ở Hoa thành Đón, người có địa vị cao nhất trong hệ thống quân sự Hoa Kỳ:

-” Miền Nam Việt Nam đã thắng được một giai đoạn đầu. Lòng can đảm, ý chí cương cường trong chiến đấu của QLVNCH hình như trong một lúc nào đó đã giải quyết được một câu hỏi: “Quân lực VNCH đã thực sự chiến đấu?”

Một chiến tuyến được ổn định + ý chí muốn đàm phán của cả 2 bên = giải pháp chính trị.

Bà Nguyễn thị Bình đang đi du thuyết ở Phi Châu đã tuyên bố là CPLTCHMN cố gắng đạt được những mục tiêu ở Miền Nam Việt Nam bằng những phương tiện không phải là quân sự, nếu được.

Chú giải:

(1) (2)- Người dịch chỉ dịch ý 2 bài thơ bằng tiếng Pháp của tác giả Olivier Todd. Dịch giả vẫn biết 2 bài thơ tiếng Pháp này (một của Tô Hữu một của Lê đức Thọ) đã được

tác giả Olivier Todd dịch từ 2 bài thơ tiếng Việt nhưng nhất thời dịch giả không kịp sưu tầm được nguyên tác. Một ngày nào đó dịch giả nhất định sẽ tìm ra nguyên tác để bổ túc cho bản dịch. Trong khi chờ đợi chúng tôi xin đăng nguyên văn 2 bài thơ bằng tiếng Pháp của tác giả để quý đọc giả thưởng thức.

(1.a) - O Binh Long, sol du Việt Nam du Sud
Pour la première fois, je t'ai rencontré, ce matin
Cette poignée de terre rouge que j'ai pris dans ma main
M'enivrai comme un alcool
En serrant dans mes bras le maquisard du front
Je galoppais déjà dans les plaines de Camau

(1.b) J'entends l'appel du coucou noir
Au soleil levant sur Loc Ninh et sa jungle.
Je n'ai fermé les yeux de la nuit
Je comptais sur mon lit les gouttes qui tombaient
Inquiet pour nos soldats
Pateaugent sur la piste à n'en plus finir
Encore des canons après les tanks
On espère après ceux donc on est sans nouvelles
Le front les attend d'une minute à l'autre,
Arrête toi, veux tu, ô pluie,
Pour que sèche et durcisse la piste
Qui nous conduit au but.
De cette bataille historique
Les premiers coups de feu ont déjà éclaté

(3)– Phạm xuân Ân là một nhân viên tình báo và điệp viên cấp cao của Bắc Việt , nằm vùng ở Miền Nam Việt Nam trong vai một nhà báo, một phóng viên của cả báo Việt và Hoa Kỳ . Đã tung tin thất thiệt và “hòa đàm, giải pháp chính trị” v.v.. theo lệnh của cộng sản Bắc Việt suốt chiều dài cuộc chiến để ru ngủ dư luận trong và ngoài nước. Ông ta đã là đại tá của quân đội Bắc Việt từ trước năm 1975, và sau đó vào thập niên 80 đã được cộng sản thăng cấp thiếu tướng.

Chương 16 Cài hoa trên vành tai

Quốc Hội Hoa Kỳ bắt đầu họp lại từ ngày 7 tháng 4.

Ở quốc gia Hoa Kỳ, nhất là ở các khu vực bầu cử của họ, các nghị sĩ và dân biểu đã nhận thấy là cử tri của họ không nhận định được vị trí của Việt Nam Cộng Hòa (Miền Nam Việt Nam). Rất hiếm công dân Mỹ cảm thấy bị xúc động khi xem các tấm ảnh ở mặt trận Xuân Lộc, cho thấy binh sĩ Miền Nam Việt Nam đang ở các vị trí phòng thủ được tổ chức rất chu đáo, hoặc khi họ phát lên những lá cờ cộng sản màu đỏ tịch thu được của quân đội Bắc Việt. Một sự thăm dò của Louis Harris đã đo được cảm tưởng của những người đặc cử. Trong ba người đã có đến 2 người chống lại viện trợ quân sự cho Cam Bốt và Miền Nam Việt Nam, dù nhờ đó mà có thể “tránh được” một sự tắm máu cho dân chúng ở hai quốc gia đó.

Các ban và các tiểu ban trong Quốc Hội cho chuyển động bộ máy dân chủ của họ, tuy chính xác nhưng quá nặng nề. Các nghị sĩ và dân biểu được cho biết tin tức từng giờ một về những sự bất đồng nội bộ ngay trong Chánh Phủ Hoa Kỳ. Nhà Trắng và Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ ít nhất đã chánh thức hóa đường lối ngoại giao của họ: Miền Nam Việt Nam có thể sẽ được cứu. Ở Ngũ Giác Đài thì một cách không chánh thức người ta cho biết là không còn một hy vọng nào nữa. Tuy nhiên theo lối trình bày công khai thì ông James Schlesinger vẫn trung thành bảo vệ chủ trương của Tổng Thống Ford. Ông Tổng trưởng Quốc Phòng không đi đến mức đoán chắc là một viện trợ quân sự bổ túc có thể sẽ cứu được quân đội Miền Nam Việt Nam. Ông tuyên bố là niềm tin của thế giới đối với Hoa Kỳ đang bị thử thách:

“Chúng ta không thể là một quốc gia có thể buông bỏ bạn bè, phản bội đồng minh của mình, hay nuốt bỏ lời hứa của mình được.”

Ở Hoa Thịnh Đốn càng ngày người ta càng nói tới những mật ước mà ông Nixon đã cam kết với VNCH. Còn hơn thế nữa: có phải người ta cũng đã có những bảo đảm hay cam kết “bằng miệng”? Nghị sĩ Henry Jackson buộc Henry Kissinger phải ra trước Quốc Hội để nói rõ về những bảo đảm do ông ta đã “cam kết mà không báo trước cho Quốc Hội”. Với phong cách “ta đây” của một nghị sĩ bị lãng nhục, ông tự nhủ là phải mở ngay một cuộc điều tra. Cũng như các đồng viện, ông muốn làm sáng tỏ về những cam kết của Hoa Kỳ. Thật ra ông cũng muốn làm giảm uy thế của Tổng Thống Ford khi ông hạch hỏi Kissinger. Họ đã được thâm nhuần đặc tính luôn luôn dị ứng về mọi hành động “đi đêm” từ thời Tổng Thống Wilson, một người đã ca tụng giá trị của những “thỏa thuận công khai được thực hiện công khai”, nên các nhà lập pháp không sẵn sàng để nghe những trình bày của các đại diện Hành Pháp một cách thuận lợi lắm. Hậu quả của sự kiện “nghe lén” (Watergate) chưa tan biến hết. Hơn bao giờ hết, Tổng Thống và Chánh Phủ của ông vẫn bị cáo buộc là “có tội” trước khi họ chứng minh được sự vô tội của họ

Trong các phiên họp công khai hay họp kín, các nghị sĩ và dân biểu hạch hỏi các nhân viên của Bộ Ngoại Giao, của Bộ Quốc Phòng, của Trung Ương Tình Báo hay của tất cả các cơ quan khác của Chánh Phủ gởi tới. Thẳng thừng đến gần như tàn bạo, phiên họp của các tiểu ban thường giống như các cuộc điều tra; bên trong các phòng vuông bằng đá hoa hay cẩm thạch oai nghiêm thường diễn ra những cuộc đấu trí giữa các đại biểu của Hành Pháp và những người của Lập Pháp. Các công chức ra điều trần ở đây thường khó dấu được sự hoài nghi của họ

Daniel Parker, trưởng cơ quan phát triển quốc tế đã tuyên bố với các thành viên của Tiểu Ban Quốc Tế của Hạ Viện rằng:

- "Tôi không thể nói với các ông là số phận của Miền Nam Việt Nam sẽ ra sao trong những tháng sắp tới, nhưng tôi có thể nói số phận của dân chúng của họ sẽ ra sao.... nếu chúng ta không chấp thuận cho họ những phương tiện cần thiết."

Các tiểu ban phân biệt rõ ràng sự giúp đỡ quân sự mà họ càng ngày càng chống đối, với sự giúp đỡ nhân đạo. Nghị sĩ Hubert Humphrey, cựu Phó Tổng Thống và cựu ứng cử viên Tổng Thống của đảng Dân Chủ, đã nói trong hành lang rằng :

- "Tất cả mọi người đều đi dạo chơi với cành hoa cài trên vành tai, và nói rằng mọi việc rồi sẽ qua đi. Chuyện này sẽ không qua đi một cách tốt đẹp đâu. Đó là một thảm họa . Tôi là người không sẵn sàng cho thêm "một xu" nào nữa, cho những người không muốn đứng trở lên và chiến đấu cho sự sống còn của mình."

Tổng Thống Ford ngỏ lời với các nghị sĩ và dân biểu đang họp mặt trong một bầu không khí trang trọng. Có nhiều thành viên trong Quốc Hội, vì một niềm tin cho số đông cử tri của họ, và cũng như có một số dân cử không sợ mất lòng cử tri của mình , đã cho các tùy viên trong Quốc Hội và các đại biểu đặc biệt của Chánh Phủ biết , khi được dò hỏi, là họ sẽ sẵn sàng bỏ phiếu thuận cho viện trợ nhân đạo, và dĩ nhiên cả ngân khoản cần thiết để tiến hành một cuộc di tản, nhưng về viện trợ cho cuộc chiến thì không có một đô la nào thêm nữa.. Do đó ông Ford phải bơi ngược dòng nước....

Hơn một nửa của bài diễn văn được ông dành để nhắc tới Đông Dương.. Về Cam Bốt, Tổng Thống Ford nhắc lại là trước đây 3 tháng ông đã có xin một ngân khoản viện trợ bổ túc. Nhưng ngay chiều nay "có thể là đã quá muộn rồi". Do đó ông sắp sửa cho đóng cửa tòa đại sứ của ông ở Phnom Penh. Đối với ông, coi như Cam Bốt đã mất rồi, nhưng Việt Nam thì không . Về Việt Nam , ông nhắc lại những luận cứ của Chánh Phủ của ông (một số các vị dân cử cho là ông nhai lại): Hiệp Định Ba Lê có đứng vững được là do Hoa Kỳ đã trợ lực cho Sài Gòn. Những sự từ chối của Quốc Hội không bỏ phiếu cho những ngân khoản viện trợ là sẽ khuyến khích Hà Nội tăng thêm nỗ lực tấn công của họ

Các vị dân cử không bao giờ chấp nhận luận điệu gán trách nhiệm cho họ về sự tan vỡ của Miền Nam Việt Nam

Tổng Thống Ford dự đoán nhiều giải pháp.

Có hai giải pháp tích cực : *Hoặc không làm gì hết, hoặc phải tuyên chiến để thi hành Hiệp Định Ba Lê.*

Có hai giải pháp gần như trung dung: *Hoặc chấp thuận một ngân khoản 300 triệu mỹ kim viện trợ quân sự như đã xin từ trước, hoặc tăng ngân khoản viện trợ quân sự và kinh tế*

Tổng Thống Ford thì khuyến cáo nên dùng giải pháp thứ hai này

Trường hợp tốt nhất, giải pháp này sẽ giúp cho Miền Nam Việt Nam ổn định được tình hình quân sự và đạt được một dàn xếp chánh trị. Trường hợp xấu nhất cũng có thể giúp di tản được 6000 người Mỹ đang còn tại chỗ và một số người Việt Nam nào đó;

Đọc bài diễn văn một cách đơn điệu, dựa trên phúc trình của tướng Weyand, *Tổng Thống Ford xin Quốc Hội ngân khoản viện trợ quân sự 722 triệu và 250 triệu để giúp đỡ cho những người di cư. Tổng Thống yêu cầu lưỡng viện Quốc Hội chấp thuận các ngân khoản này và bỏ phiếu trước ngày 19 tháng 4.*

Tổng Thống Ford cũng nêu lên một bài toán phức tạp: đâu là quyền hạn của một Tổng Thống về việc sử dụng quân đội để di tản người Mỹ ở Việt Nam “nếu thấy đó là chuyện cần thiết”. Ông Ford phải thủ thế khi ông nghĩ tới hiến chế được thay đổi dưới trào ông Nixon nhằm hạn chế quyền hạn của Tổng Thống. Ông hy vọng là người ta sẽ cho phép ông được gọi quân Mỹ để “*bảo vệ và hộ tống*” các công dân Hoa Kỳ, ông không muốn trong trường hợp nào đó ông lại bị cáo buộc là đã gây chiến tranh trở lại. Theo Hiến Pháp thì Quốc Hội “có quyền... tuyên chiến”. Không có một Tổng Thống nào từ ông Kennedy, ông Johnson đến ông Nixon đều không có kêu gọi các nhà Lập Pháp làm đúng theo Hiến Pháp, một điều sai trái trầm trọng về tâm lý. Thật tình thì Quốc Hội Hoa Kỳ chưa bao giờ tuyên chiến từ Thế chiến Hai. Điều đó không ngăn cản các Tổng Thống gọi quân đội Mỹ qua Hy Lạp và Đại Hàn, (dưới danh nghĩa của Liên Hiệp Quốc), qua Cộng Hòa Đô mi ni ca, và qua Li băng. Trong một số trường hợp, người ta có thể cho đó là những cuộc hành quân Cảnh Sát đại qui mô. Nhất là từ sau 1965, các nghị sĩ và dân biểu Hoa Kỳ mặc nhiên cho Tổng Thống quyền được tiến hành chiến tranh mà không cần tuyên chiến. Và cứ mỗi năm các nhà Lập Pháp lại tiếp tục bỏ phiếu cho ngân khoản cần thiết.

Cung cách đó đã qua rồi. Vào tháng 7 năm 1973, Quốc Hội đã bỏ phiếu cho một Luật nhằm xóa hết các ngân khoản cho “tất cả các hoạt động tác chiến” ở Đông Dương. Mặc dầu Tổng Thống Nixon đã phủ quyết, nhưng tiếp theo đó vào tháng 11, Quốc Hội đã chấp thuận một Quyết Nghị về Quyền Hạn Chiến Tranh, quyết nghị này đã trở thành Luật (về Quyền Hạn Chiến Tranh). Theo Luật này, người ta đã thấy là mỗi lần Tổng Thống sử dụng quân đội Hoa Kỳ ở ngoại quốc là ông phải phúc trình.. Luật này không dự trù trường hợp nào có dạng như di tản từ Miền Nam Việt Nam. Vậy Tổng Thống sẽ lấy “quyền” nào để đưa quân lực Hoa Kỳ vào vùng chiến sự hay vào những vùng mà tình hình thực tế cho thấy rõ ràng là mình sẽ có thể bị lôi kéo vào chiến sự. Quyết nghị và Luật về Quyền Hạn Chiến Tranh không phải văn kiện quá sáng tỏ về mặt pháp lý. Ông Ford muốn làm sáng tỏ một vài điểm – để tự bảo vệ cho mình

Một bài toán khác : Bộ Luật không dự trù di tản người Việt Nam vì họ không phải là công dân Hoa Kỳ. Các nhà Lập Pháp chấp thuận giúp đỡ người Mỹ đang gặp khó khăn, điều đó rất đúng, nhưng còn người Việt Nam thì sao? Và bao nhiêu người ?

Để chấm dứt chuyện cam kết mật của ông Nixon, ông Tổng Thống Ford đã có một buổi họp với các lãnh tụ đa số của Quốc Hội ở Nhà Trắng vào ngày 11 tháng 4. Trên căn bản thì Tổng Thống Ford tuyên bố là “*những trao đổi riêng tư giữa ông Nixon và ông Thiệu không khác những gì mà người ta đã nói lên một cách công khai*”. Đúng là một đề tài rất tốt cho luận án tiến sĩ, câu hỏi hoàn toàn được giữ nguyên: “*sự cam kết riêng của một ông cựu Tổng Thống có bắt buộc ông Tổng Thống đương nhiệm phải cam kết hay không? và nhất là Quốc Hội?*” Tổng Thống và Quốc Hội thấy không có thì giờ cho quý vị làm luận án nữa !

Tổng Thống Ford ra lệnh cho đại sứ Mỹ John Dean ở Phnom Penh đóng cửa tòa đại sứ ở đó

Ngày 12 tháng 4 hồi 7 giờ 45, có ba đợt trực thăng cất cánh từ hàng không mẫu hạm Okinawa ở vịnh Thái Lan. Một số khác đi từ mẫu hạm Hancock. Tất cả Thủy Quân Lục Chiến Mỹ đều được trang bị súng M.16 và súng phóng lựu. Được chuẩn bị từ tháng 2, cuộc hành quân “Ó bay đi” (Eagle Pull) bắt đầu. Ông John Dean, một nhà ngoại giao lão luyện, người đã theo sát mọi sự kiện của Đông Dương ở Ba Lê và ở Vạn Tượng trước khi được chỉ định vào chức vụ Đại Sứ ở Phnom Penh, đã thông báo cho những nhân vật có trách nhiệm chánh trị và quân sự của Cam Bốt: Những ai muốn nhân cơ hội này để được di tản thì sẽ được bốc đi. Ông John Dean đích thân đến tư dinh của Thủ Tướng Long Boret để thông báo vấn đề này. Trừ một người, còn tất cả các Tổng trưởng và vị xử lý thường vụ Chủ Tịch Nước đều từ chối không ai chịu di tản,

Sau khi bay 160 cây số trên lãnh thổ đang nằm trong tay Kmers Đỏ, các trực thăng đầu tiên thuộc nhóm Alpha đáp xuống Phnom Penh, và các Thủy Quân Lục Chiến bố trí ngay chung quanh Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ

Ông John Dean nhận được một bức thư của ông Sirik Matak, Cố vấn Chánh Phủ, nội dung như sau :

– ” Thưa ông Đại sứ và ông bạn thân mến,

Tôi thành thật rất cảm ơn ông, về bức thư và đề nghị của ông nhằm đưa chúng tôi đến nơi Tự Do. Than ôi, tôi không thể đi một cách hén nhất như thế được .

Về phần ông và quốc gia Hoa Kỳ hùng mạnh của ông, không có một lúc nào tôi tưởng rằng các ông buông bỏ một dân tộc đang chọn và tranh đấu cho Tự Do. Các ông đã từ chối không bảo vệ dân tộc chúng tôi ; chúng tôi không thể làm gì hơn được. Ông ra đi, Tôi xin chúc ông và quốc gia của ông tìm được hạnh phúc dưới gầm trời này.

Nhưng, xin ông ghi rõ điều này, nếu tôi có chết ở đây, chết ở ngay đất nước thân yêu của tôi, xin hãy mặc kệ chúng tôi, vì chúng tôi được sanh ra thì tất nhiên rồi cũng phải có một ngày nào đó chúng tôi phải chết thôi ! Nhưng điều đáng tiếc là tôi đã có một lầm lỗi, đó là tin nơi ông và tin nơi người Mỹ các ông.

Xin ông Đại sứ và là ông bạn thân của tôi nhận nơi đây tình cảm trung thực và thân thiết của tôi .

Surik Matak

Vì tò mò, không hận thù, người dân Cam Bốt đứng quanh tòa đại sứ nhìn cuộc hành quân di tản đang diễn tiến rất tốt đẹp. Đại úy Cyril Moter tham gia cuộc hành quân này với nhóm Thủy Quân Lục Chiến của ông. Trong hai tiếng đồng hồ, trực thăng đã bốc đi 82 người Mỹ, 159 người Cam Bốt, và một số người Phi luật Tân, Đài Loan, Úc, Thái Lan, Pháp, Tây ban Nha, Thụy điển, Anh cát Lợi, Gia nã Đại và Ý đại Lợi. Trong số những người Mỹ thì có các nhà ngoại giao và một số nhà báo. Nhưng Sydney Schanberg của tờ Thời Báo Nhiều Do và cộng sự viên của ông, Dith Pran, người Cam Bốt, thì không đi, chọn ở lại Phnom Penh.

Đến 10 giờ 15 thì ông John Dean với vẻ mặt nghiêm trọng, nếu không muốn nói là thiếu nảo, ôm lá quốc kỳ Mỹ trong tay bước lên trực thăng

Vào lúc 10.giờ 41, tất cả các dân sự đều được bốc đi hết

Các quả đạn bách kích pháo rơi chung quanh tòa đại sứ trong khi một y tá người Mỹ đang săn sóc 2 thương binh.. Từ dưới đất, Thủy Quân Lục Chiến gửi một công điện truyền tin lên chiếc phi cơ chỉ huy là chiếc C.130 đang bay lượn trên không phận Phnom Penh. Nhưng không có một chiếc phi cơ hay trực thăng nào tìm ra vị trí của mấy khẩu bách kích pháo của Khmer Đỏ. Có hơn 12 chiếc phi cơ tiêm kích đang bay tuần tiễu giữa Phnom Penh và bờ biển, nhưng họ không can thiệp

Ngoài khơi hải cảng Sihanouk, hạm đội Hoa Kỳ đã dàn ra từ hôm qua. Đó là những chiếc Vancouver, Thomaston, Henry D. Wilson, Knox, và chiếc Kirk. Các phi cơ Mỹ thuộc Không Lục Hoa Kỳ đang đóng trên căn cứ ở Thái Lan đều sẵn sàng có thể đến phối hợp với các chiến hạm này để đẩy lui các cuộc tấn công của Khmer Đỏ, nếu có

Sau vài giờ tạm nghỉ trên các chiến hạm, những người di tản từ Phnom Penh được đưa về Thái Lan

Cuộc hành quân “Ó Bay Đi” đã thỏa mãn hoàn toàn các quân nhân Hoa Kỳ. Một công tác được chuẩn bị và thi hành rất chu đáo. Một công trình tiếp vận thành công vì Khmer Đỏ không có phương tiện để chống lại. Trước hết có thể vì dân chúng ở thủ đô Cam Bốt không tìm cách ủa nhau cùng chạy loạn theo các trục thẳng

Tóm lại đây cũng có thể coi như một cuộc thao dượt cho... Sài Gòn, nếu người ta muốn đi tới đó. Các báo chí trên toàn thế giới đều có “Một đề tài như nhau: Người Mỹ rời khỏi Phnom Penh”, “Vị Xử Lý Thường Vụ Chủ Tịch di tản, chạy theo Đại Sứ Hoa Kỳ”, “Quân đội nắm quyền tại Phnom Penh”, “Ủy Ban Quân sự được thành lập dưới quyền của tướng Sak Suttasakom”. Tổng Thống Giscard d’Estaing say mê danh từ “thích hợp”. Ngay tức khắc Chánh Phủ Pháp nhìn nhận Quốc Gia mới, nghĩa là chế độ Khmer Đỏ. Việc nhìn nhận quá hấp tấp này thật sự có “thích hợp” hay không đây?

Tòa Đại sứ Pháp ở Phnom Penh chỉ có một lãnh sự là ông Jean Dyrac, tạm thời được nâng lên hàng Phó Lãnh Sự: Nước Pháp đi trước xa đối với chế độ.

Ngày 17 tháng 4 hồi 5 giờ, có một số Khmer Đỏ đến trước Tòa Đại sứ. Sau đó, các xe thiết giáp của Chánh Phủ mang cờ trắng chạy khắp thành phố

Quân Khmer Đỏ giải phóng Phnom Penh trước khi Bắc Việt chiếm được Sài Gòn. Đây là một cuộc chạy đua với thời gian giữa Bạn và Thù; Khmer Đỏ muốn chứng minh rằng họ có đủ khả năng tiến tới một mình, không cần có sự giúp đỡ của Bắc Việt

Sau đó Khmer Đỏ đuổi hết dân chúng ra khỏi thành phố

Các công điện của người Pháp từ Phnom Penh được chuyển về Paris qua ngã Sài Gòn và thường bị gián đoạn. Bốn ngàn dân tỵ nạn đang cắm trại trong khuôn viên tòa đại sứ. Trong số này có những người Đông Đức và người Nga. Những người KĐ (Khmer Đỏ)

– các chuyên viên gọi họ là “KR”, hai chữ đầu của Khmer Rouge – đã bắn sập tường của tòa đại sứ Liên Xô bằng rốc két. Hoàng thân Sirik Matak và các thành viên thuộc gia đình Quốc Vương Norodom Sihanouk và 3 đức cháu đang tỵ nạn ở trong tòa đại sứ Pháp. Ngày hôm sau, hai sĩ quan KR và một đoàn tùy tùng trang bị súng không giật đến tòa đại sứ Pháp đòi bắt Hoàng Thân, nhưng Lãnh sự Pháp, ông Dyrac từ chối không cho họ vào, để mua thời gian

– Ngày hôm sau chúng tôi sẽ đến, viên sĩ quan KĐ nói như vậy

Ông Dyrac nhờ các linh mục Francois Ponchaud và Bernard Berger tác động giùm tinh thần cho các người dân tỵ nạn. Họ nâng cao tinh thần những người này bằng cách phổ biến các tin tức: liên lạc với Sài Gòn vẫn được duy trì cho tới khi nào điện bị cắt mới thôi.

Lúc 11 giờ, một chiếc phi cơ Hoa Kỳ lượn trên tòa đại sứ Pháp. Có hai nhà báo người Mỹ dùng máy truyền tin cầm tay liên lạc với phi cơ và yêu cầu được bốc đi bằng trực thăng. Người ta nói là Bộ Tư Lệnh Hoa Kỳ ở Thái Lan và cả Ngũ Giác Đài bên Hoa Thạnh Đôn sẽ nghiên cứu vấn đề này. Cuộc hành quân di tản được yêu cầu này có thể sẽ đưa tới một cuộc tàn sát hết tất cả người tỵ nạn ngay ở tòa đại sứ ở đây

Ngày 19 tháng 4, hoàng thân Sirik Matak và những người Cam Bốt khác quyết định ra hàng. Những người của KĐ với một chiếc xe Jeep và 2 xe vận tải đến trước tòa đại sứ. Hoàng thân Matak còn được nhìn thấy ở cách Phnom Penh chừng 20 cây số, sau đó thì không còn ai thấy được ông ta đâu nữa

Con hấp hối của quốc gia Cam Bốt trong tay bọn Khmer Đỏ đang bắt đầu..

Tổng Thống Thiệu nói chuyện với ông Hoàng đức Nhã về sự thất thủ của Phnom Penh. Nhã xác nhận:

– “ Mọi việc rồi cũng sẽ đến với Sài Gòn như vậy,.

– “Anh tin như vậy sao ?

– “ Vâng, nếu cộng sản Bắc Việt đưa hết lực lượng của họ để tấn công chúng ta .

– “ Tôi không tin như thế, và tôi không bao giờ tin như thế. Có quá nhiều việc liên quan đến vấn đề này, ông Thiệu nhấn mạnh

Tổng Thống Thiệu vẫn còn tin chắc là ông sẽ làm cho người Mỹ phải nhảy vào.

Ông Hoàng đức Nhã tự nguyện sẽ đi Tân gia Ba. Ông rất phục Thủ Tướng Lý quang Diệu, một nhân vật dân chủ xã hội rất có quyền thế đang lãnh đạo một đất nước trên hòn đảo nhỏ bé này . Ông ta đã cho dân chúng Tân gia Ba những gì mà người cộng sản luôn luôn chỉ có hứa suông mà không bao giờ có, như việc làm, học vấn, và nhà ở. Phương thức dân chủ rất mạnh mẽ ở đây đã làm cho Nhã say mê. Cũng vì vậy mà khi có một nhà báo Anh cho ông biết là ông Lý quang Diệu mong ước muốn gặp ông, thì ông tỏ ra rất bằng lòng. Ông Nhã đáp phi cơ đến Tân gia Ba và ở trọ tại Raffles, một khách sạn cũ nhưng rất nổi tiếng và rất đẹp. Sau đó ông đi dùng cơm tối ở nhà hàng Newton Circus. Tân gia Ba là một thành phố rất văn minh, có văn hóa, sạch sẽ, được kiểm soát rất chặt chẽ do một lực lượng gìn giữ trật tự vô hình nhưng hữu hiệu

Một thanh tra Cảnh Sát mặc thường phục đến gần Nhã :

– Ông là ông Nhã ?

– Phải

– Ngài Thủ tướng muốn gặp ông. Ngay bây giờ

Ông Nhã rất thích lễ lối mà người ta đã nhanh chóng nhận ra ông ngay ở đây

Đến nơi, ngoài Thủ Tướng ông còn thấy có ông Tổng trưởng Ngoại Giao và một vị Cố vấn chánh trị . Mọi người đều dùng Anh văn để đàm thoại. Nhã được biết qua về một chuyến du hành của Phó Tổng Thống Hoa Kỳ, ông Nelson Rockefeller. Nhon dịp sang dự tang lễ của ông Tướng giới Thạch vừa từ trần hôm ngày 5 tháng 4, ông Rockefeller đi một vòng thăm vùng Đông Nam Á Châu. Ông đã tích lũy được một số chuyện phiếm. Khi người ta nói với ông về tình hình ở Việt Nam, ông trả lời dựa theo các cuộc bầu cử Tổng Thống Mỹ vào năm 1976:

– “Nếu hai hay ba ngàn người Mỹ chết hay bị bắt làm tù binh, thì sẽ có nhiều bài toán được đặt ra ”.

Nếu người ta nhắc lại câu hỏi của đảo Chypre, thì ông sẽ đề nghị với những người Hy Lạp là họ phải rất bằng lòng về cuộc xâm lăng của Thổ Nhĩ Kỳ, vì nó giúp khôi phục lại được nền Dân Chủ ở Hy Lạp:

– ” *Nếu tôi là người Hy Lạp, tôi sẽ quỳ xuống để cầu nguyện – tôi không biết người Hy Lạp sẽ cầu nguyện với ai? với những vị Thánh nào trong trường hợp này....* ”.

Không biết Tổng Thống Ford thường hay có ý định xử dụng ông Phó của ông trong lãnh vực ngoại giao loại này hay không ? “Điều này chắc phải tùy thuộc xem người nào chết,”

Đi thẳng vào đề , Thủ Tướng Lý quang Diệu nói với ông Nhã :

– “*Chúng ta không nên để mất thì giờ., Tôi đã yêu cầu ông đến đây vì đã gần tới giờ chung cuộc rồi. (ở Việt Nam). Ông Rockefeller đã hỏi tôi, như đã hỏi các vị lãnh đạo khác ở Á Châu, là liệu chúng tôi có chấp thuận một cuộc hành quân để loại bỏ ông Tổng Thống Thiệu hay không ? (nguyên tác:opération)*

Nhìn thoáng qua theo ý kiến của ông Rockefeller – của ông ta? hay của ông Ford? chắc chắn không phải của Bộ Ngoại giao hay của Trung Ương Tình Báo CIA – thì sẽ phải dựng lên một nhóm đảo chánh ở Sài Gòn. Tham gia vào đó sẽ có thể là cựu Thủ tướng Khiêm, tướng Viên Tổng Tham mưu trưởng, hay tướng Không quân Nguyễn cao Kỳ . Sau đó người ta sẽ thành lập một Chánh Phủ Liên Hiệp do nhóm này tấn phong . Ông Lý quang Diệu không bàn cãi về khía cạnh hữu lý hay hoang đường của kế hoạch này, một kế hoạch mà chỉ có riêng ông Rockefeller là người phải chịu trách nhiệm mà thôi.

Ông Lý quang Diệu nói với ông Nhã :

– ” *Ông hãy báo cho ông anh của ông biết đi. Còn ông thì nên ở lại đây, đừng có trở lại Sài Gòn . Tôi sẽ lo đưa gia đình ông ra khỏi Việt Nam . Ông biết không ? người Mỹ đã chọn nơi cư trú cho ông Thiệu rồi đó “.*

Không cần nghĩ là có thể bị nghe lén hay không , ông Nhã liền gọi điện thoại ngay về cho Tổng ThốngThiệu. Tất cả tin tức nhận được đều y như thế .Qua bạn bè của ông, qua các sĩ quan cấp tá trẻ, Nhã biết được sự tức giận trong QLVNCH (Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa) trên cấp cao. Ông khuyên Tổng ThốngThiệu nên từ chức

– *Anh đừng chờ người ta lật đổ anh, hay người ta tống cổ anh đi. Hãy đi trước một bước đi, càng nhanh càng tốt.*

Nhưng rồi Hoàng đức Nhã cũng về lại Sài Gòn qua ngã Bangkok. Ông điện thoại về Dinh Độc Lập. Một tùy viên xin ông gọi lại sau:

– ” *Tổng Thống đang làm việc , ông đang thảo một bài diễn văn, nghe hình như một bài diễn văn độc đáo lắm.* ”.

Ông Kissinger hỏi ông đại sứ Martin : Có thể dùng hải cảng Vũng Tàu cho một cuộc di tản qui mô được không ? Công điện của Tổng trưởng ngoại giao viết :

– “*Trong chiều hướng đó có thể tránh được sự hỗn loạn, phải phối hợp chặt chẽ với ông Thiệu.* ”

Ông Kissinger tỏ ra lo lắng cho số phận của những người Việt Nam đã cộng tác với người Mỹ:

– *“Chúng tôi muốn biết xem liệu ông Thiệu có sẵn sàng để cho một số người của họ ra đi bây giờ hay không ?”*

Ông Martin bắt đầu chịu nghe theo ý kiến về một giải pháp thương thuyết. Ông đã từng luôn luôn bênh vực Tổng Thống Thiệu, nhưng bây giờ thì ông nghĩ là ông này phải ra đi. Gần đây có những tin đồn do người Mỹ gán cho tòa đại sứ Pháp, cho rằng Bắc Việt sẽ liệng bom xuống Sài Gòn nếu ông Thiệu không chịu ra đi ngay từ bây giờ

Tại Hoa Thịnh Đốn , ông Kissinger lại lên tiếng. Ông điều trần trước một tiểu ban ở Thượng Viện . Ông nói như một chiến lược gia loại Clausewitz:

– *” Cuộc tấn công của Bắc Việt và phản ứng của Miền Nam Việt Nam không phải ngẫu nhiên mà xảy ra. Hơn nữa sự may mắn luôn luôn là một yếu tố trong chiến tranh,*

Ông ôn lại những biến cố trong 3 tháng sau cùng. Ông chấp nhận là Miền Nam Việt Nam cũng không có thi hành đúng đắn tất cả các điều khoản của Hiệp Định Ba Lê. Nhưng ông nhấn mạnh là theo thống kê thì Sài Gòn ít vi phạm hơn nhiều so với Hà Nội. Bây giờ thì đã có một sự mất thăng bằng về quân sự, có lợi cho Bắc Việt nhiều hơn . Sài Gòn đang tìm một giải pháp chánh trị xuyên qua những cuộc bàn cãi với CPCMLTMN tại Ba Lê:

– *” Không hề có một sự tiến bộ nào cho một giải pháp dung hòa về chánh trị , bởi vì Hà Nội không bao giờ muốn như thế*

Ông Kissinger chứng minh qua Hiệp Định Paris. Ông nhắc lại là :

– *“Cả Hoa Kỳ và VNCH không bao giờ thấy Bắc Việt thi hành hoàn toàn và nghiêm chỉnh Hiệp Định Ba Lê. Vì nếu được Hà Nội áp dụng đúng đắn, thì các điều khoản chính của Hiệp Định đã giúp cho họ từ bỏ giải pháp quân sự từ lâu, để bước sang giải pháp chánh trị như Hiệp Định đã ghi rõ.”*

Ông Kissinger nói rõ là tất cả đều được thiết lập trên sự mất cân bằng, không còn đồng đẳng về quân sự nữa

– *” Các đơn vị chiến đấu của Bắc Việt quá nhiều so với Miền Nam , và họ lại được vũ trang quá hùng hậu. Quan trọng hơn nữa là họ lại lợi dụng được một tốc độ về tâm lý chiến. Trong một trận chiến điều này có thể là một yếu tố quyết định mạnh hơn là vũ khí nữa.”*

Nghị sĩ Joseph Montoya hỏi ông Kissinger về những lý do thất trận của Miền Nam Việt Nam . Kissinger dùng lại những lập luận của ông và của Chánh Phủ Hoa Kỳ :

– *” Với một lực lượng quân sự không cân bằng, vì những cắt xén viện trợ của Hoa Kỳ , do những áp lực về lạm phát, và giá dầu tăng cao.....*

Ông Kissinger khen ngợi tinh thần can đảm của Quân Lực VNCH, mặc dầu số tử vong lên đến gần 30.000 người vào năm 1994 (Theo chánh quyền Sài Gòn thì con số tử vong là 21.000 người .)

Đối với những cam kết mật của ông Nixon, nghị sĩ Montoya nêu lên bài toán về những nghĩa vụ của Hoa Kỳ trên phương diện pháp lý và tinh thần đạo đức:

– “Chúng ta phải gánh nghĩa vụ tinh thần đó bao nhiêu lâu nữa, giả dụ như chúng ta đã có nghĩa vụ đó từ lâu đối với Miền Nam Việt Nam ?

– ” Thừa nghị sĩ, thật rất khó mà ấn định được một thời gian nào để chấm dứt hẳn. Trên thế giới này đã có tình trạng đe dọa thường xuyên nên người ta không thể nói trước một thời gian nào gọi là chấm dứt nghĩa vụ được, trừ phi kẻ xâm lăng chính quyết định chấm dứt cuộc xâm lăng của họ. Chúng ta đã có nghĩa vụ ở Âu Châu trong suốt thời gian sau khi thế chiến chấm dứt, một nghĩa vụ mà chúng ta không thể ấn định được lúc nào mới phải chấm dứt. Chúng ta có một nghĩa vụ đối với quốc gia Do Thái và chúng ta cũng không thể cho một thời gian nào....

– Ông có thể cho biết một nước nào khác đã có nghĩa vụ tinh thần đối với Miền Nam Việt Nam hay không ?

– Có rất ít quốc gia như vậy. Chỉ có Nam Hàn, Úc Châu và Tân Tây Lan là có gửi quân đến đó...

Một nghị sĩ khác thuộc đảng Dân Chủ, ông Henry Bellmon hỏi Kissinger:

-” Đôi khi người ta nói về ông, rằng ông là một nhà sáng tác tài tình nhiều phép lạ trong nghề ngoại giao của ông. Ông đã thiết lập được những liên hệ quá bình thường với Trung Quốc....

Ông Kissinger ngắt lời ông Bellmon nửa đùa nửa thật:

– “Thiết lập quan hệ bình thường ư ? Câu này không phải của tôi đâu, nhưng khi người ta dùng nó, đôi khi tôi không có phản đối quá mạnh....

– Ông cũng có làm việc để đi đến thỏa thuận với Liên Xô. Các quốc gia đó (Trung Quốc và Liên Xô) đã tiếp tế cho Bắc Việt . Chúng tôi không biết trong trường hợp hiện tại, nếu những sự quan hệ của chúng ta đối với Trung Quốc và Liên Xô được cải thiện tốt đẹp, thì chúng ta có nên xài nó.....

– Kissinger thấy là tất cả chánh sách ngoại giao được đặt thành vấn đề trở lại, bèn đáp :

– ” Khi có người nói rằng họ nhờ chúng ta, thì phải tự hỏi xem chúng ta đã thiết lập được những gì.... Mục tiêu chính yếu trong vấn đề hòa hoãn với Liên Xô là để giảm thiểu nguy cơ của chiến tranh nguyên tử và làm nhẹ đi những sự căng thẳng nói chung. Đây là những gì đã xảy ra: mức độ cung cấp dụng cụ chiến tranh của Liên Xô cho Bắc Việt được giữ ở mức độ không thay đổi trong những năm sau cùng. Trong khi đó, mức độ cung ứng dụng cụ quân sự của Hoa Kỳ cho Miền Nam Việt Nam đã giảm xuống đáng kể. Ngoài ra Liên Xô hình như không bao giờ tự hỏi về việc xử dụng vũ khí viện trợ đó một cách quá tỉ mỉ và quá máy móc như chúng ta “.

Trong thâm tâm, Kissinger không có ý định phải tái đội bom Bắc Việt. Nhưng nghị sĩ Walter Huddleston, Dân Chủ thốt lên một câu :

– ” Người Mỹ chúng ta muốn biết là sau bao nhiêu năm các ngân khoản bỏ tức do Chánh Phủ yêu cầu có đi tới được một kết luận tốt hay không ? Có hay không ? Có một câu trả lời nào cho vấn đề này không ?

– “Không có một câu trả lời nào chính xác hết. Nếu ít ra chỉ có một.

Với vẻ cảm động, như một kịch sĩ lành nghề, ông Tổng trưởng ngoại giao lẳng lẳng đọc cho các nghị sĩ nghe bức thư của ông Sirik Matak. Các vị dân cử đều ngao ngán...Kissinger bèn khai thác ngay :

– ” Thưa ông Chủ tịch, thưa quý bà, quý ông..., Ông đại sứ Dean và cá nhân tôi nữa không người nào quên được lá thư này. Và ngay cả người đã can đảm viết bức thư này..cũng vậy. Bây giờ đây, với tư cách là người Hoa Kỳ chúng ta cùng nhau phải biết hành động như thế nào để có thể chắc chắn là chúng ta sẽ không bao giờ còn nhận được những lá thư như thế này nữa.!”

Ông Tổng trưởng ngoại giao muốn thử làm cao để tự bào chữa, nên chỉ nhắc sơ qua lý do chính yếu đã đẩy Bắc Việt tiến tới một cuộc tổng tấn công toàn diện và cuối cùng.

Khởi đầu thì có vụ việc “nghe lén” (Watergate) mà chỉ một mình ông Nixon là người lãnh trách nhiệm.. Vừa không thể chấp nhận được, vừa là điều phi lý, sự nghe lén đòi bại nhỏ nhoi trong những khu vực của đảng Dân Chủ đó đã kéo theo một thủ tục mà Kissinger không thể dự đoán được trong lúc đang hình thành những đoạn tể nhị của Hiệp Định Ba Lê. Nếu ông Nixon còn ngồi ở chánh quyền thì không còn nghi ngờ gì nữa và còn chắc chắn là ông sẽ gởi ngay các pháo đài bay B.52 ngay sau khi Bắc Việt tấn chiếm Ban mê Thuột . Khi cho lệnh dội bom lên Cam Bốt hay Hà Nội , ông Nixon đã cho thấy là ông không có chút lưu tâm tới ý kiến của Quốc Hội cũng như tới dư luận dân chúng Hoa Kỳ . Nghị quyết và Luật về Quyền Hạn Chiến Tranh có ngăn cản ông ta đâu ? Nếu các phi công Mỹ đã nhận lệnh của Tổng Thống , với tư cách là Tổng Tư Lệnh Quân Lực Hoa Kỳ , họ có tuân lệnh hay không ? Hay là, nếu bất tuân lệnh, thì họ có nhờ luật sư của họ, viện dẫn Quyết Định và Luật đó hay không ?

Yêu cầu ngân khoản viện trợ của Tổng Thống Ford đã huy động đến 8 tiểu ban ở Thượng Viện và Hạ Viện. Tổng Trưởng Quốc Phòng Schlesinger và tướng Weyand cũng phải ra điều trần

Các con số teo dần: 515 triệu, rồi 449, 401, 370 rồi 350 triệu... Người ta tính ra là 165 triệu viện trợ quân sự và 165 triệu cho viện trợ nhân đạo.Các thành viên của Quốc Hội nhất là các nghị sĩ, gần như muốn ngân khoản viện trợ nhân đạo và cho cuộc hành quân di tản phải lên đến 200 triệu. Ông Ford vẫn chưa chịu và ông ta đòi 972 triệu cho tất cả . Chuyện đối đầu giữa Hành Pháp và Lập Pháp được công khai đưa lên truyền hình, truyền thanh, và báo chí, quả thật là một nhọc. Trong một cuộc họp báo, Tổng Thống Ford thử đưa ra một so sánh về yêu cầu của mình: ông xin một ngân khoản nhỏ thôi, dưới một tỷ đô la, một con số có đáng kể gì đâu “so với 150 tỷ mà chúng ta đã xài từ trước.? “

Nhưng.. Lãnh đạo ở Hà Nội và Lê đức Thọ ở Miền Nam, và trên mặt trận ai cũng biết rõ hết từng chi tiết.

Điều rõ ràng là mặc dầu có thiện chí và có thiện cảm với ông Ford, hầu hết các thành viên của Quốc Hội không sẵn sàng chấp thuận cho ông ta một ngân khoản viện trợ quân sự nào nữa. Dĩ nhiên là ông vẫn sẽ được tất cả ngân khoản cần thiết để di tản các công dân Hoa Kỳ . Thật sự, có bao nhiêu người ? – 5400 hay hơn thế nữa ? Người ta cũng chấp thuận cho Tổng Thống

những ngân khoản chủ yếu cho viện trợ nhân đạo và để không bỏ lại cho cộng sản những người Việt Nam đã từng cộng tác với Hoa Kỳ

Tổng Thống Ford đã tiếp tất cả những thành viên thuộc tiểu ban Ngoại giao của Thượng Viện trong suốt 1 giờ rưỡi. Cả các vị dân cử thuộc hai đảng Cộng Hòa và Dân Chủ đều mong muốn Tổng Thống hứa là sẽ nhanh chóng đưa những người Mỹ ra khỏi nước Việt Nam. Người Việt Nam thì phải ở hàng thứ yếu. Con số được đề nghị bốc đi sẽ là bao nhiêu? Ông Ford đáp lời:

– “Đại khái phải tính cho là từ 175.000 đến 200.000. Chúng ta phải có trách nhiệm tinh thần, và chúng ta phải giúp đỡ những người đã từng giúp chúng ta.”

Tổng Thống Ford không muốn cung cấp cho các nghị sĩ một ngày giờ nhất định. Rút người Mỹ ra khỏi Việt Nam trong lúc này là sẽ tạo ngay một tình trạng hoảng loạn, và như thế sẽ nguy hiểm cho tánh mạng của những người Mỹ hiện đang còn ở Việt Nam

– “Chúng tôi cần có thời gian, chỉ trong vòng một vài ngày mà thôi.

Ở Hoa Thạnh Đốn, có nhiều người nói là sẽ di tản chừng 1 triệu người Việt Nam bằng cách chở họ bằng tàu thủy từ cảng Vũng Tàu. Như vậy sẽ có bao nhiêu binh sĩ, bao nhiêu Thủy Quân Lục Chiến Mỹ để bảo vệ cuộc hành quân đó? Phải tốn đến nhiều sư đoàn.... Các dân cử Mỹ thích con số chừng 200 ngàn người Việt Nam

Người ta nói đến trường hợp ông đại sứ Martin. Trước khi đến gặp Tổng Thống Ford, hầu hết các nghị sĩ đều đã có đọc một tờ trình của hai ông Richard Moose và Charles Misner, hai người phụ tá của các đại biểu trong phái đoàn từ Việt Nam về. Theo đó thì ông Martin không bao giờ chấp nhận tính cách không thể đảo ngược của tình hình quân sự

Từ Sài Gòn, đại sứ Hoa Kỳ theo dõi trận chiến ngay trên mặt trận ở Hoa Thạnh Đốn.

Với những ai muốn nghe thì ông sẵn sàng tố cáo ” những cái điểm đáng về ngân khoản của Quốc Hội”. Biết chắc là họ sẽ bỏ phiếu chống mọi viện trợ quân sự, ông Martin đề nghị với ông Kissinger là trong trường hợp đó, thì tốt hơn hết là tìm cách hoãn cuộc bỏ phiếu đó lại. Chúng ta không nên làm mất tinh thần Chánh Phủ Miền Nam Việt Nam, ta phải cho họ thời gian để quay trở lại. Cuối cùng Tổng Thống Thiệu cũng đã hiểu: ông đã cùng với Tổng trưởng Nguyễn tiến Hưng nghĩ ra một kế hoạch khác và một đường lối vận động khác để có thể đạt được viện trợ của Hoa Kỳ. Sài Gòn có thể xin vay Hoa Thạnh Đốn một số tiền chừng 3 tỷ mỹ kim, trả dài hạn trong 3 năm, có thể gia hạn trong 10 năm. Bắt đầu trả nợ từ năm 1985. Quốc Hội Mỹ sẽ ấn định lãi suất. Số nợ vay này sẽ được bảo đảm bằng tài nguyên nông nghiệp và đầu hóa. Người ta có thể đặt tên rất kêu cho món tiền cho vay này là: “Món nợ vay cho Tự Do”. Cái tên này có vẻ quyền rũ được dư luận dân chúng Hoa Kỳ lắm đó!

Ông Nguyễn tiến Hưng đưa ý kiến này cho ông Martin, để ông trao cho các chuyên viên kinh tế của ông nghiên cứu. Còn ông thì đi sang Hoa Thạnh Đốn hoạt động ngoài “hành lang” để vận động cho ý kiến “vay món nợ cho Tự Do” này. Qua điện thoại, hình như ông Martin không mấy chú tâm đến vấn đề này, ông Hưng chỉ nhớ thoáng qua một câu của Đại sứ:

- “Thật ra, Tổng Thống của ông sẽ từ nhiệm hay không?”

Trên phương diện quân sự, trong một công điện gửi cho ông Kissinger, ông Martin đã mô tả trận chiến ở Xuân Lộc nằm về phía Tây của Sài Gòn đang diễn tiến tốt đẹp

– “*Bắc Việt đã có hai ngàn chết và bị thương. Các tù binh còn rất trẻ, có một cán binh nói rằng anh ta được 14 tuổi...*” Từ đó chúng tôi nghĩ rằng Hà Nội đã không còn trừ bị. ...”

Đại sứ Martin vẫn còn tin tưởng:

– “*Tôi không tin rằng QLVNCH sẽ chịu cúi đầu.*”

Cuối cùng rồi Chánh Phủ mới cũng được thành lập xong ở Sài Gòn . Ông Martin vẫn gọi công điện cho ông Kissinger nhiều lần mỗi ngày, lần này :

– “*Người ta không biết bây giờ thì cái gì sẽ xảy ra* “

Ở Hoa Thạnh Đốn tiểu ban ngoại giao của Thượng Viện đã tạm thời chấp thuận một yêu cầu pháp chế khẩn cấp, cho phép Tổng Thống quyền được sử dụng quân đội cần thiết trong việc di tản người Mỹ và một số người Việt Nam . Các nghị sĩ bắt buộc ông Martin phải nhanh chóng rút người Mỹ ra khỏi Việt Nam . Nghị sĩ Charles Percy, Cộng Hòa, yêu cầu Tổng Thống Ford phải bảo đảm là mọi phi cơ lúc rời khỏi Sài Gòn đều không được có ghé nào trống. Tổng Thống Ford đã xác nhận với ông này rằng Kissinger đã có cho lệnh như thế rồi. Ông Martin nhận thấy là không khí ở thủ đô Hoa Kỳ xấu đến mức độ khó nói

Ngoài những bài toán trực tiếp, cuộc truy tìm những người có trách nhiệm trong vấn đề tán loạn này cũng đã bắt đầu. Như thế là bộ máy dân chủ đang chạy..

Người ta có thể cho đi bao nhiêu người Việt Nam được ? và di tản bằng cách nào cho hợp với pháp lý của Hoa Kỳ? Người nào muốn rời khỏi nước Mỹ đều không cần phải xuất trình một tờ căn cước nào hết. Nhưng đi vào nước Mỹ thì khó lắm, vì còn phải xét đến luật lệ và cấp khoản di trú được tính cho người Việt Nam giống như những người khác. Bộ ngoại giao đã phải tranh đấu cho vấn đề này. Ngày 14 tháng 4, Bộ này đã cho Tòa Đại sứ của mình ở Sài Gòn biết là họ chỉ được một vài nhượng bộ rất hạn chế. Một số người Việt Nam nào đó chỉ được nhập cảnh vào Hoa Kỳ với một “lời hứa danh dự” (on parole) . Đây không phải là lòng vị tha suông. Người ta muốn “loại bỏ” một trong những lý do đã thúc đẩy một số người Mỹ từ chối không muốn rời khỏi nước Việt Nam – sự hiện hữu của vợ con họ gốc người Việt Nam – Bộ Tư Pháp Hoa Kỳ lo về vấn đề di trú đã định nghĩa các tiêu chuẩn như vậy

Muốn di cư vào Hoa Kỳ thì phải :

- 1.- Được kết hôn chánh thức với một nam hay nữ công dân Hoa Kỳ
- 2.- Là con (của một nam hay nữ công dân Hoa Kỳ)
- 3.- Là mẹ hay cha của một công dân Hoa Kỳ (ví dụ một phụ nữ Việt Nam đã trở thành mẹ của một đứa trẻ Mỹ, qua kết hôn)
- 4.- Là Mẹ hay Cha của người phối ngẫu ngoại quốc của một công dân Hoa Kỳ (ví dụ mẹ hay cha của một người phụ nữ Việt Nam đã kết hôn với một công dân Hoa Kỳ mà chưa trở thành nữ công dân Hoa Kỳ)
- 5.- Là một trẻ vị thành niên không do sự kết hôn của một phối ngẫu ngoại quốc (ví dụ con riêng của một phụ nữ Việt Nam đã có trước khi thành hôn với một công dân Hoa Kỳ)

Trước khi đi, mỗi người phải có những giấy tờ chứng minh mối liên hệ cha mẹ của mình. và người đó phải điền vào mẫu I-94.

Các công chức ở Hoa Thạnh Đốn có cảm tưởng là đã thiết lập những luật lệ rõ ràng, công bằng, và rất nhân đạo. Nhưng vô phúc thay, họ không nghĩ tới những sự thật ở Việt Nam . Có một số dân sự người Mỹ như thợ, đốc công, kỹ sư ... đến làm việc cho các hãng tư ở Việt Nam , những người phóng viên, nhiếp ảnh viên ... đã sống không chánh thức từ lâu với các phụ nữ Việt Nam và đôi khi họ cũng đã có con với nhau. Có vài người trong số này chỉ giản dị là quên không kết hôn với nhau thôi. Các ông công chức ở Hoa Thạnh Đốn cứ tưởng đến gia đình người Mỹ thời nguyên tử, một chồng một vợ và một hay hai đứa con là cùng, hay họa hoằn còn thêm một hay hai ông bà. Các gia đình Việt Nam đến trình diện ở Tòa Lãnh sự thường có từ 15 đến 30 người ; có nhiều gia đình người Tàu lại Việt ở Chợ Lớn có đến những 50

Nhờ Trời, tại Sài Gòn các công chức người Mỹ biết cách xử sự và mềm dẻo hơn. Trên các chuyến bay từ Tân sơn Nhứt mỗi ngày, số ghế được hạn chế. Do đó khó mà quyết định được ai đi ai ở ? Thật là đau khổ ! Rất khó khăn trong việc chọn lọc, nhất là khi người Việt Nam nói với toà lãnh sự : Tùy các ông lựa chọn giùm đi !

Một viên chức có trách nhiệm trong vấn đề chọn lọc này là ông Ken Moorefield đã quyết định bất chấp hết luật lệ. Khi người ta không thể chấp nhận toàn thể một gia đình nào đó thì người ta đi từ nguyên tắc : đừng để ở lại Sài Gòn những ông bà già nào không còn một con trai hay con gái để lo phục vụ cho đời sống của họ

Ngoài ra trên nguyên tắc, trước khi cho giấy phép xuất cảnh, tòa Lãnh Sự Hoa Kỳ phải được biết chắc chắn là trước khi rời khỏi Việt Nam người đó có ở trong tình trạng hợp lệ đối với Chánh quyền Việt Nam hay không ? . Được một thông hành không phải là một chuyện dễ, đó là chưa nói tới những thủ tục về tiền bạc. Người Mỹ vi phạm luật lệ Việt Nam một cách dễ dàng hơn là đối với luật lệ của Hoa Kỳ. Từ đầu tháng 4, tòa Lãnh sự Hoa Kỳ nhận hết các loại giấy xuất cảnh do Bộ Nội Vụ Việt Nam cấp, thường là giấy giả hay giấy mua được ở đâu đó. Để cho chạy việc, người ta hứa với một vài công chức hay thanh tra là sẽ cho đi tản họ và cả gia đình họ, nếu họ tỏ ra biết chịu hợp tác. Vào thời điểm bình thường, ở tại Sài Gòn , ngay như người ta muốn thuê một công chức làm giấy tờ, thì cũng phải đợi đến nhiều tuần lễ hay có khi cả mấy tháng mới có được một giấy tờ chánh thức. Còn bây giờ thì có đến hàng chục ngàn người nộp đơn, thì làm sao mà hy vọng có được thông hành, chiếu khán xuất cảnh, giấy chứng nhận không thiếu thuế, giấy thông hành .. được cấp cho một cách nhanh chóng? Do vậy mới có “kỹ nghệ làm giả giấy tờ” và kỹ nghệ này đang nở rộ, với tất cả các loại cần thiết từ bản chữ in đến con dấu. Và người Mỹ ở Sài Gòn đã học được cách “không cần xét kỹ” giấy tờ.

Tại Hoa Thạnh Đốn người ta nói đến con số 1 triệu người có khả năng di cư., Tổng Thống thì gọi lên con số hai trăm ngàn. Không có một chỉ thị chánh thức nào về “con số” được gửi đến cho tòa đại sứ ở Sài Gòn . Mãi cho đến ngày 26 tháng 4, người ta mới cho phép ông Martin chánh thức cho đi tản hai mươi lăm ngàn người Việt Nam

Bên cạnh con đường di tản chánh thức, lại có những hệ thống song song bán chánh thức được thiết lập, do các công ty, các sĩ quan Không quân Hoa Kỳ , do Cơ Quan Trung Ương Tình Báo CIA hay những nhóm đặc biệt khác đứng ra tổ chức. Do đó có hai công chức cao cấp thuộc Bộ Ngoại Giao là Larry Johnstone và Lionel Rosenblatt, khoảng 30 tuổi, đang làm việc tại Hoa Thạnh Đốn sau thời gian phục vụ tại Sài Gòn , đã thấy khó chịu về sự chậm lụt hành chánh . Họ tự nghĩ phép và đến Sài Gòn bằng tiền túi của mình mà không báo cho cấp trên biết. Họ đến ở ngay khách sạn Caravelle, và sau đó họ đi thuê trong một căn phòng trống ở ngoài phố. Trong suốt 6 ngày liền họ ngủ rất ít, dùng thì giờ đi khắp Sài Gòn với một chiếc xe Citroen cũ hay với

chiếc xe buýt của hãng Pan Am. Họ nhận tất cả giấy tờ giả, rồi đến một vài chỗ hẹn bí mật trước Bưu Điện Sài Gòn hay Nhà Thờ Chánh Tòa để tập trung các người di tản. Ông Johnstone nói :

– “Cũng hơi bậy, không theo đúng cung cách của Bộ Ngoại Giao

Cái khó chủ yếu là làm sao đưa những người hành khách lậu này vào phi trường. Cảnh Sát thì họ rất là nghiêm túc, các binh sĩ gát cũng vậy, ngay như đề nghị cho họ tiền cũng vậy. Một vài người chui vào thùng xe Citroen. Ông Rosenblatt giao dịch với ông Jim Eckes thuộc Dịch Vụ hàng không Continental. Nhờ đó hai ông Johnstone và Rosenblatt đã di tản được 200 người Việt Nam, trong số đó có 20 anh trai trẻ mà theo lời của hai ông công chức cao cấp người Mỹ này thì họ sẽ gặp khó khăn to lớn khi bị rơi vào tay của quân cộng sản Bắc Việt

Trong khi đó thì tu sĩ Thích thiện Huệ đã quyết định là dù có xảy ra điều gì thì ông cũng vẫn ở lại Sài Gòn trong ngôi chùa của ông. Người anh cả của ông là một thiếu úy thường giải các tù binh Bắc Việt bị bắt ở Xuân Lộc về Sài Gòn . Viên thiếu úy này mỗi lần về Sài Gòn đều có khuyên cha mẹ anh nên rời khỏi Việt Nam . Còn cha mẹ anh thì lại khuyên anh nên đào ngũ. Anh đã từ chối. Anh đã thuật cho em của anh nghe về trận chiến ở Xuân Lộc :

– ” Khi bộ đội cộng sản vào thành phố Xuân Lộc lần đầu tiên, có một vài thương binh của chúng ta đã đứng lên để ngăn cản cả túi thuốc cùng băng ni lông trên bụng, và rảo bước đi rất tự nhiên..

Thiếu úy này có cảm tưởng là Bắc Việt đã có một số đạn pháo vô giới hạn

Một vài vị dân biểu của Quốc Hội VNCH thường lui tới với các Thầy trong chùa, đã đoán chắc là Hoa Thạnh Đốn và Bắc Kinh đã thỏa thuận với nhau để thiết lập một vùng trái độn do CPLTCHMN kiểm soát. Do vậy mới có chuyện các đơn vị của Miền Nam Việt Nam được lệnh rút đi. Lại có nhiều chuyện phỉa mới được tung ra ở thủ đô như : ở Hà Nội đã có đảo chánh và tướng Võ nguyên Giáp đã bị giết, các sư đoàn Bắc Việt đang rút về Miền Bắc để chống lại quân Trung Cộng đang tấn công vào Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, tất cả mọi chuyện đang xảy ra, kể cả trận chiến ở Xuân Lộc, đều nằm trong một kế hoạch chung rất là phức tạp, hết sức tinh tế, do Trung Quốc và Hoa Kỳ xếp đặt, hay do Liên Xô và Hoa Kỳ, hay do Bắc Việt và Hoa Kỳ dàn dựng.....

Cộng đồng người Âu Châu và Hoa Kỳ thường lui tới Câu lạc bộ thể thao, nơi được mọi người được yêu cầu nên giữ đúng nội quy: không được mặc áo lá lúc đi dạo, trừ ra ở bên hồ bơi, và lúc nào cũng phải mang giày bồ trắng trên các sân tennis. Có người thì đi dạo, tán bộ chậm chậm gần các cây me to, có người thì chơi một ván “boule” .. Các bà thì vắng đi nhiều rồi kể từ vài tuần nay. các anh bồi mang rượu mạnh hay nước ngọt ra cho khách, thường mặc đồ trắng. thỉnh thoảng có một chú cầm chuông rung lên và báo cáo :

– Ông Hiền có điện thoại

hay là

– Ông Polgar

– Ông Brochand ...

Có một bầu không khí vui chơi giả tạo để dấu kín một sự lo âu thật sự.... Mấy người Mỹ, người Đức, người Pháp và người Úc trao đổi với nhau những tin tức sau cùng hay những chuyện

tầm phào thuở xa xưa, họ đọc báo... Có đôi lúc người ta cười đùa rất thoải mái: ông Ed Daly, chủ tịch hãng hàng không Word Airways, đã gọi các nhà báo đến căn phòng ở khách sạn của ông tại Đông Kinh (Nhật Bản) và đọc cho họ nghe một công điện gửi cho Tổng Thống Ford. Ông Daly đã gọi tới Sài Gòn một chiếc phi cơ DC-8 và một chiếc Boeing 727 để giúp chở người tỵ nạn. Nhưng không một người nào được phép bước lên hai chiếc phi cơ đó, do vậy chúng phải bay trở về Đông Kinh, trống rỗng ! Ông Daly đoán chắc là tòa đại sứ Mỹ muốn bắn hạ các phi cơ nào của mình muốn cất cánh, nhưng tòa đại sứ đã đình chánh. Người ta không biết liệu Tổng Thống Ford có đọc được bức công điện này của ông Daly hay không :

– *“Hãy ngăn mấy thằng nhơn viên CIA ngu ngốc của ông lại đi . Hãy đưa vào đây một vài người trung thành và thật sự tận tụy với công việc. Với tư cách cá nhân và của một người chuyên nghiệp đã đóng thuế quá nhiều cho ông, tôi có quyền nói lên một dư luận. Chúng ta hãy làm việc nhanh đi .”*

Cơ quan ở Sài Gòn có thể thấy khó chịu vì những lời lẽ trên đây, nhưng với bản chất bình dị, ông Daly đã nói lên một sự thật: Vì muốn tránh tình trạng hoảng loạn nên ông Graham Martin phải kèm hãm sự di tản

Gần Câu lạc bộ thể thao, trên các bãi cỏ trong Dinh Độc Lập, binh sĩ bố trí các đại bác phòng không , đào phòng tuyến, dựng lên vị trí phòng thủ bằng bao cát và đặt các khẩu liên thanh nặng. Không biết để phòng chống bộ đội Bắc Việt nếu họ tới đây, hay để đề phòng những đơn vị khác của Miền Nam , phản loạn, trong trường hợp có đảo chánh ?

Từ trong dinh Độc Lập phát ra những lời tuyên bố chung chung, như những câu thần chú.. Tổng Thống tuyên bố là Chánh Phủ mới, vừa được thành lập có đầy thiện chí để sẵn sàng thương thuyết với cộng sản . Nhưng Chánh Phủ “sẽ không đầu hàng” Tổng Thống ước mong là phái đoàn cộng sản ở La Celle-Saint-Cloud sẽ trở lại bàn hội nghị để thành lập Hội Đồng Hòa Hợp Hòa Giải Quốc Gia.

Nội các mới phần lớn gồm có những người dân sự được ông Thủ Tướng Nguyễn bá Cẩn chọn lựa. Trong hàng Tổng trưởng, người ta thấy có nghị sĩ Tôn thất Niệm, một người phật tử ôn hòa. Những người dân sự trong Chánh Phủ nói thẳng ra rằng họ không tin tưởng vào giải pháp quân sự nữa, và cũng như hầu hết đồng bào của mình họ đã quá mệt mỏi với chiến tranh rồi. Nhiều người muốn Tổng Thống Thiệu nên từ nhiệm, nhưng họ không dám nói thẳng với ông .Tướng Trần văn Đôn, Tổng trưởng Quốc Phòng là người rất năng nổ. Với sự chấp thuận của Tổng Thống, ông ta đã phạt tù một vài sĩ quan cao cấp và tướng lãnh, trong đó có tướng Phú

Ông Đôn, người đã cho rằng ông đã có nhiều cuộc tiếp xúc với CPLTCHMN, đã chuẩn bị một chương trình hành động: ông sẽ đảm nhiệm chức vụ Tổng Thống VNCH và trong 48 tiếng đồng hồ ông sẽ cho lệnh ngừng bắn. Sau đó ông sẽ thành lập một Chánh Phủ mới. Để đáp lại CPLTCHMN sẽ bảo đảm an toàn cho người Mỹ ở Sài Gòn .Trừ một toán nhỏ ở tòa đại sứ, còn bao nhiêu đều phải được di tản hết. Sau một thời gian xử lý, CPLTCHMN sẽ kiểm soát thủ đô. Ông không làm gì để ngăn cản bất cứ người Việt Nam nào muốn ra đi. Ông sẽ cho chiếu khán xuất cảnh dễ dàng. Ai cũng biết là họ sẽ xin ở đâu rồi, ở Huế, ở Đà Nẵng và ở Sài Gòn

Như thế là vừa được thành lập là Chánh Phủ đã lấy khoảng cách với Tổng Thống Thiệu rồi. Trong một cố gắng cuối cùng, để đo thử dư luận dân chúng và giới dân cư Hoa Kỳ , ông Thiệu cho phổ biến một bức thư của Tổng Thống Nixon , bức thư đề ngày 23 tháng giêng 1973 đã gây náo động cả thủ đô Hoa Thành Đôn . Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ ra lệnh cho đại sứ Martin nhấn mạnh là một bức thư không phải trở thành một hiệp ước được . Ông Thiệu không thấy

được là việc gọi lên cái tên Nixon không thôi đã là một sự vụng về rồi, kể cả trong giới dân cử hay cử tri của đảng Cộng Hòa.

Tổng Thống Thiệu kêu gọi mọi người phải chiến đấu, để chuẩn bị cho một cuộc phản công, để ổn định cả ở hậu phương cũng như ở tiền tuyến. Để góp phần vào nỗ lực chiến tranh, tòa thị chính Sài Gòn ấn định một số luật lệ mới nhắm vào vấn đề di chuyển : không còn nghi ngờ gì nữa để tránh những cuộc ám sát : tốc độ tối đa cho xe đạp được ấn định là 15 cây số / giờ, cho mô tô, xe vận tải và xe buýt là 25 cây số / giờ, và cho xe du lịch, xe xì cút tơ là 40 cây số / giờ. Nếu có còi báo động thì “dân chúng không nên hốt hoảng”

Chương 17 Lượm đá lấp biển

Ở Phủ Tổng Thống Pháp, người ta nhấn mạnh là tất cả những chuyện quan trọng không thể thực hiện một cách công khai ở nơi thanh thiên bạch nhật được . Đó là lễ lối ngoại giao của người Pháp, kín đáo nhưng không có bí mật.

Tại Sài Gòn thì không được kín đáo lắm. Có quá nhiều trung gian, toàn là những người tốt, nhưng cũng có những sứ giả thật mà cũng có những sứ giả tưởng tượng nữa, những điệp viên hai ba mang, mờ ám.. hay ra vào các các trung tâm chánh trị và quân sự .

Bị châm biếm hay không thì vị trí của người Pháp ở đây ai cũng biết cả rồi :đại sứ Mérillon đã có quyết tâm xử dụng tới cùng lá bài của “lực lượng thứ ba” và của tướng Dương văn Minh.

Đối với người Pháp thì Miền Nam Việt Nam coi như đã thua trận rồi, nhưng chế độ Sài Gòn cũng chưa đến nỗi phải sụp đổ trong những tuần lễ sắp tới.. Cần phải thử bảo đảm cho sự tồn tại của một Miền Nam Việt Nam thu hẹp, một loại Nam Kỳ quốc. (nguyên tác :Cochinchine) Bắc Việt hình như chưa có gì gấp gáp lắm, họ sẽ chấp nhận một Chánh Phủ trung lập với lãnh đạo là ông Minh Dương.

Đó là những gì mà ông Pierre Brochand đã giải thích cho ông Polgar ngày 13 tháng 4 tại hồ bơi của Câu Lạc Bộ Thể Thao Sài Gòn. Ông Brochand là đệ nhị Cố Vấn của Tòa Đại Sứ Pháp, chuyên viên về các vấn đề Đông Dương, người có một vẻ đẹp ngăm đen của người Miền Nam nước Pháp, thực sự ông ta là người phụ tá chánh về chánh trị của đại sứ Mérillon. Ông đệ nhất Cố Vấn lo về vấn đề văn hóa và cơ quan của ông ta ở cách tòa đại sứ đến gần 2 cây số. Thời gian gần đây hai ông Brochand và Polgar gặp nhau rất thường.

Đã từ lâu rồi, ông Brochand có trách khéo ông Mérillon là không chịu khó đi gặp thường các người của lực lượng thứ ba. Ông Mérillon biết vậy nhưng ông nghĩ rằng nếu mình lui tới với ông Minh Dương thì ông Thiệu sẽ không được vừa lòng.

Bây giờ thì ông Polgar ngả về một giải pháp chánh trị, từ sự ra đi của ông Thiệu để cho có được người kế vị cho ông ta. Tại sao không phải là ông Minh Dương ? Hơn nữa, ông Cố Vấn Brochand đã chứng minh rất thực tế là nước Pháp sẵn sàng đón nhận 50 ngàn tỵ nạn chánh trị người Việt Nam . Như thế là ông ta đã áp dụng đường lối chánh trị của vị Đại Sứ của ông rồi.

Ông Mérillon người không lớn lắm, hơi cận thị, xuất thân từ trường Đại Học Quốc Gia Hành Chánh , có họ xa với Tổng Thống Giscard d'Estaing, đã được ông Georges Pompidou bổ nhiệm qua Sài Gòn và khi trình ủy nhiệm thư ông được Tổng Thống Thiệu đón tiếp bằng bản quốc thiều Pháp, một bản nhạc mà người ta mới được nghe lần đầu tiên từ 10 năm nay ở Miền Nam Việt Nam . Theo ông Mérillon thì đó là người ta cho người Pháp nhiều hơn những gì mà họ đang có. Cũng theo ông, thì có nhiều người Việt Nam nhìn ông ta như là một phó vương trong tư cách đại diện cho nước Pháp. Ông Mérillon có nhiều mục tiêu phải làm:

– Lo vấn đề an ninh cho người Pháp ở Việt Nam (gần 10.000 công dân Pháp), và ông đã đưa được về Sài Gòn hơn 300 người từ Cao Nguyên bằng các chuyến bay riêng..

– Trong viễn ảnh Sài Gòn bị Bắc Việt chiếm thì phải bảo vệ cộng đồng người Pháp, nhất là trong giai đoạn bàn giao, tranh tối tranh sáng.

Ông Mérillon nghĩ tới năm 1945, lúc người Nhật ra đi thì ở Sài Gòn trong một cư xá, người Pháp đã bị tàn sát trong những điều kiện thật đau thương tàn bạo , với trẻ con liệng vào lửa, phụ

nữ bị hãm hiếp, đàn ông bị tra tấn hành hạ... Ông Mérillon cũng không muốn thấy số phận Sài Gòn giống như Đà Nẵng .

– Phải làm sao cho nước Pháp càng có lợi bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu.. Trong hai Miền Nam Bắc Việt Nam, đường lối chánh trị của Pháp nếu có, thì sẽ là một sự pha trộn giữa những kỷ niệm và những lời chúc tụng không chính xác....

Đối với chánh quyền Pháp, nước Việt Nam không có gì ưu tiên hết. Sau phong trào chống Mỹ thời Tổng Thống De Gaulle thì chánh quyền của ông Pompidou dịu dàng hơn đã mở đường cho Chánh Phủ hiện tại của ông Giscard d'Estaing căn cứ trên giả thuyết dễ dãi của Hà Nội . Có rất nhiều người Việt Nam ở Sài Gòn , ít nhất là những người ở lứa tuổi trên 40, đã nhắc đi nhắc lại là họ thấy gần người Pháp hơn là người Mỹ. Các người Mỹ thì thô lỗ và thẳng tắp, còn người Pháp thì nặng về tình cảm hơn. Về lịch sử thì họ đã có mặt ở cả Đông Dương. sự kiện ngoại giao quan trọng là Hiệp Định 1973 đã được ký kết ở Ba Lê.

Khi ông Mérillon rời Ba Lê để qua Sài Gòn thì ông có xin chỉ thị của ông Tổng Trưởng Michel Jobert thì ông này nói :

– *” Người Đại Sứ không cần có chỉ thị. Ông ta phải tự tìm lấy cho mình ”.* Và ông còn nói tiếp

– *” Tòa đại sứ bên đó ra làm sao rồi ? Hãy làm thế nào để phải có một tòa đại sứ cho ra hồn !*

Tòa đại sứ Pháp ở Sài Gòn rất đẹp. Trong dinh thự của mình, ông Mérillon đã cho người ta ngấm thòa thích thang lầu hình khu ốc lấy kiểu ở các chiếc tàu chiến thời các Đô đốc Toàn quyền. Trên tường quét vôi trắng tinh, ông có nhiều sưu tầm quý giá màu xanh, nổi bật lên như các thác nước, như các vũ khí của thời Đệ Nhị Cộng Hòa, hay của Phủ Toàn Quyền... rất đẹp.

Trong tòa đại sứ của mình, ông Mérillon lúc nào cũng muốn tỏ ra mình là một nhà chánh trị có tầm cỡ. Ông tiếp khách nhiều, chịu khó nghe, và khuyến khích người nói.

Với ông Hoàng đức Nhã, ông nói :

– *” Ông cần phải nói với ông Anh của ông là ông ta phải biết chịu khó dàn xếp, đưa “lực lượng thứ ba” vào quỹ đạo, hay phải tiếp xúc với CPLTCHMN. (Chánh Phủ Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam)*

Ông Nhã đã trả lời:

– *” Ông nghĩ rằng Hà Nội sẽ để cho ông ấy nói chuyện với CPCMLTMN hay sao ?*

Ông Mérillon cũng đã to nhỏ với ông Nhã rằng :

– *” Về phần ông, ông có thể có một vai trò quan trọng trong Chánh Phủ mới đó !*

– *” Chuyện đó không làm cho tôi quan tâm chút nào. Tôi không hề có một chút tin tưởng nào về cái gọi là Chánh Phủ Liên Hiệp đó bao giờ. “*

Những người của ông Thiệu thật là quá thiên cận !

Ông Mérillon là một trong những người đại sứ hiếm hoi được ông Martin mời cơm. Hai người đều biết giá trị của nhau. Theo lời khuyên của Polgar, Đại sứ Martin không mấy tin tưởng vào tin tức quân sự hay chính trị của người Pháp. Dĩ nhiên người Pháp là chủ đồn điền, là nhà thầu, là các tu sĩ sống rải rác khắp nơi ở các tỉnh, nhưng không có gì qua được hệ thống hữu hiệu của Trung Ương Tình Báo Mỹ (CIA). Trái lại, ông Martin sẵn sàng nghe ông Mérillon trên lãnh vực ngoại giao. Tối thiểu người ta cũng có thể nhờ người Pháp. Hai người đều ở cạnh nhau trên đại lộ Thống Nhất. Hai ông đại sứ đã cho đục một cánh cửa xuyên qua bức tường chung của hai tòa đại sứ. Trong trường hợp hệ thống điện thoại của Sài Gòn bị hư hay bị trục trặc thì hai người sẽ dùng một đường giây trực tiếp nối liền hai điện thoại màu đỏ được đặt ở ngay văn phòng của mỗi người. Về phía người Pháp, điện thoại này được đặt ở trong một hầm trú ẩn nằm ở sát cạnh văn phòng của ông Mérillon. Do đó mà có một lần khi vị sứ thần của Tòa Thánh đến thăm ông Mérillon, thấy ông này lật đật chạy ra khỏi văn phòng, vị sứ thần này lấy làm ngạc nhiên tưởng ông đại sứ này đang bị tháo dạ.

Ông Martin đang tìm một lối thoát chính trị và càng ngày ông càng nghe nhà ngoại giao của Pháp. Vào giữa tháng 4, hai ông Martin và Mérillon đều đồng ý là: ông Thiệu thật sự là một chương ngại.

Ông Martin cũng mân mê một số giải pháp khác. Một trong số đó có vẻ hấp dẫn trong giai đoạn này: < viện trợ quân sự bổ túc + thương thuyết chính trị > Nhưng không may, vào ngày 16 tháng 4 Kissinger báo tin không vui về cuộc chạy đua của các Tiểu Ban trong Quốc Hội và những sự bàn cãi của Quốc Hội :

– ” Chúng ta phải thấy trước là chúng ta đang chờ đợi một cuộc bỏ phiếu chống”

Theo ông Tổng Trưởng Ngoại Giao thì các cuộc tranh luận ở Thượng Viện và Hạ Viện đều tập trung vào một bài toán hoàn toàn giả tạo (nguyên tác: tiếng Anh *totally phoney*). Ông Kissinger này biết cách động viên ông Martin của mình, khen ông Martin và xác nhận là ông này ở Sài Gòn hành xử tuyệt diệu như là một ông tướng ngoài mặt trận vậy. Và ông lợi dụng cơ hội này để hỏi ông Martin xem bằng cách nào ông có thể đưa về nước nhanh chóng con số 2000 công dân Hoa Kỳ?

Không biết có phải là hớ hênh hay vô ý khi cũng trong ngày 16 tháng 4 này, Tổng Thống Ford tuyên bố là ông ta đã cho lệnh di tản hết tất cả những người Mỹ nào ” xét thấy không cần thiết” ? Do vậy ông Kissinger phải xin lỗi ngay sau đó với ông Martin :

– “Tôi biết là điều này đã làm cho công việc của ông càng thêm khó khăn hơn.”

Đại sứ Martin buộc lòng phải chấp nhận ý kiến “chỉ di tản khi tình hình tương đối được ổn định và với sự hợp tác của QLVNCH”. Theo một vài tờ trình mới nhất thì các sĩ quan Miền Nam Việt Nam cho biết là nếu người Mỹ bỏ họ để rút đi thì họ sẽ ngăn không cho phi cơ cất cánh. Họ cũng còn sẵn sàng bắn vào các phi cơ đó nữa.

Cũng trong ngày 16 tháng 4 này ông Martin đã cùng đô đốc Hugh Benton đặc phái viên của Tổng Tư Lệnh Vùng Thái bình Dương, nghiên cứu một kế hoạch di tản 200.000 người Việt Nam. Đô đốc đề nghị cho họ đi bằng ngả Vũng Tàu và từ đó họ sẽ được đưa về Thái Lan, Phi Luật Tân hay Tân gia Ba. Ông Martin vì hoài nghi nên đã trình bày những sự nghi ngờ của ông trong một công điện gửi thẳng cho tướng Brent Scowcroft ở Tòa Bạch Ốc. Theo hệ thống hành chính, ông Martin phải trực thuộc ông Kissinger, nhưng ông cũng thích chứng tỏ cho mọi người đều biết ông là người đại diện cho Tổng Thống Hoa Kỳ. Ông Martin là sĩ quan tình báo trong thời Đệ Nhị Thế chiến, nên ông tự xem mình giỏi hơn bất cứ ông tướng hay Đô Đốc nào khác.

Cũng còn giỏi hơn bất cứ ai khi đụng vào những bài toán di tản: vì ở Ba Lê, ông đã từng lập kế hoạch di tản người Mỹ nếu có xảy ra một cuộc tấn công của Liên Xô vào Tây Âu. Ông Martin đã từng đưa nhân viên của ông lên thủ đô Bruxelles của nước Bỉ, đi ngược chiều với dòng người tản cư xuống phía Nam.

Chắc ông Martin không bao giờ dự trù đưa người Mỹ của ông hay những người Việt Nam đi ngược ra Hà Nội. Nhưng theo ông thì kế hoạch của Đô đốc không đứng vững và quá tốn kém. Kế hoạch này cần phải trả tiền thuê 16 chiếc tàu với giá 250.000 mỹ kim một ngày

Điều bót lo cho một số lớn cộng sự viên của ông Martin là ít ra ông cũng đã bắt đầu chú ý tới những bài toán về cuộc di tản.

Cuối cùng trong khi ông đòi ý về một cuộc rút đi với một sự chết lạng trong tâm hồn, thì ông lại nhận được một công điện của ông Kissinger ngày 17 tháng 4, một công điện quá bối rối, chỉ riêng một mình ông Martin mới được đọc mà thôi. Ông Kissinger đã thảo bức công điện này sau một buổi họp gồm toàn nhân viên cao cấp quan trọng thuộc các Bộ và cơ quan khác:

– *“Ông phải biết là gần như không có một người nào hỗ trợ cho ý kiến phải di tản người Việt Nam, hoặc dùng quân lực Hoa Kỳ để bảo vệ cuộc di tản. Các quân nhân thuộc Bộ Quốc Phòng và ở Trung Ương Tình Báo, có cảm nghĩ chính là phải đi nhanh và ngay bây giờ (nguyên tác :to go out fast and now) “*

Ông Kissinger đồng ý với ông Martin là phải tránh các phản ứng giây chuyền vì sự hoảng loạn, nhưng ông Tổng trưởng đòi hỏi là đến ngày 22 tháng 4 không được còn quá 2000 người Mỹ ở Việt Nam.

Sau khi đi một vòng ở ngoại quốc trở về, ông đại sứ lưu động Bùi Diễm xin gặp Tổng Thống Thiệu. Một đại tá đã trả lời:

– *“Tổng Thống đang lo buồn vì tình nhà của ông bị chiếm mất. Thủ tướng sẽ tiếp ông.”*

Ông Bùi Diễm không hề muốn gặp ông Thủ tướng lạ này, một người hơi nhu nhược về chánh trị. Ngoài ra ở Việt Nam chỉ có Tổng Thống mới là người quan trọng. Điện thoại ở nhà ông Bùi Diễm reo. Đích thân ông Thủ tướng Cán ở đầu giây:

– *” Tổng Thống muốn là tôi phải tiếp ông.”*

Ông Bùi Diễm ngần ngừ. Ngay lúc đó thì tướng Đôn tới.. Ông Tổng Trưởng Quốc Phòng có nhân mạnh: *Dù sao thì ông Cán cũng là Thủ Tướng.* Ông Bùi Diễm hơi khó chịu.

– *“Tôi không muốn mất thì giờ.*

Ông Đôn ra về, xong trở lại và cuối cùng đưa Bùi Diễm đến nhà ông Cán. Ở đó họ lại gặp đệ nhị Phó Thủ Tướng, ông Nguyễn văn Hảo. Nhận định một vòng về tin tức bí hiểm. Hơn nữa những người này không ai có quyền quyết định.

Bùi Diễm nói;

– *” Sự thật cho ta thấy là không còn gì để làm được nữa.*

Cả Thủ tướng và vị phó Thủ tướng đều bàng hoàng. Cả hai ông đều biết là ông Bùi Diễm biết rất rõ người Mỹ và bộ máy của thể chế ở Hoa Kỳ. Ông Đôn thì tỏ ra ít ngạc nhiên hơn. Ông Hào nói lên ngay:

– “*Như vậy là phải tổ chức phòng thủ ở Đồng bằng sông Cửu Long!*”

Ông Đôn trình bày các khó khăn trong vấn đề ông Hào vừa nói: “*Người Mỹ ở Sài Gòn sẽ nghĩ gì về việc đó?*”

Ông Bùi Diễm đi lại tòa đại sứ Hoa Kỳ. Hai ông Martin và Bùi Diễm đều biết giá trị của nhau, nhưng giờ này thì giữa hai người không có sự thành thật. Ông Martin nói;

– “*Ông sẽ đến gặp Tổng Thống Thiệu? Ông sẽ nói với ông Thiệu tất cả sự thật?*”

– *Vâng, sự thật đó là đối với người Mỹ chiến tranh đã chấm dứt từ lâu rồi.*”

Ông Martin không bình luận gì về câu nói này. Ông tiếc gì một vài khuyến khích mơ hồ. Đối với ông Bùi Diễm? Ông không nói với ông Bùi Diễm rằng chính ông ta, đại sứ Hoa Kỳ, đại diện cho cá nhân Tổng Thống Hoa Kỳ, đang nghĩ tới sự ra đi của Tổng Thống nước Việt Nam Cộng Hòa! Ông Martin sẵn sàng thổ lộ là một nhà ngoại giao thì phải biết đồng kích.

Tin tức nghiêm trọng nhất trong ngày đã đến: *Quân Khmer Đỏ đã kiểm soát Phnom Penh, cách Sài Gòn 190 cây số.*

Tướng Minh Dương biết được tin này trong khi ông đang dùng bữa nhẹ với vài người bạn ở quán nhậu của tướng Mai hữu Xuân, gần một đồn điền cao su ở Thủ Đức, không xa Sài Gòn bao nhiêu. Ông Minh không có gì tỏ ra ngạc nhiên hay lo âu. Một trong những người bạn của ông, ông Tôn thất Thiện buột miệng nói:

– “*Bây giờ thì cộng sản sẽ dồn toàn lực đánh vào Sài Gòn.*”

Ông Minh phản đối ngay:

– “*Phải mất 6 tháng nữa họ mới tới Sài Gòn được Các anh không biết gì cả. Các anh không phải là quân nhân.*”

Theo ông Minh, cộng sản phải dừng quân lại thôi, ông nói với một giọng sành đời, vì họ không có đủ cán bộ cần thiết để kiểm soát và chỉ huy cả thành phố. Tướng Minh đang tìm sự hỗ trợ để cho hai đại sứ Pháp và Hoa Kỳ biết đúng lúc. Sự liên lạc với tòa đại sứ Mỹ được thực hiện qua tướng Charles Timmes, một tướng hưu và đang phục vụ cho Trung Ương Tình Báo (CIA), và với tòa đại sứ Pháp thì qua ông Brochand. Ông đại sứ Mérillon có lệnh cho ông Brochand nói lại liên lạc với tướng Minh. Một cộng sự viên thân cận với tướng Minh là ông Vũ Văn Mẫu muốn gọi 6 hay 7 sứ giả thuộc “*lực lượng Hòa Giải*” của ông đến vùng tạm chiếm của cộng sản. Ở đó các đại biểu này có thể tiếp xúc với người của CPCMLTMN,

Tướng Minh nhắc lại là cộng sản không có ý định tiến chiếm thủ đô, mà họ chỉ muốn cô lập Sài Gòn thôi. Nếu với một số đơn vị đầy đủ người ta giữ vòng đai Sài Gòn nhất là về hướng Đông đến Xuân Lộc, và nếu người ta đi tới chuyện thương thuyết nhanh chóng, thì người ta có thể tránh được việc thành lập một “*Chánh Phủ Liên Hiệp không thể chấp nhận được*” Phải đi đến một thỏa hiệp nào đó để giữ được một lãnh thổ nhỏ của Miền Nam Việt Nam. Sau đó mới xét tới một “*Chánh Phủ Liên Hiệp*”.

– *Nhưng tại sao cộng sản lại chấp nhận dự án này ?*

– *Bởi vì họ không có đủ phương tiện để quản lý cả một Miền Nam Việt Nam ”* tướng Minh nhắc lại một lần nữa như vậy.

Các giới chức của CPCMLTMN ở Hà Nội tổ chức một chuyến viếng thăm Đà Nẵng mà họ cho là đã được họ “giải phóng” ngày 17 tháng 4. Họ mời ông Alexandre Casella, một tham vấn trong Cao Ủy Tỵ Nạn Liên Hiệp Quốc, cùng đi với phái đoàn các nhà báo ngoại quốc. Họ nói với ông này :

– *” Ông có thể cùng đi vì ông cũng là một nhà báo. Ông không đi với tư cách là một đại diện của Cao Ủy Tỵ Nạn.*

Phái đoàn gồm có các nhà báo của tờ Le Monde (Pháp), của thông tấn xã AFP, của tờ Pravda (Liên Xô), của thông tấn “Tân Trung Hoa”, các toán truyền hình của Thụy Điển và Pháp. Chiếc Yak 40 chở phái đoàn đáp xuống phi trường lớn ở Đà Nẵng . Có một buổi tiếp tân có thức ăn ngay tại phi trường, nơi có treo một tấm hình lớn của Hồ chí Minh.

Thành phố có vẻ yên tĩnh. Có rất ít bộ đội Miền Bắc trên đường phố. Người của CPCMLTMN điều chỉnh sự lưu thông. Các hàng quán của người Tàu treo cờ của Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, điều này gây thích thú cho người phóng viên của thông tấn xã “Tân Trung Hoa” một cách kỳ lạ. Đây là một cuộc thăm viếng có hướng dẫn.. Nói chung là tốt. Họ có đến viếng một nhà nuôi trẻ mồ côi do các di phước đảm trách. Một bà nói:

– *“Không thấy có chạm súng ở Đà Nẵng . Chúng tôi được bộ đội Bắc Việt giải phóng. Chúng tôi chỉ lo cho các em mồ côi thôi.”*

Lúc trở về Hà Nội, Ông Casella gọi về Liên Hiệp Quốc một bản phúc trình được ông Tổng Thơ Ký công khai hóa. Phúc trình này xác nhận là *“tình hình thực phẩm hình như bình thường, dân chúng đã lần lượt trở về nhà, các khu cư dân nghèo được phát hiện trống vắng... Người ta cần một vài công tác cứu thương khẩn cấp nhưng chỉ trung hạn, dĩ nhiên nên có một sự giúp đỡ nào đó để cho dân chúng trở về làng mạc của họ “.*

Báo chí Hà Nội tung tin : ***“Một công chức của Liên Hiệp Quốc đã đi đến Đà Nẵng . Tình hình đã trở nên bình thường.”***

Thật là một sự lật ngược lời nói quá trơ trên nhưng quá đẹp:

Đối với người dân Miền Bắc lúc bấy giờ là ông Casella đã đi đến Đà Nẵng trong cương vị đại diện cho Cao Ủy Tỵ Nạn của Liên Hiệp Quốc !

Ông Casella không ghi nhận được một không khí thắng trận nào trong thủ đô Bắc Việt có liên quan đến những sự tiến triển về quân sự ở trong Miền Nam .

Trong ngày đầu của cuộc đi tham quan của ông Casella ở Đà Nẵng, ở một nơi nào đó thuộc vùng ngoại ô Sài Gòn, ông Frank Snapp gặp người nhân viên của mình đã gài vào bên trong, được coi là một người điệp viên giỏi của ông ta. Người nhân viên này khẳng định: ***Bắc Việt đã có quyết tâm phải tiến đến chiến thắng cuối cùng, không bao giờ có giải pháp ngoại giao – chánh trị nào hết.***

Cả hai ông Martin và Polgar đều không chú ý tới tầm quan trọng của tờ trình này của Frank Snepp. Tờ trình này cuối cùng cũng đến được trên bàn giấy của ông Tổng Trưởng Ngoại Giao ở Hoa Thịnh Đốn trong lúc ông Kissinger đang bắt đầu làm áp lực Liên Xô trở lại. Đây là một chiến lược làm cho ông Martin vui thích. Ông đã gửi một công điện cho Kissinger :

– ” Tôi thấy họ cần phải trả một giá nào đó cho sự hòa hoãn của chúng ta . Có thể nào chúng ta tìm cách nào đó để cho cả Liên Xô và Trung Quốc hiểu rằng điều rất có lợi cho họ trong mối quan hệ với chúng ta trong tương lai là phải mạnh mẽ can thiệp với Hà Nội để họ phải lui lại trước Sài Gòn và bắt đầu đi lại con đường thương thảo. ”

Ngày 18 tháng 4,

Vào lúc 12 giờ trưa ở Hoa Thịnh Đốn , ông Kissinger gặp đại sứ Liên Xô Anatol Dobrynine, người biết quá nhiều về Hoa Kỳ và quá quen thuộc với sân khấu chính trị của Hoa Thịnh Đốn .Kissinger trao cho ông này một bức thư của Tổng Thống Ford gửi cho ông Brejnev:

– ” Sự lo âu chánh yếu của chúng tôi là vấn đề di tản người Mỹ và một số người Việt Nam quan trọng phải được tiến hành trong trật tự. ” Tổng Thống Hoa Kỳ muốn thấy cuộc “di tản này phải được kiểm soát”, để tránh sự đối đầu giữa binh sĩ của Bắc Việt và bộ phận bảo vệ của Hoa Kỳ . Ông yêu cầu phải được trả lời nhanh chóng. Nếu Bắc Việt ngưng tiếng súng thì Hoa Kỳ sẽ ngưng viện trợ chiến cụ cho Sài Gòn và sẵn sàng tiếp tục lại các cuộc đàm phán chánh trị “.

Đối với ông Dobrynine, ông Tổng Trưởng Ngoại Giao Hoa Kỳ nói rõ là quân Bắc Việt không được đụng tới phi trường Sài Gòn. Nếu không thì Hà Nội sẽ có nhiều hậu quả rất là tai hại. . Kissinger cho thấy là Hoa Thịnh Đốn giải quyết trực tiếp với Mạc tư Khoa , chứ không phải với Hà Nội và cũng không phải với Bắc Kinh . Tóm lại, ông Tổng Trưởng Ngoại Giao Hoa Kỳ đe dọa ngay Hà Nội và ngầm đặt vấn đề hòa hoãn bằng cách chỉ nói thẳng với Liên Xô . Âu cũng là một sự vận động cần thiết nhưng chẳng có kết quả gì, nếu không muốn nói là phù phiếm. Kinh nghiệm cho thấy là ông Kissinger vẫn biết là muốn bàn cãi với cộng sản ở Mạc tư Khoa hay Hà Nội cũng vậy, thì phải bắt đầu trong một tư thế mạnh. Hình như ông ta đặt giả thuyết hay giả bộ tin là ông Brejnev có thể ra lệnh cho các sư đoàn của Bắc Việt .

Ông không biết và ngay như ông Dobrynine cũng vậy, là trước đó 4 ngày, tức là vào ngày 14 tháng 4, từ Bộ Tư Lệnh Lộc Ninh, vị Tổng Tư Lệnh Bắc Việt đã chuẩn bị cho cuộc tấn kích cuối cùng vào Sài Gòn .

Ở chỗ này, các trung tâm chánh trị thường được tin tức không chính xác trên bình diện chánh trị , nên không loại bỏ ước tính thủ đô Sài Gòn sẽ phải bị bao vây và cô lập.

Đại sứ Pháp, ông Mérillon có chiến lược chánh trị của ông : phải làm áp lực cả tướng Minh và ông Martin.

Nhà ngoại giao Pháp gặp tướng Minh lần đầu tiên ngày 17 tháng 4, đã xin lỗi là đã không thể đến thăm ông trước đó được . Ông bảo đảm rằng Ông Minh sẽ được hậu thuẫn của nước Pháp. Ở Việt Nam nước Pháp có bản phận, có quyền và có quyền lợi. Hơi liếng thoảng ông Mérillon phác thảo cuộc dàn dựng cho một cuộc hành quân lớn về chánh trị , mà tướng Minh là trung tâm điểm. Dĩ nhiên người ta cũng phải tránh cho Sài Gòn không bị đổ máu dưới làn lửa đạn. Nếu cộng sản chiếm được thủ đô thì điều chắc chắn là một lối sống nào đó sẽ biến mất. Hai người đều dùng tiếng Pháp để trò chuyện. Cả hai đều rất cảm động, nhất là tướng Minh, nắm chặt tay ông Mérillon và siết chặt một hồi lâu, hai mắt đẫm lệ:

– ” *Vâng, phải như vậy mới đúng. Ông thật là một người có lòng, thưa ông đại sứ. Tôi sẽ thử, tôi sẽ coi lại..*”

Ông Mérillon thi hành đúng chỉ thị đã nhận .Ông đã nhận một công điện lạ lùng nếu không muốn nói là quá đáng từ Phủ Tổng Thống Pháp. Đại để :

– “*Cho Tổng ThốngThiệu đi, đặt ông Minh vào Phủ Tổng Thống.*”

Ông Mérillon nghĩ là có thể đạt được một sự “chuyển tiếp đúng đắn” . Không còn có một giải pháp nào khác hơn, ngoài sự thương lượng.

Chánh Phủ Miền Nam Việt Nam cho phổ biến trên cả các báo Việt ngữ và Anh ngữ một bản tin theo đó : “*Đây lui được các cuộc tấn công qui mô của cộng sản Bắc Việt ở Xuân Lộc và Long An, Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đã chứng minh được quyết tâm gìn giữ đất nước và khả năng của mình trong việc chiến thắng lực lượng xâm lăng cộng sản.*”

Tất nhiên không tin tưởng lắm vào “khả năng chiến thắng được quân thù” như đã loan tin, Chánh Phủ Miền Nam đang chuẩn bị gởi số vàng dự trữ dần kho sang Hoa Kỳ . Nếu Quốc Hội Mỹ không bỏ phiếu thuận cho ngân khoản viện trợ bổ túc cho Việt Nam thì Tổng ThốngThiệu nói là sẽ dùng số vàng này để mua vũ khí và đạn dược.

Có quá nhiều tin đồn về hòa bình cũng như về chiến tranh như là :

– Bắc Việt sẽ không bao giờ tấn công vào Sài Gòn ,

– các đơn vị nhỏ Bắc Việt , những đặc công giả dạng thường dân đang xâm nhập thủ đô,

– có đảo chánh ở Sài Gòn

– có đảo chánh ở Hà Nội

.....

Hầu hết những người Mỹ còn lại ở Việt Nam đều chống Cộng, nhưng người ta cũng thấy có vài người có thiện cảm với CPCMLTMN và cả Bắc Việt , đặc biệt trong những tổ chức nhân đạo hay cơ quan từ thiện công giáo, thường ngày tiếp xúc với những người nghèo khó và các nạn nhân chiến tranh. Đối với những người Mỹ đó, sự tiến quân của Bắc Việt không phải là một cuộc xâm lăng, cũng không phải là một sự chiếm đóng.. mà là một cuộc giải phóng, một sự bảo đảm là cuối cùng chiến trận sẽ chấm dứt. Đối với họ, hòa bình là một sự cần thiết.

Bà Claudia Krich là một thành viên của một tổ chức nhân đạo thuộc giáo phái ” Quây Cơ” (Quaker). Bà tiêu xài không tiếc tiền cho dân chúng. Bà nói rành tiếng Việt Nam, và đã có làm việc trong một trung tâm chính hình và giải phẫu ở Quảng Ngãi, nằm về phía Bắc của Sài Gòn . Ở đó người ta cung cấp chân tay giả, nạng gỗ, và xe lăn cho các người tàn tật. Nghĩ rằng Quảng Ngãi sẽ bị dội bom nên bà đã về Sài Gòn từ tháng 3.

Đây là nhật ký của Bà Claudia Krich:

Sài Gòn ngày thứ năm, 17 tháng 4 1975

“Lại có những tin đồn nữa: thứ bảy sẽ thấy được giải phóng, hay ít nhất cũng là một cuộc tấn công vào Sài Gòn. Các mẫu tin tức nhất được ngày hôm qua: “mật mã bí mật” mà tòa đại sứ Hoa Kỳ xử dụng sẽ được phổ biến trên đài phát thanh khi nào Hoa Kỳ có quyết định di tản. Có người sẽ nói : “Nhiệt độ ở Sài Gòn là 105 độ và còn lên cao nữa.” Sau đó là bản nhạc “Tôi mơ một ngày lễ Giáng Sinh trắng” (I’m dreaming of a white Christmas)

Tất cả những người Mỹ ở Sài Gòn đều biết mật mã này.”

Bà Krich viết :

– “Mỗi ngày, chúng tôi nghe đài phát thanh để đếm xem bao nhiêu tình đã lần lượt bị thất thủ. Quảng Ngãi đã được giải phóng ngày 24 tháng 3... Người ta chỉ bắt có mỗi một phát súng. Đà Nẵng đã được giải phóng ngày 29 tháng 3... Bây giờ thì còn rất ít lãnh thổ trong tay của Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa. Với Sài Gòn thì cũng tới thôi. Ngày hôm nay, một người bạn Mỹ đã ghi nhận được là Ngân Hàng của Hong Kong và Thượng Hải không còn nhận chi phiếu bằng Mỹ kim nữa..”

Thủy Quân Lục Chiến và lực lượng Hải Quân của Đô Đốc Cang và các đơn vị Địa Phương Quân đã chặn đứng được sư đoàn 5 và sư đoàn 7 Bắc Việt ở Bến Lức, trên sông Sài Gòn . Tồn thất của Bắc Việt rất nặng, lực lượng Hải Quân của Miền Nam đã tác xạ bằng đại bác 20, 40 và 105 ly . Tuy nhiên tinh thần của Bộ Tham Mưu Miền Nam Việt Nam càng ngày càng xuống thấp. Trong một bức thư gửi cho Đại sứ của mình, tướng Homer Smith thấy là ngay cả tướng Tham mưu trưởng Cao Văn Viên cũng không nghiêng về việc Tổng Thống Thiệu phải ra đi – một điều đã được xác nhận qua cảm tưởng của ông Wolfgang Lehmann –

Tinh thần của ông Thiệu xuống quá thấp. Trước hết là ông rút vào tư phòng của ông, sau đó vào hầm trú ẩn bằng bê tông ở tầng dưới cùng của Dinh Độc Lập. Ông đã được biết là Thủy Quân Lục Chiến và Biệt Động Quân trước khi rút lui đã san bằng mồ mã của tổ tiên ông ở một làng nằm ở gần bờ biển Phan Rang. Tinh thần nặng trĩu vì điềm báo trước thật là kinh khủng ... ông Thiệu từ khước cả những cú điện thoại của tòa đại sứ Hoa Kỳ.

Ý thức được nỗi lo âu của người dân Sài Gòn , ông Martin ra lệnh cho thuộc cấp là phải trấn an dân chúng. Ông chỉ thị cho Alan Carter, chủ nhiệm sở thông tin phải đến nói chuyện ở đài truyền hình. Phải khó khăn lắm ông Martin mới giải quyết được việc này; ông không mấy thích cái anh chàng râu xồm này, một người không cùng quan điểm thông tin với ông đại sứ của mình. Cũng có thể ông Martin cảm thấy có một thích thú nào đó khi ông giao cho Carter nhiệm vụ khó khăn này. Ông Carter cảm thấy không được thoải mái lắm trước ống kính truyền hình, khi được một người Việt Nam phỏng vấn ông ta :

Hỏi : *“Có một tin đồn nói rằng nếu ngân khoản viện trợ bỏ tức không được chấp thuận thì người Mỹ sẽ được di tản hết từ ngày 19 tháng 4 ?*

Đáp : *” Tin đồn này không có gì làm nền tảng. Nếu ông đến thăm biệt thự của vợ chồng ông đại sứ Martin, ông có thể nhận xét là không có món gì đã được di tản, Nhà tôi cũng vậy.*

Hỏi : *“Cũng theo một tin đồn khác, thì Lãnh sự của Hoa Kỳ cấp phát giấy phép di tản cho một số người Việt Nam .Người ta đang sắp hàng dài trước cơ quan dịch vụ của tòa Lãnh Sự....*

Ông Carter phản đối :

– ” *Lại một tin đồn nữa ! Tòa Lãnh sự chỉ giải quyết công việc bình thường mà thôi. Người ta điền vào hồ sơ cưới xin, làm khai sanh, và phát chiếu khoán..* ”

Nghe ông Carter nói, người ta có thể tin rằng tỷ suất sanh sản trong cộng đồng người Mỹ ở Việt Nam đang tăng mạnh .

Ông Carter biết rõ là có nhiều khán thính giả đã thấy người ta xếp hàng chờ đợi ở tòa lãnh sự. Ông nói tiếp :

– ” *Sự thật là có vài người Mỹ đã ra đi. Trong hoàn cảnh này, họ có đi sớm hơn dự tính thì cũng là chuyện bình thường thôi. Tóm lại những người Mỹ đó chỉ có về sớm hơn trước ngày dự trừ trong dịp nghỉ hè của họ mà thôi.* ”

Lỗi giải thích của người trưởng cơ quan thông tin này không thuyết phục được ai hết. Ngay như khán thính giả ở các tỉnh cũng cảm thấy hình như một cuộc di tản đang bắt đầu. Ông Carter đã làm hết sức mình. Để cho thấy là ông Đại sứ của ông ta đã hết lòng trong công tác phản tuyên truyền.. Ông Martin gợi về cho ông Kissinger bản văn cuộc phỏng vấn truyền hình này và còn nhấn mạnh thêm:

“*Nếu Quốc Hội có bỏ phiếu chống viện trợ, tôi ước mong rằng ông và Tổng Thống sẽ công bố hết sức bình tĩnh rằng các ông đã làm hết sức mình để đạt được thắng lợi cho ngân sách năm 1976* “

Ông Martin nghĩ rằng ông đã đi hơi xa:

– “*Ông có thể cho rằng chuyện đó không thực tế lắm, nhưng ở đây chuyện đó lại có nhiều kết quả. Người ta sẽ nói với chính phủ ở Sài Gòn là năm 1975 thì không có một mỹ kim nào, nhưng các ông sẽ thấy vào năm 1976, nó sẽ có trở lại!* ”

Ông Martin sợ sẽ có những phản ứng không tốt từ phía dân chúng và binh sĩ ở Miền Nam :

– ” *Hoa Thạnh Đốn không nên hoảng hốt. Một cái lệnh di tản bất thần và táo bạo có thể gây ra (ở đây) nhiều sự loạn động.* ”

Theo ông Martin thì quân lực VNCH có thể ngăn chặn sức tiến quân của Bắc Việt đến Sài Gòn trong một thời gian nào đó. Ông không tin là Hà Nội “muốn tấn công trực diện vào Sài Gòn” Đại sứ lo ngại về những suy luận mà người ta có thể tung ra trên thế giới về những quyết định của Hoa Thạnh Đốn . Danh từ “phản bội” được nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong bức công điện này.

– ” *Không thể để cho người ta tưởng rằng Hoa Kỳ đã phản bội lại người Việt Nam .* ”

Nhất là ông muốn thuyết phục ông Kissinger đừng gọi Thủy Quân Lục Chiến đến Việt Nam trước khi ông đích thân yêu cầu trong cương vị của một Đại Sứ.

– “*Tô sẽ không ngần ngại yêu cầu ngay, nếu trật tự công cộng bị suy sụp.* ”

Sau đó, lần đầu tiên, ông Martin viết trong công điện :

– “*Tôi nghĩ rằng giải pháp thương thuyết không thể bắt đầu được nếu ông Thiệu vẫn còn ở chánh quyền. Trừ phi người ta ấn định cho ông những chỉ thị khác, nếu không thì ông Martin*

sẽ đến bàn cãi với ông Thiệu. Ông Martin không muốn có một cuộc độc thoại lúc đối diện với Tổng Thống Thiệu: ông sẽ nói với ông ta như một người bạn. Vị trí của ông Thiệu trong lịch sử sẽ được bảo đảm. Nếu ông không tự ý từ nhiệm thì các tướng lãnh của ông sẽ cưỡng bức ông vào con đường đó. Về mặt pháp lý thì phải giữ cho đúng theo Hiến Pháp của Việt Nam Cộng Hòa. Phải có can đảm để thực hiện việc này. Ông Thiệu sẽ đặt quyền lợi của đất nước lên trên hết. Ông Martin sẽ khuyên ông Thiệu với tư cách cá nhân, không theo một chỉ thị nào của Tổng Thống Ford hay của ông Tổng Trưởng của mình.

Đây là một hành động ngoại giao khéo léo và ngoạn mục được mô tả trong đoạn 9 của bức điện tín mà ông Martin gửi cho Tổng Trưởng Ngoại Giao của mình, với yêu cầu *“nếu không có lệnh nào khác” thì xin cho phép ông thúc đẩy Tổng Thống Thiệu sớm ra đi, nhưng phân trách nhiệm không hề dính đến ông Kissinger hay Tổng Thống Ford.*

Không biết đây là đạo đức giả hay là một sự hy sinh ?

Bức điện tín số 710 này được ông Martin thảo ra trong một trạng thái căng thẳng thật ra không phải viết ra như một bài nghị luận. Ông trở lại vấn đề di tản người Mỹ:

– *“Nếu quân lực Hoa Kỳ đến đây ở lại trong hoàn cảnh hiện tại, thì khi rút đi không chừng họ phải chiến đấu với lực lượng quân sự của Miền Nam Việt Nam .” Ngược lại, nếu Hoa Thạnh Đốn cứ giữ sự bình tĩnh, thì Martin tôi có thể cho di tản người của mình “một cách không gây thêm một lỗi lầm nào, tôi xin nhắc lại một cách không gây thêm một lỗi lầm nào tai hại khác trong số hàng ngàn lỗi lầm mà người Mỹ đã vấp phải ở Việt Nam . Thân kính. “*

Bức điện tín này vẫn giữ độ “Mật- Kín” . Tại Sài Gòn thì chỉ có thư ký và nhân viên mật mã của ông Martin đọc được mà thôi. Ông Kissinger trả lời như sau :

– *“Tôi đã có bàn thảo với Tổng Thống Ford về bức điện tín số 710 của ông. Không có gì phản đối về những gì ông đã tiến hành như ông đã cho biết trong đoạn 9. “*

Thật đúng là một bài kinh cầu nguyện ngắn gọn và kín đáo cho ông Thiệu !

Trong một bức điện tín được phổ biến rộng rãi từ Hoa Thạnh Đốn được gửi cho Honolulu và Sài Gòn, ông Kissinger nói :

– *“Hôm nay chúng tôi có một buổi họp rất là giản dị với các thành viên thuộc nhiều cơ quan khác để xem xét chương trình và kế hoạch của chúng ta trong vấn đề di tản người Mỹ và người Việt Nam . Dự luận chung và của Quốc Hội đều muốn chúng ta phải đặt ưu tiên cao cho vấn đề an toàn của người Mỹ. .. “Tin rằng có thể sử dụng Vũng Tàu cho một cuộc di tản qui mô” có thực tế hay không ? Các ông có tin tưởng là chúng ta có thể tin dùng một vài đơn vị của Miền Nam Việt Nam để giữ an ninh cho những vùng di tản hay không ?”*

Ngày 18 tháng 4, ông Kissinger lại cho một số chỉ thị khác:

– *“Mặc dầu có những sự toan tính của các ông và cả năng khiếu của riêng tôi, theo lối nhận định của Hoa Thạnh Đốn về tình hình quân sự chung quanh Sài Gòn và những ý định của Hà Nội , tôi buộc lòng phải đòi hỏi các ông giảm thiểu sự hiện diện của người Mỹ đến con số 1.100 người, tính đến chiều ngày thứ năm 24 tháng 4. Đó là con số nhân viên mà theo chúng tôi có thể được di tản trong một cuộc hành quân trực thăng vận”*

Ông Kissinger sợ người ta cáo giác cả ông ta và ông Martin là đã “dậm chân tại chỗ”

Quốc Hội suýt cho lệnh di tản ngay tức khắc tất cả những người Mỹ ở Sài Gòn :

– *“Tôi biết là quyết định đó sẽ làm ông bức mình, cả với tôi cũng vậy. Tôi bảo đảm với ông rằng... tôi không đòi hỏi ông phải giảm con số người đó xuống nữa cho đến một ngày nào đó mà ông nhận được lệnh đóng cửa tòa đại sứ. Xin Chúa gìn giữ chúng ta ! Thân mến”*

Với ít nhiều sự đồng ý của ông Martin, ít thì đúng hơn, các quân nhân đã xem xét cấu trúc của sân bay Tân Sơn Nhất . Vấn đề được đặt ra là sẽ có một lực lượng an ninh khoảng 350 người được gọi tới để bảo vệ các cơ quan thuộc Phòng Tùy Viên Quân sự Hoa Kỳ . Một toán tiền sát đã gọi một công điện cho vị Tổng Tư Lệnh ở Honolulu và cho Tư lệnh lực lượng xe lội nước của Hải Quân ở Okinawa . Bức công điện nói rõ là *“phải cần có ít nhất 1 tiểu đoàn bộ binh cho nhiệm vụ được dự trù.”*

Ông Martin đã có một phản ứng mỉa mai đối với bức điện tín sau cùng của ông Kissinger mà nguyên văn như sau :

– *“Chúng tôi sung sướng mà nhận thấy là buổi họp rất giản dị. Tối thiểu cũng phải như vậy. Cần phải tránh chiều hướng giả dụ cho trường hợp “xấu nhất” sẽ xảy ra . Chúng ta cũng thấy nó sẽ xảy ra, nhưng chúng ta phải sẵn sàng có kế hoạch đối phó.”*

Tình thần bi quan và lo sợ của nhóm hành chánh ở Hoa Thạnh Đốn đã làm cho ông Martin cúi lên.

Ngày 18 tháng 4

Ở Hà Nội, Thủ tướng Phạm văn Đồng tiếp một nhân vật người Pháp, ông bác sĩ Roussel. Ông này sẽ trình bày cho tòa đại sứ Pháp ở Hà Nội những lời tuyên bố của Phạm văn Đồng.

Ông Thủ tướng Bắc Việt đã tuyên bố :

– *“Có rất ít cơ may để có được một lối thoát chánh trị .*

Có nhiều mâu thuẫn khắp nơi với người Mỹ. Không thấy có một người nào nghiêm chỉnh nói là phải di tản một triệu người Việt Nam . Ông Kissinger chỉ ước tính chung quanh con số hai trăm ngàn. Một tổ chức được thành lập ở Hoa Thạnh Đốn với thành phần là đại diện của các cơ quan trong Chánh Phủ, và mọi phối hợp hoạt động đều do một đại sứ hồi hưu, ông Bill Brown, một người bạn thân của ông Martin .

Người ta phải dự trù di tản 50 ngàn người tị nạn Việt Nam trong vòng 80 ngày sắp tới. Để tiếp đón họ, vị chỉ huy trưởng căn cứ Pendleton ở tiểu bang California phải sẵn sàng cho điều hành từ ngày 29 tháng 4. Mọi sự chuẩn bị phải được tiến hành với sự phối hợp của tất cả các tổ chức từ thiện và các cơ quan của Chánh Phủ . Ông Martin nói ngay là ông ta không thể cho từng ấy người ra đi từ Sài Gòn được . Ông nghĩ tới con số 200 ngàn mà Tổng Thống Ford đã đưa ra. Đối với nhân viên làm việc cho các cơ quan Hoa Kỳ, ông sẽ chỉ định thật sự cho họ vài điểm bốc dọc theo bờ biển: ” nhiều người có thể sẽ không đến đó được “

Đơn thỉnh nguyện từ các công ty xí nghiệp tràn ngập Bộ Ngoại Giao và một số Bộ khác trong Chánh Phủ Hoa Kỳ để yêu cầu di tản các nhân viên người Việt của họ. Các đơn này lại được chuyển ngược lại Sài Gòn làm cho ông Martin bức tức. Theo ông, nếu đả nầy cứ tiếp tục thì nó sẽ gây “hỗn loạn”. Ông Martin yêu cầu Kissinger nên dùng uy tín của mình đối với các

bạn đồng nghiệp ở các Bộ khác để cho những chuyện này êm đi, hay ít ra cũng không làm quá ồn ào “trong vòng 10 ngày sắp tới, thời gian mà sự bình tĩnh hoàn toàn phải là điều chính yếu.”

Ông Martin muốn kiểm soát chặt chẽ sân khấu chánh trị của Sài Gòn. Người ta lại nói đến tướng Kỳ và sự tiếp xúc không ngừng của ông ta với các tướng lĩnh khác như tướng Tư Lệnh Không quân Trần văn Minh, tướng Lê quang Lương, Tư lệnh sư đoàn Dù, Đô đốc Bùi thế Lân của Hải Quân, và những sĩ quan khác như chỉ huy trưởng các đơn vị thiết giáp của Biệt Khu Thủ Đô và Vùng 3 Chiến Thuật. Người ta cũng biết rõ họ đã bàn bạc với nhau về vấn đề gì : “Tổng Thống Thiệu phải ra đi.”

Tướng Kỳ đã có kế hoạch: Chỉ cần chiếm được Dinh Độc Lập, nha bưu điện, Bộ Tổng Tham Muu, đài phát thanh và Truyền hình. Tất cả các tướng lĩnh đều đồng ý rằng nếu không làm gì hết thì Miền Nam sẽ thua. Nhưng mọi người đều thoối thoát:

– *“Tôi há, tôi không làm gì được hết*

– *Ông có thể làm được đó, ông Kỳ*

Tướng Viên Tổng Tham Muu trưởng nói với tướng Kỳ:

– *Hãy làm đi. Cho tôi biết ngày giờ, tôi sẽ cho mở cửa Bộ Tổng Tham Muu.*

Tướng Tư Lệnh Không quân cũng tâm sự :

– *Hãy làm đi, nếu ông muốn giữ tôi như một tù binh, tôi sẽ không có một chút phản kháng nào. Ông biết không, Tổng Thống Thiệu đã biết hết rồi. Sau khi chúng ta gặp nhau lần chót, người Mỹ đã gọi đến tôi một sứ giả. Họ nói với tôi là đừng có nhúc nhích. Họ đã bảo đảm với tôi là nếu có xảy ra chuyện gì, họ sẽ cho đưa tôi sang Hoa Kỳ và sẽ lo lắng hết cho tôi.*

Ngồi kế bên tướng Kỳ, vị Tư Lệnh Hải Quân nói với ông :

– *“Tôi thì không có lính, nhưng nếu ông hành sự thì người của tôi không chống trả đâu.”*

Tướng Kỳ bực lắm. Ngay những người thân cận với ông, những tướng lĩnh người Bắc, họ cũng nghe theo luận điệu của người Mỹ. Không biết họ muốn gì đây ? Chắc họ muốn tướng Kỳ này phải đơn thân độc mã đi vào Dinh Độc Lập với một nhóm nhỏ binh sĩ rồi bắt Tổng Thống Thiệu chỉ với khẩu súng lục cầm tay sao ? Tướng Kỳ này làm sao làm công việc của một tiểu đoàn cho được ?

Ngày 18 tháng 4, ông Charles Timmes điện thoại cho tướng Kỳ tại tư dinh của ông ở Tân sơn Nhứt. Ông xin một cái hẹn để cùng với một nhân vật rất quan trọng của tòa đại sứ đến gặp tướng Kỳ. Ông Timmes đến đúng hẹn vào buổi trưa nay, trên một chiếc xe Volkswagen cũ kỹ, và người cùng đến với ông lại chính là ông đại sứ Martin.

Ông Martin đã tỏ ra lo lắng vì những hoạt động lằng xằng chung quanh tướng Kỳ. Người ta trình với ông là nếu người Mỹ rút đi, thì các phi công Việt Nam sẽ thật sự sẵn sàng bán vào các phi cơ di tản. Ông ta phải đi thăm dò tướng Kỳ và nêu cần sẽ làm cho ông bình tĩnh lại.

Người Việt Nam dù là ở Miền Nam hay Miền Bắc, khi bắt đầu trò chuyện, ít khi người ta đi thẳng vào đề tài. Phải có một vài câu trao đổi xã giao... Là một người lịch lãm, ông Martin hỏi thăm về bà Mai, một cựu tiếp viên hàng không, người vợ rất đẹp của tướng Kỳ.

Sau đó hai Mỹ và một Việt cùng nhau lượng định về tình hình quân sự trên bản đồ.. Cho tới giờ này cả 3 người đều đồng ý nội dung của cuộc gặp gỡ này. Nhưng sau đó họ lại đánh trống lảng. Ông Timmes có mang theo một máy thu âm, nhưng máy hư không chạy. Tướng Kỳ và ông Martin trao đổi với nhau bằng tiếng Anh, do đó có thể có hiểu lầm vì ngôn ngữ. Tướng Timmes dường như thấy rằng ông Martin không nói rõ ràng cho lắm những gì ông cần phải nói với tướng Kỳ trong buổi gặp gỡ này. Ông Martin xác nhận là buổi viếng thăm không có nghi thức này của ông chỉ nhằm vào một việc: cho tướng Kỳ hiểu rõ rằng ông ta không nên phiêu lưu với một cuộc đảo chánh. Theo ông Kỳ thì ông Martin có hỏi ông :

– “ Nếu ông lập Chánh Phủ thì ông sẽ làm gì ông Thiệu ?

Trả lời :

– “ Chúng tôi không thanh toán ông Thiệu đâu. Dân chúng Việt Nam sẽ có quyết định của họ.

Chỉ cùng một việc mà mỗi người hiểu một cách.

Sau đó cả 3 người trở lại những vấn đề quân sự . Cúi xuống bản đồ, ông Kỳ vẽ một vòng đai phòng thủ mà các đơn vị của Miền Nam được gom lại để có thể giữ được thủ đô, dựa vào Châu thổ sông Cửu Long. Khả năng khác :Cố gắng giữ vững mặt trận từ Tây Ninh sát biên giới Cam Bốt cho đến bờ biển nếu có thể, dựa vào Phan Thiết.

Ông Martin có vẻ mệt mỏi. Còn ông Kỳ thì cảm thấy những lời nói của mình quá mơ hồ và vô nghĩa. Ông đại sứ sẽ xem mình làm được gì, ông cần có thời gian, tình hình có vẻ cực kỳ rối rắm

Khi hai người chia tay nhau, ông Martin có cảm tưởng là ông Kỳ sẽ không có hành động nào. Còn ông Kỳ thì có cảm nghĩ rằng người ta chỉ muốn ông gác qua một bên dự tính nắm lấy chánh quyền của mình. Ông Martin dĩ nhiên không thể nói cho ông Kỳ biết là Hoa Kỳ đang có ý định khuyên ông Thiệu từ nhiệm. Và do vậy mà mọi người có thể tự hạn chế mình trong mưu đồ đảo chánh.

Để làm nản lòng những người có mưu đồ phiêu lưu này, cũng trong ngày hôm nay, ông Tổng trưởng Quốc Phòng đã cho lệnh phạt giam hoặc bắt giữ trên một chục tướng lãnh và tỉnh trưởng.

Nhật ký của bà Claude Krich.

Ngày 18 tháng 4 , 1975 (thứ sáu)

“Tôi tìm cách xin 2 đứa con nuôi, hai đứa bạn trẻ Văn và Tư. Một đứa 4 tuổi và một đứa 6 tuổi. Mẹ của hai cháu này là chị Yến là một người giúp việc cho tôi. Chị xin tôi mang giùm 2 đứa trẻ qua Lào để từ đó chúng có thể được gửi về Hà Nội cho ông bà của chúng để chúng có thể đi học. Đã hai tuần rồi, tôi có nói với một viên chức ở tòa đại sứ là tôi muốn xin 2 đứa trẻ này làm con nuôi, nhưng người ta nói là đã quá muộn rồi.

Hôm nay tôi trở lại tòa đại sứ, và lần này tôi quyết định sẽ nói hết sự thật. “Tôi không muốn đem hai đứa trẻ này về Hoa Kỳ , tôi chỉ muốn cho chúng nó về với ông bà chúng nó ở ngoài Bắc.” Viên chức tòa đại sứ trả lời cho tôi là : “Nói như vậy còn nghe được đó, Tôi rất chán ngấy về cái chuyện “xuất cảng bọn con nít ” này lắm rồi đến độ tôi phải hét lên đó !”

Thông báo trên tờ Saigon Post ngày 18 tháng 4:

” Nữ sinh trung học trẻ khá đẹp, 18 tuổi, có bằng tú tài đôi, biết chơi đàn dương cầm, con nhà đảng hoàng, muốn tìm một ông chồng người ngoại quốc, quốc tịch Hoa Kỳ, Pháp, Anh, Đức hay nước nào khác cũng được. Để đưa tôi đi ra ngoại quốc một cách hợp pháp, để tôi có thể tiếp tục con đường học vấn, bậc đại học, ở ngoài nước Việt Nam với học phí hoàn toàn của mình.

Xin điện thoại cho tôi ở số : 45 470 “

Tất cả mọi người không ai có thể hình dung được đời sống của mình ở ngoại quốc bằng chính phương tiện của mình.

Cùng ngày 18 tháng 4 , cùng trên một tờ báo :

” Tìm việc làm : đầu bếp chính người Việt Nam , chuyên môn các món ăn Mỹ và làm bánh. Tình nguyện đi ở đâu cũng được, miễn là ra khỏi nơi đây”

Chánh quyền Hoa Kỳ tiếp tục cho di tản trẻ con. Có nhiều đứa là trẻ mồ côi, nhưng có những đứa khác thuộc gia đình công chức Việt Nam muốn tìm nơi lánh nạn. Ngày 18 tháng 4 này ở Genève có 121 quốc gia đang bàn cãi về phương tiện cải tiến các công ước của Hồng Thập Tự. Có hai nước Việt Nam đang chạm trán nhau, Hà Nội thì tố cáo cầu không vận đang bốc những trẻ con ra khỏi đất nước của chúng, cái mà họ gọi là ” một sự nhân đạo hoàn toàn giả tạo”, còn đại diện của Sài Gòn đã kích lại, dựa vào những cuộc “hành quyết bằng võ khí thô sơ” và những cuộc “tàn sát tập thể” ở các khu do CPLTCHMN tạm kiểm soát.

Bộ máy Lập Pháp của Hoa Kỳ đang chạy. ông Henry Kissinger trình diện ở phòng số 2172 của tòa nhà Quốc Hội , trước 34 thành viên của Tiểu Ban Quốc Tế Vụ thuộc Hạ Viện Hoa Kỳ . Không có lời tuyên bố mở đầu. Tổng Trưởng Ngoại Giao ước tính là các thành viên đáng kính trong Tiểu Ban dĩ nhiên thích đặt câu hỏi cho ông ta hơn.

Ông Chủ tịch Tiểu Ban mở đầu :

– ” Liệu chúng ta có thể rút tĩa được gì từ những bài học ở Cam Bốt để áp dụng cho sự tiến chiếm Miền Nam Việt Nam hay không ?

Kissinger :

– “Trước hết, giờ này chúng tôi không muốn lợi dụng sự kiện cộng sản Bắc Việt tiến chiếm Miền Nam Việt Nam . Nhưng tất cả mọi bài học đều chứng tỏ rằng không có gì thay thế được một sự quân bình về quân sự .Không có nó thì không thể nào có những sự thương thảo hữu hiệu được.... Trong một số tình huống nào đó, có thể cộng sản đặt nặng quyền lợi hơn là thương thuyết.

Ông Kissinger không muốn đặt Cam Bốt ngang hàng với Việt Nam . Ở Việt Nam có nhiều vũ khí hơn. Một vị dân biểu tán dương Chánh Phủ về cách thức di tản ở Phnom Penh. Ông ta ước mong rằng nếu cần thiết thì cuộc hành quân di tản ra khỏi Sài Gòn cũng được thành công như vậy. Ông Kissinger lợi dụng cơ hội này ca một bài “đoàn kết” để hàn gắn Hành Pháp với Lập Pháp. Ông Tổng Trưởng Ngoại Giao dùng lại một trong những danh từ được ông Martin ưa dùng :”*hoảng loạn*” mà ai ai cũng muốn tránh nó với bất cứ giá nào.. Trong thủ đô Hoa Kỳ, có nhiều người đề nghị là hãy nên di tản chậm rãi từ từ, Chánh Phủ muốn để lại vài người Mỹ

làm con tin cho cộng sản Bắc Việt. Những mẩu chuyện này không xứng đáng để đem ra bàn cãi.

Người ta bước qua chuyện của ông Tổng Thống của Miền Nam Việt Nam

Câu hỏi :

– “... Thưa ông Tổng Trưởng, có nhiều thành viên trong Quốc Hội – trong đó phải nói là không có tôi – ngả về ý muốn ông Thiệu nên từ chức... Ông nghĩ thế nào về việc này ?

Ông Kissinger muốn rằng người ta nên dành những vấn đề này cho một phiên họp kín. Tuy nhiên ông cũng nói :

– “... Hoa Kỳ ủng hộ Chánh Phủ ở Miền Nam Việt Nam nhưng không ủng hộ cá nhân nào.

Tuy vậy đã quá rõ ràng là ông Kissinger buông ông Thiệu trong khi ông bênh vực Chánh Phủ Miền Nam Việt Nam :

– “Tại Sài Gòn bây giờ, người ta sẵn sàng thương thuyết với một sự linh động đáng kể.

Ông Kissinger không đưa ra một bằng chứng nào về vấn đề ông vừa nói. Ở Sài Gòn thực ra có nhiều người mong cho có được một sự thương thảo, nhưng chắc chắn không phải là ông Thiệu.

Tất cả những biên bản của các phiên họp của mọi Tiểu Ban đều một lần nữa theo đường dây chạy thẳng ra cho báo chí, và như thế đã nhanh chóng đến Hà Nội và từ đó chạy thẳng đến Tổng hành dinh của chiến dịch Tổng Tấn Công ở Miền Nam ngay.

Úc Châu là quốc gia đã công nhận Sihanouk và Khmer Đỏ. Các nước khác cũng sắp làm như vậy. Về phía Hoa Kỳ thì sao ? Ông Kissinger không thấy có một lý do nào để mà phải hấp tấp. Việc công nhận về mặt ngoại giao sẽ còn là quá sớm. Liệu ông Sihanouk có phải là Thủ Tướng của cái Chánh Phủ mới này hay không ?

Kissinger :

– “Tôi chắc chắn là chính ông ta cũng muốn biết việc này .

– Theo một số báo chí, thì Khmer Đỏ đã được dân chúng hoan nghênh khi họ vào thủ đô Phnom Penh. Người ta có chờ đón như vậy không ?

Ông Kissinger:

“Đối diện với một quân đội chiến thắng, phản ứng của dân chúng gần như có một thái độ nào đó giống nhau...

– Cái gọi là CPLTCHMN có được Chánh Phủ Bắc Việt công nhận là một Chánh Phủ chính thức của Miền Nam Việt Nam hay không ?

– Ông Kissinger:

– “Không ... Thật là một điều lý thú để chờ xem những mối liên hệ đó sẽ tiến triển tới đâu.

Ông dân biểu Donald Fraser, người vừa mới là thành viên của phái đoàn Quốc Hội Hoa Kỳ đến Việt Nam cách đây vài tuần lễ:

– ” *Cảm tưởng chung... là Việt Nam Cộng Hòa coi như đã mất rồi...*

Kissinger:

– “.. *Giữa một chiến thắng quân sự với một sự sụp đổ hoàn toàn, vẫn có nhiều giai đoạn trung gian... Đối với những giai đoạn trung gian đó, muốn có được một kết cuộc có kiểm soát, thì một cuộc bỏ phiếu dành cho một viện trợ quân sự nào đó sẽ là điều rất cần thiết.*”

Ông Fraser rất đồng ý, nhưng ông không nhận thấy được một sự linh động nào ở Sài Gòn cả. Ngay như ông Valéry Giscard d’Estaing, Tổng Thống của nước Pháp, ông cũng đòi hỏi một vị lãnh đạo khác cho Sài Gòn .

Người ta nói đến nhiệm vụ của ông Martin. Ông Kissinger nhận xét là một ông đại sứ không thể công khai chỉ trích Chánh Phủ mà ông ta được ủy nhiệm đến.

Ông Fraser đặt thẳng vấn đề :

– ” *Có nhiều người trong chúng ta đã không tin nhiệm ông đại sứ của mình. Điều này là vì chúng ta đã có kinh nghiệm với ông ta*

Ông Kissinger bênh vực ông Martin ngay:

– ” *Dĩ nhiên, đây không phải là một ý kiến mà chúng ta chia xẻ, nếu không thì ông ta đâu còn là đại sứ của chúng ta nữa ... Trong những điều kiện hiện tại, rõ ràng là nếu Hoa Kỳ thay đổi đại sứ ngay trong lúc này, và cùng lúc với sự thay đổi lãnh đạo ở Miền Nam Việt Nam ... thì thật tình không phải là một phương cách tốt để kiểm soát được tình hình.... Ông đại sứ Martin là một nhà ngoại giao có kỷ luật, đang thi hành hết sức hoàn hảo những chỉ thị mà ông ta đã nhận được .*

Ông Fraser là người đã được gặp một đại diện của CPLTMNVN ở Genève:

– “*Tôi có cảm tưởng là phía họ có một sự leo thang trong những sự đòi hỏi. Người ta nói với tôi rằng quan trọng nhất là phải làm sao cho ông Thiệu ra đi. Người ta cũng có nói với tôi về sự chấm dứt hết mọi viện trợ quân sự .*”

Ông Kissinger:

– ” *Và trước đó rất lâu, Bắc Việt họ đã nói nhiều về vấn đề chấm dứt mọi viện trợ.....*

Trong một phiên họp kín, ông Kissinger cho biết về sự vận động của Tổng Thống Ford với ông Brejnev (Liên Xô)

Ông Kissinger, quá cô đơn, có cảm nghĩ rằng phải đối đầu với cả một nước đang bị ảnh hưởng bởi chủ nghĩa cấp tiến và hòa bình của ông Mc Govern. Tổng Thống lại không phải do dân bầu lên. Ông Kissinger nghĩ rằng tại Quốc Hội, những người bảo thủ cũng như ôn hòa “*đang ôm ấp một lý thuyết theo đó sự hòa hoãn là một ân huệ lớn của người Mỹ dành cho Liên Xô, và vì thế chúng ta có thể đòi hỏi họ phải trả lại cho chúng ta một cái giá nào đó. Tại sao chúng ta không bắt họ phải cho khoảng một trăm ngàn người Do thái được phép rời khỏi Liên*

Xô ? Tại sao họ không làm thế này, tại sao họ không chịu làm như thế kia ... ? Thật là một phép lạ khi người Liên Xô không lợi dụng được sự sụp đổ của ông Nixon để theo đuổi một đường lối chính trị gây hấn hơn ? ... Chúng ta không thể nhận được gì hơn khi chúng ta đe dọa họ. “

Người ta đã tập trung cả một đại hạm đội ngoài khơi Cam Bốt. Chúng ta sẽ phải làm như vậy dọc theo bờ biển Việt Nam . Tuy nhiên ông Kissinger biết là ông không thể xử dụng hạm đội đó trong mục đích quân sự được . Liên Xô họ cũng hiểu rõ như vậy. Khi ông Kissinger gọi ông Dubrynine (đại sứ Liên xô) đến Bộ Ngoại Giao, thì ông đã bịp trước một viên chức ngoại giao loại nhà nghề đáng gờm này. Chung quanh Tổng Thống Ford, là những người như Rumsfield và Nessen đã có sẵn một lý thuyết “điên rồ” loại “quản trị” như ông Kissinger đã nói : người ta sẽ gán cho ông Ford một sự hãnh diện là đã “rút” được người Mỹ ra khỏi Việt Nam”.

Ngủ Giác Đài muốn có một bản đánh giá nhanh chóng, còn ông Martin thì lại muốn có một cuộc di tản thật chậm rãi. Ông Kissinger thì khẳng định rằng cách tốt nhất để di tản người Việt Nam ra khỏi Việt Nam là phải giữ người Mỹ lại tại chỗ trong một thời gian nào đó. Nếu di tản hết người Mỹ, như những người ở Bộ Quốc Phòng và Bộ Ngoại Giao đang mong muốn, thì chẳng những người ta sẽ không cứu được bao nhiêu người Việt Nam, mà còn có nguy cơ là binh sĩ Việt Nam sẽ bắn lại người Mỹ nữa. Và do vậy mà người ta sẽ không có thể di tản được người Mỹ nữa. Đây là một vấn đề nói không cùng.

Để làm cho tình hình trở nên rắc rối thêm, có hai nghị sĩ loại nặng ký, ông Jacob Javits và Redmund Muskie, trong hai buổi phát hình rất được dân chúng đón nghe là “chương trình đối diện với đất nước” và “Gặp gỡ báo chí” (Face the Nation, và Meet the Press) đã tuyên bố rằng: “*nếu cần thì Tổng Thống có quyền xử dụng một số nhỏ Thủy Quân Lục Chiến để di tản người Mỹ, nhưng Tổng Thống Ford phải được Quốc Hội cho phép trước khi di tản hai trăm ngàn người Việt Nam “.*

Từ Sài Gòn ông đại sứ Martin phản đối :

– “*Như vậy thì không phải là một chuyện dễ dàng cho những người Mỹ đang còn ở Sài Gòn*”

Ngày 18 tháng 4, đài phát thanh Hoa Kỳ đã thông báo trước cả đài truyền hình Mỹ rằng:

– “*Tiểu Ban Quân Lực Thượng Viện Hoa Kỳ đã bác bỏ đơn xin viện trợ quân sự bổ túc cho Việt Nam Cộng Hòa. Tiểu Ban Quốc Tế Vụ của Hạ Viện Hoa Kỳ đã chấp thuận cho Tổng Thống Ford xử dụng quân lực Hoa Kỳ một cách hạn chế và dè dặt trong việc di tản người Mỹ.*

Như thế là mọi trò chơi đã được an bài.

Ông Henry Kissinger đã rút tĩa được kết luận từ những quyết định của Lập Pháp :

– *Cuộc tranh luận về Việt Nam đã chấm dứt.... Chánh Phủ sẽ phải chấp nhận một bản án của Lập Pháp mà không có tinh thần hồi tố và trả đũa lại.*

Sau này, tại trường Đại Học Tulane, Tổng Thống Ford nâng lên thêm :

” *Bây giờ thì chúng ta có thể tìm thấy lại được sự hãnh diện mà Hoa Kỳ đã có từ trước sự kiện Việt Nam một sự hãnh diện mà Hoa Kỳ sẽ không bao giờ tìm lại được, nếu còn tham gia vào một cuộc chiến coi như đã hoàn toàn chấm dứt đối với chúng ta.*” !

Tại trại Davis (Tân sơn Nhứt), đại tá Võ đông Giang, trưởng phái đoàn MTGPMN, trong một buổi họp báo thường lệ vào mỗi sáng thứ bảy, lần đầu tiên đã nói thẳng về đại sứ Hoa Kỳ là ông Martin. Ông ta nói :

– “Ông đại sứ Hoa Kỳ “Là một nhà ngoại giao Mỹ” nhưng “điều khiển các cuộc hành quân quân sự , chánh trị và kinh tế . Ông ta là người phải chịu trách nhiệm về tất cả mọi hành vi tội ác của ông Thiệu”

Chi bộ đặc trách về cuộc tấn công chánh trị ở Hà Nội làm việc quá đặc lực . Đại tá Giang chấp nhận sự có mặt của hàng ngàn người “Mỹ dân sự”, nhưng theo ông ta thì chỉ một người có vấn quân sự Mỹ cũng thể hiện một sự vi phạm trắng trợn Hiệp Định Ba Lê !

Cách trại Davis chừng vài trăm thước, trong những dãy nhà thuộc Tùy Viên Quân sự Hoa Kỳ , một phòng chiếu bóng được chỉnh trang lại thành một trung tâm thanh lọc người tỵ nạn Việt Nam và vì thế người ta đã hủy bỏ hẳn buổi chiếu bóng cuối cùng trong ngày. Chương trình quảng cáo cuốn phim dự trù “Giai Đoạn 4” cho thấy một con nhện đang bò trên một bàn tay đầy máu đỏ, ” ngày mà trái đất sẽ biến thành nghĩa trang”.

Các viên chức Hoa Kỳ đang xem xét chứng từ của những di dân sắp lên đường đi tỵ nạn. Để họp thức hóa tình trạng của vài trăm người Việt Nam, người ta không tiến hành các lễ cưới cấp thời , người ta thực hiện và đóng dấu các “giấy hứa hôn”. Những vị hôn phu tương lai người Mỹ phải ký vào lời khai “có ý định cưới vợ”. Trong những hàng dài đang đứng chờ đợi, người ta nói chuyện hay đọc báo.

Thông báo trên tờ Sai Gon Post:

” Các bạn Mỹ thân mến,

Các bạn là những người Mỹ bình thường, không có việc gì làm trong hiện tại. Nếu bạn nào muốn có một nghề đúng sở thích, xin hãy đến gặp chúng tôi ngay, chúng tôi sẵn sàng giúp các bạn tiền bạc, nếu cần. Lương bổng hậu.

Xin làm ơn liên lạc với Cô Lan. điện thoại số 96 052.”

Ngoài thủ đô, giá của một người chồng hay vị hôn phu người Mỹ, người Pháp hay Đức.. đang lên cao. Người ta nói rằng gia đình của một số thiếu nữ trẻ, bằng lòng chịu trả hàng trăm ngàn mỹ kim tiền mặt.

Ông đại sứ Mỹ không biết chính xác hiện có bao nhiêu công dân Hoa Kỳ đang ở Việt Nam . Ông ta muốn tất cả những người này phải đi hết, và đúng lúc. Các nhà kinh doanh, các kỹ sư, các nhà thầu ... đều phải tuân theo lệnh. Nhưng các người ở ngoài lề, kể cả những người đào ngũ không liên lạc được với tòa lãnh sự Hoa Kỳ , và tất cả những người mà ông Martin gọi là “những người ăn bông sen”... Theo ông Martin, có quá nhiều người Mỹ dân sự đã coi thường vấn đề , tưởng rằng đây chỉ là một cuộc tấn công như mọi cuộc tấn công bình thường khác. Ông Martin sẽ vừa chiêu họ và vừa đe dọa họ, những người ăn bông sen này. Ông ta làm việc, vừa gọi điện về cho ông Kissinger, vừa nghĩ là ông Tổng Trưởng “mong muốn tòa đại sứ còn mở cửa dài dài cho tới khi nào ông ta có được một sự dàn xếp về thương lượng”.

Ông Martin sẽ di tản khoảng 750 công dân Hoa Kỳ trong vòng 3 tuần lễ. Dĩ nhiên ông sẽ giữ lại các phi công thuộc Hàng Không Hoa Kỳ. Ông ta sẽ đóng cửa tòa Lãnh sự ở Biên Hòa ở cách Sài Gòn 25 cây số ngàn. Nhất là, người ta làm ơn đừng nói gì hết ở Hoa Thạnh Đốn .

– “Tôi muốn tránh những rủi ro như đã xảy ra ở Đà Nẵng “

Theo ông Martin thì ở đây chưa có gì gọi là nguy hiểm cho người Mỹ. Người ta còn “một tháng hay ít nhất 6 tuần lễ nữa”. Phải chờ khi nào ông ta gặp được ông Thiệu đã, trước khi có một quyết định quan trọng. Nếu ông Martin thấy ông Thiệu vẫn còn “cứng đầu và trong một tinh thần tử thủ”, thì ông đại sứ mới tăng tốc độ cho cuộc di tản. Ông Martin biết là quân Bắc Việt có thể sẽ pháo kích vào Tân sơn Nhứt với pháo binh nặng, hoặc xử dụng hỏa tiễn SAM 7 chung quanh phi trường. Họ không phải chọn lựa gì hết để thực hiện chuyện này. Tính ảo thuật của nhà ngoại giao vốn đang ngủ say trong người ông Martin chột bùng tỉnh dậy. Ông giải thích cho ông Kissinger là ông sắp đi gặp đại sứ Ba Lan ở Ủy Hội Quốc Tế.

– “Nếu có hỏa tiễn được pháo vào vùng phụ cận Sài Gòn thì chắc chắn là Bắc Việt muốn bảo vệ Tổng hành dinh của họ mà thôi “, ông Martin nói với ông Kissinger như vậy. Ông ta cũng nói luôn với ông Kissinger rằng chính ông ta, đại sứ Martin, hy vọng quân cộng sản Bắc Việt sẽ thử bắn hạ một phi cơ Mỹ “bởi vì không có gì cung cấp được một lời xin lỗi tốt nhất để Không Lực Hoa Kỳ trả đũa xuống Hà Nội”

Nhật ký của bà Claudia Krich:

Ngày 19 tháng 4, 1975 (thứ bảy)

CPLTCHMN mong muốn có được một dàn xếp nào đó để thương thuyết. Điều này bao hàm là ông Thiệu phải từ chức. Ông Thiệu hình như không có ý định đó. Như vậy , người ta tiên đoán là sẽ có một cuộc tấn công vào Sài Gòn Keith (một nhân viên Quaker khác) đã cho tôi biết là có rất nhiều binh sĩ trong Sài Gòn chưa từng có đánh trận bao giờ. Họ đã trả tiền để được trốn ở nhà. Với một ít may mắn nào đó.... họ sẽ đầu hàng mà không cần chiến đấu.”.

Ông Martin họp Bộ Tham mưu của ông lại để có được một nhận định tình hình mới nhất. Hà Nội sẽ cố gắng chiếm Sài Gòn để kỷ niệm sinh nhật Hồ chí Minh ngày 19 tháng 5. Nhưng có thể để loại trừ Thiệu, Hà Nội sẽ cố gắng đặt ở Sài Gòn một Chánh Phủ trung lập không mạnh lắm để dễ loại bỏ sau đó. Ông đại sứ đã gặp lại ông Bùi Diễm, người vừa mới dự một buổi họp của các tướng lãnh ở nhà của tướng Kỳ. Người ta đã khóc với nhau nhiều khi họ nghĩ tới tương lai. Ông Martin có đòi hỏi ông Bùi Diễm phải thắng các ông bạn quân nhân của ông ta lại. Và nhất là không nên có bất cứ một cuộc đảo chánh nào. Ông Martin tự hỏi về những lời tuyên bố của đại tá Võ đông Giang. Người đại diện của CPLTCHMN có nói rõ về con số cả ngàn người Mỹ sẽ có thể còn ở lại tại chỗ. Như vậy là có thể có thương thuyết . Chuyện này ông Tổng Trưởng Quốc Phòng Trần văn Đôn cũng có nói. Như vậy là mình phải tận dụng các lá bài này.

Cũng như ông Martin, mặc dầu có những lời cảnh cáo của thuộc viên phân tích gia Frank Snapp, ông Polgar cũng nghĩ rằng lần lần thấy có nhiều khả năng có được những cuộc thương thuyết. Người chủ nhiệm sở Trung Ương Tình Báo CIA có nhận được một cú điện thoại từ đại tá Toth của Hung gia Lợi để họ gặp nhau.

Họ dùng cơm ở nhà ông Polgar. Ông Toth hỏi :

– ” Anh có chấp nhận ý kiến là Miền Nam Việt Nam đã thua rồi không ? và không thể tránh khỏi việc này sẽ kéo theo nhiều hậu quả chánh trị ?

– *Vâng . Ông Polgar nhường lời.*

– *Nếu anh chấp nhận, thì chúng ta có thể có được một sự dàn xếp để có thể tránh được các cuộc chạm súng trên đường phố trong thủ đô Sài Gòn .*

– *Anh có nhân danh những người bạn của anh ở “phía bên kia” để nói điều này ?* ông Polgar hỏi lại.

– *Không , nhưng sau nhiều lần nói chuyện với họ, tôi có cảm tưởng là họ không mong muốn làm nhục Hoa Kỳ .*

Đại tá Toth muốn đánh tiếng là những tin tức của ông ta đến từ Hà Nội chứ không phải chỉ từ CPLTCHMN đâu. Ông ta cũng thừa biết là đối với ông Polgar CPLTCHMN chỉ là một “hư cấu” mà thôi.. Đại tá Toth muốn chuyển những điều kiện tiên quyết cho một cuộc thương lượng. Danh từ “tiên quyết” này được nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Ông Polgar không tin lắm. vì ông biết có thể đây là chuyện phản tin tức. Nhưng trên bình diện quân sự thì coi như đã hoàn toàn hồng hết rồi. Phải tìm một đường lối chánh trị thôi. Những nhà quan sát như ông Malcolm Browne, phóng viên của tờ Nữ ọc Thời Báo mà ông Polgar thường gặp, cũng xác nhận là CPLTCHMN muốn thương lượng. Một cuộc hợp ca phần khởi ! Ông Polgar nói:

– *“OK, Đi từ chỗ đó, bây giờ chúng ta phải làm gì đây ? Ai làm cái gì và làm cho ai ?”*

Đại tá Toth kê ra các điều kiện tiên quyết .

– *Ông Thiệu phải từ chức, không điều kiện. Phải lập một Chánh Phủ gồm những nhân vật mới được Bắc Việt chấp thuận. Hoa Kỳ sẽ ngưng cung cấp mọi viện trợ quân sự cho Chánh Phủ mới này. Ông đại sứ Hoa Kỳ phải giới hạn những hoạt động của ông lại. “*

Tất cả đều không có gì mới mẻ hết, nếu có (nếu Toth thật sự nhân danh họ) thì địch quân chỉ cho phép ông đại sứ Mỹ còn ở lại Sài Gòn mà thôi.. Liệu Đại tá Toth có thể hỏi những người phía bên kia danh sách những nhân vật Miền Nam Việt Nam nào mà họ chấp nhận được ?

Đại tá Hung gia Lợi sẽ thử hỏi, nhưng ông ta nhấn mạnh là *“thời gian đã cấp bách lắm rồi. Đây là một vấn đề của từng ngày chứ không phải từng tuần nữa “* .

Ông Polgar, quá bị kích động đã phúc trình ngay cho ông Martin, và ông đại sứ đã điện về cho ông Kissinger cùng ngày 19 tháng 4 lúc 18 giờ 10. Tất cả mọi việc hình như rất là thú vị. Có thể nào ông Kissinger được soi sáng thêm khi ông ta gọi ngay một “công điện cho Lê đức Thọ” ? Bất chấp những lý do thật hay giả của đại tá Toth, đại sứ Martin cũng thấy như vừa cắn phải miếng mồi ngon, qua ý kiến cho tòa đại sứ của ông được duy trì ở Sài Gòn.

Trong công điện của ông, đại sứ Martin than phiền hết người này đến người khác. Các sĩ quan có trách nhiệm soạn thảo kế hoạch di tản thì vừa đòi hỏi nhu cầu phải có đến 800 Thủy Quân Lục Chiến .Ông Martin thì không muốn quá 300 . Ông bị chế độ hành chánh ở Hoa Thạnh Đốn ám ảnh. Mọi người ai cũng chạy theo một định hướng “hồn ai nấy giữ” (nguyên tác của tác giả : CYA: “Cover Your Arse”) tức là hãy thu xếp thế nào để khỏi bị trách nhiệm và không bị khiển trách). Theo ông Martin thì các trung tâm tình báo “chỉ ước tính chuyện xấu nhất. Thật là không thực tế, nhưng chuyện đó sẽ che chở cho họ”. Các quân nhân thuộc Bộ Quốc Phòng lúc nào cũng nói là họ đã sẵn sàng với phi cơ của họ. “Như vậy, nếu có chuyện không hay xảy ra thì người ta sẽ nói là Bộ Quốc Phòng đã làm tất cả những gì mà họ có thể làm được, và nếu có chuyện gì xảy đến cho những người Mỹ thì đó không phải là lỗi ở họ.... Người duy nhất có

cái đầu không được ai che chở là tôi (đại sứ Martin). Bất cứ có xảy ra điều gì, thì tôi cũng sẽ lãnh đủ : không chạy khỏi bị chỉ trích.”

Hơn nữa, nghệ thuật thảo công điện ngoại giao đòi hỏi phải có tính bi kịch vừa có tính khôi hài trong đó nữa. Nên ông Martin gửi về một tin tức mà ông vừa thu lượm được qua kiểm thính được từ các đơn vị Bắc Việt:

” 80 % bộ đội thuộc đại đội 6 đang bị nhậm mắt. Tất cả tiểu đoàn có thể bị lây hết không chừa. Hãy gửi y tá đến để săn sóc tức thời. ”

Ông Martin cho lệnh ông Polgar giữ liên lạc chặt chẽ với viên đại tá Hung gia Lợi. Mặc kệ ý kiến của thuộc cấp như Snepp.

Ông Kissinger không quan tâm lắm về chuyện gặp gỡ bí mật của viên trưởng cơ quan tình báo CIA với một ông đại tá Hung gia Lợi. Người cộng sản không có thói quen tiến hành những chuyện thương thảo nghiêm trang qua những nhân vật hàng thứ yếu như vậy.

Chiến cuộc ở Xuân Lộc cuối cùng đã không được tốt lắm cho quân Miền Nam và tình hình quân sự hình như đã trở nên thảm hại trở lại.

Sáng chúa nhật 20 tháng 4:

Ông Kissinger trả lời: *“Cái đầu của tôi cũng không được ai che chở ! Cuối cùng rồi những chỉ trích sẽ rơi vào tôi hơn là vào ông, ông Kissinger yêu cầu ông Martin hãy thăm dò thử xem ông Thiệu có định từ nhiệm hay không ? Thời điểm chọn lựa cho việc này rất là quan trọng. Ông Kissinger có liên lạc với phía Liên Xô. Ông khuyên ông Martin không nên nói gì với ông Thiệu hết: “người ta có thể dùng ông Thiệu trong vấn đề mặc cả.”*

Những người có trách nhiệm ở Ngũ Giác Đài đang lo âu về chiến cụ và đạn dược của VNCH có nguy cơ bị rơi vào tay của Bắc Việt .

Ở Hoa Thạnh Đốn, trong những buổi họp có đủ mặt đại diện các ngành, ông Kissinger buông ra một câu :

– *“Tôi biết rằng nếu người Mỹ bị chết, thì đó là lỗi ở tôi. Tôi biết rằng, nếu chỉ còn một người Mỹ nào đó còn sót lại ở Việt Nam , thì đó cũng là lỗi ở tôi. Thưa các ông, bây giờ quý vị ai cũng đã tự lo đề phòng cho mình cả rồi. Chúng ta hãy bắt đầu làm lại đi “*

Tại Bộ Ngoại Giao ở Mạc tư Khoa, người ta tiếp rất nhiều nhà ngoại giao ngoại quốc, nhất là từ Đông Phương. Dựa trên những sự trao đổi với các đại diện Bắc Việt và của CPLTCHMN, các viên chức ngoại giao cao cấp Liên Xô nhắc đi nhắc lại rất ngọt ngào rằng *“cộng sản Việt Nam không có ý định chiếm Sài Gòn hay đi tới chiến thắng quân sự với cuộc tổng tấn công hiện tại.”* Họ nói rằng Bắc Việt nhìn nhận rằng họ cũng có nhiều bài toán về tiếp vận, cùng có nhiều khó khăn về tiếp tế lương thực. Bằng chứng là khâu phân trong vùng Hà Nội đã bị giảm thiểu...

Đây là luận cứ mới nhất của Liên Xô : *Quá bất ngờ vì các đơn vị tiến quá nhanh, Bộ Tư Lệnh Bắc Việt đã gặp khó khăn trong việc đối phó với các sư đoàn cuối cùng được trang bị quá đầy đủ của Sài Gòn. Cuối cùng CPLTCHMN không muốn tiếp thu một thủ đô Sài Gòn bị tàn phá.*

Cũng vẫn những tin tức tương tự được tung ra từ Ba Lê (Pháp). Tại đây phái đoàn VNCH đòi hỏi Bắc Việt và CPLTCHMN phải trở lại bàn Hội Nghị “mà không có điều kiện tiên quyết”. Đại diện CPLTCHMN trả lời rằng: “*Bao lâu mà ông Nguyễn văn Thiệu còn ở chánh quyền thì chừng đó không bao giờ có tiến triển về chánh trị được*”.

Trước đây vài tháng theo đề nghị của đại sứ Martin, Tổng Thống Thiệu đã cử tướng Nguyễn văn Toàn – một người to con, một người lính thật giỏi nhưng hư hỏng – đảm nhiệm chức vụ Tư Lệnh Vùng 3 Chiến Thuật, bao gồm Sài Gòn và Xuân Lộc.

Tướng Toàn trình cho Tổng Thống là Xuân Lộc chắc sẽ bị thất thủ. Quân Bắc Việt có thể tràn ngập các đơn vị phòng thủ cuối cùng ở đây và sẽ đánh bọc hậu vào thành phố. Ở phía Bắc Sài Gòn, Bắc Việt không phải tập trung các sư đoàn mà là tập trung các quân đoàn của họ. Lần lần họ sẽ có mặt ở vùng Đồng Bằng. Đứng trước tướng Viên Tổng Tham Mưu Trưởng, tướng Toàn, người được Tổng Thống Thiệu tin cậy, đã có nhận định:

– “*Chúng ta không còn lực lượng trừ bị. Chúng ta không có thể tiếp tục chiến đấu được nữa. Trên phương diện quân sự, coi như chiến tranh đã chấm dứt. Phải thương thảo với cộng sản mà thôi.*”

Trong một vài trung tâm chánh trị tại Sài Gòn, những nơi mà ai cũng biết khá rõ về lịch sử nước Pháp, thì người ta giải thích là phải có một cuộc chuyển giao quyền hành hợp pháp giống như tướng De Gaulle đã nhận lấy chánh quyền hồi tháng 5 năm 1958 vậy mới được. Một vài người như ông Bùi Diễm ước tính rằng tất cả những cuộc vận động của những người này hay người khác đều vô ích thôi. Ông Martin có điện thoại cho ông Bùi Diễm. Ông Martin hỏi:

– “*Ông có gặp được Tổng Thống Thiệu chưa?*”

– “*Chưa, khó mà vô được lắm.*”

Ông Thiệu tự cô lập mình trong tư phòng, tinh thần bị đè nặng.

– “*Có lẽ bắt buộc tôi phải đích thân đến đó mới được,* ông Martin vừa nói vừa thờ dãi.

Ngày 20 tháng 4, vào buổi sáng, Ông Martin và người tùy viên là ông Brunson Mc Kinley đến dinh Độc Lập. Trước đó ông đã đọc qua các bản phúc trình sau cùng của các cơ quan tình báo.

Đại sứ Hoa Kỳ giải thích cho Tổng Thống Thiệu biết là “*phân tích bản trận liệt và so sánh tương quan lực lượng hiện hữu đã dẫn đến một kết luận hết sức bi quan, nếu không muốn nói là thảm não .. Nếu Hà Nội muốn tiêu diệt QLVNCH thì Sài Gòn không thể cầm cự quá một tháng, hay có thể là không quá 3 tuần lễ, ngay như có được một sự phòng ngự vững chắc. Hà Nội mong muốn chiếm được Sài Gòn còn nguyên vẹn. Nếu những cuộc thương thảo không tiến hành được, người ta cũng không thể loại ra ngoài ý muốn của Bắc Việt là họ vẫn muốn chiếm một thủ đô Sài Gòn bị tàn phá hay không cũng vậy.*”

– “*Vậy thì triển vọng viện trợ như thế nào?* Ông Thiệu lên tiếng hỏi

– “*Mù mờ lắm*” ông Martin trả lời.

Xem chừng như ông Thiệu rất bình tĩnh, đáng kính nể lắm trong khi ông Martin mô tả những nét chánh của một thất bại ê chề. Ông nói với ông Thiệu là tất cả những người nào ở vào vị thế

so với vị thế của ông ta ở tại Sài Gòn này, ở Thủ tướng Phủ bên Anh, ở Tổng Thống Phủ bên Pháp, ở điện Kremlin ở Liên Xô hay ở ngay Nhà Trắng bên Mỹ, đều có một bài toán chung giống nhau: họ không bao giờ biết được là người ta có nói hết sự thực cho mình hay không? Người ta có thể nói dối với họ, trang điểm các phúc trình để được lợi ích cho cá nhân hay cho phòng sở của mình, để mà không làm phương hại đến người nắm giữ quyền hành tối thượng. Hay là vì người ta sợ và không muốn đưa tin quá xấu đến cho người đó.

Ông Thiệu ngồi nghe một cách kiên nhẫn.

Ông Martin tuyên bố là ông nói với tư cách cá nhân, không phải trong tư thế của một đại sứ Hoa Kỳ, với tư cách của một người từ lâu đã có quan sát được những biến cố ở Đông Nam Á Châu, của một người trong hai năm dài vừa qua đã làm việc cật lực để tìm hiểu sự phức tạp của những bài toán Việt Nam ông cứ tiếp tục nói....:

Càng về già, ông càng thấy mình không sao biết hết được. Người ta có thể nghi ngờ. Lúc nào cũng vậy. Đó là điều rất là có lý. Nhưng trong những thời điểm đau khổ này, những sự quan sát của ông có giá trị như của bất cứ người Đông Phương nào. Tình hình quân sự xấu kinh khủng, và người dân Việt Nam cho đó là trách nhiệm của Tổng Thống Thiệu. Trong giới chánh trị, về phía bạn cũng như về phía quân thù, không có một ai dám tin rằng ông Thiệu có thể đưa đất nước của ông ra khỏi cuộc khủng hoảng này được. Các tướng lãnh của ông có thể tiếp tục chiến đấu, nhưng cũng phải đạt tới một sự ngại ngùng qua miếng mồi thương thuyết. Ông Martin ước tính rằng nếu ông Thiệu không sớm có hành động thì các tướng lãnh của ông sẽ đòi hỏi ông phải ra đi.

Thật là một cảnh lạ lùng, ngoài sự yên lặng của hai người đang đối thoại. Ông Thiệu đặt nhiều câu hỏi chứng tỏ rằng ít nhất tới một điểm nào đó ông mất hẳn sự tiếp xúc với thực tế, cũng giống như đại sứ Martin đôi khi vậy. Ông hỏi:

– *“Đơn từ chức của tôi có ảnh hưởng gì đến Quốc Hội Hoa Kỳ và sự bỏ phiếu của họ hay không?”*

– *“Vài tháng trước thì có thể có”* ông Martin trả lời.

Còn bây giờ thì ông tỏ ra nghi ngờ. Điều quan trọng là sự ra đi của ông Thiệu sẽ có ảnh hưởng đến “phía bên kia” hay không?. Ông Martin không biết..... Ông đại sứ tưởng rằng Hà Nội sẽ chống đối bất cứ người nào có nghị lực. Tất cả những người của ông Thiệu, tất cả Chánh Phủ của ông đều có cảm nghĩ rằng sự ra đi của ông sẽ giúp mua được thời gian. Ông Martin ước tính rằng hy vọng đó rất là thấp nhưng người ta có thể căn cứ vào sự sống còn của một nước Việt Nam độc lập.

Ông Thiệu trả lời là ông sẽ có một quyết định tốt, đúng theo quyền lợi của đất nước ông. Ông Martin thấy không còn chờ đợi gì hơn nữa được ở Tổng Thống Thiệu. Ông Thiệu sẽ phải suy tính lại.

Cuộc đối thoại kéo dài một tiếng rưỡi đồng hồ

Khi trở về tòa đại sứ, ông Martin phúc trình ngay với ông Kissinger :

– *“Ông Thiệu có thể sẽ còn thử có một hành động nào đó để giúp ông ta qua mặt được kẻ thù của ông. Chắc không còn bao nhiêu thời gian nữa đâu. Xét kỹ lại thì tôi nghĩ rằng ông ta sẽ ra đi gần đây thôi.... Nếu các tướng lãnh của ông cho ông được vài ngày nữa thì có thể ông*

ta sẽ dàn dựng một màn từ nhiệm cảm động lắm. Tôi sẽ về nhà để đọc qua những phúc trình từ Hoa Thạnh Đốn ... rồi mới đi tắm gội được . Tôi nhức đầu lắm rồi đây. Kính, Martin ”

Vào buổi trưa cùng ngày 20 tháng 4 này, ông đại sứ Pháp đi một mình tới dinh Độc Lập. Được ông Thiệu tiếp ông cũng một mình. ông Mérillon cảm thấy sự vận động của ông có vẻ kỳ quặc nhưng thân mật.

– *“Thưa Tổng Thống , tôi đến tìm ông vì tình hình đã hết sức nghiêm trọng rồi. Không còn một lối thoát nào bằng hành động quân sự hết.*

Ông Thiệu không trả lời, ông Mérillon lại tiếp :

– *” Tôi chỉ thấy được có một con đường chánh trị Phải để cho một tiến trình chánh trị nó phát triển.*

Vốn ít nói, ông Thiệu vẫn lặng thinh. Nên cuộc nói chuyện trở thành một cuộc độc thoại dài của đại sứ Pháp. Ông điễm qua những sự kiện mà ông Thiệu mới bắt đầu biết. Ba phần tư đất nước coi như đã mất rồi. Có được bao nhiêu thành phố còn được ở trong tay của Chánh Phủ?- Sài Gòn, Cần Thơ. Nếu tình thế không nghiêm trọng thì không bao giờ Mérillon này dám tự cho phép mình... Căn cứ theo những gì Tổng Thống đang nắm được, điều rất rõ là.....

Đại sứ Pháp nhắc lại những quan hệ cá nhân giữa 2 người , nhắc lại lịch sử, danh dự, những mối liên lạc giữa bà Thiệu và bà Mérillon. Tổng Thống có thể giúp cứu vãn được dân tộc của mình . Xuyên qua một cuộc thương thảo không thể tránh né được, người ta có thể hy vọng sẽ cứu vãn một số đặc thù nào đó của Miền Nam Việt Nam được .

Tổng Thống Thiệu nói về những sự tập trung quân lực cần thiết, nói về sự phản bội của đồng minh Hoa Kỳ, về sự chủ bại của một vài tướng lãnh. Ông tỏ ra rất bình tĩnh nhưng ông Mérillon khi điện về Tổng Thống Phủ bên Pháp đã có nhận xét là :” thỉnh thoảng cái nhìn của ông Thiệu có vẻ ngờ ngác”.

Đại sứ Pháp thấy mình cần phải nêu lên những hành động chống Pháp trong những ngày gần đây ở Sài Gòn . Ông thấy cần phải lên án thái độ rất có lễ độ được dùng để làm rõ nét những sự vận động của người Pháp là “can dự vào những công việc nội bộ”. Và cuối cùng là Hiệp Định Ba Lê đã được long trọng bảo đảm ngay tại thủ đô nước Pháp.

Ông Thiệu lắng nghe mà không phản đối.

Cuộc nói chuyện kết thúc bằng một nhận xét rất là vô vị của Tổng Thống Thiệu:

– *” Rồi sẽ ra sao thì ra !*

Cũng giống như ông Martin, ông Mérillon từ giã Tổng Thống Thiệu, in trí rằng ông này rồi cũng phải ra đi.. May phước là ông Thiệu không có hỏi xem nước Pháp có chấp nhận cho ông ta tỵ nạn chánh trị ở Pháp hay không ?

Ông Mérillon trở về tòa đại sứ của mình một cách bình thân. Ở Thủ tướng Phủ Pháp, có một số người sợ rằng ông Thiệu sẽ trực xuất đại sứ Pháp, hay hơn thế nữa sẽ cho người ám sát ông này.

Ngày buổi chiều hôm đó, ông Thiệu trích đọc những bức thư của ông Nixon cho các thành viên của Chánh Phủ và một số Nghị sĩ, Dân biểu Quốc Hội nghe. Trong các tiệm ăn, các quán nhậu ở Chợ Lớn, người ta đánh cá sự ra đi của Tổng Thống Thiệu, một ăn ba, rồi một ăn mười. Nội trong tuần này hay trong mười ngày tới thôi.

Ngày 21 tháng 4,

Lúc 8 giờ 20, ông Polgar lại đi gặp đại tá Toth. Viên chức Mỹ này nói với viên chức Hung gia Lợi là người ta đã lắng nghe những nhận định của ông ta. Trước khi phê phán nội dung đó, người Mỹ muốn được nghe rõ ràng hơn về vị trí của “phía bên kia”. Nhất là cộng sản sẽ muốn nghe Hoa Kỳ tuyên bố những gì ?

Hai người Mỹ và Hung gia Lợi điếm qua tình hình quân sự trong 48 giờ sau cùng. Những chuyện đổ máu thêm thấy không có ý nghĩa gì hết. Đứng về quyền lợi chung của tất cả mà nói thì cần phải tránh sự hỗn độn. Ông Polgar thắc mắc là những cuộc thương thảo chừng nào mới sẽ bắt đầu và sẽ diễn ra ở đâu ?

Trong khi hai ông Polgar và Toth đang xây dựng lại nước Việt Nam , thì đại tá Võ văn Cầm thuộc võ phòng của ông Thiệu đi đến đài truyền hình Việt Nam ở số 9 đường Hồng Thập Tự để xin đại tá Lê Vĩnh Hòa Giám Đốc đài Truyền Hình Việt Nam tổ chức một buổi trực tiếp truyền hình . Đại tá Giám đốc đi ngay đến dinh Độc Lập mang theo dụng cụ lưu động và 20 chuyên viên. Có một đài tiếp vận trên xe để bảo đảm chuyển tiếp hình ảnh và âm thanh đến thẳng Đài Truyền Hình trung ương.

Trong một phiên họp nội các ngắn, Tổng Thống Thiệu báo cho các Tổng Bộ Trưởng của ông về quyết định của mình . Đến 2 giờ trưa Tổng Thống gặp Giám Đốc đài Truyền thanh truyền hình, lúc ông này đang đặt dụng cụ:

– ” *Anh có thể cho phát hình vào lúc 6 giờ chiều được không ? Để chỉnh các máy quay hình, anh hãy chọn một người nào đó có vóc dáng như tôi vậy được rồi.*

Đến 3 giờ chiều, ông Tổng Giám Đốc Cảnh Sát Quốc Gia loan báo là chiều nay Tổng Thống sẽ ngỏ lời với quốc dân đồng bào trên đài. Đến 5 giờ chiều, Tổng Thống cho gọi Giám Đốc đài truyền hình vào văn phòng của ông. Ông nói:

– ” *Trong lúc chuyển giao quyền hành, anh quay luôn cả tôi và ông Hương nghe .*

Ông Thiệu muốn được trực tiếp truyền hình để nói chuyện tự do hơn. Nếu ông cho thân bài nói chuyện của ông trước thì người Mỹ có thể tạo ra những biến cố kỹ thuật được. Vì giây trời (ăng ten) phát hình nằm ngay trên đài truyền thanh của Mỹ.

Tổng Thống Thiệu chỉ thị cho Giám đốc truyền hình lần chót :

– ” *Tôi sẽ nói vào đúng 19 giờ 30. Cuối cùng anh cứ giữ một máy quay trên hình của tôi. Và cứ cách hai giờ anh lại cho phát lại một lần.*

Được biết là trước cuộc tổng tấn công của cộng sản về truyền hình đã có 5 đài chuyên tiếp, ở Sài Gòn, Cần Thơ, Nha Trang, Qui Nhơn và Huế. Trong tổng số bốn trăm ngàn máy thu hình ở Miền Nam Việt Nam , đã có hơn phân nửa ở ngay trong vùng thủ đô Sài Gòn. Bài diễn văn cũng sẽ được trực tiếp truyền thanh qua đài phát thanh trên nguyên tắc nghe được khắp cả nước Việt Nam .

Được biết ý định của Tổng Thống Thiệu, ông Martin cho ông Kissinger biết:

– “Ông có thể cho đại sứ Liên Xô Dobrynine biết để biến chuyện này thành lợi thế là ông đã cố gắng sắp xếp chuyện này với Hà Nội qua Mạc tư Khoa . Mặc dầu tôi không biết được ông Thiệu sẽ nói gì chiều nay, nhưng tôi cũng không chờ đợi là ông sẽ quá cứng rắn đối với Hoa Kỳ . ”

Ông Kissinger trả lời ngay cho ông Martin:

– “Nếu ông Thiệu muốn rời khỏi Việt Nam , chắc chắn là ông phải lo cho ông ta mọi sự giúp đỡ cần thiết. Bất luận điều gì mà ông có thể nói về tôi, tôi vẫn có một sự kính trọng rất lớn đối với ông ta ”

Ông Thiệu đã mời tất cả những Dân biểu và Nghị sĩ vào Hội trường lớn ở tầng dưới của Dinh Độc Lập, trên bục danh dự có thiết trí hai máy thu hình. Trong phòng có vài quân nhân, trong số này có đại tướng Cao Văn Viên, Tổng Tham Mưu trưởng. Mọi người tuy có vẻ lo âu, bối rối nhưng có phần nào nhẹ nhõm. Ông Thiệu đã nắm chánh quyền từ cả chục năm nay. Ông ta đã chịu đựng và có quá nhiều kẻ thù. Giờ thì ông sắp ra đi. Liệu người ta có thể thay thế nhau ngay lúc đang ở giữa dòng hay không ? (tác giả dùng danh từ cộng sản là “thay ngựa giữa dòng”).

Ông Tổng Thống Thiệu lên tiếng:

– ” Thưa quý bà, thưa quý ông, Thưa đồng bào, Anh Chị em thân mến, đây là chiến lược của cộng sản : Quá mạnh về mặt quân sự , họ hăng say chiến đấu và các cuộc thương thuyết là phụ thuộc. Còn nếu họ thấy quá yếu về quân sự thì họ trở lại rất mạnh trên bàn thương thảo...”

Ông Thiệu vẽ lại một biến cố lịch sử. Ông lên cao giọng. Đôi khi ông khoa tay làm như bị trật khớp vậy. Ông xin lỗi vì địa điểm nói chuyện hôm nay thiếu hẳn sự long trọng... :

– ” Đã có một sự thông đồng giữa cộng sản và Hoa Kỳ để đi đến Hiệp Định từ ngày 26 tháng 10 năm 1972. Vào lúc đó tôi can đảm nói thẳng với Tổng Trưởng Ngoại Giao Mỹ ông Kissinger rằng “Nếu ông chấp nhận bản Hiệp Định này tức là ông chấp nhận bán Miền Nam Việt Nam cho cộng sản Bắc Việt . Còn tôi, nếu tôi chấp nhận nó tức là tôi là một kẻ phản bội lại đất nước và dân tộc tôi....”

Ông Thiệu đã từ chối không chịu ký tên vào Bản Hiệp Định trong suốt 3 tháng. Lần đầu tiên Tổng Thống Thiệu công khai nói rằng để ép ông ký, vào năm 1973 Tổng Thống Nixon của Hoa Kỳ đã phải đe dọa cúp hết tất cả mọi viện trợ cho Miền Nam Việt Nam .

Bài diễn văn này không được ông Hoàng đức Nhã phụ ông soạn thảo, giống như những lần trước . Tổng Thống vừa đọc vừa thêm bớt tùy hứng, rất dài, và rất khúc chiết. Đôi khi cử tọa thấy bức mình vì nghe được tính cách quá nghiêm trọng của diễn tiến lịch sử này.

Thình thoảng Tổng Thống đã tỏ ra rất giận dữ, quá xúc động, nên ông phải ngưng lại một lúc để tìm lại đoạn nối tiếp cho đúng chỗ trong bài diễn văn của mình. Chỉ có vài giây yên lặng mà sao thật là quá dài... Ông Thiệu đã tỏ ra rất là cứng rắn đối với người Mỹ, điều mà ông Martin không bao giờ mong đợi :

– ” Tôi đã nói với họ (người Mỹ) rằng : Các ông đã bắt chúng tôi phải làm những gì mà các ông đã thất bại không làm được với nửa triệu binh sĩ võ trang quá đầy đủ... Các ông không có thua cộng sản thật nhưng các ông cũng không thắng họ được . Và các ông lại tìm được một lối thoát trong danh dự. Bây giờ, trong lúc quân đội chúng tôi thiếu vũ khí, thiếu đạn dược, thiếu trực thăng, phi cơ và B.52, thì các ông lại đòi hỏi chúng tôi phải thực hiện một việc không thể nào làm được, là lượm từ viên đá để lấp cả một đại dương ! Thật giống như các ông chỉ cho chúng tôi có 3 mỹ kim thôi mà buộc chúng tôi phải mua vé máy bay thương hạng, hoặc buộc chúng tôi phải thuê một phòng ở khách sạn mà thường giá phải là 30 mỹ kim một ngày. .rồi phải ăn 4 hay 5 miếng bò bít tết, phải uống 6 hay 7 ly rượu vang.... Thật là vô lý, không thể nào thực hiện được !

Các khán thính giả đài truyền hình – người Việt Nam thì theo dõi bài nói chuyện trong nhà họ, và những cơ quan truyền thông báo chí thì ở tòa đại sứ Mỹ có người dịch ngay ra tiếng Anh tại chỗ – đều cảm thấy đây không phải là một bài diễn văn của một nhà ngoại giao, mà thật sự là một lá chúc thư.

Quá khích động, mồ hôi nhễ nhãi trên trán, ông Thiệu đã tỏ ra là một người thành thật khi ông thóa mạ người Mỹ:

– ” Các ông bỏ mặc binh sĩ chúng tôi dưới cơn mưa pháo của cộng sản , thật là một hành động vô nhân đạo của một đồng minh vô nhân đạo !

Ông gằn mạnh từng tiếng và lập lại :

– “Từ chối giúp đỡ một đồng minh, bỏ mặc cho họ chết, thật là vô nhân đạo.

Sau đó ông trở về với bài diễn văn:

– ” Hoa Kỳ đã tỏ ra rất hãnh diện là một quốc gia tranh đấu không mệt mỏi cho chánh nghĩa và lý tưởng Tự Do trên thế giới này. Năm tới Hoa Kỳ sẽ tổ chức lễ kỷ niệm 200 năm lập quốc.... Liệu người ta còn có ai tin vào những lời tuyên bố của Hoa Kỳ nữa hay không ?

Ông Thiệu tự nhủ là ông sẵn sàng chấp nhận mọi chỉ trích của cả thế giới, của những đồng minh của ông , và của cả dân tộc Việt Nam .

– “Tôi công nhận là có một số cấp chỉ huy quân sự của tôi đã tỏ ra hèn nhát trong những chiến trận gần đây, nhưng không phải tất cả đều như vậy. Trong nhiều Vùng, các chiến sĩ của ta đã chiến đấu một cách anh dũng.... Tôi có thể tiếp tục nhiệm vụ của tôi trong chức vụ Tổng Thống để cầm đầu cuộc kháng chiến.. Nhưng tôi không thể cung cấp được cho quân đội đầy đủ phương tiện để chiến đấu.... Đồng bào có thể hiểu lầm tôi, cho tôi là một chướng ngại trên con đường đi đến hòa bình. Tôi chọn giải pháp thứ hai, là tôi xin từ nhiệm. Sự từ chức của tôi chỉ là một sự hy sinh rất nhỏ.”

Ông xin tất cả hãy giúp đỡ Phó Tổng Thống Trần văn Hương, người sẽ kế vị ông theo đúng Hiến Pháp vào chức vụ Tổng Thống.

Ngồi bên cạnh ông Thiệu, ông Trần văn Hương rất cảm động sau cặp kính đen lớn của ông. Ông Thiệu nói tiếp :

– ” Không phải vì những áp lực của Đồng Minh chúng ta , cũng không phải vì cuộc chiến đấu khó khăn với với quân đội cộng sản Bắc Việt mà tôi bỏ cuộc. Có những vị Tổng Thống của

một vài quốc gia lớn cũng đã từng trải qua sáu hay bảy cuộc khủng hoảng. Họ đã viết sách, tự giới thiệu như những vị anh hùng, những chánh trị gia lỗi lạc. Còn tôi, trong mười năm qua, tất cả những năm, tháng, ngày, giờ của đời tôi đều gặp khó khăn, như tử vi của tôi đã tiên đoán.

Trong hàng cử tọa người ta muốn ông Thiệu chấm dứt. Nhưng ông cứ tiếp tục, trở lại những đề tài đã nói :

– Tôi sẵn sàng chấp nhận những phê phán và những cáo buộc của quốc dân đồng bào... Đời sống của cả một dân tộc không thể nào được trả giá như người ta trả giá một con cá ngoài chợ được

Cuối cùng ông Thiệu tuyên bố :

– ” Tôi xin từ nhiệm, tôi không đào ngũ “

Như vậy là ông Thiệu đã nói suốt một tiếng rưỡi đồng hồ.

Vị tân Tổng Thống Trần văn Hương sẽ lên tiếng tiếp theo đây. Người ta phải dìu ông lên đến tận ông nói. Sáu mươi hai tuổi đầu, lưng hơi còng hình như bị thấp khớp, ông nói với binh sĩ:

– ” Bao lâu mà các anh em còn chiến đấu, ngày đó tôi vẫn còn đứng bên cạnh các anh em. Tai họa đã giáng xuống đất nước chúng ta, hài cốt tôi sẽ nằm chung với hài cốt của các bạn chiến binh. Đó là nguyện vọng thiết tha của tôi.

Đối với đồng bào ông Hương tuyên bố

– ” Đoàn kết là sống, chia rẽ là chết ” .

Sau buổi lễ tuyên thệ của Tân Tổng Thống, Tướng Tổng Tham mưu Trưởng và Tổng Giám Đốc Nha Cảnh Sát đứng lên bảo đảm là quân đội tiếp tục chiến đấu và an ninh trật tự sẽ được vẫn hồi.

Nhà văn Duyên Anh đã nghe ông Thiệu nói. Ông tự nhủ : *Ông Thiệu không phải tài giỏi gì nhưng người Mỹ tin cậy ông ta. Nếu họ bỏ ông ta, thì cuộc điện coi như đã xong rồi .*

Đã từ mấy ngày nay, tên của nhà văn Duyên Anh đã được ghi vào danh sách rồi nên ông chỉ còn chờ còn chờ có một cú điện thoại nữa mà thôi, để được bóc đi Hoa Kỳ. Người ta yêu cầu ông đừng có xử dụng đường giây điện thoại để bất cứ lúc nào cũng có thể nhận được điện thoại khẩn cấp . Giữa cú điện thoại và lúc ra đến điểm hẹn để được bóc đi, chỉ có vồn vện 5 phút mà thôi.

Hòa thượng Thích Thiện Huệ đã ngồi ở ngay chùa với một số dân lánh nạn để nghe bài nói chuyện của ông Thiệu. Mọi người đều vui vẻ. Ông Thiệu đã mất hết vừa đồng minh vừa lòng tin của đồng bào. Ông ra đi là phải lắm rồi. Với một người lãnh đạo khác, tình hình may ra có thể khả quan hơn.

Ông kỹ sư Văn thì không thấy vui một chút nào. Làm sao những người quốc gia có thể thương thuyết được khi họ ở trong thế quá yếu ? Còn ông Tân Tổng Thống Hương vốn là một người chống Cộng đến cùng thì làm sao mà thương thuyết được ? muốn vậy là phải có một nhân vật nào đó mềm dẻo hơn.

Ở Đà Lạt, cha Jean Marie phải vào nhà ăn của trường Đại Học đóng kín tất cả cửa lại để nghe Tổng Thống nói chuyện . Ông cảm thấy tức giận. Tổng Thống Thiệu đã loan báo là ông sẽ trở lại quân đội như một tướng lãnh. Nhưng mà Cha nghĩ là chắc chắn ông Thiệu đã có trong túi một vé máy bay để đi ra ngoại quốc rồi.

Chỉ hai giờ đồng hồ sau lễ bàn giao quyền hành ở Dinh Độc Lập, thì đài giải phóng và đài Hà Nội đã tuyên bố là : *”Đó vẫn là chế độ Thiệu mà không có Thiệu... Chỉ là một chế độ bù nhìn mà thôi.”*

Ông Thiệu gặp ông Hoàng đức Nhã, người em bà con của ông ở nhà riêng của ông này.

Ông cựu Tổng Thống hình như đã thanh thản hơn, không còn quá căng thẳng như lúc ông đọc diễn văn nữa. Đến độ ông đã nở được một nụ cười..... – hay là ông đã nhắm mắt đây ? – để nói :

– *” Xong rồi. Nếu họ tưởng rằng họ có thể giải quyết được những bài toán này thì OK, xin cứ tìm giải pháp đi “*

Sau đó ông thờ dài:

– *“Phần tôi, tôi đã làm được tất cả những gì mà tôi có thể làm được cho đất nước tôi rồi “.*

Ông ta không còn ở tay lái nữa, nhưng ông chưa rời bỏ con thuyền. Ông chưa có ý định rời khỏi quê hương Việt Nam .

– *“Tôi sẵn sàng giúp ý kiến, nhưng bây giờ tôi không phải là người chỉ huy nữa.”*

Trong khi ông Thiệu từ chức, các đơn vị cuối cùng của sư đoàn 18 bộ binh đang rút ra khỏi Xuân Lộc . Tướng Tư Lệnh sư đoàn Lê minh Đảo đã đặt cho cuộc triệt thoái này một cái tên là ” cuộc hành quân bất ngờ, và đánh lạc hướng”. Tướng Đảo đã có được một sự giúp đỡ ngắn – do một trái bom được gọi là ” cắt hết bông cúc” được thả xuống đêm rồi ở 6 cây số về hướng Tây Bắc Xuân Lộc , gần Bộ Tư Lệnh của sư đoàn 341 Bắc Việt . Bom nổ làm chấn động cả thành phố như một cuộc động đất. Tin được loan đi hoang loạn: Miền Nam Việt Nam có bom nguyên tử loại chiến thuật. Hàng ngàn bộ đội và sĩ quan Bắc Việt bị tử thương do trái bom “hút hết dưỡng khí” này đã đốt hết dưỡng khí trong một đường bán kính 250 thước, làm chết ngay tại chỗ, nghẹt thở, mà không có một thương tích nào trên người .

Ông Eric von Marbod đã có hứa cho Miền Nam 27 trái bom loại “cắt hết bông cúc” này. Đã có 3 trái được giao cho Không Quân hôm 16 tháng 4., kèm theo đầy đủ mỗi trái một ngòi nổ của Hoa Kỳ . Ông ta đã chỉ cho Miền Nam kỹ thuật làm nổ trái bom và cách thức ràng rịt trái bom trên phi cơ vận tải cơ C.130. Muốn thả trái bom đầu tiên này, người ta gặp nhiều khó khăn lắm mới tìm được một phi công của Miền Nam có đủ kinh nghiệm. Vì người phi công Mỹ đã có hứa đến mà không thấy đến. Và người ta cũng không còn thả thêm được một trái bom nào loại này nữa.

Cuộc triệt thoái khỏi Xuân Lộc được tính toán rất kỹ và được thực hiện rất chu đáo. Những đơn vị cuối cùng của sư đoàn 18 bộ binh , của lữ đoàn 1 Dù, vài đơn vị Bảo An và Dân Vệ, đã rời khỏi vị trí đêm 23 tháng 4. Sư đoàn 18 tính tới giờ này đã bị thiệt 30 % quân số, đã tập trung được với pháo binh cơ hữu chung quanh các căn cứ Long Bình và Biên Hòa. Lực lượng Dù ít thiệt hại hơn, đã về thiết lập vị trí trên đường 15, bảo vệ trục lộ Sài Gòn ra Vũng Tàu.

Tổng Tư Lệnh quân đội Bắc Việt đã có quyết định bọc hậu thành phố để tiến về Biên Hòa , nằm ở giữa Xuân Lộc và Sài Gòn . Trong trận tấn công vào Xuân Lộc tướng Dũng đã mất hết 37 chiến xa T. 54.

Ở Sài Gòn. các nhà ngoại giao Pháp đang hăng say hoạt động. Họ muốn cho thủ đô không bị nằm trong lửa đạn, và chia cho cộng sản Bắc Việt lá bài Dương văn Minh. Nhưng liệu Hà Nội có chấp nhận lá bài này hay không ? Sài Gòn, một thành phố đang hấp hối, đang tuyệt vọng, hình như đang bị rơi vào khoảng không ... Hai ông Mérillon và Brochand đều nghĩ rằng cần phải có cả một sự ổn định về mặt tâm lý lẫn chánh trị . Người Pháp thấy rõ là người Mỹ chỉ muốn cứu lấy đồ đạc của họ mà thôi.

Chương 18 Giờ của Dương Văn Minh

Sau khi Tổng Thống Thiệu tuyên bố từ chức, thì nước Pháp đưa ra đề nghị giúp đỡ của họ. Tổng Thống Valéry Giscard s'Estaing ngả mũ chào "tinh thần trách nhiệm" của vị cựu Tổng Thống VNCH. Đối với tòa đại sứ Pháp ở Sài Gòn công tác cũng giản dị thôi : chỉ cần giới thiệu tướng Dương Văn Minh vào vòng đua chánh trị để có thể tiến tới những cuộc thương thảo.

Theo Thượng Nghị Sĩ Sam Nunn thuộc đảng Dân Chủ của tiểu bang Georgia thì sự ra đi của Tổng Thống Thiệu chưa phải là đạt được ngay việc thương thảo, mà chỉ mới là một khả năng có thể đưa đến những sự thương thảo mà thôi. Còn Nhà Trắng thì bình tĩnh xác nhận là người ta (Hoa Kỳ) không có đòi hỏi Tổng Thống Thiệu phải ra đi. Dĩ nhiên là có thể một người nào đó ở Sài Gòn đã đề nghị với Tổng Thống Thiệu... Trong khi tiếp xúc với dân chúng, ông Tổng Thống Ford vẫn cố đổ hết trách nhiệm về mọi biến cố ở Việt Nam cho Quốc Hội.

Ngày 21 tháng 4, ông nói chuyện với các ông Walter Cronkite, Bob Schieffer và Eric Sevareid ở trên đài truyền hình. Luận cứ của Tổng Thống Ford rất là đơn giản: Quân Lực VNCH vừa đánh vừa triệt thoái là vì Quốc Hội không chấp thuận viện trợ quân sự đầy đủ cho Miền Nam Việt Nam . Nếu không có những sự triệt thoái đó thì làm sao có hiểm họa như ngày nay ?

Ông Ford còn đi xa hơn nữa, ông còn lo lắng về hiểm họa chiến tranh ở Trung Đông . Và sợ còn có một cuộc phong tỏa dầu hỏa nữa. Trên bình diện kinh tế trong nước có nhiều yếu tố phần khởi như vấn đề lạm phát đã ổn định, chỉ số bán lẻ đang tăng. Nhưng Sài Gòn thì quá xa xôi...

Tuy nhiên vẫn còn vấn đề di tản. Hiển nhiên vẫn còn sự bất đồng giữa Bộ Ngoại Giao và Bộ Quốc Phòng . Người ta chống nhau vì có quá nhiều tiết lộ qua báo chí. Ông Bộ Trưởng Quốc Phòng cho biết là giờ này khó có thể xử dụng các phi cơ dân sự hay quân sự, mà bắt buộc phải dự trù một cuộc di tản bằng trực thăng, một cuộc hành quân rất là tế nhị. Vấn đề di tản người Việt Nam chưa được giải quyết. Ngoài ra ở Sài Gòn chánh thức thì các đơn xin di tản được tạm thời đình hoãn. Những người Việt Nam nào đến tòa đại sứ Hoa Kỳ cũng đọc được một thông cáo :

– ” Những yêu cầu có liên quan đến Cha Mẹ.

Vì có quá nhiều việc quan trọng phải giải quyết, nên tạm thời chúng tôi xin ngưng nhận đơn từ liên quan đến Cha Mẹ, Anh , Chị. Xin đừng xếp hàng ở đây nếu quý vị có nhu cầu về vấn đề này.

Hy vọng gần đây chúng tôi có thể nhận đơn xin liên quan đến Cha Mẹ, Anh Chị em...”

Ông Kissinger gọi điện thư qua cho ông Martin:

– ” Khi nào sân bay Tân Sơn Nhứt nằm trong tầm hỏa lực của địch quân, thì các cơ sở thuộc Phòng Tùy Viên Quân Lực phải được di tản bằng phi cơ... Không nên, tôi nhắc lại , không nên ý lại vào sự di tản bằng trực thăng.....”

Ông Kissinger nhấn mạnh là không nên can dự vào những hoạt động ngoại giao mà người Pháp đang tiến hành. Còn về vấn đề can thiệp của Liên Xô ?

– ” Chúng tôi có đề nghị một cuộc ngưng bắn tạm thời chừng hai tuần lễ ... để di tản người Mỹ và vài người Việt Nam ... “Đối diện , người ta hình như ngó ý ” đó là một quyền lợi nghiêm trọng....nhưng cho đến giờ này vẫn chưa có trả lời”.

Tại Honolulu, Đô Đốc Noel Gayler, Tư Lệnh Chiến trường Thái bình Dương, đã quyết định lập một cầu không vận tới Sài Gòn . Các phi cơ vận tải C.141 làm con thoi ban ngày và các phi cơ vận tải C 130 vào ban đêm. Tại Quốc Hội , một cuộc tranh đấu mới về ngân khoản đã được tiến hành và Chánh Phủ cuối cùng đã được chấp thuận 160 triệu mỹ kim viện trợ kinh tế và nhân đạo. Ông Ron Nessen ở Nhà Trắng xác nhận là Tổng Thống tin tưởng rằng còn có khả năng và nhất thiết cần phải có được một tỷ mỹ kim cho Miền Nam Việt Nam

Ngày 22 tháng 4:

Tổng bí thư Lê Duẩn nhân danh Chánh trị Bộ đã điện cho Văn tiến Dũng và Lê đức Thọ như sau :

– “Chúng ta phải tranh thủ, tính từng ngày.... Phải tấn công đúng lúc trên tất cả mọi hướng. Mọi chậm trễ sẽ có nguy cơ kéo theo nhiều hậu quả tai hại, trên cả phương diện chánh trị cũng như trên kế hoạch quân sự. ”

Tổng bí thư đảng sợ rằng giải pháp chánh trị sẽ làm Bắc Việt mất đi một chiến thắng hoàn toàn quân sự. Không có người lãnh tụ nào quên được lịch sử của năm 1954, với một biên giới được áp đặt ở vĩ tuyến 17 cho hai nước Việt Nam

Để tấn công vào Sài Gòn, tướng Trần văn Trà cho tập trung quân đội Bắc Việt trong những vùng tạm chiếm cho đến giờ này vẫn còn được bảo đảm an toàn: Chiến khu C ở Tây Bắc Sài Gòn, chiến khu D ở Đông Bắc, Khu Tam Giác Sắt ở phía Bắc, khu rừng U minh ở phía Nam, và các đơn vị thuộc CPLTCHMN ở trong bán đảo Cà Mau.

Ngày 22 tháng 4 :

Tại Lộc Ninh, Lê đức Thọ, Văn tiến Dũng với tư cách là Tổng Tư Lệnh, và Phạm Hùng như người chánh thức có trách nhiệm về chánh trị ở Miền Nam long trọng ký tên vào tám bản đồ, trên đó đường tiến quân tới Sài Gòn của các Quân Đoàn Bắc Việt được vẽ màu đỏ. Hai ông Lê đức Thọ và Phạm Hùng là chánh trị viên, thì ở lại Lộc Ninh, Văn tiến Dũng và Trần văn Trà, là quân nhân, thì đóng Bộ Tư Lệnh Tiền Phương tại Bến Cát, ở phía Bắc Sài Gòn .

Tại Lộc Ninh, một anh chàng say mê chiếu bóng tên là Tiên còn nhìn thấy Lê đức Thọ. Anh biết nhân vật này lắm, anh rất bằng lòng. Anh nhận thấy là chung quanh Lê đức Thọ có rất nhiều nhân vật quan trọng. Nhìn thấy cách họ nói chuyện là biết ngay. Một sĩ quan đã nói cho anh ta biết nhiệm vụ của mình:

– “Tôi phải điều khiển một toán chiến xa, phải dắt dẫn họ, nhất là khi chúng ta vào Sài Gòn .”

Tại Sài Gòn, ông Hương đang là Tổng Thống chậm chạp. Ông chỉ còn thấy lờ mờ. Ông bị chứng cao huyết áp và rối loạn nhịp tim. Ông quá lúng kùn trong nhiệm vụ Phó Tổng Thống, một nhiệm vụ rất là danh dự, thường ít lộ diện. Là một cựu giáo viên, ông đã từng là Thị trưởng Sài Gòn, Thủ Tướng trong một thời gian ngắn, và ứng cử viên Tổng Thống năm 1967. Năm 1968 ông Thiệu đã chỉ định ông làm Phó Tổng Thống để rồi một năm sau đó cho ông nghỉ việc và hai năm sau lại đưa ông trở lại đứng chung một liên danh.. Nặng về nghi thức, theo đúng Hiến Pháp, khi đã trở thành Tổng Thống rồi thì việc đầu tiên ông chú trọng đến là chỉ định và bầu bán trong Quốc Hội Lưỡng Viện. Tất cả đầu đó phải được an bài xong rồi ông mới chọn một vị Thủ Tướng. Ông Hương lộ vẻ bằng lòng vì một ngày ngay sau khi ông nhận chức Tổng Thống thì dân biểu Phạm văn Út, thủ lãnh khối Cộng Hòa, được bầu lên làm Chủ

tịch Hạ Viện. Hạ Viện đã không có đầu từ khi ông cựu Chủ tịch đã trở thành Thủ Tướng. Tổng Thống Hương lo lắng: tại sao người ta không đưa ra được một ứng cử viên vào chức vụ Tổng Thư Ký của Hạ Viện ? Thật là phiền hà, ứng cử viên duy nhất đứng đứn lại ở tận Cần Thơ. Ô ! mà vị tân Tổng Thống lại rất chú trọng đến việc Vương quốc Ô Man đã chấp thuận gọi một đại sứ đến Sài Gòn kể từ ngày 26 tháng 4. Mình phải gọi người nào đến Ô Man đây ? Đường như ông Hương quan tâm về vấn đề hình thức của chính phủ của ông hơn là bản thân ông, cũng như chương trình tương lai của ông hơn là những viễn ảnh của đời ông.

Pháo Bình cộng sản đang bắn vào Long Bình. Cho tới giờ này, chưa bao giờ những khẩu đại bác 130 ly Bắc Việt được bắn vào căn cứ này, một trong những căn cứ quan trọng nhất vào thời của người Mỹ còn ở đây.

Một buổi lễ cầu nguyện đã quy tụ những đại diện của bốn Tôn Giáo lớn là Công Giáo, Phật Giáo, Phật Giáo Hòa Hảo và Cao Đài ở tại nhà thờ Chánh Tòa. Thật là một cảnh tượng đẹp mắt, vì các vị lãnh đạo Phật Giáo Hòa Hảo mặc toàn đen đứng chung quanh Giám mục mặc toàn trắng và các nhà Sư Phật Giáo đắp toàn y vàng. Vị Đại diện chánh thức của Cao Đài không thể đi đến thủ đô được vì đường 22 nối liền Tây Ninh và Sài Gòn đã bị cắt đứt. Ở tỉnh Tây Ninh, các đơn vị của Miền Nam đã đẩy lui nhiều trận tấn công của Bắc Việt, điều này chứng tỏ rằng sự ra đi của Tổng Thống Thiệu không có ảnh hưởng gì đến binh sĩ của Miền Nam Việt Nam .

Về sự từ chức của Tổng Thống Thiệu, người ta ghi nhận là có nhiều bình luận mâu thuẫn kỳ lạ. Có nhiều người từng không ưa ông Thiệu, giờ đây lại khâm phục ông sau khi ông chửi Mỹ. Có những người khác thù ghét chế độ chuyên chế của ông Thiệu, tự hỏi rằng ông Hương sẽ có quyền hành tối thiểu nào ? ông Thiệu vẫn ở trong Dinh Độc Lập, sẽ cố vấn giúp cho ông tân Tổng Thống , vị này sẽ có thái độ ra sao?

Quen nghề dạy học, ông Hương dường như hay lẫn lộn lời nói và hành động. Đọc một bài diễn văn trên đài truyền hình, ông Tân Tổng Thống chỉ cho phép phụ nữ và trẻ em được phép rời khỏi đất nước nếu họ muốn. Còn đàn ông thì họ phải ở lại Việt Nam và chiến đấu.

Tại phi trường Tân Sơn Nhất các phi cơ vận tải nối đuôi nhau. Các viên chức Hoa Kỳ lo về đi tản làm việc ngay tại phòng thể dục để kiểm soát người tỵ nạn. Ngày 22 tháng 4, chánh thức có ba ngàn ba trăm người đã ra đi từ Sài Gòn trên các phi cơ quân sự Hoa Kỳ.

Ở Hoa Thạnh Đốn ông Kissinger đã đạt được một đạo luật giải tỏa hết chương ngại cho vấn đề nhập cư áp dụng cho hơn 300 ngàn người Đông Dương , trong đó có 50 ngàn người Việt Nam xét thấy “có bị nguy hiểm đến tánh mạng” . Đây là một sự nhượng bộ quá tốt : vì theo chánh sách cô-ta, không một nước nào được quyền có trên 20 ngàn chiếu khán nhập cư trong một năm. Chỉ sau thời điểm của Vịnh Con Heo, đặt biệt các cơ quan di trú Hoa Kỳ mới chấp thuận 60 ngàn chiếu khán cho người Cuba.

Bây giờ thì ông Kissinger thấy rằng ông đại sứ Martin đã quá trì hoãn trong vấn đề di tản. Liệu có thể tin được một con số quá lớn người Miền Nam sẽ có thể thoát thân hay được di tản chẳng ? Liên quan đến những vấn đề được đặt ra theo đó gia đình người Việt Nam quá đông, ông Tổng Thống Ford đã thuật lại một câu chuyện vui trong một cuộc thảo luận ở Nhà Trắng :

– “Một người Việt Nam đến trình diện ở tòa đại sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn với 4 bà vợ. Người ta hỏi ” ông muốn bà nào đi với ông ?” – Trả lời : – “Bà trẻ nhất ” .

Ở Sài Gòn người ta không tìm kiếm gì hơn ngoài một tờ chiếu khán của Hoa Kỳ

Thông báo trong tờ Saigon Post:

” Tìm cha mẹ nuôi. Sinh viên nghèo, biết lao động:

– Chu thị Mỹ Hồ, sanh ngày 2 tháng 10 năm 1954 ở Nam Định, căn cước số 00113070

– Chu thị Tuấn Hòa, sanh ngày 12 tháng 10 năm 1958 ở Khánh Hòa, căn cước số 10796374
“

Báo chí đăng thông báo tìm người đầy rẫy. Những người Việt Nam cố gắng tìm người Mỹ dân sự cũng như binh sĩ mà họ có quen biết. Vì những người này có thể bảo đảm, hay có thể đưa thoát họ ra khỏi Sài Gòn :

– Muốn tìm lại J.T. Slotberg”

– Ông Tom Westerling, ông hiện ở đâu ?

Bất thành linh, người ta tưởng rằng có một sự ngưng tiếng súng. Điều kiện ông Thiệu phải ra đi đã được thực hiện, một điều kiện mà phía cộng sản đã từng đòi hỏi, như vậy là họ phải có một sự ngưng hoạt động về quân sự .

Ông Kissinger gọi cho ông Martin công hàm trả lời của Liên Xô, (có phần lưu ý qua cho vị đại sứ của mình rằng đây thật sự là lần đầu tiên mà ông ta thông báo chi tiết về các cuộc thương thảo cho một trong các thuộc cấp của mình):

– “Sau khi nhận được công điện của Tổng Thống Hoa Kỳ đề ngày 19 tháng 4, gọi cho ông Leonid I Brejnev, Liên Xô đã có “những biện pháp cần thiết để liên lạc với phía Bắc Việt . Lập trường của phía Bắc Việt đối với sự di tản các công dân Hoa Kỳ ở Miền Nam Việt Nam được coi như hoàn toàn thuận lợi. Trong khi mở cuộc hành quân, phía Bắc Việt không có ý định làm trở ngại cho sự di tản đó.”

Bây giờ là các điều kiện thuận lợi đã có cho một cuộc di tản như thế rồi “Liên Xô đã nói rõ là phía Bắc Việt sẽ căn cứ trên Hiệp Định Ba Lê cho mọi dàn xếp chánh trị . Hà Nội không có ý định làm nhục Hoa Kỳ” .

Người ta tin tưởng là ông Ford không làm cho tình hình ở Đông Dương thêm quá căng thẳng. Hình như ông Kissinger đang bối rối. Ông ta đòi ông Martin phải cho ông biết xem ông Martin “nghĩ thế nào về sự trả lời của Liên Xô.” Ông Tổng trưởng Ngoại Giao Hoa Kỳ ước tính rằng người Mỹ có thể tiến hành cuộc di tản của họ và cả “cuộc di tản người Việt Nam ” mà không gặp một trở ngại nào.

Ông Kissinger còn nói thêm là : Thư trả lời chỉ rõ là “CPLTCHMN sẵn sàng tiến tới các cuộc thương thảo theo công thức ba Bên”

Liệu ông Kissinger cũng bị đầu độc chăng ? Những tin tức đến từ Mạc tư Khoa xuyên qua ông Kissinger, và từ Hà Nội xuyên qua đại tá Hung gia Lợi đã trùng hợp nhau. Ông Kissinger yêu cầu ông đại sứ phải giảm thiểu con số người Mỹ ở Miền Nam Việt Nam đến con số 800 người trong vòng 4 ngày tới.

Chung quanh Tổng Thống Hương và đại sứ Martin. người ta bàn tán về hoạt động chánh trị của Chánh Phủ Pháp. Ông Jean-Marie Mérillon là thành viên duy nhất thuộc ngoại giao đoàn ở

Sài Gòn đi dự buổi lễ cầu nguyện ở Nhà Thờ Chánh Tòa. Ở Ba Lê, Tổng Thống Valéry Giscard d'Estaing đã tiếp ông Jean Sauvagnargues, Tổng Trưởng Ngoại Giao, để bàn về tình hình ở Đông Dương. Rồi đến lượt ông Tổng Trưởng Ngoại Giao Pháp tiếp kiến ông Võ văn Sung, đại sứ của Hà Nội, và Phan văn Ba, đại diện cho CPLTCHMN. Và tất cả những chuyện này đã diễn ra thật là ồn ào.

Ở Tổng Thống Phủ Pháp, có nhiều người muốn nhìn nhận ngay CPLTCHMN nhằm bảo đảm sự hiện hữu của một Chánh Phủ. Thật là tế nhị. Thủ Tướng Jacques Chirac là một trong những người chống lại việc này, vì muốn tránh những phản ứng của Việt Nam Cộng Hòa đối với người Pháp còn ở Miền Nam Việt Nam. Đó là điều khôn ngoan. Trong tất cả thủ đô của các quốc gia ở Tây Phương các nhà ngoại giao Miền Nam Việt Nam cảm thấy cô đơn hơn bao giờ hết. Các phái đoàn cộng sản không muốn gặp họ ở La Celle-Saint Cloud. Họ và các nhà báo giải thích là :”Ông Hương cũng vẫn là Thiệu mà không có Thiệu”.

Tại nhà riêng của mình ở tòa đại sứ Mỹ, vào buổi tối, ông Martin thảo một bức công điện cho ông Kissinger :

– ” 1.- Tướng Trần văn Đôn, Tổng trưởng quốc phòng, đã đến gặp tôi hôm qua. Ông ta nổi tiếng là một tay chuyên môn nhảy dầm...nên khi ông ta kết thúc một bản nào rồi thì không ai còn biết được ông đang ở đâu hết, nhưng người ta cũng thấy vui vui....

Mấy ngày trước ông Đôn đã giải thích ở tòa đại sứ rằng một khi mà Tổng Thống Thiệu ra đi và được ông Hương thay thế rồi, thì ông ta, Trần văn Đôn, sẽ là một Thủ Tướng xuất sắc !

2.- Chiều hôm qua, ông Đôn lại đã đề nghị một kịch bản khác: Tướng Dương văn Minh, người mà Hà Nội mong muốn, dĩ nhiên với tướng Đôn là cố vấn. Xuất xứ : từ tướng Minh và Đại sứ Pháp. Ông Đôn đã thừa hưởng cái áo khoác đẹp đẽ đó của ai vậy ? Làm sao người ta có thể dàn xếp một chuyện giao quyền hành như thế được ? Ông Minh có thể được chỉ định làm Thủ Tướng... với toàn quyền hành động về quân sự và chánh trị do ông Hương trao cho ông ta... Hoặc một giải pháp khác : ông Hương có thể giao hết chánh quyền lại cho ông Dương văn Minh để ông này bắt đầu ngay việc thương lượng để thành lập một Hội Đồng Hòa Giải... Theo tướng Đôn thì những người Công Giáo, Phật Giáo và các Giáo Phái khác đều sẵn sàng yểm trợ cho giải pháp này. Câu hỏi chủ yếu được đặt ra là : tướng Đôn đã chắc chắn là Hà Nội đã chấp nhận Dương văn Minh rồi nhưng ông ta không thể đưa ra được một bằng chứng nào. ” Người Mỹ sẽ nghĩ thế nào đây ? Ông Martin viết tiếp : “Tôi đã trả lời rằng Quốc Hội Hoa Kỳ đã cho thấy là họ không quan tâm lắm về nhân vật nào sẽ ở chánh quyền ... và tôi không có một quyền nào để chấp thuận hay không chấp thuận những gì được coi là thỏa thuận chủ yếu giữa người Việt Nam. ” Ông Martin đã giải thích cho ông Tổng Trưởng quốc phòng Việt Nam rằng đây không phải là một bài toán của Hoa Kỳ nữa. Có thể ông Đôn sẽ gặp người Pháp vì họ khẳng định là họ có một ảnh hưởng nào đó đối với Hà Nội.

3.- Tôi đã gặp ông Mérillon hồi trưa này, sau khi ông ta đến gặp Tổng Thống Hương, ông Martin viết tiếp. Đại sứ Pháp nói rằng ông ta đã có lưu ý ông Hương là phải hành động nhanh. Tổng Thống Hương có vẻ hơi chậm chạp, bệnh hoạn và quá già. Ông ta không có phản ứng gì đặc biệt. Ông Mérillon xác nhận là Tổng Thống Pháp có thúc đẩy ông đưa ông Minh lên. Tôi có hỏi ông ta có nhận được tín hiệu chính xác của Hà Nội chứng nhận rằng Hà Nội sẽ chấp thuận ông Minh chưa? Tôi đã không nhận được câu trả lời trực tiếp nào.

Tôi có cảm tưởng rằng người Pháp đã đề nghị tên của ông Minh cho Hà Nội mà không nhận được một câu trả lời chính xác nào, nhưng họ giải đoán sự im lặng này đương nhiên là một sự thỏa thuận ngầm. Người Pháp cũng có nói là họ đã yêu cầu một sự ngừng bắn sau khi ông Thiệu

đã ra đi, để có thể đặt những thể thức chánh trị mới, và chuyện Bắc Việt tạm ngưng các hoạt động quân sự bây giờ là một trong những kết quả của những sáng kiến của họ. Tin tưởng rằng họ có thể ảnh hưởng được ông Dương văn Minh nên họ háp tấp tìm cách đưa ông ra nắm chánh quyền, hy vọng là một khi đã ngồi được ở ghế Tổng Thống rồi thì Hà Nội khó mà không thừa nhận được... Về phần tôi, “tôi nghĩ rằng Hà Nội khuyến khích những áp lực của người Pháp cốt để triệt tiêu tính cách hợp pháp của chế độ, bằng cách tạo ra một cuộc chuyển giao quyền hành một cách bất hợp hiến, có thể họ sẽ chấp nhận ông Dương văn Minh trong một thời gian nào đó như kiểu một chánh quyền thiên tả, và sau đó họ sẽ hành động thật nhanh để giành lấy thắng lợi không thể lật ngược được cho phía cách mạng.”

Ông Dương văn Minh đã có tiếp xúc với tướng Timmes. Ông Kỳ có vẻ muốn động thủ trở lại.

4.- Ông Dương văn Minh đã cho Tướng Timmes biết là có một số tướng lãnh người Bắc (những người ở chung quanh tướng Kỳ) đang chuẩn bị có hành động chống lại ông ta. Như tôi đã từng mong muốn là Sài Gòn phải được yên tĩnh từ ngày mai cho đến cuối tuần, nên tôi đã có gởi một đặc phái viên đến gặp tướng Kỳ để cho ông biết rằng, nếu nguồn tin đó đúng thì chúng tôi thấy rằng chuyện đó chẳng đi đến đâu. “Ông Martin còn lắt léo: “giả sử như ông Kỳ chối, thì tôi cũng cho ông biết là chúng tôi chấp nhận lời nói danh dự của ông, nhưng mà không một người nào khác tin ông đâu. Do vậy, điều tốt hơn hết cho ông là sẽ không có gì xảy ra”. Thật ông Martin biết mình quá là Việt Nam hơn là một người Việt Nam

Ông Hương đã yêu cầu vị Tân Thủ Tướng vừa được Tổng Thống Thiệu chỉ định hãy tạm thời giữ chức vụ đó. Vì ông Nguyễn bá Cẩn muốn rời khỏi đây. Ông Hương đã nói với ông Martin: “Tôi đã nói là tôi vẫn giữ nguyên trạng không có một thay đổi nào cho đến cuối tuần”. Ông Martin viết rõ như vậy. Cẩn phải tránh sao cho tình trạng chánh trị ở Sài Gòn đừng bị xáo trộn.

Ông Mérillon đã thúc ông Tổng Thống Hương. Ông háp tấp cho biết là ông Hương đã cho gọi ông. Trong lúc văn phòng của Tổng Thống thì nói rằng ông Mérillon đã xin được tiếp kiến. Ông Martin biết rất rõ những chuyện vận động kiểu này:

“6.- Ông Mérillon đã trở lại gặp Tổng Thống lúc 16 giờ chiều. Sau đó, qua điện thoại, ông ta nói với tôi là vẫn không có gì mới mẻ hết. Tổng Thống Hương đã mời tôi lúc 17 giờ chiều. Mặc dù có một sự ngại ngùng trong hoạt động quân sự... nhưng ông không biết được chuyện đó sẽ kéo dài bao lâu.”

Ông Mérillon yêu cầu ông Martin thúc dục ông Hương từ nhiệm.

Ông Hương né tránh. Lúc ông tiếp đại sứ Mỹ, ông nói chuyện với ông này như một người bạn. Ông Martin giải thích rằng theo ông thì cộng sản cho ông Hương là hình bóng của ông Thiệu. “một ông Thiệu mà không có Thiệu”? Ông Hương nói:

– Nếu tôi phải làm một ông Pétain của Việt Nam, thì ít nhất tôi cũng sẽ làm được trong danh dự và trong nhân cách đó.

Ông Tổng Thống mong muốn biết ông Martin nghĩ gì về ông Dương văn Minh. Đại sứ Mỹ chưa bao giờ gặp ông Minh. Có quá nhiều tin đồn về những tham vọng của ông ta. Có nhiều người khẳng định rằng nếu ông Minh được chỉ định làm Thủ Tướng theo một thể thức thông thường thì đó là một điều rất tốt.. Có nhiều người khác thì nói rằng ông ta muốn được Quốc Hội và dân chúng lựa chọn, Có nhiều người lại nói ông ta đòi hỏi phải có toàn quyền hành động.

Ông Hương thì nhắc lại tình bạn cũ với ông Minh. Tướng Dương văn Minh luôn gọi ông Hương bằng “Thầy”. Hồi xưa ông Hương đã từng khuyên ông Minh nên đi ra ngoại quốc. Ông Hương cũng đã cho gọi ông Minh trở về từ Băng Cốc (Thái Lan) vào năm 1968. “Có nhiều mối liên quan giữa chúng tôi . “

Ông Martin gợi ý là các nhóm thuộc lực lượng thứ ba và một số tướng lĩnh đã thấy có thể chấp nhận ông Minh. Cảm tưởng của ông Martin về ông Hương dường như có phần đúng. Câu hỏi chủ yếu là liệu Hà Nội có chấp nhận ông Minh hay không ? Ông Hương không biết gì hết. Ông yêu cầu ông Martin hỏi đại sứ Ba Lan thuộc phái đoàn quốc tế kiểm soát ngừng bắn về vấn đề này.

Ông Hương thấy không có gì mà phải gấp. Trong buổi tiếp kiến, thành linh ông Tổng Thống già nua nói chuyện thơ phú với ông Bruson McKinlet, người đi theo ông Martin. Ông Martin tận hưởng được phút thoải mái này.

Ông Martin viết tiếp :

” 8. – Ông đại sứ Ba Lan đã đến gặp tôi lúc 20 giờ tối. Đó là một người cộng sản cứng rắn và là một nhà ngoại giao loại “nhà nghề”. Chúng tôi hiểu nhau. Tôi cho ông ta biết cảm tưởng của tôi, khi biết rằng vị tân nguyên thủ quốc gia phải đối đầu với những sự thật, và nghĩ rằng định mệnh bắt ông ta phải chịu lãnh vai trò của một ông Pétain.... Không có cách nào để biết được liệu Hà Nội có chấp nhận ông Dương văn Minh trong vai trò tạm thời của một ông Laval hay không... ? Ông đại sứ Ba Lan sẽ thử tìm hiểu tin tức này. Ông ta là một người rất thận trọng và Varsovie phải cho phép ông hành động. Tôi nghi rằng rồi sẽ có một câu trả lời đúng lúc. Tôi tin chắc rằng vào sáng ngày mai thế nào ông ta cũng sẽ cho tôi biết là ông ta không nhận được câu trả lời. Tôi có thể cho Tổng Thống Hương câu trả lời đó và sẽ chấm dứt tại đây...” Ông Martin nghĩ rằng “vào ngay lúc này ông Dương văn Minh có giá trị của một người khác rồi”, nhưng người Mỹ không nên có một vai trò nào trong câu chuyện này. “Tại Hoa Thạnh Đốn, liệu chúng ta có một chỉ dấu tối thiểu nào cho thấy là ông Dương văn Minh được Hà Nội chấp nhận ?”

Trong trò chơi lớn đầy kiên nhẫn đang diễn ra , vẫn còn thiếu một quân cờ. Người ta biết là ông Dương văn Minh sẽ đóng được vai tuồng gì, nhưng người ta không biết được Bắc Việt có chấp nhận dàn dựng vở tuồng này hay không ?

Tại Ba Lê, Tổng Thống Giscard d’Estaing cho gọi ông Paul d’Ornano, nghị sĩ của những người Pháp ở ngoại quốc, từng là một nhà trông tía ở Đông Dương, vì ông này sắp sửa đi qua Sài Gòn. Ông Tổng Thống Pháp nghĩ rằng CPLTCHMN có nhiều may mắn. Dù thế nào đi nữa thì cũng phải giữ sự có mặt của người Pháp. Ông d’Ornano nhất định phải bảo người Pháp phải ở lại tại chỗ.

Tổng Thống Pháp có thể sẽ có lệnh cho các viên chức, và lời khuyên cho những công dân Pháp.

Hai ông Kissinger và Martin thường xuyên liên lạc với nhau.. Ngày 23 tháng 4, ông Kissinger giải thích cho ông Martin là ” đối với tình hình chánh trị ở Sài Gòn , có hai cách giải quyết:

– Chúng ta có thể thử cố giữ một cấu trúc vững chắc của Chánh Phủ, có nghĩa là người ta không để cho Chánh Phủ hiện hữu bị sút mẻ thêm nữa..

– Chúng ta có thể tìm để đạt những gì cụ thể chính yếu mà người Pháp đang mò mẫm tiến hành : thử thực hiện một vài thay đổi cho đến khi nào chúng ta tìm ra được một cơ cấu cho một Chính Phủ khả dĩ được Bắc Việt chấp nhận ...

Trên thực tế , hy vọng duy nhất cho một sự cải thiện không thể tránh được, là phải đi qua đường dây Liên Xô.” Phải chờ câu trả lời từ Mạc tư Khoa , và từ đây đến đó phải giữ nguyên trạng cơ cấu chánh trị hiện thời. “Nếu trong hai ngày mà chúng ta không nhận được câu trả lời, hoặc có nhận được câu trả lời phủ định, thì chúng ta có thể xem lại vị thế của chúng ta . Trong khi chờ đợi, tôi đề nghị là ông có thể làm tất cả những gì ông có thể làm được để yểm trợ cho Tổng Thống Hương và Chánh Phủ của ông ta mà không cần nói gì cho ông biết về sáng kiến của chúng ta liên quan đến Liên Xô.

Bây giờ lại đến lượt ông Hương sẽ trở thành một món tiền để trao đổi ! Liên quan đến vấn đề di tản, ông Martin cũng như ông Kissinger vẫn đứng trước một ngã ba đường : Ngũ Giác Đài thì tỏ vẻ hồi thúc. Trong trường hợp Sài Gòn bị tấn công, người ta không muốn thấy quân chiến cụ và đạn dược bị rơi vào tay cộng sản . Nhưng nếu người ta đưa quân chiến cụ đi thì Miền Nam Việt Nam sẽ hốt hoảng ngay.

Những người của ông Thiệu sửa soạn ra đi. Cựu Thủ Tướng Trần thiện Khiêm gởi nhiều tấn hành lý ra ngoại quốc. Tân Tổng Thống Hương tiếp tướng Đặng văn Quang, Phụ tá đặc biệt về an ninh của ông Thiệu và nói với ông này rằng ông phải từ chức vì ông liên hệ quá chặt chẽ với ông Thiệu. Ông Quang tuân hành ngay và sau đó yêu cầu ông Hương coi sóc giùm mấy người đệ tử của ông Thiệu. Ông Hương sẽ coi lại..., ông ta nói với ông Thiệu trong những ngày tới. Chuyện quan trọng bây giờ phải là vấn đề thương thuyết với kẻ địch :

– ” Vấn đề an toàn của đất nước phải được ưu tiên hơn là an toàn của cá nhân”

Vài giờ sau đó, khoảng giữa trưa ngày 23 tháng 4, tướng Kỳ đáp trực thăng xuống nóc Dinh Độc Lập, ở đó có Tổng Thống Hương đón ông ta. Ông Kỳ nói :

– ” Quân cộng sản Bắc Việt có thể tiến đến Sài Gòn trong vài ngày, hay trong vài giờ sắp tới...

Ông Hương đáp:

– “Phải thương thuyết thôi. Ông Mérillon và nhiều người khác thúc giục tôi trao quyền cho tướng Dương văn Minh. Quân đội không thể kháng cự được . Có phải thật sự là họ đã hết đạn rồi phải không ?

Tướng Kỳ nghĩ rằng Quân đội cần phải có một lãnh đạo có nghị lực:

– Với những gì chúng ta đang có, chúng ta có thể cầm cự được một hai năm. Ông hãy bổ nhiệm tôi làm Tham Mưu Trưởng Liên Quân đi.

Ông Hương thoái thác:

– ” Một người như ông, đã từng là Thủ Tướng và Phó Tổng Thống , không thể chỉ trở thành một Tham mưu trưởng thường được . Ít lâu nữa đây tôi sẽ chỉ định ông làm cố vấn quân sự đặc biệt cho Chánh Phủ .

– Nhưng thưa Tổng Thống , thời gian còn quá ít .

Ông Kỳ ra đi. Toàn là những người yếu đuối, toàn là những người chân chờ ! Người Mỹ và người Pháp đang dùng con bài Dương văn Minh là một người yếu đuối khác nữa. Nếu ông ta lấy được quyền hành hay được người ta giao cho quyền hành (vì Minh không tự mình chiếm lấy quyền hành bao giờ) thì tất cả sẽ còn yếu nữa. Tướng Kỳ tiếc là mình không chịu tiến hành một cuộc đảo chánh.. Chỉ vài ngày trước khi Tổng Thống Thiệu ra đi, một phi đội trưởng đã đề nghị ném một trái bom “gạt hết bông” (bom hút hết dưỡng khí) xuống Dinh Độc Lập.

Người Pháp khuyến khích ông Dương văn Minh hãy nhận ghế Thủ Tướng, ít nhất trong thời gian đầu. Chiều lại ông Minh họp các cố vấn của ông lại. Ông nói:

– “Nếu được chỉ định là Thủ Tướng một cách “hợp hiến” như vậy, thì quá yếu: Tôi muốn nhận ghế đó trực tiếp từ dân chúng. Thí dụ như qua sự tán thành của những nhóm Tôn Giáo chánh hay các nhóm khác.

Ông Minh tưởng tượng là nhiều nhóm khác nhau đồng thỏa thuận cho ông một loại ủy nhiệm của dân chúng. Ông yêu cầu dân biểu Nguyễn văn Bình liên lạc giùm với các hội chuyên viên như luật sư, giáo sư, các doanh gia, và nhà báo. Về phía Quân đội Ông Minh rất tự tin. Vài giờ trước đó, các tướng lĩnh đã họp ở Bộ Tổng Tham Mưu, có mặt cả tướng Cao văn Viên. Ông này ước tính rằng phải bỏ qua Hiến Pháp để tướng Minh được chỉ định là nguyên thủ quốc gia. Ai sẽ chỉ định ông ? Ông Minh trả lời là dân chúng. Ủy nhiệm của dân chúng, của các vị lãnh đạo Tôn Giáo, của các Hội đoàn chuyên nghiệp, của Thượng Đế. Ông Minh biết ít nhất là Tướng Viên, Tổng Tham Mưu Trưởng, đã sẵn sàng đi với ông ta.. Nếu người ta trao cho ông toàn quyền, thì sẽ có nhiều tướng lĩnh và sĩ quan cao cấp sẽ ở lại tại chỗ và nghe lệnh ông ta thay vì sửa soạn chạy ra ngoại quốc. Ông nói :

– ” Muốn thương thuyết, thì cũng phải có một vài đơn vị có kỷ luật.

Ở Đà Lạt, linh mục Mais đã có được một giấy phép đi lại của Ủy ban hành chánh Phường cấp cho. Ông và một người đệ tử của ông dùng một chiếc Honda đồ chạy theo Quốc lộ 1 theo dòng người tản cư và theo các đoàn xe của Bắc Việt. Vào giữa trưa tại một làng cách Xuân Lộc khoảng 20 cây số, xe ông bị một toán dân chính mang ba sao đồ chặn lại.

– “Ông đi đâu ?

– Tôi đi Gia Kiệm thăm một linh mục bị thương, cha Mais trả lời bằng tiếng Việt Nam.

Dưới con mắt lưu tâm của một vài người có mang súng lục, và hai anh bộ đội Bắc Việt , người ta xem kỹ giấy căn cước Pháp và thẻ cư trú của linh mục... Một người mời cả hai vào một căn nhà gần đó. Người ta mời ông dùng trà và ăn chuối. Một giờ trôi qua... Người ta dẫn hai người đến một căn nhà khác và người ta để cho họ đứng đó. Một người dân sự khoảng 50 tuổi tự giới thiệu là người có trách nhiệm an ninh xằng giọng hạch hỏi hai người. Anh ta giữ một khoảng cách với linh mục và gọi linh mục bằng “ông” :

– “Ông là ai ? Từ đâu đi đến đây ? Và ông đi đâu ? Ông không cần phải đi như vậy. Tôi không thể bảo đảm an ninh cho ông đâu.

Một người nữa tới. Ông này hướng về linh mục và gọi bằng “giáo sư”. Cả linh mục và người đệ tử của ông đều chờ đợi. Họ ngồi trên ghế đầu. Một người thứ ba lại đến, người này lễ độ và có vẻ cung kính hơn, Anh ta gọi Linh mục là “cha”

Người ta tịch thu hết giấy căn cước của hai người . Người ta cho hai người lên lầu của căn nhà này, ở đó họ gặp một ông cựu xã trưởng, một người nông dân và một người dạy giáo lý. Trời đã tối. Người ta đem cho họ cơm nguội, canh rau, và chiếu. Có những người còn trẻ, khoảng 15 tuổi, mặc ka ki hay đồ đen đến gác căn nhà này. Nghe giọng nói linh mục Mais biết là họ đến từ miền Trung. Người ta thả một vài người , rồi nhanh chóng lại có những người khác vào. Linh mục Jean Main hỏi về chuyện của mình. Người ta đáp:

-” Trường hợp của ông chưa được giải quyết .

Ngày 24 tháng 4.

Từ căn cứ Plessetsk, Liên Xô phóng một vệ tinh có độ chụp ảnh cao, có thể dò thấy các đơn vị đến cấp trung đội, và phân biệt được rõ ràng loại chiến xa. Độ nghiêng của vệ tinh này là 81 độ. Tám ngày trước đó, Liên Xô cũng đã có phóng lên một vệ tinh ở độ nghiêng là 65 độ. Hai vệ tinh này phối hợp lại thì sẽ giúp cho Liên Xô thấy được một hình ảnh rất rõ ràng của nước Việt Nam trong 6 ngày, tức là cho đến ngày 30 tháng 4. Các vệ tinh thuộc thế hệ 2 này gửi hình ảnh có thể rửa thật nhanh được. Và kết quả sẽ được chuyển tiếp đến Hà Nội trong vài giờ. Và từ thủ đô Bắc Việt lên tổng hành dinh của Văn tiến Dũng ngay tức khắc. Do đó, vị Tổng tư Lệnh Bắc Việt sẽ biết ngay được trước mặt quân mình có những đơn vị cấp nào của Miền Nam Việt Nam .

Ở Sài Gòn, dân chúng hy vọng sẽ có một cuộc ngừng bắn sắp tới. Một hình ảnh , đúng hơn là một ảo ảnh .. đang bàng bạc trong không khí : 3 người Việt Nam , một Bắc Việt cộng sản , một Trung Việt với một chế độ hòa giải, một Nam Việt với một Chánh Phủ mở rộng để thương thuyết với Hà Nội

Sáng sớm ngày 24 này, Tổng Thống Hương và ông Dương văn Minh kín đáo gặp nhau ở nhà riêng của cựu Thủ Tướng Khiêm trong căn cứ Không Quân Tân Sơn Nhất . Bí mật ? Rồi đây trong vài giờ nữa, tất cả Sài Gòn cũng sẽ biết rõ việc này.

Vị Tân Tổng Thống muốn mặt đối mặt bàn cãi với ông Dương văn Minh, nhưng ông này chỉ muốn cuộc nói chuyện kéo dài trong hai giờ này phải có sự hiện diện của ông cựu Chủ Tịch Thượng Viện Nguyễn văn Huyền.

Ông Hương vẽ lên một bức tranh đen tối của tình hình quân sự . Nhiều lắm là Chánh Phủ chỉ còn có 5 sư đoàn để chống lại 5 Quân đoàn Bắc Việt. Giỏi lắm ta chỉ còn đủ đánh một trận danh dự ! Ông Hương cố thuyết phục ông Minh hãy nhận ghé Thủ Tướng, điều này hoàn toàn hợp hiến. Rất bình tĩnh ông Minh từ chối. Vì việc này sẽ tự mình làm hại thanh danh của mình. Cộng sản Bắc Việt sẽ cáo buộc ông là người nắm giữ chánh quyền hợp pháp từ một thành viên của “tập đoàn Nguyễn văn Thiệu” . Như vậy ông Minh sẽ ở trong thế quá yếu, khó mà thương thuyết được. Ông Minh đề nghị ông Hương cho ông một ân huệ là hãy từ chức đi . Thật là kỳ lạ cho ông này! Thường thường, trong những cuộc khủng hoảng nghiêm trọng thì những kẻ huênh hoang thì nín lặng, những kẻ ần dật mới lên tiếng tự xác nhận, và những người khiêm nhường có thể sẽ trở thành khó tính. Ông Minh biết là những người Công giáo, Phật Giáo đang sửa soạn ra thông cáo, riêng lẻ hay chung nhau nhưng cùng có một nội dung : ông Dương văn Minh cần có được quyền tối thượng. Ngay hôm nay, thượng tọa Thích trí Quang , vị sư hoạt động hăng say nhất của chùa Ấn Quang, sẽ họp báo để xác định vị trí của mình trong chiều hướng này.

Vị nguyên thủ giả ngồi nghe ông Minh nói mà không hề chấp nhận.. Vị cựu Chủ tịch Thượng Viện ủng hộ ông Minh. Ông Hương nhất định không nhượng bộ. Ông còn nói đùa:

– ” Đơn giản nhất để loại tôi ra, là chỉ cần làm một cuộc đảo chánh thôi.. Như vậy nó tự nhiên hơn!

Người ta dự tính một số biện pháp để làm dịu những người cộng sản , nhất là việc thả các tù chánh trị . Ngày hôm qua, tướng Minh có nói với tướng Nguyễn khắc Bình, Tổng Giám Đốc Nha Cảnh sát. Cả ông Bình và ông Hương dường như tuân tưng vừa khó chịu vừa nhẹ lo vì những sự liên lạc của tướng Minh. Thật khó mà nghi ngờ được ai ai và đâu đâu cũng chấp nhận ông Minh, kể cả Cảnh sát . Ông Dương văn Minh trước kia đã cứu tướng Bình, sau khi ông Diệm bị lật đổ. Vì tướng Bình là người trung thành với ông Diệm, sau này ông mới theo ông Thiệu. Mà nếu cần thì ông ta lại theo ông Dương văn Minh.

Khi di chuyển thì ông Hương thường chống gậy, và ông hơi run rẩy, nhưng ông không có chọn một quyết định nào hết.

Các nhà chánh trị và quân sự vô ra nhà ông Dương văn Minh bao nhiêu thì vô ra Dinh Độc Lập bấy nhiêu. Hoặc là ông Minh quá tự tin rằng chỉ có một mình ông là có thể gặp được CPLTCHMN hay Hà Nội , hoặc là ông quá tự kiêu không đúng chỗ, ông Minh điềm tĩnh đó nhưng không có vẻ gì là một nhà hòa giải. Ông không chịu hiểu câu châm ngôn ViệtNam :” Nếu có người nào đó đến trước, thì tôi sẽ là người thứ nhì, nếu đã có người thứ nhì rồi thì tôi vui vẻ chấp nhận chỗ thứ ba vậy ”

Ông Minh phác thảo một Hiến Pháp tạm thời hoặc một Hiến Chương mà ông đề nghị công bố ngay khi Hiến Pháp hiện thời sẽ được bãi bỏ khi ông Hương từ nhiệm, không còn là Tổng Thống nữa. Ông Minh lên danh sách một Chánh Phủ lâm thời. Tổng Thống: Dương văn Minh, ông cũng coi luôn những vấn đề quân sự. Phó Tổng Thống của ông sẽ là nghị sĩ Nguyễn văn Huyền, người đã giúp ông ta trong cuộc gặp gỡ với ông Hương. Trước hết, ông sẽ lo việc thương thuyết với địch. Ông sắp xếp người trong Chánh Phủ rất là khôn khéo. Ông Huyền, người Miền Nam là Công Giáo, ôn hòa, sẽ làm yên lòng phe quốc gia . Thủ Tướng kiêm Tổng Trưởng Ngoại Giao: nghị sĩ Vũ văn Mẫu với một phó Thủ Tướng: dân biểu Hồ văn Minh. Hai người này sẽ tập hợp được các thành viên của Luỹng Viện Quốc Hội . Một chủ ngân hàng, ông Nguyễn võ Điều sẽ là Tổng Trưởng Tài Chánh. Ông Minh cũng đưa những nhân vật mà cộng sản chắc chắn sẽ chấp nhận : Bà Ngô bá Thành, Tổng Trưởng Tư Pháp, người mà ông Thiệu đã biết là trung lập và quản chế tại gia.; dân biểu Hồ ngọc Nhuận, một người công giáo thuộc cánh tả sẽ là Tổng Trưởng xã hội và Ty nạn. Dĩ nhiên, danh sách này có thể còn thay đổi, nhưng đầy hứa hẹn, đã chứng minh được thiện ý của ông Minh. Sự phối hợp này còn quá khéo léo hơn một Chánh Phủ dưới thời đệ tứ Cộng Hòa Pháp nữa ! Nhưng vấn đề là làm sao thuyết phục được cộng sản Bắc Việt đây ?

Cả Tổng Thống Hương và ông Dương văn Minh đều có gọi sứ giả riêng rẽ đến trại Davis. Những người này được đại diện của CPLTCHMN tiếp đón rất là lịch sự, nhưng họ không chịu hứa hẹn gì cả. Cùng ngày nay ở Ba Lê và Hà Nội CPLTCHMN cho đăng một bản tuyên bố :

– “.... Phải thành lập một nền hành chánh mới ở Sài Gòn (và) trong đó không được có một bộ mặt nào đã ở trong tập đoàn Nguyễn văn Thiệu....”

Như thế là thông cáo này nhắm thẳng vào ông Hương và cũng nhắm vào một số đồng nhân vật dân sự hay quân sự của Miền Nam Việt Nam .

Ông Tổng Trưởng Quốc Phòng Trần văn Đôn rất khôn khéo đã làm trung gian để Tổng Thống Hương và tướng Minh đạt được một thỏa hiệp. Và nếu ông Tổng Thống đề nghị với tướng Minh chiếc ghế Thủ Tướng với đầy đủ quyền hành, cả hành chánh lẫn quân sự thì sao ? Khi mà có những sự kiện chống lại ông thì mỗi chữ nói ra đều nặng ký. Khi một người Việt Nam càng là công dân Pháp bao nhiêu (ông Đôn là một công dân Pháp cực đoan) thì ông ta càng đầu tư từng chữ một về pháp lý bấy nhiêu. Theo sơ đồ của ông Đôn, thì vị tân Tổng Thống Trần văn Hương chỉ có một vai trò mới, một chức vụ danh dự, như một quốc vương ở vùng Bắc Âu vậy thôi. Ông ta không được can thiệp vào công việc của Chánh Phủ. Ông sẽ có một nhiệm vụ như Hoàng Đế Bảo Đại khi ông trao hết quyền hành lại cho Tổng Thống Diêm. Danh dự của ông Hương vẫn còn và người ta có thể bắt đầu thương thuyết. Tướng Đôn đã cố thử thời vận của mình khi ông tuyên bố với đại sứ Mérillon là ông ta có thể là “người số một” trong cuộc vận động chánh trị này và ngoài ra ông ta cũng còn được người Mỹ ủng hộ nữa. Ông ta cũng đã đưa đề nghị này cho ông Martin và xác nhận rằng ông ta đã được người Pháp khuyến khích. Hai ông đại sứ trao đổi tin tức với nhau, và họ chỉ có cười thôi !

Bây giờ thì ông Đôn sẵn sàng chiếu cố đến lá bài Dương văn Minh, nhưng ông ta nghĩ rằng ông Minh có nhiều ảo vọng khi ông tưởng rằng ông sẽ được dân chúng hoan hô và đẩy ông vào Tổng Thống Phủ.

Những lời tuyên bố của một vài nhân vật lãnh đạo Tôn Giáo dù có lỗi lạc, cũng chưa đủ để đánh bóng tính cách hợp pháp được. Hơn nữa, ông Tổng Trưởng Quốc Phòng Trần văn Đôn có cảm giác là các tướng lãnh và sĩ quan cao cấp còn ở vị trí chỉ huy, không dễ dàng chấp nhận Dương văn Minh lắm đâu. Họ nghĩ rằng ông Minh chỉ muốn nắm được quyền hành trong tay để đưa lá cờ trắng lên mà thôi. Dưới nhãn quan của một số quân nhân, chuyện thương thuyết mà ông Minh đang nói đến sẽ giống như một chuyện đầu hàng.

Làm sao mà những chánh trị gia và những quân nhân ở Sài Gòn có thể thỏa mãn những đòi hỏi quá mức của CPLTCHMN được ? Tất cả các tướng lãnh, các đại tá, trung tá thiếu tá, các nghị sĩ, dân biểu đều nằm trong guồng máy hành chánh của Sài Gòn. Thật ra, cái gọi là CPLTCHMN này trước hết tìm cách phá tan quyền lực của nền hành chánh và của Quân đội mà thôi

Vào hồi 16 giờ chiều, nội các Nguyễn bá Cẩn chánh thức từ nhiệm. Như thế, Chánh thể Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam chỉ còn có một ông Tổng Thống và một vài vị Tổng Trưởng xử lý thường vụ và vồn vẹn chỉ còn có Vùng Sài Gòn và một phần lớn của Đồng bằng Sông Cửu Long. Theo yêu cầu của ông Tổng Trưởng Quốc Phòng, tướng Tổng Tham Mưu Trưởng cho lệnh các đơn vị chiếm các vị trí phòng thủ. Họ được lệnh phải tránh không được tấn công bộ đội Bắc Việt và Việt Cộng. Còn một bằng chứng để tỏ thiện chí nữa là tiêu lệnh được truyền đi đến nhân viên của đài phát thanh :” Trong tất cả các bản tin tức, phải có một chiều hướng hòa giải hơn.” Các nhân viên thuộc Bộ Thông Tin phải tháo gỡ hết các bản thông cáo, các biểu ngữ chống cộng khắp nơi trong thủ đô và vùng ngoại ô. Tổng Thống Hương đang xét duyệt các danh sách tù nhân chánh trị để nhanh chóng được thả ra.

Vào hồi 17 giờ, ông Dương văn Minh họp vài nhà báo :

– “Tôi đã từ chối không nhận ghế Thủ Tướng mà Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa đã đề nghị. Nếu tôi nhận thì tôi không thể nào thương thuyết được với phía bên kia, vì họ đòi ông Hương cũng phải ra đi.

Những cộng sự viên của ông Minh phụ nhĩ với các nhà báo:

– ” Ông già Hương sẽ từ chức, đó là giải pháp duy nhất.

Tại tòa đại sứ Mỹ, ông Martin và ông Polgar quan sát từng giờ một con đường ngoằn ngoèo của các cuộc vận động này. Khác hơn ông Martin, ông Polgar thì nhắm vào ông Dương văn Minh.

Ngày 24 tháng 4:

Cuối cùng, ngày hôm nay ông Martin chánh thức cho lệnh di tản nhân viên Việt Nam thuộc tòa đại sứ Mỹ. Người ta cũng dự trù di tản một số lớn người Việt Nam từ Vũng Tàu. Ông Polgar giữ liên lạc thường trực với đề đốc Bùi thế Lân ở Bộ Chỉ Huy Hải Quân Việt Nam. Ông này hứa sẽ lo cho một cuộc di tản khoảng từ 40 ngàn đến 250 người dân tỵ nạn. Ông Polgar thông báo cho Hoa Thạnh Đốn :

– “Nếu Sài Gòn thất thủ, Tư Lệnh Hải Quân Việt Nam sẽ cho nổ sập hết các cầu để cắt đứt quốc lộ dẫn đến Vũng Tàu . Người ta sẽ ngăn chặn bớt làn sóng người tỵ nạn có thể tràn ngập cả Vũng Tàu. Thủy Quân Lục Chiến Việt Nam sẽ hợp tác với người Mỹ. Để duy trì trật tự, quân lực Việt Nam Cộng Hòa có thể sẽ động thủ, nếu cần. Ông Polgar kín đáo điện cho Hoa Thạnh Đốn :

– “Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ không thể nào có biện pháp cần thiết được .Thủy Quân Lục Chiến của đề đốc Bùi thế Lân được rộng đường hành động.” Tóm lại, nếu cần phải giải quyết những người dân tỵ nạn thì tốt hơn là phải do Thủy Quân Lục Chiến Việt Nam . Đề đốc Bùi thế Lân không có yêu cầu phải di tản người của ông ta, nhưng đương nhiên là những người này cũng thích được di tản.”

Ông Jim Eckes được tự do vô ra phi trường Tân Sơn Nhất rất thông thả. Đã từ lâu cả quân nhân và cảnh sát giữ an ninh ở đây đều biết chiếc xe Volkswagen trắng của ông Giám Đốc hãng Continental Air Services.

Các phi cơ cứ là tiếp tục cất cánh từng nửa giờ một, chở người dân tỵ nạn có đầy đủ hay không có giấy tờ hợp pháp. Trên một đường bay, một chuyến chót của hãng Pan Am phải chờ 600 người, toàn là nhân viên của công ty hàng không và gia đình họ. Ông Eckes thấy một nhóm người Việt Nam , tất cả đều mặc đồng phục tiếp viên hàng không của hãng Pan Am. Có nhiều người mặc cũn, đi giày cao gót muốn trọ chân. Họ có vẻ sợ sệt, nhất là khi họ đi qua hàng rào cảnh sát. Thịnh linh, ở chân cầu thang có một bà lột giày ra và ba chân bốn cẳng bò lên phi cơ. Ông Eckes hiểu ngay: một tiếp viên người Việt Nam của hãng Pan Am đã phát đồng phục tiếp viên ít nhất cho chị em, bạn bè của mình để họ được rời khỏi Sài Gòn. Sáu trăm hành khách trên một phi cơ chỉ có ba trăm năm chục ghế ngồi : trên phi cơ, một thanh tra người Mỹ thuộc Hàng Không Liên Bang không nói gì hết. Người ta đóng cửa lại. Ông Al Topping, giám đốc Pan Am ở Sài Gòn thấy là còn hai tiếp viên người Mỹ còn bị bỏ quên trong phi cảng. Người ta chạy đi tìm họ.

Chiếc phi cơ phải chờ ở phi đạo. Đai kiểm soát không lưu không cho chiếc phi cơ này cất cánh. Ông Jim Eckes chợt thấy một sĩ quan Việt Nam chiếc máy ra điô liên lạc cầm ở tay. Ông Jim chìa ra hai trăm mỹ kim:

– Ông hãy bảo đai không lưu cho chiếc phi cơ đó cất cánh đi. Ông trao cho họ số tiền này để họ nhận với nhau . Hay họ muốn làm gì đó thì làm.”

Vị sĩ quan kia nói với đai kiểm soát không lưu, và chiếc phi cơ nhận được phép cất cánh.

“Bây giờ thì tất cả các bè bạn của tôi đều đã được đi rồi “

Ông Eckes vừa lẩm bầm....., vừa cảm động rơi nước mắt

Chương 19 Bán hạ giá 50 phần trăm

Ông Phạm văn Ba, đại diện của CPLTCHMN tại Ba Lê, thông báo cho Tổng Thống Phủ Pháp:

– *một giải pháp chánh trị đưa ông Dương văn Minh lên làm nguyên thủ quốc gia có thể được chấp nhận, với điều kiện là ông phải trình diện một chính phủ có tinh thần hòa hợp hòa giải dân tộc. Chỉ cần chọn các nhân vật có thể chấp nhận được. “Được CPLTCHMN chấp nhận” liệu có nghĩa là “được Hà Nội chấp nhận hay không” ?*

Tổng Thống Phủ Pháp chuyển tin tức này cho tòa đại sứ Mỹ ở Ba Lê để họ chuyển tiếp về Hoa Thạnh Đôn , và từ đó chính ông Kissinger sẽ gửi đến cho tòa đại sứ Mỹ ở Sài Gòn . Cũng theo lời của chính ông Phạm văn Ba này, *“Hoa Kỳ phải giải quyết các vấn đề của Miền Nam Việt Nam với CPLTCHMN chứ không phải với Hà Nội. Về phần mình CPLTCHMN sẵn sàng mở ra một cuộc đối thoại.”*

Theo những người đã gặp ông Phạm văn Ba này thì ông ta có vẻ cởi mở. Người ta xì xào rằng Ông là một người “ôn hòa”. Tại Ba Lê, ông thường trò chuyện với ông Bùi kiến Thành, phó bí thư đặc trách về các vấn đề quốc tế của một đảng nhỏ, ít được người ta nhắc tới, gắn liền với Đệ Nhị Quốc tế , đó là đảng Xã Hội Việt Nam . Các đảng Xã Hội ở Âu Châu không bao giờ để ý đến ông Thành này. Ông Thành đề nghị với CPLTCHMN một thành phần Chánh Phủ có đủ mặt các vị lãnh đạo Tôn Giáo chính. Ông Thành nói :

– *“Riêng những nhân vật Tôn Giáo này đã đại diện cho phần lớn dân chúng Việt Nam . Không có một chánh trị gia nào, không một nguyên thủ quốc gia nào, cũng không phải ông Dương văn Minh hay những người khác, không thật sự đại diện cho ai hết. Chỉ có những đại diện của các Tôn Giáo lớn mới có thể đại diện cho dân chúng để nói chuyện với CPLTCHMN, những người thuộc đảng Xã Hội Việt Nam đã xác nhận như vậy.*

Hình như ở Ba Lê ông Thành cho ý kiến này rất là hay. Do vậy, các đảng viên đảng Xã Hội Việt Nam rất cảm động với buổi lễ cầu nguyện mấy ngày trước ở Nhà Thờ Chánh Tòa ở Sài Gòn nên đã gọi một điện tín cho Đức Cha Nguyễn văn Bình. Nhưng ông này không nhận được . Họ cũng đã gọi cho tòa đại sứ Mỹ ở Ba Lê : ở đây có thể nào thiết lập liên lạc được với các vị lãnh đạo Tôn Giáo hay không ?

Các đại diện của CPLTCHMN ở Ba Lê khuyến khích họ, nhưng đã bắn tiếng cho biết là họ không thể hứa là có ngừng bắn, ngay cả nếu có một Chánh Phủ được chấp nhận được thành lập tại Sài Gòn.

Trong một số trung tâm chánh trị ở Ba Lê, người ta cho biết là có nhiều bất đồng giữa CPLTCHMN và Hà Nội và ngay trong nội bộ CPLTCHMN cũng vậy.

Trước hết ông Mérillon tưởng là một trò đùa. Từ trung tâm điện thoại của Sài Gòn nữ xướng ngôn nói :

– *Tổng Thống muốn nói chuyện với ông. Không phải Tổng Thống của chúng tôi mà là Tổng Thống của ông.*

Ông Valéry Giscard d’Estaing khuyến khích ông Mérillon:

– *Việc ông đã làm rất tốt. Tôi khen ngợi ông. Nhưng đừng có lãnh lấy quá nhiều nguy hiểm đó!*

Ông Giscard thân mật nói thêm:

– *“Tất cả những sáng kiến của ông đều là sáng kiến tốt.*

– *Tôi không có sáng kiến đâu, tôi làm theo các sự chỉ dẫn của ông thôi.*

Đúng là chánh trị trung gian: ở Ba Lê cũng như ở Sài Gòn người ta chánh thức công bố câu chuyện trao đổi trên điện thoại trên đây của Tổng Thống Pháp để cho thấy là Ba Lê đã chọn quân bài Dương văn Minh. Đường lối ngoại giao của Pháp là cố gắng trôi lên hàng đầu. Ông Jean Sauvagnargues bảo đảm rằng *“hành động của nước Pháp hoàn toàn vô tư.”*

Ông Mérillon được ông Tổng Thống Hương tiếp kiến và ông ta khuyên ông Hương nên nhường chỗ cho Dương văn Minh. Miền Nam Việt Nam đang hấp hối, cần phải mở xẻ ngay. Vị Tổng Thống già nua có tám, viện có có nhiều khó khăn về mặt Hiến Pháp. Ông Hương tiếp ông Trần văn Lắm, Chủ Tịch Thượng Viện. Ông này tuyên bố sẵn sàng lèo lái con thuyền quốc gia đúng như Hiến Pháp đã qui định, trong trường hợp ông Hương từ nhiệm. Ông Lắm nói với báo chí :

– *“Ông Tổng Thống Hương có thể từ chức. Ông không thể trao quyền hành lại cho bất cứ người nào hết. Nếu ông trao quyền lại cho ông Dương văn Minh là ông đã xem thường Hiến Pháp.*

Người ta hỏi ông về vai trò của nước Pháp. Ông Lắm trả lời một cách ỡm ờ :

– *“Tôi hy vọng rằng nước Pháp có thể ảnh hưởng được với phía bên kia.... Vai trò của họ là có thể can thiệp với các cường quốc và đặc biệt hơn hết là các cường quốc cộng sản .*

Ông Lắm đã từng là Tổng Trưởng Ngoại Giao năm 1973 và là thương thuyết gia của Hiệp Định BaLê. Cũng giống như các chánh trị gia ở Sài Gòn ông tin vào những sự can thiệp của Mạc tư Khoa hơn là thiện chí của Hà Nội.

Tại Hoa Thạnh Đốn, Hạ Viện khi tranh cãi lại về vấn đề Việt Nam, đã chấp thuận ngân khoản 327 triệu mỹ kim viện trợ nhân đạo, nhiều hơn 77 triệu của bên Thượng Viện. Cả hai viện đều cho phép Tổng Thống Ford xử dụng quân lực Hoa Kỳ để bảo vệ cuộc di tản.

Tại Nhà Trắng, trước sự hiện diện của các doanh gia bảo trợ cho những chiến dịch quảng cáo về quyền lợi của dân chúng, ông Ford tuyên bố :

– *” Hoa Kỳ sẽ bắt đầu một bước đi mới. Hoa Kỳ sẽ tiến tới phía trước .”*

Phi công Nguyễn cao Kỳ và linh mục Thanh nói chuyện với khoảng mười ngàn người trong một cuộc mít tinh ở một vùng ngoại ô Sài Gòn . Các diễn giả nói đủ thứ chuyện : họ kêu gọi thành lập một Chánh Phủ mới, kêu gọi kháng chiến, kêu gọi ngừng bắn, và kêu gọi thương thuyết...

Ở tòa đại sứ Hoa Kỳ , trong khi ông Martin thì chọn quân bài Trần văn Hương thì ông Polgar lại chọn ông Dương văn Minh. Cố vấn Lehmann thì làm yên lòng khách khứa.: *Tất cả rồi cũng*

sẽ tốt thôi . Khi tiếp ông Lucien Hébert, vị xử lý thường vụ Gia nã đại, , khi ông này đến từ già đề về nước ngày mai thì ông Lehmann phản đối :

– ” *Không, đừng có đi. Chúng tôi đây, chúng tôi ở lại. Bắc Việt không có chiếm Sài Gòn đâu, sẽ có một cuộc dàn xếp...*

Sau đó, sau một lúc lưỡng lự, ông nói tiếp :

– ” *Dù sao đi nữa, nếu xảy ra chuyện gì thì vẫn có chỗ cho ông kia mà.*” Có nghĩa là, trong phi cơ Hoa Kỳ của chúng tôi .

Ông Polgar tự thấy mình được khích lệ, khi ông lại gặp được đại tá Hung gia Lợi thân thích của ông tại nhà của mình. Đại tá Toth bảo đảm với ông Polgar là tất cả các điện tín của tòa đại sứ Hoa Kỳ đã được nhanh chóng chuyển tiếp đến “phía bên kia và cả thủ đô Budapest của Hung gia Lợi, và – ông giả thuyết- đến cả những người khác nữa”.

Theo ông Toth, thì những người của CPLTCHMN và của Bắc Việt ở trại Davis ,đã cho rằng diễn tiến chánh trị trong mấy ngày qua đã có một “tính chất xây dựng” . Họ rất lạc quan, và ước tính rằng người ta có thể sẽ tìm được những giải pháp ” tốt cho cả đôi bên”. Còn dè dặt, Toth đã nhấn mạnh : ông ta không phải là phát ngôn viên của Chánh Phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa hay của CPLTCHMN . Tuy nhiên, ông cũng có thể cung cấp cho ông Polgar những mẩu tin tức từ “phía bên kia” . Vì ông có gặp khó khăn về các tên của người Việt Nam nên ông đã có ghi chú . Ông ta lấy cuốn sổ tay ra.

Theo “phía bên kia” thì không có một nhân vật nào được xem là chính yếu trong triển vọng của một cuộc diễn tiến hòa bình. Có nhiều nhân vật của Miền Nam sẽ được chấp nhận. Tướng Dương văn Minh là một trong số những người đó. Ông cũng không phải là người duy nhất. Nhất là CPLTCHMN muốn rằng những người không đáng được chấp nhận không nên có một vai trò nào nữa ở Miền Nam Việt Nam Ông Toth nói tiếp:

-” Không dính dáng gì đến người sẽ lãnh đạo Tân Chánh Phủ, cũng là một chuyện tốt nên để cho họ vào cuộc – thí dụ như – bà Ngô bá Thành, linh mục Chơn Tín.

CPLTCHMN có thể hợp tác với rất nhiều người . Ông Toth còn đọc ngay tên của Thủ Tướng xử lý thường vụ Nguyễn bá Cẩn, người rõ ràng đã ở trong “tập đoàn Nguyễn văn Thiệu”. Nhất là CPLTCHMN muốn có một lời tuyên bố của Hoa Kỳ . Tuyên bố này phải nói rõ là Hoa Kỳ không xen vào chuyện nội bộ của Miền Nam Việt Nam nữa và chấm dứt mọi viện trợ quân sự cho Chính Phủ Sài Gòn.

Hai bản nhạc khác nhau của CPLTCHMN : ở Ba Lê thì các đại diện của họ không bảo đảm sẽ có ngừng bắn. Và ở trại Davis thì các đại diện của họ lại nói là sẵn sàng chấp nhận ngừng bắn nếu có một sự “tiến bộ tốt của quá trình chánh trị” Ít ra, đây là một truyền đạt không chánh thức đã được ông Toth chuyển tiếp cho ông Polgar. Ông nói là những người đối thoại ở trong trại Davis cũng muốn biết có phải là Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ đã đổ bộ ở Vũng Tàu hay không ? Nếu có thì tại sao ? ông Polgar đính chánh ngay.

– “*Tại sao còn có quá nhiều tàu chiến Hoa Kỳ, trong khi người ta đã di tản một số lớn người Việt Nam từ hơn hai tuần lễ?*” ông Toth hỏi.

– Ông Polgar trả lời rằng *các tàu chiến đó chỉ duy nhất dùng cho các cuộc hành quân di tản.*

Ông Polgar muốn ông Toth nói cho “bên kia” hiểu rằng Chánh Phủ của ông Hương, cũng như Chánh Phủ sẽ thay thế ông ta, có nhiều “bài toán tâm lý dễ xúc cảm”. Không nên tiến tới nhanh quá. Phải nghĩ tới tất cả những người của Miền Nam Việt Nam , nhất là các binh sĩ, họ đang nhìn những diễn biến chánh trị mới với con mắt không tốt.

– “Chúng tôi không muốn thấy các phi công của những chiếc F.5 bỏ bom vào Dinh Độc Lập để phản đối lại những gì mà dưới nhãn quan của họ sẽ là một sự phản bội lại chánh nghĩa quốc gia .

“Thật là kỳ lạ ! “Chúng tôi” ! Chúng tôi , những người Mỹ, những người Hung gia Lợi, Hà Nội và CPLTCHMN . Ông Polgar tiếp tục nói , dựa trên chủ đề thường được hai ông Martin và Mérillon nhắc đi nhắc lại nhiều lần.

– ‘ Chúng tôi không muốn thấy luật lệ và trật tự ở Sài Gòn bị sụp đổ. Phải cố tránh những sự bạo động cá nhân và những vận động của quần chúng. ’

Ông Polgar không còn nghi ngờ gì nữa là Cảnh sát sẽ áp dụng những chỉ thị của Tân Chánh Phủ . Người ta không biết đến bao giờ Chánh Phủ mới này được thành lập xong, Dù sao thì trước đó Chánh Phủ của ông Hương đã công bố những biện pháp cốt “chỉ rõ là vấn đề hòa giải dân tộc đã là chương trình nghị sự rồi” . Bằng chứng là vài giờ trước đây, Thủ Tướng Xứ Lý Thường Vụ Nguyễn bá Cần, đã tuyên bố là có vài trăm tù nhân chánh trị sẽ được thả ra . Các cơ quan an ninh của Miền Nam lợi dụng chuyện này để thanh toán nhiều cán bộ quan trọng của Bắc Việt mà họ đang giữ. Do đó Nguyễn văn Tài, một trong những tay gộc bị các cơ quan này tóm được, sẽ được thả xuống từ trực thăng.

Với sự thỏa thuận của ông Martin, ông Polgar yêu cầu ông Toth cho những người ở trại Davis biết là tòa đại sứ muốn bàn cãi một vài vấn đề với một đại diện của CPLTCHMN một cách chánh thức nhưng bí mật. Ông Toth ghi nhận, mong sẽ nhanh chóng cung cấp câu trả lời. Có thể ngay chiều hôm nay.

Được báo cáo đầy đủ về cuộc gặp gỡ này, ông Kissinger vẫn ghi nhận những lời này, nhưng không bao giờ tin. Thật vậy, một cuộc ngừng bắn với những người cộng sản Việt Nam không thể tùy thuộc vào những sự vận động của một ông đại tá Hung gia lợi. Ông Kissinger ra lệnh cho ông Martin rằng tất cả những cuộc thương thuyết với CPLTCHMN phải được thực hiện ở Ba Lê chứ không phải ở Sài Gòn .

Đối với một số người, trong đó có ông Mérillon. thì vấn đề của ông Minh đang tiến triển tốt. Ông Martin cũng bắt đầu “o bế” giải pháp này. Tòa đại sứ Mỹ tự nhiên nghĩ rằng người Pháp muốn có mặt lại ở Đông Dương nhưng họ có vẻ tin tưởng ông Mérillon. Tại sao không chơi lá bài Dương văn Minh ? Theo chỗ ông Martin biết thì ông Minh này vẫn là một tướng hồi hưu , làm việc rất ít. Ông ta đã làm được gì trong những năm qua ? Ông ta chơi quần vợt, chăm sóc vườn lan và nuôi cá.. Ô hay !muốn thành công về chánh trị, không cần thiết phải quá thông minh. Nhưng phải cần có đức tính lẫn nghị lực. Ông Minh có tánh tốt, nhưng ông ta tính tình ra sao ? Nhiều người nói ông Minh là “một con voi với bộ óc của chim se sẻ”. Hai ông Martin và Mérillon đồng ý trên một điểm: giải pháp hoàn toàn (100 %) của cộng sản sẽ là một giải pháp tệ hại nhất trong các giải pháp. Nếu Quân đội Bắc Việt chiếm Sài Gòn , thì tiếp tục chiến tranh sẽ đưa đến việc Bắc Việt sẽ chiếm toàn thể lãnh thổ của Miền Nam.

Người Pháp nhất là ông Pierre Brochand thật tình rất thích ông Dương văn Minh. Không giống như nhiều tướng lãnh khác được đào tạo thời Mỹ, ông Minh là người thân Pháp như những người thân cận của mình. Là một tướng lãnh, ông Minh có thể được binh sĩ nghe lời.

Còn ông Hương thì không được như vậy. Miền Nam Việt Nam còn khiến dụng được 4 hay 5 sư đoàn . Trong trò chơi chánh trị, ông Minh cũng còn một ít chủ bài. Phải cho ông ta một dịp may để đoàn kết hai lực lượng chánh trị và tôn giáo lại . Nếu CPLTCHMN nghĩ rằng ông ta có thể được chấp nhận thì tại sao chúng ta không yểm trợ tối đa cho ông ? Các nhà ngoại giao người Pháp cảm thấy thích thú khi nhận thấy rằng ông Polgar và ngay cả con diều hâu Martin cũng lần lần đi theo giải pháp của người Pháp. Trường hợp xấu nhất, một Chánh Phủ liên hiệp lâm thời sẵn sàng thương thuyết cũng có thể tránh được cuộc chiến trong thủ đô Sài Gòn, một thủ đô mà tướng Kỳ kêu gọi phải cố thủ. Những nhà ngoại giao Pháp không quá ngây ngô như người Mỹ đã tưởng, họ không có quá nhiều ảo tưởng trong dài hạn. Họ thừa biết là từ 30 năm nay, cộng sản Việt Nam đã có ý muốn thống nhất nước Việt Nam, và từ 45 năm nay đã từng muốn thống nhất Đông Dương .. Người Pháp ngày hôm nay cũng như ông Kissinger ngày hôm qua, đều nghĩ đến tính cách hợp lý của quốc gia Việt Nam : Hà Nội lúc nào cũng muốn, ít nhất trong một giai đoạn chuyển tiếp từ một đến năm năm, chấp nhận một Chánh Phủ dưới màu cờ của lực lượng thứ ba mà người cộng sản chưa hoàn toàn thống trị được . Một chế độ “dễ coi” ở Sài Gòn , dân chủ hơn chế độ ở Miền Bắc có thể làm cho Hà Nội có điểm tốt ở Á Châu, lại có thể giúp họ giữ được khoảng cách đối với Mạc tư Khoa và Bắc Kinh . Người Pháp còn nghĩ tới những sự cạnh tranh cố hữu giữa Miền Nam và Miền Bắc . Ông Dương văn Minh sẽ thật sự là người của tình thế này. Cộng sản Hà Nội đến một lúc nào đó sẽ được độc lập đối với cộng sản Mạc tư Khoa. Như vậy tại sao Miền Nam Việt Nam sẽ không được như vậy đối với Hà Nội, ít nhất trong một thời gian nào đó ?.

Nghị sĩ Paul d’Ornano đến Sài Gòn . Ông nói cho những người này, và những người kia về tiêu lệnh của Tổng Thống Pháp : ở lại tại chỗ! Gần như nhờ đó mà cộng đồng người Pháp ở Sài Gòn loan truyền ra một niềm lạc quan nào đó. Người Mỹ, trong đó có ông Snepp, có cảm nghĩ là thái độ đó gây ảnh hưởng rất nhiều cho người Việt Nam . Nếu người Pháp không đi, điều đó có nghĩa là sẽ có một cuộc dàn xếp nào đó, có thể là một mầm móng của một quốc gia không cộng sản ở Miền Nam Việt Nam . Một loại giải pháp Nam Kỳ. Tòa đại sứ Pháp ở Sài Gòn hoạt động trong chiều hướng này. Tòa đại sứ Pháp ở Hà Nội thì không tin như vậy.

Ngày 25 tháng 4

Tại trại Davis tướng Hoàng anh Tuấn biết là sẽ không có thương thuyết, và biết là thời điểm chót của “sức mạnh cách mạng” đã đến. Trong trận chiến cuối cùng đó, phi trường Tân Sơn Nhất sẽ bị pháo kích.

Tướng Tuấn gọi cho Hà Nội một công điện ngày hôm nay, theo đúng “mốt” anh hùng tính của những phim ảnh Bắc Việt :

-” Xin Bộ Tham Mưu đừng nghĩ gì đến sự hy sinh của cá nhân tôi và những người của tôi ở trại Davis. Chúng tôi sẽ đào hầm núp để giữ vị trí của chúng tôi đã chiếm đóng. Nếu quân địch phản ứng mạnh, xin pháo binh của chúng ta cứ tăng cường pháo mạnh, đừng lo nghĩ gì đến chúng tôi . Đây là một danh dự cho chúng tôi khi được hy sinh cho chiến thắng của chiến dịch và cho chiến thắng của cách mạng “

Danh dự hay không khi tự hiến mình cho sự hy sinh, các sĩ quan, hạ sĩ quan và bộ đội Bắc Việt hay Việt Cộng ở trại Davis đều không thấy bao giờ được an toàn trong những dãy nhà bằng cây lợp tôn. Họ dùng xẻng, cuốc hoặc đôi khi dao găm và cọc sắt để đào hầm núp, với những bao mà họ làm để đựng đất. Các biện pháp này không thể che chở họ được khi mà trái đạn pháo rơi ngay vào hầm núp, nhưng có thể giúp họ tránh được những mảnh đạn pháo .

Trong kế hoạch tấn công, tướng Dũng rất chú ý đến sự hiện diện của các phái đoàn cộng sản ở trại Davis. Tướng Tổng Tư Lệnh Bắc Việt này viết :

–” Trong tiến trình soạn thảo kế hoạch tác xạ vào căn cứ Tân Sơn Nhất , chúng tôi nhiều lần nhấn mạnh với những người có trách nhiệm để họ nhớ đến sự hiện diện của phái đoàn chúng ta để tránh tổn thất cho chúng ta .”

Các binh sĩ của Miền Nam thường xuyên và lặng lẽ canh gác cho các phái đoàn Bắc Việt và Việt Cộng ở trại Davis. Hai phái đoàn cộng sản này có vũ khí cá nhân và một vài khẩu liên thanh. Không đủ để chống trả được một cuộc tấn công nghiêm trọng. Một vài đại đội Dù của Miền Nam cũng có thể chiếm trại Davis một cách nhanh chóng .

Tổng Thống Hương cho gọi đại sứ Martin. Ông giải thích rằng ông Thiệu làm cho cuộc sống của ông không được thoải mái. Ông Thiệu cứ tiếp tục cố vấn cho ông quá nhiều . Ông có cảm nghĩ là sự hiện diện của ông Thiệu ngăn cản ông trong việc thương thuyết. Ông thích được thấy ông Thiệu ra đi.

– *Hoa Kỳ có nhận ông ta hay không ?*

– *Có, tôi chắc chắn như vậy , ông Martin đáp.*

Cũng như phần đông các tướng lãnh, ông Thiệu cũng có một tư dinh ở phi trường Tân Sơn Nhất . Ông ta có thể đến đó ở. Ông Martin nghĩ rằng ít nhất ở đó ông sẽ được an toàn hơn chỗ khác. Sau khi ông Thiệu đã từ chức, ông Martin không muốn thấy một ông Thiệu bị ám sát.

Ông Martin cho gọi một phi cơ từ Băng Cốc đến, một phi cơ cánh quạt lúc nào cũng được đặt dưới quyền xử dụng của ông ta. Theo lệnh của ông Martin, tướng Timmes đề nghị ông Thiệu nên rời khỏi Việt Nam . Ông Thiệu chấp thuận. Ông sẽ đến Đài Loan, nơi đó có anh của ông đang là đại sứ. Vào hồi 19 giờ 30, lúc trời vừa tối, ông cưỡi Tổng Thống rời khỏi Dinh Độc Lập trong chiếc xe Mercedes, và thay vì đến tư dinh của mình, ông lại đến thẳng tư thất của cựu Thủ tướng Khiêm cùng ở căn cứ Tân Sơn Nhất. Ông Martin giao cho ông Polgar phải cho các người đi theo ông Thiệu điền vào những tài liệu được Tổng Trưởng Tư Pháp Hoa Kỳ chứng thực, được phát ra theo lệnh của Tổng Thống Ford. Những tờ khai này sẽ cho các đương sự quyền được ở trên nước Mỹ với tư cách là người tỵ nạn. Trong lúc hấp tấp, ông Polgar quên những tài liệu đó. Bà Thiệu cũng như bà Khiêm đã đi trước mấy ngày rồi. Ông Thiệu ra đi với 15 người . Lúc 20 giờ 30, tướng Timmes, Frank Snepp và hai viên chức khác đi đến nhà ông Khiêm. Ông Timmes giới thiệu Snepp cho ông Thiệu :

– ” *Đây là một phân tích gia của Trung Ương Tình Báo (CIA). Ông ta là một tài xế lành nghề.*

Mọi người đều cười. Ông Thiệu, ông Khiêm và ông Polgar cả ba đều lên xe. Trước khi đi qua phi trường quân sự ông Timmes khuyên ông Thiệu nên cúi xuống:

– *“Thưa Tổng Thống ,chỉ để giữ an toàn cho Tổng Thống .*

Ông Timmes hỏi ông Thiệu về tin tức của bà Thiệu và con gái của ông

– ” *Họ đang ở Luân Đôn, chắc đang đi mua đồ cổ .*

Các bản ngoại giao giúp cho xe qua hàng rào cản dễ dàng. Ông Martin đứng chờ ông Thiệu cạnh phi cơ. Ông đại sứ ghi nhận là chung quanh hai ông cựu Tổng Thống và cựu Thủ Tướng, chỉ có vài người sĩ quan mà ông ít biết. Quý vị hành khách này không có nhiều hành lý, chỉ có vài chiếc va ly, vài xách tay, các máy ảnh. Ông Martin cho lệnh phi công tắt hết đèn trên phi cơ.

Lúc bảy giờ ông mới nói cho phi công biết là phải đi đến đâu :Đài Bắc, ở Đài Loan. Ông Thiệu thân mật vỗ vai cảm ơn ông Snepp và bước lên phi cơ. Ông Martin bước theo ông Thiệu.

Rất bình tĩnh, ông Thiệu nói :

– “*Cám ơn*”

– “*God speed, xin Thượng Đế giữ gìn ông*, ông Martin dùng một thành ngữ rất đẹp và rất cổ nói với ông Thiệu.

Chiếc phi cơ cất cánh. Ông Martin lên xe, không còn lo lắng gì nữa. Ông đã làm xong một việc rất tốt. Ông Thiệu vẫn được bình yên vô sự. Bây giờ làm sao để các đứa con của Hà Nội cho ông Martin một chút ngơi nghỉ đây ? Để cho ông hoàn tất được cuộc di tản. Cũng như ông Polgar, ông Martin đi đến một khu cư xá ở phía Tây của Sài Gòn , ở đó trong một biệt thự, người Ba lan đang đãi rượu. Đại sứ Ryssard Fijalkowski gặp riêng ông Martin. Ông Martin hỏi đại sứ Ba Lan câu hỏi với một trăm ngàn mỹ kim :

– “*Sau ông Hương, Hà Nội có chấp nhận ông Dương văn Minh không ?*”

Đại sứ Ba Lan phải đi hỏi lại. Nhưng ông hỏi lại một câu mà cộng sản Việt Nam đang lo lắng:

– “*Tất cả chúng ta đều nhắm vào chuyện thương thuyết để làm việc. Ông cho tôi biết coi tại sao có quá nhiều tàu chiến Hoa Kỳ ở phía Nam của biển Trung Quốc ?*”

– *Tôi hết sức hy vọng là cả ông và tôi đều phải hiểu tại sao.* ông Martin trả lời.

Trên thực tế ông có thể nói cho tôi biết, ông đây, tại sao có quá nhiều dàn hỏa tiễn Bắc Việt được đặt quá gần Sài Gòn? Nhờ ông cho các bạn của ông ở Hà Nội biết là nếu họ muốn chống lại cuộc di tản của chúng tôi thì tức khắc họ sẽ biết tại sao có hạm đội của chúng tôi ở đó.

Ông Martin nghĩ rằng vị đồng nghiệp Ba Lan của ông sẽ mau chóng chuyển ngay về Hà Nội tin tức này. Ông Martin không thích cái thú ăn chơi kiêu thương lưu ở đây , và ông ra về ngay. Tóm lại ông đã có được một ngày khá tốt. Đã có trên một ngàn người Mỹ, cùng vợ con, bè bạn của họ đã được ra đi, dù có hay không có đầy đủ giấy tờ.

Và cả một ông Tổng Thống .

Để thực hiện tốt cuộc hành quân di tản của mình, ông thấy cần nhất là ông phải có thì giờ

Bị nhốt trong một căn nhà, linh mục Jean Mais nghe một phụ nữ trẻ hét lên:

– “*Ngày nào như ngày nấy, bà ta tắm rửa trong một bồn tắm đầy bia 33. Ông ta đã đi ra ngoại quốc rồi với nhiều tấn vàng. Bọn họ hay lắm, người này cứ thay thế cho người kia, chúng tôi phải chiếm Sài Gòn thôi.*”

Người đàn bà trẻ này nói về bà Thiệu, và về ông Tổng Thống, về những người thay thế ông ta. Linh mục Mais và người đệ tử của ông được đưa đi từ nhà này đến nhà khác. Bây giờ thì người ta đã gọi linh mục là “anh” để chứng tỏ rằng ông không có gì cao hơn người đối thoại với mình.

– Anh, tôi phải trói tay anh lại.

– Tại sao ?

Người ta không trả lời cho ông. Người đệ tử của ông thì không bị trói tay. Trên sàn nhà cạnh linh mục có hai người ngồi. Một người thì bị trói tay, người kia thì không bị trói. Không còn chiếc chiếu nào nữa, cũng như giọng nói cũng đã thay đổi.. Tất cả đều chờ. Một ngày, hai đêm... Họ nghe tiếng xích của chiến xa trên đường. Xuyên qua kẻ ván, linh mục quan sát cuộc di chuyển. Ông thấy nhiều hỏa tiễn SAMM được xe Molotova kéo. Đối với linh mục, ông thấy Miền Nam Việt Nam không có phản công nữa, và không phải CPLTCHMN nắm lấy chánh quyền ở Miền Nam.

Bắc Việt sẽ chiếm Miền Nam

Mặc dù tiếng đồn khắp Sài Gòn cũng như ở các vùng của cộng sản, nhưng thực sự ông Thiệu không phải ra đi với số vàng của Ngân Hàng Việt Nam .

Dĩ nhiên là mọi người đều quan tâm, chánh quyền ở Sài Gòn cũng như chánh quyền ở Hoa Thịnh Đốn . Nếu cộng sản chiếm được thủ đô Sài Gòn, người ta muốn thấy rằng họ sẽ không chiếm được số vàng này. Có hai người theo dõi vấn đề này rất sát ngày 26 tháng 4. Đó là ông Nguyễn văn Hảo, cựu Phó Thủ Tướng đặc trách về Kinh Tế, và một cố vấn của tòa đại sứ Hoa Kỳ, ông Dan Ellerman. Số vàng này có thể sẽ được ký thác ở Thụy Sĩ, vào Ngân Hàng Quốc Tế, hay ký thác ở Hoa Kỳ ở Ngân Hàng Dự Trữ Liên Bang. Ông Hảo không muốn gọi số vàng này ở Hoa Kỳ dưới sự kiểm soát của người Mỹ. Ông Martin nhấn mạnh để các thỏi vàng này phải được di tản. Ông đến dinh Tổng Thống. Ông Hương dường như lưỡng trí.

Ông Martin ra về với sự tin tưởng là ông Hương chấp thuận chuyện di tản số vàng này.

Cùng ngày, ông Kissinger điện qua : Chuyện “gởi đi” này – (người ta không hề nói đến vàng) – có thể phải được bảo hiểm cho nhiều tỷ mỹ kim., phải lên đến hai trăm bốn mươi triệu mỹ kim (240 triệu) . Bảo hiểm chỉ có giá trị khi nào sự “gởi đi” phải trước ngày 27 tháng 4. Ông Hảo lo việc chuyển đi, nhưng có nhiều nghi vấn và ông phải cho Tổng Thống biết. Hoặc ông Hương còn là Tổng Thống hoặc ông Dương văn Minh lên cầm quyền. Nếu số vàng được gởi đi, những người này hay người kia có thể sẽ bị cáo buộc là phản bội. Cần phải suy nghĩ lại. Người Mỹ dự trù là sẽ chuyển đi những thùng đựng các thỏi vàng trên một phi cơ quân sự, như thế sẽ giải quyết được vấn đề bảo hiểm. Các quân nhân không cần thiết phải có nhiều biện pháp phòng ngừa. Công tác chuyển hàng này được dự trù ngay đêm nay.

Tòa đại sứ nhận được điện thoại của ông Hảo : Ông Hảo tuyên bố là Tổng Thống Hương không cho phép chuyển vàng đi.

Như vậy là số vàng đã đóng thùng vẫn còn được cất giữ ở ngay chỗ cũ, dưới hầm của Ngân Hàng Quốc gia ,

Bị giao động vì quá nhiều lời khuyên của những người này người khác, Tổng Thống Hương, người luôn luôn tôn trọng Hiến Pháp, đã triệu tập lưỡng Viện Quốc Hội Việt Nam tại Thượng Viện. Ông đặt với họ một câu hỏi rất nghiêm trọng :

” Liệu tôi có thể từ chức và giao quyền hành lại cho tướng Dương văn Minh được không ? Để ông ta bắt đầu các cuộc thương thuyết với địch ? ”

Các nghị sĩ và dân biểu tranh luận với nhau suốt 10 tiếng đồng hồ.

Trong lúc ở ngoài hành lang, ông Pierre Brochand của tòa đại sứ Pháp theo dõi cuộc tranh luận. Buổi họp bị ngưng nhiều lần với những pha cãi cọ qua lại và những bài diễn văn bi thảm, buồn cười và giật gân.

Cuối cùng các nghị sĩ và dân biểu cũng bỏ phiếu cho một quyết nghị :

– “Họ tái xác nhận lòng tin của họ đối với Tổng Thống Hương . Họ để cho vị Tổng Thống này được trọn quyền quyết định, kể cả quyết định trao quyền lại cho “một nhân vật nào đó được ông lựa chọn”.

Quyết nghị này vi hiến, nhưng nhìn chung, nó cũng giữ được một hơi hướng bàn bạc của pháp chế.

Vào buổi trưa, trong lúc cuộc thảo luận còn đang tiếp tục ở Thượng Viện, đại tá Võ Đông Giang họp báo ở trại Davis. Không có gì khích lệ cho lắm về triển vọng thương thuyết. Ông ta chỉ nói :

– ” Các đơn vị của chúng tôi tiếp tục tiến quân, sẽ không có ngừng bắn. ”

Ông ta nêu ra 9 điều kiện mà người Mỹ phải thi hành. Trong số đó đại tá Giang bắt buộc :

– tất cả các thành viên của CIA phải ra đi hết,

– rút hết tất cả các tàu chiến Hoa Kỳ đang lảng vảng trong vùng lãnh hải của Việt Nam cũng như 6000 Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ trên hạm đội đó

– rút hết tất cả 200 phi cơ Hoa Kỳ mà theo ông ta đang sẵn sàng can thiệp,

Ông ta còn nêu thêm 7 điều kiện tiên quyết cho Chánh Phủ Việt Nam Cộng Hòa . Bảy điều kiện này chung quy chỉ nhằm triệt tiêu hoàn toàn Chánh Phủ này.

Trong khi đại diện của cộng sản đang thao thao bất tuyệt ở trại Davis, thì ông Pierre Brochand điện thoại cho ông Polgar. Theo ông thì các chánh trị gia của Sài Gòn chậm chạp và viễn vông đã làm mất quá nhiều thì giờ:

– ” không còn nghi ngờ gì nữa, đã quá trễ cho việc thương thuyết. ”

Những người Ba Lan trong Ủy Hội Quốc Tế cũng nghĩ như vậy. Cơ quan CIA biết rằng một chiếc phi cơ Ilyouchine sẽ đáp xuống Tân Sơn Nhất trong vài giờ nữa để bốc 280 nhân viên Ba Lan về Varsovie (Ba Lan) qua ngã Băng Cốc. Chuyện di tản này chỉ có một ý nghĩa : người Ba Lan thấy trước một cuộc tiến chiếm Sài Gòn của Bắc Việt và họ không có một hứng thú nào

ở lại tại chỗ để chờ đón giải phóng quân. Đây là lần duy nhất người Ba Lan không hề trao đổi tin tức của họ cho ông Snepp hay ông Polgar.

Cuộc di tản đang được tiếp tục rất có tổ chức và trong vòng trật tự. Vị Tổng Tư Lệnh Thái Bình Dương đã cho ông Martin biết về những cảm tưởng của ông ta :

– *“Tinh thần của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đã xuống thấp vì gia đình của họ không được di tản cùng với những người tỵ nạn khác..Tại Đà Nẵng mười thành viên thuộc cơ quan tình báo của sư đoàn 1 Không quân của Miền Nam Việt Nam đã bị hành quyết... Người Việt Nam tin rằng họ sẽ bị hành quyết nếu người ta không giúp cho họ trốn thoát . “*

Ông Martin giận lắm: các cơ quan tình báo ở Honolulu đã có hoạt động, nhưng ông ta, đại sứ Martin, thì có cần gì đến những tin tức mãi từ xa, tận Honolulu như vậy đâu, về những chuyện đang xảy ra ngay cạnh ông ta, ở Việt Nam

Ông Kissinger lo âu. Làm gì mà ông Martin cấp giấy phép đi như vậy ? Có phải thật sự các phi công Miền Nam Việt Nam đang chuẩn bị bán hạ các phi cơ di tản của Hoa Kỳ hay sao ? Từ đâu mà họ biết là cộng sản đã có danh sách những người phải hành quyết , đến hàng triệu người ?

Ông Martin trả lời ngay. Rất tự tin, đại sứ Martin nói rõ :

– *“Phải biết lọc kỹ các tin đồn”. Càng ngày càng có nhiều bằng chứng là Hà Nội “mặc nhiên đồng ý sự di tản... trong khi sự di tản chính trị ở Sài Gòn tiếp tục theo một đường hướng thuận lợi cho họ.” Bằng chứng thiện chí khác của Hà Nội :Họ có thể chiếm cảng Vũng Tàu, cách thủ đô Sài Gòn 80 cây số về phía Nam, nhưng họ không chiếm. Tướng Homer Smith có đi thám sát Vũng Tàu. Người ta sẽ cho 2 chiếc phi cơ vận tải C.130 để di tản gia đình của 250 Thủy Quân Lực Chiến Việt Nam theo yêu cầu của vị Tư Lệnh của họ. Tất cả các thủ tục đều đã làm xong và rất đầy đủ. Các phi cơ sẽ đáp xuống và sẽ cất cánh trong vòng vài phút. Không có phi cơ nào của Miền Nam Việt Nam ở khu vực đó. Như vậy là sẽ không có một nguy cơ nào từ một sự can thiệp bất phá của các phi công Việt Nam .Cuộc di tản này coi như một cuộc hành quân thí nghiệm. Người ta sẽ thấy đề đốc Bùi thế Lân thật sự có thể bảo vệ được phi trường ở Vũng Tàu hay không”.*

Các nhà ngoại giao Pháp bám sát Tổng Thống Hương suốt ngày. Riêng hai ông Mérillon và Brochand thì lộ rõ vẻ lo lắng. Họ bắt đầu nghi ngờ rằng người ta có thể nhận cả một sự đầu hàng trong thương thuyết..Họ tỏ vẻ tin tưởng một cách công khai. Bây giờ thì ông Polgar có thể tin tưởng hơn người bạn đồng nghiệp Brochand của ông về giải pháp Dương văn Minh.

Tờ báo *Tin Tức Viễn Đông*, gần như là tờ báo bán chính thức của tòa đại sứ Pháp, đưa lên hàng đầu 4 tin tức, ngày thứ bảy 26 tháng 4 :

“(1).-Tổng Thống Giscard d’Estaing đã nói chuyện với đại sứ Pháp ở Sài Gòn qua điện thoại.

“(2).- Ông Jean- Marie Mérillon đã được Tổng Thống Trần văn Hương tiếp kiến lần thứ ba.

“(3).- Nghị sĩ M. Paul d’Onano đã đến Sài Gòn , mang theo một thông điệp của Tổng Thống Pháp cho các công dân Pháp ở Việt Nam

“(4).- Sẽ có một cuộc hưu chiến... “

Diễn dịch : những cuộc vận động của người Pháp đang tạo dựng tình hình cho một cuộc ngừng bắn, để đi tới một giải pháp chính trị qua thương thuyết.

Tờ báo này cũng cho biết nhiều tin đồn ở Sài Gòn : 5 sư đoàn Bắc Việt trở về Hà Nội , và một lần nữa, một cuộc đảo chánh đã nổ ra trong thủ đô Bắc Việt .

Báo chí Việt Nam thay đổi danh từ. Họ dùng chữ “đôi phương” hay “anh em” thay vì “quân cộng sản” như họ đã thường dùng.

Các công ty hàng không ngoại quốc như Pan Am, Hàng Không Singapore, Thái International, Hàng Không Trung Hoa, Cathay Pacific ... không còn ghé lại Sài Gòn nữa. Trái lại hàng không Air France và hàng không UTA nghiên cứu khả năng để tăng thêm các chuyến bay phụ trội cho ngày chúa nhật 27 và thứ hai 28 tháng 4. Hai Ngân Hàng Mỹ là Chase Manhattan và First National City Bank, đóng cửa mà không báo trước cho khách hàng của họ . Người ta nghĩ rằng Ngân Hàng “Bank of America” cũng sẽ đóng cửa theo . Tướng Không quân Nguyễn cao Kỳ cho biết ý định của ông là ủng hộ Dương văn Minh, nếu ông này thay thế Tổng Thống Hương. Có nhiều tin trái ngược mâu thuẫn nhau về tình hình ở tỉnh, nhất là ở phía Nam của thủ đô Sài Gòn.

Thông báo trong tờ “*Tin Tức Viễn Đông*”

“*Đỉnh Chánh*”

Trong những ngày gần đây, có nhiều tin đồn có ác ý do một vài người xấu miệng loan truyền, nhằm làm hại thanh danh và danh dự của gia đình chúng tôi , về những chuyện gọi là “cướp bóc và hiếp dâm” đã xảy ra tại quán trọ Roches Noires, ở Bãi Dứa, Vũng Tàu.

Để trả lời cho những chuyện bẻ xé này vốn chỉ là những chuyện ngòi lê đôi mách đồn mạt không đáng của những người đứng đắn, nhân danh gia đình của mình , tôi cực lực đỉnh chánh và tuyên bố là không hề có xảy ra chuyện cướp bóc hay hiếp dâm nào trong quán trọ. Chúng tôi vẫn còn ở tại đây trong hiện tại như bao nhiêu người khác trong quý vị, trong an ninh, và hoàn toàn an ninh đúng nghĩa của danh từ này.

Dù trong tình huống nào, dù có sự dằn dặt kể trên, quán trọ của chúng tôi vẫn hoạt động bình thường và vẫn tiếp tục phục vụ cho khách hàng thân mến của chúng tôi .

Là một người đứng đắn, tôi tha thứ hết những luận cứ không xác thật được tung ra trong thời điểm lịch lạc, và yêu cầu tác giả (hay những tác giả) của chúng hãy có một chút lương tri và nhất là liêm sĩ để rút lại những lời xảo trá đó vốn nhằm hãm hại gia đình chúng tôi và phá hoại việc làm ăn của chúng tôi .

Lâm văn Hồ Gustave

Vũng Tàu (Cap Saint Jacques

Một chỉ dấu quá rõ ràng cho dân chúng Sài Gòn : đó là siêu thị P.X (Post Exchange) một siêu thị rộng lớn không đánh thuế của người Mỹ , đã loan tin là sẽ đóng cửa. Người ta dọn trống hết các kệ, đóng thùng hết các loại rượu mạnh. Tất cả các thứ còn lại như thuốc lá, thức ăn đóng hộp, các bọc khoai tây chiên dòn, máy thu băng.. v.v. đều được bán đại hạ giá năm chục phần trăm (50 %).

Ngoài thành phố, người ta bắt đầu biết được là có rất nhiều binh sĩ Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ vốn không phải là binh sĩ từng canh gác tòa đại sứ trước đây, đã đến từ tối hôm qua tại phi trường Tân Sơn Nhất .

Một vài chánh trị gia người Việt Nam không hề tin có giải pháp thương thuyết. Ông Bùi Diễm điện thoại cho ông Martin :

– ” *Tôi không còn có thể làm được gì cho đất nước tôi nữa. Tôi đã quyết định phải rời khỏi Việt Nam. Ông có thể giúp được tôi gì không ? Tôi muốn đi với bà mẹ già của tôi.*

Một nhà ngoại giao (ông Phó đại sứ Josiah Bennett) đến tìm ông Bùi Diễm. Ông Martin cho xử dụng một chiếc phi cơ nhỏ loại 8 chỗ ngồi của Hải Quân Hoa Kỳ . Đài kiểm soát Không Lưu không cho phép cất cánh. Một ông đại tá Mỹ sốt ruột :

– Phải liều thôi. Cất cánh đi !

Và phi cơ bay đến Băng Cốc (Thái Lan)

Các tướng Văn tiến Dũng và Trần văn Trà cho lệnh các người có trách nhiệm ở trại Davis hãy đào hầm núp. Tướng Trà đã nghĩ là phải gọi các đơn vị đến để đem người của họ ra khỏi trại này. Nhưng rồi ông phải bỏ ngay ý định đó, sợ rằng sẽ có nhiều “tôn thất đáng tiếc”. Những người ở trại Davis lo tăng cường các hầm núp của họ nhằm tự bảo vệ, tránh đạn pháo của địch và cả pháo nặng 130 ly của họ nữa. Tại Tân Sơn Nhất, trong trại Davis này vốn có 12 chòi canh được binh sĩ Miền Nam dựng lên chung quanh, đại tá Bắc Việt Ngô văn Sương lo tăng cường hệ thống trú phòng. Binh sĩ và sĩ quan lo đào sâu thêm nữa, dùng những tú thiếc đồ đầy đất đặt trên nắp hầm. Họ có một bệnh xá nhỏ ở dưới hầm và có một hệ thống giao thông hào nối liền các dãy nhà của hai phái đoàn của họ.

Tướng Trà sẽ đưa các sư đoàn của ông ta tiến chiếm Sài Gòn .cuộc dàn quân đã hoàn tất: về phía Tây Bắc thì có quân đoàn 3 Bắc Việt, về phía Bắc thì có quân đoàn 1, về phía Đông thì có quân đoàn 4 và quân đoàn 2, về phía Tây Nam thì có lực lượng chiến thuật 232 (xem bản đồ đính kèm). Tất cả là 18 sư đoàn .

Cũng vô ích như chuyện đóng cửa các ngân hàng ở Sài Gòn , đó là thông điệp của Tổng Trưởng Quốc Phòng Hoa Kỳ ngày 26 tháng 4.

Ông Tổng Trưởng James Schlesinger gọi một vài lời trấn an đến các nam nữ quân nhân thuộc quân lực Hoa Kỳ,

– ” *Trong lúc thực hiện cuộc triệt thoái cuối cùng các quân nhân Hoa Kỳ khỏi nước Việt Nam, đối với nhiều người trong các bạn, tấn thảm kịch ở Đông Nam Á đã là một biến cố xa xôi và vô nghĩa. Các bạn đã từng chiến đấu ở đó. Các bạn đã từng mất đi bè bạn ở đó, các bạn đã từng đau khổ ở đó. Trong chiến trận, các bạn đã từng chiến thắng và các bạn rời chiến trường trong danh dự... Người ta sẽ nói chiến tranh quá phù phiếm. Trong một khía cạnh nào đó, người ta có thể nói chuyện đó như là nỗ lực quốc gia nào cuối cùng cũng không thành công. Nhưng việc tham chiến của chúng ta có một mục đích.... Tôi xin ngả mũ chào các bạn. Dù thế nào thì các bạn có quyền được kính trọng, được hoan nghênh, và được biết ơn...”*

Gần như một lời cầu nguyện ! Quân đội Hoa Kỳ luôn luôn được đặt dưới quyền lãnh đạo dân sự. Vào năm 1975 cũng không hơn gì năm 1973 đã có một phản ứng dữ dội trong nội bộ Quân đội . Không có chuyện nổi dậy nếu so sánh với cuộc nổi dậy của Quân đội Pháp ở Algérie

. Một số lớn các sĩ quan hiện dịch Mỹ đã khẳng định là họ bị quyền lực dân sự trói tay. Có nhiều quân nhân hiện dịch đã giải ngũ một cách lặng lẽ.

Cả thế giới đều biết là sẽ không còn có một quân nhân Hoa Kỳ nào nữa ở Việt Nam. Nhiều người Mỹ có quan điểm khác nhau về chính trị cũng không nghĩ rằng Quân đội Hoa Kỳ đã “chiến thắng” ! Hay là họ đã ra đi “trong danh dự”!

Với một ít may mắn nào đó, tốt nhất là cuộc ra đi cuối cùng sẽ đúng phương pháp và xứng đáng !

Chương 20 Cùng là anh em một nhà

Ông Eric von Marbod đi một vòng quanh Việt Nam với một chủ đích, cứu vãn chiến cụ được bấy nhiêu hay bấy nhiêu, và phá hủy những gì không thể di tản được . Ông đến căn cứ lớn nhất của Biên Hòa sáng ngày 27 tháng 4. Không có một hoạt động nào hết hoặc đang ở trong tình trạng bối rối, các hạ sĩ quan và binh sĩ Miền Nam đi lang thang ngoài phi đạo. Không thấy có một sĩ quan nào ở đâu hết .

Dụng cụ điện tử của Bộ Chỉ Huy Không Quân Việt Nam, các cơ xưởng sửa chữa máy móc và điện, các thiết bị vô tuyến, các dụng cụ đo đạc tối tân nhất... , tất cả đều còn nguyên vẹn. Muốn thu nhặt hết cũng phải tốn vài ngày. Tức giận quá, ông Eric trở lại Sài Gòn. Ông cực lực phản đối với tướng Đồng văn Khuyên đang thay thế tướng Cao văn Viên trong chức vụ Tổng Tham Mưu Trưởng vốn đã xin Tổng Thống Hương được từ chức. Sợ bị ám sát, ông thay đồ dân sự để kín đáo ra đi.. Ông von Marbod nói chuyện với các phi công, trong số đó có tướng Kỳ. để biết xem liệu họ có thể phá hủy được các chiến cụ đã được bỏ lại hay không ? Họ trả lời rằng hệ thống phòng không của Bắc Việt , nhất là các hỏa tiễn Strella, rất là chính xác và rất là nguy hiểm, nếu muốn phá hủy mục tiêu thì phi cơ phải bay thật thấp, rất là nguy hiểm vì sẽ bị bắn rớt ngay.

Ngày hôm sau, ông Von Marbod đến gặp đại sứ Martin. Ông này coi thường những hoạt động của Von Marbod. Ông cho rằng lại có thêm một người đến làm tăng thêm sự hoảng loạn nữa đây. Ông Martin chưa có hủy bỏ một trong những lệnh của ông, nhằm cấm di tản tất cả mọi phi cơ hay trực thăng của Miền Nam Việt Nam . Cũng giống như những người có trách nhiệm ở Ngũ Giác Đài, ông Von Marbod vốn là một người bi quan ; nhưng ông Martin thì không . Ông Martin cho ông Von Marbod biết là người ta đang hướng đến một cuộc “huru chiến tại chỗ” và một Chánh Phủ Liên Hiệp của tướng Dương văn Minh. Ông Martin tin chắc là người Mỹ còn thì giờ, ít nhất là một tháng, để kiểm kê, phân loại, dán nhãn, và chở đi các chiến cụ quân sự , trong an toàn sau lằn ranh ngừng bắn.

Ông Von Marbod không chú ý đến những cảm tưởng của ông đại sứ. Ông ta yêu cầu Bộ Chỉ Huy của Không Lực Hoa Kỳ ở Thái Lan hãy chuẩn bị để tiếp đón tại phi trường một số lớn trực thăng hay phi cơ của Miền Nam Việt Nam . Khoảng 200 chiếc sẽ đến các phi đạo ở Thái Lan.

Càng ngày lệnh lạc càng mâu thuẫn nhau, giữa người Mỹ và người Việt Nam . Ở phi trường Tân Sơn Nhất , hai ngàn dân tỵ nạn người Việt Nam đang sẵn sàng để được bốc đi. Trong số này có cả các công chức và quân nhân mặc thường phục. Tuy nhiên Tổng Thống Trần văn Hương chẳng những cấm không cho họ đi mà còn bắt buộc các quân nhân và công chức ở ngoại quốc phải trở về Việt Nam trong vòng 30 ngày. Ti mỉ hơn, ông còn cho biết là nếu họ không thi hành lệnh này thì những người Việt Nam đó sẽ mất hết quốc tịch Việt Nam và tài sản của họ sẽ bị tịch thu. Tổng Thống Hương còn cho bắt đầu thiết quân luật lúc 6 giờ thay vì 7 giờ như trước .

Qua đài truyền thanh và truyền hình, ông Tổng Trưởng Quốc Phòng Trần văn Đôn đã cùng các tướng lãnh thuộc Bộ Tổng Tham Mưu và thuộc Vùng III Chiến Thuật ở Sài Gòn đã lên tiếng triệu tập một buổi họp của các nghị sĩ và dân biểu .

Trước một trăm ba mươi tám thành viên của Lưỡng Viện Quốc Hội , ông Đôn trình bày tình hình quân sự rất là chi tiết. Các tin tức đã quá chính xác đến độ người ta phải tự hỏi xem liệu Bộ Tham Mưu Bắc Việt có cố ý gửi các điện tín bằng bạch văn hay không , để gây hoang mang cho Bộ Tham Mưu của Miền Nam Việt Nam ? :

– Ở đây, về phía Đông Nam của Tây Ninh, chỉ để đối diện với sư đoàn 25 của chúng ta thôi, Bắc Việt đã có tới 4 sư đoàn, các sư đoàn 320, 316, 70 và 968 .

..... Và cứ lần lượt đến các mặt trận khác chung quanh Sài Gòn . Tổng kết quá thảm : 5 sư đoàn phải chống cự với ít nhất 18 sư đoàn. Đường đến Vũng Tàu bị cắt đứt. Người ta không thể điều động binh sĩ ở đó được . Ngay như các đoàn xe của dân tỵ nạn cũng không qua được Đầm Hòm qua, các hỏa tiễn 122 ly đã rơi vào vùng ngoại ô của Sài Gòn.

Ông Chủ tịch Thượng Viện chấp nhận là ông Dương văn Minh có thể nắm lấy quyền hành, tất cả quyền hành. Lại bàn cãi thêm nữa ở Quốc Hội . Vẫn luôn luôn có mặt ông Brochand ở đó. Ông ta giúp ông Lý quý Chung, cố vấn của ông Minh, để hoàn chỉnh một vài phương thức. Đưa ra lấy biểu quyết ở Quốc Hội cũng là một điều rất có ích. Người ta biểu quyết lúc 20 giờ 30.

Câu hỏi được đặt ra là : Liệu các nghị sĩ và dân biểu có đồng ý cho Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa chuyển giao tất cả quyền hành cho tướng Dương văn Minh để ông này tìm phương tiện lập lại hòa bình ở Việt Nam hay không ?

Có 136 phiếu thuận và 2 phiếu trắng, như vậy là nghị quyết được chấp thuận. Chỉ có một chút khó khăn đó mà đã tốn quá nhiều thì giờ. Tổng Thống Hương mong rằng buổi lễ bàn giao quyền hành sẽ được tiến hành ngay ngày mai, chớ không phải ngay bây giờ. Lúc đó thì thời gian ngồi ở ghế Tổng Thống của ông sẽ được đúng một tuần tròn.

Thế là đường lối ngoại giao của Pháp đã đạt được mục đích. Ông Martin điện về ông Kissinger :

- “Cũng như người Ba Lan và người Hung gia Lợi, người Pháp đã chuyển tiếp tất cả những tin tức cần thiết cho cộng sản để “phía bên kia” ngừng tấn công”

Để chứng tỏ rằng ông không phải là người Mỹ lạc quan duy nhất, ông Martin còn viết thêm :

- “Tất cả mọi nhân viên cấp cao của tòa đại sứ đồng nghĩ rằng Sài Gòn sẽ không bị tấn công”

Điều này mặc nhiên cho thấy là các nhà ngoại giao cấp thấp không có ý nghĩ khích lệ như vậy Hơn nữa các cơ quan tình báo từ Honolulu đã cho biết là họ đã bắt được nhiều điện tín bằng bạch văn của Bắc Việt, nhiều tiêu lệnh liên quan đến tác xạ của pháo binh nhằm vào sân bay Tân Sơn Nhất . Chuyện đó không gây xúc động cho ông Martin chút nào. Các chuyên viên về kiểm thính truyền tin đã giải thích cho ông Martin rằng trong vòng 15 năm cuối cùng , chưa bao giờ các lệnh lại rất quan trọng như thế này lại được chuyển thẳng bằng bạch văn. Từ đó ông Martin cho rằng đây là một đòn đe dọa của Bộ Tham Mưu Bắc Việt .

Đại sứ Martin báo cáo về sự tiến triển của kế hoạch di tản:

“Nhìn chung diễn tiến rất tốt. Đến trưa ngày 27 tháng 4, đã có 35 ngàn 425 người đã được di tản, Chỉ còn chờ lễ nhận chức của ông Dương văn Minh mà thôi.”

Ông Kissinger cho phép liên lạc với những người trong trại Davis, nhưng chỉ duy nhất để giải quyết “tình hình ở địa phương” mà thôi. Những người của trại Davis họ rất là giữ kẽ. Không có việc gì quan trọng hết, tất cả chuyện đó sẽ phải được giải quyết ở cấp cao. Tại Ngũ Giác Đài

ở Hoa Thạnh Đôn cũng như ở Bộ Tư Lệnh Lực lượng Thái bình Dương ở Honolulu, người ta không hề bị ý định của Hà Nội ru ngủ. Chỉ có những người làm chánh trị, những người như ông Martin mới tin vào cuộc hưu chiến. Không cần phải hỏi ý tòa đại sứ, Ngũ Giác Đài lấy một quyết định căn bản :

– “*Ngay sau khi sân bay Tân Sơn Nhất bị tấn công, tất cả mọi cuộc di tản bằng phi cơ đều được đình hoãn. Trực thăng sẽ bốc những người tỵ nạn ra các tàu ở ngoài khơi. Và chính tướng Homer Smith – chớ không phải người chỉ huy trực tiếp của ông là đại sứ Martin- sẽ là người ra lệnh di tản các nhân viên quân sự Hoa Kỳ ra khỏi Sài Gòn*”.

Trong một vài ngày nào đó, những quân nhân có trách nhiệm ở Honolulu đã tưởng rằng sẽ có một cuộc hưu chiến. Nhưng một bức điện tín gửi cho ông Martin ngày 27 tháng 4 đã cho thấy rõ là không hề có chuyện đó:

– “*Lực lượng cộng sản đã bắt đầu một cuộc hành quân có thể được xem là cuộc tấn kích cuối cùng vào Sài Gòn*”

Đối với tướng Homer Smith thì thật là tế nhị, bởi vì theo hệ thống quân giai ông cũng phải trực thuộc với Bộ Tư Lệnh quân sự ở Honolulu.

Ông Martin ngồi suy luận về một bức điện tín dài của ông Kissinger :

– “*Về diễn tiến chánh trị ở Sài Gòn tôi nghĩ rằng sau khi ông Minh thành lập Chính Phủ, thì không chóng thì chầy sẽ có những cuộc thương lượng có thể dẫn đến một thỏa hiệp cho một Chánh Phủ Liên Hiệp 3 thành phần.... mà hai phần ba là cộng sản và một phần ba còn lại do cộng sản giật dây.... Như vậy, câu hỏi được đặt ra là phải cần biết xem tòa đại sứ của chúng ta sẽ làm cái gì ? Có thể sau đó Bắc Việt sẽ cố gắng ngăn cản mọi cuộc di tản của người Việt Nam . Khi chuyện đó xảy ra, tôi tin rằng chúng ta phải giảm xuống tới đa nhân số, chỉ cần giữ lại một số người thật sự tối cần thiết ở tòa đại sứ mà thôi. Lúc bấy giờ câu hỏi được đặt ra là: phải biết xem liệu chúng ta phải rút đi hoàn toàn, hay phải ở lại, để giữ sự có mặt tượng trưng với một vài nhân viên của tòa đại sứ...?*”

Hoa Kỳ có quyền lợi gì để giữ lại một tòa đại sứ ? Trong hiện tại chỉ duy nhất có một, đó là : sự giao hoàn hài cốt của quân nhân Mỹ và tìm người Mỹ còn bị xem là mất tích

Ông Martin không chấp nhận ý kiến cho rằng Việt Nam Cộng Hòa bị hoàn toàn sụp đổ trên cả hai phương diện chánh trị và quân sự . Người Pháp thì sẽ ở lại. Tại sao những Mỹ sẽ không ở lại tại chỗ ? Ông Martin không thấy có gì mà phải đánh bóng sự ra đi khỏi Phnom Penh của ông bạn đồng nghiệp của mình là Đại sứ John Dean. Ông Martin tin tưởng – hay giả bộ tin tưởng- vào giải pháp Dương văn Minh.

Trong buổi tối ngày 27 tháng 4, ông Eric von Marbod ngồi uống trà xanh và rượu mạnh ở nhà tướng Kỳ. Xa xa có tiếng nổ của đạn pháo và có tiếng còi hụ trong thành phố. Tướng Kỳ cho rằng người ta đang lo gom các đơn vị quân sự lại :

– “*Chúng tôi có thể chiến đấu ở đồng bằng sông Cửu Long, và có thể giữ vững một vài tháng. Liệu Chánh Phủ Hoa Kỳ có yểm trợ cho chúng tôi được hay không ? không phải về nhân sự mà chỉ là về súng đạn ?*”

– *Rất tiếc là không,*” ông Marbod trả lời

Ông khuyên tướng Kỳ nên rời khỏi Việt Nam với ông ta trong hai hay ba ngày nữa. Tướng Kỳ có thể định cư ở Hoa Kỳ . Nhưng gia đình của Kỳ là phải nên cho đi tức khắc.

Ông Trần văn Hữu, cựu Thủ Tướng, người đã đến Bộ Ngoại Giao Pháp hôm tháng giêng, đã có giới đại diện đến Sài Gòn trong số này có ông Lê quốc Túy và viên cựu phi công Hành . Họ đến tiếp xúc với Đô đốc Chung Tấn Cang, Tư Lệnh Hải Quân Việt Nam . Không thông báo cho Bộ Tổng Tham Mưu, Đô đốc Cang chuẩn bị cuộc triệt thoái của các đơn vị khả dụng để ra biển. Ông cho chở dầu, lương thực, đạn dược và gia đình của sĩ quan , binh sĩ Hải Quân. Ông nghĩ là phải tạm đồ đàn bà, trẻ con và người lớn tuổi lên đảo Phú Quốc trong vịnh Thái Lan. Ở đó có một căn cứ Hải Quân Việt Nam hoàn toàn để phòng thủ. Sau đó ông Cang sẽ đưa đoàn tàu và các thủy thủ về đồng bằng sông Cửu Long. Ông sẽ đặt bản doanh trên một trong những chiếc tàu tuần duyên, chiếc HQ.03, một loại hộ tống hạm cũ của Hải Quân Pháp.

Đô đốc Cang và hai sứ giả của ông Hữu cùng đi đến nhà ông Dương văn Minh.

– *“Ở Ba Lê chúng tôi đã có gặp người của Hà Nội và của CPLTCHMN . Họ đồng ý để thành lập một Chính Phủ chuyển tiếp. Lê quốc Túy còn nói thêm:*

– *“Phải mời ông Trần văn Hữu trở về nước và trao quyền cho ông ta để ông ta thương lượng với cộng sản.*

Ông Minh thấy dự án này không hấp dẫn. Đô đốc Cang hỏi :

– *” Có được một tiến triển nào trong vấn đề bàn thảo với “phía bên kia “không ?*

Ông Dương van Minh đáp :

- *” Những người đại diện ở trại Davis không có muốn thương thuyết đâu. Họ nói họ chỉ làm một nhiệm vụ quân sự của phái đoàn quân sự mà thôi và họ không có quyền thương lượng những vấn đề chính trị*

– *“Như vậy tại sao ông đã nhận lấy quyền hành, mà không có một bảo đảm nào không chắc chắn là Bắc Việt họ muốn gì ? Bây giờ phải mời ông Trần văn Hữu về để tìm một giải pháp. ông Túy nói.*

- *“Đó là vì Chính Phủ Pháp đã thúc đẩy việc này và họ đã chuẩn bị tất cả. Hai ông Mérillon và Trần văn Đôn luôn luôn nói với tôi là đã có sẵn một kế hoạch, và rằng tôi sẽ có sáu tháng để dàn xếp. Và bây giờ thì không có gì hết ! Tôi biết các ông đại diện cho ông Trần văn Hữu, và tôi tin rằng ông ta có thể làm được một vài việc Tôi kính trọng ông ta Làm thế nào để yêu cầu ông giúp chúng ta bây giờ ?*

Đô Đốc Cang:

– *” Ông khỏi cần lo gì hết, tôi sẽ lãnh làm việc này cho. Tôi có nhân viên. Trong khi chờ đợi, dù có chuyện gì xảy ra, mình cũng phải cầm cự đến cùng . Trường hợp tình hình quá nghiêm trọng, tôi đề nghị với Tổng Thống phải rời Sài Gòn và lui về ở Cần Thơ, là thủ đô của vùng đồng bằng. Tướng Nguyễn khoa Nam, Tư Lệnh Vùng 4, đã vừa điện thoại cho tôi chiều hôm qua để nói với tôi là tình hình ở đó rất là bình thường. Ông có trong tay 3 sư đoàn tốt, một Không lực và tất cả lực lượng hải quân. Ngoài ra còn có lực lượng Phật Giáo Hòa Hào và Cao Đài, và Nhân Dân Tự Vệ nữa Chúng ta có thể kháng chiến và bàn thảo ở vị thế mạnh.*

Tướng Minh :

– ” *Bây giờ thì các ông hãy về đi. Khi các sự bố trí kỹ thuật đã hoàn tất, thì tôi sẽ tuyên bố trên đài phát thanh, trong một giờ nữa đây.*

Đô Đốc Cang:

– “*Vậy là kế hoạch của ông như thế nào ?*

Tướng Minh:

– “*Tôi không có kế hoạch nào hết.*

Đô Đốc Cang cố nhấn mạnh:

– *Lúc nào mà chúng ta còn ở Sài Gòn, thì chúng ta sẽ bị bao vây. Chúng tôi Ông có dự trù một cuộc điều động nào hay không trong lúc Hải Quân chúng tôi còn ở lại đây. Phải tuyên bố bỏ ngõ Sài Gòn và sau đó chuyển Chánh Phủ về Cần Thơ. Ở đó, vị thế của ông không mạnh lắm, nhưng ít nhất cũng là một vị thế. Và mình có thể tận dụng được truyền thanh truyền hình để cho lệnh tất cả các đơn vị hãy tập hợp nhau lại ở thủ đô lâm thời.*

Tướng Minh đáp lời một cách mệt mỏi:

– “*Chiến tranh ! Lúc nào cũng chiến tranh ! Với chiến tranh thì chừng nào người ta mới chấm dứt được nó đây ?*

Thật quá rõ ràng là ông Dương văn Minh không thích dự án này. Đô Đốc Cang đặt một câu hỏi chót:

– “*Như vậy thì mỗi người chúng ta đều chuẩn bị cho kế hoạch riêng của mình ?*

– “*Ông muốn làm gì đó thì làm.*

Tính kiên trì của giới hành chánh thật đáng khen. và đây là bằng chứng: nền hành chánh vẫn tiếp tục chạy đều, ông tổng thư ký Tổng Thống Phủ loan báo là “các cơ quan công cộng sẽ làm việc ngày 1 tháng 5.”.

Đồng mỹ kim hiện có giá là 4000 đồng.

Các cộng sự viên của tướng Kỳ khuyên ông ta nên liên lạc với tướng Dương văn Minh. Ông Kỳ điện thoại cho trung tá Đầu, tùy viên của tướng Minh. Trung tá Đầu trả lời :

– ” *Xin cảm ơn thiếu tướng đã gọi, nhưng bây giờ thì Tổng Thống không thể nói chuyện với ông được . Ông đang bận lo thành lập Chánh Phủ . Chúng tôi sẽ gọi lại ông sau.*

Từ giả tướng Minh, Đô đốc Cang và hai đại diện của ông Trần văn Hữu trở về Bộ Tư Lệnh Hải Quân.. Giải pháp Trần văn Hữu xem ra cũng hay hay. Ông này không thể bị Hà Nội cáo buộc là nằm trong “tập đoàn của ông Thiệu” được . Và ở Sài Gòn hồi xưa người ta nhắc lại là ông suýt trở thành Chủ Tịch của MTGPMN. Ông cũng từng là ứng viên đặc ý của Lê Duẩn, tổng bí thư đảng CSVN .

Đô Đốc Cang và hai người của ông Hữu chờ ông Minh. Ông không đến và Đô Đốc cũng không thể đến ông Minh được. Đô Đốc gọi thử ông Mérillon để nhờ ông gọi về Ba Lê một điện tín của ông Minh, nhưng vô ích. Ông đành phải nhận xét :

– “Tôi đã làm tất cả những gì tôi có thể làm được, nhưng hiện giờ chúng ta không còn có một nhân vật chánh trị nào có giá nữa hết. Ngay như người ta lật đổ ông Minh xuống, cũng là một chuyện dễ thôi vì tướng Minh không còn chỉ huy ai nữa cả, thì tôi thấy cũng không có giải pháp nào. Tôi còn một nhiệm vụ phải làm : di tản và cứu vãn ba chục ngàn người với các tàu chiến của tôi.

Do đó giải pháp Trần văn Hữu bị chết trong trứng nước.

Đến gần nửa đêm, gần 20 người có trách nhiệm ở tòa đại sứ họp nhau lại. Người ta phải xem lại các danh sách của người Việt Nam bắt buộc phải cho di tản, nhất là những người sẽ gặp nhiều nguy cơ trong trường hợp cộng sản Bắc Việt chiếm được Sài Gòn. Phải di tản ít nhất mười ngàn người ngày mai. Không thể được ư? Vậy thì là hai ngàn...

Trong lúc đó, ở Hoa Thạnh Đốn, ông đại sứ Liên Xô, Dobrybine xem xét các câu hỏi mà ông Kissinger đã yêu cầu ông chuyển cho Hà Nội:

- 1.- Bắc Việt có sẵn sàng thương thảo với tướng Dương văn Minh không?
- 2.- Bắc Việt có sẵn sàng chấp nhận sự hiện diện tối thiểu của người Mỹ ở Sài Gòn không?
- 3.- Bắc Việt có sẵn sàng để cho cuộc di tản của người Mỹ được dễ dàng không?
 - a)- một hành lang không phận đến Sài Gòn
 - b)- quốc lộ từ Sài Gòn đến Vũng Tàu phải được lưu thông tự do.

Những câu trả lời thẳng thắn và trực tiếp đã được nghe. Sau đó không lâu Đài phát thanh giải phóng xác nhận trong một bản tin là :” Giữ lại tòa đại sứ Mỹ ở Sài Gòn, dù là với nhân số tối thiểu, không có nghĩa là một sự bất can thiệp của Hoa Kỳ” Nói như vậy là có ý nghĩa gì đây?

Ở Hoa Thạnh Đốn cũng như ở Sài Gòn người ta gọi lên một sự “tắm máu” trong tương lai. Dường như ở Đà Nẵng các cảnh sát đã bị chặt đầu, ở Ban Mê Thuột thì các công chức bị xử bắn. Còn các chỗ khác nữa, các sĩ quan của Miền Nam bị trói tay và bị hành quyết bằng lựu đạn. Các công chức cao cấp nhận xét là trong thập niên 50, sau khi làm chủ được Miền Bắc, cộng sản đã hành quyết trên năm chục ngàn người. Ông Wolfgang Lehmann thì nghĩ rằng các cuộc hành quyết hay thanh toán đó sẽ được cộng sản thi hành trong dài hạn.

Trong những ngày sau cùng này, tòa đại sứ đã nặng tay đối với báo chí. Các ký giả của tờ Newsweek đã phỏng vấn nhiều người dân tỵ nạn và đã đi đến một kết luận rằng người ta thấy rất ít nhân chứng trực tiếp của những hành động tàn bạo này. Để cho họ thấy sự thật, ông Martin ra lệnh cho họ xem những công điện trong đó có nêu rõ các cuộc hành quyết ở Đà Nẵng, ở Ban Mê Thuột và ở các nơi khác. Các nhà ngoại giao thú thật với các nhà báo là người ta đã chọn cho họ những điện tín có tính gây lo sợ. Có người lại còn nói họ có hơi nghi ngờ đề tài của các bức điện tín đó. Dù sao thì hiển nhiên là phải di tản những người Việt Nam đã từng làm việc với người Mỹ ở Sài Gòn và ở Cần Thơ và nhất là những cộng tác viên của Trung Ương Tình

Báo CIA. Hình như không có gì dự trù cho nhân viên ngành Thông Tin. Ông Alan Carter tỏ ra rất lo ngại cho 50 nhân viên người Việt Nam của ông.

Trừ tòa đại sứ Pháp, các tòa đại sứ khác đã dọn trống, hầu hết đều dùng phi cơ. Ông John Bushell, đại sứ Anh Quốc, muốn ở lại tại chỗ, sau khi đã di tản hết nhân viên và khoảng 12 binh sĩ hoàng gia đã từng giữ an ninh cho tòa đại sứ của mình. Thủ Tướng Anh, ông James Callaghan đã thân mật bảo ông phải chuẩn đi. Ông John yêu cầu cho ông một tàu phóng ngư lôi. Thật là quá phù phiếm !. Nhưng nếu người ta đánh chìm chiếc tàu này trên sông Sài Gòn thì hậu quả sẽ rất là tai hại. Người ta gọi cho ông 4 phi cơ Hercules của Không Lực Hoàng Gia Anh, được quá cảnh ở Tân gia Ba. Được bỏ trống, tòa đại sứ Anh được xử dụng như chỗ trú của các công chức Miền Nam và cảnh sát. Có một số tòa đại sứ đã bỏ quên nhân viên người Việt Nam của họ lúc nào cũng mong muốn được ra đi, họ đã xử sự không tốt như một số công ty tư nhân ngoại quốc. Những công ty này đã tỏ ra lo lắng cho nhân viên người Việt của mình, đó là các cơ quan báo chí, truyền hình và truyền thanh, các nhật báo và các tuần báo. Những người có trách nhiệm đã có biện pháp thận trọng, từ tháng 2 /75. Có nhiều người đã thuê bao phi cơ của công ty công Eckes, Hãng Dịch Vụ Hàng Không Continental. Các công ty thuộc giới thông tin rất cần phi cơ chẳng những để thu hình hay gửi ra ngoài những hình ảnh đã rửa hoặc chưa rửa, mà cũng còn để di tản nhân viên của mình vào giờ chót. Họ không hề bỏ nhân viên của mình hay gia đình của nhân viên ở lại. Các hãng CBS, ABC, NBC đã dự trù một cầu không vận để đưa họ về Tân Gia Ba hay Hong Kong. Hãng Associated Press đã gọi một phi cơ loại nhỏ đến Phnom Penh, để bốc các phóng viên người Cam Bốt của họ, lúc Cam Bốt bị thất thủ. Một vị Phó Chủ tịch của hãng NBC đã đích thân lo lắng cho một anh tài xế và cả gia đình đông con của anh ta.

Tại phi trường, tất cả các người có thiện chí đều được hoan nghênh. Những người tình nguyện như ông Jim Eckes, đã lên danh sách, đưa những người tỵ nạn ra tận phi cơ vốn phải cất cánh từng 45 phút một. Khi những người tỵ nạn không có đủ giấy tờ hợp lệ thì có những người tình nguyện và ngay những công chức hộ tống họ đến các phi cơ bay đi Guam hay đi bất cứ nơi nào trên lãnh thổ Hoa Kỳ . Như vậy một khi được đến nơi rồi thì họ không thể nào bị đuổi về lại Việt Nam được . Thí dụ như khi đến Phi luật Tân, người tỵ nạn sẽ gặp nhiều nguy cơ sẽ có nhiều vấn đề mới được vào nước Mỹ.

Trong ngày 28 tháng 4, các binh sĩ Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ có nhiệm vụ phải bảo vệ cuộc di tản, đã có cảm tưởng là đã bị tòa đại sứ quan trọng hóa vấn đề .Một toán Thủy Quân Lục Chiến gồm có một trung úy, một hạ sĩ quan , 36 binh sĩ và 2 y tá đến Tân Sơn Nhất theo lệnh của Ngũ Giác Đài.. Từ lúc đến phi trường, các Thủy Quân Lục Chiến này rất lấy làm thất vọng. Mấy ngày trước đó, 4 sĩ quan và 1 hạ sĩ quan thuộc nhóm tiền đạo đã thấy tại chỗ là những sự chuẩn bị cho cuộc di tản rất là “mù mờ”. Thủy Quân Lục Chiến thì chỉ biết có một việc di tản thôi, và họ trực thuộc thẳng Bộ Tư Lệnh của họ về mặt quân sự . Nhưng tòa đại sứ thì phải chịu trách nhiệm về sự di tản nhân viên của họ. Ông Martin lại không muốn tạo ra một cảm tưởng triệt thoái để tránh tình trạng hoảng loạn cho dân chúng Việt Nam . Có rất nhiều cuộc bàn thảo giữa tòa đại sứ và các sĩ quan này, rất là cần thiết, để Thủy Quân Lục Chiến có thể chuẩn bị những bãi đáp trực thăng ở Tân Sơn Nhất , như phá bỏ các sân quần vợt, và bố trí lại các hàng rào kẽm gai. Ông Martin thì lại ngăn cản.. Từ lâu rồi, Bộ Tư Lệnh tối cao ở Honolulu đã soạn sẵn nhiều đường lối hành động.(1)

Lệnh di tản ô ạt những người Mỹ bằng phi cơ đã được ban hành ngày 22 tháng 4. Thủy Quân Lục Chiến phải dự trù một cuộc di tản, căn cứ duy nhất trên việc xử dụng trực thăng mà thôi: đó là phương thức có tên là “Cánh Thông Thường”. Tên mật mã cũ “Nhu Gót Chân” đã được thay đổi vì đã bị tiết lộ. Kế hoạch khuyến cáo nên có 13 điểm tập trung trong thành phố, để bốc đi những người Mỹ cuối cùng và đưa họ ra phi trường. Là những người chuyên môn nên Thủy

Quân Lục Chiến họ muốn gắn những cọc tiêu chiếu sáng trên các nóc nhà liên quan đến 13 điểm bốc đó. Tòa đại sứ phản đối cũng luôn luôn chỉ vì vấn đề sợ dân chúng hoảng loạn. Trong một bản phúc trình cuối cùng của mình, tướng Richard Carey, chỉ huy trưởng toán lực lượng Thủy Quân Lục Chiến này đã viết:

“Có nhiều việc đã được thực hiện mà không có sự phê chuẩn chính thức” (nguyên tác: được diễn dịch ra là không có phép của ông Graham Martin). Có một chi tiết quan trọng, đó là kế hoạch di tản không lúc nào có dự trù là các trực thăng loại lớn sẽ đáp xuống nóc tòa đại sứ. Người ta dự trù tiến hành cuộc di tản như thể các đường bay ở phi trường còn xử dụng được trong dài hạn, tức là xử dụng phi cơ.”

Người ta có cảm tưởng rằng ông Martin, bị dính cứng vào ý nghĩ của một cuộc hưu chiến, nên ông ta tưởng rằng cuộc di tản sẽ được bảo vệ, do lực lượng an ninh trật tự chung gồm có Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ, binh sĩ của Miền Nam Việt Nam và, tại sao không, luôn cả cảnh sát và bộ đội Bắc Việt?

Ông Dương văn Minh cho người gọi điện thoại báo cho tướng Kỳ.

– *“Đại tướng Minh muốn gặp Thiếu tướng vào sáng ngày mai ở Dinh Tổng Thống.”*

Tướng Kỳ đã đổi ý. Hầu hết các sĩ quan của ông đều khuyên ông không nên đến Dinh Độc Lập theo lời mời đó. Vì nếu họ muốn bắt giữ để cô lập ông thì sao? Hay nếu họ muốn trao ông cho Bắc Việt thì sao? Thật ra, tâm địa của tướng Minh và tướng Kỳ hoàn toàn khác nhau để hai người có thể nghe lẫn nhau. Bốc đồng và sôi sục, tướng Kỳ luôn nghĩ về một sự chiến đấu hơn là một sự thương thảo mà ông không bao giờ tin. Còn ông Minh thì hờn dãi và hay tránh né, nên nhắm vào một cuộc hưu chiến. Trong giới có nhiều thủ đoạn chánh trị ở Sài Gòn, hai ông Minh và Kỳ nương nhau, người trẻ thì kính nể người lớn tuổi hơn mình, nhưng không người nào ưa người nào. Họ còn nghi ngờ nhau đến tuyệt đỉnh. Do vậy ông Kỳ sẽ không có đến gặp ông Dương văn Minh.

Lễ bàn giao quyền hành giữa Ông Trần văn Hương và ông Dương văn Minh được dự trù vào 9 giờ sáng. Nhưng theo lời yêu cầu của Tổng Thống Hương, buổi lễ được dời lại vào buổi trưa. Ông muốn buổi lễ được tổ chức một cách trọng thể, nên ông đã nói là gần như hai người còn có nhiều tuần lễ trước mặt họ vậy:

– *“Người ta không thể bàn giao trách nhiệm và quyền hạn như trao một khăn tay được” (nguyên tác: pas comme un mouchoir)*

Ở các vùng ngoại ô của Sài Gòn, binh sĩ còn dựng lên những bức tường phòng thủ bằng bao cát, và bố trí các ỏ súng liên thanh và bách kích pháo. Dân tỵ nạn tràn vào thành phố ngàn này sang ngàn khác. Trên quốc lộ Sài Gòn- Biên Hòa các đoàn xe quân sự và dân sự lẫn lộn với các xe bò, đã làm tê liệt lưu thông. Các đơn vị quân cảnh, vốn chưa hề hấn gì, nhận được quá nhiều lệnh, lệnh này mâu thuẫn với lệnh kia..

Các tiệm buôn bán nữ trang ở đường Tự Do đã đóng cửa. Vàng lá càng ngày càng khó tìm. Ở phi trường, những Mỹ đi dạo chơi, tay lo le cầm hàng xấp tiền và mỹ kim để tán tỉnh các lính gác và cảnh sát. Việc phân phát thư từ vẫn còn rất bình thường.

Ở tư thất của ông Dương văn Minh, điện thoại cứ reo không dứt. Hồi 15 giờ, ông Minh nói với tướng Timmes rằng ông nghĩ là cộng sản sẽ thương thảo với ông ta. Sau đó không lâu, ông

Minh nhận được điện thoại từ Băng Cốc của Ngô công Đức, chủ nhiệm báo Tia Sáng, cho biết là anh ta từ Ba Lê về mà không đến Sài Gòn được :

– *“Ông đừng nên nhận ghế Tổng Thống , đã quá trễ rồi. Cộng sản không có một ý định nào về chuyện thương thảo đâu.”*

Buổi lễ bàn giao được tổ chức vào lúc 17 giờ. Cổng rào của Dinh Độc Lập được mở rộng, và gần như không có lính gác. Các dân biểu, nghị sĩ, các quân nhân, nhà báo vào thông thả, không có bị kiểm soát . Trên hàng ghế đặt trước khán đài người ta thấy sự có mặt của các sĩ quan , các cựu Tổng Trưởng và công chức cao cấp, hàng giáo phẩm Công Giáo, và các lãnh đạo Phật Giáo, với đồng phục rất chỉnh tề đầy màu sắc... Đại tá Hòa đích thân coi về công tác thu hình của các toán nhân viên truyền hình.. Trời đang nóng bức bắt đầu có vẻ ầm ứn. Con gió mạnh thường thổi trước khi có giông bão làm lay chuyển các cây dừa nước ngoài bãi cỏ và những tấm màn trắng treo ở cửa sổ của phòng tiếp tân ..

Ông Trần văn Hương, tay chống gậy, được một cộng sự viên dìu ra, lên tiếng đầu tiên lúc 17 giờ 15 phút. Ông nói :

– *” Tuổi tác và sự bệnh hoạn của tôi không cho phép tôi điều khiển được đất nước trong giờ phút khó khăn này...”*

Trời đã bắt đầu mưa. Hướng về ông Dương văn Minh, ông nói tiếp :

– *” Thưa Đại tướng, nhiệm vụ của ông rất nặng..*

Sau đó là một sự yên lặng kéo dài. Khán đài vẫn trống, Không một ai nhúc nhích. Mọi việc diễn tiến gần như không có dự trù trong nghi thức của buổi lễ. Ông Dương văn Minh thì vẫn ngồi yên tại chỗ. Tất cả cử tọa nhìn nhau. Một nhân sĩ người của ông Minh đứng dậy và đi đến khán đài. Một người lính trẻ gỡ cờ hiệu cũ của nền đê nhị Cộng Hòa xuống, thay vào đó một tấm biển trên đó có khắc tượng trưng một hoa mai nở trên hai cánh âm dương kiểu Tàu -hai lực đối trọng nhau của Trời Đất- , với ý nghĩa là 2 lực lượng chống đối nhau của Việt Nam trên con đường hòa hợp hòa giải chăng ?

Ông Dương văn Minh đứng dậy, và với một giọng cứng cỏi hơn của ông Hương, ông nói :

– *Chúng ta không hề có một ý định trả thù, và không có một lý do nào cảm cản những anh em cùng trong một nhà hòa giải với nhau.... Tôi có trách nhiệm tìm kiếm một sự hưu chiến.... Luật sư Nguyễn văn Huyền trong chức vụ Phó Tổng Thống là người đã chấp nhận sẽ giúp tôi trong công tác thương lượng. Ông Vũ văn Mẫu sẽ giữ ghế Thủ Tướng... Thưa đồng bào và anh chị em, trong những ngày cuối cùng này tình hình quá trầm trọng nên đã có nhiều nhóm Tôn Giáo và nhiều tướng lãnh đã yêu cầu tôi đảm nhiệm chức vụ Tổng Thống Một trong những quyết định chánh trị cấp thiết là trả tự do cho tất cả các tù nhân chánh trị và ngừng tất cả mọi kỳ thị phân biệt ngay trong giới truyền thông báo chí.*

Ông Minh cất cao giọng lên để át tiếng sấm sét và tiếng mưa rơi nặng hột bên ngoài cửa sổ đang được mở rộng :

– *” Sự thành công của Chánh Phủ sẽ tùy thuộc vào sự bình tĩnh và sự ủng hộ của đồng bào. Tôi kêu gọi tất cả những đảng phái chánh trị và tất cả các Giáo Hội Tôn Giáo. Hãy quên đi sự hận thù và sự nghi kỵ....*

Anh em binh sĩ, tôi đã dâng gần hết cuộc đời của tôi cho Quân đội . Hơn tất cả mọi người, tôi biết rõ những khó khăn của các anh trong những tuần lễ sau cùng này. Bây giờ thì trang sử cũ đã được lật qua. Các anh có một bổn phận mới, gìn giữ lãnh thổ để bảo vệ hòa bình... Đừng buông bỏ vũ khí của mình và hãy tuyệt đối tuân lệnh cấp chỉ huy của mình. Mọi hành động vô kỷ luật sẽ bị trừng phạt ngay tức khắc.

Bây giờ một vài câu nói với các bạn ở “phía bên kia”, CPLTCHMN :

Ông Minh tránh nói tới Hà Nội hay những sư đoàn Bắc Việt bởi vì cộng sản Việt Nam chưa bao giờ công nhận sự có mặt của họ ở Miền Nam . Không nên làm mất lòng họ.

– ” *Thật tình, chúng tôi muốn hòa giải. Các anh cũng biết là hòa giải đòi hỏi mỗi người chúng ta trong đất nước này đều phải tôn trọng quyền lợi của nhau...*

Thưa đồng bào, thưa các bạn, trong những ngày sau cùng này, chúng ta tự hỏi tại sao có quá nhiều người đã lặng lẽ bỏ nước ra đi . Tôi muốn nói với các bạn là đừng bỏ đất nước thân yêu của chúng ta . Tôi van xin các bạn hãy can đảm lên. Hãy ở lại đây và hãy chấp nhận định mệnh đã được Thượng Đế an bài. Tôi yêu cầu các bạn hãy ở lại và sống đoàn kết với nhau. Hãy cùng nhau xây dựng một Miền Nam Việt Nam độc lập, dân chủ và thanh vượng để người Việt Nam có thể sống cùng chung với nhau trong tình anh em huynh đệ.”

Tổng Thống Dương văn Minh đã nói trong vòng 20 phút.

Đôi với nhiều khán thính giả Việt Nam của đài truyền thanh và truyền hình , cơn mưa và sấm sét trước gió mùa, là những điềm bất tường.

Cũng có một số người cô lấy lại sự can đảm. Kỹ sư Văn tự nhủ: về phương diện quân sự thì chúng ta đang ở thế yếu, nhưng cộng sản mà chiến thắng thì biết đâu họ sẽ tỏ ra nhân đạo hơn.

Ông Minh chấm dứt diễn văn của ông hồi 17 giờ 48 phút.

Một giờ sau đó, trong khi các nhà ngoại giao, các chánh trị gia và các nhà báo còn đang phân tích bài nói chuyện của ông thì đài Giải Phóng đã bình luận về buổi lễ bàn giao này như sau :

– ” *Sau khi tên phản quốc Nguyễn văn Thiệu ra đi, thì những người lên thay ông ta, được biết là tập đoàn Dương văn Minh, Nguyễn văn Huyền và Vũ văn Mẫu, vẫn khăng khăng muốn vừa tiếp tục chiến tranh để giữ lãnh thổ hiện có, vừa hô hào thương thuyết. Rõ ràng là tập đoàn này tiếp tục ngoan cố muốn kéo dài chiến tranh để duy trì chế độ thực dân mới của Mỹ. Nhưng tập đoàn này không gạt được ai hết. **Chiến trận chỉ sẽ chấm dứt khi nào tất cả binh sĩ của Sài Gòn buông súng xuống hết và các tàu chiến của Mỹ đã rời hết khỏi lãnh hải của Miền Nam Việt Nam . Hai điều kiện này của chúng tôi phải được thi hành thì mới có được ngừng bắn.***”

Con trai của Dương văn Minh cố gắng liên hệ với tòa đại sứ của CPLTCHMN ở Ba Lê, nhưng vô ích.

Lần đầu tiên, đài giải phóng đã tuyên bố rất rõ ràng là Dương văn Minh và các cộng sự viên của ông ta không phải là những người lãnh đạo được lực lượng thứ ba chấp nhận:

– “*Các thành viên thuộc lực lượng thứ ba phải suy nghĩ kỹ lại lời kêu gọi của CPLTCHMN ... và tìm ra mưu mô của các tay sai của đế quốc Mỹ... Họ phải gia nhập vào lực lượng cách mạng ...*”

Diễn dịch, và mọi người đều hiểu : không có một người nào ở Miền Nam Việt Nam ủng hộ Dương văn Minh như là kẻ được CPLTCHMN hay Hà Nội nhìn nhận như một người đối thoại.

Ông Trần văn Hương gọi điện thoại cho tướng Kỳ:

– ” *Chúng nó buộc tôi phải ra đi. Bây giờ thì ông muốn làm gì đó thì làm.* ”

Như vậy những đề nghị chua chát này có ý nghĩa gì đây ? Một người như ông già Hương, hay bất bẻ có thể nào lại chính là người đi xúi giục một cuộc đảo chánh ?

Vào lúc 18 giờ 15, sau buổi lễ trao quyền Tổng Thống cho Dương văn Minh, có 5 chiếc phi cơ loại A.37 (của Miền Nam) được phát hiện trên trục các đường bay chánh của Tân Sơn Nhất . Đai kiểm soát không lưu hỏi :

– “*Các anh thuộc phi đội nào đây ?* ”

Một phi công trả lời lạ lùng:
– *Các phi cơ này đều được sản xuất ở nước Mỹ.* ”

Các phi cơ bỏ nhào xuống và thả bom gần khu thể thao và những văn phòng của tướng Homer Smith, nơi có 3000 người tỵ nạn Việt Nam đang chờ để được xe đưa lên phi cơ di tản, gây một phen hoảng sợ.

Ông Jim Eckes lúc đó đang đứng gần dãy hăng-ga của hãng Dịch Vụ Hàng Không Continental. Ông đã gọi một phi cơ loại nhỏ từ Băng Cốc đến, chiếc Baron, và đang sửa soạn ra đi.. Ông phải nhảy xuống một hầm trú ẩn đầy nước . Ở đâu cũng có tiếng súng nổ, có những tràng đại liên ròn rã. Từ Dinh Độc Lập và từ các chiến hạm đậu ở bến Bạch Đằng, các cao xạ phòng không đang bắn lên. Phi công của chiếc Baron giục ông Eckes lên phi cơ.

– “Jim, ta đi thôi !

Ngoài phi trường, có nhiều thiệt hại quan trọng. Có cả những trực thăng và phi cơ quân sự, 3 chiếc AC-119 và 4 chiếc C.47 bị phá hủy. Chiếc Baron đang đậu trên một đường bay nhỏ gần hăng-ga của hãng Hàng Không Air America. Ông Eckes và viên phi công lên xe chạy thẳng đến chiếc Baron. Có nhiều binh sĩ Việt Nam bắn vào họ. Họ tưởng rằng bộ đội Bắc Việt tấn công phi trường. Các phi cơ địch bay trở lại. Chiếc Baron cất cánh bay lên cao, đạn phòng không nổ chung quanh họ . Phi cơ bay vút lên cao và lấy hướng trường đua ngựa để vào Chợ Lớn.

Hai phi công Việt Nam đã bay lên với 2 chiếc F.5A để săn đuổi các phi cơ địch, nhưng họ đã bay đi mất hút.

Ông Dương văn Minh vừa mới yêu cầu ngừng bắn, là Bắc Việt đã leo lên thêm một nấc thang chiến tranh, vì giờ đây họ đang xử dụng phi cơ. Phi tuần tấn công được một phi công Miền Nam Việt Nam đào ngũ hướng dẫn, người phi công này đã bay vào thả bom xuống Dinh Độc Lập cách đây mấy ngày. Tướng Văn tiền Dũng nói :

– ” *Một cuộc tấn công được phối hợp rất tốt, một cuộc hành quân liên quân rất là hoàn hảo do tất cả các lực lượng của chúng ta thực hiện.* “

Tướng Tư Lệnh quân Bắc Việt đã nói quá lời. Có rất nhiều trái bom đã rơi trên đồng ruộng. Nhưng người trung úy phi công đào ngũ cũng đã dạy các phi công lái những chiếc MIG của Bắc Việt cách xử dụng các chiếc phi cơ A.37. Cuộc hành quân này được đặt tên là “Quyết định để thắng”, có cả 2 mục tiêu chánh trị và quân sự. Rất rõ ràng cho những ai còn nghi ngờ: đó là không bao giờ có chuyện thương thuyết. Bây giờ thì tướng Tư Lệnh Không Quân Miền Nam Việt Nam đã đồng ý với ông Eric Von Marbod, ra lệnh cho tất cả phi cơ của Việt Nam Cộng Hòa bay hết sang Thái Lan.

Vài giờ sau bài diễn văn của ông Dương văn Minh, đại diện của CPLTCHMN ở Ba Lê loan báo rằng *“dân chúng ở Sài Gòn đã đồng loạt nổi dậy.... Binh sĩ Sài Gòn đã buông súng xuống và đã đầu hàng...”*

Phịa và Phịa lại gặp nhau: ở Sài Gòn đã có nhiều người quả quyết là binh sĩ người Pháp đã đổ bộ.

Tại thủ đô nước Pháp, đại sứ Bắc Việt Võ văn Sung và đại diện của CPLTCHMN Phạm văn Ba được ông Tổng Trưởng Ngoại Giao Jean Sauvagnargues tiếp. Vừa ra khỏi Thủ Tướng Phủ, người ta hỏi đại sứ Bắc Việt tại sao ông Dương văn Minh không được xem là một người đối thoại có giá. Một nhà báo ghi nhận là ông Minh đã thỏa mãn hai điều kiện tiên quyết đã được CPLTCHMN đưa ra từ 48 giờ trước, “thi hành đúng theo Hiệp Định Balê, và bãi bỏ chánh quyền Sài Gòn”.

– *“Không phải là trường hợp đó”*, đại sứ trả lời cụt ngủn, vô nghĩa

Ông Tổng Trưởng Ngoại Giao Pháp buộc miệng phát biểu:

– *” Tất cả các điều kiện cho một giải pháp chánh trị hình như đã được thực hiện. Chúng tôi rất ngạc nhiên là giải pháp đó không được tiến hành...”*

Các đơn vị thuộc quân lực Việt Nam Cộng Hòa ở chung quanh Sài Gòn và ở Đồng Bằng sông Cửu Long đã liên lạc với Bộ Tổng Tham Mưu Sài Gòn để yêu cầu được đặt trực tiếp dưới sự chỉ huy của Bộ. Trong các đơn vị này người ta nhận thấy họ thuộc các binh chủng Thiết Giáp Biệt động Quân, Nhảy Dù.

Về phía Bắc của thủ đô, các kho đạn và kho xăng đang bốc cháy với những ngọn lửa cao màu đỏ và tím...

Bộ máy hành chánh còn đang chạy. Các sĩ quan thuộc cơ quan hành chánh tài chánh của tướng Homer Smith đang họp. Để thanh toán hết các chương mục, vị sĩ quan tài chánh cần có 300 triệu đồng bạc Việt Nam. Phải đến nhận số tiền này ở tòa đại sứ. Biết rằng phải cho các nhân viên Việt Nam thuộc các cơ quan của tướng Smith nghỉ việc, người ta đã sẵn sàng mọi thủ tục hành chánh về chuyện bồi thường cho nghỉ việc. Nhưng một phần của sở tài chánh đã được chuyển về Honolulu năm ngày trước rồi với một số hóa đơn chưa được thanh toán và những giao kèo đang thực hiện. Hóa đơn chót nhất ký ngày 17 tháng 4 về 45 ngàn chiếc áo mưa với trị giá là 220.500 mỹ kim.

Vào buổi chiều, ông Martin quyết định là “ngày mai sẽ di tản mười ngàn người. Ông ta đã nhận được một công điện từ Hoa Thịnh Đốn của ông Kissinger.”

– “Sáng nay, trong buổi họp của toán “hành động đặc biệt” (2), tất cả các đại diện của các cơ quan, ngành đều nghĩ rằng chúng ta chỉ còn tối đa từ một đến 3 ngày trước sự sụp đổ hoàn toàn về quân sự và trước khi phi trường Tân Sơn Nhất không còn sử dụng được nữa.”

Ông Kissinger mong muốn đích thân ông Martin phải rời khỏi Sài Gòn trên chuyến bay cuối cùng “chuyến 130 chót”. Ông Tổng Trưởng lo lắng cho số phận của các nhân viên tòa đại sứ Hoa Kỳ. Ông không phải là người thích giữ lại một sự hiện diện quan trọng dưới một chính phủ bị cộng sản thống trị. Các nhà ngoại giao và các nhân viên nào bị kẹt ở lại đều có thể “biến thành con tin”. Phải hết sức thận trọng :Tôi nghĩ là chúng ta không thể phí thì giờ khi mà Sài Gòn sắp rơi từ một thể chế trung lập vào tay của người cộng sản.... Đến lúc đó, chúng ta sẽ không còn một nghĩa vụ nào nữa hết, và chúng ta phải nhìn tất cả sự việc với một nhãn quan mới.”

Tôi hôm đó, cũng hơi khuya, có nhiều chiếc phi cơ vận tải C.130 chở đầy vũ khí đạn dược đáp xuống Tân Sơn Nhất. Trên đường về mỗi chiếc chở theo 180 hành khách, tất cả đều là dân tỵ nạn người Việt Nam.

Tại Băng Cốc ông Jim Eckes cùng đến với những người Mỹ khác, sau khi đã tránh không bay qua ngang không phận Cam Bốt. Ông sực nhớ tới tất cả những người Việt Nam, hằng trăm người, mà ông không thể giúp cho di tản được. Nhất là ông nhớ đến Tân Sơn Nhất là một trong những sân bay có nhiều hoạt động tích cực nhất trên thế giới, nhớ tới những công trường mà thợ thuyền còn đang làm việc cách đó vài phút trước cuộc tấn công của các phi công Bắc Việt, nhớ tới những dãy nhà và những công trình đang được xây, nhớ tới những cảnh sát viên, những nhân viên hải quan luôn tươi cười nhưng lãnh đạm, nhớ đến những hồ sơ đầy bụi, nhớ cái điện thoại và cả cuộc đời mấy tháng dài sống ở đó,,,

Cũng giống như hằng ngàn, hằng trăm ngàn người Mỹ khác, cả dân sự và quân sự đã từng đến ở Việt Nam, ông Jim Eckes tự hỏi bây giờ làm thế nào để ông có thể đưa đi một người bạn này hay một người bạn Việt Nam khác, những người đã không kịp trốn đi khỏi đất nước Việt Nam ?

Chương 21 Ngày 29/4: Hãy Tắt Hết Đèn

Ngày 29 tháng 4 1975

Vào lúc 4 giờ chiều, pháo binh Bắc Việt càng bắn càng chính xác, tác xạ tập trung phần lớn vào các đường bay của phi trường Tân Sơn Nhất, Bộ Tổng Tham Mưu Miền Nam Việt Nam và Bộ Tư Lệnh Hải Quân. Ở phi trường thì các kho xăng kho đạn, xe vận tải, xe nhỏ quân sự hay dân sự bị trúng đạn đang bốc cháy khắp nơi. Bộ binh Bắc Việt không thể ở quá xa vì các quả đạn bách kích pháo và những hỏa tiễn phát nổ với ngọn lửa còn đỏ, và xanh lục. Có hai Thủy Quân Lục Chiến là Charlie McMahon và Darwin Judge bị tử thương ở vòng đai phòng thủ. Tướng Homer Smith và những sĩ quan cao cấp Hoa Kỳ bị hất tung lên khỏi giường ngủ. Có một số người trong số 1500 người Việt tỵ nạn đang ở trong nhà thể thao, đã bị thương. Một chiếc vận tải cơ C.130 bị trúng đạn khi vừa đáp xuống sân bay.

Trời sáng dần... Các phi công của những phi cơ F.5 và A.37 cuối cùng cất cánh lên được và bay đi luôn không trở lại. Các phi công này giống như những phi công còn muốn chiến đấu đều không điều động được phi cơ vì vướng hăng trăm binh sĩ Miền Nam đang nằm rải rác khắp các đường bay. Nhân viên của trạm kiểm soát không lưu không thể làm việc được. Một phi công của chiếc AC.119 đặc biệt bướng bỉnh vì không đúng nhiệm vụ mà cứ cất cánh bay lên đánh vào các vị trí cộng sản mà anh thấy rõ chung quanh Sài Gòn, trở lại lấy thêm bom đạn, bay lên nữa, và đến 6 giờ 46 thì anh bị một hỏa tiễn SA.7 bắn rơi.

Đại tá Không Quân Hoa Kỳ John Madison, một trong những sĩ quan trong Ban Giám Sát Hiệp Định Ba Lê đã gọi một điện tín cho phái đoàn quân sự cộng sản ở trại Davis đang ẩn núp dưới hầm trú ẩn. Đại tá phản kháng về cuộc bắn phá phi trường, mà ông mô tả như là một vi phạm đến quyền miễn trừ ngoại giao của các thành viên Ủy Hội Quốc Tế và các phái đoàn quân sự 2 Bên và 4 Bên. Các đại diện của hai phái đoàn Bắc Việt và CPLTCHMN ở trại Davis đã trả lời mỉa mai và ngọt ngào rằng họ không biết chuyện gì đã xảy ra. Ngoài ra, họ đã thấy không cần phải báo trước cho hai phái đoàn Ba Lan và Hung gia Lợi ở Tân Sơn Nhất nên những người này phải hỏi tin tức với người Mỹ. Những người Hung gia Lợi đã liên lạc với ông Polgar vốn đã đến phòng hành quân của tòa đại sứ trong đêm. Tại đây các thành viên của CIA rất lo sợ cho số phận của các cộng sự viên người Việt Nam của mình.

Tác xạ của đại pháo 30 ly được các quan sát viên Bắc Việt điều chỉnh, đều rơi vào khoảng 4 cây số ở hướng Bắc của phi trường. Đối với tướng Văn tiến Dũng và ông Lê đức Thọ, tình hình rất là tế nhị. Một mặt, phải để cho người Mỹ ra đi, do đó không nên làm trở ngại cho các cuộc hành quân di tản. Mặt khác, cả hai người cộng sản có trách nhiệm, theo chỉ thị của Hà Nội, đều muốn giữ áp lực để người Mỹ ở Sài Gòn cũng như ở Hoa Thạnh Đốn đều phải hiểu rằng “không bao giờ có chuyện thương thuyết”. Bộ đội Bắc Việt nhận được lệnh không được đụng đến phi cơ và trực thăng của Hoa Kỳ, trừ trường hợp bị họ tấn công. Ngoại lệ có một vài trường hợp, còn thì bộ đội thi hành lệnh đứng đần. Tướng Dũng có thể luôn luôn sợ một sự can thiệp của Không Lực Mỹ từ Thái Lan. Trong giai đoạn này, nếu có nhiều người Mỹ bị thương hay tử thương thì có thể bắt buộc Ngũ Giác Đài phải can thiệp ồ ạt. Các nhà lãnh đạo Bắc Việt không ý thức được là quyền hành quân sự ở Hoa Kỳ phải tùy thuộc vào quyền uy dân sự đến mức độ nào. Song song đó, người Mỹ cứ mãi đi tìm hiểu những phe phái hay rạn nứt trong ban lãnh đạo Hà Nội mà vẫn không bao giờ thấy được sự đồng tâm nhất trí giữa hai cánh quân sự và chánh trị trong thủ đô Bắc Việt.

Tướng Nguyễn cao Kỳ lái chiếc trực thăng của ông ta lên, bay chung quanh Sài Gòn, ông thấy một pháo đội Bắc Việt đang tác xạ, mỗi phút một phát. Ông bắt liên lạc được với một đội Skyriders đang bay từ Cần Thơ về:

– “*Đây Nguyễn cao Kỳ đây, phải tiêu diệt các pháo đội địch này.*”

– *Nhận rõ, nhưng tôi chỉ còn có một quả bom, sĩ quan chỉ huy trả lời.*

Đúng là giờ đã điểm, đối với những chiến trận danh dự không đáng kể !

5 giờ 45 giờ Sài Gòn:

Ông Martin đến tòa đại sứ . Lệnh cuối cùng của Tư Lệnh Không Quân Miền Nam Việt Nam :Tất cả các phi cơ còn trong tình trạng khiển dụng đều phải rời khỏi lãnh thổ Miền Nam Việt Nam .

6 giờ, giờ Sài Gòn (5 giờ, giờ Hà Nội):

Tại Bộ Tư Lệnh ở Bến Cát, cách thủ đô Sài Gòn 40 cây số về hướng Bắc, tướng Dũng nhận được một công điện của Chánh trị Bộ, khen ngợi bộ đội của ông ta về sự tiến quân trong những ngày cuối cùng vừa qua. Chánh trị Bộ ra lệnh : *tiến nhanh để “chiếm lấy sào huyệt cuối cùng của địch”*

Có rất nhiều công điện và điện thoại tiếp nối nhau giữa Nhà Trắng, Bộ Ngoại Giao, Ngũ Giác Đài (Bộ Quốc Phòng) ở Hoa Thạnh Đốn, Bộ Tư Lệnh Á Châu Thái bình Dương ở Honolulu, tòa đại sứ và các cơ quan trực thuộc của Phòng Tùy Viên Quân Lực ở Sài Gòn . Các sự việc còn đi nhanh hơn là công điện. Một bức điện tín của Bộ Ngoại Giao xác định rõ:

” Kiểm thính truyền tin được giữa các cấp chỉ huy Bắc Việt nói rõ tấn công ba mặt vào Sài Gòn , ngày giờ không rõ. Với khả năng chủ động của các đơn vị, nếu có cơ may xảy đến.”

Các tin tức này đã được Cơ Quan An Ninh Quốc Gia Hoa Kỳ phối kiểm. Một xác định khác :*Bắc Việt dự trù phải chiếm Sài Gòn cho ngày sinh nhật của Hồ chí Minh, 19 tháng 5 “với khả năng bắt đầu tấn công vào những ngày cuối của tháng 4.”* Hôm qua, kiểm thính cũng xác định là *sự đoàn 7 Bắc Việt có nhiệm vụ phải chiếm lấy đài truyền hình Sài Gòn.*

7 giờ, giờ Sài Gòn (19 giờ, giờ Hoa Thạnh Đốn):

Hội đồng An Ninh Quốc gia Hoa Kỳ nhóm họp, dưới quyền chủ tọa của Tổng Thống Ford , với sự hiện diện của ông Henry Kissinger (Ngoại Giao), ông Janes Schlesinger (Quốc Phòng) và các phụ tá của họ, Chủ Tịch các Tham Muu liên Quân, tướng George Browne, và ông William Colby, Giám đốc CIA. Ông Colby xác nhận là trong 3 ngày nay không có một hy vọng nào để quân binh lại tình hình quân sự . Cuối cùng giờ này mọi người đều đồng ý. Nhưng mà sẽ ra lệnh gì cho Sài Gòn đây ? Ông Kissinger lưỡng lự. Theo ông ta thì trong giờ phút này là phải tiếp tục di tản người Mỹ và người Việt Nam bằng phi cơ. Ông Schlesinger và tướng Browne ước tính là phải cấp bách di tản bằng trực thăng. Tướng Browne đề nghị dùng phi cơ sẵn giặc hộ tống các vận tải cơ C.130. Ông Kissinger chống lại việc này vì cho là Bắc Việt có thể hiểu lầm.

Và còn nhân viên của tòa đại sứ thì sao ? Phải đưa họ đi với tốc độ 150 người trong ngày, trong đó có 1/3 nhân viên và viên chức của cơ quan CIA. Ông Frank Snepp biết rằng ông ta phải là người đi sau cùng.

Từ Honolulu, Đô Đốc Noel Gayler vốn biết rõ tính tự ái của ông Martin nên đã có điện tín như sau :

– ” Tôi đề nghị là ông nên quyết định di tản bây giờ tất cả nhân viên người Mỹ, trừ các thành viên nào mà ông muốn giữ lại thường trực tại tòa đại sứ với ông ... ” .

Tướng Homer Smith thì được phép của Đô Đốc Gayler đi theo các phi cơ của người Việt Nam và người Mỹ. Bằng mọi giá, ông không muốn các tướng lĩnh hay sĩ quan cao cấp Hoa Kỳ bị rơi vào tay của cộng sản . Ông ra lệnh cho họ phải rời ngay Sài Gòn . Ông nhấn mạnh là tình hình quân sự rất là nghiêm trọng. Ông đã đọc được các điện tín của ông Polgar liên quan đến khả năng của một cuộc dàn xếp chính trị : “*Các tin tức mà tôi đã có hoàn toàn không phù hợp với quan điểm sáng khoái của ông Polgar*”

Về ông Polgar, Đô Đốc dùng một từ ngữ cũ kỹ và khinh khỉnh hết sức thanh lịch : “*Tôi có cảm tưởng là ông ta không thực tế*”, ông ta không thực sự ở trong sự kiện, hoàn toàn không phải là người trong cuộc. Theo tin tức của Đô Đốc thì các anh bộ đội Bắc Việt đã ở cách phi trường Tân Sơn Nhất không đến 2 cây số. Họ xử dụng hỏa tiễn của họ rất có hiệu quả. “*Họ đã bắn hạ 3 chiếc phi cơ trong hai giờ sau cùng.*”

Pháo binh Bắc Việt tiếp tục bắn vào vùng phi trường.

Một sứ giả của Tổng Thống Dương văn Minh trao một bức thư cho tòa đại sứ Hoa Kỳ :

- ” *Thưa ông Đại sứ thân mến,*

Tôi kính cần yêu cầu ông ra lệnh cho các nhân viên văn phòng của tướng Smith phải rời khỏi Việt Nam trong vòng 24 tiếng đồng hồ bắt đầu từ ngày 29 tháng 4 1975 để cho vấn đề hòa bình ở Việt Nam có

thể được giải quyết nhanh chóng.”

Ông Martin đang đau vì những dị chứng viêm phế quản. Với một giọng khàn khàn ông đọc cho thư ký một bức công hàm trả lời:

– ” *Thưa Tổng Thống thân mến,*

Tôi đã nhận được thư của Ngài và xin báo cho Ngài rõ là tôi đã cho lệnh theo đúng công hàm vừa qua của Ngài “

Các tin tức từ Tân Sơn Nhất cho biết là đầu đó đã có một vài quân nhân Miền Nam Việt Nam bắn bừa bãi vào người Mỹ. Do đó ông Martin cho viết thêm :

– ” *Tôi tin là Ngài đã cho lệnh quân lực của Chánh Phủ bằng mọi cách sẽ hợp tác để cho sự ra đi của nhân viên của phòng Tùy Viên quân sự được dễ dàng, và hoàn toàn được an ninh*

Tôi cũng hy vọng là Ngài sẽ can thiệp với “phía bên kia” để giúp cho vị Tùy Viên Quân sự và cho nhân viên của ông ta được ra đi trong trật tự và an toàn tuyệt đối.

Kính chúc Ngài,

Graham Martin, Đại sứ Hoa Kỳ

Ngay sau khi được biết tin này, có nhiều người xác nhận là việc này là một cuộc dàn xếp lòng vòng giữa hai ông Dương văn Minh và Martin : tức là do tòa đại sứ yêu cầu ông Minh.

Ông Marton ra lệnh cho tướng Homer Smith có những biện pháp để di tản tất cả nhân viên của ông ta. Đây là lần đầu tiên mà tướng Smith nhận một lệnh tương tự từ hai cấp chỉ huy thuộc hai hệ thống quân giai của mình, Đại sứ Martin và Đô Đốc Gayler. Như vậy là chỉ có Thủy Quân Lục Chiến còn ở phi trường với nhiệm vụ bảo vệ an ninh cho cuộc hành quân di tản mà thôi. Ông Martin khẩn cầu ông Kissinger cho ông được ở lại Sài Gòn “ít nhất trong một hai ngày để cho sự ra đi của chúng ta có một phẩm cách nào đó. “Ông đại sứ giữ lại hai trực thăng của Hãng không Air America để có thể đi nhanh, khi cần thiết. Sau đó tòa đại sứ Pháp sẽ là người đại diện cho quyền lợi của Hoa Kỳ. Ông Martin thích có được một sự “chuẩn y nhanh chóng”.

Trong yêu cầu của ông Dương văn Minh, ông Martin đã thấy được một lợi thế chánh trị-ngoại giao: người ta loan báo sự triệt thoái của người Mỹ” theo thỉnh cầu của dân chúng Miền Nam Việt Nam” Do vậy ông tin rằng, cuộc hành quân di tản sẽ không tạo ra một sự hoảng loạn.

Ông Kissinger nhờ phụ tá đặc biệt của Bộ Ngoại giao, ông Lawrence Egleburger, nghiên cứu tình hình. Ông này thảo ra một báo cáo không có nhịp nhàng. Nếu người ta để nhân viên ngoại giao Hoa Kỳ ở lại Sài Gòn thì dù muốn dù không cũng có vẻ như là chúng ta nhìn nhận Chánh Phủ tương lai ở đó. Và vì thế ông Kissinger quyết định ngay: đóng cửa tòa đại sứ.

8 giờ 30, giờ Sài Gòn:

Ông Martin họp tất cả các cộng sự viên chính lại, trong đó có ông Wolfgang Lehmann, Thomas Polgar, Alan Carter, và đại tá George Jacobson, một phụ tá của tòa đại sứ.

Ông Polgar nghĩ rằng trên kế hoạch chánh trị chưa có gì mất mát hết. Ông nói với ông Snepp là cuộc dội bom ở phi trường là một “chỉ dấu quan trọng” thuận lợi. Một vài viên chức của cơ quan CIA cũng như ông Snepp đều nghĩ rằng “một chỉ dấu vừa quan trọng vừa có ý nghĩa là một viên đạn bắn vào đầu”

Người ta xem xét tình hình nhất là trên phương diện quân sự. Hôm qua, người ta du trừ là ngày hôm nay phải di tản được 10 ngàn người với trên 50 chuyến bay của vận tải cơ C.130. Làm sao thực hiện đây?

Pháo binh Bắc Việt đã giảm tác xạ trên phi trường. Người ta thấy có thể tiếp tục các chuyến bay được. Các viên chức Hoa Kỳ đã khám phá ra là người ta còn khiên dụng được một số xà lan có máy đang đậu ở bến cảng Sài Gòn, nhất là ở Tân Cảng.

Từ Tân Sơn Nhất, ông Homer Smith cho biết là bắt đầu từ giờ này các phi đạo không còn xử dụng được nữa cho các loại phi cơ cánh quạt, hay phản lực. Do đó ông ta đã cho nhiều đoàn xe buýt và trực thăng đi gom người Mỹ đến phi trường, và tập trung người tỵ nạn Việt Nam ở nhiều điểm khác nhau. Ông Martin không chấp nhận những lời giải thích của người Tùy viên quân sự của mình. Các anh quân nhân hiện dịch này lúc nào cũng bi quan! Đầu có phải đây là lần đầu tiên mà người ta đáp xuống hay cất cánh lên dưới lằn đạn của pháo binh hay của bách kích pháo? Do đó ông Martin quyết tâm đi xem lại các đường bay. Ông xin một chiếc trực thăng của CIA. Không có chiếc nào khiên dụng được cả, vì vào giờ này tất cả trực thăng của Air America đều bận chuyên chở nhân viên CIA từ Cần Thơ đến các chiến hạm đang bỏ neo ngoài biển. Tại Tân Sơn Nhất các trực thăng không dự vào cuộc di tản trong thành phố đều bị trúng đạn pháo của Bắc Việt. Ông Polgar thú thật:

– Chúng tôi không còn chiếc trực thăng nào, thưa Đại sứ.

Ông Martin lạnh lùng nhìn ông Polgar:

– “VẬY là tôi sẽ đi ra phi trường bằng đường bộ. Nó có thể cho tôi thở được một ít không khí của thành phố. Nhờ gọi giùm tài xế và chiếc xe của tôi.

Đại tá Jacobson can thiệp vào :

– “Thưa Đại sứ, rất là nguy hiểm. Theo một vài nguồn tin thì có vài đơn vị cộng sản đã đột nhập được vào Sài Gòn.

Chiếc xe Chevrolet (có chấn đạn) màu đen của Đại sứ đã sẵn sàng. Ngay như những người không thích ông Martin, những người đã biết ông là người có trách nhiệm đối với những người trẻ nãi trong di chuyển, cũng phải tự nhủ :ông già này ngon thật !”

Chiếc Chevrolet chạy đi, không có mang cờ hiệu, có 2 chiếc xe hộ tống chở đầy Thủy Quân Lục Chiến súng cầm tay sẵn sàng nhả đạn. Xe phải ngừng lại ở bên ngoài Tân Sơn Nhất . Một ông đại sứ Hoa Kỳ mà cũng phải chờ đợi !. Các sĩ quan và hạ sĩ quan của Miền Nam xin lệnh thượng cấp bằng máy truyền tin cầm tay... Đoàn xe chạy qua.

Tướng Trần văn Minh, Tư Lệnh Không Quân và một bộ phận Tham Mưu Không Quân Miền Nam Việt Nam đang ở trong một căn nhà gạch. Gần 30 sĩ quan chạy đến tướng Homer Smith, súng lục cầm tay, yêu cầu được di tản. Trung tá Richard Mitchell, phó trưởng phòng Tùy viên quân lực đã giải giới họ một cách dễ dàng vì họ đã biết trung tá này từ lâu. Ông ta đã cho đi tản gia đình của họ trước đây cả mấy tuần rồi.

Ở Honolulu, Đô Đốc Gayler sốt ruột, điện thoại về Hoa Thạnh Đốn .

– “Sao đây ? các phản lực tiềm kích hộ tống đâu ? Có gọi tới hay không ?

Tướng Browne Chủ Tịch các ban Tham Mưu trả lời ngay :

– *Không có.*

9 giờ 30, giờ Sài Gòn :

Một nhóm sĩ quan thuộc cơ quan tình báo Việt Nam trong đó có đại tá William le Gro và đại tá Lê văn Hường, đã làm một bản tổng kết tình hình cho ông Martin. Phi trường ngổn ngang đầy xác phi cơ và xe tải. Một nhóm binh sĩ Miền Nam đang làm lộn xộn trên đó. Ông Martin nói với đại tá Hường:

– “Ông hãy điện thoại về Bộ Tổng Tham Mưu . Họ phải có biện pháp cần thiết để vẫn hồi trật tự cho phi trường.

Tại Bộ Tổng Tham Mưu lại không có ai trả lời. Ông Eric Von Marbod xuất hiện, mặc bộ đồ bay, súng liên thanh trên vai, một quân phục không bình thường cho một ông phụ tá của Tổng Trưởng Quốc Phòng . Ông Martin hỏi :

– ” Eric, anh có nhiều bạn bè ở Bộ Tư Lệnh Không Đoàn số 7 ở Thái Lan phải không ? Anh có thể xin cho vợ tôi một chiếc phi cơ hay không ?

Ông Eric nổi giận:

– ” Không còn có vấn đề phi cơ nữa đâu. Vả lại, nếu bây giờ mà phi cơ có đáp xuống được thì tất cả người Việt Nam trên phi trường sẽ ủa lại ngay .

Ông Martin đi vào văn phòng của tướng Smith. Dùng chiếc điện thoại đặc biệt, ông gọi Nhà Trắng, nói chuyện với ông Kissinger và với tướng Brent Scowcroft. Sau đó ông trở lại nói với tướng Smith:

– “Hoa Thạnh Đồn đã đồng ý. Nếu chúng ta có thể vẫn hồi trật tự ở phi trường và giải tỏa được các phi đạo, thì chúng ta tiếp tục cho di tản bằng phi cơ. Còn nếu không được thì cứ mặc kệ. Bây giờ, anh phải biết là mọi người ở Ngũ Giác Đài, ông Schlesinger, các Tham Mưu Trưởng và Bộ Tổng Tư Lệnh Lực lượng Á Châu Thái bình Dương đều sắp đòi hỏi chúng ta phải cho đi nhanh chóng những người Mỹ,

và bỏ lại những người Việt Nam . Chúng ta có nhiều người Việt Nam có độ nguy cơ khá cao, hàng ngàn

ở đây, chúng ta phải di tản họ tới đa, càng nhiều càng tốt..

Ngoài thành phố, các cuộc “bốc đi” bằng trực thăng không được trôi chảy lắm vì trực thăng phải tìm các địa điểm tập trung ở Sài Gòn . Các trực thăng lại không hoàn toàn sẵn sàng. Có 4 chiếc được phái cho lực lượng Dù Việt Nam . Còn lại 16 chiếc để làm con thoi thì bị trở ngại, vì các bãi đáp trên phi trường bị trúng bom đạn. Các xe buýt cũng bị trở ngại. Có nhiều chiếc không có tài xế, phải nằm bất khiển dụng tại ga ra của tòa đại sứ . Các chiếc khác thì di chuyển chậm trong thành phố để tìm các điểm tập trung.

Trên sân bay rộng lớn, cảnh sát và quân nhân Việt Nam nhìn vào sự hoạt động lằng xằng của trực thăng và các xe buýt vì tính tò mò hơn là cả khịa. Có một toán quân nhân đang sắp sửa lo phòng thủ phi trường. Viên hạ sĩ quan Lê văn Thường, 24 tuổi, da ngăm đen, thợ sửa chữa truyền tin từ 3 năm nay, đã không rời khỏi phi trường được từ ngày 1 tháng 4 đến bây giờ. Các sĩ quan của anh đã cho biết là anh ta sắp phải chiến đấu đến nơi. Người ta trao cho anh một khẩu súng lục 45 ly, và sau đó một súng trường M.16 và cuối cùng là một vũ khí chống chiến xa M.72. Các sĩ quan giải thích cho binh sĩ của họ là vòng đai phòng thủ đã được lực lượng Dù bố trí chung quanh phi trường. Hạ sĩ quan Thường chỉ canh gác thôi.

Ở tòa đại sứ Hoa Kỳ , các nhà ngoại giao và các nhân viên lo đốt hồ sơ sau khi đã cho vào máy nghiền, phá hủy các máy đánh chữ, các máy thu thanh,, các máy thu và phát thanh. Cơ quan CIA có những hồ sơ lưu trữ trong văn phòng của ông Snepp, trong phòng kiểm thính truyền tin, và trong một căn nhà tiền chế ở ngoài. Không có một người nào nghĩ tới phải có bản thứ hai cho những hồ sơ này, trong những nơi làm việc của sở tình báo Việt Nam, hay ở Bộ Tư Lệnh Cảnh sát Quốc gia .

Ông Snepp tiếp tục tìm kiếm tin tức mới đến và làm một bản phân tích. Một sự thật hiển nhiên : cộng sản có ý định phải chiếm Sài Gòn, và chiếm nhanh. Trong các sân của tòa đại sứ, có nhiều người Việt Nam đi lang thang quanh hồ tắm, thành từng nhóm. Trong số này có nhiều nhân vật có tiếng tăm, nhưng cũng có gia đình của họ, và một số gia nhân như tài xế, đầu bếp, vú em, và giữ trẻ...

Ông Martin đã ra lệnh cho tất cả các chủ nhiệm phòng sở phải trở về tòa đại sứ . Ông Alan Carter không muốn hay không dám trở lại sở Thông Tin Hoa Kỳ . Ở đó, các nhân viên người Việt của ông đang chờ đợi các danh sách di tản mà chúng vẫn không thấy tới. Bây giờ thì những người Việt đó không còn thì giờ để đi bộ xuống bến tàu, nơi có những chiếc xà-lan đang tách

bén, mà còn nhiều chỗ trống. Một không khí vô trật tự và quá tự do lạ lùng, bất lực và hèn nhát bao trùm khu này. Đây là sự hoảng loạn mà tòa đại sứ từng quá lo sợ trong mấy tuần nay.

Ông Martin có đường dây điện thoại trực tiếp với đồng nghiệp người Pháp của mình hoặc qua bức tường ngăn cách giữa hai tòa đại sứ. Ông gặp ông Mérillon. Ông này đang tiếp chuyện với ông Dương văn Minh. Ông Minh có đem tin gì tốt đến không đó ?

– “*Không có gì mới cả, ông Mérillon nói. Ông Minh đã thăm dò CPLTCHMN nhưng họ chưa có trả lời.*

Ông Martin hỏi ông Mérillon xem ông ta, trong cương vị đại sứ Hoa Kỳ, có thể đến gặp người của CPLTCHMN được không ?

– *Để tôi xem lại coi.*

Ông Martin định cho ông Mérillon hay gọi cho ông này một món quà : một ngôi miếu bằng sành của Tàu. nhưng hai người hình như không hiểu nhau lắm.

10 giờ, giờ Sài Gòn:

Đồng mỹ kim lên giá từ 4500 đồng đến 5000 đồng trong vòng 2 tiếng đồng hồ. Dân chúng ở thủ đô Sài Gòn đã nghe được ông Thủ Tướng Vũ văn Mẫu lên tiếng đòi hỏi tất cả những người Mỹ phải ra đi, như ông Dương văn Minh đã yêu cầu.

Sự hiện diện của Đại sứ Hoa Kỳ ngoài phi trường đã được báo cáo. Người ta tưởng rằng ông đã ra đi. Đám đông người chung quanh tòa đại sứ càng ngày càng đông thêm lên.

10 giờ 40:

Từ phi trường tướng Homer Smith điện thoại cho Đô Đốc Gayler ở Honolulu:

– “*Phi cơ không còn sử dụng các phi đạo ở phi trường được nữa.*

– *Việc này tôi đã tin chắc như vậy từ lâu rồi, Tôi sẽ gọi các trưởng ban Tham Mưu ở Ngũ Giác Đài để nói cho họ biết là phải qua “khả năng 4”* Đô Đốc Gayler trả lời.

Khả năng 4, đó là kế hoạch di tản bằng trực thăng

Một cuộc bàn cãi sôi nổi, phi lý và quá nghi thức đã diễn ra trên đường dây điện thoại trong Sài Gòn cũng như ở Thái bình Dương và Bắc Mỹ. Rất lễ độ, tướng Homer Smith cho ông Martin biết là mình được khuyên nên áp dụng “khả năng 4 “. Bây giờ ông đại sứ mới chịu tin là khó tránh được vì sự mất trật tự sẽ ngăn cản mọi công tác bốc người đúng phương pháp.

– “*Không phải Chủ Tịch các Ủy Ban Tham Mưu quyết định về “Khả năng 4”, ông Martin xác nhận.*

10 giờ 48, giờ Sài Gòn: (22 giờ 51, giờ Hoa Thạnh Đốn :

Lệnh phát ra từ ông Kissinger : “*thi hành kế hoạch Frequent Wind lúc 11 giờ 51”*

Ngoài khơi Việt Nam , trên chiến hạm Blue Ridge, đề đốc Donald Whitmire, chỉ huy trưởng “lực lượng đặc nhiệm 76” cũng có nhiều vấn đề . Người ta có cả thủy là 85 chiếc trực thăng. Người ta phải tiến hành các cuộc kiểm tra thường lệ và vì các trực thăng không cùng ở trên một chiến hạm, nên người ta phải đưa Thủy Quân Lục Chiến qua trực thăng hay đưa trực thăng qua cho Thủy Quân Lục Chiến. Rồi phải phối hợp giờ cất cánh cho trực thăng và giờ cất cánh của các phi cơ tiềm kích hộ tống từ Thái Lan cho được đồng bộ.

Lúc ông Tổng Trưởng Ngoại giao ra lệnh bước sang kế hoạch của “Khả Năng Bốn” vào hồi 11 giờ 51, thì ông nghĩ đó là giờ Sài Gòn . Các vị chỉ huy quân sự khác nhau, Bộ Tư Lệnh Thái bình Dương, Bộ Tư Lệnh của đô đốc Whitmire, của Không Lực ở Thái Lan, của Tùy viên Quân sự ở Tân Sơn Nhất , của tòa đại sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn ..v.v.. đều tự hỏi đó là giờ nào : giờ của Hoa Thạnh Đốn theo kinh tuyến Greenwich hay giờ Sài Gòn? Các câu hỏi, các lệnh, rồi phản lệnh, chạy suốt trên điện thoại, trên điện báo và trên hệ thống truyền tin các đài phát tin.

11 giờ 30, giờ Sài Gòn :

Đài phát thanh Hoa Kỳ như đã dự trù, chơi liên tục bản nhạc “*Tôi đang mơ về một Giáng Sinh trắng*”

Giám đốc đài truyền hình Việt Nam, đại tá Hòa, thấy tất cả các nhân viên người Mỹ của mình ra đi cùng với các chỉ huy nhiệm sở người Việt. Đại tá thì quyết định ở lại tại chỗ. Có một đại đội Dù đóng chung quanh đài truyền hình.

11 giờ 30:

Ông Polgar không tin là có một giải pháp chánh trị . Ông đã nhận được nhiều cú điện thoại tất có ý nghĩa, trong đó có một là của Tổng Thống Dương văn Minh:

– “*Tôi muốn yêu cầu Anh một ân huệ cuối cùng: di tản giùm một vài người thuộc gia đình tôi*”

– “*Rất đồng ý*”, Polgar trả lời.

Một cú điện thoại khác, của nhóm Hung gia Lợi thuộc Ủy Hội Kiểm soát Ngừng Bắn (CICS). Đã có rất nhiều tá người của họ bị kẹt ở phi trường Tân Sơn Nhất . Đạn pháo của Bắc Việt đã phá hỏng một số xe của họ. Một số xe khác đã bị binh sĩ Miền Nam đánh cắp. Còn lại một số thì lại không có xăng.

– “*Chúng tôi không có phương tiện chuyên chở. Chúng tôi muốn đi ra khách sạn ở Sài Gòn* , họ nói

Trong tòa đại sứ, người ta gặp nhan nhản các nhân vật người Việt. Cựu Cố vấn quân sự của Tổng Thống Thiệu, ông Đặng văn Quang, đang đi tới đi lui trên tầng thượng, trong chiếc áo mưa rộng thùng thình. Ông ngồi cách đại tá Toth của Hung gia Lợi chừng vài thước, vốn đến đây để yêu cầu di tản người của ông ta ở phi trường. Hoàng tử à ?, ông Polgar áp dụng một nguyên tắc: Người nào yêu cầu tôi giúp đỡ

thì đáng được giúp. Và sau đó, có qua có lại, người ta không bao giờ biết anh chàng Hung gia Lợi nào đó sẽ có gì hữu ích cho chúng tôi hay không trong một giờ, một tuần lễ hay một tháng nữa đây ? Còn ông Lehmann thì có tâm hồn ít nhạy cảm hay thấy xa hơn ông trưởng cơ quan CIA. Nhân vật số 2 của tòa đại sứ từ chối không can thiệp có lợi cho những người Ba Lan

cuối cùng vốn muốn được rời nhanh chóng khỏi Sài Gòn nên đến cầu cứu với ông. Ông Polgar tổ chức một đoàn 3 chiếc xe buýt đi bốc những người Ba Lan và Hung gia Lợi từ phi trường đưa họ về khách sạn Majestic ở thành phố.

Một phát súng ân huệ đối với ông Polgar : nhà báo Malcolm Browne, người chơi thân với các thành viên của CPLTCHMN ở trại Davis mà anh ta cứ điện thoại cách 2 hay 3 giờ một lần, đã cho ông chủ nhiệm cơ quan CIA biết là bọn Việt Cộng lần lần bớt đi sự “nhạy cảm”. Từ lịch sự, họ trở thành quạ quọ đến ừ ê. Đó cũng là ý nghĩ của 4 vị cố vấn do ông Dương văn Minh gọi tới trại Davis. Các đại diện của ông Dương văn Minh đề nghị với người của CPLTCHMN hai loại thương thảo. Một là vấn đề liên quan đến các bài toán quân sự, sẽ được giải quyết tại Sài Gòn . Hai là các bài toán về chánh trị nói chung sẽ được xem xét ở một cấp cao tại Ba Lê. Các đại diện của CPLTCHMN tránh né, tuyên bố một lần nữa là họ không có thẩm quyền để giải quyết các câu hỏi đó. Họ mời 4 vị khách uống trà và ăn chuối, còn nhấn mạnh là đây là chuối của họ đích thân trồng bên cạnh các dãy nhà.

Ông Snepp tức trực bên máy thu thanh, và kiểm thính được một lệnh của Bắc Việt mà hình như họ sẽ bắn vào dinh Độc Lập chiều nay, vào lúc 17 giờ, giờ Hà Nội , tức là 18 giờ giờ Sài Gòn . Hai trăm tràng ! Quá đủ để phá hủy tất cả ở trung tâm Sài Gòn , với các tòa đại sứ Hoa Kỳ và Pháp. Ông Snepp nhào tới ông Polgar:

– “Đưa cái này ngay cho ông Martin.”

Ông đại sứ chuyển ngay điện tín đó cho tướng Timmes để ông này điện thoại cho ông Dương văn Minh.. Liệu Tổng Thống có thể can thiệp với cộng sản để họ đừng có pháo vào Sài Gòn hay không ?

Về chuyện này, ông Kissinger điện thoại ngay cho ông Martin:

– “Ông phải di tản hết, hết tất cả. Đây là lệnh của đích thân Tổng Thống Ford, và phải di tản xong trước khi trời tối. “

Vị Tư lệnh phó của Hải Quân Việt Nam là đề đốc Diệp quang Thủy, đến gặp tướng Trần văn Minh Không Quân , không có điện ở các dãy nhà ở phi trường.

– “Chúng ta đi thôi, tướng Homer quyết định như thế.

Ông ta đang chuẩn bị lên trực thăng thì có một toán người ty nạn cuối cùng xuất hiện. Họ lên chiếc trực thăng của tướng Smith và ông tướng này phải chờ đi chuyến khác.

Người ta rất cần được tăng cường ở tòa đại sứ . Sẽ lấy những người của thiếu tá Melton. Một trung đội của trung úy Jay Roach, được trực thăng vận đến tòa đại sứ .

12 giờ, giờ Sài Gòn:

Chưa thấy bóng dáng một trực thăng nào của cuộc hành quân di tản.

Xe buýt Mỹ cứ chạy khắp thành phố để bốc khách di tản. Muốn có được sự cộng tác của cảnh sát và công chức ở phi trường, người ta đã hứa là sẽ di tản họ luôn cả với gia đình.. Các xe buýt đầu tiên thuộc kế hoạch “đêm Giáng Sinh trắng” chờ người ty nạn đến Tân Sơn Nhất hồi 12 giờ 10. Không khí ở phi trường còn quá căng thẳng hơn ở chung quanh các bến tàu vắng

người . Có một vài vị thuyền trưởng Việt Nam bán vé lên tàu với giá từ 4 đến 12 ngàn mỹ kim một người .

12 giờ 15 :

Tin tức quân sự hình như càng ngày càng xấu. Hai sĩ quan Bắc Việt, sư đoàn 70 và 968 đã đề bẹp sư đoàn 25 bộ binh ở gần Cũ Chi, chỉ cách Sài Gòn có 30 cây số về hướng Tây. Ba sư đoàn Bắc Việt , sư đoàn 3, 9 và 16 đã cô lập sư đoàn 22 bộ binh . Sư đoàn này giữ vững được vị trí nhưng không thể rút về thủ đô được . Chiến lược của tướng Dũng rất rõ ràng và linh động. Ông ta để các sư đoàn cầm chân bao quanh các đơn vị Miền Nam, nhưng dồn hết các sư đoàn khác tiến về Sài Gòn.

12 giờ 30

Ba mươi sáu (36) chiếc trực thăng vận tải loại lớn cất cánh từ chiến hạm Hancock, có trực thăng võ trang Cobra hộ tống.

Các trực thăng di tản này bay tới Sài Gòn làm 3 đợt, mỗi đợt 12 chiếc. Chúng bay ngang qua Biên Hòa ở hướng Đông Bắc. Mỗi đợt đều bay thành đội ngũ mỗi 3 chiếc hình chữ V . Các phi công được lệnh trước tiên là làm con thoi giữa hạm đội và phi trường để chuyên chở Thủy Quân Lục Chiến thuộc toán an ninh bảo vệ. Tướng Richard Carey, chỉ huy trưởng Thủy Quân Lục Chiến đã đồng ý với tướng Homer Smith là phải tranh thủ thời gian, Tất cả các trực thăng đều bốc người ty nạn trên đường về hạm đội. Từ 3 căn cứ Không Quân ở Thái Lan, các phi cơ tiêm kích Phantom chuẩn bị để nhập vào các đợt trực thăng trong một hành lang giữa Sài Gòn và hạm đội. Tất cả các chiến hạm của Hải Quân Hoa Kỳ đều nằm ở bên ngoài lãnh hải của Việt Nam , cách xa bờ biển 12 dặm. Cả một đại hạm đội được bố trí nằm thành vòng cung trên 160 cây số ngoài biển khơi.. Soái hạm neo ở cách bờ biển 17 dặm. Người ta chưa từng thấy một cuộc hành quân nào như thế từ sau trận triệt thoái khỏi Dunkerque vào năm 1940 ! 35 chiến hạm lớn có các tàu tiếp vận bao quanh với những tàu thám thính nhỏ. Có nhiều chiến hạm đã có mặt tại chỗ từ nhiều ngày trước, các tàu khác đến từ Okinawa (Nhật), từ Trân Châu cảng (Hawaii), và các chiếc khác nữa từ cảng San Diego (California, Hoa Kỳ)

Từ Bộ Tư Lệnh này đến Bộ Tư Lệnh khác, từ chiến hạm này đến các phi cơ hay trực thăng... hệ thống truyền tin hết sức dày đặc, các điện thoại và điện báo hoạt động không ngừng nghỉ. Đô đốc Whitmire, Tư Lệnh lực lượng đặc nhiệm có một danh hiệu truyền tin được mã hóa rất bình dân là *Jehovah*. Tại Tân Sơn Nhất danh hiệu của tướng Homer Smith là *Jacksonville Bravo*. Danh hiệu của Thủy Quân Lục Chiến chung quanh tướng Smith là *Baritone*. Danh hiệu của Không lực số 7 ở Thái Lan. là *Blue Chip* . Những nhân viên dân chính trong tòa đại sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn có danh hiệu bình dị là *Embassy*.

Có nhiều tàu chiến của Miền Nam như tàu vớt mìn, tàu tuần, thuyền võ trang... theo dòng sông Cửu Long đi ra biển nên thường làm nhiễu các làn sóng điện truyền tin,.

Một sự lộn xộn khác về giờ giấc : Các trực thăng do Thủy Quân Lục Chiến lái , muốn điều động họ thì phải dùng “giờ L” (giờ đáp). Đó là giờ mà chiếc trực thăng nào đó phải có mặt ở bãi đáp. Đối với Không Lực thì “giờ L” là giờ cất cánh .Công thức này đã được dùng trong cuộc di tản ở Phnom Penh. Người ta phải áp dụng một vài sự điều chỉnh cần thiết sau khi có một vài sự cãi vã.

Các phi công lái trực thăng gặp phải nhiều khó khăn bất ngờ. Người ta đã thông báo cho họ là thời tiết tốt, nhưng thời giờ làm hỏng hết. Từ 3 ngày qua, tầm nhìn xa bị thu ngắn lại. Người

ta đã dự kiến di tản ban ngày, nhưng thực tế thì lại phải bay đêm, do đó đòi hỏi phải lanh lẹ, đối với chiến cụ.

Ít nhất có 2 hành lang trên không phận Sài Gòn : hành lang Michigan cho chuyển bay đi, với độ cao 6500 bộ Anh, và hành lang Ohio cho chuyển bay về với độ cao 5,500 bộ Anh. Hai hành lang này đều được đánh dấu bằng cọc tiêu. Người ta đã báo là có rất nhiều đơn vị Bắc Việt võ trang với súng liên thanh cao xạ cực mạnh và hỏa tiễn tầm nhiệt SA.7 được bố trí dưới hai hành lang này. Các phi cơ tiêm kích Hoa Kỳ phải bảo vệ hành lang. Vào giờ chót, người ta mới nhận thấy là các trái “bom 200 cân Anh có tia la-dze hướng dẫn” vốn được các phi cơ bảo vệ này mang theo, thì rất là hữu hiệu đối với các pháo đội 130 ly, nhưng không hữu hiệu đối với các súng liên thanh và hỏa tiễn. Các loại bom 500 cân Anh cũng vậy, chỉ để phá các lô cốt mà thôi. Do đó tốt hơn hết là nên dùng trực thăng chiến đấu AH-1J để xử dụng các hỏa tiễn và các khẩu đại bác 20 ly và để đánh dấu mục tiêu bằng đạn chiếu sáng cho phi cơ A.37. Rất may mắn là tất cả các phi công của trực thăng võ trang Cobra đều cũng là những kiểm soát viên Không lưu rất lành nghề, điều này giúp cho họ trong nhiệm vụ tuần tiêu, và giúp hướng dẫn các trực thăng vận tải.

Các phi công trực thăng đã được báo trước : từ đêm qua có nhiều trực thăng của Miền Nam chở đầy cứng gia đình để dự trữ sẽ bay đến hạm đội ở ạt một các vô trật tự.. Một chiếc trực thăng vận tải Chinook CH.47 đã đáp xuống bãi đáp phía sau của soái hạm Blue Ridge. Phi công trực thăng này là trung úy Trương mã Quới, đã tuyên bố với một phóng viên của tờ báo Newsweek là anh Ron Moreau :

– ” Các tướng lãnh, đại tá, thiếu tá, đại úy đã ra đi hết rồi. Tôi nghĩ là đến lượt các trung úy như chúng tôi cũng phải làm như vậy thôi. “

Các trực thăng lượn vòng chung quanh hạm đội. Đôi khi, mặc cho người ta cho lệnh phải chờ, các phi công Việt Nam vẫn cứ đáp để cho những người tỵ nạn xuống. Người ta yêu cầu họ bay ra bỏ trực thăng ngoài biển. Có nhiều người không chịu thi hành. Có một số khác đã trở thành chuyên viên cho loại hành quân này. Họ đáp trực thăng xuống mặt biển, nhanh chân nhảy ra và leo lên tàu cấp cứu. Các phi hành đoàn người Mỹ vỗ tay tán thưởng các phi công Việt Nam đã bất thân trở thành vô địch về môn thao diễn này. Có 2 chiếc đâm vào nhau trên soái hạm Blue Ridge, chiếc thứ ba đáp hụt, cắm đầu luôn xuống sàn tàu.

Theo dự tính của những nhà soạn thảo kế hoạch thì hầu hết các người tỵ nạn phải được bốc đi từ phi trường Tân Sơn Nhất . Lần lần tướng Carey mới hiểu ra là cần phải giải tỏa ngay số người đang ở tòa đại sứ từ 1000 đến 2000 người . Trước đó người ta bảo đảm là con số này không quá 200 người . Chỉ cần có 3 hay 4 chiếc trực thăng nhẹ, loại UH.1E thuộc Hàng Không Air America cũng đã là quá đủ cho con số này rồi. Bây giờ người ta phải xử dụng đến trực thăng nặng loại CH.53 ở tòa đại sứ như là ở phi trường vậy. Và tướng Carey cũng còn phải tăng cường thêm toán Thủy Quân Lục Chiến phụ trách về an ninh ở tòa đại sứ

13 giờ 12 :

Tướng Không Quân Nguyễn cao Kỳ và trung tướng Lê quang Trường, vốn đã về được Sài Gòn sau khi Đà Nẵng thất thủ, đã đáp trực thăng xuống chiến hạm Midway. Ông Martin sau đó cũng đáp xuống chiến hạm Denver.

14 giờ:

Điện tín của ông Kissinger gửi cho ông Martin xác nhận trao đổi cuối cùng giữa hai người qua điện thoại :

- *“Chúng tôi đã nghiên cứu thỉnh cầu của ông nhằm giữ lại một toán nhỏ ở tòa đại sứ .*

Tổng Thống nhấn mạnh là phải di tản hết. Thân mến”

15 giờ:

Tại phi trường, Thủy Quân Lục Chiến bảo vệ cho 3 bãi đáp được chinh đôn rất hoàn chỉnh trên sân dã cầu, sân quần vợt và trên một bãi đậu xe trước dãy nhà phụ của Phòng Tùy viên Quân Lục. Có khoảng 3000 người dân tỵ nạn. Thủy Quân Lục Chiến đã chia họ ra từng toán rất có phương pháp, mỗi toán có từ 50 đến 70 người .

Thiếu tá William Melton đến phi trường với 3 trung đội của đại đội 3 tiểu đoàn 2 thuộc sư đoàn 4 Thủy Quân Lục Chiến và các trực thăng vận tải đầu tiên lúc 15 giờ 6 phút. Họ bay theo con sông Sài Gòn với cao độ 9000 bộ. Vì trên 10.000 bộ là người ta phải cần có dưỡng khí. Binh sĩ nhìn xuống dòng sông đều thấy có hàng trăm ghe , tàu, chiến thuyền... đang đổ về phía biển. Chiếc trực thăng đầu tiên bay đi với hành khách của mình. Các sự luân chuyển của trực thăng CH.46 và CH. 53 được tiến hành rất tốt. Người ta rất lo ngại về những tin tức từ tòa đại sứ . Để giữ an ninh cho tòa đại sứ, chỉ có một nhóm 44 Thủy Quân Lục Chiến mà thôi. Do đó tướng Carey mới quyết định rút ra ngay 130 binh sĩ từ nhân số 840 binh sĩ đang giữ an ninh tại phi trường

Thiếu tá William Melton, sĩ quan lên từ hàng binh sĩ, 38 tuổi, 5 con, trên tay có xăm hình một con bướm với đầu lâu, ở tiểu bang California, 20 năm thuộc binh chủng Thủy Quân Lục Chiến, là một trong những quân nhân Mỹ đầu tiên đã đổ bộ lên Đà Nẵng mười năm trước. Đối với ông, các chánh trị gia phải chịu trách nhiệm của cả “chuyện rối rắm này” Binh sĩ của ông nằm ở vị trí gần các dãy nhà thuộc văn phòng của tướng Homer Smith. Hầu hết họ là những người mới đặt chân lên Việt Nam lần đầu và cũng là lần chót. Họ là những người rất hoạt bát, rất có kỷ luật và dĩ nhiên cũng thông thường thôi là họ có vẻ sợ sệt. Thỉnh thoảng người ta nghe tiếng súng và tiếng nổ của đạn bách kích pháo. Lệnh rất là nghiêm: không được bắn trả lại, trừ trường hợp tối cần, bất khả kháng. Thiếu tá Melton nhìn những quân nhân và các người dân Việt Nam chạy đi chạy lại chung quanh châu vi thuộc vòng bố trí của binh sĩ. Ông Melton nghĩ : chúng ta đến đây chỉ với nhiệm vụ đóng hết cửa, tắt hết đèn, và trở về nhà. Và ông nói như vậy to lên cho các sĩ quan và binh sĩ của ông nghe. Ông nhìn lại hai lần ông đã đến Việt Nam năm 1965 và năm 1968 . Một đại tá Việt Nam đến gần ông, chào ông và trao cho ông khẩu súng lục 25 ly : và nói :

- *” Thiếu tá, đây là khẩu súng cá nhân của tôi.... Việc gì đã xảy ra ? Không thể được, đây là chuyện có thật ư ? Cách đây 20 năm, lúc còn là thiếu úy, tôi đã đánh nhau trong vùng ngoại ô Hà Nội .*

Phải trả lời cho ông ra sao đây ? ông đại tá này mặc đồ dân sự trước khi leo lên một chiếc trực thăng. Thiếu tá Melton nhìn cảnh binh sĩ của ông kiểm soát người tỵ nạn và hành lý của họ. Một nhóm các bà còn trẻ nói với ông:

- *Chúng tôi phải đi hay sao ?*

- *Náy chị có thân nhân ở Hoa Kỳ hay không ?*

– Tôi có một “bạn trai” ở Chicago, một bà còn trẻ nói

Ông Melton nghĩ không biết tại sao các bà lại đem chuyện đó ra hỏi ông ? Không còn nghi ngờ gì nữa, ở đây có nhiều người muốn chạy trốn mà không thể ra đi như thế này được, nhưng trong số những người phải ở lại tại chỗ, có một số lớn phải đến với chúng tôi .

Việt Nam , Nước Việt Nam của ông , đã trở lại với ông với hàng tá kỷ niệm. Ông Melton không bao giờ có ý thù ghét những người Bắc Việt đang tràn đến Sài Gòn . Địch quân ? bộ đội ? Đối với ông, bọn Việt Cộng thì khác hẳn. Chung quanh Đà Nẵng các binh sĩ Thủy Quân Lục Chiến cứ đập vào lựu đạn do Việt Cộng gài bẫy. Người ta cứ đập bẫy mà người ta không làm gì được hết vì người ta không thấy đâu là địch.. Còn bộ đội Bắc Việt , trên một nghĩa nào đó hay nói cho đủ nghĩa , họ là Quân đội chính quy hơn. Cũng là binh sĩ như chúng ta . Cùng có những chuyện chung giống như chúng ta . Cả chúng ta và họ đều xa nhà. Còn Việt Cộng thì có đôi khi họ chỉ ở cách làng của họ chừng 100 thước thôi. Thủy Quân Lục Chiến cũng như các bộ đội Bắc Việt đã từng sống trong đất sinh, các ruộng lầy lội vì nước mưa, với đàn kiến đen và đĩa. Ông Melton đã bắt được một tù binh là sĩ quan Bắc Việt bị thương, và ông đã bắt tay tù binh này. Chung quanh họ là binh sĩ Việt Nam đều tỏ ra công phẫn. Tại sao ? người sĩ quan Bắc Việt này đã chiến đấu tốt, ông Melton không có gì tiếc rẻ về cái bắt tay của mình. Cũng như đã được đưa qua Việt Nam nhiều lần. Cũng như phải triệt thoái về nước . Ông chỉ biết làm công việc của mình và chung quanh ông, các người lính trẻ đã xoay sở tốt lắm.

Với một số Thủy Quân Lục Chiến ông Martin đi về tư thất của mình, lấy một vài hồ sơ ra từ tủ sắt. Thủy Quân Lục Chiến đốt các hồ sơ này bằng một trái lựu đạn lửa. Ông Martin trở lại tòa đại sứ , đi bộ qua tòa đại sứ Pháp. Ông Mérillon nói với ông ta là CPLTCHMN không muốn gặp ông.

Tướng Timmes đến gặp ông Dương văn Minh và ông ta luôn có cảm tưởng là ông Tổng Thống tin là có thể bàn cãi, thương thảo với những người cộng sản . Tuy nhiên vào giờ này ông ta đã mất hết ảo tưởng đó rồi. Cho đến cuối cùng, lịch sử của chiến tranh thứ hai của Việt Nam tựu trung chỉ là một sự chất chứa toàn là những chuyện hiểu lầm và những chuyện đau đầu

15 giờ 30:

Đề di tản những người Mỹ và những người Việt Nam còn trong vòng rào của tòa đại sứ , ông Martin quyết định người ta sẽ ra đi theo một nguyên tắc giản dị :

– Ai tới trước thì được đi trước .

Tướng Carey nhận thấy là phương tiện di tản cũng như an ninh không được đầy đủ. Ông hiện có một bãi đáp trên sân thượng, một bãi khác trên bãi đậu xe vốn đã được dọn trống. Nếu số người quá đông ở trước cổng tòa đại sứ mà vào được bên trong, thì công tác di tản sẽ bị lộn xộn ngay. Cũng như người ta đã nói một cách lễ độ trong báo cáo quân sự là ” các thông số đã thay đổi”. Các trục thăng sẽ tiếp tục làm con thoi trong đêm. Và đáp trên nóc của tòa đại sứ là có nhiều nguy hiểm. Có cả ba người , ông Wolfgang Lehmann, đại tá John Madison thuộc Ban Liên Hợp Quân sự 4 Bên, và một mục sư, ông Thomas Steddins, đang lọc và gom các người tỵ nạn lại gần bãi đậu xe và hồ bơi. Trong các dãy nhà thì các người tỵ nạn, các nhà ngoại giao, các nhà báo.. cũng không chịu ngồi yên.

Một vài viên chức uống rượu mạnh như wuyt-ky và cỏ nhác, có một số lấy ra từ tủ lạnh ... y tế.. Các nhà ngoại giao Ba Tư thuộc Ủy Hội Giám Sát đến bằng cách đi băng qua tòa đại sứ Pháp. Họ không còn nhớ số mật mã của họ nữa.

Điện thoại reo khắp nơi trong các tầng lầu. Lại có nhiều tin đồn được tung ra: các đoàn xe buýt đã bị tấn công trong thành phố; còn quá nhiều chỗ trống trong các xà-lan và các tàu trên bến cảng. Lúc 16 giờ, có từ năm đến sáu ngàn người tỵ nạn bao vây tòa đại sứ. Họ đứng đờn cứng khoảng 30 thước bề ngang, sát từ hàng rào với những bao bị, những va ly, và những gói hàng ít nhiều được cột lại cẩn thận. Trong đám quạ đông này, nhà văn Duyên Anh và gia đình ông ta đến từ sở Thông Tin Hoa Kỳ. Ông ta nhìn đồng bào đang hốt hoảng của mình, nhận biết được các tướng lãnh, nghị sĩ và dân biểu, thấy các binh sĩ Thủy Quân Lục Chiến Mỹ xô đẩy những người tỵ nạn đang muốn leo qua rào, có đôi khi họ phải đánh nữa. Người ta cũng thấy có cả những người Nhật và Đại Hàn.. Nếu là người da trắng thì họ có thể được người ta đưa cao để qua khỏi rào. Các cảnh sát viên Việt Nam thuộc quận cảnh sát kế cận cũng leo rào vô khuôn viên. Đã nhiều ngày qua, người ta đã thỏa thuận với nhau rằng; các cảnh sát viên phải duy trì trật tự và rồi họ sẽ được di tản. Người Mỹ có mặt ở đây đều biết rằng dù thế nào thì họ cũng sẽ ra đi. Ngoài đường các bạn trẻ ngồi trên mô tô hay xe xi cút tơ nhìn cảnh trực thăng bay lượn (nhảy múa) trên không. Đôi khi cũng có một người Việt Nam cũng tìm cách vào được trong tòa đại sứ. Thường thì cha mẹ vợ con của anh chàng này còn ở ngoài. Người này kêu, người kia khóc van xin các anh Thủy Quân Lục Chiến và các viên chức Mỹ để cho họ vào theo.

Khoảng vài chục ngàn người Việt đã được di tản. Nhiều người khác cũng sẽ tự nguyện ra đi nhưng họ không thể nghĩ tới chuyện đó. Họ còn phải lo chuyên chú vào việc làm. Trong nhiều khu, trẻ em vẫn tiếp tục chơi trên vỉa hè, ngoài đường, còn có mấy cụ già ngồi tán gẫu.

16 giờ 30:

Những người có trách nhiệm trong cơ quan CIA chợt thấy là 250 nhân viên người Việt của họ bị bỏ quên trong một trung tâm tiếp vận ở xa, và khoảng 100 ở khách sạn Đức. Bảy chục thông dịch viên không thể nào tới tòa đại sứ được. Một số trực thăng của hãng Air America không thể bay lên được vì bình điện của trực thăng bị mất cấp, Người ta cũng không tìm được xe buýt nữa. Do đó, các thông dịch viên và gia đình họ không có phương tiện và cũng không còn có thì giờ để đến bến cảng được.

Ở về hướng Đông Bắc của Sài Gòn, bộ đội Bắc Việt bắn một số hỏa tiễn tầm nhiệt SA.7 lên các phi cơ Phantom của Hoa Kỳ. Các phi cơ này có bắn trả lại bằng hỏa tiễn.

Nói chung thì bộ đội Bắc Việt vẫn tiếp tục tuân lệnh của tướng Văn tiến Dũng – không được đụng tới các phi cơ Hoa Kỳ.

17 giờ 15

Lúc này trời đã bắt đầu tối. Tướng Homer Smith ở phi trường và tướng Carey ở Bộ Tư Lệnh Thủy Quân Lục Chiến ngoài biển, cùng xem xét lại tình hình. Còn chừng 1300 người phải di tản từ Tân Sơn Nhất. Người ta cần phải có 3 tiếng đồng hồ để đưa ra hết số người này, kể cả các toán Thủy Quân Lục Chiến đang giữ an ninh. Trong vòng có một giờ, giá một mỹ kim từ 6000 đồng vọt lên đến 7.000 đồng.

Tại tòa đại sứ công việc quá lờ mờ. Ông Martin đã trả lời cho đề đốc Whitmire về con số chính xác như sau:

– ” Còn đến từ 1.500 tới 2000 người “

Tướng Timmes lại điện thoại cho Tổng Thống Dương văn Minh:

– ” Cộng sản đã có trả lời gì cho Ngài chưa ? Liệu họ có sẵn sàng ngưng không bắn vào dinh Độc Lập lúc 18 giờ hay không ?? Không có câu trả lời nào.

17 giờ 30:

Tổng Thống Dương văn Minh lại gọi một phái đoàn đến trại Davis , luật sư Trần ngọc Liễn, giáo sư Châu tâm Luân và linh mục Chân Tín, một người tranh đấu cho trung lập, thuộc Dòng Chúa Cứu Thế. Sau buổi gặp phái đoàn này, người của CPLTCHMN gọi một bức điện cho Bộ Tư Lệnh Bắc Việt:

– “Đồng chí Võ đông Giang đã tiếp những người này. Một lần nữa đại tá đã nói rõ những điểm trong bản tuyên bố của chúng tôi ngày 26 tháng 4, nghĩa là : xoá bỏ hoàn toàn chính phủ Sài Gòn . Sau cuộc nói chuyện họ đã xin phép rời trại Davis. Nhưng khi chúng tôi đã nói với họ là pháo binh chúng tôi bắn vào Tân Sơn Nhất thì họ lại muốn tốt hơn là sẽ ở lại đêm với chúng tôi, họ đồng ý như vậy.”

Chung quanh các dãy nhà của tướng Smith ở phi trường, một số binh sĩ Miền Nam bắn súng. Thủy Quân Lục Chiến bắn trả lại ngay. Có một số đột nhập vào phạm vi trách nhiệm của Thủy Quân Lục Chiến đang giữ an ninh an ninh, làm cản trở sự di tản. Họ bị đuổi ra ngay.

Cũng vào lúc đó ở trước tòa đại sứ Hoa Kỳ có các đám cháy bùng lên. Người ta tin là một trái đạn pháo binh đã rơi trên đường. Sự thật là có một người Việt Nam nào đó đã vắt một cây diêm quẹt đang cháy vào bình xăng của một chiếc Wolkswagen làm cho xe phát nổ.

Cạnh văn phòng của tướng Smith ở phi trường, có những công chức Hoa Kỳ đang đốt hàng bó người triệu mỹ kim.

Làn sóng người tỵ nạn tiếp tục tràn vào sát tường của tòa đại sứ . Có nhiều người Mỹ khóc, trong số đó ông Polgar . Ông không tìm thấy người Út, người tài xế của ông ở đâu. Các trực thăng của hãng Air America đã chở được hàng ngàn người trong ngày trong gần cả trăm chuyến bay. Các quân nhân Hoa Kỳ nhận thấy là càng ngày càng có nhiều người tỵ nạn phải bốc đi từ tòa đại sứ .

19 giờ:

Tại Bộ Tư Lệnh Hải Quân trên bờ sông Sài Gòn, Đô Đốc Cang canh chừng cho các tàu chiến của mình tuần tự ra đi. Ông nhận được điện thoại từ Tổng Thống Phủ. Người ta muốn gặp đề đốc Than mưu trưởng Hải Quân ở nhà ông Dương văn Minh. Ông Minh yêu cầu hộ tống đại tá Nguyễn hồng Đài, rể của ông, và tướng Mai hữu Xuân, người đã có công trong việc đảo chánh ông Diệm năm 1963.

– *Phần tôi, tôi không thể đi được , ông Tổng Thống thở dài....*

Tại Tổng Thống Phủ, ông Dương văn Minh cứ ngồi chờ mãi tin tức của phái đoàn mà ông đã gọi sang để gặp CPLTCHMN. Các cố vấn của ông và nhất là Thủ Tướng của ông khuyên ông nên ra một bản tuyên bố đơn phương. Phải đầu hàng vô điều kiện mà thôi. Ông Minh từ chối. Chuyện đó sẽ không đi đến đâu cả, trên phương diện tinh thần, quân sự lẫn chánh trị . Đó là tự mình cho người ta thấy chỗ yếu của mình.

Rại tòa đại sứ Mỹ, các trực thăng được các đèn pha xe hơi rọi sáng, đã bốc đi mỗi chuyến khoảng từ 60 đến 80 người tỵ nạn. Trong công tác chuyển vận, người Việt Nam xếp thành hàng

từ các cầu thang lên cho đến tận sân thượng. Máy điều hòa không khí không còn hoạt động nữa nên nóng nực kinh khủng và có một mùi hôi nước tiểu và giấy tờ bị đốt. Các Thủy Quân Lục Chiến đi tới đi lui, khá ngạc nhiên mà thấy là tất cả những người trẻ chỉ mặc sơ mi, thường có võ trang, đi dạo trong các hành lang, có vẻ thong dong và quyết tâm lắm, đó là các nhân viên tình báo của CIA , thường được gọi là nhóm “ma quỷ” (nguyên tác tiếng Anh :spooks).

Đoàn tàu chiến của Đô Đốc Cang xuôi theo Sông Sài Gòn . Đứng trên boong tàu các sĩ quan và binh sĩ đầy thấy trực thăng Hoa Kỳ – hay của Việt Nam?- dùng hỏa tiễn đánh xuống các kho đạn.

19 giờ 15:

Tất cả dãy nhà trong phi trường đều không có điện : tai nạn hay bị phá hoại ?

– “Thôi chúng ta đi, tướng Smith quyết định.

Ông ta sửa soạn đi đến một trực thăng khi có một nhóm người ty nạn nữ vừa mới tới. Họ được phép lên trực thăng của thiếu tướng Smith, còn thiếu tướng thì ông ta đợi một chiếc khác.

Người ta cần tăng cường ở tòa đại sứ . Toán tăng cường được dự trù lấy ra từ những người của thiếu tá Melton. Một trung đội của trung úy Jay Roach đi đến tòa đại sứ bằng trực thăng. Thiếu tá Melton gọi người sĩ quan của ông :

– “Jay, anh đến gặp đại tá, ông ấy sẽ hướng dẫn cho anh. Trong khi chờ đợi thì trung đội của anh hãy tập họp lại.”

Trung úy Jay đi tìm đại tá, khi anh trở lại thì trung đội của anh đã bay đi rồi.

– ” Vậy là tôi làm sao đi tới tòa đại sứ đây ? trung úy la lên.

Không có một trực thăng nào hết, làm trung úy Roach cáu lên. Có nhiều sĩ quan Thủy Quân Lục Chiến áp u cơn nóng giận của mình một cách lạnh lùng, cố nén nó xuống ở phi trường, cũng như ở tòa đại sứ .. và trên 4 chiến hạm của hạm đội ở ngoài biển : lộn xộn như một nhà thổ. Những người dân chính không có một sự thận trọng nào. Mọi việc bắt đầu quá trễ. Trung úy Thủy Quân Lục Chiến Alan Broussard đã tham dự cuộc di tản ở Phnom Penh, có nhận xét là ở đó được tổ chức hoàn hảo hơn. Ở đó những người ty nạn được đeo thẻ màu khác nhau để phân biệt người nào đi trước người nào đi sau. Các sĩ quan đã quen những chuyện mất trật tự trong chiến tranh rồi, nhưng các cuộc hành quân loại này phải được chuẩn bị kỹ hơn.

– “*Vậy thì tôi phải làm gì bây giờ ?* trung úy Roach hỏi

– “*Làm sao anh có thể đi bộ lại tòa đại sứ được ?* Thiếu tá Melton nhún vai trả lời

Ngoài khơi Vũng Tàu, đại úy Cyril Moyer và 52 Thủy Quân Lục Chiến người của ông ta trong toán India đã bốc những người ty nạn đến chiếc Pionner Commander, một chiếc tàu vận tải dân sự thuê mướn. Các binh sĩ đã đặt các nhà vệ sinh và các thùng nước ngọt trên tàu. Trung úy đã cho tiêu lệnh cho binh sĩ của mình :

– “*Các anh sẽ giúp đỡ những người ty nạn, nhưng không có sự quá thân mật. Các anh phải kính trọng người lớn tuổi. Các anh phải giữ khoảng cách với họ. Các anh không được yêu thương tỏ tình với ai hết. Các anh là Thủy Quân Lục Chiến , là một loại kem hảo hạng đó .*

Các anh Thủy Quân Lục Chiến được huấn luyện để phòng thủ cho chiếc Pionner Commander, trong trường hợp mà có các binh sĩ khác, bất cứ là của Bắc Việt hay Miền Nam mà có ý muốn chiếm chiếc tàu này. Dưới hầm tàu chất đầy gạo, bột sữa, cá mòi và cá ngừ đóng hộp.

Đứng ngay cầu thang, có 2 binh sĩ kiểm soát những người tỵ nạn bước lên tàu. Các Thủy Quân Lục Chiến này đều biết rõ các quân lệnh. Cái gì được cái gì không được. Để giữ trật tự cho những người tỵ nạn nên lúc nào cũng phải quan tâm đến vấn đề an ninh. Phải báo cáo cho biết những ai nói được tiếng Anh và bất cứ người tình nghi nào. Không được sờ vào đầu người tỵ nạn, không được chấp nhận bất cứ một cử chỉ khiêu khích nào, không được để cho họ đánh nhau. Phải tịch thu hết tất cả vũ khí và chất nổ.

Những người tỵ nạn đã được khám xét rồi mà các Thủy Quân Lục Chiến còn khám phá ra những súng lục và dao găm. Hành khách được đưa đến các boong tàu. Có người thì đến từ Vũng Tàu, có người thì đến từ rds. Có người thì đã đi qua nhiều chặng nguy hiểm từ Đà Nẵng. hết tàu này đến tàu khác. Binh sĩ Thủy Quân Lục Chiến thấy được trong đám đông tỵ nạn 3 bác sĩ, 7 người đầu bếp và một cấp tướng trong quân chủng Hải Quân, và một nghị sĩ. Hai người này không muốn nhận bất cứ một trách vụ nào mặc dầu có yêu cầu của đại úy Moyer, người phải coi sóc nhiều ngàn người tỵ nạn

Chung quanh chiếc Pionner Commander, có nhiều chiếc tàu, thuyền đang đến, có một số đang cháy.

Người Mỹ cũng đang di tản lãnh sự quán cuối cùng Hoa Kỳ ở Cần Thơ. Lãnh sự Francis McManara từ chối không nhận trực thăng. ông quyết định cho nhân viên của ông đi tàu. Cơ quan tình báo xác nhận là có nhiều toán Bắc Việt và Việt Cộng vũ trang súng không giật đã có mặt ở dọc theo sông. Ông Mc Namara tập trung người của ông trên bến cảng. Ông đội một chiếc cát kết lớn có hàng chữ: "Hội Trưởng Hội Du Thuyền Cần Thơ". Khi đến cảng ông không thấy tài công mà cũng không thấy nhân viên nào của CIA hết. Những người này đã được trực thăng của Air America bốc đi mặc dầu có bị một vài binh sĩ Miền Nam tấn công.

Khởi hành từ giữa trưa, đội chiến thuyền Mỹ bị một số tàu tuần Việt Nam cập theo. Họ hỏi ông lãnh sự xem có thể chở giùm một số người Việt Nam đã đến tuổi quân dịch hay không? Ông chấp thuận chở 298 người trong số đó có một số sĩ quan mặc thường phục. Không đợi trả lời, sĩ quan chỉ huy đội tàu tuần cười nói:

– "Tôi thấy là tất cả đều tốt hết rồi, Thôi hãy tiếp tục đi đi, Chúc ông thượng lộ bình an và may mắn

Một vài ngày trước đó., ông Mc Namara đã có giúp di tản gia đình của đại úy tuần duyên này

Trong một phút cảm động, còn hình ảnh được lưu lại, một ông già đứng cạnh ông lãnh sự, đã nhận ra con trai của mình trong đội tuần duyên. Họ ôm nhau: một người đi một người ở lại.

21 giờ :

Từ sân thượng của tòa đại sứ được chiếu sáng rực, người ta thấy xa xa có những đường đạn chiếu sáng bắn thẳng lên trời, và những đám cháy trong cơn bão, và nghe được những tiếng súng đại bác. Các trực thăng lớn Cộng Hòa.53 đáp xuống sân, các trực thăng Cộng Hòa.46 nhỏ hơn thì đáp ở sân thượng. Mọi hành khách được phép mang theo một va ly hành trang. Các phi

công đội nón nhựa có dây nẹp lòng thòng giống như nhân vật của sao Hỏa trong tranh vẽ. Ông Allen Carter, vốn không đi tản được nhân viên thuộc các cơ quan Thông Tin của mình, cùng cô thư ký tòa đại sứ Eva Kim và nhà báo George Mc Arthur cả ba bước lên trực thăng. Bây giờ thì ở tòa đại sứ chỉ còn khoảng 12 nhân viên CIA. Họ đang còn

phải phá hủy thiết bị truyền tin cuối cùng

– ” Người ta mất 4 triệu mỹ kim thiết bị, ông Polgar nói khẽ trong lúc ông đi tới đi lui, sừng mang choàng ngang trên vai.

Ông FrankSnepp đi cùng với tướng Timmes trên một trực thăng khác . Và họ bay đi.. Lúc bay trên không phận Sài Gòn ông Snepp thấy một kho đạn đang nổ. Ông bàng hoàng khi thấy trên đường từ Xuân Lộc tới hàng ngàn đèn pha chiếu sáng : đó là đoàn xe vận tải quân sự và chiến xa chiến thắng của Bắc Việt.

22 giờ, giờ Sài Gòn , 10 giờ giờ Hoa Thạnh Đốn :

Tại Ngũ Giác Đài, người ta đang làm bản tổng kết về cuộc được tản. Ở Vũng Tàu, đã tiến triển khả quan, ở Cần Thơ cũng vậy. Ông Tổng Trưởng Quốc Phòng tưởng là ở Sài Gòn người ta đi đến một thảm họa. Trước hết là người ta đã cho đi tản quá nhiều người Việt Nam . Đối với ông Schlesinger thì cần nhất phải chấm dứt sự có mặt của người Mỹ, để ngừng di tản vào 12 giờ khuya giờ Sài Gòn , để ta vẫn có thể di tản tiếp người Việt Nam vào sáng ngày mai ? Ông Schlesinger điện thoại Sài Gòn ra lệnh cuối cùng của ông ta. Ông yêu cầu Nhà Trắng và nhất là tướng Brent Sowcroft, vốn đã gọi cho ông Martin một bức điện tín trước đó 15 phút :

– “Được biết là vẫn còn khoảng 400 người Mỹ trong tòa đại sứ . Ông phải bảo đảm là tất cả, tôi nhắc lại “là tất cả” những người Mỹ phải được di tản “

Ông Martin trả lời ngay tức khắc một cách giận dữ :

– ” *Có thể nào ông nói cho tôi biết làm cách nào để tôi bắt buộc người Mỹ để họ bỏ những đứa con có nửa dòng máu Việt Nam ? Hay Tổng Thống đã nghĩ gì khi ông cho lệnh tôi như thế ?”*

Ông Martin than phiền : Đã hơn 50 phút rồi, chúng tôi ở đây không có trực thăng CH.53. Chỉ có mỗi một chiếc CH.46.”

Khi nhận được công điện của Đô Đốc Whitemire, vốn muốn chấm dứt cuộc di tản vào lúc 23 giờ, giờ Sài Gòn và lại tiếp tục vào hồi 8 giờ sáng ngày hôm sau, ông Martin viết thêm :

– ” Tôi đã trả lời là tôi không muốn ở đây thêm một đêm nữa. Cách đây 4 giờ tôi đã cho Đô Đốc Gayler ở Honolulu biết là chúng tôi cần bao nhiêu chuyến trực thăng nữa. Bây giờ thì chỉ cần có 30 chuyến CH.53 nữa mà thôi.”.

Có nhiều công ty đã yêu cầu Bộ Ngoại Giao hay Nhà Trắng can thiệp cho các nhân viên của họ ở Sài Gòn .

22 giờ:

Vẫn ông Martin báo là bên cạnh ông có một vị linh mục, người đứng đầu các cơ quan viện trợ công giáo Hoa Kỳ . Linh mục này không muốn đi nếu không có người Việt Nam của ông

cùng đi với ông. Ông Martin tự hỏi về những sự liên hệ của Tổng Thống Ford với các Giám mục Hoa Kỳ , nếu ông ta bỏ linh mục này ở lại.

Ông Pierre Brochand đã yêu cầu ông Dương văn Minh qua điện thoại để cho ngưng các cuộc chiến. Ông Minh trả lời là ông sẽ suy nghĩ lại.

Ông Bronchard nhớ lại là dự trữ xăng cho máy điện được chất đống dưới bức tường của tòa đại sứ Mỹ. Ông đánh thức nhóm trẻ đang ở trong khuôn viên tòa đại sứ Pháp (nơi các nhân viên đang tạm sống với con cái của họ cùng với một số gà vịt) :

– ” Đi, đi lại chuyển hết các thùng dầu vào giữa vườn giùm và lấy tấm bạt ướt đây lại. Ông giục to lên.

Thế là ông cùng nhóm trẻ lo dời các thùng dầu.

23 giờ 6 phút

Từ Nhà Trắng, ông Don Rumsfeld báo cho ông Martin biết là ông phải lo cho 150 nhân viên của hãng IBM đang ở đâu đó trong thành phố với gia đình họ.

– ” Mặc họ muốn đi đâu thì đi ! ông Martin nói,

22 giờ 30 phút

Ở phi trường, Thủy Quân Lục Chiến đang phá hủy các dãy nhà và nhất là dụng cụ truyền tin, hai trăm máy truyền tin , 60 máy điện toán, một trữ lượng lớn dữ kiện, một đài dò tìm vệ tinh, một máy điện toán thật lớn của Quân đội Việt Nam được thiết trí ở trong dãy nhà thuộc trách nhiệm của Quân đội Mỹ . Người ta cũng đốt một số lớn hồ sơ. Tất cả đều diễn tiến đều rất tốt. Viên sĩ quan được chỉ định lo việc này đã đặt chất nổ từ sáu ngày trước . Và hôm nay là công việc cuối cùng. Người ta dùng ba thùng hỗn hợp nhiệt nhôm, một trăm trái lựu đạn và khoảng 20 dụng cụ dẫn hỏa. Người ta đã cho ngòi nổ chậm, sau đó Thủy Quân Lục Chiến chạy ra sân quần vợt, ở đó trực thăng cuối cùng đang chờ họ..

Đây là nơi từ mười năm qua đã nổi lên một trung tâm, một trái tim, một bộ máy của quyền lực quân sự Hoa Kỳ tại Đông Dương. Nơi đây một Tổng Tư Lệnh Hoa Kỳ, tướng William Westmoreland, tiên liệu chiến thắng , đã công bố là “ánh sáng đã ló dạng ở cuối đường hầm”. Ánh sáng duy nhất ở cuối đường hầm của cuộc chiến quá dài này, là đám cháy lớn này, đám cháy của các dãy nhà đang đổ sụp xuống vì chất nổ, một đám cháy thật lâu với ngọn lửa trắng xanh của chất hóa học trộn lẫn với bột nhôm.

23 giờ 45:

Bức điện tín từ ông Martin gửi về Nhà Trắng :

– “Từ sau điện tín sau cùng của tôi, mười chín , tôi nhắc lại 19 chiếc CH-46 đã đến và đi. Tôi đã nói là tôi cần một số tương đương với 30 chuyến CH.53. Tôi vẫn còn cần. Có thể cho tôi biết được không ?”

Mười lăm phút sau, ông gọi cho tướng Gayler:

– ” ... Không có gì trong vòng 20 phút qua.. Hình như là tôi phải bước qua một phần của ngày 30 tháng 4 ở đây rồi, tôi mong đây chỉ là một phần thật nhỏ. Chắc chắn là tôi không qua ngày 1 tháng 5 đâu.”

Ông Martin đã nói với ông Kissinger hơi khô khan, là nếu tình hình trở nên xấu thì ông ta sẽ phóng xuyên qua tường đến tòa đại sứ Pháp để xin tá túc với ông Mérillon. Dĩ nhiên là ông sẽ không từ chối và ông Martin sẽ ngủ ở phòng bà Mérillon, “nếu bà còn ở đó chứ không phải ở Ba Lê”

Các Thủy Quân Lục Chiến cuối cùng đã rời khỏi Tân Sơn Nhất vào khoảng gần nửa đêm. Khi họ phá hủy trung tâm truyền thông ở phi trường thì tòa đại sứ không còn có phương tiện truyền tin hết sức tối tân nữa

Bà Claudia Krich, một thành viên quốc-kỵ, đã viết trong nhật ký vào buổi chiều ngày 29. Vào trước nửa đêm, có hai người ở cạnh bên nhà đã đến thăm bà :

– “Đó là 2 ông bà bác sĩ ở Đà Nẵng. Họ đã trốn khỏi Đà Nẵng, quá sững sờ khi nghe được lịch sử liên quan đến những người cộng sản . Họ hỏi chúng tôi là chúng tôi có biết làm sao để họ có thể làm cho trực thăng chú ý đến họ được ? Họ nghĩ cách vẽ 3 chữ SOS trên nóc nhà của họ. Chúng tôi đã bảo họ đừng nên làm gì cả, vì nếu có một trực thăng đáp xuống đường của chúng tôi thì có thể chúng tôi sẽ bị binh sĩ Việt Nam bắn chết ngay. Chúng tôi đã mời ông bác sĩ đến nhà nói chuyện chơi với chúng tôi một ít lâu. Chúng tôi đã an ủi ông, làm cho ông bình tĩnh trở lại và cuối cùng cũng giống như bao nhiêu người khách của chúng tôi trước đó, ông ta đã đi về với nhiều ý nghĩ mới trong đầu. ”

Đại tá Hòa cho lệnh ngưng tất cả các chương trình truyền hình Việt Nam vào đúng nửa đêm. Các binh sĩ Dù giữ đài truyền hình cũng đi về luôn. Thủ Tướng đã nói với Giám đốc đài truyền thanh và truyền hình :

– ” Ngày mai là tướng Dương văn Minh đầu hàng. Chúng tôi không muốn thấy binh sĩ Dù trong thành phố Sài Gòn nữa.

Bộ Tư Lệnh Bắc Việt cho lệnh tất cả các pháo đội của họ ngưng tác xạ. Tướng Dũng viết : “Vào nửa đêm ngày 29 tháng 4, tất cả lực lượng tấn công của chúng tôi đã sẵn sàng tiến vào Sài Gòn . “Không khí thật căng thẳng cũng như người ta đã đưa một lưỡi rìu thần diệu lên vậy.”

Thật là những ngày mệt nhọc cho các phi công trực thăng ! Bộ máy quân sự tuyệt vời của Hoa Kỳ vốn tiên liệu hết tất cả, đã bỏ sót một điểm : mỗi chiếc trực thăng xử dụng đều có phi hành đoàn của nó. Không có một người nào nghĩ đến việc luân phiên cho họ hay ít nhất cho 3 trong 8 người của phi hành đoàn, nên các phi công và các xạ thủ súng máy đều làm việc suốt, không ngừng nghỉ.

Thiếu úy Richard Van de Geer thuộc “phi đoàn 217 hành quân đặc biệt”, ở căn cứ Nakhon Phanom tại Thái Lan. Anh ta đã tham gia vào cuộc di tản ở Phnom Penh. Anh viết cho Dick một người của anh. Trước tiên thiếu úy đến căn cứ Utapao nằm về phía Nam 500 dặm. Ở đó người ta thuyết trình cho anh :

–” Người ta nói là tôi phải đưa trực thăng của tôi... đến một hàng không mẫu hạm. Được rồi, đây không phải thật sự là một chuyện bất ngờ, và chúng tôi biết là ở đó hạm đội 7 làm nhiều chuyện kỳ lạ lắm. Nhưng tôi không biết là chiếc hàng không mẫu hạm quý đó nó neo ở 800 cây số ngoài khơi bờ biển Miền Nam Việt Nam . Được rồi, dĩ nhiên là tôi đã tìm thấy được hàng

không mẫu hạm Midway. Tôi bảo đảm với anh là các chiến hạm đó trên biển cả không quá lớn như lúc chúng đậu ở bên đầu. Tôi đã đáp xuống trên chiếc hàng không mẫu hạm và Thủy Quân Lục Chiến đã nhanh chóng tuyên truyền cho tôi. Tôi

không thấy thích chuyện đó chút nào.”

Hằng ngày, trung úy đều có tham dự vào một buổi thuyết trình về tin tức:

– ” Chúng ta ở đây là để di tản các công dân Hoa Kỳ . Những người Việt Nam được chọn lọc rất kỹ và những người của các nước thứ ba khác, vào giờ chót, nếu tình hình tồi tệ đến độ người ta không còn xử dụng được phi trường Tân Sơn Nhất ... Tôi đã bốn lần bay đến Sài Gòn . Tình hình với 150 ngàn quân Bắc Việt chung quanh thành phố, dĩ nhiên không được là những nơi sạch sẽ để bay một trực thăng to lớn công kênh, và di tản những người chỉ có vũ khí để tự vệ... Tôi có thể nói với anh về nỗi lo sợ thật sự mà tôi cảm thấy, bởi vì sau khi chúng tôi đã đi qua vùng Đồng Bằng để đáp xuống Sài Gòn là chúng tôi đang ở trên đất địch. Súng cao xạ bắn lên chúng tôi . Những tên Việt Cộng đã lấy được các trực thăng Huey của hãng Air America để bay đi chỗ này chỗ nọ, họ bắt chúng tôi phải chơi một ván cờ thật là lý thú. Tôi muốn nói là chuyện đó thật sự không tốt đâu. Chúng tôi nghĩ là họ muốn phá hủy toàn bộ cuộc hành quân của chúng ta vào ban đêm, bởi vì chúng ta không thể đợi cho họ đưa chúng ta vào một tình hình được xem là quá xấu, ngay cả ban ngày. Nhưng như anh đã có thể thấy đó, nhiệm vụ đã được tiếp tục mãi cho đến 5 giờ sáng, Các chuyến bay về đêm thật là xấu bởi vì chúng tôi bay không đèn. Các lần đạn chiếu sáng đã làm cho mọi người thêm kích động. Nhìn thấy một thành phố đang cháy đã cho mình một cảm giác lạ lẫm về vấn đề không có an ninh. Phi trường Tân Sơn Nhất bị pháo liên tục không ngừng. và khi nào tôi gặp anh tôi sẽ đưa ảnh cho anh xem. Bây giờ để tôi cho anh một vài sự kiện có thể mâu thuẫn với những gì mà anh đã đọc được qua báo chí. Tôi gọi đó là những sự kiện, bởi vì tôi đã thấy tất cả... Sáng ngày.. một chiếc trực thăng Huey của Việt Nam đã bay là trên biển, tìm thấy được một mẫu hạm. Anh ta gần như đã hết xăng rồi nên đáp đại xuống mẫu hạm . Bất cứ người nào biết lái biết bay đều tìm khắp nơi để lấy trực thăng, rồi họ chở gia đình con cái của họ... Trực thăng của anh ta đáp xuống cách trực thăng của tôi có 15 thước, và người bước xuống khỏi trực thăng đó đã nói trong tuân trước là người Việt Nam nào rời khỏi đất nước là hèn nhát, và tất cả mọi người đều phải ở lại Miền Nam để chiến đấu đến cùng. Người đó bây giờ lại là người đầu tiên đáp xuống mẫu hạm Midway, và theo tôi được biết , là người đầu tiên được hạm đội 7 cứu. Người đó là tướng Nguyễn cao Kỳ. Như vậy cá nhân tôi không có một cảm nghĩ gì về cuộc chiến ở đây hết. Còn ai đúng ai sai, đối với tôi sao cũng được, nghĩ làm chi cho mất thì giờ... Nhưng tôi tự nhủ thậm là muốn cho ông ta bị bắt Miền Nam rơi... Chúng tôi đã di tản ra khỏi Việt Nam được gần 2000 người. Và không thể di tản hơn được bởi vì như vậy là đã quá sức chịu đựng của một con người , nếu muốn bay đi nữa....” .

Chương 22 30 tháng tư : Hoa Sen Cuối Cùng

Ở Ngũ Giác Đài, ở Bộ Tư Lệnh Quân Lực Hoa Kỳ tại Thái Lan, cũng như ở Bộ Tư Lệnh Lực lượng Đặc Nhiệm ngoài biển, người ta đang sốt ruột. Có bao nhiêu người phải di tản còn sót lại ở tòa đại sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn ? Đã có quá nhiều trò chơi cút bắt và có những con số đã hứa với ông Martin !

2 giờ 30 , giờ Sài Gòn:

Ông Đại sứ cho biết là có 726 người ở tòa đại sứ gồm có 500 người Việt Nam, 53 người Mỹ dân sự và 173 Thủy Quân Lục Chiến . Bên phía quân nhân , họ làm một bài toán . Chỉ cần có 9 chuyến bay loại CH.53 nữa là bốc sạch hết số người ở tòa đại sứ .

Sau đó, ông Martin gọi Nhà Trắng để nói lại con số chính xác hơn:

– ” *Có con số gấp đôi người tỵ nạn Việt Nam đã được dự trù.*

Trên thật tế, có 1100 người đang chờ, hầu hết là người Việt Nam , một linh mục người Đức, khoảng 12 nhân viên ngoại giao người Đại Hàn trong đó có tướng Lee Đại Yong, cựu Tư Lệnh Phó của 40.000 quân nhân Đại Hàn đã phục vụ ở Việt Nam . Tại Hoa Thạnh Đốn và ở Honolulu, người ta cáu lên:

– *Ông Martin đã cho di tản quá trễ rồi và bây giờ ông còn không muốn chấm dứt nữa! Người ta đã chơi chúng tôi một vở ở phi trường rồi. Tại Tân Sơn Nhất , trước hết người ta nói có 500 người tỵ nạn, rồi 1000, rồi 2.000 .*

Đã có nhiều sự cân nhắc chánh trị được xen vào. Ở Hoa Thạnh Đốn , người ta muốn nói là tất cả những người Mỹ phải được di tản càng nhanh càng tốt. Ông Kissinger đã có hứa sẽ họp báo vào lúc 14 giờ, giờ Hoa Thạnh Đốn tức là 2 giờ, giờ Sài Gòn . Bây giờ ông ta phải dời cuộc họp báo lại 16 giờ, giờ Hoa Thạnh Đốn .

Nhất định phải chấm dứt. Lúc 3 giờ 15, giờ Sài Gòn một chiếc CH.46 đáp xuống sân thượng tòa đại sứ . Người phi công trao một công điện viết tay của vị Tổng Tư Lệnh Thái Bình Dương :

– ” *Căn cứ trên một phúc trình di tản, tổng số còn phải di tản là 726 người, Tổng Tư Lệnh Thái Bình Dương đã cho phép gởi đi 9 trực thăng, nhưng không thể hơn nữa được . Các chữ “không thể hơn nữa được” được gạch dích 2 lần. Tổng Thống muốn thấy Đại sứ Martin phải có mặt trên chiếc trực thăng cuối cùng. Thân mến .”*

Ông Tổng Trưởng Ngoại Giao mong rằng chiếc trực thăng cuối cùng đó sẽ cất cánh vào lúc 3 giờ 45. Ông Martin được yêu cầu là phải “đáp nhận” bức điện tín này của Tổng Thống Ford.

Người ta cố gắng làm yên lòng những người tỵ nạn Việt Nam đang ở trong sân của tòa đại sứ . Ông Polgar dự trù là ông ta sẽ chấm dứt mọi liên lạc vào lúc 3 giờ 20. Lạ lùng là ngay lúc này và vào giờ này, người trưởng cơ quan CIA lại bị lôi cuốn vào những nhận xét tổng quát . Ông gởi bức điện tín :

– *“Kinh nghiệm duy nhất này trong lịch sử Hoa Kỳ không có nghĩa là Hoa Kỳ không còn là một cường quốc trên thế giới nữa. Tuy nhiên, với sự thất bại nghiêm trọng này và những điều kiện mà Hoa Kỳ đã vướng phải, bắt buộc Hoa Kỳ phải tái xét lại đường lối chánh trị của mình.”*

Để đánh dấu thời điểm này, ông Polgar qui trách cho tánh bản tiện của Quốc Hội :

– ” *Những người không chịu rút ra được từ những bài học lịch sử này bắt buộc phải xét lại. Hy vọng là chúng ta không còn một kinh nghiệm kiểu Việt Nam nào khác và chúng ta phải học được bài học này của chúng ta* ”

3 giờ 30 phút:

Chiếc phi cơ được dùng như Bộ Chỉ Huy nhẹ trên Không phận Sài Gòn là một chiếc C.130, chiếc này đã truyền đi một điện tín được mã hóa. Kể từ giờ này, người ta chỉ có di tản người Mỹ mà thôi, ông đại sứ Martin phải lên chiếc trực thăng đầu tiên được sử dụng. Khi đã cất cánh rồi thì chiếc phi cơ này phải đánh đi một mật hiệu rất đơn giản :cọp, cọp, cọp (nguyên tác :tigre)

Ông Kissinger nói với ông Martin qua điện thoại :

– “*Ông và các vị anh hùng của ông bây giờ là phải trở về nhà.*”

Ông Kissinger đã phải dời giờ họp báo của ông lại thêm một giờ nữa.

3 giờ 45

Sau khi nhìn qua một vòng đám đông người tỵ nạn trong sân của tòa đại sứ, Ông Martin mới nói :

– ” *Kể từ giờ này các trực thăng trên sân thượng chỉ dành cho người Mỹ.*”

Tất cả những người Việt Nam trong các dãy nhà của tòa đại sứ phải xuống sân hết . Ở đó, ông Martin tuyên bố là họ sẽ được các CH53 bốc đi.

Ở Nhà Trắng, tướng Brent Scowcroft nhận được một công điện tối khẩn của ông Martin.

– “*Chúng tôi đề nghị đóng cửa tòa đại sứ lúc 4 giờ 30 ngày 30 tháng 4 , giờ địa phương. Vì có nhu cầu phải phá hủy hết máy móc truyền thông. Đây là công điện cuối cùng của tòa đại sứ Sài Gòn*”

4 giờ 42 phút

Một chiếc CH.46 có tên là “Lady Ace 09” viết bằng sơn hai bên hông, đáp xuống sân thượng của tòa đại sứ . Phi công trình lệnh viết tay của Tổng Thống :

– ” *Chỉ có những người Mỹ mới được lên trực thăng này với phi hành đoàn. Ông đại sứ phải lên chiếc Lady Ace 09 này*”

Ông Martin bước lên trực thăng với tùy viên báo chí của mình, ông John Hogan, ông Polgar và đại tá Jacobson. Trên trực thăng, ông gặp lại các binh sĩ Thủy Quân Lục Chiến đến từ phi trường. Nếu đại sứ từ chối không chịu đi trong lúc này thì đã có một lệnh được dự trù : Đó là Lệnh bắt giữ ông Martin do Tổng Tư Lệnh Lục lượng Thái bình Dương, Đô Đốc Gayler ký tên. Ở tòa đại sứ vẫn còn nhiều người Mỹ trong số đó có ông Wolfgang Lehmann. Hai sĩ quan đang cãi nhau. Đại tá John Madison tưởng rằng tất cả người Việt Nam sẽ được di tản. Thiếu tá Jim Kean, trưởng toán Thủy Quân Lục Chiến trả lời là ông ta đã nhận được lệnh phải đi. Ông sẽ ra lệnh binh sĩ của ông phải rút lên sân thượng.

Ngoài bức tường của tòa đại sứ , người Việt Nam xô đẩy nhau, dẫm chân lên nhau la ó sòm :

– *Làm ơn cho tôi đi .*

– *Cho con tôi đi với tôi giùm*

– *Tôi có vàng và mỹ kim ...*

– *Vợ con tôi đã đi rồi, Xin cho tôi đi luôn theo.*

Họ kêu van, họ khóc lóc. Đối với một số người Mỹ sự chia ly này thật là não ruột. Nếu người ta cho những người Việt Nam đó vào tòa đại sứ thì những người còn ở lại đây không khi nào rời khỏi đây được đâu. Các anh Thủy Quân Lục Chiến dùng tới báng súng mà cũng khó khăn lắm mới giữ được một chu vi luôn bị thu hẹp, không xa bức tường được bao nhiêu. Có nhiều người leo qua tường. Có một số muốn dùng xe vận tải để ủi sập cửa tòa đại sứ . Đại tá Madison lấy làm rụng rời. Bây giờ vẫn còn khoảng bốn năm trăm người, nhất là người Việt Nam và phần đông là nhân viên của tòa đại sứ trong đó có nhân viên cứu hỏa, một linh mục người Đức và người Đại Hàn. Tất cả đều bỏ hết hành lý của họ, những nhân viên cứu hỏa đều là những người tình nguyện. Các người tỵ nạn được chia ra làm 6 nhóm, Hai sĩ quan là đại tá Madison và đại tá Harry Summers , thành viên của Ủy Ban quân sự 4 Bên và 2 Bên của Hiệp Định Ba Lê, đều cảm thấy bất lực. Những người Việt Nam biết là họ sẽ bị bỏ rơi. Các binh sĩ Thủy Quân Lục Chiến rút lên lầu của tòa đại sứ.

Sau đó khi đáp được xuống mẩu hạm Okinawa, đại tá Madison yêu cầu người ta gọi cho 6 chiếc trực thăng đến bốc giùm 6 toán tỵ nạn trong khuôn viên tòa đại sứ . Người ta từ chối. Những nhân viên ngoại giao đầu tiên đã đến mẩu hạm trước đó đã quên nói là vẫn còn 420 người tỵ nạn trong sân của tòa đại sứ trước khi nơi này bị đám đông người Việt Nam ở ngoài tràn vào.

5 giờ 10 phút:

Hai trăm người Mỹ, trong số này có 170 lính Thủy Quân Lục Chiến đang chờ ở tòa đại sứ . Thời gian sao mà quá dài ! Các binh sĩ cuối cùng dưới quyền thiếu tá Kean, đã leo lên cầu thang. Họ đã không quên khóa hết các cửa sau lưng họ bằng các thanh thép. Trong các cầu thang và cả trong thang máy họ vất đầy hết nào là tù, bàn ghế, và tất cả những gì họ túm được. Các binh sĩ này phải mất 2 tiếng đồng hồ mới đi được từ tầng trệt lên đến tầng chót. Họ ném lựu đạn cay. Và có một người còn ném một trái lựu đạn miêng nữa. Và người Việt Nam không còn cách nào để lên đến sân thượng được nữa.

Chung quanh tòa đại sứ là các binh sĩ Việt Nam đi lang thang với vũ khí của họ. Trên sân thượng có bố trí một khẩu đại liên để canh chừng chung quanh. Các binh sĩ Thủy Quân Lục Chiến tuân hành “lệnh D” tức là : cấm bắn bừa bãi, chỉ được bắn theo lệnh của một sĩ quan hay một hạ sĩ quan thượng cấp nào đó mà thôi.

5 giờ 47 phút:

Trên chiếc trực thăng mang tên Lady Ace 09, ông Martin quá mệt mỏi, có một cảm tưởng nhẹ nhõm. Sau cùng mọi việc cũng đều tốt...nếu không có thể là quá tốt.... Một số cộng sự viên của ông nghĩ là ông đã có nhiều quyết định hơi trẻ. Ông Martin ước tính là ông đã tránh được một sự hoãng loạn và rằng ông đã bip được Bắc Việt . Tất cả những người Mỹ đều đã

được di tản, các binh sĩ Thủy Quân Lục Chiến không cần phải đánh nhau. Ông Martin cũng có thể ở lại tại chỗ lâu hơn nữa được nhưng ông tỏ ra là một người có kỷ luật trong vòng 45 năm nay.

Đối với ông, lệnh của Tổng Thống rất là khắc nghiệt. Ông tự nghĩ là Tổng Thống đã bị Tổng Trưởng Quốc Phòng gạt. Ở các Bộ Tư Lệnh quân sự người ta đã nhận thấy là ông Martin đã tìm cách gạt gẫm tất cả những người đối thoại với ông. Còn ông Martin thì lại nhận thấy là người ta đã gạt ông ta.

Như vậy là cuộc chiến đã qua, và tất cả sự tan vỡ cũng đã qua !

Ông Martin nghĩ rằng ở Hoa Thạnh Đốn người ta không có chuẩn bị gì hết. Người ta chỉ sống với ý nghĩ của một sự di tản thành công ở Phnom Penh. Nhưng hãy xem lại coi. Ở đó người ta chỉ di tản có ba trăm người, hầu hết là người Mỹ. Còn tại Việt Nam, ở Sài Gòn với tất cả các chiến hạm, phi cơ, trực thăng, người ta đã di tản được 130 ngàn người Việt Nam, còn hơn thế nữa là khác, nhờ vào các chuyên bay không chánh thức.

Trên sân thượng của tòa đại sứ, hạ sĩ Stephen Bauer tự hỏi là ông ta và các binh sĩ Thủy Quân Lục Chiến khác có phải sẽ đến xin tỵ nạn ở tòa đại sứ Pháp hay không ? Các tiếng nổ của đạn bách kích pháo càng ngày càng đến gần hơn. Trời đã bắt đầu sáng dần, và không có sương mù. Cuối cùng chiếc trực thăng rồi cũng đến. Nó đáp xuống, các cánh quạt vẫn chạy đều làm sạch phần nào không khí nhất là làm tan bớt khói của lựu đạn cay mà binh sĩ đã ném trong cầu thang đang làm họ không thấy đường và muốn nghẹt thở. Còn 10 binh sĩ nữa đang bước lên trực thăng. Người cuối cùng là trung sĩ nhất Juan Valdez đang đẩy binh sĩ của ông lên, với cảm tưởng là binh sĩ của mình chỉ muốn bước lên trực thăng sau ông để có thể nói “Tôi là người cuối cùng” điều mà chính ông ta mới là người có thể làm được . .

7 giờ 53 phút:

Chiếc trực thăng cuối cùng này cất cánh, có mấy chiếc trực thăng võ trang Cobra hộ tống. Đây là lần đầu tiên trong 10 năm nay, không còn người lính Mỹ nào ở Việt Nam. Có vài chú đào ngũ thì họ đã nằm kín trong vùng ngoại ô.

Khi đến được bờ biển, các Thủy Quân Lục Chiến trên trực thăng vỗ tay reo hò, và chụp một bức ảnh.

Trong sân của tòa đại sứ những người Việt Nam và ông tướng Đại Hàn chạy vòng tròn. Các bản báo cáo chánh thức của Mỹ nói là ” khoảng 420 người ”

Đám đông tràn vào tòa đại sứ la hét om sòm.

Những tay tuyên truyền cho cộng sản hô to những khẩu hiệu :

– ” Mỹ đã đi hết rồi, đất nước ta được tự do, độc lập, dân chủ rồi....

Người ta bắt đầu cướp bóc trong các tầng lầu. Thành linh đám đông lui ra hết, có người la lên :

- “Chạy ra chạy ra, tòa đại sứ sắp nổ rồi !

Khi ông Martin đã đến được trên soái hạm Blue Ridge rồi, thì ông đi qua thật nhanh phòng báo chí, nơi đó ông Polgar đang nói chuyện với các nhà báo. Ông Martin nói nhanh:

– *“Nếu chúng ta giữ được những cam kết của quốc gia Hoa Kỳ xứng đáng với danh xưng của nó, thì không có xảy ra chuyện ngày hôm nay.”*

Câu nói này đã chạy khắp nơi trên các máy điện báo của các cơ quan báo chí quốc tế. Ông đại sứ nhận một công điện của ông Kussinger, cứng rắn khuyên ông nên giữ cảm nghĩ riêng của mình cho Tổng Thống Hoa Kỳ. Sau khi dùng một bữa điểm tâm nhẹ với trứng và xúc xích. Ông Martin đi khám sức khỏe. Qua chiếu điện, người ta khám phá ra nhiều sung huyết trong cả hai buồng phổi của ông. Khi ông nhìn lại kỹ cuộc di tản, đại sứ Graham Martin nói rằng:

– *“Tôi không thấy việc đó là một niềm danh dự của Hoa Kỳ”*

Trên soái hạm Blue Ridge, người ta trao cho ông một lượt cả ba công điện. Những người gọi các công điện này đã nói với ông với một giọng điệu khác nhau hết:

(1)- của Tổng Thống Ford gọi cho ông Martin:

– *” Tôi bày tỏ một sự hài lòng sâu xa của tôi., đối với ông và đối với tất cả các cộng sự viên của ông,*

về sự thành công trong cuộc di tản người Mỹ và người Việt Nam ở Sài Gòn. Sự tận tâm không mệt mỏi trong nhiệm vụ của ông và việc thực hiện trong những điều kiện cực kỳ khó khăn là tối cần thiết cho sự hoàn chỉnh của cuộc hành quân rất khó khăn và tế nhị này. Xin ông vui lòng nhận những lời khen

thành thật và cá nhân của chính tôi. Lòng can đảm và sự bình tĩnh của ông trong thời điểm khó khăn này đã giúp di tản được chính những công dân của chúng ta và một số lớn người Việt Nam trong cơn nguy khốn. Tôi ước mong là ông sẽ chuyển đến tất cả các cộng sự viên của ông lòng biết ơn sâu xa của tôi và của dân chúng Hoa Kỳ về một công việc đã được hoàn tất tốt đẹp. Thành thực,”

(2)- của ông Tổng Trưởng Ngoại Giao, thân mật hơn:

– *” Gởi ông Graham Martin,*

của Henry Kissinger,

Tôi chắc chắn là ông biết những cảm nghĩ sâu xa của tôi về thành tích của ông trong những điều kiện

thật không gì khó khăn hơn. Hãy nhận những lời cảm ơn nồng nhiệt nhất của tôi. Nghĩ về ông.

Tái bút: Sẽ chấp nhận mọi tin tức về các dự tính du lịch tức thời của ông để chuyển cho gia đình ông”

(3)- của tướng Brent Scowcroft từ Nhà Trắng, một công điện rất giản dị:

– *” Graham, ông thật là tuyệt diệu.”*

Các trực thăng, với những Thủy Quân Lục Chiến của thiếu tá Melton bị phân tán ra hết. Trực thăng của thiếu tá thì đáp ở mẫu hạm Midway, còn trực thăng của người phó của ông thì đáp trên chiếc Vancouver.

Các trực thăng Việt Nam, hết nửa còn trống hay chở đầy binh sĩ và dân sự gồm đàn bà, bô lão, trẻ con, thùng rỗng đựng trái cây, đạn dược súng ống lẫn lộn bay đến. Thiếu tá Melton còn thấy cả những hành khách ra khỏi trực thăng với những con gà chân cột lại.

Thật là rất đúng, có thể là tượng trưng, là chiến tranh của người Mỹ, quá cơ giới hóa, đã kết thúc với những chiếc trực thăng. Từ năm 1965, đối với các Bộ Tham Mưu Hoa Kỳ, trực thăng được xem như là một vũ khí tấn công quyết định. Bây giờ thì trực thăng là phương tiện triệt thoái.

Di động, dễ điều động, trực thăng được ghi nhận là đã tiến xa trên bốn điểm – mà cũng là bốn nhược điểm? về đặc tính của Hoa Kỳ: sự lạc quan, sự háo chiến, sự mất kiên nhẫn và lòng tin ở cơ giới tối tân. Ngày 30 tháng 4 này, trong lúc hình ảnh cuối cùng của các vũ điệu trên không đang diễn ra trên các chiến hạm thì người ta bỗng ghi nhận là trực thăng đã trở thành phương tiện tiêu biểu của một sự triệt thoái.

Chiếc Midway đang di chuyển. Các sĩ quan đã cho ông thiếu tá Melton biết là chiếc mẫu hạm này sẽ đến bờ biển Thái Lan để chở các phi cơ tiềm kích của Miền Nam Việt Nam. Có một chiếc phi cơ nhỏ xuất hiện trên vùng trời và qua truyền tin gửi một công điện:

– “Tôi là một thiếu tá Việt Nam Cộng Hòa, tôi có chở theo vợ và mấy đứa con của tôi. Tôi xin phép được đáp xuống.”

Trả lời :

– “Không thể được. Chúng tôi không có sẵn sàng. Chúng tôi không có lưới an toàn để chặn phi cơ loại này của anh.”

– “Tôi đáp xuống đây”

Chiếc phi cơ được phi công Việt Nam đặt trên trục tiến của mẫu hạm, đáp xuống, thắng lại, và thành công. Cả binh sĩ Thủy Quân Lục Chiến và Hải Quân trên mẫu hạm đều nhiệt liệt hoan hô phi công, cả ông thiếu tá Melton cũng vậy.

Thiếu tá Melton rất bằng lòng. Không có một người nào của ông bị thương hay tử thương. Thủy Quân Lục Chiến được thành lập để tấn công, đổ bộ, và chiếm vị trí. Trong những ngày sau cùng này, họ đã bảo vệ cho một cuộc triệt thoái. Thiếu tá Melton là một quân nhân hiện dịch, đã làm đúng theo lệnh. Đứng tựa vào lan can, ông ngắm nhìn các chiếc thuyền nhỏ chung quanh mẫu hạm, quan sát các binh sĩ Hải Quân đưa những người tỵ nạn lên mẫu hạm.

Tướng Richard Carey tổng kết 3 ngày làm việc của mình, ngày 28, 29 và 30 tháng 4. Kết quả tốt cho cuộc di tản bằng đường biển: 8 chiếc tàu đã chở được 29.783 người tỵ nạn, hầu hết từ Vũng Tàu; 2500 người được bốc đi từ hai đảo Phú Quốc và Côn Sơn.. Chiếc Pioneer Commander đã cứu được 4669 người ở vàm sông Sài Gòn

Các phi công Hải Quân đã bay đổ đồng 13 giờ một ngày. Có nhiều anh đã bay trực thăng của mình suốt 18 giờ liên tục. Riêng cho những trực thăng di tản đã có 689 chuyến bay trong đó có 160 chuyến bay đêm. Có hai Thủy Quân Lục Chiến bị tử thương ở phi trường. Và hai

phi công, một của chiếc CH46 cố đáp xuống mẩu hạm Hancock đã bị lật úp xuống biển, không có hành khách, hai phi công chánh và phụ bị chết chìm, người ta đã cứu được hai xạ thủ đại liên. Một chiếc AH.1J, trực thăng võ trang, bị khó khăn về nhiên liệu, đã bị phi công cho xuống biển cách chiếc Okinawa bốn dặm. Phi hành đoàn bình yên. Như vậy có tất cả là 4 quân nhân bị tử thương.

Từ các bãi đáp gần các dãy nhà của Phòng Tùy Viên quân sự ở phi trường Tân Sơn Nhất, Thủy Quân Lục Chiến đã bốc đi được 5.600 người. Không có một người nào nghĩ rằng mình đã di tản được 2206 người trong đó có 1375 công dân Hoa Kỳ, từ trong sân và trên sân thượng của tòa đại sứ.

Có đôi lúc trên tàu, binh sĩ Hải Quân nhất là trong lúc họ phát lương thực, đã bị chửi, đôi khi còn bị người tỵ nạn xô đẩy nữa. Những mầm nổi loạn? Không... Có vài người tỵ nạn bị đề bẹp. Trên một số chiến hạm, các binh sĩ Miền Nam mặc quân phục có, mặc thường phục có, có võ trang đã tạo ra tình hình căng thẳng, nhưng binh sĩ Hải Quân đã giải giới được họ và lập lại trật tự có qui củ bình thường.

Cũng có vấn đề khó khăn về vệ sinh. Đôi khi người ta thiếu nước, Dưới hầm tàu thì có mùi nôn mửa và phân người. Đứng ra đây là một vấn đề quá khó vì người Việt Nam được chở trên tàu quá đông.

Điều ngạc nhiên, là không phải không có điều gì xảy ra, mà đã không có gì xảy ra nhiều.

Đại tá Lê Vĩnh Hòa không muốn rời khỏi Sài Gòn. Vào lúc 6 giờ, ông ta còn ở trong văn phòng giám đốc đài truyền hình. Ông định lái xe đi ra. Cảnh sát đã ngăn ông lại:

– “ Ông bị bắt.

– Ai bắt tôi ?

– Theo lệnh của Tổng Thống Dương Văn Minh.

Ra đi, là trốn chạy, là đào ngũ. Tổng Thống đã ngăn cấm các sĩ quan không được rời khỏi Sài Gòn.

Ở căn cứ Tân Sơn Nhất, nơi mà tất cả binh sĩ đều ôm chặt máy thu thanh, trung sĩ Thương, đang chờ đợi tin tức của Chánh Phủ mới

Đang có một buổi họp ở văn phòng của Thủ Tướng, ở một ngôi nhà cổ của người Pháp trên đại lộ Thống Nhất. Chung quanh Tổng Thống có Thủ Tướng Vũ Văn Mẫu, một vài quân nhân và công chức cao cấp.. Một cố vấn của Tổng Thống, ông Lý quý Chung, từ trại Davis trở về. Người của CPLTCHMN không chấp nhận thương thuyết với tân Tổng Thống. Họ không sẵn sàng cho bất cứ một sự nhượng bộ nào, quân sự cũng như chánh trị.

– “Họ đòi hỏi “phải giải tán Quân đội và cảnh sát bù nhìn” Họ sẵn sàng cung cấp giấy thông hành cho Tổng Thống và người của ông.

Các cố vấn của ông Minh chia thành phe phái. Có nên lấy một vị thế cứng rắn hay không? Nhưng muốn vậy thì phải dựa vào ai? Các sư đoàn ở mặt trận, các sư đoàn 5, 18, 22 và 25 cũng như thành phần còn lại của các lữ đoàn Thủy Quân Lục Chiến hay Dù, theo tin tức quân sự giờ chót đều tan rã hết. Vài vị khuyên nên đầu hàng. Ông Minh còn lưỡng lự. Người ta gọi một đại

diện mới nữa vào trại Davis. Người ta điện thoại. Các ông Phật Giáo, các vị Công Giáo, và các nhà ngoại giao Pháp họ đều thú thật là họ không biết cộng sản muốn gì nữa . Đùng một cái, tướng người Pháp, ông Francois Vanuxem xuất hiện, mặc thường phục.. Ông này là người chủ trương đánh tới cùng ở chiến trường Algérie thuộc Pháp, thạc sĩ triết học. Ông đã cho khá nhiều dự án. Ông đề nghị một đề án khác : mình phải yêu cầu Trung Quốc tấn chiếm Miền Bắc Việt Nam . Lúc bấy giờ nước Pháp sẽ làm trung gian hòa giải. Ta có thể nhờ đó giữ được một Miền Nam trung lập hay được trung lập hóa .

Ông Minh soạn một văn bản và trao cho Thủ Tướng của ông, sau đó ông trở về Phủ Tổng Thống để thu băng. Đài phát thanh sẽ cho phổ biến văn bản này vào lúc 10 giờ 24 phút:

– ” *Đường lối chánh trị của chúng tôi là hòa giải. Tôi tin tưởng mạnh mẽ vào sự hòa giải của người Việt Nam để tránh khỏi đổ máu thêm một cách vô ích. Tôi yêu cầu binh sĩ của Việt Nam Cộng Hòa hãy chấm dứt chiến sự và nằm yên tại chỗ. Tôi yêu cầu binh sĩ anh em của CPLTCHMN cũng nên chấm dứt chiến sự. Chúng tôi đợi ở đây để gặp CPLTCHMN để cùng nhau bàn thảo về một buổi lễ bàn giao quyền bính và tránh đổ máu của dân chúng vô ích. ”*

Trong bản tuyên bố này, tướng Minh không bao giờ nhắc tới quân đội Bắc Việt . Ông chấp nhận tổ chức hư cấu thường được gọi là CPLTCHMN , ông cũng cho thấy rõ ràng là ông không nghĩ tới chuyện nắm giữ lại một phần nào dù là bề ngoài của chánh quyền .Ông ta sẽ “chuyển giao”. Ngay sau đó, đài phát thanh cũng phát đi một thông cáo của Bộ Tổng Tham Mưu Việt Nam Cộng Hòa :

– ” *Binh sĩ, trung đoàn trưởng, lực lượng bảo an, dân vệ..Tôi, tướng Nguyễn hữu Hạnh, Tổng Tham*

Mưu Phó thay mặt trung tướng Vĩnh Lộc Tổng Tham Mưu Trưởng , tôi yêu cầu các tướng lãnh và binh

sĩ các cấp, phải triệt để tuân lệnh Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa liên quan đến chuyện ngừng bắn.

Bộ Chỉ Huy Quân sự của chúng ta đã sẵn sàng liên lạc với Bộ Chỉ Huy Quân sự của CPLTCHMN để thực hiện một cuộc ngưng bắn mà không đổ máu ”

Thủ Tướng cũng có một bản tuyên bố ngắn:

– ” *Trong một tinh thần hòa giải và hòa hợp, tôi, giáo sư Vũ văn Mẫu, Thủ Tướng, xin kêu gọi tất cả các tầng lớp dân chúng hãy hân hoan chào mừng ngày hòa bình cho dân tộc Việt Nam . Tôi kêu gọi tất cả công viên chức của Chánh Phủ hãy trở về nhiệm sở và hoạt động lại như cũ .”*

Tại phi trường trung sĩ Thương khóc

Ngay tại nhà mình, ông kỹ sư Văn kết luận là những cuộc thương thuyết của ông Minh đã không đi đến đâu hết. Ông nghĩ rằng người cộng sản không bao giờ chấp nhận một chế độ trung lập. Nhưng rồi ông nghĩ lại. Dù sao ông cũng muốn tin ở sự khoan hồng của kẻ thắng trận. Ông đi vào văn phòng của ông. Phần đông các bạn đồng nghiệp của ông đều nghe theo lời kêu gọi của Thủ Tướng, nhưng họ vẫn sợ.

Hầu hết các Phật Tử ở trong chùa của hòa thượng Thiện Hoa đều nói :

– “Hết rồi, chúng ta có thể đi về nhà rồi.

Tại Hoa Thịnh Đốn Tổng Thống Gerald Ford vừa ăn tối xong với quốc vương Hussein của nước Jordanie. Người ta cho ông biết về tuyên bố của ông Dương văn Minh. Không có người nào gọi lên chuyên đầu hàng này và cả nước Việt Nam nữa.

Bộ Tổng Tư Lệnh Quân đội Bắc Việt đã nghe lời tuyên bố của ông Dương văn Minh trên đài phát thanh. Tướng Dũng nói :

– “*Làm gì có vấn đề tước đoạt chiến thắng của mình bằng “trò chơi cú bắt” này được ?*

Bộ Chánh trị cho lệnh:

– “*Tiếp tục tấn công vào Sài Gòn theo kế hoạch đã dự trù” Tăng tốc độ và tăng cường tới đa sự tiến quân của chúng ta . Phải giải phóng cả thành phố, giải giới địch quân. Phá vỡ bộ máy hành chính của địch trên tất cả mọi cấp. Đập tan hết mọi mưu toan kháng cự. “*

Ngay tức khắc tướng Dũng phổ biến lệnh cho tất cả các đơn vị:

– “*Gọi tất cả các quân đoàn, các khu quân sự , tất cả các đơn vị: thứ nhất, tiếp tục tiến càng nhanh càng tốt đến các mục tiêu đã được chỉ định ở trung tâm thành phố và ở các tỉnh. Thứ hai, kêu gọi địch quân phải đầu hàng và giao nộp tất cả vũ khí. Bắt giữ và tập trung tất cả các sĩ quan địch từ cấp tá trở lên. Thứ ba: Đập tan ngay tại chỗ tất cả mọi mưu mô kháng cự.”*

Một vài nơi ở Sài Gòn nhất là trong các văn phòng và các biệt thự bỏ trống của người Mỹ, đã thấy người ta cướp bóc. Đèn ông, đèn bà, con nít gỡ và khiêng đi nào là đèn, máy thu thanh, vòi nước trong bồn rửa mặt, máy đánh chữ, bàn ghế đủ loại, đi vắn, nệm, giường. Trong các sân và cầu thang của tòa đại sứ rải rác đầy những giấy tờ, sách báo, và hồ sơ báo cáo.... Trong các tầng lầu, người ta đua nhau gỡ các máy điều hòa không khí, các tủ lạnh được mở tung tóe. Có nhiều người cố thử mở các tủ sắt . Chỗ nào cũng có các ghế pho toại bị tháo tung ra, các khuôn hình và các bức tranh bị đập nát. Có nhiều người Việt Nam còn trẻ, mặc sọt, ở trần trùng trực, đang di tản mấy chiếc ghế tràng kỷ dài. Từ 30 năm qua, người Việt Nam với tánh kiên nhẫn và khéo tay, đã thu nhặt và sửa chữa, đóng hay dán lại mọi loại vật dụng. Bây giờ thì họ lại tiếp tục. Các ông chủ cũ đã ra đi, các ông chủ mới còn chưa thấy có mặt.

Tại dinh Tổng Thống , điện thoại reo tới tấp và liên tục. Ông Nguyễn văn Hào, cựu Tổng Trưởng Kinh Tế nói to lên:

– “*Những người nào đã có một trách nhiệm nào đó đối với đất nước không thể ra đi được . Dù có gì xảy ra cũng phải ở lại. Bắc Việt biết rõ họ muốn gì. Họ đã tranh đấu từ ba chục năm rồi, họ xứng đáng để lãnh đạo Việt Nam ... một đất nước thống nhất và độc lập, tương lai được bảo đảm. Miền Nam giàu về nông nghiệp và dầu hỏa, Miền Nam có thể giúp đỡ cho Miền Bắc*

Vị tân Thủ Tướng đã chỉ định ông Lý quý Chung trong chức vụ Tổng Trưởng Thông Tin, ông này tuyên bố:

– “*Chúng ta không có một mặc cảm nào về sự đầu hàng... Đừng bao giờ nói tới lực lượng thứ ba nữa. Lực lượng này không có chỗ đứng chính trị của nó. Nhất là nó chỉ đại diện cho một dân tộc thống nhất và không đánh nhau.*

Ngoài thành phố, cờ xí treo rợp trời. Dân chúng treo cờ xanh và đỏ của CPLTCHMN ở cửa sổ. Trên các công sở thường thường người ta chỉ treo một miếng vải trắng hay một tấm vải trải giường trắng. Có nhiều người treo cờ Pháp, nghĩ rằng để thay thế cho một loại đặc miễn ngoại giao. Trời rất tốt.

Ông Patrick Hays đi một vòng Sài Gòn . Có nhiều đường vắng teo, có đường cũng đông nghẹt. Ông gặp những người lính Dù, có võ trang, rất có kỷ luật ở đường Công Lý và Pasteur. Ông đến bệnh viện Grall. Ở đây chung quanh các dãy nhà có nhiều người dân sự và rất nhiều quân nhân mặc thường phục.

Đại úy Phạm Thành làm việc ở Bộ Tư Lệnh Cảnh sát . Thượng cấp của ông, trong đó có tướng Nguyễn khắc Bình Tư Lệnh cảnh sát và Giám Đốc Trung Ương Tình Báo, cùng với 3 tướng lãnh khác và 4 đại tá và một số sĩ quan khác đã ra đi. Phạm Thành ở lại với nhiệm vụ “giữ gìn trật tự và danh dự”. Hai ngày trước ông Thành đã gọi vợ con đi Pháp. Ông đã từng giúp hãng hàng không Air France ở văn phòng nên người ta đã giảm giá vé cho ông đến 50 %. Ông Thành đã yêu cầu người ta đốt hết tất cả hồ sơ. không một ai đã đụng tới. Ông quyết định đến tỵ nạn ở tòa đại sứ Anh, đang được người gát công. ông Sam, dân Ấn độ, coi sóc. Nơi đây ông thấy có một đại tá và khoảng 12 sĩ quan cảnh sát . Họ lên xe đi đến bệnh viện Grall. Họ tin tưởng rằng ở đây có treo một lá quốc kỳ Pháp và họ sẽ được bảo vệ. Đại úy bỏ khẩu súng của ông. Ông nghĩ nhiều tới những hồ sơ vẫn còn ở Bộ Tư Lệnh , từ những tờ giấy đã ngả vàng và bụi bậm với những lời phê bâng mực tím, từ hồi còn người Pháp... cho đến những tờ giấy đánh máy, các bản sao của cơ quan CIA. Đại úy này thù ghét cộng sản nhưng ông tự nhủ là có thể họ sẽ tỏ ra hiểu biết. Họ sẽ nói về hòa hợp và hòa giải. Tất cả mọi chế độ đều cần cảnh sát Có thể người ta sẽ hạ cấp bậc ông xuống một ít. Và ông sẽ lấy lại cấp bậc cũ của ông trong tương lai.

Nhiều toán quân nhân Miền Nam Việt Nam đi lang thang trong thành phố. Có một số lớn đã vứt hết vũ khí và cả quân phục của họ. Trên lề đường vương vãi đầy quần áo trện, giày cao cổ đi rừng, nón sắt, mũ nhựa, băng đạn v.v.. Có những lời đồn đoán được loan đi một lần nữa. Một vài người dân Sài Gòn quả quyết là cộng sản sẽ trừng phạt thành phố bằng bom đạn. Người khác thì tin chắc và xác nhận là chiến xa Bắc Việt sẽ không vào thành phố. Sài Gòn sẽ là một thành phố tự do như Hong Kong vậy, vì Hà Nội cũng cần có một cửa mở ra cho vùng Á Đông.

Ở công trường Lam Sơn, dưới chân tượng đài “chiến sĩ Việt Nam” có một tử thi nằm dài giữa hai chậu bông. Một ông trung tá cảnh sát, sau khi nghe lời tuyên bố của ông Dương văn Minh, đã đến đây. Ông đứng nghiêm chào tượng đài, đứng nguyên vị thế nghiêm một lúc lâu rồi ông ta tự bắn vào đầu một phát súng lục. Có một số lớn sĩ quan đã tự tử trong ngày 30 tháng 4, trong đó có tướng Trần văn Phú, cựu Tư Lệnh Vùng 2 Chiến Thuật. Hồi xưa những người có trách nhiệm mà không làm tròn nhiệm vụ quan trọng thì phải tự sát.

Người ta ghi nhận có nhiều đơn vị Bắc Việt trong vùng ngoại ô. Có một số thành phần của quân đoàn 3 Bắc Việt đã tiến đến gần phi trường. Tướng Văn tiến Dũng đã cho 150.000 người tiến sát vào Sài Gòn . Một vài đơn vị của Miền Nam Việt Nam vẫn còn kháng cự ở vùng cầu Tân Cảng trên sông Sài Gòn . Người ta thấy cả bộ binh và chiến xa Bắc Việt đi qua cầu. Bộ binh thì được xe Quân đội chở, theo sau là các khẩu đại bác của Pháo Binh có xe kéo, và các khẩu đại bác cao xạ phòng không . Các xa đoàn trên chiến xa thì khó thấy được. Đôi khi, họ hòì thăm đường giống như khách du lịch đi lạc vậy.

11 giờ :

Ở phi trường, trung sĩ Thương và hai chục binh sĩ nhận lệnh của cấp trên, ông Lê xuân Huyền :

– ” Hết rồi, các anh hãy bỏ súng xuống và về nhà hết đi, còn tôi , tôi phải ở lại để bàn giao...

Không có một người nào chịu đi

Tại dinh Tổng Thống , ông Dương văn Minh mệt mỏi, đang có mặt với Thủ Tướng của ông và một vài nhà báo. Ông nói:

– ” *Tôi đợi anh em ở “phía bên kia”*

Ông cũng tâm sự với anh Jean Louis, trưởng phòng của cơ quan truyền thông AFP:

– ” *Tôi không biết là phải đợi họ hôm nay hay ngày mai... Phải có người nào đó....*

Khi các bộ đội Bắc Việt xuất hiện, các nhân viên người Việt đã bị CIA bỏ quên ở khách sạn Duc, bắn mấy tiếng súng lục và liên thanh. Mấy tràng liên thanh nặng và hỏa tiễn đã làm cho họ im ngay. Phía sau lưng nhà thờ Chánh Tòa, một trung đội Dù cố ngăn các chiến xa địch. Tất cả đều bị thương hay tử thương.

Người dân Sài Gòn quan sát đoàn quân chiến thắng Bắc Việt với một sự nhẹ nhõm, sợ hãi và ngạc nhiên lẫn lộn. Hầu hết các bộ đội hình như còn quá trẻ hơn là có kỹ luật. Sĩ quan thì hình như đã quá tuổi 40. Các pháo tháp của chiến xa thường được mở toang, chiến xa thì được nghi trang bằng lá dừa nước .

11 giờ 45:

Trung sĩ Thương của Việt Nam thấy bộ đội Bắc Việt trang bị súng AK. Họ nói lớn tiếng và mạnh dạn, toàn nói tiếng Bắc:

– “*Ai chỉ huy ở đây ?*

Thiếu tá Lê xuân Huyền tiến tới và nói :

– “*Tôi”*

Bộ đội Bắc Việt ra lệnh cho tất cả đều phải cởi bỏ hết quần phục. Các binh sĩ nghe theo lệnh, và mặc quần cụt đứng chờ. Người ta nói là tất cả, người thắng trận cũng như người thua trận đều có vẻ sợ. Người thắng trận thì sợ mắc bẫy, người thua thì sợ bị hành quyết. Bộ đội Bắc Việt cho lệnh họ trở về nhà, trừ thiếu tá Huyền. Trung sĩ Thương cùng ra về với các đồng đội.

Có nhiều xe jeep chạy quanh trong thành phố, chở đầy sinh viên mang súng M.16 nhưng đeo băng đỏ.

Anh Tiên, một người trẻ thích xi nê, đã từ Hà Nội vào, đi trên 6 chiến xa Bắc Việt đến trước Bộ Tổng Tham Mưu Việt Nam Cộng Hòa . Chiến xa xếp thành hàng trong sân , súng chữa thẳng vào Bộ Tổng Tham Mưu . Vào giờ chót toán chiến xa này được lệnh đến khám Chí Hòa, rồi lại được lệnh trở về Bộ Tổng Tham Mưu vì các tù nhân đã được thả hết rồi.

Anh Tiên này thấy bằng lòng, chiến tranh đã chấm dứt, anh ta sẽ về gặp mẹ anh và ông anh.

Chiến xa mang số 879, thuộc lữ đoàn 203, do Bùi Đức Mai chỉ huy, đã vào đại lộ Thống Nhất, qua khỏi tòa đại sứ Hoa Kỳ để tiến tới. Người trưởng xa nhận thấy mình đã đi quá xa, nên lui lại và hướng về Dinh Độc Lập tiến tới. Chiến xa này chạy tới trước hàng rào và những bồn cỏ. và với một hành động cố ý hay tượng trưng, vì không có một ai ngăn cản và lính gác đã chờ để mở cổng dễ dàng, chiến xa mang số 879 ửi sập hàng rào sắt và tiến tới tòa nhà lớn. Chỉ đoàn trưởng Bùi Quang Thuận bước xuống chiến xa, bước lên cầu thang, lên đứng tại bao lơn. Một anh bộ đội đi lại lan can để hạ cờ Việt Nam Cộng Hòa xuống và kéo cờ xanh đỏ của CPLTCHMN lên. Bây giờ là đúng 12 giờ 15 phút, giờ Sài Gòn, 11 giờ 15 phút giờ Hà Nội, lá cờ của CPLTCHMN đã phát phơ trên dinh Độc Lập. Các chiến xa khác cày nát bãi cỏ vào bố trí thành hàng... Các bộ đội cũng chia ra nằm rải rác trên bãi cỏ. Xa xa, về hướng tòa đô chính, người ta nghe được một vài tiếng súng nổ lẻ tẻ và cũng có một vài tiếng lựu đạn nổ. Dân chúng, trong đó rất nhiều trẻ con và nhà báo bu quanh các chiến xa và các bộ đội Bắc Việt. Sĩ quan và bộ đội Bắc Việt phân tán ở tầng trệt nhưng sau đó tràn lên lầu một, và ở đó họ gặp Tổng Thống Dương Văn Minh và những người trong chính phủ của ông. Ông Tô Văn Quang, một nhân viên Điện Lực hình như cũng có mặt để làm trung gian. Một anh Bắc Việt có lẽ quá sốt ruột đã hỏi xem có ai có vũ khí gì không :

- " Nếu có vũ khí thì vất xuống đất hết đi.

Có hai người nói với ông Dương Văn Minh, với 2 cách đối xử hoàn toàn khác nhau. Một người thì có vẻ ôn hòa hơn, là đại tá Bùi Tín, một nhà báo, từng là sĩ quan báo chí thuộc phái đoàn quân sự Bắc Việt trong Ban Liên Hợp Quân sự 4 Bên Trung ương ở trại Davis, là sĩ quan cao cấp nhất lúc bấy giờ, đến để chấp nhận sự đầu hàng :

- " Các ông không có gì để phải sợ sệt, Giữa người Việt Nam với nhau, không có người thắng không có người thua. Chỉ có người Mỹ mới là kẻ bại trận. Nếu các ông là những người yêu nước thì hãy xem đây là phút giây vui sướng. Chiến tranh Việt Nam đã kết thúc rồi.

Ông Dương Văn Minh trả lời :

- " Chúng tôi chờ các ông để giao quyền binh.

Một sĩ quan cấp úy khác có lẽ tên Tùng, thẳng thừng nạt lại:

- " Các ông không có gì để mà giao nộp. Các ông chỉ có đầu hàng vô điều kiện thôi. Các ông hãy đến đài phát thanh để tuyên bố đầu hàng vô điều kiện.

Ông Minh cúi mặt xuống, ríu ríu bước xuống cầu thang của dinh Độc Lập và đi đến đài phát thanh đọc một văn bản do một sĩ quan Bắc Việt thảo ra:

- " Tôi tuyên bố là nền hành chính của Sài Gòn hoàn toàn được giải tán từ trung ương đến địa phương. Từ cấp trung ương đến địa phương, đâu đâu cũng đều đầu hàng CPLTCHMN.

Ông Dương Văn Minh trở về dinh, nơi đây đã có gần 40 chiến xa Bắc Việt đại bác và liên thanh chia ra ngoài như để phòng thủ nơi này vậy. Một vài tù binh đang ngồi dưới đất, đứng dậy và được mấy bộ đội Bắc Việt dẫn đi gia nhập vào các hàng tù binh khác trong thành phố.

Còn bộ đội Bắc Việt thì lớp đứng, lớp ngồi chồm hồm, người thì đội nón cối người để đầu trần, đang ba hoa với dân chúng

Ông Minh và những người của ông ăn trưa. Bữa cơm của một Tổng Thống , cua biển chiên và mì ống đã sẵn sàng. Người ta cho Tổng Thống một khẩu phần của bộ đội gồm có cơm và thịt hộp.

Có nhiều thanh niên -được gọi là “cọp 30/4”, mới nhảy ra tham chiến vào giờ chót – một số có võ trang, chạy khắp thành phố trên những chiếc xe sung công.

Trung sĩ Thương, mặc thường phục, trở về nhà ở đường Lăng Cha Cả. Nhà anh trống vắng. Anh lấy một chiếc xe đạp và đạp đi. Trên đường Trương minh Giản, anh thấy một số binh sĩ Việt Nam Cộng Hòa chết nằm dài dưới đất. Anh đi đến gần chợ, thấy toàn là chiến xa và xe vận tải Molotova. Các “cọp 30” mang băng đỏ, ồn ào cho lệnh đám đông :

– *Vỗ tay đi* “

Đàn bà và trẻ con chạy vào tiệm mang đi các băng ghi âm, đèn, máy thu thanh. Mấy ông “cọp 30” vội la lên :

– *Đừng có cướp phá, đó là tài sản của nhân dân !*”

Một vài anh Việt Cộng , mặc bà ba đen đội nón vải đi rừng, với khăn rằn choàng cổ mang súng AK.47 và súng phóng hỏa tiễn, được thấy lẫn lộn trong đám bộ đội Bắc Việt .

Tại Bộ Tổng Tư Lệnh, tướng Dũng hơn hờ :

-” *Trên bản đồ của chúng ta, 5 cánh quân của chúng ta vừa nở ra như những tai của một hoa sen. Quân đoàn 1 chiếm Bộ Tổng Tham Mưu và các Bộ Chỉ Huy của các binh chủng. Quân đoàn 3 chiếm phi trường Tân Sơn Nhất , ở đó họ bắt tay với phái đoàn quân sự của ta ở trại Davis. Nhiều pha gặp lại nhau cũng cảm động và nên thơ lắm. Quân đoàn 4 đã đóng quân ở bộ Quốc Phòng , bên Bạch Đằng và đài phát thanh. Toán đặc nhiệm 232 kiểm soát Bộ Tư Lệnh Quân Khu Thủ Đức và Bộ Tư Lệnh Cảnh sát .*”

Nơi đây các đơn vị đặc biệt đã khám phá được hàng ngàn hồ sơ và các máy điện toán, làm cho họ phải suy nghĩ. Tướng Dũng tiếp tục:

– “*Quân đoàn 2 chiếm Dinh Độc Lập, chỗ mà những người Mỹ làm đủ mọi trò để bán đấu giá nền độc*

lập của chúng ta . “

Ở Bộ Tư Lệnh Bắc Việt , có cuộc họp của những người chỉ huy. Họ ôm nhau và khen lẫn nhau. Ông Lê đức Thọ, Phạm Hùng và tướng Văn tiên Dũng đã ôm hôn nhau. Trong phút giây sung sướng đó, tướng Tổng Tư Lệnh Bắc Việt đốt một điếu xi gà và kéo vài hơi thích thú.

– “*Một mùa xuân lạ thường vừa mới nở ra thình lình trong một khúc nhạc vui không thể tả được* “ tướng Dũng viết . Tướng Dũng này, một quân nhân có tuổi, luôn chiến đấu, 36 năm trước vốn đã có lúc phải tỵ nạn trong một ngôi chùa Phật Giáo , ám chỉ cho một công thức lạ lùng trong chu kỳ sinh và tái sinh trong Phật Giáo :”*Giây phút này, người ta chỉ sống được có một lần trong cả cuộc đời , hay có thể trong nhiều cuộc đời. Dù sao thì cũng chắc chắn là không có hai lần như vậy trong một đời người .*”

Một trong số sĩ quan của ông nói :

” Kể từ giờ này người ta có thể đưa vũ khí qua bên trái, lòng thấy đã thỏa mãn .”

Tướng Dũng đã tìm thấy lại được hình ảnh cũ của hoa sen, cái hoa đầu tiên, mới xuất hiện lần đầu tiên của cuộc đời trên dòng nước đục, cái hoa đẹp và trong trắng. Tướng Dũng đã từ những dòng nước bẩn đó của chiến tranh đi ra, từ các chiến khu, từ những cuộc tấn công thất bại và sau đó thành công. Một trong những người cận vệ của ông ta, anh Võ xuân Sang đã chụp được những giây phút hoan hỷ này. Dĩ nhiên là các hệ thống dân sự và quân sự của người cộng sản đều tỏ vẻ hoan hỷ. Tướng Dũng trong hồi ký của mình, đã rơi nhanh vào giọng thơ trữ tình lẫn lộn với các hình ảnh loại tình cảm chánh trị mà Hà Nội cho phép:

– ” Phải, chúng tôi đã khóc vì mừng trong ngày chiến thắng này... Ý nghĩ đầu tiên của chúng tôi là dành cho Bác Hồ, sau giây phút loạn báo chiến thắng hoàn toàn đó . Chúng tôi hình như nghe được tiếng chuông reo ở nhà sàn của Người , để báo cho Người chiến thắng mới. Chúng tôi hình dung được Người đang đứng sau các bức màn, đang viết một bài thơ để mừng chiến thắng..”

Bác Hồ đã nói rằng Người chờ 10 , hai chục hay ba chục năm nếu cần. Quân đội là Đảng, và đảng như một hoa sen, với bốn, sáu, hai mươi và ngàn tai. Hoa sen với một ngàn tai, đó là cả một sự phát hiện và đáng là sự thật. Chỉ còn có việc làm cho người dân Miền Nam vốn thường hay lãnh đạm hay cười và hay bị mua chuộc, để cho họ hiểu và chấp nhận . Tướng Dũng nghĩ rằng Sài Gòn và Miền Nam cũng như Hà Nội và Miền Bắc xứng đáng được biết “cuối cùng là hòa bình và hạnh phúc “. Rất giản dị là họ không được biết loại hạnh phúc nào mà họ rất cần . Còn người dân ở Hà Nội thì họ đã biết rồi. Hạnh phúc rất xứng đáng phải được tổ chức. Trong thành phố loạn ly và đầy nghi ngờ này, có nhiều người dân và quân nhân cần phải đền tội trước hết. Ngoài một vài quyền lợi hay nhiều đau khổ cá nhân, mới có nảy ra được hạnh phúc tập thể trên tất cả những khát vọng nhỏ nhoi cá nhân, ích kỷ và tư sản đáng khinh.

Tại Sài Gòn trên bãi cỏ có bóng mát trong dinh Độc Lập hiện có gần 2000 bộ đội Bắc Việt cười nói vui vẻ. Lúc họ tới họ không nhận thấy được những biểu hiện vui mừng ồ ạt như họ đã dự kiến . Có nhiều khẩu súng được cải hoa trên đó, Các bộ đội ăn cơm nếp với đồ hộp.

Bệnh viện Grall đầy áp người dân tỵ nạn, trong đó có những người Đại Hàn, người Đài Loan, Cả đàn ông đàn bà và trẻ nít đã chiếm hết các bãi cỏ và họ cắm lều giữa các dãy nhà tiền chế. Có nhiều người thấy xa hơn nên đã xin nhập viện từ mấy tuần trước . Một ông già buôn bán đồ cổ, nghiện thuốc phiện, ông Thanh An, đã thuê một căn gác xép của bệnh viện, được gọi nôm na là “chuồng bò câu” gồm có một phòng ở đầu dãy nhà có nhiều hành lang. Ở đây hồi xưa, các đồ độc toàn quyền Pháp đã từng được săn sóc ở “chuồng bò câu ” này. Nằm dài trên chiếu rom, ông lão thông dong đưa ống tẩu lên hút thuốc phiện ...

Ông Patrick Hays không bao giờ dùng đến vũ khí của mình. Người phụ tá của ông , ông Hamieux, chở vũ khí của họ trên một chiếc xe Jeep mui trần để đến bệnh viện Grall xuyên qua thành phố đầy bộ đội Bắc Việt . Ở bệnh viện, các vũ khí này sẽ nhập vào với đồng vũ khí mà những ai muốn vào tỵ nạn ở đây dưới lá quốc kỳ Pháp đều bắt buộc phải vứt bỏ hết. Ông Hays đã nghe được những tiêu lệnh đầu tiên đã được đài phát thanh Giải Phóng phổ biến. Kể từ giờ này thành phố Sài Gòn sẽ được gọi là hành phố Hồ chí Minh. Các bà các cô phải ăn mặc chỉnh tề, mặc quần áo khiêm tốn của người nông dân, màu đen hay màu nâu. Màu xám là màu hạnh phúc của người cộng sản . Đài phát thanh của thành phố Hồ chí Minh đã loan báo là đã có một cuộc nổi dậy của dân chúng để vui mừng chào đón đoàn quân giải phóng.

. Sự thật là cũng có một vài người dân phần lớn là trẻ con ở Sài Gòn đã có vũ tay, và những người khác thì im lặng. Các xe vận tải chạy khắp các đường phố phóng loa kêu gọi :

– *” Lực lượng của MTGPMN đã làm chủ Sài Gòn . Hãy yên tâm đừng có lo sợ. Bà con sẽ được đối xử đàng hoàng nếu biết tôn trọng trật tự và kỷ luật.”*

Đài phát thanh Giải phóng được đài phát thanh Sài Gòn lập lại ngay sau đó, đã phổ biến 10 điểm trong chương trình của CPLTCHMN :

Lần lần , các bộ đội Bắc Việt điều hành sự lưu thông. Xa xa, các kho đạn vẫn tiếp tục nổ. Có nhiều cột khói đen lên cao ngất trời ở về hướng Chợ Lớn.

Linh mục Jean Mais đã nghe được tin Sài Gòn bị thất thủ do những người giữ ông cho biết: Họ còn nói:

– *” Trường hợp của Anh nặng lắm, Anh là một gián điệp quốc tế. Anh sẽ bị giữ lâu lắm.*

Linh mục mua một tập vở học trò, một cây bút máy và bao thuốc lá Bastos, loại thượng hạng. Ông giết thì giờ bằng cách soạn một bài mới cho lớp của ông về phép ẩn dụ hay chế ra cách nói lái.

– *“Tôi có tội gì ? đôi khi ông thường hỏi*

– *Anh không biết thiệt sao ?*

– *Không biết.*

– *Sao ? Anh dám nói là anh không có tội gì, trong khi cách mạng đã bỏ tù ông ?*

Linh mục chờ đợi, chỗ nhốt ông bị dời đổi luôn, từ nhà này đến lều khác. Ở đây người ta trao cho ông áo choàng, ở chỗ khác người ta cùm chân ông lại. Một ngày kia, một người giữ ông đọc cho ông nghe một số điều lệ:

– *Anh , từ giờ này anh được gọi là “số 32”. Anh không được nói tên anh ra cho ai biết hết, Cấm không được nói anh là ai. Cấm không được nói về dĩ vãng của anh. Cấm không được nói gì về vấn đề chánh trị . Cấm không được nói chuyện về đạo giáo.*

Hà Nội nhanh chóng đặt chánh quyền của họ lên Sài Gòn nhưng rất kín đáo, và chậm hơn ở các tỉnh của vùng đồng bằng vì ở đó có ít lực lượng cộng sản , chỉ có vài trung đoàn Việt Cộng và một ít bộ đội Bắc Việt về phía Nam của Vùng 4 Chiến Thuật. Cho đến đầu tháng 3, các lực lượng này bị phân tán nhỏ ra để mang “tên ma” cấp đại đội và trung đội. Tướng Trần văn Trà đã cho lệnh tập trung lại thành “sư đoàn” của CPLTCHMN nhưng thật sự chỉ có tên trên giấy tờ. Phải “hù dọa”Chánh Phủ Sài Gòn , cho họ tin là CPLTCHMN có nhiều quân.

Trong vùng Đồng Bằng, chiến trận thường chỉ là chiến tranh du kích, bên nào cũng có thiệt hại., có đổ máu. Tướng Trà gặm nhấm hạ tầng cơ sở của chính phủ Miền Nam Việt Nam . Việt Cộng đột kích vào các vụ mùa lúa gạo. Trong Vùng 4 này, chiến trận mạnh nhất thường diễn ra ở về phía Bắc, nơi đó Việt Cộng và bộ đội Bắc Việt có thể tựa lưng vào hậu cứ ở Cam Bốt. Các tướng cộng sản Bắc Việt dự định chiếm Cần Thơ vào cuối tháng 3 năm 75. Nhưng với sư đoàn 21 bộ binh có Thiết Giáp yểm trợ, thành phố này khó mà chiếm được .. Các nhánh sông Cửu Long lại còn có thể được sử dụng như tuyến phòng thủ thiên nhiên của Miền Nam .

Chánh quyền cách mạng vào Cần Thơ trưa ngày 30 tháng 4, vì sự tự tan hàng của bên hành chánh và của Quân đội Miền Nam hơn là sự tiến quân ồ ạt của Việt Cộng và Bắc Việt .

MTGPMN và CPLTCHMN không bao giờ đủ mạnh trong Vùng 4 này. Anh Wilfrid Burchett, một nhà báo người Úc, thân cộng sản, đã vô tình tiết lộ như thế. Bà Nguyễn thị Mười Bé, chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân An Nghiệp, một trong 12 khu của thành phố, đã mô tả cho anh Burchett về sự giải phóng của Cần Thơ. Trong khu của bà có 19.000 dân, bà ngậy thơ thú thật là vào ngày 28 tháng tư, “hạt nhân cách mạng” chỉ có khoảng 15 người yêu nước. Bà có thêm 4 người dân quân bí mật và 40 lính dân vệ của Miền Nam “sẵn sàng ngã về phe ta, khi có lệnh”. Người ta có thể suy diễn là ở Cần Thơ chỉ có nhiều lắm là vài trăm người cốt cán đã làm việc cho CPLTCHMN. Ngày 30 tháng 4 đến 9 giờ sáng rồi mà họ còn đi phát truyền đơn, còn đi dán biểu ngữ trên tường và trên các gốc cây. Sau đó một lúc, họ phát truyền đơn của họ cho binh sĩ Miền Nam Việt Nam ở nhà kho tiếp vận số 4, trong khu An Nghiệp. Hầu hết binh sĩ đều cởi bỏ quân phục của họ và mặc thường phục đi về nhà.

Cộng sản chiếm đài phát thanh. Lúc 15 giờ, tướng Nguyễn khoa Nam nhận thấy là binh sĩ của CPLTCHMN gần như không có vũ trang, nên ông cho một số binh sĩ đến chiếm lại đài phát thanh. Ông xin thêm lực lượng tiếp viện nhưng không có. Sau đó ông với tướng Tư Lệnh Phó Nguyễn văn Hưng của ông mới tự tử.

Ông Nguyễn hà Văn, một thành viên của Ủy Ban cộng sản địa phương, một người tóc đã hoa râm và mặt nhăn nheo, đã giải thích cho ông Burchett như sau :

– “Về sau, trong đêm, lực lượng chánh quy của chúng tôi mới đến. Họ đến trễ vì bị đụng độ dài dài trên quốc lộ số 4.”

Chuyện chiếm giữ đài phát thanh là hành động quyết định. Trong các làng và các ấp ở chung quanh, người dân và binh sĩ nhận thấy là đài phát thanh đã ở trong tay cộng sản, nên họ cho rằng kháng cự nữa cũng vô ích. Từng toán hai ba chục người, cả sĩ quan, hạ sĩ quan và binh sĩ của Miền Nam Việt Nam kéo nhau đi về phía Nam. Nhiều người hy vọng nhập vào các ổ kháng chiến. Nhiều người khác thì nghĩ rằng có thể đến được vùng sinh lầy của mũi Cà Mau. Những người khác nữa thì tìm thuyền, tàu, ghe chài để ra khơi tìm hạm đội Mỹ hay của Việt Nam. Có một số toán này đi vòng qua các tỉnh Sóc Trăng, Cần Thơ, Vĩnh Long, Bến Tre hay Mỹ Tho để ra biển.

Tại Mỹ Tho, quân lính thuộc tiểu khu này buông súng xuống lúc 18 giờ.

Các đơn vị Hải Quân quốc gia bắn nhiều tràng súng rồi kéo nhau theo sông Cửu Long chạy ra biển. Binh sĩ Miền Nam kháng cự lại ở một số điểm tựa, ở Bộ Chỉ Huy Bình Định Nông Thôn. Ở đây một đại đội cán bộ bình định không chịu đầu hàng. Cửa ra vào được khóa chặt bằng 2 hàng rào kẽm gai. Theo ông Burchett thì lực lượng cách mạng phải dùng mẹo. Họ nghi trang với quân phục binh sĩ Việt Nam Cộng Hòa để đến gần trại rồi hạ sát người lính gác để vào trại.

Cũng vào giờ này, trên đảo Côn Sơn, có 75 tù nhân nổi loạn. Từ thời Pháp, Côn Sơn và nhà tù ở đây đã là hiện thân của cả một lịch sử và một biểu tượng. Những phòng giam kiểu song sắt như chuồng cọp vẫn còn đó. Đại sứ Graham Martin đã nói rằng các phòng giam này cũng sạch sẽ. Các phòng giam được gọi là chuồng cọp này là những phòng ở dưới tầng hầm mà người kiểm soát đi lại ở trên. Không có nóc, chỉ có một tấm vỉ song sắt để người ta dờ lên cho người tù xuống và để phát thức ăn nước uống cho tù nhân. Có rất nhiều người cộng sản đã đi qua Côn đảo. Hầu hết là tù chánh trị. Các cai tù đã bỏ đi hay đã được vô hiệu hóa. Chiều hôm đó, đài phát thanh Giải phóng loan báo là các tù nhân ở Côn đảo đã thành lập một Ủy Ban gồm 11 thành viên “dưới quyền lãnh đạo của đồng chí Lê Cầu”.

Đài phát thanh Giải phóng cũng tuyên bố là “27 tàu chiến của Hải Quân bù nhìn” đã bị khám xét ở ngoài khơi bờ biển Việt Nam . Họ bị các đơn vị của Hải Quân Bắc Việt bao vây ở hải phận Đà Nẵng , nơi đây không còn có tàu chiến Hoa Kỳ nữa.

Sự thật là Hải Quân Bắc Việt không bao giờ có mặt trong vùng biển dù là hạm đội Hoa Kỳ đang có mặt hay không có mặt.....

Đọc theo tất cả bờ biển thuộc Miền Nam Việt Nam, có quá nhiều dân tỵ nạn đã dùng đủ loại tàu thuyền lớn nhỏ để “vượt biển” , đó là những người vượt biển đầu tiên ! (nguyên tác : “*boat people*”)

Tại Sài Gòn, tòa đại sứ Pháp thảo một điện tín cho Chánh Phủ Pháp . Ông Mérillon giải thích là ” *buổi trưa ở đây rất nóng bức. Việt Cộng đã chế ngự hết các hệ thống phòng thủ cuối cùng*”

Để mô tả cảnh các đơn vị Bắc Việt tảo thanh thành phố, đại sứ dùng danh từ “Việt Cộng” để xác nhận dù gì thì hành động tiến chiếm Sài Gòn cũng chỉ là một hư cấu về phía CPLTCHMN . Ông Mérillon viết tiếp :

– “*Bọn Việt Cộng vào Sài Gòn vào giữa trưa, nghĩa là đúng 2 giờ sau lời kêu gọi đầu hàng của ông Dương văn Minh. Thật là vô phước cho ông Dương văn Minh vì tên ông cũng không được ghi chú như là một Tổng Thống ngay trong các công hàm chính thức cũng vậy. Thật ra không thấy có đánh đấm một trận nào. Trở ngại duy nhất là những tay bắn tỉa lẻ loi, nhưng nhanh chóng bị triệt hạ.... Thường thường vì thiếu tin tức, các binh sĩ Dù và Biệt động Quân đang đánh nhau không chấp nhận tư cách của các công hàm ngoại giao... Về phía bên kia của khuôn viên tòa đại sứ Hoa Kỳ súng liên thanh vẫn không ngừng tác xạ.*”

Có ít nhất một mục tiêu mà tòa đại sứ Pháp và Đại sứ Mérillon đã đạt được Ông Mérillon viết.:

– “*người ta không có chứng kiến tại Sài Gòn những cảnh giết chóc nào như đã diễn ra ở Đà*

Nẵng. Trong vòng gần 48 tiếng đồng hồ, Sài Gòn đã biết được sự hỗn độn, một sự hỗn độn tương đối thôi, nếu người ta không muốn nói đến những pha cướp bóc... “.

Có trách nhiệm về an ninh, ông đại sứ lúc nào cũng phải nghĩ tới các công dân của mình :

– “*Tôi tin tưởng là có thể nói cộng đồng người Pháp của chúng ta không có bị thiệt hại gì.... Hình như*

họ còn nguyên vẹn.”

Ông Mérillon cầm điện thoại trực tiếp nối liền với tòa đại sứ Hoa Kỳ lên. Đường dây đã chết rồi.

Thượng úy Bắc Việt Trần bá Đoài đang ở Bộ Tư Lệnh Vùng 4 cộng sản , ở Quảng Bình khi ông nghe được ông Dương văn Minh đã đầu hàng qua đài phát thanh. Thượng úy này thuộc thành phần tiểu đoàn 28 của đơn vị vận tải số 559. Ông chỉ huy một đoàn xe 70 chiếc chở đạn dược, cá khô và gạo. Như vậy là chiến tranh đã chấm dứt, sự thống nhất đã bắt đầu...

Cuộc chiến này đã quá dài.. Ông Đoàn đã vào bộ đội mười sáu năm nay. Ông từng mong muốn trở thành bác sĩ. Trước khi được chuyển sang ngành vận tải, ông thuộc lữ đoàn 305 Nhảy Dù và đã nhảy được 25 lần, do Trung quốc và Liên Xô huấn luyện. Lúc bấy giờ ông hết lòng phục vụ , để giải phóng và thống nhất đất nước . Đầu óc của ông bị nhét đầy biểu ngữ : “Việt Nam là đất nước của chúng ta” , ” Người Việt Nam là một dân tộc thống nhất”, “Không có gì quý hơn Độc Lập, Tự Do”... Các khẩu hiệu này được gắn liền với ông ta như vết mực xăm trên tay ông ta vậy. Ông ta đã ngày đêm chạy trên đường số 1 , nối liền Hải Phòng đến Hà Nội , sau đó đi vào trong Nam. Ngồi trong buồng lái của chiếc Molotowa, ông dẫn đầu đoàn xe từ 50 đến 80 chiếc xe vận tải . Khi mà mọi việc đều tốt thì ông đi suốt 700 cây số trong hai ngày và một đêm. Nhiều khi một phần ba người của ông bị thương hay tử thương.

Đã từ lâu rồi, ông tự hỏi rồi chiến tranh sẽ đi về đâu ? Vào tháng 12 năm 1974, cấp trên của ông đã nói là chiến tranh còn dài lắm, rằng người ta không thể giải phóng nhanh chóng cho cả nước Việt Nam được . Phải có những “viễn ảnh đúng đắn”, người ta không thể tấn công mạnh bạo vào Sài Gòn được , sẽ có nhiều tổn thất cho cả 2 bên. Sài Gòn là một hòn ngọc, Không thể phá hủy nó được bằng một cuộc tấn chiếm. Vào tháng giêng, thượng úy đã dự một buổi họp với 700 sĩ quan đủ mọi binh chủng. tại Hà Nội, gần Ba Đình. Anh ta đã sửng sờ. Người ta loan báo cho hội nghị là có một cơ may đã đến, cơ may này ngàn năm mới có một lần.

Cơ may đó đã nắm được . Chiến tranh đã chấm dứt....

Ở Hà Nội, dân chúng cũng như Lãnh đạo đảng đã nghe ông Dương văn Minh tuyên bố đầu hàng qua đài phát thanh. Có nhiều cơ quan của chính phủ đã điện thoại đến cho ông Jean Thoraval, phóng viên của cơ quan truyền thông AFP, để có được bản văn chính xác, đầy đủ về lời tuyên bố của ông Minh. Người ta đang sửa soạn ăn lễ 1 tháng 5 . Đối với công đoàn lao động, đề tài của buổi lễ Lao Động sẽ phải là : “viễn ảnh vô địch và sáng chói của cách mạng Việt Nam”. Ngày lễ Lao Động 1 tháng 5 đã trở thành ngày của chiến thắng.

15 giờ chiều:

Đến khoảng 15 giờ , giờ địa phương, người ta được biết chính thức là thủ đô Sài Gòn của Miền Nam Việt Nam đã thất thủ. Mọi việc làm được tiếp tục nhưng sau đó được ngưng lại. Tất cả đều ra đường. Buổi chiều hôm đó là cả một niềm vui được nở bung. Nhiều người ngoại quốc cũng ăn mừng sự kiện to lớn này với số đông dân chúng Bắc Việt . Các nhân viên hợp tác xã và nhân viên ngoại giao người Cuba đi dạo với một dàn kèn ở phố hàng Lụa, trong cổ thành Hà Nội. Đại sứ Thụy Điển mở một cuộc tiếp tân, ăn mừng ngày sinh nhật của Hoàng Đế Thụy Điển, cũng là một buổi lễ quốc gia của nước này. Tất cả các tòa đại sứ của các nước Đông Âu đều treo cờ ăn mừng. Một viên chức của Bộ Ngoại Giao Bắc Việt trách tòa đại sứ Pháp là tại sao không làm như các tòa đại sứ khác. Ông Philippe Richer trả lời :

– ” *Đúng theo phong tục, tôi chỉ treo cờ cho các ngày lễ quốc gia của nước tôi mà thôi.*”

Tại trại tù Phong Quang, các tù hình sự cũng như tù chính trị đều ngưng làm việc. Trời quá nóng bức. Cũng như mọi người tù khác, anh Nguyễn Ky đình ninh rằng một ngày nào đó quân lực Miền Nam Việt Nam sẽ đến giải phóng cho họ. Ông không bao giờ tin là Ban Mê Thuột, rồi Đà Nẵng, rồi Huế đã bị thất thủ. Các loa truyền thanh của trại tù đã loan báo Sài Gòn đã thất thủ. Toàn là chuyện tuyên truyền ! Láo khoét ! Toàn là tin thất thiệt ! Người ta muốn làm cho tù nhân mất tinh thần, đập tan hết mọi hy vọng của người tù. Một binh sĩ của Miền Nam Việt Nam , một anh Biệt động Quân không thua gì các anh tù khác, cũng không chấp nhận “tin tức” này.

Còn nhà thơ Nguyễn chí Thiện trong trại này có phản ứng gì ? Người ta chỉ biết là ông tiếp tục nghiền ngẫm lại bài thơ mà ông đã sáng tác :

ĐAU ĐÓN LẮM

(xin xem nguyên tác của tác giả Todd Olivier ở dưới)

*Đau đón lắm, cái làm to của thế kỷ
Sử sách ngàn đời còn mãi khắc ghi !
Mấy chục năm trời xương máu đổ đi
Thử hỏi dân đen thu được những gì
Ngoài một số từ lừa mị kẻ ngu si ?
Người “Công Nhân” trước gọi “Cu Li”
“Người Linh” cũ, nay gọi là “Chiến Sĩ”
Song vẫn “Vác” vẫn “Khuân”, vẫn đói nghèo, vẫn bị
Đẩy ra chiến trường, chết hoài, chết phí
Cho một lũ Trung Ương lợn ỉ !
Còn cuộc sống ngày xưa thì tắc tị
Nay vạn lần thêm tắc tị, đen sì !
Đau đón lắm cái làm to thế kỷ
Sử sách ngàn đời còn mãi khắc ghi !*

1970

(nguyên văn dịch giả trích từ tập thơ : **Tiếng Vọng Từ Đáy Vực**” của nhà thơ Nguyễn chí Thiện)

(nguyên tác bằng tiếng Pháp của tác giả Olivier Todd)

*Douloureuse, la grande erreur du siècle
Dans mille ans
L’Histoire n’en finira pas d’en parler
De multiple décennies de sang et de larmes
Qu’as obtenu le peuple ?
– Rien qu’un vocabulaire leurre à idiots
Douloureuse, la grande erreur du siècle
Dans mille ans
L’Histoire n’en finira d’en parler
“Coolie” promu “Travailleur”
“Bidasse” promu “Combattant”
Porteur ou débardeur
Ils restent sous la même faix
À jamais famétiqes
À jamais misérables
Toujours prêts aux sacrifices dur le champ de bataille*

Tù binh Nguyễn Ky sáu tháng về sau mới công nhận là Sài Gòn đã trở thành “thành phố Hồ chí Minh”. Tin này được các tù binh Miền Nam xác nhận , trong đó có một trung tá, cùng làng với anh ta.

Tại Hoa Thạnh Đốn, các cơ quan trực thuộc đại sứ Bill Brown, người giám sát toán đặc nhiệm phụ trách về tất cả các vấn đề của những người tỵ nạn, đã cho gán một tổng đài điện

thoại để ai cũng có thể gọi được không mất tiền : số (800) 368- 1180 . Điện thoại reo liên tục không ngắt .

Tại Bộ Ngoại Giao, có một trung tâm đặc biệt được mở ra trong nhiều ngày qua. Các viên chức ngủ qua đêm trên các giường bố được cấp tốc dựng lên. Giống như các đồng nghiệp của mình, ông Douglas Pike rất bực mình, theo nghĩa hẹp của danh từ này. Tất cả việc này đã đi ra ngoài lý trí hết.

Tại Ngũ Giác Đài, các quân nhân hiện dịch đều im lặng hay đưa các nhà báo qua cho phát ngôn viên của Bộ Quốc Phòng tiếp, hay thường thì của Bộ Ngoại Giao. Hầu hết các sĩ quan nghĩ rằng những người có trách nhiệm quan trọng trong việc kết thúc chiến tranh là các nhà chánh trị , không phải các quân nhân . Các chánh trị gia thường thường hay gán trách nhiệm của sự đổ vỡ lại cho báo chí .

Sở báo chí của Nhà Trắng xác nhận là trong khi đợt trực thăng chót di tản những người Mỹ cuối cùng thì Tổng Thống Ford lại nói chuyện với các đại diện của những nhà nuôi trườn và gà lôi. Những con chó sói đã đặt cho họ rất nhiều vấn đề .

– *“Đề tài này có vẻ như đã làm cho ông Tổng Thống được thư giãn rất nhiều “*

các cộng sự viên của Tổng Thống đã nói như vậy khi thấy Tổng Thống đã trò chuyện với những nhà chăn nuôi đến gần 70 phút

Tổng Thống Ford đã trao cho các nhà báo một bản văn vô thường vô phạt :

– *” Cuộc di tản đã chấm dứt, Hải Quân Hoa Kỳ và đại sứ Martin đã làm xong phận sự của họ, và rất hoàn hảo, trong những điều kiện thật khó khăn. “Tôi yêu cầu tất cả dân chúng Hoa Kỳ hãy siết chặt*

hàng ngũ, và tránh những lời đã kích về quá khứ....”

Qua đài truyền hình, ông Henry Kissinger họp báo trong văn phòng của tòa nhà Hành Pháp., ở cạnh Nhà Trắng. Trong 4 tháng sau cùng này và nhất là trong 48 giờ cuối cùng, bộ mặt chánh trị của ông về Việt Nam đã sụp đổ hoàn toàn. Ông nói:

– *“Cho tới chiều chúa nhật 27 tháng 4 ,tôi nghĩ là một giải pháp thương thuyết có khả năng cao. Nhưng đến một lúc nào đó, chiều chúa nhật, Bắc Việt rõ ràng đã thay đổi tín hiệu của họ. Lúc bấy giờ họ tìm một giải pháp quân sự nhanh chóng....Chúng ta đã thành công trong việc di tản 55.000 người Việt Nam ”*

Ông Tổng Trưởng Ngoại Giao cho thấy là Bắc Việt đã liên tiếp thay đổi vị trí của họ trên địa bàn ngoại giao :

– *“Những sự đòi hỏi của cộng sản cứ mỗi ngày mỗi leo thang hoàn toàn.*

Thoạt tiên, theo cộng sản thì người ta không thể thương thuyết nếu ông Thiệu chưa ra đi. Sau đó họ lại đòi hỏi ông Hương cũng phải ra đi. Về sau thì ông Dương văn Minh có vẻ như được họ nhận, nhưng cuối cùng ông Minh cũng bị từ chối nốt....

“Chi bộ tấn công ngoại giao” của Hà Nội làm việc rất đặc lực.”

Một nhà báo nêu câu hỏi với ông Kissinger:

– “Ông có chủ trương về một sự giúp đỡ của Hoa Kỳ trong vấn đề tái thiết nước Việt Nam hay không ?

Ông Kissinger không thích câu hỏi này nên ông trả lời vòng vo.

– Còn về Miền Nam Việt Nam?

– *Còn phải xem lại coi chính phủ mới đổ thuộc loại nào ? nếu thực tế sẽ có một quốc gia Việt Nam ở Miền Nam”.*

Cũng trong ngày 30 tháng 4 này, ông Kissinger viết thư cho bà Lionnaes, thư ký của Giải Nobel về Hòa Bình. Ông mong muốn được trả lại cả giải thưởng và số tiền. Nhưng Ủy Ban ở Na Uy từ khước. Những biến cố đã xảy ra “không làm giảm sự quý trọng của ông chút nào hết, về những cố gắng thành khẩn mà ông Kissinger đã dàn xếp để tái lập một cuộc ngừng bắn hồi năm 1973 “

Đối với ông Kissinger, với tư cách là con người, và một người của chánh quyền, sự kiện Sài Gòn bị thất thủ đã thể hiện một sự thất bại thật to lớn, thật rõ ràng và thật là nặng nề cho sự nghiệp của ông ta.

Từ tháng 5 năm 1968, CPLTCHMN đã có một biệt thự ở vùng Verrière-le-Buisson, gần Ba Lê. Nơi đây, bà Nguyễn thị Bình, trong cương vị của những người kháng chiến, đã gây được xúc cảm hay quyến rũ các nhà báo thuộc giới truyền thông quốc tế. Với tư cách là Bộ Trưởng Ngoại Giao của CPLTCHMN, bà thường tiếp báo chí. Một người Pháp đã nêu lên vấn đề thanh toán ở Miền Nam Việt Nam . Bà Bình đã trả lời:

– “ Không có chuyện đó. Chúng tôi biết là ở Pháp và trong các quốc gia Âu Châu khác, đã có những chuyện thanh toán các cộng sự viên của Đức Quốc xã . Đó là phản ứng tự nhiên, của con người . Kẻ địch của chúng tôi đã phạm nhiều tội ác đẫm máu. Họ đã tra tấn, giết chóc và đã cướp gia đình của các nạn nhân của họ. Những người có nợ máu cần thanh toán với họ sẽ là những người cách mạng . Chúng tôi đã dạy dân tộc chúng tôi là không nên trả thù..”

Đối với những người còn hoài nghi, bà nói tiếp :

– “ Trong 30 năm qua, chúng tôi đã chịu nhiều hy sinh hơn, nếu đem so sánh thì chuyện không trả thù chỉ là một chuyện nhỏ thôi, nhất là chuyện hòa hợp quốc gia mới là có giá trị. Chúng tôi gạch bỏ quá khứ.”

Anh Trần văn Bá, với các bạn trong Hội Sinh viên Việt Nam ở Ba Lê, đến tòa đại sứ Việt Nam Cộng Hòa cũ ở đường Villiers

Đại sứ Nguyễn duy Quang sắp từ chức ra đi. anh Bá nói :

– *Chúng tôi tiếp tục cuộc chiến đấu với các bạn sinh viên. Ông hãy giúp chúng tôi .*

Đại sứ trao cho anh một ngân phiếu- của một chương mục không còn được tiếp tế- Anh Bá biết là tòa đại sứ sớm muộn gì cũng phải được giao lại cho chánh quyền Hà Nội . Anh đi khắp nơi trong tòa đại sứ với các sinh viên, lấy hết hồ sơ lưu trữ ra đốt hết. Anh nói là phải tranh đấu, không chấp nhận sự thất trận.

Đó là cử chỉ đầu tiên của một người tranh đấu. Mẹ anh còn ở Sài Gòn , em của anh là Trần Văn Tông, khuyên anh em nên cẩn thận, ở Ba Lê này:

– *Bọn cộng sản sẽ hành hạ bà mẹ chúng ta .*

Từ ngày đó trở đi, giữa căn phòng rách nát ở Bourg-la-Reine là nơi anh đang ở, và trụ sở của Tổng Hội Sinh Viên Việt Nam ở đường Monge tại Ba Lê, anh Bá bắt liên lạc, viết thư, hy vọng, suy nghĩ, rồi thất vọng...

Anh Bá muốn thúc đẩy người Việt Nam ở Pháp và tất cả các cộng đồng trên thế giới chống lại cộng sản . Một anh bạn học cũ của anh ở trường trung học Yersin đã mạnh mẽ khuyên anh:

– *“Làm sao anh có thể chống lại cả một bộ máy của một chế độ quân sự – công an đã có 50 năm kinh nghiệm ?*

Người anh em của Bá cải ráo nước miếng:

– *Có phải đây là thời điểm để chống như vậy hay sao ? Coi như Anh sẽ lợi qua cả một đại dương đó !*

Bá cười:

– *” Đó không phải là con đường khó đi. Lúc Hồ, Giáp và Đông bắt đầu tranh đấu, họ chỉ có bốn năm người . Lúc đó đảng cộng sản còn quá yếu. Dân tộc đã khuyến khích họ.*

Anh Bá không chấp nhận mất Sài Gòn . Anh không muốn tương lai của anh bị tước đoạt. Nếu người Việt Nam không tự lo cho mình thì ai sẽ giúp cho họ đây ? Ở hải ngoại trong hiện tại, cũng như ở Việt Nam trong quá khứ, người Việt Nam sống chia rẽ. Thường thì họ không chịu đoàn kết với nhau. Tranh đấu là một chuyện hay đó, nhưng làm sao đây ? Phải cảm sùng trở lại chăng ? và bắt dân tộc Việt Nam phải chịu đau khổ nữa hay sao ? anh Bá tự hỏi như vậy

Chương 23 Đập đá vá trời

Hai mươi lăm năm trước , vào đúng ngày 1 tháng 5 năm 1950, Tổng Thống Henry Truman của Hoa Kỳ đã ký những văn kiện chánh thức “cho phép” một viện trợ quân sự đầu tiên cho các quốc gia Đông Dương .

Năm tháng sau đó, vào tháng 9 năm 1950, một phái đoàn cố vấn quân sự Hoa Kỳ đến Sài Gòn .

Từ 4 giờ sáng ngày 1 tháng 5 năm 1975, đúng hai mươi lăm năm sau, người dân Sài Gòn tập hợp, hay bị tập hợp, ở trước dinh Độc Lập. Chánh quyền mới đã quyết định tổ chức “ngày chiến thắng của nhân dân Việt Nam”

Nhà văn Duyên Anh tản bộ đi dạo. Ở chỗ này các bộ đội Bắc Việt nói chuyện nhã nhặn với dân chúng. Ở xa xa, tại trụ sở của Hội Nhà Văn Việt Nam trên đường Đoàn thị Điểm, một tấm biểu ngữ được giăng ngang đường mang giòng chữ : “*Hội Các Nhà Văn Yêu Nước*”. Tại nghiệp đoàn báo chí Việt Nam nằm trên đường Tự Do, một đại lộ Champ Élysée của Sài Gòn , lại có một biểu ngữ “*Nghiep Đoàn các Nhà Báo Yêu Nước*” nữa. Ông Duyên Anh tự hỏi không biết có bao nhiêu nhà văn và bao nhiêu nhà báo sẽ đi qua phía bên kia ? Còn có những ai sẽ thích chuyển nghề, để trở thành thợ hồ hay phu đập xe xích lô, còn hơn là viết cho báo chí mới ? Ở chỗ nọ, ông Duyên Anh thấy có trên một chục chiếc quan tài của bộ đội .

Chánh quyền mới không có mời giục các công chức đi dự lễ 1 tháng 5 . Kỹ sư Văn đến văn phòng của mình . Có một sự thay đổi duy nhất được nhận thấy, với quá nhiều sự vắng mặt, có sự hiện diện của bộ đội mang súng AK.47 và nhất là *cán bộ của Bắc Việt* . Một anh cán bộ và nhiều bộ đội kèm hai bên mỗi anh trưởng nhiệm sở hay giám đốc trong Bộ Công Chánh.. Các anh cán bộ nói giọng Bắc, họ tự giới thiệu họ là kỹ sư hay tiến sĩ của một ngành chuyên môn.. Có một số đã ra Hà Nội sau Hiệp Định Genève 1954.. Họ hỏi xem Bộ Công Chánh cũ hoạt động ra sao ?

Người ta bắt đầu làm việc lại.

Kỹ sư Văn rất ngạc nhiên vì các anh cán bộ không có chút khả năng nào hết, nếu không muốn nói là quá dốt, vì ngay cả một vài công thức về toán học họ cũng không biết. Khi ông Văn nói về những kim loại của Miền Bắc , các cán bộ kể ra toàn là những mỏ chưa ai từng biết tới ở Việt Nam .

Có một số cán bộ đi đến chùa Quan thế Âm. Họ bảo với những người tỵ nạn đang ở đó :

– “ *Các anh hãy về nhà đi.* ”

Hòa thượng Thích Thiện Huệ ghi nhận được những nét đặc biệt giữa những người kháng chiến của CPLTCHMN và bộ đội chánh quy Bắc Việt . Những kháng chiến quân thì mặc đủ thứ quần áo, còn bộ đội thì ăn mặc khá hơn. Họ có vẻ lễ phép hơn. Đối với những người có tuổi, họ xưng con, còn các anh kháng chiến thì họ giữ khoảng cách, đôi khi còn hồng hách nữa.

Trung sĩ Thường dùng xe đạp để đi đến Vũng Tàu. Trời nóng như thiêu đốt, anh gặp rất nhiều xe và chiến xa bị cháy, và cả những thi hài của người chết nữa. Đó đây la liệt đủ loại vũ khí, quân phục của binh sĩ Miền Nam. Anh Thường đèo phía sau xe đạp của anh một cô gái và một đứa trẻ, cả hai anh đều không quen biết. Cứ mỗi chận đường 10 cây số là anh phải ngừng lại. Các “cọp 30” dựng lên rào cản để kiểm soát người qua lại. Trung sĩ Thường tự hỏi mình

khi đã rời khỏi Sài Gòn rồi thì mình sẽ làm gì đây ? Uống một tách cà phê anh phải trả tới 500 đồng và cho em bé uống một tách sữa anh cũng phải trả 500 đồng. Trung sĩ đã được lãnh tháng lương cuối cùng của anh, 18.000 đồng. Một chiếc phà tạm đưa họ qua một cây cầu sập. Anh chia tay với cô gái và em bé, họ tiếp tục lên xe Lam đi nữa.

Đại tá Hòa trở lại đài truyền thanh và truyền hình ở Sài Gòn, ở đó đã tập trung lại một số nhân viên chừng 50 người . Nhiều người còn mặc đồng phục màu xanh dương. Ngoài cổng thì có người gác, mặc thường phục. Ngay trong văn phòng của mình, anh cựu giám đốc đài truyền hình gặp một người dân sự và ông cựu Tư lệnh phó Vùng 2 Chiến Thuật, tướng Phạm đình Thứ (tướng Lam Sơn). Ông này làm đại tá Hòa sững sốt khi ông nói :

-” Tôi ở trong Ủy Ban Cách mạng của Sài Gòn .

Có nhiều bộ đội Bắc Việt chạy khắp nơi trên lầu. Đại tá Hòa mặc thường phục tự trình diện với các sĩ quan Bắc Việt làm họ cũng thấy ngạc nhiên.:

- “Tôi là đại tá Hòa, Giám đốc đài truyền thanh truyền hình và kỹ thuật điện ảnh. Tôi đến đây để bàn giao trách vụ.

- Tốt lắm, Có thể cho phát thanh được không ?, những người đối diện trả lời

- Tôi sẽ coi lại, tôi xem lại máy móc đã. Tất cả thiết bị đều còn tốt hết. Có đầy đủ nhân viên kỹ thuật, như vậy là chúng ta có thể cho phát thanh được “

Đại tá Hòa đến đây để bảo vệ cho nhân viên của ông . Những người chiến thắng có thể cũng tỏ ra là người hiểu biết, tại sao không thử hợp tác với họ ?

Ở Bộ Tổng Tư Lệnh Bắc Việt , tướng Dũng và Bộ Tham Mưu của ông cùng một lúc làm lễ mừng Giải Phóng Miền Nam và cả ngày lễ Quốc Tế Lao Động.. Người ta dọn lên một số thức ăn trên bàn tiệc, có cả bánh ngọt, mứt, kẹo rượy ngọt và sô đa... Phạm Hùng thấy có một chai rượy. Một cộng sự viên của viên Tổng Tư Lệnh giải thích :

- Chúng tôi đồng thời cũng mừng sinh nhật của Tướng Văn tiến Dũng.

Ở góc rừng này thật là yên tĩnh, không có một tiếng súng nào. Phạm Hùng đề nghị nâng ly :

- “Tôi xin nâng ly mừng cho tất cả những người đã mang lại chiến thắng ngày hôm nay cho chúng ta . Hồ chí Minh muôn năm, đảng cộng sản Việt Nam anh hùng muôn năm, Bộ chính trị đảng muôn năm. “

Viên Tổng Tư Lệnh lên xe đi xuống Sài Gòn . Ông ta thích thú vì biểu ngữ ở cổng các trại lính của Miền Nam: “Danh dự – Trách nhiệm – Tổ Quốc”. Ở Bộ Tổng Tham Mưu và Bộ Tư Lệnh Cảnh sát ông ghi nhận là :”chúng ta đã tìm thấy còn nguyên vẹn tất cả các hồ sơ tối mật” Máy điện toán vốn đã ghi lại tất cả căn cước, và sơ yếu lý lịch của trên một triệu quân nhân , vẫn còn chạy tốt. Đối diện với sự thông minh và năng lực của dân tộc Việt Nam ta, các máy điện toán không có lời nói cuối cùng “. Sau đó tướng Dũng đến trại Davis.. nơi đây, trong phòng họp báo, ông tập họp các cấp và các chánh trị viên của các quân đoàn lại .

Ở Bộ Chỉ Huy của mình, tướng Trần Văn Trà ” tiếp tục điều khiển các cuộc hành quân táo thanh các đơn vị cuối cùng của Miền Nam Việt Nam , đang tập hợp lại từng đại đội, có nhiều chỗ cả tiểu đoàn, trong vùng rừng bụi chung quanh Sài Gòn .

Tướng Trà nhận được một điện tín của “anh Ba”, đồng chí Lê Duẩn, báo tin tướng Trà sẽ là Chủ Tịch Ủy Ban Quân Quản Sài Gòn- Gia Định, và Trà phải đến ngay Thủ đô Sài Gòn.

Vừa đến thành phố Hồ Chí Minh là tướng Trà đến ngay dinh Độc Lập. Nhưng trước khi làm việc ông đi một vòng trong thủ đô. Trở về dinh Độc Lập, tướng Trà theo lệnh của Bộ Chánh trị đã cho lệnh trả tự do cho các người có trách nhiệm trong chính phủ bù nhìn cuối cùng của Miền Nam Việt Nam gồm có Tổng Thống Dương Văn Minh, Phó Tổng Thống Nguyễn Văn Huyền, Thủ Tướng Vũ Văn Mẫu. Sau khi có vài lời giáo hóa với những người này về đường lối chánh trị “đúng đắn, ôn hòa và khoan hồng của cách mạng” , và rằng “Cách mạng dùng công lý tranh đấu với bạo lực, dùng nhân đạo thay cho tàn bạo” ...v.v.. Quá khứ là quá khứ. Theo tướng Trà thì những người đối thoại với ông có vẻ “cảm động” lắm ! Ông Dương Văn Minh nói :

– Tôi rất sung sướng được là một công dân của một nước Việt Nam độc lập.

Và ông Nguyễn Văn Huyền xác nhận :

– ” Với tư cách là một công dân Việt Nam , tôi rất hãnh diện về những thắng lợi oai hùng với chiến thắng của đất nước . “

Vân vân và vân vân.....

Trong hồi ký của mình, tướng Trà còn thêm : Một người như ông Huyền, không bao giờ sử dụng được những danh từ như ” chiến thắng oai hùng”. Trong sự mong muốn bình thường hóa Lịch Sử, những người có trách nhiệm của Miền Bắc không quá chú trọng đến một chút thực tế nào. Trên thực tế, tướng Minh chỉ có nói :

– ” Mặt Trận rất xứng đáng với chiến thắng của mình. Chúng tôi tất cả đều có tranh đấu cho một lý tưởng, đó là sự hòa hợp và sự hòa giải của dân tộc Việt Nam , và hoà bình cho Việt Nam . “

Chánh quyền mới không bao giờ tin ở những trạng thái vui vẻ tốt đẹp của vị cựu Tổng Thống . Ông này bị “quản thúc tại gia” ở nhà ông ta. Không một nhà báo nào được phép vào thăm ông ta. Các ông Nguyễn Văn Huyền và Vũ Văn Mẫu cũng vậy, đều bị quản thúc tại gia.

Lúc 19 giờ, đài truyền hình phát hình lần đầu tiên : có một vài hình ảnh của những kháng chiến quân thuộc CPLTCHMN làm cảnh cho một bản quốc ca, và một vài mẫu tin tức. Người ta không nhận các xương ngôn viên mà đại tá Hòa đã cố gắng xin giữ lại. Người ta tuyên bố :

– Bây giờ anh là cố vấn kỹ thuật, mỗi ngày anh đến đây.

Về sau trong tuần, ông Hòa thấy có một người đến, với nhiều anh cận vệ, một người mà người ta gọi là “anh chính”. Đó là nhà thơ Tố Hữu, một thành viên trong Bộ Chánh trị Trung Ương cộng sản . Ông nói chuyện chơi với ông cựu giám đốc đài truyền hình, đi một vòng xem các phòng thu hình , và hỏi đại tá Hòa:

– “Anh nghĩ gì về các bản nhạc mà đài Hà Nội đã cho phát thanh ?

– *Nhạc của quý vị giống nhạc Tàu quá!*

Một người phó của ông Tô Hữu nhảy dựng lên; một người khác đến chiếc đàn dương cầm và chơi một bản:

– *Đây có phải là Tàu không ?*

– *Vâng đúng là Tàu*

Anh kia lại đàn một bản khác:

– *Còn bản này không , bản này thì không .*

Tô Hữu bỏ đi...

Các anh bộ đội đi khắp thành phố, họ mua viết Bic, đồng hồ, máy thu thanh và khám phá ra đây là một xã hội tiêu thụ. Dân chúng Sài Gòn cũng hơi yên tâm, các bộ đội cũng dễ thương và chất phác đấy chứ ? Các viên chức từ Hà Nội vào thì ghi các công ty vào danh mục và xếp loại họ, Các vườn trồng cây thì được xếp vào loại K1, các nhà máy thì loại K9. v.v...

Một sĩ quan Bắc Việt đến gặp đại tá bác sĩ Fourré ở bệnh viện Grall.

– *Tôi là thiếu tướng Hùng.. Ông có nhận sẵn sóc các bệnh binh của tôi không ?*

– *Dĩ nhiên rồi.*

– *Việc đó chúng tôi phải trả bao nhiêu ?*

– *Đối với các ông thì miễn phí.*

Rất bằng lòng, tướng Hùng yêu cầu là các bệnh binh của ông phải được nằm riêng, trong một dãy nhà đặc biệt. Người ta sẽ biệt phái đến một bác sĩ để sẵn sóc họ. Trong nhà xác của bệnh viện hiện đang còn xác của tướng Phạm văn Phú.

Có rất nhiều người dân Miền Nam không có bệnh hay bị thương gì hết, và cả một số không ít cảnh sát đều bám cứng vườn của bệnh viện Grall.

Hai ông Lê Duẩn và Võ nguyên Giáp đáp xuống Tân Sơn Nhất . Họ ôm chặt ông Lê đức Thọ, người chiến thắng về chánh trị và tướng Dũng, người chiến thắng về quân sự .

Đài phát thanh loan báo là thành phố “phải là một thành phố cách mạng , văn minh, sạch sẽ, vui tươi và mát mẻ. Theo nguyên tắc tình nguyện bắt buộc, thì các sinh viên sẽ làm việc đó, họ được trang bị xẻng, thùng và chổi . Các biểu ngữ cũ được thay thế bằng các biểu ngữ mới : “Sài Gòn giải phóng muôn năm”, “Hòa bình, Độc Lập, Dân Chủ, Phú Cường” “Nhân Dân và Quân đội đoàn kết để xây dựng xã hội chủ nghĩa muôn năm”

Trong niềm hân hoan quân sự của cuộc giải phóng này, rất khó mà tính được con số dân chúng Sài Gòn đã coi đây chỉ là một sự chiếm đóng; còn đối với chuyện người Miền Bắc đến đây, những người Bắc Kỳ (nguyên văn của tác giả :”Tonkinois”), thì người ta chưa thấy được một triệu chứng đầu tiên nào của những ai có trách nhiệm nào cả. Do đó mà có một số lớn thành viên của lực lượng thứ ba bị gạt ra ngoài, như linh mục Chân Tín, người đã gọi cho cơ quan Ân

Xá Quốc Tế các hồ sơ về những nhà tù ở Miền Nam Việt Nam . Một nhà báo người Ý, ông Tiziano Terzani, đã tìm thấy được một nữ sinh viên 22 tuổi, Nguyễn thị Mẫn, vốn đã bị đày ra Côn Sơn. Cô đang theo các “lớp huấn luyện” .Thật ra những người được trả tự do thuộc lực lượng thứ ba, đều không được tự do như họ tưởng.

Lần hồi, một cách chậm chạp, tỉ mỉ và quan liêu, các quận của Sài Gòn được chia ra xuống thành nhiều khu vực, nhiều khu phố, nhiều khóm, phường, và tổ (gia đình) .Ở mỗi một cấp như vậy người ta đều có chỉ định một người trách nhiệm. Một anh công an có nhiệm vụ theo dõi, coi chừng. Dân chúng được phân chia ra thành nhiều loại, từ 9 đến 12 tuổi, từ 13 đến 17 tuổi, từ 17 đến 33, từ 34 đến 60, từ 61 đến 88. Tất cả những ai đến thành phố Hồ chí Minh đều phải được khai báo. Nếu họ ở qua đêm thì họ phải có giấy phép. Sự thanh lọc của chế độ công an trị được đặt trên thành phố cũng giống như một cái khuôn được đặt trên một cái bánh vậy.

Các “gia đình của giải phóng” đến nhập vào với cán bộ, từ Hà Nội vào, họ chiếm các khách sạn, các biệt thự, treo quần áo đầy chung quanh các hồ bơi của Câu lạc bộ Thể Thao. Chánh Phủ Cách Mạng Lâm Thời (CPLTCHMN) đã xóa đi hai chữ “lâm thời”, nhưng hình như họ không phải là thành phần cai trị . Ở khắp mọi nơi, từ nhà đèn cho tới bưu điện , các anh đại diện của CPLTCHMN đều có một hoặc có nơi hai người Bắc Việt chánh thức kèm một bên. Dân chúng đang thiếu tiền. Không một người nào được quyền rút trên 10.000 đồng ở ngân hàng của mình.. Giá của một kí lô đường lên đến 2.000 đồng .. Những người Bắc Việt khám phá ra 4 kho vàng : xe đạp, máy truyền hình, quạt máy, và tủ lạnh. Những chiếc tàu đậu ở bến cảng Sài Gòn chở đầy bàn ghế, máy móc, xe xích lô máy, mô tô, máy điều hòa không khí....

Một cô đào hát nổi danh,cô Kim Cương, xuất hiện với cấp bậc thượng tá. Ông Trần xuân Ân, một nhà báo của tờ Time, rất tự nhiên, đã đứng vào hàng ngũ của những người đáng kính trong Ban Quân Quản của thành phố.

Những người ngoại quốc, các nhà ngoại giao, nhà báo, các thành viên cơ quan cứu trợ... đã tìm kiếm nhưng không gặp được người nào trong CPLTCHMN , một chính phủ cách mạng ma. Chánh quyền quân sự đóng ở Bộ Tư Lệnh Cảnh sát cũ, có những nhân viên an ninh mặc quân phục màu hường canh gác.. Trên căn bản các anh này thì không dễ thương bằng các anh bộ đội . Tư thất của đại sứ Hoa Kỳ Graham Martin được đổi thành Bộ Chỉ Huy của Ủy Ban Cách mạng quận nhứt, và khách sạn Star được chuyển thành nhà thổ cho quân nhân, mặc dầu có lời kêu gọi về đạo đức ra rã suốt ngày trên các loa phóng thanh.

Một vài người dân Sài Gòn kiên nhẫn chờ đợi. Dù sao thì những người mới có trách nhiệm cũng đang có nhiều bài toán phải giải quyết. Đồng bạc của Bắc Việt đã bắt đầu xuống giá., sau nhiều ngày cao giá hơn đồng bạc của Miền Nam và đồng mỹ kim . Đồng mỹ kim đứng giá, chánh thức 1 mỹ kim đổi được 18,5 đồng Bắc Việt nhưng giá chợ đen là 20 đồng Bắc Việt .

Nhiều người dân Sài Gòn khác thì phát hiện được nhiều dấu hiệu cho thấy sắp có một cuộc chuyển đổi qua chánh thể cộng sản . Người ta loan báo nhiều cuộc quốc hữu hóa, và người ta ban bố nhiều quy định nghiêm khắc liên quan tới chuyện để tóc dài.. Không một ai cưỡng lại được những chuyện quốc hữu hóa, nhưng người dân Sài Gòn nhanh chóng từ chối áp dụng những quy định về tóc của họ.

Rõ ràng là Miền Bắc đã chiếm Miền Nam . Miền Nam đã chống lại và một cách âm thầm sẽ làm cho Miền Bắc ô nhiễm....

Ngày 7 tháng 5, vào buổi sáng, chiếc tàu Pionner Commander đến hải cảng của đảo Guam. Trên đường đi, đã có 3 trẻ em chết và có 3 đứa bé chào đời. Trên tàu có một cô bé tên là Vũ Lệ Thu, 11 tuổi là gái mồ côi và bị tật nguyền được Thủy Quân Lục Chiến nhận làm con nuôi.

Đứng nhìn 4.670 người ty nạn đang bước lên bờ, đại úy Moyer kiểm điểm lại tình hình. Chỉ có những cái chết của 3 trẻ nhỏ, ngoài ra không có gì tệ hại đã xảy ra trên tàu. Chiếc tàu bị một luồng bệnh nhảm mắt làm cho cả nhiều người lính Thủy Quân Lục Chiến cũng bị lây theo.

Các người ty nạn đã trao cho biệt đội “India” một số đĩa son mài kèm theo một bức thơ:

-“Ngày 7 tháng 5, năm 1975,

Kính gửi Tiểu Đoàn 7 Thủy Quân Lục Chiến ,

Của những người dân Miền Nam Việt Nam ty nạn trên tàu Pionner Commander,

Đây là một món quà tượng trưng rất khiêm nhường để nói lên lòng biết ơn sâu xa về hành động anh hùng mà thương của tiểu đoàn này khi có cơ hội được nghe một tiếng kêu gọi khẩn cấp. Không có một lời nào để chúng tôi có thể nói lên sự cảm ơn của chúng tôi Các binh sĩ Thủy Quân Lục Chiến luôn luôn có mặt để bồng bế trẻ con giúp cho cha mẹ chúng nó lên tàu... Họ luôn luôn có mặt khi có

một người nào đó ngã bệnh, và cần có được sự chăm sóc của bác sĩ... Và trên hết tất cả, họ vẫn có nét mặt tươi cười dù là họ đã mệt nhọc làm việc suốt 24 giờ liền. Không bao giờ có một vấn đề gì gọi là kỳ thị giống dân hay tự tôn mặc cảm.... Chúng tôi rất thích thú được xem họ là bạn... Xin hãy nhận lấy món quà nhỏ mọn này như là một vật kỷ niệm của những người bạn của các anh trong một thời điểm chủ

yếu nhất của tình bằng hữu....”

Các binh sĩ Thủy Quân Lục Chiến lên xe buýt. Họ sẽ đi về Okinawa ba ngày sau .

Trong một cuộc phỏng vấn được thu băng trước của chương trình “Ngày hôm nay” thuộc đài NBC ngày 8 tháng 5, ông Henry Kissinger tuyên bố là ông không có từ chức.

- “Trong những điều kiện hiện tại, ra đi vào một thời điểm lo âu trong lúc ai cũng tìm một lối xử sự cho mình, tôi nghĩ rằng đó không phải là một công tác cho đất nước nếu tôi ra đi khi mà Tổng Thống đang tín nhiệm tôi và yêu cầu tôi ở lại nhiệm sở của mình Nếu chúng ta nhìn lại những gì đã được thực hiện trong những năm sau cùng này với Trung Quốc, với Liên Xô, trong lãnh vực năng lượng... vừa rút được các đơn vị của chúng ta về từ Việt Nam , vừa đưa được các tù binh của chúng ta về nước và vừa đưa ra một công thức có thể dẫn đến hòa bình ở Trung Đông..., tôi không nghĩ là phải nói một cách công bằng là đường lối chánh trị quốc ngoại của chúng ta đã thất bại.... Có một số thất bại, nhưng hầu hết những thất bại của chúng ta đều do những vấn đề chánh trị nội bộ.... “

Dù cho có những thất bại nào đi nữa thì các cường quốc tiên tiến cũng vẫn tiếp tục sống, vẫn tiếp tục đứng vững với những thất bại đó. Ngày mai này ông Philip Habib sẽ thảo ra cho ông Tổng Trưởng Ngoại Giao một giác thư “Hành Động”. Hoa Kỳ đã yêu cầu nước Pháp đại diện cho chúng ta ở Việt Nam . Người Pháp đã chấp thuận nhưng còn đợi sự đồng ý của chánh quyền Sài Gòn trước khi có quyết định chánh thức.. Chánh quyền của thành phố Hồ chí Minh đã nhờ quốc gia Algérie coi giùm tài sản của Miền Nam Việt Nam ở Hoa Kỳ.

Ông Habib đã phân định được 3 loại vấn đề trong hiện tại :

1)- Chín trăm quân nhân được coi là mất tích, và 1.400 người Mỹ chết trận chưa tìm được hài cốt.

2)- Có khoảng 50 người Mỹ đã ở lại Miền Nam Việt Nam : 9 thường dân Mỹ bị bắt ở Ban Mê Thuột và Phan Rang; và có những người đi giảng đạo, nhà báo, các bác sĩ và y tá đã tình nguyện ở lại Việt Nam .

3)- Chánh Phủ Hoa Kỳ và các Hiệp Hội của Hoa Kỳ ở Miền Nam Việt Nam đã có một số tài sản ước lượng chừng 100 triệu mỹ kim.

Ngoài ra còn có từ 50 đến 100 triệu mỹ kim đã được ký thác vào các ngân hàng Hoa Kỳ qua các ngân hàng Việt Nam . Có những ký thác khác của Miền Nam Việt Nam ở các ngân hàng ngoại quốc, khoảng chừng 40 triệu mỹ kim. Tòa đại sứ Việt Nam Cộng Hòa ở Hoa Thịnh Đốn và các lãnh sự quán ở Nhiêu Do và Cựu kim Sơn, kể cả chương mục của họ trong ngân hàng, được trị giá khoảng 3 triệu mỹ kim.

Liệu có nên cho Algérie nhận trách nhiệm quản trị những tài sản của Việt Nam Cộng Hòa ở Hoa Kỳ hay không ? Một trong các lý do bênh vực cho cuộc dàn xếp này : Người Mỹ còn giữ một phương tiện liên lạc với cựu chính phủ Việt Nam Cộng Hòa , Người Algérie sẽ được thỏa mãn, Người Mỹ giữ tất cả những sự chọn lựa cho mình ” nhằm vào sự tổ chức giao tế trong tương lai”

Đi ngược lại với sự dàn xếp này :Hoa Kỳ sẽ công nhận ngầm chánh quyền cũ của Việt Nam Cộng Hòa là đại diện chánh thức cho Miền Nam Việt Nam . Ở Hoa Kỳ cũng như ở ngoại quốc, điều này có thể là một quyết định quá hấp tấp và không đúng.

Dù muốn dù không . từ ngày 9 tháng 5, Bộ Ngoại Giao, qua ông Philip Habib, không loại trừ một sự bình thường hóa giao dịch với một nước Việt Nam mới bất kỳ trong kỳ hạn nào. Trong số các nước tiên tiến, các quốc gia khổng lồ và lạnh nhạt, thì Hoa Kỳ là quốc gia ít có hận thù nhất.

Ngày 15 tháng 5 là ngày sinh nhật thứ 85 của Hồ chí Minh. Đã bắt đầu có những buổi lễ mừng thành phố Hồ chí Minh được giải phóng. Các buổi lễ này được tổ chức trong nhiều ngày. Một khán đài danh dự được dựng lên ngay trước dinh Độc Lập, có cờ xí và cây kiềng chung quanh.

Trong một ngày nắng tốt, từ 8 giờ sáng, người ta nhận thấy đã có mặt ở khán đài ông già Tôn đức Thắng, có dù che, chủ tịch danh dự của Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, một kẻ nổi loạn hồi xưa ở Biển Đen (Nga la Tư).. Ngồi hai bên cạnh ông ta là Thủ Tướng CPLTCHMN Huỳnh tấn Phát, tóc ngắn màu xám tro, ông Nguyễn hữu Thọ, Chủ Tịch Mặt Trận Quốc Gia Giải Phóng, và bà Nguyễn thị Bình, Bộ Trưởng Bộ Ngoại Giao. Ông Lê đức Thọ tươi cười như tướng Trần văn Trà ngồi bên cạnh các sĩ quan mặc quân phục dạo phố màu xám nhạt, đội mũ cát kết có băng đỏ, ngực đeo đầy huy chương theo kiểu Liên Xô. Đức Giám Mục Sài Gòn được thấy bên cạnh vài nhà sư Phật Giáo . Ông Pierre Brochand ngồi hàng dưới cùng của khán đài. Lúc ông dùng xe đạp đi dạo, ông ta đã thấy chủ tịch Mặt Trận Nguyễn hữu Thọ đi một vòng thành phố như một khách du lịch nhưng trong một xe du lịch của chánh quyền.

Trước giờ diễn hành, ông Huỳnh tấn Phát, Chủ tịch CPLTCHMN , đọc một bài diễn văn, trong đó ông cho biết là Chánh Phủ mới của Miền Nam sẽ là Chánh Phủ Dân Chủ, rằng ông đã thắt chặt giao hữu với tất cả các quốc gia , và rằng mọi ý kiến và tín ngưỡng sẽ được tôn trọng.

Sau đó là một cuộc diễn hành quân sự rất đẹp mắt. Có một vài đơn vị du kích quân đi đầu với vũ khí hỗn tạp. Họ không được nhiều. Trên khán đài, ông Trương như Tăng, Bộ Trưởng Bộ Tư Pháp của CPLTCHMN ngạc nhiên :

– *Ủa , các sư đoàn của chúng ta đâu hết không thấy ?*

Chung quanh tướng Trà người ta cười rộ lên:

– *Đã thống nhất rồi, binh sĩ của Mặt Trận đã được chánh quy hoá hết rồi.*

Các chiến xa T.54 và T.56 , các chiến xa lội nước PT.76, các hỏa tiễn Sam, có xe kéo rất bóng láng, và các binh sĩ và lính Hải Quân đều mang găng tay trắng.

Có vài người còn tiếp tục nói :

– *” Máy người Việt Nam từ Hà Nội và hơn nữa những người của CPLTCHMN cũng đều là đồng bào của chúng ta , rồi thì chúng ta cũng đi đến chỗ hiểu nhau thôi !*

– *Họ sẽ có lợi nhiều hơn khi họ chấp nhận một Miền Nam đa nguyên và trung lập.*

Có những người khác thì cẩn thận hơn :

– *Phải chờ xem đã . Phải thấy mới được . Không ai rán trứng mà không đập trứng ra đâu ?.*

Cũng có người nói :

– *Xã hội chủ nghĩa hả ? đó là con đường cộng sản hóa bắt đầu đó !*

Vì có nhiều lý do mà chánh quyền không giải thích, buổi lễ mừng giải phóng được thu ngắn gọn lại.

Có nhiều người dù không thích hay ghét ông Thiệu, cũng đã nhớ lại câu nói của ông

– *“Đừng nghe những gì cộng sản nói, mà hãy nhìn những gì cộng sản làm”*

Có rất nhiều người dân Miền Nam nhất là dân Sài Gòn cảm thấy ” *nỗi đau của một người mẹ khi thành linh đứa con của họ chết vì tai nạn”*

Một vài anh bộ đội bị ám sát ở vùng ngoại ô, thường thì bị đâm bằng dao. Các toán tuần tiễu Bắc Việt đã tăng cường hoạt động. Các nhân viên kiểm soát an ninh và trật tự đi cùng khắp nơi với máy bộ đàm , các máy 500 và máy truyền tin lấy được của Miền Nam . Đôi khi họ bắt được kẻ trộm, họ hành quyết ngay và để tử thi tại chỗ cho người ta thấy để làm gương.

Sách báo Tây Phương thường được bày bán ngoài đường hay trong các tiệm sách, đều biến mất hết. Người ta tìm đốt hết. Lăn lăn xuất hiện các cuốn sách của Mác, của Các Mác, của Ăn Ghen, của Lê Nin và của Sít ta Lin nữa. Và các tác phẩm của các nhà tư tưởng ở Hà Nội, mà

của Lê Duẩn là hàng đầu. Các trường học được mở cửa lại. Trong mỗi lớp học đều có dán năm điều răn của “Bác Hồ cho trẻ con: “*yêu Tổ Quốc, yêu Dân Tộc* “, “*Học giỏi. Lao động giỏi*”, “*Đoàn kết và kỷ luật*”. “*Biết giữ vệ sinh*”. “*Khiêm nhường, Thành thật, và Cảnh giác*”

Cảnh Giác là thường phải tố giác cha mẹ, người hàng xóm và bạn bè.

Các công chức thuộc chế độ cũ, cảnh sát, quân nhân bị gọi đến trình diện. Họ phải đi “học tập” ở các trại cải tạo. Người ta thông báo chánh thức là binh sĩ đi học tập 3 ngày, hạ sĩ quan thì hai tuần, sĩ quan cấp úy hay cấp tá là 3 tháng; các nhân viên thuộc cơ quan an ninh, những người thường tra khảo người ta, và một vài sĩ quan cấp tướng, có thể phải học tập lâu hơn, người ta nói là có thể đến 3 năm.

Đối với những người tỵ nạn đã đi ra ngoại quốc, chánh quyền của thành phố Hồ chí Minh vừa thấy thích thú vì đã đương nhiên loại được một số lớn người tiềm tàng chống đối, lại vừa có ý muốn cho gọi về Việt Nam “dân chủ và đa nguyên” những người công dân đã coi như đi lạc đường. Người ta cố gắng thu hồi một số người tỵ nạn về Việt Nam. Ngày 25 tháng 5, ông Huỳnh công Tâm giám đốc liên lạc của CPLTCHMN bên cạnh Liên Hiệp Quốc ở Genève, đã viết thư cho Cao Uy Ty Nạn Subraddin Aga Khan :

” Thưa Ngài Cao Ủy,

Chắc Ngài cũng biết sự kiện là có hằng chục ngàn người Việt Nam đã rời khỏi Miền Nam Việt Nam vào thời gian trước ngày giải phóng hoàn toàn ở nước tôi.

Trong số những người Việt Nam đó, đã có rất nhiều người bị di tản trái với ý muốn của họ, hoặc đã bị tuyên truyền láo khoét nhằm cho họ phải bỏ đất nước của họ. Mặt khác có hằng trăm trẻ con Việt Nam đã bị bóc đi khỏi quê hương của chúng và điều này vi phạm những luật lệ quốc tế hiện hành....”

Trong một số trung tâm như ở đảo Guam, có một vài trăm người tỵ nạn, yêu cầu được trở về nước. Hoa Kỳ đã sẵn sàng cho họ hồi hương. Nhưng thỉnh linh chánh quyền thành phố Hồ chí Minh từ chối không nhận họ. Những người của Hà Nội có lẽ đã mất một dịp may lịch sử để bình thường hóa lại quan hệ với Hoa Kỳ.

Điều này không cấm được ông Phạm văn Đồng ngày 3 tháng 6 đã kêu gọi việc bình thường hóa này, với những điều kiện mà ông đã đưa ra :Hoa Kỳ phải viện trợ kinh tế cho cả hai miền Nam Bắc Việt Nam. Với một thái độ vô liêm sỉ quá hài hước, ông Thủ Tướng nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa hồng hách tuyên bố là Hoa Kỳ phải hoàn toàn tôn trọng Hiệp Định Ba Lê về ngừng bắn năm 1973.

Lịch sử đã nuốt trửng hay đã phân tán hết những kẻ chiến bại. Tại Việt Nam, kẻ chiến thắng biết đánh giặc nhưng không đạt được phương thức tổ chức cho hòa bình. Chế độ được gọi là dân chủ ở Việt Nam được rập khuôn theo kiểu Liên Xô, và được Liên Xô ủng hộ. Bây giờ Việt Nam là một trong ba quốc gia nghèo đói nhất trên thế giới và là một trong những nước có chế độ công an trị nhất ở Á Châu

Sống trong một không khí phân tán chia rẽ nhau, những người trẻ nghi kỵ các người lớn tuổi, và những người lớn tuổi thay vì hợp tác như thường lệ thì lại lên án mạnh mẽ, cho “nó là người của cộng sản”, “cô ta làm việc cho Thiệu”, “bọn này là Phật Giáo cánh tả”, “bọn kia bênh vực cho công giáo chính thống”, “nó là bộ trưởng của CPLTCHMN “. v.v..

Cũng giống như các cộng đồng lưu vong khác, người Việt Nam phải biết làm lại từ đầu, hay là ít ra phải biết thực hiện đoàn kết quốc gia và thực hiện dân chủ...

Ông Nguyễn Văn Thiệu sống một cách đế vương ở Luân Đôn, mà vẫn có một thẻ cư trú ở Mỹ từ năm 1985. Người Mỹ nói ông giữ một “lối sống có vẻ bình dân”. Lúc ông mới đến Anh quốc, một nhân viên người Anh thuộc cơ quan đặc biệt chuyên về điều tra tài sản của ông Thiệu, đã thấy được khoảng 200.000 mỹ kim và nhiều nữ trang của bà Thiệu.. Ông Thiệu đi du lịch, qua Mỹ, Pháp và theo dõi tiến trình chia rẽ chánh trị của Việt Nam. Ông đặc biệt quan sát chiến dịch khá không thực tế của một nhóm luật gia Việt Nam, dưới sự hướng dẫn của giáo sư Vũ quốc Thúc ” để đặt lại vấn đề Hiệp Định Ba Lê 1973”. Nếu “rủi ro” mà người ta lại nói đến nhiều về Hiệp Định thì ông Thiệu đương nhiên sẽ trở lại thành vị Tổng Thống của một nửa nước Việt Nam, dĩ nhiên hoàn toàn trên phương diện lý thuyết mà thôi. Có một số người đã quên đi một cách dễ dàng là ông Thiệu đã từ chức rồi. Sự chia rẽ của những người Việt Nam, vốn còn chưa chế ngự được các tư đoàn của mình, đôi lúc họ lại bàn tính đến các dự án có hơi phi lý, nhưng cũng có dự án nghiêm túc hơn.

Cuộc “tắm máu” được loan truyền trước khi Sài Gòn bị thất thủ thì không có trong khi cộng sản lên nắm chánh quyền nhưng sau đó thì có tắm máu thật. Hai nhà sưu tầm là ông Jacqueline Desbarats và Karl Jackson đã chứng minh là đã có tối thiểu 65.000 người bị hành quyết. Chưa nói đến những người đàn ông và cả đàn bà coi như đương nhiên bị lên án tử hình khi người ta đẩy họ vào những vùng “rừng thiêng nước độc” kinh khủng, hoặc đưa họ đi gờ mìn mà không có máy dò mìn...

Các cộng sự viên của ông Thiệu được phân tán ra ở khắp năm châu khi họ còn sống được hay không bị chết trong những trại lao động tập trung kiểu Goulag của Liên Xô.

Ông Hoàng Đức Nhã làm việc cho một công ty Mỹ ở thành phố Chicago. Ông có nhiệm vụ trao đổi mậu dịch hiện đại trên một quy mô rộng lớn, một hoạt động thường giúp ông được dịp đi Trung Quốc. Hầu hết các cựu tướng lãnh của Miền Nam Việt Nam đều cư trú ở Hoa Kỳ. Cựu Thủ Tướng Trần Thiện Khiêm và cựu Đại Tướng Tổng Tham Mưu Trưởng Cao Văn Viên không có ưu tư về vấn đề vật chất. Trái lại, trường hợp của phần lớn các tướng lãnh và các sĩ quan cao cấp thì lại thật sự không phải như vậy. Chẳng hạn như Đô Đốc Chung Tấn Cang vị Tư Lệnh sau cùng của Hải Quân và tướng Lê Quang Lương, vị chỉ huy xuất sắc của Lực lượng Nhảy Dù, đều sống rất khiêm nhường ở thành phố Bakersfiel, California. Họ làm việc 8 tiếng một ngày trong nhiệm vụ đốc công trong kỹ nghệ dầu hỏa. Ông Nguyễn Cao Kỳ nóng tính thì giờ đây lại yên lặng hơn trước, tuy không thành công trong công việc làm ăn nhưng lại có được một vài người bạn á rạp châm chỉ.. Vị chủ tịch cuối cùng của Thượng Viện, ông Trần Văn Lắm có một nhà hàng ở Úc Châu. Ông Bùi Diễm, cựu đại sứ lưu động, vừa mới cho xuất bản tập Hồi Ký của ông. Ở tiểu bang Virginia, vị toàn quyền quân sự cuối cùng của Thủ Đô Sài Gòn, sau 7 năm ở trại cải tạo, đang nghiền ngẫm lại chuyện hợp tác của ông ta với đại tá Phạm Ngọc Thảo, người được Hà Nội truy tặng “anh hùng giải phóng”, vì đã thường có những cố gắng làm cho chánh quyền Việt Nam Cộng Hòa mất thăng bằng....

Dù là quân nhân hay là dân thường, có chút tên tuổi hay vô danh, tất cả nam hay nữ đều chấp nhận số phận của mình với đầy đủ phẩm cách..như một ông đại tá quan trọng nào đó là người gác cổng ban đêm. Đã có những vấn đề riêng tư, thường rất là đau khổ vô tình hay cố ý được trói buộc vào với vấn đề chánh trị: Rất nhiều người của Miền Nam Việt Nam được trả tự do sau mười năm đi tù cải tạo lúc trở về lại thấy vợ mình đã đơn phương và chánh thức ly dị với mình!

Sau khi đầu hàng cộng sản, tướng Dương Văn Minh không bị đưa đi “học tập cải tạo”. Chánh quyền cộng sản đã cho phép ông di cư năm 1981. Ông thường được cáo buộc là đã có nhiều mỹ kim kín đáo để ở Pháp, ông Dương Văn Minh sống rất kín đáo ở một khu ngoại ô của Ba Lê, Đúng là một sự công bằng nên thơ, không biết có phải vì ngại ngục, hay có thể là đắn đo, mà ông tướng Minh hay do dự này đã chọn “con đường của Người Liều Lĩnh” để ở (nguyên tác: rue du Téméraire”, một tên đường có thật ở Ba Lê)

Cho tới tháng 7 năm 1975, kỹ sư Văn đi ngược với trào lưu si ta li nít, và các lượng sóng mac xít, vẫn ước mong là những người trung lập sẽ nắm chánh quyền ở thành phố Hồ Chí Minh. Người ta đưa ông vào trại tù lao động cải tạo, như tất cả các công chức khác. Năm 1977, ông sang Paris.

Nhà văn Duyên Anh, bị cộng sản coi như “một trong mười tác giả nguy hiểm nhất” nên bị cấm mọi chuyện xuất bản, sau đó bị bắt và vào tù, dĩ nhiên là không có án lệnh. Với số tù là 239 D. TH 6, TCT CTXM. Ông được thả ra vào năm 1981, nhờ hội nhà văn Pen Club và Hội Ân Xá Quốc tế mạnh mẽ can thiệp. Đến được bên Pháp rồi ông Duyên Anh cho xuất bản năm 1986 cuốn sách: “Một người Nga ở Sài Gòn”, cuốn sách đầu tiên này được Tây Phương dịch. Một áng văn Việt Nam tuyệt tác – trong bao nhiêu năm? – sẽ trở thành một áng văn lưu đày. Sách của ông được linh mục Mais chuyên ngữ. Vị linh mục này bị cầm tù 9 tháng với lý do: “đi trên đường mà không có giấy phép”. Sau đó rồi cũng như tất cả các vị tu sĩ ngoại quốc khác, ông bị người ta trục xuất ra khỏi Việt Nam.

Vào giờ này, đã có hơn 1 triệu người Việt Nam đã chọn con đường “vượt biển” hết sức là gian truân. Đã có một thời, Hà Nội khẳng định đó là những người trưởng giả, những kẻ tham nhũng, ăn hối lộ... thuộc giai cấp tư sản mại bản. Thật ra, ở Miền Nam cũng như ở Miền Bắc có những người nông dân, những người buôn bán nhỏ, các thợ thầy... ai cũng chạy trốn, thật là một cuộc di cư không tiền khoáng hậu trong lịch sử Việt Nam, một đất nước mà ở đó ai cũng muốn sống bám vào mảnh đất, vào làng xã, vào “lũy tre xanh” của mình như là một tài sản căn bản của gia đình... Trung sĩ Thường cũng là một “người vượt biển” (nguyên tác: tác giả dùng danh từ của thế kỷ “boat people”). Ông đến Vũng Tàu học nghề đánh cá, rồi cưới vợ, xuống tàu ra đi một cách bất hợp pháp năm 1976, gia đình bị lạc ngoài biển khơi, nhưng sau cùng được gặp lại bên Thụy Sĩ. Còn ông Phạm Thìn, đại úy cảnh sát, mang thông hành số 112517 THI, từ 65 kí lô xuống còn có 49 kí khi ông được thả ra từ trại lao động cải tạo, hiện là quản lý hay là đầu bếp trong một quán ăn nhỏ ở Pierrefitte, bên Pháp.

Hai trong số 3 người ngư lâm pháo thủ, ông Cao Giao, tỵ nạn ở Bỉ sau khi đi tù, và ông Vương thì ở Mỹ, tất cả đều đã chết. Người thứ ba, ông Trần Xuân Ân, không có hành động gì cả khi cộng sản đến bắt ông Cao Giao. Ông Trần Xuân Ân này, là một trong “ba người ngư lâm pháo thủ”, từng làm việc rất đắc lực cho tờ báo Time của Mỹ, đã lộ diện là một đại tá tình báo Bắc Việt được rất nhiều người xác nhận (chủ tịch của dịch giả: vào thập niên 80 được Hà Nội phong hàm thiếu tướng trong Quân đội Bắc Việt)

Tuy vậy ông Cao Giao vẫn giữ tình bạn với ông Ân, ông chỉ thấy Ân là “một người bị lừa về ý thức hệ và bị vỡ mộng”. Mặc dầu bị phản bội và bị tổn thương, nhưng tình bạn hữu thường vượt qua sự chia rẽ về chánh trị: “Chúng tôi đều là người Việt Nam”, ông Cao Giao vừa vuốt râu vừa nói....

Tờ báo Time lại cho bà Trần Thị Nga vào làm việc lại ở Nhiêu Do. Vào năm 1986 bà cùng với Wendy Winder Laesen cùng xuất bản một tập thơ với hai giọng đời, rất rõ ràng và ngao ngán, làm cho tất cả những người cũ của Việt Nam từ những người chủ hòa cũng như người

chủ chiến ai cũng cảm động. Bà Nga thuật lại hai cuộc đời của bà, một ở Việt Nam và một ở Hoa Kỳ :

Chúng tôi không nệ hà , có việc là nhận làm ngay,

Con rể tôi, tốt nghiệp trường Luật, cũng hay

Phải đi bán Électrolux là một loại máy hút bụi

Phải đi quảng cáo từ nhà này sang nhà khác

Người Mỹ lại sợ dân Á Đông ta,

Nên họ không cho vô nhà, thật quái ác !

Bà Nga viết thư về cho Mẹ :

– ” Mẹ vẫn thích mùa thu ở Hà Nội. Mẹ thích không khí lạnh ở đó , nhưng chúng con thì không . Chúng con vừa qua một trong những mùa đông khắc nghiệt nhất trong cả trăm năm gần đây... Cháu ngoại của Mẹ đã được 3 tuổi. Nó nói rất giỏi tiếng Anh làm cho chúng con buồn . Chúng con có một lệ là chúng con phải nói tiếng Việt ở trong nhà để các cháu đừng quên tiếng mẹ đẻ

Chúng con đã có một bàn thờ cho Cha con. Chúng con cố giữ các truyền thống của quê hương mình...

Ở đây chúng con rất thoải mái, nhưng về tinh thần thì chúng con đói lắm. Chúng con thiếu nước Việt Nam của chúng con . Và nhất là Mẹ, hơn tất cả mọi thứ, chúng con thiếu Mẹ. Nếu Đức Phật hiện hữu thì chúng con sẽ cầu nguyện, cầu nguyện cho chúng ta được đoàn tụ với nhau...”

Hầu hết những người Việt Nam sống lưu vong đều được ổn định, hơn hẳn người Cam Bốt hay người Lào. Họ hội nhập được với mọi nghề nghiệp, nhưng không hội nhập với xã hội .Cũng như bà Nga, tất cả đều bị ngày về với đất mẹ ám ảnh.

Vào tháng 6 năm 1987, ông Phạm văn Đồng, 81 tuổi, từ bỏ chức Thủ Tướng. Ông ta đã đảm nhiệm chức vụ này trong suốt 31 năm. Ông Lê đức Thọ cũng rời khỏi Bộ Chánh trị như ông Đồng vào năm 1986, lúc ông được 75 tuổi. Hai người đều trở thành cố vấn cho Ủy Ban Trung Ương Đảng. Khi ông Lê Duẩn chết, Lê đức Thọ không có lên thay ông này trong chức vụ Tổng bí thư đảng. Nhưng em ông là Mai chí Thọ, sau một thời gian “trị vì” ở Sài Gòn ngay sau ngày 30 tháng 4 1975, bây giờ đã trở thành một thành viên trong Chánh trị Bộ. Cộng sản Việt Nam đã có nhiều nét bại hoại vay mượn từ cộng sản quốc tế. Vừa gia đình trị, họ vừa bám chặt chánh quyền cho đến già giống như các đảng cộng sản Albany, Lô ma Ni, hay Bắc Hàn . Ở Hà Nội người ta có thể tìm thấy nhiều đại gia đình ôm cứng chánh quyền dưới nhiều tên và nhiều bí danh khác nhau. Các nhà lãnh đạo đảng theo mác xít nguyên thủy, tự cô lập với thế giới bên ngoài, và phủ nhận hết sự kiện. Ông Youri Jivago hay đúng hơn là ông Boris Pasternak đã viết :

” Thuyết mác xít rất là không tự chủ để trở thành một khoa học. Thuyết Mác xít và tình khách quan ? Tôi không thấy thuyết nào hay tự thu mình lại và rời xa thực tế hơn thuyết Mác xít .”

Những người như Phạm văn Đồng, Lê đức Thọ, Lê Duẩn sống thu mình lại với chính họ, với những lược đồ của họ và hãnh diện trên sự ngu dốt của họ. Anh bộ đội dốt nhất trong đoàn quân tiến vào Sài Gòn đã nhanh chóng khám phá ra là Tây Phương và hệ thống tự do kinh doanh của tư bản đã giúp ích rất nhiều cho những người kém may mắn hơn là xã hội chủ nghĩa cứng ngắt của Miền Bắc. Và các anh bộ đội trở về gia đình ở Miền Bắc, đã thấy mình bị lừa gạt, đồng thời du nhập vào Miền Bắc một sự nghi ngờ đến tận các cơ quan của đảng. Người ta không còn có thể thuyết phục “khối quần chúng” được nữa rằng tất cả những sự khổ đau của đất nước giờ này đều do sự “thối nát” của “chủ nghĩa đế quốc”. Sau cái ngày mà cộng sản gọi là “giải phóng” có một sự vô tổ chức trong xã hội Việt Nam đến mức độ mà ở ngay tại Sài Gòn đôi khi không có một cọng rau nào (nguyên tác : liseron d’ eau : bông súng hay rau muống nước, hay rau má) hay một con cá nào để mà ăn.. Rau thì có khối gì ở nông thôn, còn cá thì đầy đầy khắp các ao, những thứ mà trong thời kỳ chiến tranh không bao giờ thiếu.. Chế độ xã hội chủ nghĩa, theo công thức của Lê Nin, không phải là “điện khí hóa cộng với những người Sô Viết”, nhưng là sự sản xuất và sự phân phối bị ngưng trệ vì thuyết tập trung quyền hành ngu xuẩn và chế độ quan liêu không hữu hiệu. Đâu có cần phải ra nghị định quốc hữu hóa hay hợp tác hóa nông nghiệp một ngày nào đó để vài năm sau lại phải bãi bỏ mới đi đến thành công ?

Đến giờ này, nước Cộng Hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một quốc gia ăn mỳ, lệ thuộc hoàn toàn vào một người bảo trợ duy nhất là Liên Xô và mọi công trình của họ.

Ở nước Việt Nam thống nhất, “có một sự thiếu thốn trầm trọng về vật chất loại tối cần thiết, và thuốc men..... Sự thiếu khả năng để giải quyết một số mục tiêu hàng đầu trong chương trình 5 năm sau cùng đã ảnh hưởng đến tất cả các khía cạnh của mọi hoạt động kinh tế. Thông thường thì họ không xử dụng đến năm chục phần trăm khả năng của các công ty. Tài nguyên thiên nhiên bị lãng phí....Môi trường đang trên đường bị phá hủy. Có nhiều triệu công nhân bị thất nghiệp hay bị thừa nhân công.....

Những nhận xét này không phải do những người dân của Miền Nam Việt Nam ở xa quê hương nhớ nhà hay do những nhà báo “tư bản”. Mà được Trường Chinh, cựu tổng bí thư đảng cộng sản Việt Nam chánh thức đưa ra, và cũng đã được các dân biểu Quốc Hội báo cáo vào tháng 12 năm 1986. Những sự cải cách kinh tế bị thất bại được quy trách trên hết cho “Ủy Ban Trung Ương Đảng, cho Chánh trị Bộ, và cho Chánh Phủ “

Những lãnh đạo đảng đã có chủ trương thống nhất, chủ trương xâm lăng và cả dân chúng Việt Nam đều là những nạn nhân đương nhiên của chủ nghĩa giáo điều. Chương trình của đảng cộng sản Đông Dương trong thập niên 30 đã dự kiến một sự thống nhất của cả ba nước ở Đông Dương. Và họ đã thực hiện. Đối với tất cả các Chánh Phủ vùng Đông Nam Á Châu, lãnh đạo Hà Nội đã trở thành những người Phổ trong vùng. Chiến xa cộng sản vẫn luôn luôn biết gây ra chiến tranh. Các chiến xa sô viết đã hoạt động ở Ba Linh (Đức), ở Prague (Tiệp Khắc) và Budapest (Hung gia Lợi). Người ta dự đoán đây là những cuộc hành quân cảnh sát để đàn áp với một quy mô rộng lớn. Không còn có thể chối cãi gì được nữa, đảng cộng sản Việt Nam là một đảng cộng sản nguyên thủy cộng thêm với một sức chịu đựng dẻo dai đến điên cuồng, họ là những người cộng sản đầu tiên với lực lượng bộ binh, thiết giáp và pháo binh nặng của họ, có cả phi cơ và trực thăng dùng võ lực quân sự xâm lăng những đảng cộng sản khác: ở Cam Bốt dùng gậy ông đập lưng ông, các đơn vị chánh quy Việt Nam giờ đây chạm trán với lực lượng du kích Khmer Đỏ, với lực lượng thân binh của Sihanouk và lực lượng của Son Sann.

Ở Hà Nội có nhiều người xác nhận là tướng Võ nguyên Giáp đã chống đối với chuyện phiêu lưu trong vũng lầy Cam Bốt. Đó là một trong những lý do để cộng sản cho ông ra rìa. Lúc đầu thì tướng Giáp đau nặng. Người kế vị ông là tướng Văn tiến Dũng, người hùng của chiến dịch Hồ chí Minh, leo lên trong hệ thống, sau đó thì ông tự rút lui – hay bị đẩy xuống theo lối Việt

Nam nhẹ nhàng không có tiếng động – sau khi cho xuất bản quyển hồi ký nên thơ của mình về sự tiến chiếm Sài Gòn . Người phụ tá của ông, tướng Trần văn Trà cũng về hưu sớm. Ông này cũng cho xuất bản một quyển hồi ký – quyển 5 trước những quyển khác, đến 10 ngàn quyển vào năm 1982, nhưng không bao giờ được tái bản ở Sài Gòn bởi vì, với một tinh thần tương đối độc lập, tướng Trà là thành viên của CPLTCHMN và ông đặt nhiều câu hỏi về một vài lý thuyết của tướng Dũng, đến cả hình ảnh hoa sen nở của ông này. Tướng Trà sống trong một chung cư với cán bộ gần Sài Gòn . Người ta còn thấy ông trong những buổi lễ kỷ niệm năm thứ mười của “chiến thắng” vào năm 1985 và ông không “có thì giờ” để cho người ta phỏng vấn ông.

Ông Phạm Hùng một chánh trị gia đã từng làm việc với tướng Trà ở Miền Nam Việt Nam trong những tháng cuối cùng trước ngày Sài Gòn bị thất thủ, bây giờ là nhân vật số 2 trong Chánh trị Bộ và là Thủ Tướng. Người số 1 là vị tân tổng bí thư Nguyễn văn Linh mà những người thân của ông gọi ông ta là Mười Cúc.

Sau 17 năm ở trại cải tạo, Nguyễn Ky về Sài Gòn và cũng như mọi người ông vượt biển. Là một người thợ sập chữ, ông sống rất chật vật tại Westminster thuộc thành phố Orange County, tiểu bang California. Ông ta còn mơ một “xã hội chủ nghĩa với một bộ mặt của con người”. Anh Tiên, con người trẻ thích ci nê, đã trở thành cận vệ của anh mình, một cực cán bộ của CPLTCHMN. Từ năm 1977, anh bạn trẻ này cũng sống ở Westmimster. Như vậy là trong sự tan rã của người Việt Nam , có một số người quốc gia cũng như những người cựu cộng sản và những người phi chánh trị . Có một số thân nhân của những người có máu mặt trong chế độ cộng sản đã rời khỏi nước Việt Nam như : các cháu gái của Trường Chinh đã ty nạn ở bên Pháp, con gái của Nguyễn hữu Thọ, Chủ tịch MTGPMN thì ở Gia nã Đại... Có quá nhiều người chối bỏ

23 năm trong 29 năm sau cùng, nhà thơ Nguyễn chí Thiện đã sống trong ngục tù hay trong các trại cải tạo. Đến tháng 6 năm 1978, ông được ân xá. Ông gom hết các tác phẩm của ông đem gởi cho tòa đại sứ Anh quốc ở Hà Nội và vì chuyện đó ông lại bị bắt và bị giam vào “Hỏa Lò” ở Hà Nội , từng được mang danh là khách sạn “Hilton Hà Nội” nơi đã từng giam giữ và tra tấn các tù binh chiến tranh Mỹ.

Thượng tá Trần bá Đoài, sau khi sửa chữa các xe vận tải để hoàn trả cho Liên Xô và Tiệp Khắc, đã bị hạ tầng công tác, vì tội “thiếu thiện chí”, bị xuống cấp thiếu úy và bị cho ra khỏi đảng. Ông trở về Trung Quốc. Ở đây ông từ khước không chịu vào Quân đội cách mạng Việt Nam, một tổ chức cách mạng Việt Nam mới do Trung Quốc dựng lên. Và từ năm 1981 ông đến được Hong Kong sau đó qua Anh Quốc.

Trong tất cả các cộng đồng người Việt trên toàn thế giới, cộng đồng người Việt ở Anh quốc hình như là một trong những cộng đồng – nói sao đây ?- buồn nhất . Người ta khó mà quên được cái nhìn say đắm của những người nông dân hai dòng máu Việt Hoa ngồi uống trà trong những căn phòng thiếu cả bàn ghế, mắt nhìn chăm chăm lên màn ảnh truyền hình mà không hiểu họ nói gì. Các nhà xã hội học đều công nhận là tất cả những người Việt Nam nhiều hay ít đều hội nhập được với đời sống mới. Hình như ở Anh quốc người ta nghĩ tới nắng ấm của mặt trời ở California , và cả đến ánh mặt trời leo lét của mùa đông ở Vịnh Hạ Long !

Bây giờ thì ông Gerald Ford ít sun soe hơn ông Richard Nixon. Một người thì nhìn thấy Sài Gòn bị thất thủ, đau khổ mà bước ra khỏi lịch sử, một người thì bám chặt lấy nhiệm vụ của một chánh trị gia quá tuổi. Lịch sử không có trả lợi tức tinh thần cho các nguyên thủ quốc gia .

Khi người ta gặp ông Kissinger ở hội quán của ông ở đường Park , thì ông Kissinger có vẻ hình như chưa được hoàn toàn trở về lại với ánh hào quang của một Bộ mà đối với ông nhiệm

vụ không bao giờ có chút Ngoại Giao nào . Có một lần ông đã nói rằng “chánh quyền là viên thuốc kích thích dục vọng ghê gớm lắm.” Ông Kissinger đã được phỏng vấn, đăng báo, tham khảo và được cả ông Gorbachev tiếp đón nồng hậu ở Mạc tư Khoa ; Ông đã nói về Việt Nam một cách trịnh trọng nhưng đôi khi trong thâm tâm cũng thấy bối rối .

Ông Graham Martin thì dường như còn cay đắng. Người ta không có cho ông một nhiệm sở nào sau khi ông rời khỏi Việt Nam . Dĩ nhiên là ông đã đến tuổi về hưu, nhưng, để có thể nhận một tòa đại sứ khác thì ông phải qua một phiên điều trần ở Thượng Viện. Người ta muốn tránh việc đó với bất cứ giá nào vì còn quá sớm.. Ở Winston-Salem, ông Martin ôm ấp những kỷ niệm của mình, lúc nào cũng vẫn đinh ninh rằng mình có lý. Sau vụ việc ở Sài Gòn ông chỉ gặp ông Kissinger có mỗi một lần, được nửa giờ. Và ông nói với một giọng khôi hài gần như chua cay :” trong 30 phút đó Henry đã nói chuyện điện thoại với nhà xuất bản James Reston hết 25 phút !”

Vào ngày lễ Giáng Sinh năm 1983, điện thoại reo ở nhà ông Martin : Ông Nguyễn văn Thiệu chúc mừng Giáng Sinh, và cam kết luôn giữ tình bạn của ông.

Ông Martin không có giao du tốt với Thomas Polgar . ông này làm việc ở La Mã (ý), Bonn (Tây Đức), Mễ tây Cơ và Hoa Thạnh Đốn , nơi đây ông kết thúc 38 năm trong nghề tình báo của mình ở CIA với chức vụ Giám đốc nha Nhân Viên. Ông Polgar không bao giờ đánh giá cao cách làm việc của ông

William Casey, người được ông Ronald Regan ưa thích và trở thành Trưởng Cơ quan Tình Báo CIA. Ông Polgar chọn nghề tham vấn ở Hoa Thạnh Đốn . Năm 1987 ông được chọn để điều tra vụ “nghe lén Iran (nguyên tác tiếng Mỹ :”*Irangate*”). Còn ông Lehmann thì đã trở thành Lãnh Sự ở Tây Đức.

Trung Ương Tình Báo CIA lên án ông Frank Snepp khi ông cho xuất bản cuốn sách “*Decent Interval*”

Ông Frank Snepp đã vi phạm bổn phận của người trừ bì và đưa ra nhiều cáo buộc chống lại chánh quyền Hoa Kỳ. Với một hành động bunn xin gương mẫu và qua những vận động pháp lý, Trung Ương Tình Báo CIA đã sắp xếp để Snepp không lãnh được tiền nhuận bút của một tác giả.. Ông là giáo sư trong một trường đại học nhỏ ở California. Ông đã từng đôi đầu đôi khi, rất lịch sự, với ông William Colby, trưởng cơ quan Tình Báo CIA vào năm 1975, trong những phiên điều trần mâu thuẫn nhau.

Những cựu nhân viên của tòa đại sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn kéo dài một sự tranh cãi lớn.

Tất cả những người Mỹ dính dấp vào sự thất thủ của Sài Gòn đều có quyền được thêm 2 tuần lễ nghỉ phép. Hầu hết đều tiếp tục nghề nghiệp ngoại giao của họ. Có một số đã được bổ nhiệm đại sứ. Rất nhiều người đã có những liên lạc với người Việt Nam ở ngoại quốc.. Có nhiều người vẫn còn cố gắng giúp bạn bè hay người quen biết được chánh thức đi ra khỏi nước Việt Nam cộng sản .

Ông Philippe Richer ở lại Hà Nội cho đến năm 1976. Ông không được ông Valéry Giscard d’Estaing ưa thích, vị Tổng Thống hay hỏi :” *Anh chàng đó là ai vậy? cái anh mà lúc nào cũng nói đi nói lại mãi có một chuyện ?*” Cảnh hữu đã để ông Richer vào tù rồi. Ông qua Ủy Ban Quốc Gia và cho xuất bản nhiều tác phẩm quan trọng liên quan đến Á Châu. Đồng nghiệp của ông ở Sài Gòn, ông Jean-Marie Mérillon, rời khỏi Việt Nam vào tháng 5 năm 1975, mơ tưởng

sẽ gặp lại ông Pierre Brochand vốn đã trở thành cố vấn Bộ Ngoại Giao, đại diện và hoạt động rất hăng say trong phái đoàn Pháp bên cạnh Liên Hiệp Quốc .

Từ Tân gia Ba, ông Patrick Hays bây giờ đang đảm nhận việc tiếp liệu cao su cho nhóm Michelin. Ông đã về chơi Sài Gòn vào năm 1987 và viếng Hà Nội lần đầu tiên.

Tất cả các nhân vật này đều nghe nói về nhau hết, hay ít nhiều đều biết nhau hay đã gặp lại nhau. Có một số đã lâu lắm rồi, đã có gặp lại anh kháng chiến quân Trần văn Bá.

Ông Anatol Dobrynine đã về Mạc tư Khoa từ tháng 4 năm 1986, hiện là thư ký của Ủy Ban Trung Ương, đặc trách về giao dịch với Tây Phương. Các nhà quan sát đã khám phá ra bàn tay của ông trong đường lối chánh trị của ông Gorbachev, và trước tiên là sự trình bày của Đổi Mới (nguyên tác : “*Glasnot*”). Là người biết tin tức rất đầy đủ, ông Dobrynine vẫn là bậc thầy trong nghệ thuật “phân tin tức”

Ai là người có trách nhiệm trong sự thất thủ Sài Gòn? trách nhiệm trong chuyện sụp đổ quá nhanh chóng chỉ trong có 4 tháng đầu năm 1975 ? trách nhiệm của một sự thảm bại còn nặng hơn sự thảm bại ở Điện Biên Phủ nữa?, bởi vì lần này, cả nước Việt Nam bị nắm gọn trong tay của những người cộng sản, hậu duệ của Hồ chí Minh . Những biến cố lịch sử quan trọng thường là sản phẩm của nhiều quyền lực, của vô số nguyên nhân hợp lại. Từ 45 năm qua, cộng sản Việt Nam đã có một mục tiêu, và một mục tiêu duy nhất . Đó là: Kiểm soát toàn bộ Đông Dương cũ. Trong cuộc chiến tranh lần thứ hai của nước Việt Nam, họ đã dùng tấm bình phong chánh trị của Mặt Trận Quốc Gia Giải Phóng , kế đó là của Chánh Phủ Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam (CPLTCHMN). Tấm bình phong này đã thường giúp họ tự che giấu bộ mặt thật của chính mình: chống đế quốc. Họ được Liên Xô và Trung Quốc vũ trang và vũ trang thật hùng hậu. Mặc dầu có những sự bất đồng, đôi lúc thật căng thẳng, giữa Mạc tư Khoa Bắc Kinh và Hà Nội , nhưng mục tiêu vẫn không thay đổi : cộng sản hóa tất cả nước Việt Nam , Cam Bốt và Lào. Đó là ý đồ to lớn mà Hồ đã rập tâm theo đuổi từ năm 1930.

Lạc lõng trong vòng tranh chấp nội bộ, bị chia rẽ vì tham vọng cá nhân, lại thường bị các cố vấn Hoa Kỳ dẫn dắt, nên cấp lãnh đạo Miền Nam Việt Nam không thực hiện được sự đoàn kết giữa dân chúng và Quân đội nhằm vào chính nghĩa quốc gia dân chủ.

Người Mỹ đã thúc đẩy Miền Nam thành lập một Quân đội chánh quy cổ truyền khi cần thiết, từ 1954 đến 1960 để chống lại du kích chiến. Trái lại, sau đó, cũng những quân nhân đó chạy theo cuộc chiến, lại đi thành lập những đơn vị chống du kích trong khi càng ngày họ càng phải đối đầu với những sư đoàn chánh quy Bắc Việt . Hơn nữa, Quân đội Miền Nam không bao giờ được độc lập. Ngay khi Quân đội chiến đấu anh dũng, họ cũng chưa được tự chủ. Họ không tin tưởng ở chính mình. Và thường thì họ không có đủ tinh thần.

Ông Clausewitz đã có nói : *Chúng ta cần nhấn mạnh rõ ràng khi nói tới sức mạnh trong chiến đấu với địch, không có gì bắt buộc ta phải hạn chế sức mạnh vật chất, Trái lại rất cần phải có sức mạnh tinh thần, , vì trên thực tế hai sức mạnh đó phải được kết chặt lại với nhau, không được rời nhau cho đến từng chi tiết nhỏ nhất cũng vậy.*”

Để trở lại lời phát biểu quá nổi tiếng này, ngay trong những năm 1973 và 1975 các đơn vị Miền Nam Việt Nam bị cột chặt với những cơ quan của Tùy Viên Quân Lực Hoa Kỳ nên không bao giờ thấy mình thật sự được “Việt Nam Hóa”

Về phần mình, các Bộ chỉ huy quân sự Hoa Kỳ ở Sài Gòn , ở Thái Lan, ở Honolulu, hay ở Ngũ Giác Đài đương nhiên bị các nhà chánh trị ở Hoa Thịnh Đốn kèm chế và giữ chặt trong

việc sử dụng vũ khí cổ truyền của mình. Quyền lực quân sự không thoát ra được sự chỉ huy của quyền lực chính trị. Đó là một điều không thể chối cãi được. Nhưng có thể nào quyền lực chính trị đòi hỏi quân lực thực hiện những chuyện không thể làm được hay không? Có thể nào người ta đòi hỏi phải đạt được chiến thắng với những phương tiện bị hạn chế, mà hoàn toàn không được mang chiến tranh đến tận đất địch hay không? Lại cũng ông Clausewitz đã nói: *“Người ta không biết đem một nguyên tắc dung hòa vào triết lý của chính chiến tranh mà không phạm phải một điều phi lý nào”*

Ở Hoa Thanh Đón, một Quốc Hội hay tránh né, làm tê liệt hay làm hư Hành Pháp. Mạng lưới truyền thông mô tả sai bét những gì họ nhận thấy từ cuộc chiến... đã làm chán nản dư luận quần chúng Hoa Kỳ vốn rất thuận lợi lúc ban đầu cho sự can thiệp vào cuộc chiến chống cộng ở Việt Nam. Tự cho mình như một anh David bé nhỏ mà phải đối đầu một anh khổng lồ Goliath, Hà Nội vận dụng hết sức ngoạn mục dư luận quốc tế và thường xuyên chiến đấu trên 3 mặt trận chính trị, quân sự và ngoại giao. Cộng sản Việt Nam có quá nhiều nhân viên, tình nguyện hay vô ý thức, điều mà Sài Gòn không bao giờ có được. Hà Nội biết cách gieo rắc sự bất hòa trong hàng ngũ địch. Trái lại bên phía những người dân chủ không được trang bị để thực hiện và theo đuổi loại chiến tranh này. Các chính thể độc tài lúc nào cũng sẵn sàng trong công tác này, dù có bị thiệt hại về nhân mạng. Ở đất nước cộng sản, không có một dư luận của dân chúng nào bắt buộc được những nhà lãnh đạo phải có sự cân nhắc vấn đề nhân ái, nhân quyền gì cả trong tiến trình lấy quyết định của họ.

Lại cũng vẫn của Clausewitz: “tai nạn và cơ may... với sự ngẫu nhiên, đều có một vai trò quan trọng trong chiến tranh” Vào năm 1974, tai nạn là vụ tai tiếng Watergate (nghe lén) đã truất hết quyền hành của Tổng Thống Hoa Kỳ, và đánh sập công trình của Kissinger ở Đông Nam Á. Sự kiện Watergate là lỗi mũi của bà Cléopâtre. Nếu ông Nixon, vốn là một nhân vật ít hấp dẫn nhưng là một nguyên thủ có tầm cỡ, còn ở lại chánh quyền, thì Liên Xô đương nhiên phải theo chủ trương hòa hoãn, trái hẳn với quyền lợi hiện hữu của Bắc Việt, dù không làm cho Bắc Việt phải từ bỏ mục tiêu tối hậu của họ, nhưng ít nhất Sài Gòn cũng không thể bị thất thủ năm 1975. Đến bây giờ người ta mới thấy rõ là cả Mạc tư Khoa và Bắc Kinh đều chưa sẵn sàng để vì Hà Nội mà phải mạo hiểm nhảy vào cuộc thế chiến thứ ba!

Về phía dân chủ, cuộc chiến Việt Nam không được phân tách kỹ lưỡng trên bình diện địa phương cũng như trong những viễn cảnh về chính trị và địa dư, để bây giờ cả Lào, Cam Bốt và Việt Nam đều là cộng sản.

Liên Hoa Kỳ có nên thay thế người Pháp ở Việt Nam sau 1954 hay không? Hẳn nhiên là không rồi, và chắc chắn không phải một mình Hoa Kỳ. Các quốc gia dân chủ khác không có gì giúp Hoa Kỳ hết. Trước khi Sài Gòn bị thất thủ vào năm 1975, các nước dân chủ như Pháp và Anh quốc, vốn đã ký tên để bảo đảm cho Hiệp Định Ba Lê năm 1973, vẫn không yểm trợ gì cho Hoa Kỳ và cho đất nước dân chủ nửa vời là Việt Nam Cộng Hòa.

Hoa Kỳ đã phải tiếp tục cuộc chiến của họ một cách riêng lẻ. Tự không cho ném bom Hà Nội, từ chối không chịu đổ bộ ngoài Bắc, tuyên bố đơn phương ngưng chiến, chấm dứt sử dụng phi cơ ném bom, chính Hoa Kỳ đã tự cột mình vào sự thất bại. Từ năm 1965 đến 1968, Tổng Thống Lyndon Johnson đã 9 lần ra lệnh đơn phương ngưng bắn, và 10 lần ngưng ném bom.

Lãnh đạo cộng sản Hà Nội đã tuyên bố là họ đã đánh bại Hoa Kỳ. Trong một ý nghĩa nào đó, Hoa Kỳ đã tự mình làm cho mình thất trận. Không có vấn đề đề nghị là họ phải dùng đến bom nguyên tử chiến thuật. Tuy nhiên người ta phải ghi nhận là Hoa Kỳ không bao giờ đã sử dụng toàn bộ vũ khí thông thường của họ trong một cuộc chiến không có tuyên bố, một cuộc

chiến dài nhất, một cuộc chiến khó hiểu trong lịch sử Hoa Kỳ, và một cuộc chiến được giới truyền thông quá “bao che” – ở phía Nam -.

Đường lối chánh trị quân sự hạn chế của Hoa Thạnh Đôn một phần được thiết lập trên những sự phân tách sai lầm về chánh trị .. Trước hết các nhà chánh trị Hoa Kỳ tin rằng Hà Nội chỉ là một thứ Bắc Kinh nổi dài. Sau đó, họ định ninh rằng nếu quân lực Hoa Kỳ và quân lực Việt Nam Cộng Hòa can thiệp vào Bắc Việt thì Trung Quốc và Liên Xô sẽ có phản ứng mạnh. Do đó không nên mạo hiểm vì Việt Nam mà phải nhảy vào thế chiến thứ ba.

Đã từ lâu rồi, có một số phân tích gia Hoa Kỳ xác nhận là Hồ chí Minh và những hậu duệ của ông ta trước tiên là những người quốc gia . Thiếu tá Archimedes Patti, đại diện cho OSS, tiền thân của CIA, đã võ trang cho một vài người trong số 300 du kích quân đầu tiên của Hồ chí Minh. Một nhóm người Mỹ mặc quân phục, thành viên của OSS, đã vào Hà Nội ngày 25 tháng 8 năm 1945, bên cạnh của các binh sĩ Việt Minh. Trong các bản phúc trình của mình, ông Patti xác nhận rằng thân binh của Hồ chí Minh “trước tiên là người quốc gia, sau đó mới trở thành cộng sản “. Vào thời điểm đó, người Mỹ xem Hồ chí Minh như một người liên lạc khả kính để tổ chức OSS liên lạc, có tên được mã hóa là “Lucius”.

Trong suốt 19 năm chiến cuộc Việt Nam lần thứ hai, người ta trình bày kế địch của Sài Gòn như là một tập hợp của quân du kích.. Không phải những du kích quân chân đất hay mang dép râu Hồ chí Minh đã vào chiếm Sài Gòn, mà là những sư đoàn chánh quy Bắc Việt võ trang hùng hậu và hàng trăm chiến xa.

Người ta nói Quân lực Việt Nam Cộng Hòa cứ thường bỏ đất vì thiếu sự can đảm. Nhưng trận chiến ở Xuân Lộc đã chứng minh cho đến phút chót là thật sự không phải như vậy.

Người ta xác nhận là đối đầu với Miền Bắc quá đạo đức, Miền Nam cứ mãi lợi trong sự tham nhũng. Dĩ nhiên cũng có trong giới Quân đội cũng như trong giới dân sự, nhưng nó không nằm trong sự giáo dục hay trong cấu trúc căn bản như ở Miền Bắc.

Người ta lập đi lập lại là Việt Nam Cộng Hòa là một chế độ độc tài. Nhưng nước Cộng Hòa Dân Chủ Việt Nam ở Miền Bắc mới là một chế độ độc tài. Ở Miền Nam chỉ 4 tháng đầu năm 1975 cũng đã đủ để chứng minh như một bức tranh là vẫn có báo chí, có Quốc Hội , có Tối cao Pháp Viện, một hệ thống Pháp lý tuy chưa hoàn hảo lắm nhưng không còn ai nghi ngờ gì là nó trên hẳn những gì người ta có thể tìm thấy được ở Bắc Việt . Những chánh trị gia ở Sài Gòn, như ông Trần văn Lắm, Chủ tịch Thượng Viện, đã từng tuyên bố là Việt Nam Cộng Hòa còn có khả năng và cơ hội phát triển các cơ chế dân chủ. Dân chủ nửa vời hay độc tài nửa vời ? chắc là chế độ chuyên quyền thì phải hơn, nhưng chế độ Miền Nam Việt Nam này vừa không có thì giờ, vừa cũng ít có thiện chí để chứng minh khả năng của mình.. Lịch sử hiện tại và lịch sử của một nước Việt Nam thống nhất, trước hết đã cho thấy là không có một chế độ cộng sản nào không tiếp tục tồn tại, không bao giờ dân chủ hóa, trừ khi tạm thời từng đoạn ngắn, có “đổi mới” hay không cũng vậy. Trái lại các chế độ chuyên quyền cánh hữu không bị mất phẩm chất. Như các nước Bồ đào Nha của ông Salazar, Tây ban Nha của ông Franco, Hy Lạp của các tướng lãnh, và gần đây nhất gần hết các quốc gia thuộc châu Mỹ La tinh đã chuyển hay đang chuyển từ Chuyên Quyền sang Dân Chủ Tự Do. Và sự trị vì của Tổng Thống Pinochet cũng được tính từng ngày.. Đó là một trong những khác biệt căn bản giữa chế độ độc tài cộng sản và chế độ chuyên quyền “cánh hữu”. Trong biến cố sụp đổ của Sài Gòn, ông Soljenitsyne đã chạm nặng cánh tả khi ông tuyên bố là người ta sẽ được tự do hơn dưới chế độ của ông Franco (Tây ban Nha) hơn là ở Liên Bang Sô Viết.. Thế nhưng đó là sự thật. Một trong những sự thật mà cánh tả không cộng sản chưa chấp nhận hay không chịu đưa vào các bản phân tích của họ. Trong số cánh tả đó có cả những người Mỹ với tính hào phóng và thiện ý của họ đã chống đến ngày 30

tháng 4 1975 giùm cho Bộ Chánh trị Hà Nội, mà lúc nào cũng tưởng rằng họ bênh vực cho CPLTCHMN vốn đòi hỏi một chế độ đa nguyên. Cũng có nhiều người Việt Nam nữa, những nhà chánh trị sa lông, vốn mê say vì tiếng đồn của cộng sản (nguyên tác :sirènes communistes) và những ý định thường được CPLTCHMN phô trương, như giáo sư Trần văn Dĩnh đã khéo trình bày .(giáo sư này dạy học rất lâu ở Hoa Kỳ, bỏ về Việt Nam theo CPLTCHMN , nhưng sau 30/4/75 mới vỡ mộng vì hai chữ “giải phóng”, nên rời bỏ hẳn đảng cộng sản Việt Nam .)

Lịch sử bắt buộc phải xét lại, nhìn thẳng vào cuộc chiến ở Việt Nam và nhìn thẳng vào giai đoạn cuối cùng về sự thất thủ của Sài Gòn .Không phải chỉ có việc chọn lựa giữa độc tài và chuyên quyền, cả hai đều không được chấp nhận . Cũng không được phủ nhận các lỗi lầm, kể cả những tội ác .. của Hoa Kỳ hay những chính phủ nối tiếp nhau ở Sài Gòn, nhưng phải bóc trần ra hết sự kiện thiếu thông tin đã khiến cho lịch sử Đông Nam Á bị bung bít trong suốt cả hậu bán thế kỷ thứ 20.

Sự chống trả của người dân Miền Nam Việt Nam cho đến ngày 30 tháng 4 1975 đã không đến nỗi vô ích.. Không có nó, nhiều quốc gia ở Đông Nam Á trong đó có Thái Lan, Mã lai Á, Tân Gia Ba... sẽ không có thì giờ để cát cánh trên phương diện kinh tế, và do đó hạn chế được những cơ may bị cộng sản cướp chánh quyền . Bây giờ thì ở Đông Nam Á Châu, không có một người dân nào dù là ở thành thị hay ở thôn quê xa xôi hẻo lánh nhất... ai ai cũng biết là chế độ cầm quyền ở Việt Nam là một chế độ công an trị, với một nền kinh tế không hữu hiệu, nhất là đối những người không được ưu đãi.

Người ta có thể biện hộ, người ta có thể đặt ra nhiều câu hỏi mà sẽ không có ai trả lời được .Điều gì sẽ xảy ra nếu Tổng Thống Woodrow Wilson tiếp ở Versailles vào năm 1919 một người dân Đông Dương mặc áo dắc-kết đến đòi độc lập cho nước Việt Nam ? Đó chính là ông Hồ chí Minh, lúc bấy giờ ông ta có thể là một người quốc gia trước khi ông nghĩ được mùi cộng sản . Trên một chục năm sau, được thuyết lê- nin-nít nhào nặn, dĩ nhiên Hồ luôn luôn và trước nhất hành động như một người cộng sản . Lương tâm của những dân tộc dân chủ hình như thay đổi theo hình học. Người ta đã phải mất 40 năm mới thấy được “ốc đảo” (nguyên tác: Goulac) ở Liên Xô, và người ta phải mất 30 năm mới nhận ra được “ốc đảo” ở Trung Cộng. Nhưng chỉ có 3 năm thôi cũng đủ để nhận ra được hiện tượng ‘tập trung cải tạo’ (ốc đảo) trên toàn cõi nước Việt Nam .

Xuyên qua cuộc chiến thứ hai này ở Việt Nam , cả hai dân tộc Hoa Kỳ và Việt Nam đã gặp nhau trong những hoàn cảnh bi đát nhất của lịch sử . Mặc dầu họ có thiện chí, dù ngây thơ hay hung bạo, người Mỹ cũng không hiểu biết gì nhiều về Việt Nam và nền văn hóa của quốc gia này. Về phần mình , người dân Miền Nam Việt Nam cũng không biết tí gì về văn hóa và thể chế của Hoa Kỳ . Trước tiên người Mỹ xuất hiện như một đạo quân chống cộng. Nhưng xuyên qua những bài diễn văn kiểu dân chủ tự do, họ đã không được dân chúng hiểu nổi. Tổng Thống John Kennedy đã có những quyết tâm quá lý tưởng và bao che cho cái chết của Tổng Thống Ngô đình Diệm. Dưới nhãn quan của nhiều người dân Miền Nam Việt Nam , Hoa Kỳ trước hết là đại diện cho bổng lộc của Trời, một loại viện trợ theo kế hoạch Marshall vô tận, về mỹ kim, về coca cola, về quần jeans, về học bổng.....

Rồi cũng phải kể đến những sự kinh hoàng của chiến tranh, một cuộc chiến được tiến hành trước hết với một niềm vui , sau đó với một sự hoài nghi ngày càng tăng cao, đôi khi với một sự vô liêm sỉ khi đối diện với những sự đau khổ và những sự tàn ác. Có rất nhiều người Việt Nam đã nhớ tới những phương thức truyền thống của chiến tranh , từ những lời khoa trương hay hùng biện của một sĩ quan sau một trận đánh, hay từ lời nói đùa đến ra nước mắt và những biểu ngữ của lực lượng đặc biệt Mỹ như :” Ném anh giết địch để kiếm tiền thì anh là một người

lính đánh thuê, nếu anh giết địch để lấy đó làm vui thì anh là một người lính tàn ác, nếu anh giết địch vì cả hai mục đích thì anh là một người lính mũ xanh của lực lượng đặc biệt”

Tổng Thống Richard Nixon đã viết là : “Việt Nam là một thảm kịch đối với người Mỹ”. Dĩ nhiên rồi, những trước hết đó là một thảm kịch và mãi mãi là một thảm kịch của người Việt Nam . Vào lúc mà Sài Gòn sắp bị cộng sản chiếm, đại sứ Graham Martin đã có nói là : “không có dễ gì để được là một người Mỹ ở Sài Gòn ” Nhưng nhất là không dễ gì được là một người dân Miền Nam Việt Nam . Đối với dân tộc Việt Nam tuyệt vời này, chiến tranh vẫn còn là một vết thương nhức nhối, một chất thuốc độc còn âm ỉ mãi mãi còn có hiệu lực

Đối với những người còn sống và được sống sót, cuộc chiến này là những kỷ niệm, là những chuyện lừa dối, là cay đắng. Người ta không thể nào quên những lời khoác lác của những người làm chánh trị , cũng không bao giờ quên sự can đảm của những chiến sĩ vô danh. Đã có quá nhiều người Việt Nam không có sống được trọn vẹn thời ấu thơ và thời niên thiếu của mình. Về nền văn minh của Hoa Kỳ, có rất nhiều người Việt còn ở Việt Nam nhất là ở vùng nông thôn, chỉ còn ghi nhớ được một vài dấu hiệu của các chiến binh Mỹ, một cây súng M.16, chất nổ C.4, hay một vài tiếng Mỹ bình dân như mama papa v.v.. mà thôi. Đây hối hận và thất vọng, các quân nhân Mỹ hiện dịch hay trừ bị đều rất ít khi muốn nói tới vấn đề “chiến tranh nhân dân” của kẻ thù cộng sản .Có nhiều người bị giết , đôi khi bị tàn sát, kể cả đàn bà, trẻ con và người già. Đối với cộng sản thì tất cả những người này đều là tiềm năng chiến đấu của họ hết. Đã có nhiều người lính Mỹ vì gan lì hay vì tức giận đã hạ sát thường dân. Họ thường tự vấn lương tâm của họ: anh bắn chết họ, điều đó sẽ làm anh bực mình. Nhưng anh sẽ càng bị bực mình gấp bội nếu anh không bắn chết họ, khi mà quả lựu đạn để trong rổ của một chị đàn bà phát nổ vào mặt anh, hay khi người bạn thân của anh giẫm lên phải một trái mìn !

Ở phương Tây, chiến tranh của cộng sản được anh hùng hóa. Người ta ít khi nói tới những cuộc tàn sát của cộng sản nhất là những cuộc tàn sát hàng loạt dân thường ở Huế hồi Tết Mậu Thân 1968, hay những cuộc tra tấn và các cuộc hành quyết trong làng, mà dĩ nhiên không có một nhân chứng Tây Phương nào; trong lúc các nhà báo Mỹ, Pháp, Anh, Ý, Đức với máy quay phim chụp ảnh sẵn sàng, bắt chập hiểm nguy nghề nghiệp lại làm chứng cho những chuyện sai trái của binh sĩ Miền Nam Việt Nam và của Hoa Kỳ .Cộng sản Bắc Việt thường khoe khoang về sự “khoan hồng” của họ . Nhưng phải đợi đến lúc các tù binh Mỹ được trở về rồi người ta mới biết được họ đã bị tra tấn về vật chất lẫn tinh thần đến như thế nào. thế những lời chứng của họ lại không được báo chí Âu Châu đăng tải. Và phải đợi đến khi cuốn phim “Trung Đội” (nguyên tác :”Platoon”) được trình chiếu năm 1987 thì người ta mới cho thấy được hình ảnh của người lính chiến Hoa Kỳ đã bị các bộ đội cộng sản đóng đinh lên thập tự giá , với đúng nghĩa của nó, như thế nào.

Ngay ở trung tâm thủ đô Hoa Thịnh Đốn, cách dòng sông Patomac không bao xa, bằng khoảng cách từ Bộ Ngoại Giao đến đài kỷ niệm của Tổng Thống Lincoln, là một trong những đài chiến sĩ trận vong gây nhiều xúc động nhất. Đài này không cao lắm, không hiên ngang , hùng vĩ, gần phân nửa được chôn xuống một bãi cỏ xanh rộng lớn. Vào mùa xuân thì chung quanh toàn hoa tu líp, lại thêm có hoa thủy tiên và anh đào Nhật Bản. Trên 70 miếng cẩm thạch đen, có khắc 58.022 tên người Mỹ bị tử trận hay bị mất tích ở Việt Nam. Rất giản dị, gần như kín đáo, “bức tường cẩm thạch đen” này không vinh danh chiến tranh.. Nó nhắc nhở người ta về “chiến tranh”, trước tiên là nó nhấn mạnh rằng chiến tranh giết người .Xa xa hơn kiệt tác rất tân thời và giản dị này một chút, chánh quyền đã cho dựng lên một tác phẩm điêu khắc cổ điển hơn, thể hiện ba người lính mà một người là da màu, mặc áo giáp chắn đạn và mang súng liên thanh.

Khi người ta đi dạo trước “bức tường cẩm thạch đen” này, người ta nghe liên tục tiếng phi cơ bay lên hay đáp xuống. Phi trường quốc gia của Hoa Thạnh Đốn ở gần đây, ngay trung tâm thủ đô Hoa Kỳ, và người ta không thể không liên tưởng tới hình ảnh của vũ điệu trên không trung của các phi cơ và trực thăng ở Tân Sơn Nhất . . ., nơi mà giờ này đang chờ đón các phi cơ Bear, những phi cơ ném bom chiến lược của Liên Xô..

Người ta hãy còn tiếp tục khắc vào “bức tường đen” các tên mới. Trên tấm cẩm thạch số 11 W người ta thấy tên của thiếu úy Richard Van de Geer. Chiếc trực thăng của anh bị Khmer Đỏ bắn rơi ngày 15 tháng 5 năm 1975, khi họ tấn công chiếc tàu Mataguez của Hoa Kỳ .

Tại Sài Gòn (nay là thành phố Hồ chí Minh) tượng đài “chiến sĩ Việt Nam”, nằm gần Quốc Hội đã bị cộng sản phá sập. Chánh quyền cộng sản đã thiết lập các đài chiến sĩ trận vong của họ ở chỗ khác.

Không còn một tượng đài nào của người lính chiến Miền Nam Việt Nam và dĩ nhiên cũng không có tượng đài nào nhắc nhở sự có mặt của người người kháng chiến mới.....

Sau một thời gian 5 năm suy nghĩ và chuẩn bị, anh Trần văn Bá, cựu chủ tịch Hội Sinh Viên Việt Nam ở Ba Lê, quá chán vì những cuộc bàn cãi suông của cộng đồng người Việt ở Ba Lê, ở Hoa Thạnh Đốn hay ở những nơi khác, anh quyết định dấn thân xa hơn, tức là về ngay Việt Nam để kháng chiến.

Ngày 6 tháng 6 năm 1980, anh bay sang Thái Lan . Từ Băng Cốc, anh đi sâu vào hoạt động bí mật ,

vào Cam Bốt và sau đó vào Việt Nam. Anh Trần văn Bá không phải là một nhà trí thức, nhưng anh đã soạn ra một triết lý chánh trị . Triết lý này nói lên được khát vọng của hầu hết người Việt Nam lúc này. Anh tự nhủ thầm rằng anh là một thành viên của chủ nghĩa “xã hội tự do kiểu Thụy Điển”. Thơ mộng và quá tự tin và liều lĩnh, anh gửi về Ba Lê một bức thơ từ thành phố Hồ chí Minh ngày 6 tháng 6 năm 1982, trong đó anh viết :

– *“Tôi vẫn mạnh khỏe, cũng cực lắm. Thật tình là quá cực, quá khổ và đói..”*

Đôi với anh Trần văn Bá, tương lai của người Việt Nam “sẽ phải do kháng chiến từ trong nước... chứ không phải từ những người chánh trị lưu vong.” Trong một bức thư khác , anh yêu cầu người ta gửi cho anh một quyển sách của ông Gérard Chaliand, nói về “chiến lược du kích chiến”... Anh không nhớ rõ tên quyển sách, nhưng bìa quyển sách có in hình của một anh Goya, “có một người bị xử bắn”.

Anh Bá đánh cuộc vào sự tan rã trong dài hạn của đảng cộng sản Việt Nam và danh xưng của đảng này. Anh tỏ ra lo lắng về sự chệch hướng có thể xảy ra của mọi cuộc kháng chiến, những nguy cơ về khủng bố, dù có hay không có đổ máu. Làm sao tay không dính máu được ? Anh thường nói với những người bạn đường của anh, một nhóm gọi là du kích rất nhỏ:

– *” Kháng chiến không cho phép ta giải quyết được hết mọi chuyện. Nó giúp mình đối diện chứ không phải quỳ gối xuống. Mình phải cố chơi trò đốt pháo bông mà chỉ với những cây nến nhỏ bé mà thôi .*

Anh đã nói với Tòng, người anh của mình khi Tòng đến gặp anh tại biên giới Thái Lan nửa cười nửa sầu muộn:

– ” Tôi đang đập các hòn sỏi ra để vá Trời....

Mặc dầu có một cái bốt màu rượu chát đỏ trên màn tang làm cho người ta dễ nhận ra mình, nhưng anh vẫn cứ đi khắp Miền Nam Việt Nam đang bị cộng sản chiếm đóng, có đôi khi anh còn quá giang trên xe Jeep của Quân đội cộng sản nữa.

Không biết vì khinh suất hay vì bị phản bội, anh bị bắt với những đồng đội của mình vào tháng 9 năm 1984, có thể là vào ngày 11.

Ra tòa, Trần văn Bá bị ghép vào tội phản bội tổ quốc, cùng với anh Mai văn Hạnh, người cựu phi công, một trong hai người đã đến Sài Gòn vào những ngày sau cùng trước khi Sài Gòn bị thất thủ, để cố thuyết phục Tổng Thống Dương văn Minh nên trao quyền lại cho cựu Thủ Tướng Trần văn Hữu.

Chánh quyền cộng sản muốn có một tiếng vang lớn nên mời các nhà báo ngoại quốc đến dự phiên tòa . Phiên tòa được xử ở nhà hát Tây, trước khách sạn Continental , ngay trung tâm thành phố. Biên bản được đọc lên ngày 18 tháng 12, gồm có 29 mục hơi rời rạc, nhất là phần cáo giác chánh quyền, nêu lên những khó khăn ở Miền Nam Việt Nam đầy rẫy công an khắp nơi, nhồi nhét ý thức hệ, tra tấn và hành hạ người ở các trại tù lao động khổ sai nhưng không cải tạo được ai. Các lãnh đạo đảng cộng sản đã rập khuôn theo các phiên xử kiểu sít ta lín nít, tức là không cho các bị cáo có quyền lên tiếng, các cuộc tranh cãi không có chút gì mâu thuẫn với nhau và cả 21 bị cáo đều có luật sư do chánh quyền chỉ định, rất lạ lùng, vì họ xác nhận là tội trạng đã quá rõ ràng với những bằng chứng không thể chối cãi được .Các luật sư cũng có giải thích là các bị cáo không biết chính xác tình hình ở nước Việt Nam cách mạng và yêu cầu Tòa hãy có một bản án khoan hồng. Có một đoạn nào đó của phiên tòa được đưa lên truyền hình.

Bị cáo Mai văn Hạnh, hộc hác và kiệt sức, khai rằng:

– ” Tôi hiểu những hoạt động của tôi là tiêu cựcTôi là một đồng lõa với Trung Quốc và Thái Lan....Tôi thành thật hối lỗi...

Tất cả những sự thú tội bị cưỡng ép, được đọc đi đọc lại cho bị cáo viết . được cái lưỡi gõ phát âm lên lại từ đầu đến cuối. Mạc tư Khoa (Liên Xô), Prague (Tiệp Khắc), BudaPest (Hung gia Lợi), Tirana, Sài Gòn : sai trái, giết người , công lý, khủng bố đều giống nhau hết. người ta còn ở quá xa đối với chuyện hòa hợp và hòa giải đã được mỗ ma CPLTCHMN từng hô hào.

Anh Trần văn Bá là một bị cáo thứ hai trong vở kịch được dàn dựng quá dở này, một vở kịch chánh trị hơn là một màn pháp lý. Các bị cáo bị buộc tội là đã “*chuẩn bị bắt cóc các nhân viên lãnh sự quán và những kỹ thuật gia người Pháp*“, một việc quá đỗi phi lý , vị tất sẽ xảy ra vì không thể nào họ thực hiện được .

Tòa đã khoan hồng theo lời yêu cầu của các luật sư, với 5 án tử hình, trong đó có anh Trần văn Bá. Anh đã từ chối không ký tên vào đơn xin ân xá.

Hào phóng một cách rất tự nhiên, anh Bá đã nói với quan tòa :

– ” Tôi rất tiếc là đã gặp ông trong những hoàn cảnh quá khó khăn này !

Và đây là lời nói cuối cùng rất nặng của anh Bá trước phiên tòa:

– “*Một người bạn ngoại quốc đã có nói : Khi người ta mất niềm tin rồi, thì người ta sẽ mất tất cả..*”

Một chiến dịch của thế giới xuất phát từ Ba Lê có lợi cho các bị can, đã làm cho Hà Nội cáu lên trong bối rối . Tán cách lỗ lã về pháp lý của phiên tòa được chiếu trên truyền hình và phổ biến khắp Tây Phương cũng như Đông Phương... đã làm rơi bộ mặt của chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam thống nhất. Xuyên qua phiên tòa, đã có một hậu quả tai hại không lường được ; có những người cộng sản Việt Nam đã tung ra một ý kiến :

– “*ở Việt Nam đã có một cuộc kháng chiến đầu tiên, chống Pháp, sau đó là một cuộc kháng chiến thứ*

hai, chống Mỹ, bây giờ hơn 10 năm sau khi Sài Gòn bị thất thủ, lại có một cuộc kháng chiến thứ ba

nổi lên, – khó mà phân tích và định lượng được – lần thứ ba này thì chống cộng sản “.

Bản án chắc chắn là sẽ làm cho những người Việt Nam tại chỗ khiếp đảm. Nhất là nó cũng báo động cho dư luận quốc tế vốn đang cổ vũ Việt Nam . Cuộc kháng chiến thứ ba này không thể ghép vào với những hoạt động ba hoa và hỗn độn của các nhóm người tỵ nạn trong các cộng đồng Việt Nam ở Pháp hay ở Hoa Kỳ.

Ở phía trước cửa nhà hát – tòa án thành phố Hồ chí Minh (nguyên tác: “théâtre-tribunal”), chánh quyền chất đồng một số vũ khí đã tịch thu được, để cáo buộc một sự phản bội cao độ của các bị cáo.. Do đó có một câu hỏi được nêu lên : “*Nếu Trần văn Bá và những bị cáo khác chuyên chở xuyên qua Miền Nam Việt Nam quá nhiều súng trường, súng lục, súng liên thanh và lựu đạn .. như thế này, thì tất nhiên họ phải có nhiều sự ủng hộ, và nhiều hệ thống.*”

Bà mẹ của anh Trần văn Bá đến nước Pháp, yêu cầu được tòa đại sứ của nước Cộng Hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tiếp. Đại sứ là đại tá Hà văn Lâu, một trong những nhân vật đầu não của phái đoàn Bắc Việt ở Ba Lê tháng 5 năm 1968, và của “chi bộ tấn công ngoại giao” ở Hà Nội năm 1975, đã từ chối không chịu tiếp người đàn bà già nua này.

Chánh Phủ Pháp xin ân xá được ông Mai văn Hạnh, vốn là người đã có một giấy thông hành Pháp, điều mà anh Trần văn Bá không có .

Ngày 8 tháng 1 năm 1985, dựa trên một bài báo xuất bản ở Sài Gòn , một điện tín đã loan báo là anh Trần văn Bá đã bị hành quyết. Tuyệt đối không thấy có một bằng chứng cụ thể nào của sự hành quyết này. Chánh quyền cộng sản không chấp nhận hoàn trả lại thi hài. Các nhân chứng đã tham dự vào cuộc hành quyết ngày 9 tháng giêng ở nghĩa trang Quân đội Thủ Đức, cách thành phố Hồ chí Minh 15 cây số.. Các nạn nhân bị trùm kín mặt bằng một mũ trùm đầu. Theo một số người thì anh Trần văn Bá đã chết vì bị tra tấn . Với những người khác, thì anh Bá có thể sẽ không đến đổi phải bị xử bắn.

Do đó, cộng sản Bắc Việt đã đưa Trần văn Bá đi vào một truyền thuyết gần như luôn luôn đơn giản và có tính phi nhân. Có một số người Việt Nam còn trẻ thuộc thế hệ mới, xuyên qua nước Việt Nam và xuyên qua sự ly tán của dân tộc, đã biết ơn anh Trần văn Bá. Có những bài báo Việt Nam ở ngoại quốc đã cho anh Bá đứng bên cạnh ông Kinh Kha của nước Tàu. Hai ngàn năm về trước, ông tráng sĩ này đã đi trừ khử một bạo chúa, người đã cho dựng lên Vạn Lý Trường Thành, người đã đốt sách, người đã giết hết trí thức và các quan lại. Người ta cũng đã ví anh Trần văn Bá với một chiến sĩ chống thực dân, đã bị người Pháp xử tử hình mà nhất quyết

đòi cho anh được nằm ngửa , khi anh tuyên bố :”Tôi muốn được nhìn Trời.” nhưng thực ra là để có thể nhìn thấy máy chém rơi xuống cổ mình. Điều càng gây thêm bức tức cho những người lãnh đạo ở Hà Nội là có nhiều bình luận gia người Việt Nam đã không ngần ngại xem anh Trần Văn Bá như “một ông Hồ chí Minh mới, một ông Hồ chống cộng. “

Anh Trần Văn Bá, cũng như một số kháng chiến vô danh khác, có phải là một người theo chủ nghĩa thực tế, hay theo một lý tưởng chủ nghĩa ? Có phải anh là một vị anh hùng, hay một người đã chịu hy sinh vì lý tưởng một cách vô ích ? Anh rất tin tưởng ở giá trị của dân chủ Tây Phương. Các sự tự do mà những người mác xít lê ni nít, sít ta li nít của Hà Nội đã cho đó chỉ là hình thức.nhưng anh Trần Văn Bá đã tin tưởng chính đó mới là thực tế nhất. Cuộc tranh đấu mà anh đã dẫn thân vào và những người khác đang tiếp tục, liệu có phải là một ảo ảnh vô vọng hay là một sự đánh cuộc đáng kính, đáng lĩnh hội, và đáng được giúp đỡ ?

Khi người ta lưu ý những nhà tranh đấu người Việt Nam rằng cho tới giờ này khi đã trở thành cộng sản rồi không một quốc gia nào chịu buông bỏ con đường cộng sản của mình, thì những người này trả lời ngay rằng;

– ” Chúng tôi cũng biết. Nhưng về địa dư thì nước Việt Nam bây giờ ở quá xa với Liên Xô. Về phía Bắc thì Việt Nam phải đối đầu với một kẻ thù truyền kiếp là Trung Quốc. Cảnh dân sự và cảnh quân sự đều chán nản, bại hoại, bi quan. Đối với chúng tôi , không phải chỉ bằng chiến đấu quân sự. Nhất là chúng tôi tranh đấu về chánh trị . Sớm hay muộn gì dân tộc Việt Nam cũng sẽ nổi dậy. Năm năm, mười năm, có lâu gì đâu trong lịch sử Việt Nam . Không có gì không thể lật ngược lại được hết, kể cả chủ nghĩa cộng sản .

Trước cũng như sau ngày Sài Gòn bị thất thủ, trong suốt tháng tư nguyệt ngã năm 1975, và ngay bây giờ đây, hy vọng của người Việt Nam , dù là cộng sản hay quốc gia , dù theo cánh tả hay cánh hữu ... đều tìm cách dấu kín số phận của mình, nhưng không bao giờ thiếu kiên trì và tự tin, đầy hy vọng và anh hùng tính.

Trong tất cả các chế độ cộng sản , liệu chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam sẽ là chế độ đầu tiên cầu xin được tha thứ ??

Tháng 11 năm 1987,
Olivier Tood

Dịch xong tháng 4 năm 2004
Dương hiếu Nghĩa